

BALZAC



TÂN TRÒ ĐỜI

LA COMÉDIE HUMAINE



THẾ GIỚI



Service Culturel et de Coopération
Ambassade de France à Hanoi

TẤN TRÒ ĐỜI

Tập 11

Cet ouvrage, publié dans le cadre du programme de participation à la publication, bénéficie du soutien du Centre Culturel et de Coopération de l'Ambassade de France en République Socialiste du Vietnam.

Cuốn sách này được xuất bản trong khuôn khổ của chương trình hợp tác xuất bản, với giúp đỡ của Trung tâm Văn hóa và Hợp tác Đại sứ quán Pháp tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

© Nhà xuất bản Thế Giới, 2001
46 Trần Hưng Đạo
Hà Nội - VIỆT NAM
Imprimé au Vietnam
VN - TG - 97107 - 0

BALZAC

TẤN TRÒ ĐỜI

Tập 11

Chủ biên : LÊ HỒNG SÂM

Biên soạn : ĐẶNG ANH ĐÀO

ĐẶNG THỊ HẠNH

ĐỖ ĐỨC HIỂU

LÊ HỒNG SÂM

PHÙNG VĂN TỬU

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

Hà Nội - 2001

CÁC DỊCH GIẢ CỦA TẬP NÀY:

Nguyễn Văn Chính (*Ông anh họ Pons*)

Nguyễn Văn Đoan (*Những người tiểu tư sản,
Mặt trái của lịch sử hiện đại*)

Phạm Đức (*Những viên chức,
Những diễn viên không tự biết*)

Nguyễn Thị Nam (*Gaudissart II*)

Nguyễn Thị Thìn (*Một tay làm ăn kinh doanh,
Một ông hoàng của giới lưu đãng*)

Bìa 1: Chân dung Balzac năm 1842 (Sơn dầu của Bisson).

Bìa 4: Một trang in thử tác phẩm *Béatrix* do Balzac tự tay chữa và bổ sung.

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM ÔNG ANH HỌ PONS (*LE COUSIN PONS*)

NGUYỄN VĂN CHÍNH

Ông anh họ Pons (*Le cousin Pons*) ra đời sau khi Balzac đã lập danh mục các tác phẩm sẽ có mặt trong bộ Tấn trò đời (1845). Nó được xem là một trong những kiệt tác của Balzac.

Balzac có ý định viết về đề tài này từ tháng 6 năm 1846, nhưng dự kiến ban đầu chỉ là viết một truyện ngắn. Sau thành công của tác phẩm Bà chị họ Bette¹, sau nhiều lần trở, viết đi viết lại nhằm phát triển nội dung và thay tên tác phẩm với mong muốn đạt tới tầm khái quát xã hội rộng lớn hơn, lại được bà Hanska cổ vũ, gợi ý trực tiếp, cuối cùng, tháng 11 năm 1846, Balzac cho đăng dần trên báo *Le Constitutionnel* tiểu thuyết Ông anh họ Pons trong khoảng thời gian từ 18 tháng 3 đến 10 tháng 5 năm 1847.

Trên tờ báo ấy, cũng như về sau trong những lần xuất bản thành sách, Ông anh họ Pons được xem là phần thứ hai của bộ đôi tiểu thuyết về Những người bà con nghèo, sau phần thứ nhất mang tên Bà chị họ Bette. Điều đó cho thấy rõ là trong ý định của Balzac, Ông anh họ Pons không phải là một tác phẩm hoàn toàn độc lập, riêng lẻ. Bên cạnh Bà chị họ Bette, Ông anh họ Pons hoàn chỉnh thêm bức tranh về Những người bà con nghèo, vẽ nên một trong Những cảnh đời Paris, góp một phần vào Khảo cứu phong tục của bộ Tấn trò đời đồ sộ.

1. Xem Tấn trò đời, Tập 10, Nxb Thế Giới, Hà Nội 2000.

Như tên tác phẩm đã chỉ rõ, Ông anh họ Pons trước hết là câu chuyện về một người bà con, một con người cụ thể – Sylvain Pons. Pons thuộc loại nhân vật bình thường, lương thiện, có chút tài năng, tốt bụng, có những đam mê khác thường về nghệ thuật, và cũng có cả một vài tật xấu nhỏ như hầu hết những con người bình thường khác trong cuộc đời. Pons cố nén mình để thích ứng với xã hội ở Paris, để luôn luôn được thỏa mãn cái miệng thích ăn ngon, để thỉnh thoảng được lặng ngắm những kiệt tác của hội họa. Pons được mọi người ở nơi làm việc nể vì, kính trọng và có thời kỳ, được xã hội thượng lưu chào đón. Pons cũng có khát khao về hạnh phúc, những ước mơ thật giản dị mà xa vời: một gia đình nhỏ với vợ, với con, được cái nhóm người bé bỏng ấy yêu thương trong một xóm xinh của Paris hoa lệ. Nhưng Pons lại nghèo và xấu khiến nỗi bất hạnh tăng lên gấp ba, bốn lần. Cô đơn, lạc lõng giữa vòng vây trùng điệp của ghẻ lạnh, miệt thị, hằn thù, chà đạp, xâu xé, trên ngưỡng cửa của cái chết, Pons đành cay đắng thú nhận thất bại: “Chúa đã không cho tôi cuộc đời như tôi hằng mơ ước...”. Pons chỉ có một niềm an ủi muộn màng vào lúc cuối đời là tình bạn thánh thiện của Schmucke, dấu cho tình bạn ấy trong trắng quá, ngây thơ quá, lý tưởng quá, không giúp được gì cho Pons trong cuộc chống trả cái ác đang bủa vây, đang hau háu nhòm vào cái gia tài kếch xù của họ – cái bảo tàng đồ sưu tập mà chủ nhân của nó chỉ coi trọng những giá trị tinh thần. Tình trạng ốm yếu và cái chết thảm của Pons là đỉnh điểm những bi kịch của cá nhân Pons, đồng thời cũng là cơ hội để toàn bộ những người xung quanh Pons bộc lộ hết bản chất và tính cách của họ mà nét phổ quát là hám lợi và có gan nhúng tay vào tội ác để kiếm lợi.

Gắn bó với Pons như hình với bóng là Schmucke – một nhạc công già cũng nghèo, cũng cô đơn, cũng có tâm hồn như Pons, thậm chí còn ngây thơ hơn, cả tin hơn, yêu bạn hơn cả bản thân mình. Schmucke đến với Pons làm chỗ dựa tinh thần cho Pons, để truyền thêm sức sống cho Pons, để cứu Pons khi Pons lặn ra bất tỉnh trên

sản. Nhưng do cái “tặng” của mình, Schmucke không thể có một kết cục nào khác khi Pons đã vĩnh viễn ra đi, ra đi trong sự lạnh lùng đến ghê sợ của hầu hết những người xung quanh, kể cả những người thân thích. Có lẽ chính vì mối quan hệ khăng khít giữa hai nhân vật Pons và Schmucke mà ta hiểu vì sao có lúc Balzac đã định đặt tên cho tác phẩm này của mình là: Hai nhạc sĩ.

Ông anh họ Pons còn là câu chuyện về cuộc sống ở Paris sau Cách mạng tháng Bảy. Xã hội Paris, những kẻ đã đẩy Pons và bạn Pons vào bi kịch là những ai? – Là bà chánh án Camusot khô gầy, quắt queo vì những tham vọng chính trị và của cải. Là gã Fraasier mượn áo pháp luật để phạm pháp một cách bỉ ổi nhằm thỏa mãn dục vọng. Là “Con dao tách vỏ sò” xinh đẹp – cụ Cibot nói như thác cuốn và nấu nung những mưu toan tảo tợn. Là tên buôn đồ cũ Rémonencq giấu mặt để cướp của, giết người và cướp vợ người. Phụ họa với chúng, ở vòng ngoài, là những cụ Sauvage tưởng như đàn ông, mặt như mặt lính, người mới gặp nhắc trông đã sợ hết hồn; lão Do Thái Élie Magus đánh hơi các tác phẩm hội họa như quạ đánh hơi xác chết. Bọn chúng hiện lên dưới mắt Schmucke như bầy ác thú – những con người có bộ mặt hổ báo với cái nhìn lúc thì “đỏ như máu”, lúc lại như “cái nhìn của loài rắn độc”. Ngoài ra, Paris còn là kẻ không có diện mạo riêng, nhưng có mặt ở khắp nơi để xoi mói mỗi người, mỗi việc nhằm thỏa mãn thói tò mò, tọc mạch; có tai để nghe ngóng mọi chuyện riêng rư, nhất là những chuyện có thể lợi dụng làm giàu; có miệng để loan truyền, bình phẩm, thù ghét những chuyện ngòi lê đôi mách. Tóm lại, cuộc sống ở Paris, vào thời điểm trên, không phải là chỗ thích hợp cho tài năng, nhân cách, trái tim – nhất là khi người ta lại nghèo và xấu. Nói cho đúng, những tấm lòng thơm thảo như Topinard không phải là không có, song quá hiếm. Và lại, thân phận thấp hèn của họ, mối lo cơm áo hằng ngày của họ không cho phép họ làm những điều họ mong muốn.

Pons lọt vào giữa Paris như quả trứng nằm dưới bánh xe chỉ đến lúc bị nghiền nát không thương tiếc, Pons mới thấy rõ toàn bộ sức nặng tàn bạo của cái xã hội kia – cái xã hội mà Pons đã cố gắng chịu đựng suốt mấy chục năm trời để duy trì cuộc sống không ra sống. Chính vì vậy, dù muốn hay không, Pons cũng đã trở thành nhân vật bổ sung vào Tấn trò đời muôn mặt, và tác phẩm cũng đã trở thành một cảnh không thể thiếu được trong toàn bộ tấn kịch dở khóc dở cười vĩ đại trên.

ÔNG ANH HỌ PONS (*LE COUSIN PONS*)

Vào khoảng ba giờ chiều một ngày tháng Mười năm 1844, một người đàn ông trạc lục tuần – song ai cũng cho là tuổi còn phải cao hơn thế – đi dọc theo đại lộ Italiens, mũi dấn xuống đường, môi nở nụ cười giả đạo đức, như anh nhà buôn mới kết thúc một áp phe tuyệt diệu, hoặc như chàng thanh niên hài lòng với chính mình khi bước chân ra khỏi một biệt thất của phụ nữ. Ở Paris, đó là biểu hiện lớn nhất của sự thỏa mãn cá nhân bộc lộ ở người đàn ông. Thấy ông già từ xa, những kẻ ở đấy ngày ngày ngồi trên ghế mãi mê với thú phân tích những khách qua đường, tất cả để lộ ra trên nét mặt nụ cười đặc biệt của những người ở Paris – nụ cười nói lên biết bao nhiêu điều mỉa mai, giấu cợt hoặc trác ẩn, nhưng, để làm sống động bộ mặt người dân Paris vốn đã chán mọi cảnh tượng có thể diễn ra, họ lại đòi hỏi những kỳ vật sống động. Một câu nói sẽ làm cho người ta hiểu, cả giá trị khảo cổ học của ông già kia, cả cái cố của nụ cười lặp đi lặp lại như tiếng vọng trong tất cả mọi con mắt. Người ta hỏi Hyacinthe, một diễn viên nổi tiếng vì những trò dí dỏm, anh ta đặt làm những chiếc mũ ở đâu mà cứ trông thấy chúng, cả nhà hát lại phải phì cười. Anh đáp: “Tôi có đặt làm chúng đâu, tôi chỉ giữ chúng lại đấy thôi!”. Này! Trong hàng triệu diễn viên hợp thành kịch đoàn lớn ở Paris, có những Hyacinthe giữ lại ở mình tất cả những cái lỗ bịch của một thời mà không biết, và họ xuất hiện trước các bạn như hiện thân của cả một thời đại để làm bật ra ở các bạn một chút vui cười khi các bạn vừa dạo bước, vừa nghiền ngẫm một

nổi buồn cay đắng nào đấy, do sự phản bội của một người nguyên là bạn gây nên.

Khi cách ăn mặc còn có một số chi tiết nhất nhất trung thành với mốt của năm 1806, người qua đường kia gọi lại thời Đế chế mà chẳng đến nổi quá lỗ lã. Đối với những người quan sát, sự tinh tế ấy làm cho những loại gợi nhớ như thế trở nên cực kỳ đáng quý. Nhưng toàn bộ những điều vật vãnh ấy lại đòi hỏi một sự chú ý mở xẻ mà những người rong chơi lọc lõi đã được phú cho; và để gây cười từ xa, thì khách qua đường phải phô ra được một trong những thứ quái dị đập ngay vào mắt, như người ta vẫn thường nói, những thứ quái dị mà các diễn viên thường tìm kiếm để đảm bảo kết quả ngay *khi bước ra sân khấu*. Ông già kia, khô khan và gầy guộc, khoác một chiếc spencer¹ màu hạt dẻ ra ngoài bộ quần áo màu xanh lục có khuy cài bằng kim loại trắng!... Một con người vận spencer, vào năm 1844, các bạn thấy không, thật y như Napoléon hạ cố sống lại trong hai giờ đồng hồ!

Như cái tên của nó đã chỉ ra, cái áo spencer được sáng tạo do một ngài chắc hẳn là tự hào với cái vóc dáng đẹp đẽ của ông ta. Trước hòa ước Amiens, cái ông người Anh ấy đã quyết định vắn đề che nửa mình trên mà không làm hại đến tấm thân do sức nặng của cái áo carich² khủng khiếp đó, cái áo mà ngày nay chỉ còn ở trên lưng những ông già đánh xe ngựa thuê; song vì những dáng người thanh tú thuộc số ít, mốt áo spencer cho đàn ông ở Pháp chỉ có một kết quả thoáng qua, dù cho đấy là một sáng tạo của Anh. Trông cái áo spencer, những người từ bốn mươi đến năm mươi tuổi tưởng tượng thấy cái ông kia đi ủng da lật ngược, mặc một chiếc quần cộc vải chéo len màu xanh ánh hồng thắt nơ bằng những dải băng, và họ thấy lại mình trang phục như hồi còn trai trẻ! Những bà già thì nhớ lại những cuộc chinh phục của mình! Còn những chàng trai trẻ thì

1. Áo khoác ngắn.

2. Carrick: rodanhgôt có nhiều lớp phủ vai.

tự hỏi vì sao cái ông lão Alcibiade kia lại xén đi mất cái đuôi áo choàng của mình. Tất cả ăn khớp với cái áo spencer ấy đến nỗi các bạn sẽ chẳng ngăn ngại gì mà gọi ngay cái vị qua đường ấy là một con người – Đế chế, cũng như người ta nói một đồ đạc – Đế chế; nhưng ông ta chỉ tượng trưng cho Đế chế đối với những người đã biết đến cái thời đại đẹp đẽ, tráng lệ ấy, ít ra là đã *được mục kích*; vì về mặt thời trang, cần phải có một sự trung thành nào đấy đối với những kỷ niệm Đế chế đã xa chúng ta đến mức không phải tất cả mọi người đều có thể hình dung ra nó trong thực tế Gôlr – Hy Lạp của nó.

Cái mũ đội lật về phía sau để lộ gần hết vầng trán với vẻ bướng bỉnh mà những nhà chức trách và những người dân thường hồi đó dùng để đáp lại cái bướng bỉnh của binh lính. Vả lại, thật là một thứ mũ lụa kinh khủng giá mười bốn phơ-răng với những vành mũ phía trong in vết trắng trắng của những cái tai cao, to, những vết đã được hoài công chải đi. Lốp lụa dán vụng, như vẫn thường thế, trên cốt giấy bồi, răn rúm lại thành nếp ở một vài chỗ, dường như bị sản sùi do bệnh phong, mặc dầu bàn tay sáng nào cũng nắn vuốt lại.

Bên dưới chiếc mũ có vẻ sắp rơi ấy, phơi ra một bộ mặt nực cười, kỳ cục như chỉ có những người Trung Quốc mới biết sáng tạo ra như vậy cho những ông phổng của họ. Cái mặt bè bè ấy, lỗ chỗ như cái muôi hót bột, từ những lỗ hắt ra bóng tối, và được đục trở lại như một chiếc mặt nạ La Mã, bác bỏ mọi quy luật của khoa giải phẫu. Nhìn vào không cảm thấy ở đây có bộ khung sườn. Nơi mà lẽ ra phải có xương thì ở đây chỉ thấy da thịt *lầy nhầy*; nơi mà các khuôn mặt thường hõm lại, thì ở đây lại là những cục bướu mềm nhão. Cái mặt kỳ dị ấy, bẹp dí theo dạng quả bí ngô, trông buồn buồn vì cặp mắt xám, nhô lên trên là hai đường đỏ thay cho lông mày, được một cái mũi theo kiểu Don Quichotte án ngữ, khác nào cánh đồng bị một tảng phiêu nham chế ngự. Cái mũi ấy biểu thị, như Cervantès chắc đã nhận thấy, một thiên hướng bẩm sinh tận tâm đối với những sự việc lớn lao, biến chất đi thành sự dối lừa. Vẻ xấu xí

ấy, trông đến là nực cười, tuy nhiên, lại chẳng gây cười được chút nào. Nỗi u sầu quá đáng trào ra qua đôi mắt nhợt nhạt của con người đáng thương ấy, xâm chiếm kẻ chế nhạo và làm băng giá lời đùa cợt trên môi y. Người ta nghĩ ngay rằng tự nhiên đã ngăn cấm con người ấy biểu lộ tình âu yếm, nếu không sẽ làm cho phụ nữ phá lên cười hoặc gây đau khổ cho họ. Người Pháp im lặng trước nỗi bất hạnh ấy, đối với họ có vẻ đấy là nỗi bất hạnh tai ác nhất: không thể làm cho người ưa được!

Con người bị tự nhiên ghét bỏ kia ăn mặc như những kẻ nghèo lương thiện có giáo dục, mà những kẻ giàu có thường bắt chước. Ông ta đi đôi giày giấu kín dưới những chiếc ghệt, làm theo mẫu giày của đội ngự lâm, và chắc hẳn chúng cho phép ông dùng đôi bít tất trong một thời gian dài mới phải thay. Chiếc quần dài của ông bằng dạ đen ánh lên màu đo đỏ, và trên những nếp gấp, những đường trắng hoặc nhẵn bóng, chẳng kém gì cách may, xác định rằng thời gian mua đã là ba năm. Bộ quần áo rộng che giấu khá vụng về tấm thân gầy guộc bắt nguồn từ thể trạng hơn là chế độ ăn uống kham khổ như Pythagore; vì ông già, được phú cho một cái miệng đầy nhục cảm với đôi môi dày, trong lúc cười để lộ ra những chiếc răng trắng như răng cá mập. Chiếc gilê có khăn choàng vai, cũng bằng dạ đen, nhưng mặc trùm một chiếc gilê trắng mà dưới nó, ở lớp thứ ba lấp lánh đường viền của một chiếc áo dẹt kim màu đỏ, làm ta nhớ đến năm chiếc gilê của Garat¹. Một chiếc cavat to kềch xù bằng vải mútxolin mà chiếc nơ cầu kỳ đã được một anh Đẹp trai tìm ra để quyến rũ *những người phụ nữ duyên dáng* năm 1809, nó vượt quá cảm đến nỗi làm cho bộ mặt hầu như ngụp trong đó như trong một vực thẳm. Một sợi dây lụa đen giả làm tóc vắt qua sơ mi và bảo vệ chiếc đồng hồ chống lại một vụ ăn cắp vị tất đã xảy ra. Chiếc áo màu lục nhạt sạch sẽ tinh tươm, so với chiếc quần dài, tính

1. Pierre-Jean Garat (1764 – 1823) ca sĩ nổi tiếng, thường bị người đương thời chê là ăn mặc quá cầu kỳ.

ra cũ hơn đến ước chừng ba năm; nhưng cái cổ áo bằng nhung đen và bộ khuy kim loại màu trắng mới thay chúng tỏ gia đình chăm sóc hết sức chu đáo tỉ mỉ.

Cái cung cách giữ mũ lại trên chòm đầu, ba lớp áo gilê, chiếc cavát to tướng mà cái cầm đã lút vào, bộ ghệt, những chiếc khuy kim loại trên bộ y phục xanh nhạt, tất cả những dấu tích của một thời Đế chế ấy hòa hợp với mùi hương cổ lỗ của thói đom đống của nhóm Thanh niên lơ lãng, hòa hợp với cái gì đó tử mẫn trong các nếp ly, với cái gì đó đúng đắn và khô khan trong tổng thể, nó toát lên trường phái David, nó gợi nhớ đến những đồ đạc mảnh khảnh của Jacob. Kể ra thì mới thoát nhìn, người ta đã nhận ra một con người được giáo dục tốt bị một thói xấu kín đáo nào đấy giày vò, hoặc một trong những người sống bằng số thực lợi nhỏ bé mà mọi sự tiêu pha đều được quy định rõ ràng bởi mức thu nhập ít ỏi, đến nỗi một ô kính vỡ, một chiếc áo rách, hay bệnh dịch từ thiện của một cuộc quyên góp, cũng gạt bỏ mất những thú vui nhỏ nhặt của họ trong một tháng. Nếu các bạn có mặt ở đấy, thì các bạn sẽ tự hỏi tại sao nụ cười lại làm sống động bộ mặt thô kệch mà biểu hiện quen thuộc phải là buồn bã, lạnh lùng, cũng như bộ mặt của tất cả những kẻ vật lộn âm thầm để giành được những nhu cầu tầm thường của cuộc sống. Nhưng khi nhận thấy ông già kỳ cục kia dùng bàn tay phải hết sức nâng niu giữ lấy một vật miễn nhiên là quý giá dưới hai vạt áo bên trái của bộ y phục kép, để tránh cho nó những va chạm bất ngờ, nhất là khi nhìn ông ta có cái vẻ bận rộn của những kẻ nhàn rỗi khi phải gánh vác một công việc, các bạn sẽ ngỡ là ông ta đã tìm thấy cái gì đó tương xứng với một con chó xù của một bà hầu tước và đã đắc ý mang nó về, với vẻ tình tứ vồn vã của một con người – Đế chế, cho người phụ nữ duyên dáng sáu mươi tuổi chưa biết chối từ cuộc thăm viếng thường ngày của *anh chàng chuyên cần* của bà. Paris là thành phố duy nhất trên thế giới mà các bạn gặp những cảnh như vậy, nó biến những đại lộ của nó thành một tấn trò liên tục cho những người Pháp diễn không thu tiền, có lợi cho Nghệ thuật.

Theo cái bộ dạng của con người xương xẩu ấy và bất kể cái áo spencer táo tợn của ông ta, các bạn sẽ khó mà xếp ông ta vào hàng những nghệ sĩ Paris, bản tính ước lệ mà đặc quyền – khá giống đặc quyền của chú nhóc Paris – là làm thức dậy trong trí tưởng tượng của dân chúng giả những sự vui nhộn lạ kỳ nhất, bởi vì người ta đã lại biểu dương cái từ cổ lỗ buồn cười ấy. Tuy nhiên, vị khách qua đường đó là một người đã đoạt giải thưởng lớn – tác giả bản cangtat đầu tiên được thưởng tại Viện, lúc mới tái lập Viện hàn lâm La Mã, tóm lại là ông Sylvain Pons! – tác giả của những khúc tình ca trữ danh mà các mẹ chúng ta vẫn thường ngâm nga, của hai hoặc ba vở ca kịch diễn năm 1815 và 1816, và rồi một vài nhạc khúc chưa in. Con người đáng kính ấy cuối cùng làm chỉ huy dàn nhạc ở một nhà hát đường phố. Nhờ bộ mặt của mình, ông ta đã là gia sư trong một vài ký túc xá nữ sinh, và chẳng có thu nhập nào khác ngoài lương bổng và tiền thù lao. Dạy tư ở từng nhà vào cái tuổi ấy đấy! ... Có biết bao nhiêu là bí ẩn trong cái tình cảnh ít thơ mộng ấy!

Con người cuối cùng khoác áo spencer này mang trên mình còn nhiều hơn là những biểu tượng của Đế chế, ông ta còn mang một điều giáo huấn lớn ghi trên ba chiếc áo gilê. Nó chỉ ra cho mọi người thấy mà không phải trả tiền một trong nhiều nạn nhân của cái hệ thống tai hại và bi thảm gọi là Tuyển chọn còn ngự trị ở Pháp sau một trăm năm thực hành vô hiệu. Cái máy rập trí thông minh này ông Poisson de Marigny phát minh, ông là em bà De Pompadour, năm 1746 được bổ nhiệm hiệu trưởng trường Mỹ thuật. Thế mà, các bạn hãy đếm hộ trên đầu ngón tay xem những nhân tài từ một thế kỷ nay được những người trúng tuyển cung cấp là bao nhiêu? Trước hết chẳng bao giờ một nỗ lực hành chính hay học đường nào có thể thay thế những phép màu của ngẫu nhiên, nhờ nó mà có những con người vĩ đại. Trong tất cả những bí mật của sự sinh sản, đây là bí mật mà sự phân tích hiện đại đầy tham vọng của chúng ta khó hiểu thấu nhất. Sau nữa, các bạn sẽ nghĩ sao về những người Ai Cập, theo người ta nói, là đã phát minh ra lò ấp gà, nếu như họ không ngay lập tức mớm mồi cho chính những con gà ấy? Tuy nhiên, nước Pháp lại

cư xử như vậy, nước Pháp cổ sản sinh ra các nghệ sĩ bằng cái nhà kính ấm áp của Tuyển chọn, và một khi có được nhà tạc tượng, nhà họa sĩ, nhà điêu khắc, nhà nhạc sĩ nhờ phương pháp máy móc ấy, thì nước Pháp chẳng lo lắng gì đến họ, khác nào chàng công tử bột buổi tối chẳng bận tâm gì đến những bông hoa mình đã gài ở khuyết áo. Xảy ra tình hình nhân tài là Greuze hay Watteau, Félicien David hay Pagnest, Géricault hoặc Decamps, Auber hoặc David d'Angers, Eugène Delacroix hoặc Meissonier – những người ít quan tâm đến những giải thưởng lớn và mọc lên giữa mặt đất dưới những tia nắng của vầng dương vô hình gọi là Thiên hướng.

Được Nhà nước gửi đến La Mã để trở thành một nhạc sĩ lớn, Sylvain Pons đã mang về từ đó thị hiếu ưa cổ vật và những đồ mỹ thuật đẹp. Ông ta thông thạo về tất cả những điều ấy, những kiệt tác của bàn tay hoặc của Tư tưởng, ít lâu nay gộp chung trong cái từ ngữ dân gian – đồ Linh tinh. Vậy là đứa con của Euterpe ấy trở lại Paris vào năm 1810, thành người sưu tập dữ tợn, mang theo đầy những bức tranh, những tượng nhỏ, những khung, những tác phẩm điêu khắc bằng ngà, bằng gỗ, bằng men sứ, v.v..., là những thứ, trong cuộc lưu trú nhằm mục đích học tập của ông tại La Mã, đã ngốn mất phần lớn nhất của thừa kế do ông bố để lại, vì chi phí vận chuyển cũng như vì tiền mua. Ông cũng dùng di sản của mẹ theo cách ấy trong suốt cuộc du lịch ở Ý, sau ba năm học hành chính thức ở La Mã. Ông muốn thùng thủng đi thăm Venise, Milan, Florence, Bologne, Naples, trú chân trong mỗi thành phố như người mơ mộng, như nhà triết học với sự vô tâm của người nghệ sĩ là con người trồng cây vào tài năng của mình để sống, cũng như gái điếm trồng cây vào sắc đẹp của họ. Pons đã sung sướng trong chuyến đi huy hoàng đó, sự sung sướng hết mức có thể, đối với một con người đầy tâm hồn, đầy tế nhị, song vẻ xấu trai không cho *thành công bên cạnh phụ nữ*, theo như câu nói đã được thừa nhận vào năm 1809, và ông nhận thấy mọi thứ của cuộc đời bao giờ cũng thấp hơn mẫu lý tưởng mà ông đã tạo ra cho mình; nhưng ông đã quyết định một bề trước mâu thuẫn giữa âm thanh của tâm hồn và thực tế. Sự cảm nhận về cái

đẹp, giữ được cho thanh khiết và nhạy bén trong tim, chắc hẳn đã là nguồn gốc của những giai điệu tài tình, tinh tế, đầy vẻ duyên dáng, khiến ông được nổi danh trong khoảng từ năm 1810 đến năm 1814. Mọi tiếng tăm được xây dựng ở Pháp trên cơ sở hoan nghênh thời thượng, trên cơ sở những trò điên rồ chốc lát của Paris, đều sản sinh ra những Pons. Chẳng có xứ sở nào mà ở đó người ta lại nghiêm khắc đến thế với những điều lớn lao, và khinh khỉnh khoan dung đến thế với những điều nhỏ bé. Bị nhấn chìm ngay dưới những làn sóng của hòa âm Đức và trong những nhạc phẩm của Rossini, nếu Pons vào năm 1824 còn là một nhạc sĩ dễ thương và được biết đến do một vài khúc tình ca cuối cùng, thì, các bạn hãy thử phán đoán xem, ông ta có thể như thế nào vào năm 1831! Cho nên, năm 1844, cái năm bắt đầu tấn kịch duy nhất của cuộc sống tối tăm này, Sylvain Pons đã đạt tới giá trị của một dấu móc cổ lỗ sĩ; bọn lái buôn âm nhạc hoàn toàn không biết gì đến ông, mặc dù ông có viết những bản nhạc với giá rẻ như bèo cho một số vở kịch trong nhà hát của ông và trong những rạp lân cận.

Ông còn xác nhận giá trị cho các bậc thầy nổi tiếng của thời đại chúng ta; một cuộc biểu diễn thành công vài khúc nhạc ưu tú làm ông rơi nước mắt; nhưng sự sùng bái của ông không đi tới mức gần thành gần đỡ như trường hợp những Kreisler của Hoffmann; ông không để lộ ra chút gì, ông thường thức trong thâm tâm ông theo cách thức của những kẻ nghiện thuốc phiện hay nghiện cần sa. Tài hăm mộ, tài hiểu thấu, cái năng lực duy nhất mà nhờ nó một con người bình thường trở nên người anh em với một thi sĩ lớn, thật là hiếm có ở Paris, nơi mọi ý tưởng giống như những du khách vắng lai trong một quán trọ, đến nỗi người ta phải hết sức tôn kính Pons. Sự kiện ông lão bị thất bại có vẻ quá đáng, nhưng ông ngây thơ thú nhận sự non yếu của mình về phương diện hòa âm: ông đã sao nhãng nghiên cứu Đối âm; và sự phối nhạc hiện đại, lớn quá đối, đối với ông dường như không thể tiếp cận được vào lúc, lẽ ra ông có thể học hỏi thêm để chẳng thua kém những nhà soạn nhạc hiện đại, và có thể trở thành, không phải Rossini, mà là Hérold. Cuối cùng, ông tìm thấy trong những thú vui của người sưu tập sự bù trừ đích đáng

cho vinh quang tan vỡ, đến nỗi nếu phải chọn giữa sự sở hữu những kỳ vật và tên tuổi Rossini, thì có thể tin được không, Pons chọn cái phòng trưng bày thân yêu của mình! Người nhạc sĩ già thực hiện phương châm của Chevanard, nhà sưu tập uyên bác về những bản khắc quý, cho rằng người ta chỉ có niềm vui được ngắm một Ruysdaël, một Hobbéma, một Holbein, một Raphaël, một Murillo, một Greuze, một Sébastien del Piombo, một Giorgione, một Albert Dürer nếu bức tranh chỉ đáng giá có năm mươi phơ-răng thôi. Pons không chịu mua những gì giá trên một trăm phơ-răng; và để ông ta trả giá một vật năm mươi phơ-răng, thì vật ấy phải đáng giá ba nghìn. Vật đẹp nhất trên đời, mà đáng giá ba trăm phơ-răng, thì không tồn tại với ông. Hiếm có những dịp may, nhưng ông nắm được ba yếu tố thành công: bộ cảng của con hươu, thời gian của những kẻ vô công rồi nghề, và sự kiên nhẫn của người Do Thái.

Cái nguyên tắc đó, thực hành trong bốn mươi năm, ở La Mã cũng như ở Paris, đã mang lại kết quả. Sau khi từ La Mã trở về, tiêu tốn khoảng hai nghìn phơ-răng một năm, Pons cất giấu chẳng cho ai thấy bộ sưu tập những kiệt tác đủ loại mà danh mục lên tới con số hoang đường là 1907. Từ năm 1811 đến năm 1816, trong những chuyến đi lùng ở khắp Paris, ông đã kiếm được với giá mười phơ-răng cái thứ ngày nay đáng giá từ một nghìn đến một nghìn hai trăm phơ-răng. Đây là những bức tranh chọn ra trong số bốn mươi năm nghìn bức bày bán hàng năm ở Paris, những đồ sứ Sèvres rất mịn mua của những người xứ Auvergne, những tay chân của Băng đảng Đen, dùng xe bò chở về những kỳ quan của nước Pháp thời bà Pompadour. Rồi, ông đã nhặt nhạnh những tàn tích của thế kỷ mười bảy, mười tám, thừa nhận giá trị cho những người có trí tuệ và tài năng của trường phái Pháp, những người vô danh vĩ đại, những Lepautre, những Lavallée – Poussin, v.v..., những người tạo nên kiểu Louis XV, kiểu Louis XVI mà tác phẩm ngày nay thành đề tài cho những mạo xưng là sáng tạo của các nghệ sĩ chúng ta, những người không ngừng còng lưng trên kho báu của phòng Rập khuôn để mô phỏng khéo léo làm ra cái mới. Pons kiếm được nhiều món đồ trong những cuộc đổi chác ấy, thật là niềm hạnh phúc khó nói thành lời

của những nhà sưu tập! Thú mua đồ hiếm lạ chỉ là thú hạng nhì, còn thú hạng nhất, đó là buôn bán chúng. Pons là người đầu tiên sưu tầm những hộp đựng thuốc lá, những đồ mỹ nghệ tinh xảo. Không có danh tiếng trong ngành Linh tinh học, vì ông không lui tới chỗ bán, ông không ra mặt giữa đám nhà buôn trứ danh, Pons mù tịt về giá trị tính thành tiền của cái kho tàng của ông.

Sinh thời ông Dusommerard đã cố liên hệ với nhà nhạc sĩ; nhưng ông hoàng của những thứ Linh tinh chết đi mà không thể thâm nhập bảo tàng Pons, bộ duy nhất có thể sánh ngang với bộ sưu tập nổi tiếng của Sauvageot. Giữa Pons và ông Sauvageot có một vài điểm giống nhau. Ông Sauvageot, cũng là nhạc sĩ như Pons, cũng chẳng có gia tài lớn lao gì, đã tiến hành cùng một cách, bằng cùng những phương tiện giống nhau, với cùng một tình yêu nghệ thuật như thế, với cùng một mối thù ghét như thế chống lại những kẻ giàu nổi tiếng đã lập phòng trưng bày để khéo léo cạnh tranh với các lái buôn. Cũng như dịch thù của ông, người tranh đua của ông, kẻ đối đầu của ông về mọi sáng tác của Bàn tay, về những điều kỳ diệu của lao động, Pons cảm thấy trong đáy lòng một sự keo kiệt không cùng, tình yêu của gã tình nhân đối với một cô nàng xinh đẹp, và sự *bán lại*, trong những căn phòng ở phố Jeûneurs, dưới những tiếng búa của những nhân viên bán đấu giá, đối với ông tựa như là một tội ác mạo phạm đến cái Linh tinh. Ông có cái bảo tàng của ông để hưởng thụ nó vào mọi lúc, bởi vì những tâm hồn sinh ra để thần phục những tác phẩm vĩ đại, có năng lực cao siêu của những người tình chân chính; họ cảm thấy hôm nay cũng vui thú như hôm qua, họ không mỗi mội bao giờ, và những kiệt tác, may thay, bao giờ cũng trẻ trung. Vì vậy, vật được nắm giữ trong tay vô cùng thân thiết như tình máu mủ, tất phải là một trong những vật quý tìm thấy được mà người ta mang đi một cách nâng niu, yêu dấu như thế nào! Dân ham thích các bạn còn lạ gì!

Với những đường viền đầu tiên của bản phác họa tiểu sử ấy, mọi người sẽ kêu lên: “Đấy, mặc dù xấu xí, đấy vẫn là con người

sung sướng nhất trên đời!”. Thực thế, chẳng một phiên muộn, chẳng một u uất nào cưỡng nổi sự giải cứu cho tâm hồn khi người ta cho mình có một sự say mê kỳ cục. Tất cả các bạn là những người không còn có thể uống *ly hạnh phúc*, như người ta vẫn nói, các bạn hãy cố sưu tập bất kể cái gì (người ta đã sưu tập cả những tờ quảng cáo đấy!) và các bạn sẽ thấy trong từng đồng từng đồng lẻ cả thỏi bạc hạnh phúc. Thối kỳ cục, đấy là lạc thú đã chuyển sang trạng thái tư tưởng! Tuy thế, đừng ghen tức với ông Pons làm gì, vì ý thức này, cũng như mọi sự vận động thuộc loại ấy, dựa trên một sai lầm.

Con người kia, đầy tế nhị, tâm hồn sống được là nhờ sự khâm phục không mệt mỏi đối với sự huy hoàng của Lao động loài người, cuộc vật lộn đẹp đẽ với những công trình của tự nhiên, con người ấy là nô lệ của một trong bảy tội lỗi chính mà Chúa trời cấm trừng phạt nhẹ tay nhất: Pons là kẻ háu ăn. Cái nghèo và thói đam mê các thứ Linh tinh đã buộc ông ta phải theo một chế độ kiêng khem gồm ghê đối với *cái mồm sành ăn* của ông, đến nỗi lão độc thân ấy thoát tiên đã giải quyết vấn đề bằng cách ngày ngày đi ăn bữa tối ở ngoài phố. Mà, dưới thời Đế chế người ta tôn thờ các danh nhân hơn ngày nay nhiều, có lẽ do số lượng không đông và do họ ít tham vọng chính trị. Người ta trở thành nhà thơ, nhà văn, nhạc sĩ mà chẳng mất công là bao! Pons, được xem như một đối thủ có thể của những Nicolo, những Paër và những Berton, nhận được nhiều lời mời tới mức ông buộc phải ghi chúng vào một cuốn sổ ghi chép, khác nào những luật sư ghi những vụ kiện. Và chẳng, ứng xử như nghệ sĩ, ông tặng những bản tình ca của ông cho khắp mọi vị chủ tiệc, ông *chạm trúng yếu điểm* nơi họ, ông mang đến cho họ những vé hạng lô ở rạp Feydeau, nơi ông làm việc; ông tổ chức hòa nhạc ở đấy, đôi khi ông chơi cả violông ở nhà những người bà con, ứng tác một buổi khiêu vũ nhỏ. Những con người đẹp trai nhất nước Pháp thời ấy đang so kiếm với những người đẹp trai nhất của liên minh; vậy nên vẻ xấu trai của Pons được mệnh danh là *sự độc đáo* theo quy luật vĩ đại do Molière công bố trong đoạn thơ nổi tiếng của Eliante. Khi ông đã giúp được một việc gì đấy cho một *phu nhân xinh đẹp* nào đấy, thì

có lúc ông đã được nghe gọi là một người đàn ông dễ thương, nhưng niềm hạnh phúc của ông chẳng bao giờ đi xa hơn được câu nói ấy.

Trong thời kỳ ấy, kéo dài khoảng sáu năm, từ năm 1810 đến 1816, Pons mắc cái thói quen tai hại là ăn ngon, là nhìn những người mời ông chi tiêu thả cửa, đãi những quả đầu mùa, mở những chai rượu vang hảo hạng, chăm lo món tráng miệng, món cà phê, rượu mùi và hết sức hậu đãi ông, tương tự như người ta tiếp đãi dưới thời Đế chế, ở thời đó nhiều nhà bất chước vẻ tráng lệ của các ông vua, các bà chúa, các ông hoàng nhan nhản ở Paris. Bấy giờ, người ta hay làm ra vẻ vương giả, cũng như ngày nay người ta làm ra vẻ Nghị viện bằng cách tạo ra một lô những Hội với những chủ tịch, phó chủ tịch và thư ký: Hội trồng lan, hội trồng nho, hội nuôi tằm, hội nông nghiệp, hội công nghiệp... Thậm chí người ta đi tìm những tai ương xã hội để tổ chức những người chữa chạy thành hội! Một cái dạ dày quen được giáo dục như vậy, ắt tác động đến tinh thần và huỷ hoại tinh thần vì khoa nấu ăn sắc sảo mà nó đã thu được. Khoái cảm, nép kín trong mọi ngóc ngách của trái tim, cất lên tiếng nói tối cao, nó phá vỡ ý chí, danh dự, nó muốn được thỏa mãn bằng mọi giá. Người ta chưa bao giờ miêu tả những đòi hỏi của cái Miệng, chúng thoát khỏi sự phê bình văn chương do cần thiết phải sống; nhưng người ta không hình dung ra được số người đã khánh kiệt vì Bàn ăn. Ở Paris, về phương diện ấy, Bàn ăn sánh ngang với kỹ nữ; và chẳng đấy là Thu nhập mà cô ta là Tiêu pha. Khi Pons, từ khách mời vĩnh viễn, sa vào tình trạng kẻ ăn chực do sự suy đồi về phương diện nghệ sĩ, ông không thể chuyển từ các bữa ăn thịnh soạn sang món nước canh lỏng bồng ở một quán ăn loại bốn mươi xu. Chao ôi, ông run lên khi nghĩ rằng sự độc lập của ông gắn với những sự hy sinh lớn lao đến thế và ông cảm thấy có thể làm những điều hèn hạ nhất để tiếp tục được sống tốt, tiếp tục thưởng thức tất cả những quả đầu mùa vừa chín tới, sau rốt, là tiếp tục *chè chén* (từ ngữ bình dân, song ý vị) những món ngon lành bổ béo. Như giống chim mổ rĩa hoa quả trong vườn, bỏ đi khi đã căng điều và hót líu lo để cảm ơn, Pons thấy thú vị được sống phè phỡn nhờ vào cái xã hội nó đòi

hỏi ở ông cái gì? – sự nhản nhở cười trừ. Như những kẻ độc thân ghê tởm nhà mình, chỉ thích sống ở nhà người khác, quen với những phương thức ấy, quen với những cái nhản mặt xã giao thay thế cho những tình cảm trong chốn giao tế, ông dùng những lời ca tụng như tiền lẻ; và đối với mọi người, ông hài lòng với cái vẻ bề ngoài mà chẳng cần quan tâm đến thực chất.

Cái giai đoạn tạm chịu đựng được ấy kéo dài thêm mười năm nữa; nhưng thật là những năm kỳ lạ! Đây là một mùa thu mưa nhiều. Suốt thời gian ấy, Pons tiếp tục ăn không trả tiền, đồng thời tỏ ra là mình cần thiết cho tất cả những nhà ông đặt chân đến. Ông dần bước vào một con đường tai hại khi làm trọn một lô công việc được giao, khi thay thế người gác cổng và kẻ ăn người làm trong nhà trong vô số trường hợp. Được giao cho nhiều việc mua bán, ông trở thành tên mặt thám lương thiện và ngây thơ được phái từ gia đình này vào gia đình khác; nhưng người ta chẳng hề biết ơn ông về bao nhiêu chuyến đi lại và bao nhiêu điều hèn hạ ấy.

Người ta bảo: – Pons là người chưa vợ, y chẳng biết dùng thời gian làm gì, y thật quá sung sướng được chạy long tong cho chúng ta... Y rồi sẽ ra sao nhỉ?

Cái lạnh mà ông già tỏa ra quanh mình chẳng mấy chốc lộ rõ. Con gió bắc kia lan truyền, tác động đến nhiệt độ tinh thần, nhất là khi ông già lại xấu và nghèo. Đây phải chăng là già nhân ba? Đó là mùa đông của cuộc đời, mùa đông với cái mũi đỏ, với đôi má xanh xao hốc hác, với đủ mọi chứng sưng buốt đầu ngón tay!

Từ năm 1836 đến năm 1843, Pons thấy ít được mời. Chẳng ưng gì kẻ ăn bám, mỗi gia đình tiếp nhận ông như người ta tiếp nhận một khoản thuế, người ta chẳng đếm xỉa cho ông việc gì nữa, kể cả những việc ông giúp đỡ hầu hạ. Những gia đình trong đó ông đã biến chuyển, chẳng coi trọng gì nghệ thuật, họ tôn thờ các thành quả, nên chỉ mến chuộng những gì mà họ đã chiếm được từ năm 1830: những gia tài hoặc những vị trí xã hội cao. Thế mà Pons

không đủ lỗi lạc cao siêu về trí tuệ cũng như về cung cách để làm cho bọn trưởng giả phải kiêng nể như họ kiêng nể trí tuệ và tài năng, nên Pons tất nhiên chẳng là cái thá gì cả tuy không đến nỗi hoàn toàn bị khinh bỉ. Mặc dù ông cảm thấy đớn đau ghê gớm trong xã hội ấy, song cũng như những con người nhút nhát, ông im đi không bộc lộ. Rồi ông quen dần từng bước với việc đè nén tình cảm, với việc tạo nên một thánh đường trong tim để rút về đấy. Hiện tượng này, nhiều người nông cạn gọi tên là chủ nghĩa vị kỷ. Giữa người cô độc và kẻ ích kỷ có sự giống nhau khá lớn, đến độ những kẻ xấu miệng có vẻ có lý khi kết tội con người của trái tim, nhất là ở Paris, nơi chẳng có ai để ý gì ở trên đời, nơi tất cả đều nhanh như chớp, nơi tất cả vụt qua như một nội các!

Ông anh họ Pons thế là khuyu xuống vì bị buộc tội sau lưng là ích kỷ, bởi vì người ta cuối cùng bao giờ cũng kết án những kẻ bị họ buộc tội. Có ai biết rằng một sự đổ oan đè nặng lên những con người nhút nhát biết bao nhiêu không? Có ai sẽ miêu tả bao giờ những nỗi bất hạnh của tính Nhút nhát! Cái tình thế ấy cứ ngày càng trầm trọng hơn lên, giải thích nỗi buồn in dấu trên bộ mặt của người nhạc sĩ đáng thương ấy, ông sống bằng những sự đầu hàng nhục nhã. Song bao nhiêu sự hèn nhát mà bất cứ dự vọng nào cũng đòi hỏi, là bấy nhiêu sợi dây trói buộc; dự vọng càng bắt anh hèn nhát, nó càng trói buộc anh; nó biến mọi sự hy sinh thành một kho báu lý tưởng hão huyền trong đó con người thấy những của cải vô tận. Sau khi nhận lấy cái nhìn che chở xác xược của một gã trưởng giả ngu dốt hết chỗ nói, như để trả thù, Pons nhắm nháp một cốc vang Porto, món thịt chim cút dính nổi mà ông vừa bắt đầu thưởng thức, ông tự nói với chính mình: – Không đến nỗi phải trả giá đắt quá!

Tuy nhiên, dưới con mắt nhà đạo đức học, trên đời này có những trường hợp giảm nhẹ. Thực tế, con người ta chỉ tồn tại vì một sự thỏa mãn nào đấy thôi. Một người không đam mê, đúng đắn đến hoàn hảo, là một quái vật, một bán thần còn chưa có cánh. Trong thần thoại Thiên Chúa giáo, các thiên thần chỉ có đầu. Còn ở dưới

hạ giới, kẻ chính trực là gã Grandisson chắn ngất, đối với y thì ngay đến ả Vệ nữ ở các ngã tư đường cũng chẳng có bộ phận sinh dục. Thế mà, trừ những chuyện trăng gió hiếm hoi và tầm thường của ông trong chuyến đi ở Ý mà chắc hẳn khí hậu ở đấy là lý do cho các thành công của ông, Pons chưa bao giờ thấy phụ nữ mỉm cười với ông. Nhiều người đàn ông có số phận tai hại như thế. Pons sinh ra đã cổ quái; cha mẹ ông có ông lúc tuổi đã già, và ông mang những dấu ấn của sự sinh nở trái mùa trên nước da nhợt nhạt như xác chết, nước da như nhiễm màu trong bình êtanon mà khoa nhọc vẫn dùng để bảo quản những quái thai. Nhà nghệ sĩ này, được phú cho một tâm hồn dịu dàng, mơ mộng, tinh tế, buộc phải nhận tính cách do bộ mặt áp đặt cho mình, mất hy vọng được yêu. Cảnh độc thân đối với ông là một sở thích ít hơn là một sự cần thiết. Sự ham ăn, tội lỗi của những thầy tu đức hạnh, giang tay ra với ông, ông nhào vào cánh tay ấy như đã lao vào ngưỡng mộ những tác phẩm nghệ thuật và tôn thờ âm nhạc. Thức ăn ngon và đồ Linh tinh đối với ông, là tiền tệ của một người phụ nữ, bởi vì âm nhạc là thân phận của ông và các bạn có thấy một người nào yêu mến thân phận của mình không? Lâu dần, trong nghề nghiệp cũng như trong hôn nhân, người ta chỉ còn thấy những điều bất tiện.

Brillat – Savarin đã biện minh do định kiến các sở thích của những người sành ăn, nhưng có lẽ ông chưa nhấn mạnh đúng mức vào cái thú thực sự mà con người cảm thấy ở bữa ăn. Ở những kẻ coi trọng miếng ăn, sự tiêu hóa, khi dùng đến những sức lực của con người, là một cuộc chiến đấu bên trong, cũng ngang với những lạc thú cao nhất của tình yêu. Người ta cảm thấy một sự huy động năng lực rộng rãi, đến mức bộ óc tự triệt tiêu để nhường chỗ cho bộ óc thứ hai đặt trong cơ hoành, và khi mọi năng lực trơ ỳ ra chính là lúc ta cảm thấy say sưa. Những con trâu nuốt cỏ mòng cũng say sưa đến mức chúng để mặc cho người ta giết chúng. Đã quá tuổi bốn mươi, ai là người dám làm việc sau bữa ăn?... Cho nên tất cả những con người vĩ đại đều thanh đạm. Những người ốm đang phục hồi sức khỏe sau một cơn bệnh nặng, chỉ được ăn uống

chút ít thức ăn có chọn lọc, thường chỉ ăn một cánh gà nhỏ cũng đủ thấy ruột gan ngấy ngất. Ông Pons hiền lành là người mà mọi thú vui đều tập trung vào sự vận hành của cái bao tử, luôn luôn thấy mình lâm vào tình trạng của những người đang lại sức ấy: ông muốn thức ăn ngon mang lại tất cả các cảm giác mà nó có thể đem lại, và cho tới lúc bấy giờ, ngày nào cũng được như vậy. Chẳng ai dám giã từ một thói quen. Nhiều kẻ tự tử đã dừng lại trên ngưỡng cửa của thần Chết chỉ vì nhớ lại cái quán cà phê, nơi chiều nào họ cũng đến chơi cờ domino.

Vào năm 1835, sự tình cờ đã trả thù cho Pons về tội hững hờ của phái đẹp, nó đem đến cho ông cái mà người ta gọi theo phong cách thân mật là quyền lực của tuổi già. Con người già bẩm sinh ấy tìm thấy ở tình bạn một chỗ dựa cho cuộc đời mình, ông đã dẫn vào cuộc hôn nhân duy nhất mà xã hội cho phép ông được tiến hành, ông lấy một người đàn ông, một ông già, một nhạc sĩ cũng như ông. Không có bài ngụ ngôn tuyệt diệu của La Fontaine, thì bản phác họa ấy có thể lấy tên là *Hai người Bạn*. Nhưng, há chẳng phải đấy như là một sự xâm hại văn chương, một sự báng bổ mà bất kể một nhà văn chân chính nào cũng phải lùi bước trước nó hay sao? Kiệt tác của nhà thơ ngụ ngôn của chúng ta vừa là chuyện tâm tình vừa là chuyện mộng mơ của ông ta, phải có đặc quyền vĩnh viễn về cái nhan đề kia. Cái trang giấy mà trên đầu nó nhà thơ đã ghi rõ ba chữ *Hai người Bạn*, là một trong những tài sản thiêng liêng, một đền thờ mà mỗi thế hệ lại kính cẩn bước vào và thiên hạ tới tham quan, chùng nào nghề in vẫn còn tồn tại.

Bạn của Pons là một giáo sư dạy đàn pianô mà cuộc đời và các tập quán ăn ý với cuộc đời và các tập quán của Pons đến nỗi ông bảo rằng đã biết ông ta quá muộn cho hạnh phúc của mình; bởi vì sự quen biết của họ, chớm nở tại buổi phát phần thưởng, trong một ký túc xá, mới được bắt đầu từ năm 1834. Có lẽ hai tâm hồn chưa bao giờ thấy tâm đầu ý hợp đến thế trong cái biển người bắt nguồn từ cõi thiên đường ở trần gian trái ngược với ý muốn của Chúa. Hai

nhạc sĩ ấy, chỉ một thời gian ngắn, đã trở nên cần thiết lẫn cho nhau. Là tri kỉ của nhau, trong tám ngày, họ đã như hai anh em vậy. Tóm lại Schmucke không tin rằng lại có thể có một Pons, cũng như Pons thì không ngờ lại có một Schmucke. Điều ấy đã đủ để vẽ lên hai con người trung hậu, nhưng nói vắn tắt như thế đâu có đủ thỏa mãn cho mọi người. Cần phải chứng minh đôi chút cho những kẻ còn ngờ vực.

Nghệ sĩ pianô ấy, cũng như mọi nghệ sĩ pianô khác, là một người Đức, một người Đức như Litz vĩ đại và Mendelssohn vĩ đại, một người Đức như Steibelt, một người Đức như Mozart và Dusseck, một người Đức như Meyer, một người Đức như Daelher, một người Đức như Thalberg, như Dreschok, như Hiller, như Léopold Mayer, như Crammer, như Zimmerman và Kalkbrenner, như Herz, Woëtz, Karr, Wolff, Pixis, Clara Wieck, và đặc biệt là tất cả những người Đức. Dẫu là một nhà soạn nhạc vĩ đại, Schmucke cũng chỉ có thể là người biểu diễn, chính là vì tính cách của ông ta không có sự táo bạo cần thiết của một thiên tài để tự biểu hiện mình trong âm nhạc. Sự ngây thơ của nhiều người Đức không kéo dài, nó đã chấm dứt; chút gì còn tồn tại trong họ, ở một độ tuổi nào đấy, thì được bắt nguồn từ tuổi trẻ của họ, như người ta lấy nước từ con kênh, và họ dùng nó để tưới bón cho thành tựu của họ trong mọi việc, khoa học, nghệ thuật, hay tiền bạc, bằng cách gạt ra khỏi họ sự ngờ vực. Ở Pháp, một số người tinh tế thay thế sự ngây thơ của người Đức bằng sự ngu ngốc của gã bán tạp hóa ở Paris. Nhưng Schmucke lại giữ lại được toàn bộ sự ngây thơ con nít của ông ta chẳng khác gì Pons giữ lại trên mình những di vật của thời Đế chế mà có ngờ đâu. Ông người Đức chân chính và cao quý ấy là vở diễn đồng thời là khán giả, ông ta chơi nhạc cho chính mình. Ông ta ở Paris như con chim họa mi ở trong rừng, ông ta hót ở đấy chỉ một mình, từ hai mươi năm nay, cho đến lúc gặp ở Pons một con người khác của chính ông ta (Xem *Một người con gái của Ève*).

Pons và Schmucke, người này cũng như người kia, trong trái tim và trong tính cách, tràn trề những trò trẻ con đa cảm là đặc trưng của người Đức: như mê hoa, như ngưỡng mộ những hiệu quả tự nhiên khiến họ đi trồng những chiếc chai lớn trong vườn để được ngắm cái cảnh vật lớn lao trước mắt thu nhỏ lại; như thiên hướng nghiên cứu khiến một học giả người Đức phải đi ghệt cuộc bộ hàng trăm dặm để tìm ra cái sự thật đang nhìn ông ta mà mỉm cười, cái sự thật ngồi ở bờ giếng dưới cây hoa nhài trong sân; và cuối cùng như cái nhu cầu gán một ý nghĩa tâm lý cho những sáng tạo chẳng có giá trị gì, nó sản sinh ra những tác phẩm không thể giải thích được của Jean – Paul Richter, những chén choáng được in ra của Hoffmann và những rào chắn khổ giấy gấp đôi mà người Đức vây quanh những vấn đề đơn giản nhất, được đào sâu như kiểu những vực thẳm mà dưới đáy chỉ thấy có mỗi một ông người Đức. Cả hai đều theo đạo Thiên Chúa, cùng đi lễ nhà thờ với nhau, hoàn thành nghĩa vụ tôn giáo như những đứa trẻ chẳng bao giờ có điều gì để xưng tội với linh mục. Họ tin chắc rằng âm nhạc, thứ ngôn ngữ của cõi trời, liên quan đến tư tưởng và tình cảm, cũng như tư tưởng và tình cảm liên quan đến ngôn từ, họ nói chuyện miên man về cái hệ thống ấy, đáp lại nhau bằng những tiệc tùng âm nhạc để tỏ cho nhau thấy niềm xác tín của chính mình theo cung cách của những tình nhân. Pons chăm chú bao nhiêu thì Schmucke đăng trí bấy nhiêu. Nếu Pons là người sưu tập thì Schmucke là người mơ mộng; người này nghiên cứu những điều tốt đẹp về tinh thần cũng như người kia cứu vớt những điều tốt đẹp về vật chất. Pons trông thấy và mua một chiếc chén sứ trong khi Schmucke hỉ mũi và nghĩ đến một motif nhạc nào đó của Rossini, của Bellini, của Beethoven, của Mozart và tìm ở trên đời những tình cảm có thể là ngọn nguồn hoặc sự đối đáp câu nhạc ấy. Schmucke quản lý tiền bạc bằng tật đăng trí, còn Pons, hoang phí do đam mê, thành thử cả người nọ và người kia đều đi tới cùng một kết quả: năm nào cũng nhấn túi vào dịp ngày lễ Thánh Sylvestre¹.

1. Ngày 31 tháng Mười hai.

Không có tình bạn này, Pons có lẽ đến ngã quy vì buồn phiền, nhưng từ khi ông có một người để thổ lộ nỗi lòng, thì cuộc đời trở nên có thể chịu đựng được đối với ông. Lần đầu, khi ông trút nỗi khổ sang trái tim Schmucke, lão người Đức tốt bụng khuyên ông nên sống như lão, bằng bánh và phomát, ở nhà lão, còn hơn là đi ăn những bữa tiệc tối bị người ta bắt trả giá đắt đến thế. Chao ôi! Pons không dám thú nhận với Schmucke rằng, ở con người ông, trái tim và dạ dày là những kẻ thù của nhau, rằng dạ dày hợp với những thứ làm cho trái tim đau khổ, và rằng bất cứ giá nào ông cũng phải được ăn ngon, hết như một gã phong tình cần có một ả tình nhân để mà... đùa bỡn. Với thời gian, Schmucke rồi cũng hiểu Pons, bởi vì lão mang tính chất Đức nhiều quá nên đầu có nhận xét nhanh nhạy được như người Pháp, và lão chỉ càng thêm yêu mến ông bạn Pons khốn khổ. Chẳng có gì củng cố tình bạn như khi, giữa hai người, người nọ cho là mình hơn người kia. Một vị thiên thần hẳn cũng không nói được gì khi thấy Schmucke xoa hai tay vào nhau lúc lão khám phá ra thói háu ăn dữ dội ở ông bạn. Quả nhiên, ngày hôm sau, lão người Đức tốt bụng điểm tô cho bữa ăn sáng bằng nhiều món ngon do lão tự đi kiếm, và lão lại còn cẩn thận để ngày nào cũng có những món mới cho bạn; vì kể từ khi gặp gỡ, ngày nào họ cũng cùng ăn sáng tại nhà.

Phải không hiểu biết Paris mới tưởng tượng ra rằng hai ông bạn thoát khỏi sự giễu cợt của Paris, sự giễu cợt ấy chưa bao giờ kiêng nể điều gì. Schmucke và Pons, trong khi kết hợp sự giàu có và sự nghèo khổ của họ, đã có ý tiết kiệm bằng cách ở chung, và họ cùng chịu ngang nhau tiền thuê một căn hộ chia rất không đều ở trong một căn nhà yên tĩnh của phố Normandie yên tĩnh, tại Marais. Vì họ thường cùng ra đi với nhau, vì họ thường đi cùng đường, vai kề vai, nên những kẻ thích rong chơi trong phường đặt biệt hiệu cho họ là *Hai Cái – Kẹp – quả – phỉ*. Cái biệt hiệu ấy miễn cho việc đưa ra đây chân dung của Schmucke, chân dung ấy đối với Pons chẳng khác nào bức tượng nổi tiếng *Vú nuôi của Niobé* ở Vatican đối với *Vệ nữ trên Đài*.

Mụ Cibot, người gác cổng của ngôi nhà ấy, là cái trụ xoay trên đó công việc nội trợ của hai cái – kẹp – quả – phỉ kia diễn ra, nhưng trong tấn kịch tháo gỡ cuộc sống kẹp kia, mụ đóng một vai trò lớn lao đến nỗi nên dành chân dung của mụ cho lúc mụ bước vào Cảnh này.

Cái còn lại để nói về tinh thần của hai con người trên, chính là cái khó nhất để làm cho chín mươi chín phần trăm bạn đọc của năm thứ bốn mươi bảy, thế kỷ mười chín, hiểu được, có thể là vì sự phát triển kỳ lạ về tài chính do việc thiết lập đường sắt gây nên. Thật chẳng là bao mà lại rất nhiều. Thực vậy, vấn đề là đưa ra một ý niệm về sự tẻ nhạt quá đáng của hai trái tim kia. Chúng ta hãy vay mượn một hình ảnh của đường sắt dù chỉ là theo cách hoàn trả lại những khoản đường sắt vay mượn chúng ta. Ngày nay, các đoàn tàu, trong khi xiết chặt các thanh ray, đã nghiền vụn biết bao nhiêu hạt cát nhỏ li ti. Các bạn hãy tổng cái hạt cát không thể nhìn thấy vào thận những người đi tàu, họ sẽ cảm thấy những đón đau của một căn bệnh khủng khiếp nhất – bệnh sỏi thận; người ta chết vì nó. Nay, đối với cái xã hội chúng ta bị quăng vào đường sắt với tốc độ của đầu máy xe lửa, cái thứ là hạt cát không thể nhìn thấy được, mà xã hội chẳng quan tâm đến chút nào, cái hạt cát không ngót được rắc vào những sợi tơ lòng của hai con người kia, và vào bất cứ lúc nào, cũng gây nên cho họ cảm giác như bị bệnh sỏi trong tim. Do một sự miễn cảm quá mức trước nỗi đau của người khác, mỗi người trong họ khóc vì bất lực, và đối với những cảm xúc riêng của mình, họ cảm nhận tình tẻ đến mức bệnh hoạn. Tuổi già, những cảnh tượng liên tiếp của tấn kịch Paris, không gì làm chai cứng được hai tâm hồn tươi tắn, thơ ngây và thanh khiết ấy. Hai người càng đi, những nỗi đau âm thầm của họ càng dữ dội. Than ôi! Cũng có tình trạng như thế ở những con người trong trắng, những nhà tư tưởng trầm lặng và những nhà thơ đích thực không sa vào một sự thái quá nào.

Từ khi có sự kết hợp của hai ông già kia, công việc của họ, gần gần giống nhau, mang dáng dấp anh anh em em em như những con ngựa kéo xe ở Paris. Ngủ dậy vào lúc bảy giờ sáng, mùa hạ

cũng như mùa đông, sau khi ăn uống, họ đi giảng bài trong các ký túc xá, khi cần thiết thì dạy thay cho nhau. Khoảng giữa trưa, Pons đến rạp hát nếu có buổi diễn tập gọi ông đến, và ông dành tất cả những lúc rảnh rỗi cho sự rong chơi. Rồi buổi tối hai người bạn gặp lại nhau ở rạp hát mà Pons đã đưa Schmucke vào làm. Sự việc là như thế này.

Lúc Pons gặp Schmucke, thì ông vừa nhận được, dù không hỏi xin, chiếc gậy chỉ huy của những người soạn nhạc vô danh, chiếc gậy chỉ huy của người nhạc trưởng! Nhờ ơn bá tước Popinot, lúc ấy là bộ trưởng, cái vị trí ấy đã được thu xếp cho người nhạc sĩ nghèo, vào lúc vị anh hùng tư sản của Cách mạng tháng Bảy ấy sai cấp một đặc quyền sân khấu cho một trong những người bạn mà kẻ hãnh tiến phải đổ mặt; khi đang đi xe ngựa, ông ta bắt gặp ở Paris một người bạn cũ thời trẻ, kẻ khốn khổ cuộc bộ, giày dép chẳng có, mặc một chiếc áo rođanhgốt chẳng ra màu gì, cái mũi ngược lên những công việc quá cao đối với những đồng vốn đã tiêu tan hết. Vốn là người chào hàng, anh bạn đó tên là Gaudissart, xưa kia đã rất hữu ích cho những thành công của nhà hăng Popinot quyền thế. Popinot, trở thành bá tước, thành nguyên lão nước Pháp sau hai lần làm bộ trưởng, không hề từ bỏ GAUDISSERT TRÚ DANH! Hơn nữa, ông ta còn muốn đặt người chào hàng vào vị trí có thể đổi mới tủ quần áo và đổ đầy túi tiền của ông ta; bởi vì chính trị, những sự phù phiếm của triều đình bình dân không hề làm hư hỏng trái tim của tay bán thuốc cũ ấy. Gaudissart, luôn luôn mê một phụ nữ, hỏi xin đặc huệ là một nhà hát lúc ấy đang phá sản, và vị bộ trưởng, trong khi ban cho gã đặc ân ấy, đã cẩn thận gửi đến cho gã một số lão mê gái, khá giàu có để tạo nên một hội cổ phần có thể lực ham thích những thứ ẩn giấu sau lớp quần áo lót. Pons, kẻ ăn bám của phủ Popinot, là một khoản phụ của đặc quyền. Hội của Gaudissart đã làm giàu, vào năm 1834, có ý định thực hiện ở Đại lộ ý tưởng lớn này: một rạp ca kịch cho dân chúng. Âm nhạc của những vở balê và những vở kịch thần tiên đòi hỏi một người chỉ huy dàn nhạc tương đối khá và biết soạn nhạc chút ít. Cơ sở mà công ty

Gaudissart kể tục đã phá sản quá lâu rồi nên không có lấy nổi một người viết âm phổ. Thế là Pons đưa Schmucke vào nhà hát với tư cách người thấu hiểu những bản âm phổ, một nghề tầm tối cần đến những hiểu biết nghiêm túc về âm nhạc. Schmucke, theo lời khuyên của Pons, thỏa thuận với người phụ trách công việc ấy ở nhà hát Opéra – Comique và chẳng phải lo phần có tính chất cơ giới. Sự liên kết của Schmucke và Pons đã tạo được kết quả diệu kỳ. Schmucke, như mọi người Đức, rất mạnh về hòa âm, phụ trách sự phối nhạc trong những bản nhạc mà Pons viết phần ca khúc. Khi những người sành sỏi ca ngợi một số sáng tác mới soạn làm nhạc đệm cho hai hoặc ba vở kịch lớn diễn thành công, thì họ giải thích chúng bằng từ ngữ *tiến bộ* mà không tìm xem những tác giả của chúng là ai. Pons và Schmucke lu mờ đi trong vinh quang, như một số người nào đấy chết đuối trong bồn tắm. Ở Paris, nhất là từ năm 1830, không một ai thành đạt mà không xô đẩy, *bằng mọi cách*¹, và thật mạnh, đám đông đáng sợ những kẻ cạnh tranh; lúc ấy cần phải thật khỏe, vậy là hai người bạn lại có viên sỏi kia ở trong tim, làm vướng víu mọi hành động tham vọng.

Thông thường thì Pons tới ban nhạc của nhà hát lúc tám giờ, cái giờ diễn các vở kịch được ưu đãi mà những khúc mở màn và phần nhạc đệm đòi hỏi sự chuyên chế của chiếc dũa chỉ huy. Sự độ lượng này có trong hầu khắp các nhà hát nhỏ, nhưng về phương diện ấy, Pons càng thoải mái bởi hết sức vô tư trong quan hệ với việc quản lý. Vả chăng, Schmucke còn thay cho Pons khi cần thiết. Với thời gian, vị trí của Schmucke ở ban nhạc đã được củng cố. Gaudissart trừ danh đã thừa nhận, mà chẳng nói ra, cả giá trị và sự hữu ích của người cộng tác với Pons. Người ta buộc phải đưa vào ban nhạc một chiếc pianô như trong những rạp hát lớn. Chiếc đàn Schmucke chơi không phải trả tiền, được đặt ở gần giá nhạc của nhạc trưởng, nơi nhân viên ngoài biên chế tự nguyện kia vẫn

1. Tiếng Latinh trong nguyên văn: *quibuscumque viis*.

ngồi. Khi người ta thấy lão người Đức tốt bụng ấy là kẻ không tham vọng, không đòi hỏi, thì lão được mọi nhạc công tiếp nhận. Ban quản lý đã chất lên vai Schmucke với đồng lương ít ỏi, những nhạc cụ không có trong ban nhạc của những nhà hát ở Đại lộ, và chúng thường là cần thiết, như pianô, đàn violon tình yêu, tù và kiểu Anh, đàn violôngxen, đàn ácpơ, cái sênh gõ nhịp cho điệu vũ casusa, những chuông, và những phát kiến của Sax, v.v. . Người Đức, nếu không biết chơi những nhạc cụ lớn của Tự do, thì tất nhiên lại biết chơi mọi nhạc cụ.

Hai nghệ sĩ già được mến chuộng hết sức ở nhà hát, sống ở đây như những nhà triết học. Họ đã đặt vào mắt miếng vảy cá để không bao giờ trông thấy những điều xấu cố hữu của một gánh hát khi có đội múa balê lẫn với các nam, nữ diễn viên, một trong những cách thức phối hợp gớm guốc nhất mà những nhu cầu về tiền thu nhập đã tạo nên khiến cho các vị giám đốc, các tác giả, các nhạc công phải day dứt. Vì hết sức kính trọng mọi người và kính trọng mình nên ông Pons khiêm tốn và tốt bụng được tất cả mọi người quý mến. Hơn nữa, trong tất cả mọi lĩnh vực, một cuộc sống trong treo, một đức độ không có tí vết buộc những người xấu bụng nhất cũng phải ít nhiều ngưỡng mộ. Ở Paris, một đức hạnh tốt cũng có giá trị như một viên kim cương lớn, một cửa lạ hiếm có trên đời. Không một diễn viên, không một tác giả, không một vũ nữ nào, dù là có thể trơ trẽn đến đâu, lại tự cho phép mình được may mắn lừa phỉnh hoặc giễu cợt ác ý chống lại Pons hay chống lại bạn ông. Đôi khi Pons xuất hiện ở phòng giải lao, nhưng còn Schmucke thì chỉ biết mỗi con đường ngấm dần từ bên ngoài nhà hát vào chỗ ban nhạc. Trong giờ tạm nghỉ, khi dự một buổi trình diễn, ông già người Đức tốt bụng đánh bạo nhìn gian phòng và có lúc hỏi người chơi sáo thứ nhất, một chàng trai sinh tại Strasbourg, trong một gia đình người Đức ở Kehl, về những nhân vật kỳ quặc hầu như bao giờ cũng có mặt ở Tiền cảnh. Dần dần, trí tưởng tượng ấu trĩ của Schmucke, hấp thụ được nền giáo dục xã hội nhờ anh chàng chơi sáo kia, thừa nhận sự tồn tại hoang đường của Cô nàng thanh lịch lẳng lơ, khả năng của

những đám cưới trong Quận Mười ba¹, những hoang phí của một con người hạng nhất và hành vi mờ ám của các cô dẫn chỗ trong rạp. Những cái vô hại của thói hư tật xấu đối với con người đáng kính này có vẻ là vô cùng đôi bại, và ông ta đã cười như cười những cái nhố nhăng kiểu Tàu. Những người khôn khéo phải hiểu rằng Pons và Schmucke bị bóc lột, như người ta thích dùng từ ngữ ấy ngày nay; nhưng cái mà họ mất đi bằng tiền bạc, thì họ lại được bằng những sự quý mến, những sự đối xử tử tế.

Sau thắng lợi của một vở balê mở đầu cho thời vận tăng tiến nhanh chóng của đoàn Gaudissart, các giám đốc gửi đến cho Pons một pho tượng bằng bạc người ta bảo là của Benvenuto Cellini mà giá đắt khủng khiếp của nó đã trở thành đề tài trò chuyện trong phòng diễn viên. Những một nghìn hai trăm phơ-răng! Con người lương thiện tội nghiệp muốn trả lại món quà ấy! Gaudissart đã phải vất vả lắm để ông ta nhận cho. Gã nói với người cộng sự: “Ồi, ước gì chúng ta có thể tìm được các diễn viên có hạng như thế!”. Cuộc sống hai mặt ấy, bề ngoài có vẻ hết sức bình lặng, chỉ duy nhất bị xáo động bởi tật xấu mà Pons không chịu từ bỏ, cái nhu cầu dữ dội là đi ăn tối ở bên ngoài. Cho nên, lần nào cũng vậy, khi Schmucke ở nhà, vào lúc Pons mặc y phục, lão người Đức lại than phiền cái thói quen tai hại ấy. Lão thường kêu lên: “Ít ra nếu nó fô péo tục cho ung ấy!”. Và Schmucke nghĩ cách chữa cho bạn khỏi cái thói tật hư hỏng ấy, bởi vì, trong lĩnh vực tinh thần, những người bạn chân chính có được sự hoàn hảo như khứu giác của loài chó, họ đánh hơi thấy nỗi buồn phiền của bạn, họ đoán được nguyên nhân, họ quan tâm đến chúng.

Pons là người bao giờ cũng đeo ở ngón út bàn tay phải một chiếc nhẫn kim cương có thể dung thứ được dưới thời Đế chế, nhưng ngày nay thì trở nên nực cười, Pons mang chất Pháp quá nhiều, nên

1. Tức là không cưới xin gì hết.

trên gương mặt không có được cái vẻ thanh thản thân tiên nó làm dịu bớt vẻ xấu xí kinh khủng của Schmucke. Lão người Đức đã nhận thấy trong nét mặt buồn bã của bạn những khó khăn đang tăng dần khiến cho cái nghề ăn bám này ngày càng thêm nặng nề. Đúng thế, vào tháng mười năm 1844, con số những nhà Pons thường đến ăn dĩ nhiên bị thu hẹp. Người nhạc trưởng đáng thương bị đẩy đến chỗ chạy khắp vòng gia đình, và như ta sẽ thấy, đã mở ra quá rộng ý nghĩa của cái từ gia đình.

Người nhạc sĩ trước kia từng được giải thưởng vốn là anh em chú bác với người vợ đầu của ông Camusot buôn tơ lụa giàu có ở phố Bourdonnais, một cô gái họ Pons, người thừa kế duy nhất của một trong những người anh em Pons nổi tiếng, những người thợ thêu của triều đình, cửa hiệu mà cha mẹ lão nhạc sĩ đã từng chung lưng hùn vốn sau khi lập nên trước cách mạng 1789, rồi được ông Rivet mua lại năm 1815, từ người cha của bà Camusot thứ nhất. Ông cụ Camusot này đã rút lui khỏi mọi công việc kinh doanh từ mười năm nay, năm 1844 là thành viên của Hội đồng các Xí nghiệp, là nghị sĩ, v.v... Được bầu đoàn thể từ nhà Camusot quý mến, Pons tự coi là anh em họ với những người con bà vợ thứ hai của lão buôn tơ lụa, mặc dù họ chẳng là gì với nhau cả, ngay đến bà con thông gia cũng không.

Bà Camusot thứ hai nguyên là con gái nhà Cardot. Với tư cách là bà con với nhà Camusot, Pons len lỏi vào trong cái gia đình đông đảo của nhà Cardot là gia tộc trưởng giả thứ hai, do quan hệ thân thuộc của mình đã tạo thành cả một xã hội không kém hùng mạnh so với gia tộc Camusot. Cardot công chứng viên, em của bà Camusot thứ hai, đã lấy một cô Chiffreville. Cái gia đình danh tiếng của nhà Chiffreville, bà chúa của những sản phẩm hoá học, đã liên kết với nhà bán thuốc lớn mà nổi lên hơn cả trong suốt một thời gian dài, là ông Anselme Popinot, người đã được cuộc cách mạng tháng Bảy tung vào – như ta đã biết – trung tâm của nền chính trị gắn bó với triều đại nhất. Thế là Pons theo đuôi nhà

Camusot và nhà Cardot đến gia đình Chiffreville, và từ đấy, đến gia đình Popinot, luôn luôn với tư cách người anh em họ của những người anh em họ.

Cái nhìn khái quát đơn giản về những mối quan hệ cuối cùng của ông nhạc sĩ già cho ta hiểu làm thế nào mà vào năm 1844, ông vẫn còn được tiếp đón một cách thân mật: một là ở nhà ông bá tước Popinot, nguyên lão nước Pháp, cựu bộ trưởng bộ Nông nghiệp và Thương mại; hai là ở nhà ông Cardot, cựu công chứng viên, thị trưởng và nghị sĩ đại biểu một quận ở Paris; ba là ở nhà cụ già Camusot, nghị sĩ, ủy viên Hội đồng thành phố Paris và Tổng hội các Xí nghiệp, đang tiến tới tước nguyên lão; bốn là ở nhà ông Camusot de Marville, con trai bà vợ cả, và do đó là người anh em họ thật sự, duy nhất của Pons, mặc dù chỉ là cháu họ.

Ông Camusot này, để phân biệt với cha và với người em con bà hai, đã thêm vào tên mình tên đất vùng Marville. Ông này, vào năm 1844, là trưởng ban tại Hoàng gia Pháp viện Paris.

Cựu công chứng viên Cardot đã cho con gái lấy người kế nghiệp của mình tên là Berthier, Pons có tham dự vào công việc ấy, giữ được bữa ăn tối ở đó, có sự chứng kiến của công chứng viên, như ông thường nói.

Đó là cái bầu trời trường giả mà Pons gọi là gia đình của ông, ở đấy, ông đã phải khó nhọc biết bao để duy trì quyền được ngồi mâm.

Trong mười nhà ấy, thì cái nhà mà lão nghệ sĩ phải được tiếp đón niềm nở nhất, nhà của chánh án Camusot, là đối tượng được ông chăm lo nhiều nhất. Nhưng than ôi, bà chánh án, con gái ông Thirion đã qua đời, môn lại của các vua Louis XVIII và Charles X, lại chưa bao giờ đối xử tốt với người cháu họ của chồng mình. Để cố gắng xoa dịu người bà con ghê gớm ấy, Pons đã phí thời gian, bởi vì sau khi đã dạy không công cho cô Camusot, ông thấy không thể biến cô thiếu nữ tóc hơi hoe đỏ kia thành nhạc sĩ được. Nay, Pons, bàn tay đặt trên vật quý, lúc này đang đi về nhà ông chánh án em

họ, nơi mà khi bước vào, ông tưởng như ở trong điện Tuileries, vì những màn trướng xanh lục uy nghi, những vải phủ tường màu nâu nhạt và những tấm thảm len lát sàn, những đồ gỗ trang trọng của căn phòng phẳng phất không khí tòa án nghiêm khắc nhất, tất cả tác động đến tinh thần của ông biết mấy. Thật là điều kỳ lạ! Ông cảm thấy dễ chịu trong dinh Popinot, phố Basse – du – Rempart, chắc hẳn là vì những đồ mỹ nghệ ở đấy; vì ông cựu bộ trưởng, từ khi đăng quang trong trường chính trị, đã mắc thói đam mê sưu tập những vật đẹp chắc là để đối lập với chính trị thường hay ngấm ngấm sưu tập những hành động xấu xa nhất.

Ông chánh Marville trú tại phố Hanovre, trong một ngôi nhà bà chánh án mua đã mười năm sau khi bố mẹ là ông bà Thirion qua đời, họ đã để lại cho bà ước chừng một trăm năm mươi nghìn phơ-răng tiền tiết kiệm. Ngôi nhà ấy mặt quay ra phố về hướng bắc, có dáng vẻ âm u, được hưởng hướng nam phía sân, nối tiếp với sân là một khu vườn khá đẹp. Vị pháp quan ở toàn bộ tầng một là nơi dưới triều đại Louis XV, một trong những nhà tài chính có thế lực nhất của thời ấy đã ở. Tầng hai cho một bà già giàu có thuê, chỗ ở này phô ra một vẻ yên tĩnh và đáng kính, hợp với chức vị pháp quan. Những chỗ còn lại của khu đất đẹp để Marville, để mua chúng, vị pháp quan đã phải dùng đến tiền tiết kiệm của hai mươi năm cùng với tài sản thừa kế của bà mẹ, gồm có lâu đài – tòa dinh thự đẹp để như người ta vẫn còn thấy ở vùng Normandie – và một trang trại tốt tươi trị giá mười hai nghìn phơ-răng. Một trang viên rộng khoảng một trăm hecta bao quanh lâu đài. Sự xa hoa ấy, ngày nay là sự trống lẹ xứng với bậc vương hầu, tốn đến hàng ngàn êquy của ông chánh án, đến mức đất đai hầu như chỉ mang lại chín nghìn phơ-răng tiền mặt, như người ta nói. Chín nghìn phơ-răng ấy và lương bổng của ông đưa lại cho vị chánh án chừng hai mươi nghìn phơ-răng lợi tức, nhìn bề ngoài là đủ, nhất là trong khi chờ đợi phần nửa nhất định phải về tay ông lúc ông thừa kế ông bố, vì ông là con duy nhất của bà vợ trước; nhưng đời sống ở Paris và những lễ thói của địa vị xã

hội đã buộc ông và bà De Marville phải tiêu gần như hết sạch số thu nhập ấy. Cho đến năm 1834, họ đã trong tình trạng túng thiếu.

Sự kiểm kê tài sản trên giải thích tại sao cô De Marville, cô gái trẻ hai mươi ba tuổi, lại chưa lấy chồng bất kể khoản một trăm nghìn phơ-răng hồi môn, bất kể miếng mồi triển vọng hưởng gia tài được đưa ra khéo léo và thường xuyên, nhưng vô hiệu. Từ năm năm nay, ông anh họ Pons đã nghe thấy những lời ca cẩm của bà chánh án là người thấy các vị thẩm phán đều đã có vợ, những quan tòa mới ở pháp đình thấy đều có con, sau khi đã cố gọi ra mà chẳng ăn thua gì những triển vọng thừa hưởng gia tài của cô Marville trước cặp mắt ít bị mê hoặc của vị tử tước trẻ tuổi Popinot, con trai cả của vị tai mắt trong ngành bán thuốc, mà theo những kẻ hay ghen ghét ở phường Lombards, thì cũng được lợi từ cuộc cách mạng tháng Bảy ít ra ngang với ngành thú của Hoàng tộc.

Đến phố Choiseul và sắp rẽ sang phố Hanovre, Pons chợt cảm thấy một nỗi bối hồi khó tả giày vò những lương tâm trong sáng, bất họ phải chịu các nỗi khổ hình mà những kẻ đại gian đại ác cảm nhận khi trông thấy cảnh sát, sự bối hồi chỉ duy nhất là do chẳng biết bà chánh án sẽ tiếp đãi ông như thế nào. Cái hạt cát đâm thủng những thớ thịt trong tim ấy đã chẳng bao giờ nhả đi, những góc cạnh của nó trở nên ngày càng sắc nhọn hơn, và gia nhân trong nhà này không ngừng mài giũa thêm những cạnh sắc của nó. Thực thế, thái độ coi thường của gia đình Camusot đối với ông anh họ Pons, sự mất uy tín của ông giữa gia đình đã ảnh hưởng đến tôi tớ trong nhà, chúng vẫn nề nang, nhưng coi ông như một dạng của Kẻ Nghèo khổ.

Kẻ thù chủ yếu của Pons là một mụ tên là Madeleine Vivet, một gái già khô đét, mảnh khảnh, người hầu phòng của bà C. de Marville và con gái bà. Cái mụ Madeleine ấy, dầu rằng nước da sùi đỏ và có lẽ những mảng sùi đỏ ấy cùng với cái dáng dài ngoẵng như một con rắn, đã nảy ra ý nghĩ là trở thành bà Pons. Madeleine đã uống công bày ra hai mươi nghìn phơ-răng tiền tiết kiệm trước

mắt ông già độc thân, Pons đã khước từ niềm hạnh phúc có phần sùỉ đỏ quá này. Cho nên, nàng Didon của phòng đợi ấy, đang muốn trở thành chị em họ với chủ nhà, đã chơi cho nhà nhạc sĩ nghèo những ngón độc ác nhất. Madeleine kêu rõ to: “Ồ kìa, vị ăn chực!” khi nghe thấy ông già đang đi trong cầu thang và cố nói cho ông nghe thấy. Nếu mục phục vụ bàn ăn, khi vắng gã hầu phòng, thì mục rót ít rượu, nhiều nước vào cốc nạn nhân của mục, làm cho ông khó lòng đưa cốc lên miệng mà không làm sổng sành chút nào, vì cốc đầy tới mức sắp trào ra. Mục quên không phục vụ ông, khiến cho bà chánh án phải nhắc (bằng giọng như thế nào nhỉ?... Ông anh họ đỏ mặt lên khi nghe thấy) hoặc là mục làm đổ nước xốt lên áo quần của ông. Tóm lại, đấy là một cuộc chiến tranh của người bẻ dưới biết là không bị trừng phạt, chống lại một người bẻ trên bất hạnh. Vừa là lao công, vừa là hầu phòng, Madeleine đã theo ông bà Camusot từ ngày họ mới cưới. Mục đã thấy các chủ nhân của mình trong buổi đầu hàn vi, ở tỉnh nhỏ, khi ông còn là thẩm phán của tòa án Alençon; mục đã giúp họ sống khi ông Camusot, chánh án tòa án Mantes, đến Paris năm 1828, nơi ông được bổ nhiệm làm dự thẩm. Vậy là mục quá gắn bó với gia đình nên không thể không có lý do để trả thù. Muốn chơi cho bà chánh án kiêu hãnh và nhiều tham vọng một vố, là trở thành em họ của ông chánh án, ham muốn ấy ắt phải che đậy một mối căm thù âm ỷ nảy sinh từ một viên sỏi gây nên những vụ tuyết lở.

– Thưa bà, ông Pons của bà kia kìa! Lại còn mặc chiếc spencer nữa chứ! – Madeleine đến nói với bà chánh án – Tôi thật chẳng biết bằng cách nào mà ông ấy lại giữ được cái áo từ hai mươi nhăm năm trời!

Nghe tiếng chân đàn ông trong phòng khách nhỏ, ở khoảng giữa phòng khách lớn và phòng ngủ, bà Camusot nhìn con gái và nhún vai.

– Madeleine ạ, chị bao giờ cũng cố tình báo tin cho tôi biết vội vàng đến mức tôi không còn thời gian để xoay xở. – Bà chánh án nói.

– Thưa bà, Jean đã đi rồi, còn tôi thì chỉ có một mình, ông Pons đã gọi chuông và tôi đã mở cửa cho ông ấy. Vì ông ấy hầu như là người nhà, nên tôi không thể ngăn ông ấy đi theo tôi. Ông ấy đang đứng kia và đang cởi bỏ chiếc spencer.

– Con gái Minette tội nghiệp của mẹ, – Bà chánh án nói với con gái – mẹ con ta bị bắt chợt rồi, bây giờ chúng ta phải ăn tại đây thôi.

Rồi bà lại nói tiếp khi thấy vẻ mặt buồn thiu của Minette:

– Này, phải chăng chúng ta nên rũ bỏ hủ lậu ấy đi?

– Ôi, con người tội nghiệp! – Cô Camusot trả lời – Tước mắt của ông ta một bữa ăn!

Căn phòng khách nhỏ vang lên tiếng ho vờ khù khụ của một người như muốn nói rằng: “Tôi đã nghe thấy tất cả rồi!”

– Này, để ông ta vào đi! – Bà Camusot vừa nói với Madeleine, vừa làm động tác nhún vai.

– Bác ơi, bác tới sớm quá, – Cécile Camusot nói, ra vẻ vốn vã dễ thương – đến nỗi mẹ con cháu bị bắt ngờ đúng lúc mẹ cháu sắp thay áo.

Ông anh họ Pons không để lọt khỏi mắt cử chỉ nhún vai của bà chánh án, bị trúng đòn ác tới mức không tìm được lời khen nào để nói, và đành bằng lòng với câu nói sâu sắc này: “Cô cháu bé nhỏ ơi, cháu bao giờ cũng dễ thương”. Rồi quay sang bà mẹ và chào: “Chào cô, chắc cô không giận tôi vì tôi đã đến sớm hơn lệ thường một chút, tôi đem đến cho cô thứ mà cô có nhã ý hỏi tôi...”

Và ông Pons khốn khổ, người đã cưa đôi ông chánh án, bà chánh án và Cécile mỗi khi xưng hô *anh họ* với họ, ông đã rút từ túi áo bên một chiếc hộp nhỏ, cực xinh, thon thon, bằng gỗ vùng Sainte – Lucie, chạm trổ tuyệt diệu.

– À, tôi đã quên mất nó rồi đấy! – Bà chánh án nói cộc lốc.

Lời cảm thán ấy không tàn nhẫn hay sao? Nó không tước mất mọi công lao chăm chút của người bà con mà sai lầm duy nhất chỉ vì là một người bà con nghèo hay sao?

– Nhưng bác tốt quá, bác ạ! – Bà chánh án nói tiếp – Tôi phải trả bác nhiều tiền về cái vật bé nhỏ ngớ ngẩn này không?

Câu hỏi ấy gây nên một cái gì đấy như cơn rừng mình sâu xa ở ông anh họ, vì ông có ý định trả tiền tất cả các bữa ăn bằng cách dâng hiến vật quý này.

– Tôi cứ ngỡ rằng cô cho phép tôi được biếu nó cho cô. – Ông lão nói bằng giọng cảm động.

– Sao? Sao cơ? – Bà chánh án lại tiếp – Giữa bác và tôi thì cần gì phải khách sáo! Chúng ta biết nhau đủ rõ để cùng giải quyết việc trong nhà với nhau. Tôi biết là bác không có nhiều tiền để tiêu xài mặc sức. Bác đã mất thì giờ chạy tìm mua ở khắp nơi, như thế chẳng phải là đã nhiều rồi hay sao?...

– Thưa cô thân mến, cô sẽ chẳng muốn mua chiếc quạt này nếu cô phải trả theo giá trị của nó. – Con người đáng thương bị méch lòng trả lời – Bởi vì đó là một kiệt tác của Watteau, ông đã vẽ cả hai mặt quạt. Nhưng cô hãy yên lòng, thưa cô, tôi không phải trả đến một phần trăm giá trị của nghệ thuật đâu.

Bảo một kẻ giàu rằng họ nghèo, tức là bảo ông tổng giám mục của Grenade rằng những bài thuyết giáo của ngài vô giá trị. Bà chánh án quá hãnh diện về địa vị của chồng bà, về quyền sở hữu đất ở Marville, về những buổi được mời dự vũ hội trong triều nên không tránh khỏi bầm gan tím ruột vì một nhận xét như thế, nhất là lại do một ông nhạc sĩ khổ nói ra, mà đối với ông ta, bà chánh án tự đặt mình vào địa vị người ban ơn.

– Những kẻ được bác mua cho những thứ ấy, lại ngu đến thế kia à? – Bà chánh án nói luôn.

– Ở Paris không có những lái buôn ngu. – Pons đáp lại, hầu như xãng giọng.

– Thế thì chính bác là người đã rất có đầu óc. – Cécile nói để làm dịu bớt cuộc tranh luận.

– Cháu gái ơi, bác có đầu óc để nhận biết Lancret, Pater, Watteau, Greuze; nhưng đặc biệt là bác muốn được làm vui lòng bà mẹ yêu quý của cháu.

Đốt và hợm, bà De Marville không muốn tỏ vẻ nhận một tý gì của lão ăn chực, và cái đốt ấy rất được việc cho bà, vì bà không biết cái tên Watteau. Nếu điều gì thể hiện được lòng tự ái của những người sưu tập có thể đi đến đâu, chắc chắn đấy là một trong những điều tự ái gay gắt nhất, vì nó chẳng kém lòng tự ái của các tác giả, thì đấy là Pons đã cả gan đối đầu với bà em họ, lần đầu kể từ hai mươi năm nay. Sừng sốt vì sự táo toan của mình, Pons lấy lại thái độ bình thản bằng cách phân tích tỉ mỉ cho Cécile thấy vẻ đẹp chạm trổ tinh vi của những chiếc nan quạt tuyệt vời. Nhưng để đi sâu vào toàn bộ bí mật của ông già bực bội như thế nào tận đáy lòng, thì cần phải phác qua vài nét về bà chánh án đã.

Ở vào tuổi bốn mươi sáu, bà Marville xưa kia bé nhỏ, tóc vàng, mỡ màng và tươi tắn, luôn luôn thấp bé, nay trở nên khô đét. Cái trán dô, cái miệng hõm, trước kia được tuổi trẻ điểm tô bằng khí sắc tinh tế, nay thay đổi đáng vẻ, vốn kiêu kỳ, thành cau có. Thói quen chế ngự tuyệt đối trong gia đình đem lại cho bà nét mặt đanh và khó chịu. Theo thời gian, mái tóc vàng đã ngả sang đỏ quạch. Đôi mắt vẫn còn nhanh và sắc lạnh biểu lộ một vẻ kiêu căng của dân tư pháp chứa chất nổi đố kỵ bị kìm nén. Quả vậy, bà chánh án hầu như nghèo nàn giữa cái xã hội trưởng giả hãnh tiến mà Pons vẫn thường đến ăn. Bà không tha thứ cho ông cụ buôn thuốc giàu có, ngày trước là chánh án Tòa án Thương mại, nay liên tiếp trở thành nghị sĩ, bộ trưởng, bá tước và nguyên lão! Bà không tha thứ cho ông bố chồng về việc được cử làm đại biểu của quận, thiệt hại cho con trai cả, khi

Popinot được lên tước nguyên lão. Sau mười tám năm phục vụ ở Paris, bà còn chờ cho Camusot lên địa vị cố vấn của Tòa pháp án mà ông đã bị gạt ra vì thiếu năng lực mà ai cũng biết ở Tòa. Ông bộ trưởng bộ Tư pháp từ năm 1844 đã ân hận vì sự bổ nhiệm Camusot vào chức chánh án vào năm 1834; nhưng người ta đã đưa ông vào Viện công tố là nơi, nhờ ở sự quen công biết việc của một cựu dự thẩm, ông giúp được việc ra các bản án. Những thất vọng ấy, sau khi đã làm tiêu hao bà chánh án Marville là người kể ra cũng không làm về giá trị của ông chồng, làm cho bà trở nên góm ghềnh. Tính cách của bà vốn đã đành thép, lại càng thêm cầu cẩu. Cần cỗi hơn cả tuổi tác, bà làm ra vẻ thô nhám và cứng quèo như một cái bàn chải để có được, do sợ hãi, tất cả những cái mà mọi người định khước từ bà. Cay độc quá đáng, bà ít có bạn bè. Bà rất có oai, vì bà tập hợp quanh mình mấy bà già sùng tín cùng loại như bà, họ ủng hộ bà để được bà ủng hộ. Cho nên những quan hệ của ông Pons đáng thương với con quỷ mặc váy ấy là quan hệ của một học sinh với một thầy giáo chỉ biết nói bằng thước kẻ. Bà chánh án vậy là không hiểu được sự táo bạo bất chợt của ông anh họ, bà không biết giá trị của món quà.

– Thế bác đã tìm được nó ở đâu đấy? – Cécile vừa xem xét món trang sức, vừa hỏi.

– Ở phố Lappe, tại nhà một tay buôn đồ cũ vừa đem về từ một lâu đài mới bị xâm xé ở gần Dreux. Aulnay là một tòa lâu đài bà Pompadour đôi khi có đến ở trước khi xây dựng Ménars, người ta đã cứu vãn được từ đấy những tấm gỗ lát tường đẹp chưa từng có, đẹp đến nỗi Liénard, nhà điêu khắc gỗ nổi tiếng, đã giữ lại trong số đó, như là những *đỉnh cao*¹ của nghệ thuật, hai cái khung hình bầu dục để làm mẫu... Ở đấy có những kho báu. Tay buôn đồ cũ của bác đã thấy cái quạt này trong một cái *bàn có ngăn kéo* bằng gỗ khảm mà lẽ ra bác đã mua nếu bác sưu tập những tác phẩm đó. Nhưng

1. Tiếng Latinh trong nguyên văn: *nec plus ultra*.

không thể với tới được! Một thứ đồ gỗ của Riesener mà giá những ba bốn nghìn phơ-răng! Ở Paris, người ta bắt đầu nhận thấy rằng những thợ khảm gỗ nổi tiếng người Đức, người Pháp thế kỷ mười sáu, mười bảy và mười tám đã làm được những bức tranh thực sự bằng gỗ. Cái tài của người sưu tập là đi trước thời trang. Này! Chỉ năm năm nữa thôi, ở Paris, người ta sẽ trả giá cho những đồ sứ Frankenthal mà bác đã sưu tập được cách đây hai mươi năm, đắt hơn hai lần thứ làm bằng bột mịn của Sèvres.

– Frankenthal là cái gì cơ? – Cécile hỏi.

– Đây là tên xưởng làm đồ sứ của Tuyển hầu đất Palatin; nó còn cổ hơn cả xưởng Sèvres của ta, cũng như những vườn hoa nổi tiếng của Heidelberg bị Turenne tàn phá, đã không may tồn tại trước cả những vườn hoa của Versailles. Sèvres đã mô phỏng nhiều theo Frankenthal... Người Đức, nói cho công bằng, đã làm trước chúng ta bao nhiêu điều tuyệt diệu ở Saxe và ở trong vùng Palatinat.

Bà mẹ và cô con gái nhìn nhau như thể Pons nói với họ bằng tiếng Tàu, vì ta không thể hình dung ra được người Paris dốt nát và cố chấp biết bao nhiêu; họ chỉ biết cái người ta dạy cho họ, khi họ muốn học.

– Thế bác nhận ra hàng của Frankenthal bằng cái gì?

– Bằng chữ ký. – Pons trả lời sôi nổi – Tất cả những kiệt tác làm say đắm lòng người đều được ký tên cả. Hàng của Frankenthal mang chữ C và chữ T (Charles – Théodore) kết với nhau và bên trên là một cái mũ miện. Hàng của Saxe lâu đời có hai thanh kiếm và số thứ tự bằng vàng. Vincennes ký bằng một chiếc tù và. Vienne thì có một chữ V khép kín và có gạch ngang. Berlin có hai nét gạch ngang. Mayence có chiếc bánh xe. Sèvres là hai chữ LL, và đồ sứ của hoàng hậu có một chữ A ý muốn chỉ Antoinette, bên trên là vương miện. Thế kỷ mười tám, tất cả các vua chúa ở châu Âu đều ganh nhau làm đồ sứ. Họ tranh nhau thợ. Watteau vẽ các bộ đồ cho xưởng chế tạo ở Dresde, và tác phẩm của ông được trả giá cao ghê gớm.

(Phải sành, vì ngày nay, Dresde lập lại và sao chép lại). Thời đó, người ta đã chế tạo ra những thứ tuyệt vời và người ta sẽ thôi không làm lại nữa...

– Ô hay!

– Phải, cháu ạ. Người ta sẽ không làm lại một số đồ gỗ khảm, một số đồ sứ, cũng như người ta sẽ không làm lại những Raphaël, những Titien, cả những Rembrandt, cả những Van Eyck, cả những Cranach!... Nay, người Trung Quốc rất khéo léo, ngày nay, họ sao lại những sản phẩm của đồ sứ gọi là Đại Quan. Thế là hai cái bình Đại Quan cổ cỡ lớn nhất, trị giá sáu, tám, mười nghìn phơ-răng, còn loại bình bắt chước ngày nay chỉ giá hai trăm phơ-răng!

– Bác nói đùa thế chứ!

– Cháu ơi, những giá đó làm cháu ngạc nhiên, nhưng chưa là cái gì. Không những một bộ đồ hoàn chỉnh cho bữa ăn của mười hai người bằng bột mịn của Sèvres, chẳng phải đồ sứ, đáng giá một trăm nghìn phơ-răng, mà đây là giá ghi trong hóa đơn. Một bộ tương tự như thế, ở Sèvres, vào năm 1750, phải trả năm mươi nghìn livrơ. Bác đã xem các hóa đơn gốc .

– Hãy trở lại chuyện cái quạt này đi. – Cécile nói khi thấy món đồ trang sức có vẻ quá cũ kỹ.

– Cháu hiểu cho rằng bác đã chạy đi lòng, ngay từ khi bác có vinh dự được mẹ cháu hỏi một cái quạt – Pons đáp – Bác đã tìm gặp khắp mọi lối buôn ở Paris mà tuyệt nhiên không thấy có cái nào đẹp; bởi vì đối với bà chánh án quý mến, bác cần một kiệt tác, và bác nghĩ đến việc đưa đến cho bà chiếc quạt của Marie – Antoinette, cái đẹp hơn cả trong hết thảy những cái quạt nổi tiếng. Nhưng hôm qua, bác mới hoa cả mắt lên vì cái kiệt tác tuyệt trần này, chắc hẳn do vua Louis XV đã đặt mua. Tại sao bác phải đi tìm một cái quạt ở phố Lappe, ở nhà một gã vùng Auvergne bán những đồ đồng, đồ sắt, đồ gỗ mạ vàng? Bác, bác tin vào trí thông minh của những đồ nghệ

thuật, chúng biết những người ham chuộng, chúng gọi họ, chúng kêu lên với họ: Chít! Chít!...

Bà chánh án nhún vai nhìn con gái, mà Pons không thể trông thấy cái điệu bộ mau lẹ ấy.

– Bác biết hết chúng, cái bọn *biển lận* ấy! “Bố có gì mới không, bố Monistrol? Bố có những bức hoành cửa không đấy?”, bác đã hỏi lão lái buôn ấy, cái lão đã cho phép bác ngó vào những đồ lão mới mua được trước những nhà buôn lớn. Thấy hỏi như thế, Monistrol mới kể cho bác nghe về Liénard, người đã từng tạc trong giáo đường Dreux biết bao nhiêu thứ đẹp đẽ do kinh phí của hoàng gia; Liénard đã cứu được những tấm ván lót tường có chạm khắc trong cuộc mua bán ở Aulnay, không để chúng rơi vào bàn tay lung sục những đồ sù và đồ gỗ khảm của những lái buôn Paris. Lão bảo bác: “Tôi không có gì to tát nhưng tôi có thể kiếm được chuyến đi với cái ấy đấy!”. Và lão chỉ cho bác cái bàn có ngăn kéo, tuyệt ơi là tuyệt! Đây là những hình vẽ của Boucher khảm trên gỗ bằng một nghệ thuật... Thật đáng để quỳ gối khâm phục! Lão nói với bác: “Này, ông ơi, tôi vừa thấy chiếc quạt này trong một ngăn kéo nhỏ đóng kín, không có chìa khoá và tôi đã phải phá khoá đấy, cái quạt này này! Ông bảo tôi có thể bán nó cho ai nào...”. Và lão kéo ra cho bác xem cái hộp con bằng gỗ Sainte – Lucie có chạm trổ này. “Xem này! Chính là của cái bàn kiểu Pompadour, giống như thứ đồ cổ có hoa”. Bác đã trả lời lão: “Ồ! Cái hộp thật là đẹp, nó có thể hợp với tôi đấy! Vì cái quạt, bố già Monistrol ơi, tôi chẳng có một bà Pons nào để đem tặng món trang sức cổ ấy, vả lại người ta có thể làm những cái quạt mới, tuyệt đẹp. Ngày nay, người ta vẽ những giấy da bê ấy một cách thần diệu và khá rẻ. Ông biết là có đến hai nghìn họa sĩ ở Paris đấy!”. Rồi bác hững hờ mở cái quạt ra, cố nén sự hâm mộ, lạnh lùng nhìn hai bức tranh nhỏ đường nét tuyệt vời đến mê hồn. Bác cầm trong tay chiếc quạt của bà Pompadour! Watteau đã hao tâm kiệt sức vẽ nên cái này! “Món đồ gỗ, ông lấy bao nhiêu?”. – “Ồ, một nghìn phorăng, người ta đã trả tôi như thế đấy!”. Bác trả giá cái quạt coi như

tương đương với phí tổn cho chuyến đi của lão. Chúng tôi nhìn nhau chăm chăm và bác thấy là bác đã nắm được con người này rồi. Bác đặt luôn cái quạt vào trong hộp để cho lão người Auvergne không thể giấu kỹ được, và bác ngáy ngất về cách làm ra chiếc hộp, quả đó là một món đồ trang sức thực sự. Bác bảo Monistrol: “Nếu tôi mua thì chính là vì, ông thấy đấy, tôi chỉ thèm chiếc hộp thôi. Còn chiếc bàn có ngăn kéo, ông sẽ bán được hơn một nghìn phơ-răng kia. Ông nhìn xem, những chỗ bằng đồng được chạm trổ khéo biết mấy! Thật là những kiểu mẫu... Người ta có thể khai thác nó..., nó không thể được sản xuất ra lần thứ hai, người ta chỉ làm *độc một cái* cho bà Pompadour thôi”... Lão lái buôn *sáng mắt lên* vì chiếc bàn có ngăn kéo của lão, quên ngay chiếc quạt, cho không bác vì bác đã phát hiện cho lão vẻ đẹp của món đồ gỗ Riesener. Thế đấy! Nhưng phải có kinh nghiệm để kết thúc những chuyện mua bán như thế! Đấy là những cuộc vật lộn mắt chọi mắt, và con mắt của một tên Do Thái, hay một tên người xứ Auvergne mới ghê gớm làm sao chứ!

Bộ tịch bắt chúc tuyệt vời, cái nhiệt hừng của người nghệ sĩ già, trong khi kể lại thắng lợi sự ranh ma của mình đối với sự ngu dốt của lão buôn đồ cũ, làm cho ông trở thành một kiểu mẫu xứng đáng với ngọn bút vẽ Hà Lan, tất cả đều toi công đối với bà chánh án và cô con gái đang nói với nhau qua việc trao đổi những cái nhìn lạnh lùng và khinh khỉnh.

– Người đầu mà kỳ quặc!...

– Vậy ra điều đó làm bác vui thích ư? – Bà chánh án hỏi.

Pons, lạnh người vì câu hỏi ấy, chỉ muốn nện cho bà chánh án.

– Nhưng thưa cô thân mến, – Ông nói tiếp – đấy là một cuộc săn lùng những kiệt tác! Mà người ta phải mặt đối mặt với những địch thủ đang bảo vệ con mồi! Đấy là mưu đối mẹo! Một kiệt tác kèm theo một gã người xứ Normandie, một gã Do Thái hoặc một gã người xứ Auvergne, thì hết như trong những truyện cổ tích, cô công chúa có lũ phù thủy canh giữ.

– Thế sao bác biết đấy là do Wat..., bác đã nói thế nào nhỉ?

– Watteau! Cô ơi, một trong những họa sĩ Pháp lớn nhất thế kỷ mười tám đấy! Này, thế cô không thấy chữ ký à? – Pons vừa nói, vừa chỉ vào một trong những hình vẽ gồm những cô đóng giả gái quê và các đại lãnh chúa đóng giả những anh chần chừ quay thành vòng tròn mà nhảy – Linh hoạt chưa! Hào hứng biết mấy! Giàu màu sắc biết mấy! Và được vẽ chỉ trong một nét như nét gạch dưới chữ ký của một ông thầy dạy viết; người ta không cảm thấy bàn tay lao động! Và mặt kia nữa kìa! Một cuộc khiêu vũ trong phòng khách! Đây là mùa đông và mùa hạ! Trang trí đẹp biết bao! Và được giữ gìn cẩn thận biết bao! Cô xem đây này, khâu bịt cán thì bằng vàng, và đầu mỗi bên lại có một viên hồng ngọc bé xíu đã được tôi cạo cho sạch!

– Bác ơi, nếu vậy thì tôi không thể nhận của bác một vật quý đến thế. Tốt nhất là bác nên dùng nó để sinh lợi. – Bà chánh án nói vậy tuy không mong gì hơn là được giữ lại chiếc quạt tuyệt vời ấy.

– Đã đến lúc cái đã phục vụ cho Thối xấu phải nằm trong tay Đức hạnh! – Ông già vừa nói vừa lấy lại tự tin – Phải mất đến một trăm năm để thực hiện điều kỳ diệu ấy. Xin cô hãy tin chắc rằng không một công chúa nào trong triều đình lại có cái gì có thể so sánh được với kiệt tác này; bởi vì rủi thay, bản chất của con người là làm cho một bà Pompadour nhiều hơn là làm cho một bà hoàng đức hạnh!...

– Thôi được rồi, tôi nhận. – Bà chánh án vừa nói vừa cười – Cécile, thiên thần bé nhỏ của mẹ ơi, con hãy cùng với bà Madeleine xem xem bữa ăn cho xứng đáng với ông bác của chúng ta...

Bà chánh án muốn trả món nợ. Lời dặn dò được nói to lên, trái với phép lịch sự, giống hệt như món tiền thanh toán, khiến cho Pons phải ngượng chín mặt như một cô gái bị bắt quả tang mắc lỗi. Hạt sạn hơi quá lớn, lăn trong trái tim ông một lúc. Cécile là con người trẻ tuổi, tóc đỏ hoe, cung cách nghiêm thối thông thái rởm, làm bộ

trình trọng kiếu quan tòa của ông chánh án và phảng phất sự khờ khan của bà mẹ, cô biến mất để lại ông Pons đáng thương đương đầu với bà chánh án đáng sợ.

– Cháu Lili ấy, con bé thật là dễ thương. – Bà chánh án nói vậy, luôn luôn gọi Cécile bằng cái tên rút gọn hồi còn bé.

– Duyên dáng quá! – Người nhạc sĩ già đáp lại, ông ngồi dưng không làm gì cả.

– Tôi không hiểu gì về thời đại chúng ta đang sống. – Bà chánh án đáp – Có một người cha làm Chánh án ở Hoàng gia Pháp viện và được thưởng Bắc đẩu bội tinh hạng ba, có một người ông là nghị sĩ triệu phú, một nguyên lão tương lai của nước Pháp, người giàu có nhất trong những thương gia bán buôn tơ lụa để mà làm gì kia chứ?

Sự tận tụy của ông chánh án với triều đại mới đã khiến ông mới đây được thưởng huân chương, mà vài kẻ đổ kị cho là do ông quen thân với Popinot. Vị bộ trưởng này, dẫu khiêm tốn, nhưng như người ta thấy đấy, vẫn cứ để được phong bá tước. Ông nói với nhiều bạn hữu:

– Vì con trai tôi đấy mà.

– Ngày nay, người ta chỉ cần tiền, – Ông anh họ Pons trả lời như thế – người ta chỉ trọng vọng những kẻ giàu có, và...

– Vậy sẽ ra sao, – Bà chánh án kêu lên – nếu Chúa để lại cho tôi thằng bé Charles đáng thương?...

– Ô, có hai con, cô sẽ thành nghèo khó! – Ông anh họ trả lời – Đây là kết quả của việc chia đều của cải, nhưng xin hãy yên lòng, cô ạ, Cécile sẽ lấy chồng danh giá. Tôi thấy chẳng đâu có một cô gái toàn vẹn đến thế.

Đấy, Pons đã hạ thấp trí óc của mình đến mức độ nào ở nhà các vị chủ tiệc: ông nhắc đi nhắc lại những ý nghĩ của họ, ông bình luận với họ những ý nghĩ ấy một cách vô vị, theo cách của những ban

đồng ca thời cổ đại. Ông không dám nói năng độc đáo vốn là đặc trưng của các nghệ sĩ, như hồi còn trẻ lời ăn tiếng nói của ông hết sức sâu sắc hóm hỉnh, nhưng nó hầu như bị thủ tiêu do ông quen tự xóa mờ mình đi, và khi nó xuất hiện trở lại thì liền bị người ta bắt bẻ như vừa nãy.

– Thế nhưng tôi đã lấy chồng với hai mươi nghìn phơ-răng của hồi môn, duy có điều...

– Vào năm 1819, cô ạ! – Pons ngắt lời– Và đấy là cô, một phụ nữ có đầu óc, một thiếu nữ được vua Louis XVIII che chở!

– Nhưng mà, con gái tôi là một đứa rất mực hoàn hảo, thông minh; nó giàu tình cảm, nó có một trăm nghìn phơ-răng lúc lấy chồng, không kể đến những triển vọng đẹp đẽ nhất, và chúng tôi vẫn còn phải trông nom nó...

Bà De Marville nói về con gái và về chính mình trong hai mươi phút, cứ kêu ca phàn nàn như các bà mẹ có con gái đang định gả chồng. Từ hai mươi năm nay, khi ông nhạc sĩ già đến ăn bữa tối ở nhà người em họ độc nhất là Camusot, con người khốn khổ ấy vẫn chờ một lời hỏi han về công việc, về đời sống, về sức khỏe của ông. Và chẳng ở đâu Pons cũng như một thứ cống rãnh để người ta tuôn mọi chuyện bí mật trong nhà, ông được tiếng là hết sức kín mồm kín miệng, vì chỉ một lời khinh suất cũng đủ khiến cho ông bị cấm cửa ở mười nhà; vai trò người nghe của ông được kèm thêm vai trò của người thường xuyên tán thưởng; ông mỉm cười với tất cả, ông không chê ai bênh ai; đối với ông, ai cũng có lý cả. Cho nên, ông không được tính đến như một con người, đấy là một cái dạ dày! Trong cái trường thoai dài trên kia, bà chánh án đã thú nhận với ông anh họ – chẳng phải là không có đôi chút dè dặt – rằng bà đành phải hầu như nhắm mắt chấp nhận bất cứ đám nào đến hỏi con gái bà. Thậm chí nếu có người đàn ông nào bốn mươi tám tuổi bà cũng xem là được, miễn là anh ta có hai mươi nghìn phơ-răng niên kim.

– Cécile đang ở tuổi hăm ba, nếu không may đến tuổi hăm năm hoặc hăm sáu thì sẽ hết sức khó gả chồng. Lúc ấy, mọi người sẽ hỏi tại sao một cô thiếu nữ lại đứng không lâu đến thế. Người ta đã bàn ra nói vào nhiều trong xã hội chúng ta về tình cảnh ấy. Chúng tôi đã viện ra hết các lý do thông thường như: “Cháu nó còn trẻ lắm – Cháu nó quá yêu bố mẹ nên chưa muốn rời ra – Cháu nó được sung sướng ở nhà – Cháu nó khó tính, cháu muốn có được người danh giá!”. Chúng tôi sẽ trở nên nực cười, tôi biết thế lắm. Hơn nữa, Cécile chờ đợi đã mệt rồi, nó đang đau khổ, tội nghiệp con bé...

– Vì cái gì cơ? – Pons hỏi một cách ngốc nghếch.

Bà mẹ nói tiếp với giọng câu kinh:

– Nó xấu hổ thấy các bạn nó đều lấy chồng trước nó cả rồi.

– Thừa cô, đã có gì thay đổi, kể từ lần cuối cùng tôi được hạnh phúc ăn tại đây, mà cô lại nghĩ đến những người bốn mươi tám tuổi?
– Ông nhạc sĩ nghèo nói khiêm tốn.

– Có điều là, – Bà chánh án trả lời – chúng tôi đã có một cuộc gặp gỡ tại nhà ông ủy viên hội đồng ở triều đình có cậu con trai ba mươi tuổi, có một tài sản đáng kể, và là người mà ông De Marville có thể kiếm cho được, miễn là có tiền, một chân kiểm toán ở Tòa kết toán. Chàng trẻ tuổi đã là viên chức hậu bổ ở đấy. Thế mà người ta vừa cho chúng tôi biết là anh ta lại bàn chuyện đi ra đi Ý, thấp tẹt một nữ quận công vùng Bal Mabilie. Đây là một kiểu chơi từ khéo. Người ta không muốn cho chúng tôi một anh thanh niên mẹ đã chết và đã được hưởng ba mươi nghìn pho-răng lợi tức trong khi chờ đợi thừa kế gia tài của ông bố. Vì thế, bác phải thứ lỗi cho chúng tôi về tính khí không được vui, bác thân mến ạ! Bác đã tới đúng vào lúc gay go.

Đúng lúc Pons đang tìm một câu trả lời tăng bốc, thường vẫn đến với ông quá muộn ở nhà các ông chủ tiệc mà ông rất sợ, thì Madeleine bước vào, đưa một bức thư nhỏ cho bà chánh án và chờ bà chánh án trả lời. Bức thư viết thế này:

“Thưa mẹ thân yêu, nếu chúng ta nói rằng bức thư nhỏ này là
“của cha con từ Tòa án gửi về bảo mẹ đến dùng bữa với con
“ở nhà ông bạn của cha con để nối lại chuyện cưới hỏi của
“con, thì ông bác họ sẽ ra về, và mẹ con ta có thể tiếp tục
“những dự định của chúng ta tại nhà ông Popinot”.

– Ông đã sai ai đưa tới cho ta thế này?– Bà chánh án vội hỏi.

– Một tùy phái ở Tòa án. – Mụ Madeleine gầy guộc trăng tráo trả lời.

Bằng câu trả lời ấy, mụ hầu cho bà chủ thấy là mụ đã sắp xếp cái mưu mô kia cùng với Cécile đang sốt ruột.

– Hãy bảo là con gái ta và ta sẽ có mặt tại đây lúc năm giờ rưỡi.

Madeleine ra rồi, bà chánh án nhìn ông anh họ Pons, làm ra vẻ nhả nhận, nó tác động đến một tâm hồn tế nhị như dấm trộn với sữa tác động lên lưỡi một kẻ sành ăn.

– Bác thân mến ơi, bữa ăn đã được sắp đặt rồi, bác sẽ ăn một mình, vì nhà tôi đã viết cho tôi từ phiên tòa để báo cho tôi biết là dự định về chuyện hôn nhân sẽ lại tiếp tục bàn với ông ủy viên hội đồng, và chúng tôi sẽ đến ăn tại đây... Bác biết rằng chúng ta thoải mái với nhau như người nhà. Bác cứ việc xử sự ở đây như ở nhà bác thôi. Bác thấy tôi đã thành thật với bác là người mà tôi chẳng giấu giếm điều gì... Bác không muốn làm lỡ cuộc hôn nhân của vị thiên thần bé nhỏ ấy chứ?

– Tôi, thưa cô, ngược lại, tôi muốn tìm cho cháu một tấm chồng; nhưng trong đám quen biết của tôi...

– Phải, sao có thể được. – Bà chánh án xác xược đáp lại – Vậy thì, bác ở lại chứ? Cécile sẽ tiếp chuyện bác trong lúc tôi đi thay quần áo..

– Ô, thưa cô, tôi có thể ăn ở nơi khác. – Ông già nói.

Mặc dù đau đớn xé ruột xé gan vì cách xử sự của bà chánh án để chê ông nghèo, ông còn lo sợ hơn nữa về cái viễn ảnh chỉ còn lại một mình với bọn tôi tớ trong nhà.

– Nhưng tại sao?... Bữa ăn đã dọn, bọn tôi tớ sẽ ăn mất.

Nghe thấy câu nói ghê tởm ấy, Pons đứng phắt dậy như bị điện giật, lạnh lùng chào bà em họ và ra lấy lại chiếc áo spencer. Cửa buồng ngủ của Cécile thông ra phòng khách nhỏ, lúc này mở hé, nên khi nhìn vào tấm gương trước mặt, Pons thấy cô gái đang cười rũ rượi ra hiệu cho mẹ bằng đầu và bằng nét mặt, để lộ ra cho ông nghệ sĩ già thấy là họ đang lừa bịp một cách hèn nhát. Pons chậm bước xuống cầu thang, cố nén cho khỏi rơi nước mắt: ông thấy bị đuổi ra khỏi cái nhà này mà không biết vì sao. – Bây giờ mình đã già quá rồi – Ông tự nhủ – người đời ghê tởm tuổi già và sự nghèo khó, là hai điều xấu xí. Mình chẳng còn muốn đến bất cứ nơi đâu mà không được mời”. Lời nói thật anh hùng đấy!...

Cửa bếp ở tầng trệt đối diện với phòng của người gác cổng, thường để ngỏ, như trong những nhà có chủ sở hữu ở, và cổng xe bao giờ cũng đóng kín; ông già vì thế có thể nghe thấy tiếng cười của ả nấu bếp và gã hầu phòng là những kẻ được Madeleine kể cho nghe cái vớ mụ đã chơi cho Pons, vì mụ không ngờ là ông lão lại bỏ đi mau lẹ đến thế. Tên hầu phòng ngang nhiên tán thưởng trò đùa cợt ấy đối với một khách quen của gia đình, cái ông khách, như nó nói, không bao giờ bỏ ra quá một đồng êquy nhỏ cho tiền mừng tuổi!

– Ủ, nhưng nếu lão giận và không quay trở lại nữa, – ả đầu bếp nhận xét – thì chúng ta cũng cứ là mất toi ba phơ-răng vào ngày mồng một Tết...

– Ê, làm sao mà lão có thể biết được? – Tên hầu phòng trả lời ả nấu bếp.

– Ôi chà! – Madeleine đáp – Sớm một chút, muộn một chút, thì có ảnh hưởng gì đến chúng ta cơ chứ? Lão làm phiền các chủ nhà mà lão tới ăn đến mức đầu đầu người ta cũng sẽ xua đuổi lão.

Đúng lúc ấy, người nhạc sĩ già mới kêu lên với mụ giữ cửa: “Làm ơn mở cửa cho!”. Tiếng kêu đau đớn ấy được đáp lại bằng sự im lặng như tờ của nhà bếp.

– Lão ta nghe thấy rồi! – Tên hầu phòng nói.

– Thì sao? Mặc kệ, hay đúng hơn là càng hay, – Madeleine đáp lại – đấy là một gã kiết xác kiết xơ!

Con người đáng thương, không bỏ sót một lời nào nghe được trong bếp, còn nghe được lời cuối cùng này. Ông trở về nhà riêng qua các đại lộ, trong tình trạng của một bà già sau cuộc chống trả kịch liệt với bọn giết người. Ông vừa hấp tấp bước nhanh và co giật, vừa tự nói với chính mình, vì danh dự bị thương tổn xô đẩy ông như một cọng rơm bị một cơn gió giận dữ cuốn đi. Cuối cùng, ông tới đại lộ Temple vào lúc năm giờ, không biết vì sao lại đến đấy; nhưng thật là điều phi thường, ông không thấy may mắn thấy đôi.

Bây giờ, để hiểu được cuộc cách mạng mà sự quay trở lại của Pons vào cái giờ ấy sắp đưa vào nhà ông, thì những sự giải thích đã hứa về mụ Cibot thật là cần thiết ở đây.

Phố Normandie là một trong những phố mà ở giữa phố, người ta có thể tưởng như mình đang ở tỉnh lẻ: ở đấy cỏ nở hoa, ở đấy một kẻ qua đường cũng làm mọi người chú ý, và ở đấy ai nấy đều biết nhau. Nhà cửa bắt đầu có từ thời dưới triều vua Henri IV, lúc đó người ta tổ chức một khu mà mỗi phố lại mang tên một tỉnh, và ở giữa phải có một quảng trường đẹp cung hiến cho nước Pháp. Ý tưởng về khu châu Âu chính là sự lặp lại của sơ đồ ấy. Thế giới lặp lại ở mọi điều, mọi nơi, kể cả trong sự tư biện. Căn nhà do hai nhạc sĩ ở là một khách sạn cũ nằm giữa sân và vườn; nhưng mặt trước quay ra phố đã được xây dựng lúc phường Marais đang thịnh hành quá mức trong thế kỷ trước. Hai ông bạn chiếm toàn bộ tầng hai của khách sạn cũ. Căn nhà đôi ấy thuộc về cụ Pillerault, một ông cụ tám mươi tuổi, đã để lại quyền quản lý cho vợ chồng Cibot, những người gác cổng của cụ từ hai mươi sáu năm nay. Thế mà, vì người ta không

trả tiền công cho người gác cổng của Marais đủ nhiều để anh ta có thể sống bằng nghề gác cổng của mình, nên Cibot ngoài những khoản thu nhật nhạch, phải làm thêm; lão là thợ may, cũng như nhiều người gác cổng vậy. Theo thời gian, Cibot cũng thôi không may gia công cho các chủ may nữa, bởi vì sau khi đã được tăng lớp tiểu thị dân ở trong phường tín nhiệm, lão được hưởng một đặc quyền bất khả xâm phạm là vá vúi, mại lại, làm mới tất cả mọi thứ áo quần trong vòng chu vi ba phố. Phòng gác cổng thì rộng rãi và thoáng dăng, lão làm thêm một buồng tiếp giáp với nó. Cho nên gia đình Cibot được coi như một trong những gia đình sung sướng nhất trong số những ông gác cổng trong quận.

Cibot là một con người bé nhỏ, gầy guộc, xanh bủng vì suốt ngày ngồi xếp bằng trên một cái bàn cao ngang tầm cửa sổ có đặt lưới sắt trông ra phố. Bằng nghề nghiệp của mình, lão kiếm được chừng bốn mươi xu mỗi ngày. Lão vẫn còn làm việc, dù cho lão đã năm mươi tám tuổi rồi, nhưng năm mươi tám tuổi là cái tuổi đẹp nhất của những người gác cổng; họ đã quen với phòng gác cổng của họ, phòng gác cổng đối với họ trở thành một thứ vỏ sò đối với loài sò, và *cả phường biết đến họ!*

Mụ Cibot, xưa kia là cô phục vụ xinh đẹp ở nhà hàng, đã rời bỏ vị trí của mình ở quán Cadran – Bleu vì yêu Cibot, năm hăm tám tuổi, sau tất cả những cuộc phiêu lưu mà một cô phục vụ ở nhà hàng xinh đẹp ngẫu nhiên đã gặp. Sắc đẹp của phụ nữ bình dân kéo dài không lâu, nhất là khi họ đứng dựa cửa một quán ăn. Những tia nóng của bếp núc hắt lên nét mặt chai cứng lại, những chỗ rượu thừa trong chai uống cùng với bọn bồi bàn ngấm vào da, và chẳng có tuổi hoa nào chín nhanh hơn là tuổi hoa của một cô phục vụ. Thật may cho mụ Cibot, đám cưới hợp pháp và cuộc đời người gác cổng đến đúng lúc để gìn giữ mụ; mụ vẫn như một người mẫu của Rubens khi còn lưu lại được một vẻ đẹp khỏe khoắn mà những địch thủ của mụ ở phố Normandie thường vu khống gọi mụ là *mụ béo phì*. Màu sắc

da thịt của mẹ có thể sánh với lớp trắng ngon lành của những tảng bơ vùng Isigny; và mặc dù đầy đà, mẹ vẫn tỏ ra nhanh nhẹn vô song trong những công việc của mẹ. Mẹ Cibot đã tới cái tuổi mà những loại phụ nữ như thế buộc phải cạo râu. Thế không phải là nói rằng mẹ đã bốn mươi tám tuổi rồi hay sao? Một phụ nữ gác cổng có râu mép là một trong những bảo đảm chắc chắn nhất về trật tự và an ninh cho chủ nhà. Nếu Delacroix đã có thể trông thấy mẹ Cibot ngồi làm mẫu một cách hãnh diện trên cái chổi của mẹ, thì nhất định là ông có thể vẽ nên một Bellone!

Vị trí của cặp vợ chồng Cibot, nói theo phong cách của bản cáo trạng, thì một ngày kia, thật là điều đặc biệt, ắt hẳn tác động đến vị trí của hai người bạn; cho nên, người chép sử, muốn trung thành, buộc phải đi sâu vào một số chi tiết về phòng gác cổng. Tòa nhà mang lại chừng tám nghìn phơ-răng, vì nó có ba căn hộ trọn vẹn, chia thành phòng trong phòng ngoài, trông ra phố, và ba căn hộ trong tòa nhà cũ, ở khoảng giữa sân và vườn. Ngoài ra, một người bán sắt vụn tên là Rémonencq chiếm một cửa hàng quay ra phố. Tay Rémonencq này, mấy tháng nay chuyển sang nghề buôn những đồ cổ, đã biết rõ giá trị những đồ linh tinh của Pons đến nỗi gã chào ông từ mãi trong sâu cửa hàng, khi ông nhạc sĩ bước vào hoặc đi ra. Cho nên, khoản tiền nhật nhạp lên đến chừng bốn trăm phơ-răng cho vợ chồng Cibot, hơn nữa, họ còn không mất tiền thuê nhà và củi đun. Và chẳng, vì lương của Cibot được trung bình chừng bảy, tám trăm phơ-răng mỗi năm, với những quà cáp, hai vợ chồng được món lợi tức một nghìn sáu trăm phơ-răng, ăn tiêu hết sạch. Họ sống đàng hoàng hơn mọi người dân thường. Mẹ Cibot nói: “Người ta chỉ sống có một lần thôi mà!”. Sinh ra trong thời kỳ cách mạng, như người ta thấy, mẹ không biết đến sách giáo lý.

Từ những quan hệ với quán Cadrán – Bleu, mẹ gác cổng ấy, với cặp mắt màu da cam và hòm hĩnh, còn giữ được đôi chút kiến thức

1. Nữ thần chiến tranh của người La Mã.

về bếp núc khiến cho chồng mụ thành đối tượng thèm muốn của tất cả các bạn đồng nghiệp. Vì thế, đến độ tuổi, sắp bước về già, cặp vợ chồng này không có được trước mắt họ một trăm phơ-răng tiền tiết kiệm. Quần áo thơm tất, ăn uống đầy đủ, họ được kính trọng ở trong phường do hai mươi sáu năm hoàn toàn trung thực. Họ đã không có gì, thì họ cũng *chẳng có n'ấy một xu* nào nợ người khác, theo cách nói của họ, là bởi vì mụ Cibot đã đưa tràn lan những chữ N vào trong ngôn ngữ của mình. Mụ bảo chồng: “Mình n'là một cục cung!” Tại sao thế? Thì cũng bằng như hỏi vì sao mụ hững hờ đối với tôn giáo vậy thôi. Cả hai đều hãnh diện về cuộc sống công khai ấy, vì sự quý mến trong vòng sáu hoặc bảy phố, và về quyền hành mà *chủ sở hữu* của tòa nhà đã để lại cho họ, họ ngấm ngấm rên rĩ vì không có cả những lợi tức nữa. Cibot phàn nàn nào là đau bàn tay, nào là đau cẳng chân, còn mụ Cibot thì than phiền rằng lão Cibot khốn khổ của mụ vẫn còn phải làm việc ở độ tuổi của lão. Rồi đây có ngày sau ba mươi năm sống cuộc đời như thế, một lão gác cổng sẽ buộc tội chính quyền là bất công, lão sẽ đòi được thưởng Bắc đẩu bội tinh! Mỗi lần, khi nghe người ta bàn tán ở trong phường là có một cô hầu nào đấy, sau tám hoặc mười năm phục vụ, đã được ghi vào di chúc được hưởng ba hoặc bốn trăm phơ-răng đến trọn đời, thì thế là những lời ta thán từ nhà gác cổng này sang nhà gác cổng khác, có thể giúp cho ta hiểu sự ghen ghét diễn ra ở những nghề nghiệp hèn hạ tại Paris như thế nào.

– Chà chà! Chúng ta đây thì sẽ chẳng bao giờ có chuyện được ghi tên vào di chúc! Chúng ta không có may mắn! Tuy nhiên, chúng ta còn có ích hơn là lũ tội tở. Chúng ta là những người được tin cậy, chúng ta trông nom nhà cửa được an toàn; nhưng chúng ta được đối xử không hơn không kém những con chó, thế đấy!

– Chỉ có cái may, và cái không may. – Cibot nói như vậy trong khi mang về một bộ quần áo.

– Nếu tôi để ông Cibot ở nhà và tôi đi làm đầu bếp, thì chúng tôi sẽ có ba mươi nghìn phơ-răng tiền dành dụm. – Mụ Cibot hai tay

chống nạnh lên hai cái hông to tướng kêu lên như thế trong khi nói chuyện với bà hàng xóm – Tôi ít am hiểu về đời sống, chuyện được có chỗ ăn chỗ ở, được sưởi ấm trong một căn hộ tươm tất và chẳng thiếu thốn thứ gì.

Năm 1836, khi hai ông bạn đến chiếm riêng cho họ tầng hai của cái khách sạn cũ, họ đã gây ra một thứ cách mạng trong nhà Cibot. Chuyện là thế này. Schmucke, cũng như ông bạn Pons của lão, có thói quen là nhờ những người gác cổng nơi họ đến ở, nam cũng như nữ, đến làm những công việc dọn dẹp. Hai lão nhạc sĩ khi đến ở phố Normandie, đã đồng ý thỏa thuận với mẹ Cibot, để mẹ làm người giúp việc nội trợ với giá hai mươi năm phơ-răng một tháng, mười hai phơ-răng năm mươi xu mỗi người. Sau một năm, mẹ gác cổng thành thạo đã ngự trị trong nhà hai lão trai già, cũng y như mẹ đã ngự trị trong nhà cụ Pillerault, ông bác của bà bá tước Popinot; công việc của họ cũng là công việc của mẹ, và mẹ nói: “Thưa hai ông”. Cuối cùng, thấy hai Cái – kẹp – quả – phỉ lạnh như đất, dễ sống, không ngờ vực, đúng là những đứa trẻ con, thì xuất phát từ tấm lòng người phụ nữ bình dân, mẹ liền che chở cho họ, quý, mến họ, phục vụ họ thực sự tận tâm, đến nỗi mẹ đôi khi buông lời khiển trách họ và bênh vực họ chống lại tất cả những trò lừa đảo ở Paris nâng giá những chi phí về nội trợ. Với hai mươi năm phơ-răng một tháng, hai người đàn ông, không chủ tâm mà cũng chẳng ngờ, đã có được một bà mẹ. Nhận thấy tất cả giá trị của mẹ Cibot, hai nhà nhạc sĩ ngày thơ tỏ lời khen, lời cảm ơn, tặng những món quà cáp nho nhỏ thắt chặt mối quan hệ của cái liên minh gia đình ấy. Mẹ Cibot thích được đánh giá cao hàng nghìn lần hơn là được trả công, đấy là tình cảm, ai cũng rõ, bao giờ cũng cải thiện được công xá. Lão Cibot tính nửa giá những chuyến đi lại mua hàng, những công việc sửa chữa, tất cả những cái có thể liên quan đến lão trong việc phục vụ hai ông chủ của bà vợ lão.

Thế rồi, từ năm thứ hai, trong sự khăng khít giữa tầng hai và nhà người gác cổng, xuất hiện một yếu tố mới của mối giao hảo và qua lại. Schmucke thỏa thuận với mẹ Cibot một việc để đáp ứng thói

lười nhác và thói ham được sống mà chẳng phải bận tâm đến chuyện gì của lão. Với ba mươi xu mỗi ngày hoặc bốn mươi nhăm phơ-răng một tháng, mục Cibot đảm nhiệm cung cấp bữa ăn trưa và bữa ăn tối cho Schmucke. Pons thì thấy bữa ăn trưa của bạn khá lắm, nên cũng thỏa thuận bữa ăn trưa của mình với mười tám phơ-răng. Cái hệ thống những đồ cung ứng ấy rút khoảng chín mươi phơ-răng hàng tháng vào tiền thu nhập của nhà gác cổng, làm cho hai người ở thuê thành ra những kẻ bất khả xâm phạm, những vị thánh vị thần. Khó có thể tin rằng vua nước Pháp, mặc dù rất thông thạo về chuyện này, lại có thể được phục vụ như hai Cái – kẹp – quả – phỉ lúc ấy. Đối với họ, sữa rút tinh khiết từ trong hộp, họ đọc không mất tiền báo chí của tầng một và tầng ba là nơi những người ở thuê ngủ dậy muộn và nếu cần thiết, thì bảo họ rằng báo chưa đến. Mục Cibot trông nom căn hộ, những quần áo, chỗ đầu cầu thang, tất cả đều sạch sẽ không chê vào đâu được. Schmucke, chính lão, được hưởng một hạnh phúc mà lão chưa bao giờ mơ ước đến; mục Cibot làm cho cuộc sống của lão trở nên dễ dàng; lão chỉ độ sáu phơ-răng một tháng cho việc giặt giũ mà mục đảm nhận, cũng như những việc khâu vá, sửa chữa. Lão tiêu mười lăm phơ-răng thuốc lá mỗi tháng. Ba loại chi tiêu ấy làm thành một khoản chung hằng tháng là sáu mươi sáu phơ-răng nhân với mười hai là bảy trăm chín mươi hai phơ-răng. Thêm vào đấy hai trăm hai mươi phơ-răng tiền thuê nhà và tiền thuế, các bạn sẽ có một nghìn lẻ mười hai phơ-răng. Cibot may mắn cho Schmucke, và số bình quân của khoản cung ứng cuối cùng này lên đến một trăm năm mươi phơ-răng. Nhà triết học sâu sắc này thế là sống với một nghìn hai trăm phơ-răng một năm. Biết bao người, ở châu Âu, chỉ có ý nghĩ độc nhất là đến cư trú tại Paris, sẽ ngạc nhiên một cách dễ chịu khi biết rằng người ta có thể sung sướng ở đấy với một nghìn hai trăm phơ-răng lợi tức, phố Normandie, phường Marais, dưới sự che chở của một mục Cibot!

Mục Cibot sững sờ khi thấy Pons trở về lúc năm giờ chiều. Không phải chỉ vì sự kiện đó chưa bao giờ xảy ra, mà còn vì ông chủ của mục không nhìn mục, không chào mục nữa.

– À, được! Ông Cibot này. – Mụ bảo chồng – Ông Pons là triệu phú hoặc là diên!

– Tôi thấy có vẻ như thế đấy. – Lão Cibot vừa đáp vừa để rơi một cái tay áo mà lão đang làm thêm, theo tiếng lóng của cánh thợ may, cái người ta gọi là *con dao găm*¹.

Vào lúc Pons bước như cái máy trở về nhà, thì mụ Cibot đã làm xong bữa ăn tối cho Schmucke. Bữa này gồm có một món ragu gì đấy thơm nức cả sân. Đây là những mẩu vụn thịt bò luộc mua của một ông hàng thịt hơi keo kiệt, và được chiên với bơ và những lát hành thái mỏng, tới mức mà bơ đã ngấm hết vào thịt và hành để cho những món ăn của bọn gác cổng này trông ra vẻ một món rán. Món ăn ấy được âu yếm nấu nướng cho Cibot và Schmucke mà trong đó mụ Cibot là kẻ ăn ké thêm vào, đĩa ấy kèm theo một chai bia và một miếng phomat, thế là đủ dùng cho ông thầy dạy nhạc người Đức già cả. Và, xin các bạn hãy tin rằng vua Salomon, trong thời vinh quang của mình, cũng không được ăn ngon hơn lão Schmucke. Khi thì món thịt luộc kia được nấu với hành tây, khi thì những đồ ăn thừa của món gà tơ đem rán áp chảo, khi thì món mùi tây và cá nấu với thứ nước xốt do mụ Cibot tự nghĩ ra, mà thứ nước xốt ấy thì giá mệ có ăn thịt con cũng chẳng biết, khi là món thịt thú rừng, tùy theo chất hoặc lượng của cái thứ mà các hiệu ăn ở trên phố lớn bán lại cho cửa hàng thịt quay ở phố Boucherat, đây là món ăn hằng ngày của Schmucke, con người vừa lòng chẳng nói một lời với tất cả những gì mà *pà Zipod tốt bụng* dọn cho lão. Và, từ ngày này sang ngày khác, mụ Cibot tốt bụng đã giảm dần cái món ăn hằng ngày ấy đến mức có thể chỉ cần tốn hai mươi xu là có được.

– Tôi nên xem chuyện gì xảy ra với nhà ông thân mến đáng thương ấy, – Mụ Cibot bảo chồng – bởi vì bữa ăn của ông Schmucke đã sửa soạn xong rồi.

1. Miếng vải (len, dạ...) nhon ở đầu, để nối rộng tay áo.

Mụ Cibot đẩy chiếc đĩa sành sâu bằng một chiếc đĩa sứ tâm thường; rồi, mặc dù tuổi tác, mụ đi tới phòng hai người bạn, đứng vào lúc Schmucke mở cửa đón Pons.

– *Có fiệc xì thế, ung pạn?* – Lão người Đức hỏi thế, hoảng hồn vì sự xáo động trên nét mặt Pons.

– Tôi sẽ nói hết với ông; nhưng bây giờ thì tôi về ăn tối với ông đây...

– *En tui à! En tui à!* – Schmucke thích thú kêu lên – *Nhung thế thì khung tước!* – Lão vừa nói tiếp vừa nghĩ đến thói quen ăn ngon của bạn.

Lão già người Đức bấy giờ mới thấy mụ Cibot đang đứng lắng nghe, theo đúng như quyền của người giúp việc chính thức. Chợt nảy ra một ý chỉ loé lên trong tim một người bạn chân chính, lão đi thẳng đến chỗ mụ gác cổng và dẫn mụ ra chỗ thêm nghỉ ở cầu thang.

– *Pà Zipod oi, ung pạn Bons này thích sang, nên pà hãy tén hiệu Gatran – Pleu hỏi mua lấy một pũa en nhỏ, ngoen lành: món cá trống, món mì ống. Tóm lại, là một pũa en của Liquillis!*

– Thế là thế nào? – Mụ Cibot hỏi.

Schmucke đáp:

– *Này nhé! Thịt pê nấu kiểu trưởng xả, một con cá ngoen, một chai rượu fang Porteaux, tất cả những thứ tốt nhất và ngoen nhất: như món chả rán pọc trứng pột và mỡ hun khói! Mua ti! Từng nói xì cả, tui sẽ trả lại pà tiền fào sáng mai.*

Schmucke quay vào với vẻ vui sướng và hai tay xoa vào nhau; nhưng bộ mặt của lão từng bước trở lại vẻ ngạc nhiên trong khi nghe câu chuyện những nỗi rủi ro trong chốc lát vừa ập xuống trái tim ông bạn. Schmucke cố an ủi Pons bằng cách miêu tả cho bạn thấy cuộc đời theo quan điểm của mình. Lão cho rằng Paris là một trận

bão táp đời đời bất diệt, con người ta, nam và nữ, bị cuốn vào đó bằng một điệu nhảy điên cuồng, và không nên đòi hỏi gì ở đời cả, đời chỉ nhìn vào bề ngoài mà “*khung nhìn bên trong*”. Lão kể đi kể lại đến hàng trăm lần rằng, từ năm này sang năm khác, ba cô nữ sinh duy nhất mà lão đã yêu, mà lão được yêu, lão sẵn sàng hiến dâng cuộc đời, thậm chí lão còn được ba cô nàng giúp cho một khoản trợ cấp nhỏ là chín trăm phơ-răng, mỗi cô đóng góp một phần ngang nhau khoảng ba trăm phơ-răng, thế mà các cô nàng, năm này qua năm khác, đã quên hẳn không đến thăm lão, và bị dòng chảy của cuộc sống Paris cuốn đi với biết bao sức mạnh tàn bạo, đến nỗi đã ba năm nay lão không được ba cô tiếp, khi lão đến thăm (đúng là Schmucke đã đến nhà ba bà lớn ấy vào lúc mười giờ sáng). Thế rồi, những phần trợ cấp ba tháng một lần được trả tại văn phòng các công chứng viên.

– *Tuy nhiên, tất là những trái tim fàng,* – Lão nói tiếp. – *Rối cuộc, tất là những nữ thánh Cécile của tui, những người phụ nữ khả ái, pà Bordentuère, pà Fentenesse, pà Ti Dilet. Tui có thấy họ, là ở Jambs – Elusées, mà họ khung nhìn thấy tui, họ rút yêu tui, nếu tui tén en ở nhà họ tước thì họ sẽ rút fui lòng. Tui có thể fê quê của họ, nhưng tui thích ở tây fôi ung pạn Bons hơn, fì ngày nào cũng thế, lúc tui muốn là tui tước trông thấy ung ấy.*

Pons cầm bàn tay Schmucke, áp vào giữa hai bàn tay mình, rồi xiết chặt lại bằng một cử động mà trong đó tâm hồn hoàn toàn cảm thông, và hai người giữ nguyên như thế trong mấy phút, như những tình nhân gặp lại nhau sau một thời gian dài xa vắng.

– *Ung hấy en ử tây ti, ngày nào cũng fậ...* – Schmucke nói tiếp, thâm cảm ơn sự tàn nhẫn của bà chánh án – *Này ung, nếu chúng ta lin tin cùng nhau thì tén quỹ cũng chẳng pao xờ thò tuôi fào công fệc của chúng ta tước tàu...*

Đối với tinh thần của cái câu thật sự oai hùng ấy: *Chúng ta sẽ lin tin cùng nhau...*, phải thú thật rằng Schmucke dốt đặc về khoa

Linh tinh học. Cần phải có tất cả sức mạnh của tình bạn để lão không làm đổ vỡ gì ở trong phòng khách và trong căn phòng giao cho Pons để ông ta dùng làm bảo tàng. Schmucke hoàn toàn thuộc về âm nhạc, là người soạn nhạc cho chính mình, nhìn tất cả những đồ ngốc nghếch con con của bạn như một con cá, nhận được thiệp mời, đến xem một cuộc trưng bày hoa ở Luxembourg. Lão kính trọng những tác phẩm kỳ diệu ấy vì thấy Pons tỏ ra kính trọng khi quét bụi cái kho báu của ông ta. Lão đáp: “*Ui, thật là tệ!*” trước những thần phục của bạn, cũng tựa như một bà mẹ trả lời bằng những câu vô nghĩa các cử chỉ của một đứa bé còn chưa biết nói. Từ khi hai ông bạn cùng chung sống, Schmucke đã thấy Pons bảy lần thay đồng hồ mà bao giờ cũng đổi một cái xấu hơn để lấy một cái đẹp hơn. Pons lúc ấy có một cái đồng hồ quả lắc đẹp nhất của Boulle, một cái đồng hồ bằng gỗ mun khảm đồng và có những hình trạm trổ thuộc phong cách thứ nhất của Boulle. Boulle có hai phong cách cũng như Raphaël có ba phong cách. Trong phong cách thứ nhất ông ta kết hợp đồng với gỗ mun; còn trong phong cách thứ hai, ngược lại với mọi định kiến của mình, ông ta sử dụng đồi mồi; ông đã làm những cái tuyệt đẹp để hạ các đối thủ là những người sáng chế ra gỗ khảm đồi mồi. Mặc dầu Pons đã thuyết minh hết sức uyên bác, Schmucke vẫn không nhận thấy một sự khác biệt nhỏ nào giữa cái đồng hồ tuyệt vời thuộc phong cách thứ nhất của Boulle và mười cái khác. Nhưng vì niềm hạnh phúc của Pons, Schmucke hết sức giữ gìn cẩn thận với những cái *tổ fặt fãnh* còn hơn cả chính ngay ông bạn của lão. Chớ nên ngạc nhiên rằng lời nói cao siêu của Schmucke lại có năng lực xoa dịu nỗi thất vọng của Pons, vì cái câu “*Chúng ta lin tin*” của lão người Đức có ý muốn nói: Tôi sẽ đặt tiền vào những đồ linh tinh nếu ông muốn ăn tối ở đây.

– Bữa ăn tối của các ông đã được dọn sẵn. – Mụ Cibot vào nói với vẻ chững chạc lạ lùng.

Người ta sẽ dễ hiểu sự bất ngờ của Pons khi trông thấy và thưởng thức bữa ăn tối thết bạn của Schmucke. Những loại cảm giác

ấy, thật hiếm có trên đời, không xuất phát từ lòng tận tâm bên bị mà nhờ nó hai người đàn ông không ngớt nói với nhau: “Ông có một con người khác của ông ở trong tôi” (bởi vì người ta quen điều đó rồi); không, chúng được tạo nên từ sự so sánh những bằng chứng niềm hạnh phúc của cuộc sống tâm tình với những thói đã man của cuộc sống ngoài đời. Chính là cuộc đời lại một lần nữa không ngừng gắn kết đôi bạn hoặc đôi tình nhân, khi hai tâm hồn cao cả giao kết với nhau bởi tình yêu hay tình bạn. Bởi thế, Pons lau hai giọt nước mắt lớn, và Schmucke, về phía mình, cũng buộc phải lau đôi mắt ướt. Họ không nói gì với nhau, nhưng họ yêu nhau hơn, họ khẽ gặt đầu, và những biểu thị ngát thơm đã băng bó lại những đau đớn do hạt sạn mà bà chánh án đã rắc vào trái tim Pons gây nên. Schmucke xoa tay vào nhau đến trầy cả da vì lão đã nghĩ ra một trong những sáng kiến chỉ gây ngạc nhiên cho người Đức khi nó nảy nở nhanh chóng trong cái đầu óc đã đông đặc lại vì cứ phải tôn trọng các vua chúa.

– *Ung pạn Bons này!* – Schmucke nói.

– Tôi đoán rằng ông muốn chúng ta cùng ăn hằng ngày với nhau...

– *Tui những muốn tú giàu tể cho ung en hằng ngày như thế...* – Lão người Đức tốt bụng trả lời buồn bã.

Mụ Cibot thỉnh thoảng vẫn được Pons cho vé xem hát ở các rạp bình dân, nên vẫn quý mến Pons ngang với người thuê trọ là Schmucke, bấy giờ mới nói như thế này:

– Mẹ kiếp! Với ba phơ-răng mà không có rượu vang, thì tôi có thể làm cho các ông hằng ngày, cho cả hai người, một bữa ăn được nốc no nê các đĩa thức ăn và nhảm cho chúng sạch như chùi.

– *Quả thật là,* – Schmucke nói – *fời những xì pà Zipod tã nấu cho tui, tui en sang hơn những người tước en những món en của Hoàng tể...*

Trong niềm hy vọng của mình, lão người Đức lễ phép đã đi đến chỗ bắt chước sự vô lễ của những tờ báo nhỏ khi vu khống giá cố định của bữa ăn phục vụ nhà vua.

– Thật thế à? – Pons nói – Ngày mai tôi sẽ thử xem!

Nghe hứa thế, Schmucke nhảy từ đầu bàn này tới đầu bàn kia, lời theo cả khăn trải bàn, bát đĩa, lọ bình, và ôm chặt lấy Pons hết như một chất khí hút lấy một chất khí khác do ái lực.

– *Sung sướng quá!* – Lão kêu lên.

– Ngày nào ông cũng sẽ ăn ở đây! – Mụ Cibot mỉm lòng kiêu hãnh nói như vậy.

Không biết đến sự kiện nhờ đó mụ hoàn thành mơ ước của mình, mụ Cibot tuyệt vời xuống phòng ở và bước vào đấy như Josépha bước ra sân khấu trong vở *Guillaume Tell*. Mụ vút mọi bát đĩa xuống, gọi to:

– Này Cibot, ông hãy chạy đi kiểm lấy hai lạng cóc ở hiệu Cà phê Thổ Nhĩ Kỳ đi! Và bảo thằng bồi đốt lò rằng đấy là lấy cho tôi!

Rồi mụ ngồi xuống, đặt hai bàn tay lên trên những chiếc đầu gối lực lưỡng, và nhìn qua cửa sổ vào bức tường bên kia đường, mụ reo lên:

– Chiều nay, tôi sẽ đi hỏi ý kiến bà Fontaine!... Bà Fontaine đã bói bài cho tất cả các ả nấu bếp, hầu phòng, tôi tớ, gác cổng, v.v... của phường Marais. “Từ khi hai ông ấy đến ở đây, chúng ta có hai nghìn phơ-răng tiền gửi quỹ tiết kiệm. Trong tám năm trời! May quá! Có nên chẳng kiểm chác tí gì trong bữa ăn của ông Pons và buộc chặt ông ta vào cái gia đình của ông ta không? Con gà đẻ trứng của bà Fontaine sẽ bảo mình điều đó”.

Không thấy những người thừa kế, của Pons cũng như của Schmucke, từ khoảng ba năm nay, mụ Cibot mơ tưởng sẽ giành được một dòng trong tờ di chúc của *các ông nhà mình*, và mụ càng

khấp khởi gấp bội trong ý nghĩ hám tiền mọc lên rất muộn giữa những hàng râu mép cho đến lúc ấy vẫn còn đầy trung thực. Hằng ngày đi ăn tối ở ngoài, Pons cho đến bảy giờ, đã thoát khỏi sự lệ thuộc hoàn toàn mà mụ gác cổng muốn giữ chặt *các ông chủ của mụ* trong đó. Cuộc sống nay đây mai đó của lão hát rong kiêm nhà sưu tập làm cho những ý tưởng quyến rũ mơ hồ đang bay lượn chập chờn trong óc mụ Cibot phải hoảng sợ và chúng trở thành một kế hoạch ghê gớm, tính từ bữa ăn tối đáng nhớ kia. Mười lăm phút sau, mụ Cibot lại xuất hiện trong phòng ăn, đem theo hai cốc cà phê tuyệt hảo kèm với hai chén nhỏ rượu anh đào trắng.

– *Pà Zipod mun năm!* – Schmucke kêu to – *Pà áy tã toán tước ý tui táy.*

Sau mấy lời ta thán của lão ăn chực mà Schmucke phải dẹp đi bằng những lời mơn trớn mà con chim câu quen ở yên một chỗ phải tìm ra được đối với con chim câu quen sống phiêu bạt, hai ông bạn cùng nhau đi ra phố. Schmucke không muốn rời bạn trong tình thế mà cách cư xử của chủ tớ nhà Camusot đã đẩy ông ta vào. Lão hiểu Pons và biết rằng những suy nghĩ buồn kinh khủng có thể tác động mạnh đến Pons ở ban nhạc, trên vị trí uy nghiêm của Pons và phá hoại hiệu quả tốt của cuộc quay về tổ ấm. Buổi tối, khoảng nửa đêm, trong khi đưa Pons về nơi ở, Schmucke quàng tay ông; và tựa như một tình lang làm cho một tình nương được tôn thờ, lão chỉ cho Pons thấy những chỗ lên vỉa hè, xuống vỉa hè; lão báo cho Pons biết khi gặp một rãnh nước; lão những muốn gạch lát đường phải bằng bông, bầu trời phải xanh, các thiên thần phải làm cho Pons nghe thấy nhạc điệu mà họ đã tấu lên cho lão. Lão đã chinh phục được cái mảnh đất cuối cùng chưa bao giờ thuộc về lão trong trái tim kia!

Trong khoảng ba tháng, Pons ngày ngày ăn tối với Schmucke. Đầu tiên, ông bị buộc phải xén vào tám mươi phơ-răng mỗi tháng trong số tiền kiếm được, vì ông cần phải trả khoảng ba mươi nhăm phơ-răng tiền rượu vang cùng với bốn mươi nhăm phơ-răng cho tiền bữa ăn. Rồi, mặc những chăm sóc, mặc những bông đùa kiểu Đức

của Schmucke, người nghệ sĩ già thấy tiếc những đĩa thức ăn ngon, những ly rượu mùi, món cà phê thơm, những lời nói phiếm, những sự lễ độ giả dối, những khách ăn và những lời nói xấu của những nhà ông đã đến ăn. Vào lúc tuổi già, người ta không từ bỏ một thói quen kéo dài đã ba mươi sáu năm. Một thùng rượu nho giá một trăm ba mươi phơ-răng thì rót ra một thứ chất lỏng ít đậm đà vào cốc một kẻ sành rượu, bởi vì mỗi khi Pons đưa cốc lên môi, ông nhớ lại với hàng nghìn điều hối tiếc xót xa những cốc rượu tuyệt ngon của các ông chủ tiệc. Thế là, sau ba tháng, những cơn đau dữ dội suýt làm tan vỡ trái tim thanh cao của Pons đã dịu bớt; ông chỉ còn nghĩ đến những thú vui của xã hội, cũng như một ông già lẩm nhẩm tình nhân ngẫm nhớ tiếc một người tình bị ruồng bỏ vì tội quá ư không chung thủy! Mặc dù đã cố giấu những nỗi buồn sâu sắc đang vò xé trong lòng, người nhạc sĩ già rõ ràng có vẻ mắc một căn bệnh không thể giải thích được, căn bệnh ở trong tinh thần. Để giải thích lòng luyến tiếc não nùng do một thói quen bị phá vỡ gây nên, thì chỉ cần nêu lên một trong hàng nghìn điều vật vãnh tương tự với những mất xích của chiếc áo chiến choàng ngoài bao bọc lấy tâm hồn trong một tấm lưới sắt. Một trong những thú vui mãnh liệt nhất của cuộc sống trước kia của Pons, cũng là một trong những niềm hạnh phúc của kẻ ăn chực, đấy là sự *bất ngờ*, cảm giác ẩm thực về món ăn đặc biệt, về món ngon được đưa thêm ra một cách hãnh diện trong các gia đình trưởng giả do bà chủ nhà muốn đem đến không khí tiệc tùng cho bữa ăn của mình! Niềm khoái trá của dạ dày ấy thiếu vắng đối với Pons, mụ Cibot do kiêu hãnh, thường kể tuột thực đơn ra với ông. Điều thú vị có tính chu kỳ trong cuộc đời Pons đã hoàn toàn biến mất. Bữa ăn của ông trôi qua mà chẳng có sự bất ngờ của cái mà ngày xưa, trong các gia đình tổ tiên chúng ta, gọi là *món ăn dậy kìn*. Đó là điều Schmucke không sao hiểu được. Pons quá tể nhị nên không phản nản gì, mà nếu có điều gì đáng buồn hơn là chẳng ai biết đến tài ba của mình, thì đấy là cái dạ dày không được ai hiểu cho. Trái tim mà tình yêu bị chối bỏ, tấn bị kịch mà người ta vẫn lam dụng, là dựa trên một nhu cầu giả tạo; vì nếu tạo vật bỏ rơi

chúng ta, thì chúng ta có thể yêu đáng sáng tạo, người có những kho báu để phân phát cho chúng ta. Nhưng cái dạ dày!... Chẳng có gì so sánh được với những đau khổ của nó, vì trước hết, là sự sống! Pons luyện tiếc các món kem – những áng thơ thật sự, các thứ nước xốt màu trắng – đúng là những kiệt tác, các gà vịt nhồi nấm – thật mê toi, và ở trên tất cả là những con cá chép sông Rhin nổi tiếng chỉ có ở Paris với những gia vị ra gia vị! Có những ngày, nghĩ đến mụ nấu bếp của bá tước Popinot, Pons kêu lên: “Ôi Sophie!”. Nghe thấy tiếng thở dài ấy, người qua đường sẽ tưởng rằng ông đang tơ tưởng đến người yêu, nhưng thực ra ông nghĩ đến một điều còn quý hiếm hơn, ông nghĩ đến một con cá chép béo ời là béo đi kèm với một thứ nước xốt, loãng trong ở bát đựng, đặc quánh trên đầu lưỡi, một thứ nước xốt xứng đáng được giải thưởng Monthyon! Ký ức về những bữa được ăn như thế làm gây tọp đi người nhạc trưởng mắc chứng dạ dày nhớ thêm.

Bắt đầu tháng thứ tư, vào cuối tháng giêng năm 1845, cậu thanh niên thổ sáo, tên là Wilhem như hầu hết mọi người Đức, và Schwab để phân biệt với tất cả các Wilhem mà không làm phân biệt cậu ta với mọi Schwab, thấy cần phải nói rõ cho Schmucke về tình trạng của người chỉ huy dàn nhạc mà mọi người đang lo ngại trong nhà hát. Đây là ngày trình diễn đầu tiên có các nhạc cụ mà ông giáo già người Đức phải chơi.

– Ông lão Pons đang suy yếu đi đấy! Trong người ông ấy có cái gì không ổn, mắt thì buồn, cử động của cánh tay cũng kém đi. – Wilhem Schwab vừa nói vừa chỉ ông già đang treo lên chỗ để giá nhạc với vẻ mặt ảo não.

– *Fào tui sáu mươi thì thế đấy, pao xờ cũng fậy.* – Schmucke trả lời.

Giống như bà mẹ trong *Ký sự vùng Canongate*¹, vì muốn giữ được con trai thêm hai mươi bốn giờ nữa, đã khiến con bị bắn chết,

1. Tập truyện kể xuất bản năm 1827 của Walter Scott.

Schmucke có khả năng hy sinh Pons cho thú vui được thấy ông ta ngày ngày ăn tối với mình.

Mọi người trong nhà hát đều lo lắng, và nói như cô Héroïse Brisetout, cô vũ nữ hạng nhất của nhà hát chúng ta thì hầu như ông ấy hỉ mũi không thành tiếng nữa.

Người nhạc sĩ già thường có vẻ như thổi kèn, khi ông hỉ mũi, vì cái mũi dài và rỗng của ông kêu vang trong khăn quàng cổ. Sự âm ỹ ấy là lý do của một trong những điều bà chánh án luôn chê trách ông anh họ Pons.

– *Tui sẽ tua nhiều thứ tén tể làm fui cho ung ấy*, – Schmucke nói, – *ung ấy fiền mụn*.

– Thực tình mà nói, – Wilhem Schwab đáp – tôi thấy ông Pons là người hơn hẳn bọn tầm thường chúng tôi, đến nỗi tôi không dám mời ông đến dự đám cưới. Tôi lấy vợ ...

– *Như thế nào cơ?* – Schmucke hỏi

– Ô, một cách rất đúng đắn. – Wilhem đáp lại như thế, anh ta thấy trong câu hỏi kỳ quái của Schmucke một sự giễu cợt không thể có được ở con chiên ngoan đạo ấy.

– Nào, thưa các ông, xin mời vào chỗ. – Pons vừa nói vừa nhìn đạo quân nho nhỏ của ông sau khi nghe thấy tiếng chuông của đạo diễn.

Họ diễn phần mở đầu vở *Vợ-chưa-cưới của Quý*, một vở kịch thần tiên đã diễn được hai trăm buổi. Giữa giờ nghỉ thứ nhất, Wilhem và Schmucke thấy chỉ có hai người với nhau trong nơi chơi nhạc vắng vẻ. Không khí trong phòng là ba mươi hai độ Réaumur.

– *Kể cho tui nghe chuyện của cậu ti*. – Schmucke bảo Wilhem.

– Này, ông có nhìn thấy ở tiền cảnh anh chàng trẻ tuổi kia không?... Ông biết anh ta chứ?

– *Chẳng piết tí nào*.

– À, vì anh ta mang đôi găng tay màu vàng, anh ta lấp lánh ánh sáng của sự giàu có; nhưng đấy là bạn tôi, Fritz Brunner ở Francfort – trên – sông – Mein ...

– *Có phải là cái anh tã tén xem kịch và ngồi ở chỗ pan nhạc, cạnh anh khùng?*

– Chính là anh ta đấy! Thay hình đổi dạng không thể ngờ được, phải không ông?

Nhân vật chính của câu chuyện đã hứa ấy, là một trong những người Đức mà bộ mặt vừa có vẻ giễu cợt u ám của Méphistophélès của Goethe, vừa có vẻ hiền từ của những tiểu thuyết của Auguste Lafontaine¹ người để lại tiếng tăm hiền hòa; mưu mẹo và thật thà, sự hà khắc của những quầy hàng và tính xuê xoa có suy tính của một thành viên Câu lạc bộ Jockey; nhưng nhất là sự chán ngán đã đặt khẩu súng ngắn vào tay Werther, phiền muộn vì các ông hoàng người Đức nhiều hơn là vì Charlotte. Đấy thực sự là bộ mặt điển hình của nước Đức: vừa nhiều tính Do Thái vừa nhiều nét giản dị, vừa ngu ngốc vừa can đảm, một sự hiểu biết gây nên buồn bực, một kinh nghiệm mà chỉ chút ít trò trẻ con cũng vô hiệu hóa đi, sự lạm dụng rượu bia và thuốc lá, nhưng để nêu bật tất cả những tương phản ấy, một tia quý quái trong đôi mắt đẹp màu xanh mệt mỏi. Ăn mặc với vẻ sang trọng của một chủ ngân hàng, Fritz Brunner phô ra trước cả phòng một cái đầu hói màu như màu sắc của Titien, mỗi bên đầu loãn xoắn mấy sợi tóc màu vàng hoe mà sự bê tha và sự nghèo khổ còn để lại cho hần khiến hần có cái quyền được trả tiền cho người thợ hớt tóc vào cái ngày phục hồi tài chính của hần. Bộ mặt hần, xưa kia đẹp dễ và tươi tắn như mặt Chúa Jésus của các họa sĩ, nay đã mang những màu sắc gay gắt mà những chòm ria đỏ, một bộ râu vàng hung làm cho có vẻ hung dữ. Màu xanh trong sáng của đôi mắt

1. A. Lafontaine (1758 - 1831): nhà tiểu thuyết người Đức, thường vẽ những cảnh hỗn nhiên của đời sống gia đình, dòng dõi một gia đình người Pháp theo đạo Tin Lành, bị trục xuất khỏi đất nước sau việc hủy bỏ pháp lệnh Nantes.

đã vắn lên trong cuộc vật lộn với nỗi buồn. Sau hết là hàng nghìn trò đồi bại của Paris đã làm nhột nhạt cặp mi và vòng quanh mắt, nơi mà ngày xưa một bà mẹ ngây ngất ngắm bản sao thiên thần của cặp mắt mình. Nhà triết học sớm ấy, ông cụ non ấy là tác phẩm của một bà dì ghẻ.

Đến đây bắt đầu câu chuyện ly kỳ của đứa con hoang dăng vùng Francfort – trên – sông – Mein, sự kiện đặc biệt nhất, lạ lùng nhất, chưa bao giờ xảy ra ở cái thành phố khôn ngoan, mặc dù có tính chất trung tâm này.

Ông Gédéon Brunner, bố gã Fritz ấy, là một chủ quán danh tiếng ở Francfort – trên – sông – Mein, với sự đông lõa của các chủ nhà băng, được luật pháp cho phép, đã rạch túi của những khách du lịch, và chẳng, là một người theo đạo Tin Lành lương thiện, đã lấy một người đàn bà Do Thái cải đạo mà món hồi môn đã góp phần quan trọng làm nên gia tài của lão. Người đàn bà Do Thái này chết, để lại đứa con trai là Fritz, mười hai tuổi, dưới sự giám hộ của bố và sự trông nom của ông bác ngoại buôn lông thú ở Leipsick, chủ hãng Virlaz và công ty. Brunner bố, bị ông bác kia, vốn không mềm mại như hàng lông thú của ông, buộc phải đem gửi gia tài gồm nhiều đồng mác Đức của thằng bé Fritz tại nhà ngân hàng Al – Sartchild, và không được đụng chạm tới. Để trả thù sự đòi hỏi mang tính Do Thái kia, lão Brunner liên tục huyền, viện cớ rằng không thể trông coi được cái quán rộng thênh thang của mình mà không có con mắt và cánh tay của một người phụ nữ. Lão cưới con gái một chủ quán khác mà lão thấy là quý hóa như ngọc; nhưng lão chưa từng biết thế nào là một cô con một, được ông bố và bà mẹ nuông chiều. Bà Brunner thứ hai cũng giống như những thiếu nữ Đức, khi họ ác độc và phù phiếm. Bà phung phí tài sản, và trả thù bà Brunner thứ nhất bằng cách làm cho chồng bà trở thành con người khổ cực nhất trong gia đình xưa nay chưa từng có trên vùng đất của cái thành phố tự do Francfort – trên – sông – Mein là nơi, nghe người ta nói, các nhà triệu phú sắp khiến người ta phải đưa ra một đạo luật của thành phố

ép phụ nữ phải yêu thương chiều chuộng họ hết lòng. Người đàn bà Đức ấy thích các thứ giấm khác nhau mà người Đức gọi chung là rượu vang sông Rhin. Bà ta thích những hàng hóa Paris. Bà ta thích cưỡi ngựa. Bà ta thích đồ trang sức. Cuối cùng, thứ đắt đỏ duy nhất mà bà ta không ưa, là phụ nữ. Bà ta ghét cay ghét đắng thằng bé Fritz, có lẽ đã làm cho nó phát điên lên nếu cái sản phẩm bé thơ của giáo lý Calvin và thiết chế Moïse kia không chào đời ở Francfort và không được hãng Virlaz ở Leipsick giám hộ; nhưng bác Virlaz hoàn toàn bị thu hút vào đám lông thú, chỉ trông nom đến những đồng mác, bác bỏ mặc thằng bé cho mù dè ghê.

Con sói ấy càng căm giận vị thiên thần, con trai của bà Brunner xinh đẹp, vì tuy đã ra công cố sức như cái đầu máy xe lửa, mù vẫn không thể nào có con được. Do một ý nghĩ quý quái xui khiến, mẹ tội phạm người Đức ấy quảng anh chàng Fritz, năm hai mươi mốt tuổi, vào những trò phóng đảng chống Đức. Mẹ hy vọng rằng ngựa Anh, giấm sông Rhin và những cô nàng Marguerite của Goethe sẽ ngẫu nhiên đưa con mẹ Do Thái và gia tài của nó; vì bác Virlaz đã để lại một gia tài lớn cho thằng cháu Fritz của bác vào lúc đứa bé này trưởng thành. Nhưng nếu những trò chơi cò quay của các Suối nước nóng, những bạn bè của Rượu, trong số đó có cả Wilhem Schwab, đã làm khánh kiệt vốn liếng Virlaz, thì đứa bé phá gia chi tử, theo nguyện vọng của Đức Chúa, còn dùng làm tấm gương cho những đứa con sinh sau của thành phố Francfort – trên – sông – Mein, nơi mọi gia đình dùng nó như một ngáo ộp để giữ cho con họ ngoan ngoãn và sợ sệt trong những quầy hàng bằng sắt có lót những đồng mác. Đáng lẽ phải chết lúc hoa niên, thì Fritz Brunner lại có niềm vui thú là được thấy người ta chôn bà mẹ ghẻ trong một nghĩa địa xinh đẹp mà ở đấy, những người Đức, lấy cớ là tôn kính người chết, đã say mê cuồng nhiệt lao vào nghệ thuật làm vườn. Mẹ Brunner thứ hai chết trước những người sinh ra mình, lão già Brunner, do tiền bạc mà mẹ đã bòn rút từ những rương hòm của lão, và do những buồn đau lớn đến nỗi, lão chủ quán ấy, vốn to khỏe lực lưỡng, thế mà đến năm sáu mươi bảy tuổi, đã gầy tọp đi chẳng khác

nào nhiệm phải thứ thuốc độc trừ danh của dòng họ Borgia. Không được thừa kế của vợ sau khi đã phải chịu đựng mụ trong mười năm trời, đã khiến lão chủ quán ấy thành hoang tàn như một cảnh hoang tàn khác của Heidelberg, nhưng không ngừng được tu sửa bởi những *phiếu ghi tiền*¹ của các du khách tựa như người ta tu sửa cảnh hoang tàn của Heidelberg nhằm duy trì nhiệt tình của khách du lịch kéo đến để ngắm cảnh hoang tàn đẹp để được bảo dưỡng hết sức cẩn thận ấy. Người ta bàn tán ở Francfort về việc này như về một vụ vỡ nợ; người ta chỉ trỏ Brunner với nhau và bảo: – Đấy, một người vợ tồi mà ta chẳng được thừa kế gì, và một đứa con được nuôi theo kiểu Pháp có thể dẫn chúng ta đến đâu.

Ở Ý và ở Đức, người Pháp là lý do của mọi sự rủi ro, là cái bia hứng mọi viên đạn; *nhưng vị thần vẫn theo đuổi cái nghiệp của người...* (Phần còn lại như trong bài đoản thi của Lefranc de Pompignan).

Con giận của chủ nhân cái *dại khách sạn Hà Lan* không chỉ ập xuống đầu những du khách mà các phiếu ghi tiền (*Rechnung*) chịu hậu quả nổi buồn của lão. Khi con trai lão hoàn toàn phá sản, thì Gédéon coi nó như một nguyên nhân gián tiếp những nỗi rủi ro của lão, lão từ chối không cho nó bánh ăn, nước uống, muối, lửa sưởi, chỗ ở và cái tẩu hút thuốc! Đó là mức độ tột cùng của sự nguyên rủa của ông bố, ở một người cha là chủ quán và là người Đức. Nhà chức trách ở địa phương, không biết đến những sai lầm đầu tiên của ông bố, và lại nhìn thấy ở lão một trong những người khốn khổ nhất của Francfort – trên – sông – Mein, đến giúp đỡ lão: họ tống cổ Fritz khỏi địa hạt của cái thành phố tự do kia bằng cách vô cớ gây gỗ với hắn. Tòa án ở Francfort thì chẳng nhân đạo hơn, cũng không khôn ngoan hơn những nơi khác, dầu rằng cái thành phố ấy là trụ sở của Quốc hội Đức. Ít có khi nào một quan tòa lại lợi ngược dòng sông

1. Tiếng Đức trong nguyên văn: *Rechnung* - sổ, phiếu ghi tiền của các quán, các khách sạn.

tội ác và bất hạnh để biết ai là người giữ cái bình đã trào ra tia nước đầu tiên. Nếu Brunner quên đi đứa con của lão, thì bè bạn của thằng con bất chúc ngay lão chủ quán.

Ôi, nếu câu chuyện này có thể diễn ra trước lỗ hổng của người nhắc vở cho cái cử tọa kia – mà ở trong đám ấy, những nhà báo, những bậc phong lưu, và một số phụ nữ Paris đang tự hỏi không biết ở đâu ra cái bộ mặt bí ai sâu sắc của gã người Đức ấy, cái gã trôi lên trong Paris thanh lịch ngay giữa buổi trình diễn đầu tiên, đơn độc ở chỗ ngồi trước sân khấu – thì thật là còn hay hơn nhiều so với vở kịch thần tiên *Vợ chưa cưới của Quỳ*, mặc dù đấy là buổi biểu diễn thứ hai trăm nghìn của vở kịch ngụ ý siêu phàm diễn ở Mésopotamie ba nghìn năm trước Chúa Jésus.

Fritz đi bộ đến Strasbourg, và ở đấy nó gặp điều mà đứa phá gia chi tử trong Kinh Thánh không tìm thấy ở tổ quốc của Thánh thư. Ở đây lộ ra tính hơn hẳn của miền Alsace nơi mà bao trái tim độ lượng đã đập để phò ra cho nước Đức thấy vẻ đẹp của sự phối hợp của trí tuệ Pháp và sự bền vững Đức. Wilhem, từ mấy ngày nay trở thành người thừa kế của bố và mẹ, có được một trăm nghìn phơ-răng. Hắn giang tay đón Fritz, hắn mở rộng trái tim ra cho nó, hắn mở cửa nhà ra cho nó, hắn mở túi tiền ra cho nó. Miêu tả cái lúc mà Fritz bụi bặm, khốn cùng và gớm ghiếc như hủi, đón nhận được ở phía bờ bên kia sông Rhin một đồng hai mươi phơ-răng thật từ tay một người bạn thật sự, thì đó sẽ là muốn làm một bài tụng ca mà chỉ có Pindare mới có thể tụng ra bằng tiếng Hy Lạp trước nhân loại để sưởi ấm cho tình bạn đang chết dần. Các bạn hãy đặt tên của Fritz và Wilhem bên cạnh tên của Damon và Pythias, của Castor và Pollux, của Oreste và Pylade của Dubreuil và Pmếjà, của Schmucke và Pons và tất cả những tên bịa gán cho hai người bạn của Monomotapa, bởi vì La Fontaine là một thiên tài thật đấy, nhưng chỉ tạo nên những bề ngoài không có thể chất, không có thực tại; các bạn hãy gán hai cái tên mới vào những tên tuổi lừng lẫy kia, càng có lý vì Wilhem đã cùng với Fritz, ăn cái gia tài của hắn, cũng như

Fritz đã uống cái gia tài của mình cùng với Wilhem, nhưng dĩ nhiên, vừa uống vừa hút tất cả những loại thuốc lá có trên đời.

Hai anh bạn đã ngốn hết cái gia tài ấy, thật là kỳ lạ, trong các quán-bia ở Strasbourg bằng cách ngu ngốc nhất, xoàng xĩnh nhất, với những ả đóng vai phụ ở nhà hát Strasbourg, và những cô gái người Alsace, họ chỉ còn có cái cán những chiếc chổi con của họ¹. Sáng nào chúng cũng bảo nhau:

– Phải dừng lại thôi, phải quyết định một bề, phải làm một cái gì với số tiền còn lại của chúng ta đi!

– Thầy kệ! Thêm hôm nay đã... – Fritz nói –, còn ngày mai...
Ôi, ngày mai...

Trong cuộc đời những kẻ ăn chơi phung phí, Hôm nay là một gã hợm mình lớn, còn Ngày mai là một kẻ hèn nhát lớn rất sợ sự dững cảm của người tiền nhiệm; Hôm nay là anh chàng Capitan của vở hài kịch cổ, còn Ngày mai là Pierrot trong những vở kịch cảm của ta. Xài đến tờ giấy bạc một ngàn phơ-răng cuối cùng, hai anh bạn thuê một chỗ ở Hăng vận tải được gọi là của hoàng gia và được đưa đến Paris. Tại đây, họ ở tầng sát mái của *khách sạn sông Rhin*, phố Mail, tại gia đình Graff, nguyên là tay bồi nhất của Gédéon Brunner. Fritz vào làm chân thày ký với lương sáu trăm phơ-răng ở nhà anh em Keller, là những chủ ngân hàng, nơi Graff giới thiệu hẳn đến. Graff, chủ khách sạn sông Rhin, là anh em với Graff – thợ may nổi tiếng. Lão thợ may nhận Wilhem làm chân giữ sổ sách. Graff tìm được hai chỗ làm còn con ấu cho hai đứa ăn chơi, vì nhớ lại thời kỳ học việc của gã tại *khách sạn Hà Lan*. Một người bạn khảnh kiệt được một người bạn giàu có thừa nhận, một gã chủ quán người Đức quan tâm đến hai người đồng bào không một xu dính túi, hai sự kiện ấy sẽ làm cho một số người tưởng rằng câu chuyện này là một tiểu thuyết; nhưng tất cả những chuyện có thực lại càng giống như

1. Những người Alsace này đã sống phóng túng, bừa bãi ("rôtir le balai") đến mức chỉ còn lại cái cán chổi.

những truyện ngụ ngôn, là vì truyện ngụ ngôn trong thời đại chúng ta cố ra công gắng sức sao cho giống với thực tế.

Fritz, thầy ký sáu trăm phơ-răng, Wilhem, gã giữ sổ sách kế toán, lương cũng như thế, nhận thấy khó sống trong một thành phố giang hồ kỹ nữ như Paris. Vì vậy, ngay từ năm thứ hai lưu trú ở đấy, năm 1837, Wilhem, có chút tài thổi sáo, vào ban nhạc do Pons chỉ huy để có thể đôi khi cải thiện được miếng ăn. Còn Fritz, hẳn chỉ có thể tìm thấy một khoản thu phụ bằng cách phát huy năng lực tài chính của một đứa trẻ dòng dõi gia đình Virlaz. Cho dù hẳn có cần cù làm ăn, có lẽ là vì tài năng của hắn, anh chàng người Francfort chỉ đạt tới con số hai nghìn phơ-răng vào năm 1843. Sự Bần hàn, bà mẹ ghẻ thần thánh này, đã làm cho hai chàng trẻ tuổi điều mà mẹ chúng đã không thể làm được, nó dạy cho chúng sự tiết kiệm, xã hội và cuộc đời, nó đem lại cho chúng sự giáo dục mạnh mẽ, lớn lao mà nó đã phân phát bằng roi vọt cho những con người vĩ đại, tất cả đều khổ cực khi còn ít tuổi. Fritz và Wilhem, những con người khá tầm thường, chẳng thèm nghe tất cả những bài học của Bần hàn, chúng tự vệ không cho nó động chạm tới, chúng thấy nó bụng thì khô hết, những cánh tay thì tro xương, chúng không tìm thấy ở đấy năng tiên tốt bụng Urgèle xiêu lòng trước các ve vuốt của những người có tài. Tuy vậy, chúng biết được tất cả giá trị của tài sản, tự hứa là sẽ chặt cánh của nó đi nếu nó còn trở lại trước cửa nhà chúng.

– Nay, bố Schmucke ơi, tất cả sẽ được giải thích cho bố nghe chỉ bằng một câu thôi. – Wilhem nói tiếp sau khi kể lể dài dòng câu chuyện trên bằng tiếng Đức cho nhà nghệ sĩ piano – Ông Brunner bố đã chết. Cả con trai ông ấy, cả ông Graff là người cho chúng tôi thuê nhà, đều tuyệt nhiên không biết rằng ông cụ là một trong những người đã sáng lập ra tuyến đường sắt xứ Bade, nhờ đó ông cụ đã thu được một món lợi kếch xù, và để lại bốn triệu. Tối nay, con sẽ chơi sáo lần cuối cùng. Nếu đây không phải là buổi trình diễn đầu tiên, thì con đã bỏ đi từ mấy hôm rồi; nhưng con không muốn làm hỏng phần nhạc của con.

– *Tốt lắm, chàng trai ạ. – Schmucke bảo – Nhưng cậu sẽ cúi ai đấy?*

– Cô con gái ông Graff, ông chủ nhà của chúng con, người chủ sở hữu *khách sạn sông Rhin* ấy. Con yêu cô Emilie đã bảy năm nay rồi. Cô ấy đã đọc nhiều tiểu thuyết vô luân đến nỗi cô ấy đã khước từ tất cả mọi đám vì con mà không cần biết rồi đây chuyện gì sẽ xảy ra. Cô nàng trẻ tuổi ấy sẽ rất giàu có vì là người thừa kế duy nhất của gia đình Graff, những người thợ may ở phố Richelieu. Fritz cho con gấp năm lần những gì chúng con đã cùng nhau ngốn ngấu ở Strasbourg, năm trăm nghìn phơ-răng!... Nó gửi một triệu phơ-răng trong một ngân hàng, nơi mà ông Graff thợ may cũng đã gửi năm trăm nghìn phơ-răng. Bố vợ chưa cưới của con cho phép con dùng món tiền hồi môn là hai trăm năm mươi nghìn phơ-răng ở đấy, và ông ấy cũng góp vốn chừng ấy với chúng con. Vậy là hãng Brunner, Schwab và công ty sẽ có hai triệu rưỡi phơ-răng tiền vốn. Fritz mới mua một triệu rưỡi phơ-răng cổ phần ở Ngân hàng Pháp quốc để bảo đảm tồn khoản ở đấy cho chúng con. Đấy chưa phải là tất cả tài sản của Fritz; nó còn có những nhà cửa của bố ở Francfort đáng giá một triệu, và nó đã cho một người anh em họ nhà Graff thuê *đại khách sạn Hà Lan*.

– *Cậu coi bạn cậu chẳng ra gì. – Schmucke chăm chú nghe Wilhem và trả lời – Cậu có khen tị với hần khung tấy?*

– Con ghen thật, – Wilhem nói – nhưng đó là ghen với hạnh phúc của Fritz. Phải chăng đó là vẻ mặt của một người thỏa mãn? Con sợ Paris thay cho nó; con muốn thấy nó quyết định như con quyết định. Con quỉ ngày xưa có thể sẽ thức dậy trong nó. Trong hai cái đầu của chúng con, không phải đầu nó là cái đầu khôn ngoan hơn. Cách ăn mặc ấy, cái ống nhòm ấy, tất cả làm con lo ngại. Nó chỉ nhìn những cô gái lẳng lơ ở trong phòng. Ôi, nếu bố biết rằng khó lấy vợ cho Fritz biết bao! Nó ghê sợ cái điều mà ở Pháp người ta vẫn gọi là *ve vãn*, phải ném nó vào trong gia đình, như ở nước Anh người ta ném một con người vào cối vĩnh cửu vậy.

Trong tiếng ồn ào báo hiệu kết thúc những buổi trình diễn đầu tiên, cậu thổi sáo đến mời vị chỉ huy dàn nhạc. Pons vui vẻ nhận lời. Schmucke lúc ấy thấy lần đầu tiên kể từ ba tháng nay, một nụ cười trên mặt bạn, lão đưa bạn về phố Normandie, im lặng chẳng nói năng gì, bởi vì từ ánh chớp mừng vui kia, lão nhận ra chiều sâu của nỗi đau đang gặm mòn Pons. Một con người thật là cao quý, vô tư đến thế, tình cảm lớn lao đến thế, mà lại yếu đuối đến như vậy!... Đây là điều làm kinh ngạc con người khắc kỷ Schmucke, lão trở nên buồn ghê gớm vì cảm thấy cần từ bỏ thói quen hàng ngày được trông thấy “*ung Bons tốt bụng*” của lão ngồi ăn trước mặt lão, vì hạnh phúc của Pons; và lão không biết sự hy sinh ấy có thể có được hay không; ý nghĩ ấy làm lão phát điên lên.

Sự im lặng kiêu hãnh của Pons, ẩn náu trên đỉnh Aventin phố Normandie, không tránh khỏi gây ngạc nhiên cho bà chánh án là người, được giải phóng khỏi kẻ ăn bám, ít băn khoăn; cùng với cô con gái duyên dáng của mình, bà nghĩ rằng ông anh họ chắc đã hiểu sự bông đùa của Lili bé bỏng; nhưng ông chánh án thì lại không thế. Ông chánh án Camusot de Marville, một người thấp bé, trở nên trịnh trọng từ ngày được thăng tiến ở trong tòa án, khâm phục Cicéron, thích Nhà hát Hải kịch hơn là các rạp kịch Ý, so sánh các diễn viên người này với người khác, theo sau đám đông từng bước, đọc đi đọc lại như là của mình mọi bài đăng trên tờ báo của chính phủ, và trong khi bày tỏ ý kiến, ông nói vòng vo dựa theo những ý tưởng của ông cố vấn. Vị pháp quan này được mọi người ít nhiều biết đến về những nét tính cách chủ yếu, do vị trí của mình, buộc phải quan trọng hóa tất cả, rất gắn bó với những quan hệ gia đình. Cũng như hầu hết các ông chồng hoàn toàn chịu khuất phục vợ, trong những việc nhỏ nhặt ông cũng làm ra vẻ ta đây độc lập, bà vợ ông tôn trọng sự độc lập này. Nếu trong một tháng, ông chánh án bằng lòng với những lý do tầm thường mà bà chánh án đưa ra về chuyện Pons biệt tăm, thì rồi cuối cùng, ông cũng phải lấy làm lạ là lão nhạc sĩ già, một người bạn đã bốn mươi năm, lại không đến nữa, ngay sau khi đã biếu một tặng phẩm đáng giá như chiếc quạt của bà

Pompadour. Cái quạt ấy, được bá tước Popinot thừa nhận là một kiệt tác, khiến cho bà chánh án được mọi người ca tụng ở Tuileries là nơi người ta chuyển tay nhau xem món trang sức ấy, làm cho bà ta rất khoái chí; người ta phân tích tỉ mỉ cho bà thấy những vẻ đẹp của mười chiếc nan ngà mà từng chiếc nan được chạm trổ một cách tinh tế lạ thường. Một bà người Nga (người Nga luôn tưởng rằng họ đang ở nước Nga) ở nhà bá tước Popinot, trả giá với bà chánh án sáu nghìn phơ-răng cho cái quạt hiếm có ấy, và mỉm cười thấy nó lại ở trong những bàn tay như thế, bởi vì, phải thú thật rằng đấy là cái quạt của bà quận công.

– Không thể phủ nhận rằng ông bác tội nghiệp ấy, – Cécile nói với người cha vào ngày hôm sau của việc tặng chiếc quạt – là người sành sỏi về những thứ vớ vẩn kia...

– Những thứ vớ vẩn à? – Ông chánh án kêu lên – Nhà nước sắp trả ba trăm nghìn phơ-răng cho bộ sưu tập của ông cố vấn Dusommerard vừa mới chết và sắp chi, thành phố Paris đóng góp một nửa, gần một triệu để mua và sửa chữa phủ Cluny để chứa những thứ vớ vẩn ấy đấy. Những thứ vớ vẩn ấy, con gái yêu quý ạ, thường là những bằng chứng duy nhất còn lại của những nền văn minh đã biến mất. Một cái bình của xứ Etrurie, một chuỗi hạt, đôi khi đáng giá, cái này bốn mươi, cái kia năm mươi nghìn phơ-răng, tất cả đều là những thứ vớ vẩn mở ra cho ta thấy sự hoàn hảo của những đồ mỹ nghệ thời vầy hăm thành Troie và chứng tỏ cho chúng ta thấy rằng những người Etrurie là người dân Troie lánh nạn đến nước Ý.

Đấy là kiểu bông đùa của ông chánh án béo lùn, ông nói với vợ và con gái bằng những lời lẽ hết sức mỉa mai.

– Sự tập hợp kiến thức do những thứ vớ vẩn kia đòi hỏi, Cécile ạ, – Ông lại tiếp – là một khoa học có tên là Khảo cổ học. Khảo cổ học bao gồm kiến trúc, điêu khắc, hội họa, nghề kim hoàn, nghề gốm, nghề đóng đồ gỗ, nghệ thuật rất hiện đại nghề ren, nghề dệt thảm, cuối cùng là tất cả những sáng tạo của lao động con người.

– Thế thì bác Pons là một nhà bác học à? – Cécile hỏi.

– Chà, sao lại không thấy ông ấy nữa nhỉ? – Ông chánh án hỏi với vẻ ngỡ ngàng như một người cảm thấy sững sốt do hàng nghìn điều quan sát đã bị bỏ quên nay bất ngờ tích tụ lại, *nổ bùng*, như cách nói của những người đi săn.

– Ông ấy giận vì những cái không đâu. – Bà chánh án trả lời – Có lẽ tôi đã không tỏ ra hân hoan đúng mức trước món quà là cái quạt ấy. Ông biết đấy, tôi chẳng am hiểu gì mấy...

– Bà ấy à, một trong những học trò xuất sắc của Servin, bà không biết Watteau ư? – Ông chánh án kêu lên.

– Tôi biết David, Gérard, Gros và Girodet, và Guérin, và ông De Forbin, và ông Turpin de Crissé¹...

– Đáng lẽ bà phải...

– Tôi phải làm sao cơ, thưa ông? – Bà chánh án vừa hỏi vừa nhìn chồng với vẻ mặt như của nữ hoàng Saba.

– Phải biết Watteau là gì, bà yêu quý ơi, ông ta rất hợp với thời thượng đấy. – Ông chánh án trả lời với vẻ nhún nhường tỏ rõ ông nể nang vợ lắm.

Cuộc nói chuyện này diễn ra mấy ngày trước buổi trình diễn đầu tiên của vở *Vợ chưa cưới của Quỳ*, hôm đó tất cả ban nhạc đều kinh ngạc về tình trạng ốm yếu của Pons. Nhưng lúc ấy, những người quen nhìn thấy Pons ngồi ăn ở nhà họ, quen xem Pons như một sứ giả, đều hỏi lẫn nhau, và trong giới quen biết ông già, ai cũng tỏ ra lo lắng, và càng lo lắng hơn khi nhiều người nhận ra ông

1. Bá tước De Forbin (1777 – 1841): nhà khảo cổ học, giám đốc Viện Bảo tàng Mỹ thuật dưới thời Trùng hưng và nền quân chủ thống Bảy, là người đã tổ chức lại Louvre.

Bá tước Turpin de Crissé (1782 – 1859): họa sĩ vẽ phong cảnh, đã từng làm tổng thanh tra Viện Mỹ thuật khoảng 1821 – 1830 và để lại những sưu tập của mình cho thành phố Angers (viện bảo tàng ở đấy mang tên ông).

tại vị trí của ông ở nhà hát. Mặc dù trong khi đi dạo, Pons đã cẩn thận tránh những người quen cũ khi gặp họ, ông vẫn chạm trán với ông cựu bộ trưởng, bá tước Popinot, ở nhà Monistrol, một trong những nhà buôn trứ danh và táo tợn ở đại lộ mới Beaumarchais mà mới đây Pons đã từng nói về họ với bà chánh án, và nhiệt tình ranh mãnh của họ khiến cho các đồ quý đó cứ tăng giá hằng ngày, họ bảo rằng những báu vật đó trở nên khan hiếm đến mức không còn tìm thấy nữa.

– Bác Pons thân mến ơi, sao chẳng ai gặp bác nữa thế? Chúng tôi nhớ bác lắm, và bà Popinot chẳng biết nghĩ sao về sự bỏ rơi ấy.

– Thưa ông bá tước, – Ông già trả lời – người ta đã làm cho tôi hiểu, ở trong một ngôi nhà, ở nhà một người bà con, rằng ở tuổi tôi, người ta là thừa ở trong xã hội thượng lưu. Người ta chưa bao giờ đón tiếp tôi trọng vọng gì cho lắm, nhưng ít nhất người ta còn chưa sỉ nhục tôi. Tôi chưa cầu xin gì ở ai. – Ông lão nói với niềm kiêu hãnh của nghệ sĩ – Đáp lại đôi điều lịch sự, tôi thường giúp ích cho những ai đã tiếp đón tôi, nhưng dường như tôi đã nhầm, tôi sẽ chịu đủ điều thuế má lao dịch để được vinh hạnh đến ăn ở nhà các bạn tôi, ở nhà các bà con tôi... Nay, tôi đã từ bỏ vai ăn chực rồi. Ở nhà tôi, ngày nào tôi cũng thấy cái mà chẳng có bàn ăn nào dâng hiến cho tôi, đấy là một người bạn chân chính!

Những lời nói ấy, thấm đượm chất đắng cay mà người nghệ sĩ già vẫn còn khả năng biểu hiện bằng cử chỉ và bằng giọng nói, đã tác động đến vị nguyên lão nước Pháp mạnh đến nỗi ngài kéo nhà nhạc sĩ có phẩm cách đường hoàng ra riêng một chỗ.

– Chà, ông bạn già ơi, chuyện gì đã xảy ra với ông thế? Ông không thể thổ lộ với tôi về điều gì xúc phạm ông được ư? Cho tôi được nhắc ông rằng ở nhà tôi, ông nhất thiết đã được trọng vọng...

– Tôi xem ông là trường hợp ngoại lệ duy nhất. – Ông già nói – Và chẳng, ông là một ông lớn, một chính khách, những mối bận tâm của ông biện giải cho hết thảy, nếu cần.

Pons, bị khuất phục bởi sự khéo léo có tính chất ngoại giao của Popinot trong việc xử lý với mọi người và mọi việc, cuối cùng đã kể lại những nỗi bất hạnh của mình ở nhà ông De Marville. Popinot hết sức đồng tình với những nỗi bất bình của nạn nhân tới mức ngay sau đấy, tại nhà mình, ông đã nói lại với bà Popinot, người phụ nữ tuyệt vời và thật thà, bà trách cứ bà chánh án ngay khi gặp bà ta. Về phía mình, ông cự bộ trưởng đã nói qua chuyện này với ông chánh án, nên trong gia đình ông Camusot de Marville có lời qua tiếng lại nội bộ với nhau. Dầu Camusot không hẳn là ông chủ trong gia đình mình nhưng lời khiển trách của ông có căn cứ quá vững chắc, *về mặt công lý và sự việc thực tế* nên vợ và con gái ông không thể không thừa nhận sự thật trong đó; cả hai người chịu nhún và đổ lỗi cho bọn tội tở. Bọn này bị gọi đến và bị quở trách, và chỉ được tha lỗi sau khi đã nói thật ra đầu đuôi câu chuyện, khiến ông chánh án thấy là ông anh họ Pons đã hết sức có lý khi ở lại nhà của mình. Cũng như những ông chủ gia đình bị khuất phục trước các bà vợ, ông chánh án biểu lộ tất cả vẻ oai vệ của người chồng và của tòa án, tuyên bố với bọn tội tở của ông rằng họ sẽ bị đuổi việc, rằng họ sẽ mất hết những lợi lộc được hưởng do thời gian phục vụ lâu dài ở nhà ông nếu từ nay trở đi, ông bác Pons và tất cả những người quá bộ đến nhà ông, không được đối xử như chính ông. Lời nói ấy làm cho Madeleine mỉm cười.

– Các người chỉ có một cơ may thoát nạn, – Ông chánh án nói – đó là xin lỗi để ông anh ta bớt giận. Hãy đến nói với ông ấy rằng các người có được giữ lại ở đây hay không là hoàn toàn tùy thuộc vào ông ấy, vì nếu ông ấy không tha thứ cho các người, thì ta sẽ đuổi hết các người.

Hôm sau, ông chánh án ra đi từ khá sớm để có thể đến thăm ông anh họ trước lúc khai mạc phiên tòa. Sự xuất hiện của ông chánh án De Marville được mục Cibot loan báo thật là một sự kiện. Pons, lần đầu tiên trong đời được có hân hạnh ấy, linh cảm thấy một sự chuộc lỗi.

– Bác thân mến ơi, – Ông chánh án nói sau những câu chào hỏi thường lệ – cuối cùng thì tôi cũng đã hiểu vì sao bác lại rút lui. Cách cư xử của bác làm tăng thêm, nếu còn có thể tăng được, lòng quý trọng của tôi đối với bác. Về việc này, tôi chỉ xin nói với bác một lời thôi. Bọn người làm đã bị đuổi về hết. Vợ tôi và con gái tôi đang thất vọng; họ muốn được gặp bác để thanh minh với bác. Bác ạ, trong việc này, có một người vô tội, đó là một lão thẩm phán già; xin bác đừng bắt tội tôi về lỗi lầm của một đứa con gái nhỏ dại đột muốn được ăn uống tại gia đình Popinot, nhất là khi tôi đến làm lành với bác, thừa nhận mọi sai lầm đều là từ phía chúng tôi... Một tình bạn kéo dài ba mươi sáu năm, giả sử đã bị phai nhạt đi, hẳn cũng còn ít nhiều quyền chứ. Nào, bác hãy giải hòa đi bằng cách đến ăn với chúng tôi tối nay...

Pons lúng búng trả lời không rõ ràng, rồi cuối cùng bảo ông em họ rằng chiều nay ông bận dự lễ đính hôn của một nhạc sĩ trong ban nhạc, người quảng cáo sáo đi để trở thành chủ ngân hàng.

– Thôi, mai vậy!

– Thưa chú, tôi đã có hân hạnh được bà bá tước Popinot gửi một lá thư mời thật là nhã nhặn...

– Thì ngày kia... – Ông chánh án lại nói.

– Ngày kia, người cộng tác với nhạc công sáo thứ nhất của tôi, một người Đức, cậu Brunner, đáp lễ đòi vợ chồng chưa cưới về lời mời của họ hôm nay...

– Bác thật đáng mến khiến người ta tranh nhau niềm vui được đón bác như thế. – Ông chánh án nói – Đây, thế chủ nhật tới, ngày này tuần sau... như người ta vẫn nói ở tòa án.

– Chúng tôi lại ăn ở nhà ông Graff, bố vợ người thối sáo...

– Chà, thứ bảy nhé! Từ nay tới đấy, bác sẽ có thì giờ để làm yên lòng một đứa cháu gái đã khóc hết nước mắt vì lỗi lầm của nó. Chúa chỉ đòi hỏi hối hận thôi, bác có khó tính hơn cả Chúa trời đối với con cháu Cécile đáng thương ấy không?...

Pons, bị đánh vào chỗ yếu, lại nói năng lễ độ hơn bao giờ hết, đưa ông chánh án đến tận chỗ đầu cầu thang. Một giờ sau, lũ tội tó của nhà ông chánh án kéo đến nhà ông lão Pons; chúng tỏ rõ thế nào là kẻ ăn người làm, hèn nhát và ngọt ngào đầu lưỡi: chúng chảy nước mắt ra! Madeleine kéo riêng Pons ra một chỗ và quỳ sụp ngay xuống chân ông.

– Thưa ông, chính em, em đã gây ra tất cả, và ông biết rõ rằng em yêu ông. – Mụ vừa nói vừa khóc suốt mướt – Ông oán trách là nên oán trách sự trả thù đang sôi lên trong máu em đây, về toàn bộ câu chuyện rủi ro này. Chúng em sẽ mất *những niên kim suốt đời của mình!*... Thưa ông, em điên rồ, và em không muốn các bạn em phải đau khổ vì sự điên rồ của em... Bây giờ thì em thấy rõ là số phận không sinh ra em để thuộc về ông. Em đã tự suy tính phải trái với mình, em đã có quá nhiều tham vọng, nhưng thưa ông, em vẫn yêu ông. Suốt mười năm qua, em chỉ nghĩ đến niềm hạnh phúc được đem lại hạnh phúc cho ông và trông nom tất cả ở đây. Số phận mới đẹp đẽ làm sao chứ!... Ôi, giá ông biết rằng em yêu ông đến chừng nào! Nhưng ông cũng phải nhận ra điều đó qua tất cả những trò ác độc của em. Ngày mai, nếu em chết, thì người ta sẽ thấy gì?... Một di chúc dành cho ông, thưa ông, vâng, thưa ông, ở trong hòm của em, để dưới những đồ trang sức của em!

Làm rung lên chiếc dây đàn này, Madeleine khiến lòng tự ái của anh trai già được khoan khoái, vì mối tình say mê do mình gây ra, dù mối tình đó chẳng làm cho mình thú vị gì. Sau khi đã cao thượng tha thứ cho Madeleine, Pons xá tội cho tất cả mọi người và bảo rằng ông sẽ nói với bà chánh án em họ để xin cho ai nấy đều được ở lại trong nhà bà. Pons vui khôn tả, thấy mình được trở lại với các điều vui thú quen thuộc xưa nay mà không phạm điều hèn nhát. Thiên hạ kéo đến với ông, phẩm giá đường hoàng của tính cách ông sắp được nâng lên; nhưng trong khi lý giải thắng lợi của ông cho ông bạn Schmucke nghe, ông đau đớn thấy bạn buồn và đầy những ngờ vực không nói ra. Tuy vậy, thấy vẻ thay đổi đột ngột trên nét

mặt Pons, lão người Đức tốt bụng cuối cùng cũng hoan hỷ dù có phải hy sinh niềm hạnh phúc là đã chiếm được toàn bộ ông bạn trong ngót bốn tháng trời. Những căn bệnh tinh thần có một lợi thế vô biên so với những căn bệnh về thể chất, chúng khỏi ngay lập tức vì ham muốn gây bệnh đã được đáp ứng, cũng như chúng sinh ra là do thiếu thốn: trong buổi sáng ấy, Pons không còn là chính con người ấy nữa. Lão già buồn bã, ngắc ngoải, nhường chỗ cho Pons hài lòng mãn ý, người mới đây đã đem đến cho bà chánh án cái quạt của hầu tước phu nhân De Pompadour. Nhưng Schmucke cứ lan man nghĩ ngợi mãi về hiện tượng ấy mà không sao hiểu được, bởi vì sự khác kỳ thực sự sẽ không bao giờ hiểu nổi thói xu nịnh của người Pháp. Pons là một người Pháp thực thụ của Đế chế, mà ở trong con người này, sự phong nhã của thế kỷ đã qua kết hợp cùng sự tận tâm đối với phụ nữ như đã được ca tụng trong những bản tình ca *Đi Syrie...* Schmucke chôn chặt nỗi buồn trong tim, dưới những bông hoa triết học Đức của lão; nhưng chỉ trong tám ngày, lão trở nên vàng vọt và mù Cibot đã phải dùng mẹo để đưa ông *thầy thuốc của phường* đến với Schmucke. Ông thầy thuốc này nghĩ là chứng *hoàng đản*, khiến mù Cibot choáng người vì cái danh từ thông thái mà giải thích ra thì sẽ là *bệnh vàng da*!

Có lẽ lần đầu tiên hai người bạn cùng đi ăn ở ngoài phố; nhưng đối với Schmucke, thì đấy là một cuộc du ngoạn sang Đức. Thật thế, Johan Graff, ông chủ của *khách sạn sông Rhin*, và cô con gái ông là Emilie, Wolfgang Graff, ông thợ may và vợ, Fritz Brunner và Wilhem Schwab đều là người Đức cả. Pons và viên công chứng là những người Pháp duy nhất được dự bữa tiệc. Cánh thợ may có một khách sạn trang lệ ở phố Richelieu, giữa phố Neuve – des – Petits – Champs và phố Villedot. Họ đã nuôi cô cháu gái mà ông bố có lý để sợ cô tiếp xúc với những người thuộc đủ mọi hạng ra vào một khách sạn. Những ông thợ may đáng kính ấy yêu đứa nhỏ như chính con gái mình, để tặng dưới cho cặp vợ chồng mới cưới. Ở đấy sẽ lập nhà Ngân hàng Brunner, Schwab và công ty. Vì sự thu xếp đã bắt đầu từ khoảng một tháng nay, thời gian cần để thừa hưởng cái gia

tài chuyển giao cho Brunner, người đã tạo nên niềm đại hạnh phúc ấy, nên căn phòng của đôi vợ chồng tương lai được ông thợ may danh tiếng sửa lại như mới một cách sang trọng và bày biện đồ đạc. Các văn phòng của nhà Ngân hàng được đặt ở cánh bên nổi liền một căn nhà đẹp để xây quay ra phố với cái khách sạn cũ nằm giữa sân và vườn.

Khi đi từ phố Normandie đến phố Richelieu, Pons được lão Schmucke lơ dềnh kể cho nghe các chi tiết của câu chuyện mới về đứa con phá tán tài sản, đứa con được Thần Chết giết lão chủ quán béo tốt để khoản đãi¹. Vừa giải hòa xong với những người bà con gần nhất, Pons liền ước mong cho Fritz Brunner lấy Cécile de Marville. Tình cờ viên công chứng của anh em Graff lại chính là con rể và là người nối nghiệp của Cardot, thư ký chính thứ hai văn phòng luật sư ngày trước, mà Pons vẫn thường đến ăn tại nhà.

– À, chính là ông đây rồi, thưa ông Berthier. – Nhạc sĩ già vừa nói vừa chìa bàn tay ra cho ông cụ chủ tiệc.

– Tại sao ông lại không cho chúng tôi cái hân hạnh được mời cơm ông ở nhà chúng tôi nữa? – Công chứng viên hỏi – Vợ tôi áy náy về ông. Chúng tôi đã thấy ông ở buổi biểu diễn đầu tiên vở *Vợ chưa cưới của Quỳ*, và nỗi áy náy của chúng tôi đã trở thành sự tò mò.

– Người già thường dễ động lòng. – Ông lão trả lời – Họ có cái sai lầm là chậm đến một thế kỷ; nhưng biết làm thế nào được? ... Đại diện cho một thế kỷ là đủ lắm rồi, họ không thể nào thuộc về cái thế kỷ nhìn thấy họ chết nữa.

– À, người ta không cùng một lúc đuổi theo cả hai thế kỷ được²
– Viên công chứng nói với vẻ tỉnh tể.

1. Chơi chữ: *tuer le veau gras* - mở tiệc nhân việc vui trong gia đình.

2. *Courir deux lièvres à la fois*: bắt cả hai tay.

– Chà! – Ông già vừa nói vừa kéo chàng công chứng ra một góc
– Tại sao ông không gả chồng cho con cháu Cécile de Marville của
tôi thế? ...

– À, tại sao... – viên công chứng nói tiếp – Trong thế kỷ này, sự
xa xỉ đã ăn sâu vào tận chỗ ở của người gác cổng, các chàng trai
ngại gán bó số phận mình với số phận cô con gái một ông chánh án
Tòa án hoàng gia Paris, khi người ta chỉ cho cô ấy một trăm nghìn
phơ-răng của hồi môn. Làm gì có bà vợ nào chỉ tốn ba nghìn phơ-
răng một năm cho chồng, trong cái tầng lớp mà chồng cô De
Marville sẽ được đặt vào. Lợi tức của một món hồi môn như thế thì
hầu như không đủ thanh toán được những chi phí về điểm trang cho
một người vợ tương lai. Một chàng trai, được hưởng từ mười lăm
đến hai mươi nghìn phơ-răng niên kim, ở một gác lửng xinh xắn, thì
thiên hạ chẳng đòi hỏi anh ta phải xênh xang, anh ta có thể chỉ có
một gã đầy tớ, anh ta có thể chi hết tiền thu nhập vào những thú vui,
anh ta chẳng phải lo giữ lễ tiết phong độ gì khác ngoài áo quần.
Được tất cả các bà mẹ hay phòng xa nuông chiều, anh ta là một
trong những ông vua của thời trang Paris. Trái lại, một người vợ thì
đòi một căn nhà được trang bị đầy đủ, chị ta chiếm lấy chiếc xe
ngựa cho riêng mình; nếu chị ta đi xem hát, chị ta muốn thuê cả lô
là nơi chàng trai chỉ phải trả tiền cho ngăn ghế của mình thôi; tóm
lại, chị ta thành ra toàn bộ sự tiêu biểu của cái tài sản mà mới đây,
không lâu, riêng chàng trai là tiêu biểu. Hãy giả định cho đôi vợ
chồng ba mươi nghìn phơ-răng lợi tức xem sao? Trong cuộc sống
hiện tại, anh con trai giàu có trở thành một kẻ khốn khổ quan tâm
đến giá của một cuộc đua ngựa ở Chantilly. Để con ư?... Thế là túng
thiếu. Vì ông và bà De Marville mới bước vào tuổi năm mươi, nên
triển vọng hưởng gia tài có kỳ hạn là mười lăm hoặc hai mươi năm;
chẳng một anh chàng nào lại bận tâm đến việc giữ chúng lại lâu đến
thế trong ví tiền của mình, và sự tính toán làm bại hoại trái tim
những kẻ đại dốt vẫn nhảy điệu polka ở nhà Mabilles với bọn con gái
lẳng lơ, đến nỗi tất cả những thanh niên định lấy vợ phải nghiên cứu
kỹ cả hai mặt của vấn đề này mà không cần đến chúng ta giải thích

cho họ. Nói riêng giữa chúng ta, cô De Marville khiến cho *những kẻ cầu hôn* với cô vẫn giữ trái tim đủ bình thản để cho cái đầu làm việc thay tim và họ đều miên man theo những suy tưởng phản hôn nhân kia. Nếu một chàng trai nào đó, có lý trí và có hai mươi nghìn pho-răng lợi tức, *thăm* vạch ra một chương trình kết hợp để thỏa mãn những ý tưởng tham vọng, thì cô De Marville chắc sẽ đáp ứng được rất ít...

– Thế tại sao? – Lão nhạc sĩ kinh ngạc hỏi.

– À, – Anh công chúng trả lời – ngày nay hầu như tất cả những chàng trai ấy, dù có xấu xí như hai chúng ta chẳng nữa, thì ông Pons thân mến ơi, họ đều *láo* xược muốn một món hồi môn sáu trăm nghìn pho-răng, muốn có vợ là con gia thế, rất xinh đẹp, rất hóm hỉnh, rất có giáo dục, không có tỳ có tật gì, mười phân vẹn mười kia.

– Thế thì cháu gái tôi khó lấy chồng lắm à?

– Cô ấy vẫn cứ còn là con gái chùng nào ông bố và bà mẹ còn chưa quyết định cho cô ấy đất Marville làm của hồi môn, giá như trước đây họ muốn thế, thì cô ấy đã là bà tử tước Popinot... Nhưng Brunner đây rồi, chúng tôi sắp đọc khế ước lập công ty Brunner và hôn ước.

Giới thiệu và chào hỏi nhau xong thì Pons, được những người bà con mời ký vào hôn ước, liền nghe đọc các giấy tờ, và vào khoảng năm giờ rưỡi, mọi người kéo sang phòng ăn. Bữa ăn là một trong những bữa ăn sang trọng như bữa ăn của những nhà buôn thết đãi khi họ tạm ngừng công việc, và nó chứng tỏ những mối quan hệ của Graff, ông chủ khách sạn sông Rhin, với những nhà cung ứng hạng nhất của Paris. Chưa bao giờ, cả Pons và Schmucke lại được ăn uống túy lúy như thế. Có *những món cứ nghĩ đến là mê cả hồn*, những sợi mỳ ngon mềm chưa từng thấy, những con cá hương rán vô song, món cá hồ Genève¹ với thứ nước xốt của Genève chính

1. Nguyên văn: *ferra de Genève* (một loài cá ở hồ Léman).

cống và một thứ kem của bánh pudding có thể làm kinh ngạc đến cả những nhà bác học tiếng tăm, như người ta đồn, là người đã sáng tạo ra nó ở Luân Đôn. Người ta ăn xong lúc mười giờ tối. Số rượu vang sông Rhin và vang Pháp người ta đã uống chắc làm cho các chàng công tử bảnh bao phải ngạc nhiên, bởi ta không biết tại sao những người Đức có thể uống liên hồi kỳ trận như thế mà vẫn giữ được thái độ bình thản, lạng lẽ. Phải ăn ở nước Đức và trông thấy các chai rượu nối đuôi nhau như đợt sóng này nối tiếp đợt sóng khác trên một bãi biển đẹp của Địa Trung Hải rồi mất tâm như thể những người Đức có cái tài hút lấy rượu như bột biển và như cát, nhưng êm ái chứ không ồn ào kiểu Pháp; lời lẽ vẫn giữ được khôn ngoan như lời ứng khẩu của kẻ cho vay nặng lãi, các bộ mặt ửng đỏ như mặt những cô dâu vẽ trong tranh của Cornélius hay Schnorr, nghĩa là không thể nhận thấy được, và những ký ức tràn ra từ từ như khói tuôn ra từ những cái tàu thuốc lá.

Khoảng mười giờ rưỡi, Pons và Schmucke ngồi trên một chiếc ghế dài trong vườn, mỗi người một bên cạnh người thối sáo cũ, không hiểu rõ ai đã đưa họ đến chỗ thanh minh về tính cách của họ, ý kiến của họ và rủi ro của họ. Ở giữa cái món hăm dọa những chuyện tâm tình ấy, Wilhem nói về mong muốn lấy vợ cho Fritz, nhưng với một sức mạnh, một tài hùng biện dầm hơi rượu.

– Anh nói sao về cái dự định này đối với anh bạn Brunner của anh? – Pons nói to vào tai Wilhem – Một cô gái trẻ, duyên dáng, biết điều, hai mươi bốn tuổi, thuộc vào một gia đình được trọng vọng nhất, ông bố giữ một trong những địa vị cao nhất ở tòa, có một trăm nghìn phơ-răng của hồi môn, và có triển vọng được hưởng gia tài một triệu.

– Khoan đã! – Schwab trả lời – tôi sẽ nói ngay chuyện ấy với Fritz.

Hai nhà nhạc sĩ thấy Brunner và bạn anh ta đi quanh trong vườn, đi qua đi lại trước mặt, lần lượt nghe nhau nói. Pons, đầu hơi nặng nhưng không say hẳn, đầu thì nặng nhưng trí óc thì nhẹ nhõm

tỉnh táo, lão quan sát Fritz Brunner qua đám mây mờ do rượu gây nên và muốn thấy trên nét mặt ấy những khát khao hướng về hạnh phúc gia đình. Schwab giới thiệu ngay với ông Pons, bạn hân, người cộng tác của hân. Anh này hết sức cảm ơn ông lão đã hạ cố quan tâm. Họ bắt đầu trò chuyện, Schmucke và Pons, hai kẻ độc thân, tán tụng việc cưới xin, và đám đưa ra lời nói giễu này mà không hề có ác ý: ‘mục đích’ của con người ta là thế’. Khi người ta mang ra kem, nước trà, rượu punch, bánh ngọt trong căn hộ tương lai của cặp vợ chồng tương lai thì sự vui cười lên đến tột độ giữa những nhà buôn đáng quý trọng ấy, tất cả hầu như đã chệnh choáng hơi men, khi biết rằng người xuất vốn của nhà ngân hàng sắp bắt chước kẻ cộng tác với mình.

Vào lúc hai giờ sáng, Schmucke và Pons trở về nhà qua các đại lộ, vừa đi vừa thuyết lý đến gần đỡ về sự sắp xếp nhíp nhàng mọi sự việc trên thế gian này.

Ngày hôm sau, Pons đến bà chánh án em họ, trong lòng rạo rực một niềm vui sâu xa là lấy cái thiện đáp lại cái ác. Tâm hồn đẹp dễ, thân thương tội nghiệp!... Chắc chắn là ông đã đạt tới cái cao cả, mọi người sẽ đều đồng ý thế, bởi vì chúng ta đang sống trong một thế kỷ người ta trao giải thưởng Monthyon cho những người hoàn thành nhiệm vụ theo lời dạy của Phúc âm.

– A, họ sẽ mang ơn biết bao kẻ ăn chực của họ! – Pons tự nhủ khi rẽ sang phố Choiseul.

Một con người ít mải mê thỏa mãn hơn Pons, một con người của giới giao tế, một con người ngờ vực chắc chắn đã quan sát bà chánh án và con gái trong khi trở lại cái nhà này; nhưng người nhạc sĩ đáng thương ấy chỉ là một đứa bé, một nghệ sĩ đầy ngây thơ, chỉ tin ở đức độ như tin ở cái đẹp trong nghệ thuật, ông vui sướng về

1. Chơi chữ: *La fin* vừa có nghĩa là mục đích, cứu cánh, vừa có nghĩa là sự kết thúc, lúc cuối cùng.

những trò phỉnh nịnh của Cécile và bà chánh án đối với ông. Ông già ấy từ hai mươi năm nay, xem diễn trước mắt những kịch vui, thảm kịch và hài kịch, không nhận ra những sự giả dối của tấn kịch xã hội mà chắc hẳn là ông đã chán ngấy. Ai hay lui tới xã hội Paris và đã hiểu sự khô cứng về tâm hồn và thể xác của bà chánh án – là người chỉ nồng nhiệt với công danh và muốn đức hạnh đến phát điên, lòng sùng đạo giả dối của bà và sự kiêu kỳ về tính cách của một người đàn bà quen sai khiến trong gia đình –, thì những người ấy có thể hình dung ra bà ta đã ngấm ngấm căm ghét ông anh họ của chồng đến thế nào, từ sau sai lầm bà ta đã mắc phải. Tất cả những biểu hiện của bà chánh án và của con gái bà đều kèm theo một ham muốn trả thù gớm ghê, cố nhiên là phải hoãn lại. Lần đầu tiên trong đời, Amélie đã có lỗi đối với người chồng mà bà ta vẫn điều khiển. Sau hết, bà ta lại phải tỏ ra triu mến đối với kẻ đã làm cho bà thất bại!... Tương tự với tình trạng này chỉ là một số thói đạo đức giả kéo dài nhiều năm trong đoàn hồng y giáo chủ hoặc trong cái hội những người đứng đầu giáo chức. Lúc ba giờ, khi ông chánh án từ tòa án trở về, thì Pons vừa mới kể xong chuyện làm quen tuyệt vời của ông với cậu Frédéric Brunner, và bữa ăn tối qua chỉ kết thúc vào sáng hôm sau, và tất cả những gì có liên quan đến cái cậu Frédéric Brunner ấy. Cécile đi thẳng vào việc bằng cách hỏi han về cách ăn mặc của Frédéric Brunner, về vóc dáng, về tư thế, về màu tóc, màu mắt, và khi đã phỏng đoán rằng Frédéric có vẻ tao nhã, thì cô ả cảm phục ngay tính hào hiệp của anh ta.

– Tặng năm trăm nghìn phơ-răng cho người cùng hội cùng thuyền thời gian khổ với ông ta ư! Ôi, mẹ ơi, con sẽ có xe và có ló xem hát ở rạp Italiens.

Cécile hầu như đẹp hẳn lên khi nghĩ đến việc thực hiện tất cả những tham vọng của mẹ đối với cô ả, đến việc thực hiện những kỳ vọng mà cô ả đã không còn trông mong nữa.

Còn bà chánh án, bà chỉ nói một câu này:

– *Bé gái* nhỏ yêu quý của mẹ này, trong mười lăm ngày nữa, con có thể sẽ lấy chồng.

Tất cả các bà mẹ đều gọi các cô con gái hai mươi ba tuổi của họ là những *bé gái*!

– Tuy thế, – Ông chánh án nói – cũng còn phải có thời gian để tìm hiểu. Tôi không bao giờ trao con gái tôi cho bất cứ ai mới đến...

– Về việc tìm hiểu, thì các giấy tờ làm ở văn phòng ông Berthier đấy. – nhà nghệ sĩ già trả lời – Về chàng trai, thì thưa cô em yêu quý, cô biết cô đã nói gì với tôi đấy! Đây, anh ta đã quá tuổi bốn mươi, nửa mái đầu đã không còn tóc, anh ta muốn tìm thấy ở gia đình một bến cảng để tránh những sóng gió, tôi không làm anh ta đổi hướng; tất cả mọi sở thích đều là do tự nhiên...

– Lại thêm một lý do để phải gặp anh Frédéric Brunner. – Ông chánh án đáp – Tôi không muốn trao con gái tôi cho bất cứ kẻ ốm yếu nào.

– Đây, cô em ơi, cô sẽ xét đoán về người mà tôi giới thiệu, trong năm ngày nữa, nếu cô muốn thế; vì trong ý nghĩ của cô, chỉ một cuộc gặp gỡ là đủ...

Cécile và bà chánh án tỏ vẻ khoái trá.

– Frédéric là người có khiếu ham thích mỹ nghệ rất đặc biệt, đã xin tôi cho xem tỉ mỉ bộ sưu tập của tôi. – Ông anh họ Pons nói tiếp – Cô và cháu chưa bao giờ xem tranh, xem những đồ quý hiếm của tôi, xin mời đến, – Ông nói với hai người bà con –, cô và cháu sẽ tới đấy như những vị phu nhân do ông bạn Schmucke của tôi mời đến, cô và cháu sẽ làm quen với chú rể tương lai mà không sợ hại đến thanh danh. Frédéric có thể hoàn toàn không biết cô và cháu là những ai.

– Tuyệt vời! – Ông chánh án kêu lên.

Ta có thể đoán ra được sự ai nấy hết sức tôn trọng cái kẻ ăn bám xưa kia bị khinh bỉ. Ngày hôm ấy, con người đáng thương là anh họ

của bà chánh án. Người mẹ sung sướng chìm oán thù dưới những lớp sóng mừng vui, tìm được những ánh mắt, những nụ cười, những lời nói khiến ông già ngất ngây vì đã làm được điều thiện và vì tương lai thoáng thấy. Chẳng phải ông thấy trong nhà Brunner, Schwab, Graff những bữa ăn như bữa ăn của buổi ký hôn ước hay sao? Ông thoáng thấy một cuộc sống lạc thú và sau đó là một chuỗi tuyệt vời với *những món ăn gây bất ngờ*, những bất ngờ khoái khẩu, những cốc rượu tuyệt ngon!

– Nếu bác Pons thu xếp cho chúng ta tiến hành được một việc như thế, – Ông chánh án nói với vợ sau khi Pons đã đi khỏi –, thì chúng ta phải lập cho bác một món lợi tức hàng năm tương đương với lương chức chỉ huy dàn nhạc của bác.

– Chắc chắn rồi. – Bà chánh án nói.

Trong trường hợp ưng thuận chàng trai, Cécile có trách nhiệm phải làm cho ông nhạc sĩ già chấp nhận sự rộng lượng dè tiện ấy.

Hôm sau, ông chánh án muốn có những bằng chứng đích thực về tài sản của Frédéric Brunner, liền đến nhà công chứng viên. Berthier được bà chánh án báo trước sai đi gọi người khách hàng mới của ông ta, chủ ngân hàng Schwab, người thối sáo ngày trước. Hoa mắt vì cuộc hôn nhân như vậy cho bạn (ta biết người Đức kính nể các địa vị xã hội biết bao! Ở nước Đức, một phụ nữ là bà đại tướng phu nhân, bà cố vấn phu nhân, bà phu nhân luật sư,...) Schwab dễ tính như một người sưu tập cho là đã lừa được một gã lái buôn.

– Trước hết, – Ông bố Cécile nói với Schwab – vì tôi sẽ ký giấy cho con gái tôi điền địa Marville nên tôi muốn gả chồng cho nó theo chế độ hôn môn. Cậu Brunner bây giờ sẽ đầu tư một triệu vào đất đai để mở rộng Marville, lập một bất động sản hôn môn để tương lai của con gái tôi và tương lai các con nó được bảo đảm khỏi những may rủi của Ngân hàng.

Berthier vừa xoa cằm vừa nghĩ:

– Ông khôn ngoan lắm, ông chánh án ạ.

Schwab, sau khi được giải thích về hiệu quả của chế độ hồi môn, đứng ra đảm bảo cho bạn. Điều khoản ấy đã thực hiện ước muốn mà gã đã nghe Fritz nói lên là tìm được cách trừ hoạch để không bao giờ hấn lại rơi vào cảnh đói nghèo.

– Lúc này có một triệu hai trăm nghìn phơ-răng đất đai và đồng cỏ để bán. – Ông chánh án nói.

– Một triệu hùn vốn vào Ngân hàng là đủ, – Schwab nói – để bảo đảm tài khoản của hãng chúng tôi ở Ngân hàng; Fritz không muốn đưa quá hai triệu vào kinh doanh, anh ấy sẽ thực hiện điều ông đòi hỏi, thưa ông chánh án.

Ông chánh án làm cho hai người phụ nữ hầu như phát điên lên khi ông báo cho họ tin này. Chưa bao giờ một món bỏ như thế lại tỏ ra dễ dàng sa vào tấm lưới vợ chồng như thế.

– Con sẽ là bà Brunner de Marville, – Ông bố bảo cô con gái – vì bố sẽ xin cho chồng con được phép nối thêm cái tên này vào tên nó; sau này nó sẽ được công nhận quý tộc hóa. Nếu bố trở thành nguyên lão nước Pháp, thì nó sẽ thừa kế bố.

Bà chánh án dùng năm ngày để sửa soạn cho cô con gái. Ngày hội kiến, bà đích thân mặc quần áo cho Cécile. Bà tự tay trang bị cho con cẩn thận như vị đô đốc hải quân trang bị du thuyền cho nữ hoàng Anh quốc khi bà đi du lịch sang Đức.

Về phía mình, Pons và Schmucke lau chùi, quét bụi cho cái bảo tàng của Pons, căn phòng, các đồ đạc, nhanh nhẹn như các thủy thủ cọ rửa chiếc tàu đô đốc hải quân. Không còn một hạt bụi nào trong những đồ gỗ chạm. Tất cả những đồ đồng bóng lộn lên. Mặt kính của những bức tranh phấn màu cho thấy rõ nét những tác phẩm của Latour, của Greuze và của Liotard, tác giả trứ danh của bức *Cô gái bán Sôcôla*, sự diệu kỳ của bức vẽ, than ôi, lại rất nhất thời này! Về muôn màu không thể bắt chước được của đồng đồ xứ Florence sáng

óng ánh. Kính ghép màu rực lên những màu sắc tuyệt diệu. Tất cả chói lọi trong hình thức, và phát ra tiết nhạc cho hồn người trong bản hòa âm các kiệt tác do hai nhạc sĩ, cả hai đồng thời cũng là thi sĩ, tổ chức nên.

Khá khéo léo để tránh những khó khăn khi ra trình diễn trên sân khấu, các phụ nữ đến trước tiên, họ muốn ở vào thế có lợi. Pons giới thiệu ông bạn Schmucke của ông với họ hàng, mà đối với những người này, ông ta có vẻ như một anh ngọc. Mãi quan tâm đến một người chồng chưa cưới bốn lần triệu phú, nên hai mụ dốt nát chỉ chú ý gọi là nghe ông Pons giới thiệu về nghệ thuật. Họ lạnh nhạt nhìn đồ men sứ của Petitot xếp cách quãng trên nền nhung đỏ của ba cái khung kỳ diệu. Những bông hoa của Van Huysum, của David de Heim, những côn trùng của Abraham Mignon, những Van Eyck, những Albert Dürer, những Cranach thật sự, Giorgione, Sébastien del Piombo, Backuysen, Hobbéma, Géricault, những của hiếm của hội họa, chẳng có gì kích thích được tính tò mò của họ, vì họ đang chờ vầng thái dương chiếu sáng những của cải này; tuy vậy họ cũng phải ngạc nhiên về vẻ đẹp của một vài thứ trang sức xứ Etrurie, về giá trị thực của những hộp đựng thuốc hít. Để chiêu lòng họ làm ra vẻ ngây ngất cầm lên tay những đồ đồng đỏ xứ Florence, thì vừa lúc đó mụ Cibot báo tin Brunner đến! Họ không hề quay lại, và lợi dụng một chiếc gương đẹp của Venise đóng khung trong những mảnh gỗ mun chạm trổ quái dị, để xem xét con phượng hoàng của đám cầu hôn.

Frédéric, được Wilhem báo trước, đã chải gom lại chút tóc ít ỏi còn lại trên đầu. Hắn mặc một cái quần đẹp màu dịu dù tối sẫm, một chiếc gilê lụa cực sang và kiểu cắt mới, một chiếc sơ mi do một cô Frisonne thêu rua bằng tay, một chiếc cavát xanh có những đường chỉ trắng. Chiếc dây đeo đồng hồ của hắn mua ở hiệu Florent và Chanor, cái chuỗi can cầm tay cũng thế. Còn về quần áo, lão Graff đã tự tay may cho hắn bằng thứ da đẹp nhất. Đôi găng tay Thụy Điển báo cho biết con người đã ăn hết cả gia tài của mẹ nó. Nếu đôi

tai của mù đàn bà lắm điều nhiều lời không nghe thấy tiếng bánh xe lăn trong phố Normandie, thì cứ nhìn đôi ủng đánh vécni bóng lộn của hán cũng đủ đoán ra được chiếc xe thấp nhỏ, có hai ngựa kéo của tay chủ ngân hàng.

Khi kẻ phóng đảng hai mươi tuổi là con nhộng của một chủ ngân hàng, thì đến năm bốn mươi tuổi, nó nở ra thành một người quan sát càn tỉnh vi hơn, vì Brunner đã hiểu tất cả những lợi thế mà một người Đức có thể rút ra được từ tính ngây thơ của mình. Sáng hôm ấy, hán có vẻ mơ màng của một người đứng giữa một bên là đời sống gia đình phải gánh lấy và một bên là những phung phí của cuộc đời trai chưa vợ còn tiếp tục. Ở một người Đức đã Pháp hóa, nét mặt ấy, theo Cécile, có vẻ hết sức lãng mạn. Cô ả thấy một chàng Werther trong đứa con của nhà Virilaz. Cô gái nào lại chẳng tự cho phép lãng mạn một chút trong câu chuyện cưới xin của mình? Cécile tự coi mình là người phụ nữ sung sướng nhất, khi Brunner, nhìn thấy những tác phẩm tuyệt vời được bên bỉ sưu tập trong bốn mươi năm trời, đã say mê, lần đầu tiên đánh giá đúng giá trị của chúng, khiến Pons hết sức hài lòng.

— Đúng là một nhà thơ!— Cô De Marville tự nhủ — Anh ấy nhìn thấy tiền triệu ở đấy. Một nhà thơ là một người không tính toán, để cho vợ cai quản mọi vốn liếng, một con người dễ dẫn dắt, chỉ quan tâm đến những chuyện ngớ ngẩn.

Mỗi ô vương trong hai cửa kính ở phòng ông lão, là một tấm kính màu Thụy Sĩ, ô xoàng nhất cũng đáng giá một nghìn phơ-răng; có đến mười sáu kiệt tác như thế, mà ngày nay những kẻ ham thích mua phải đi đây đi đó để tìm kiếm. Năm 1815, mỗi tấm kính ấy bán với giá từ sáu đến mười phơ-răng. Cái giá của sáu mươi bức tranh làm nên bộ sưu tập thần thánh ấy, những kiệt tác thuần túy, không một chỗ tô lại, xác thực, chỉ có thể nêu lên được ở các cuộc bán đấu giá sôi nổi. Xung quanh, mỗi bức tranh lại bùng lên một cái khung vô giá và đủ kiểu: khung Venise với những hình trang trí to tướng

giống những trang trí ở bát đĩa hiện thời của người Anh, khung La Mã đáng chú ý do cái mà các nghệ sĩ gọi là *fla-fla*¹, khung Tây Ban Nha với những hình cảnh lá lượn táo bạo, khung Flandres và Đức với những nhân vật ngây thơ, khung đôi môi khảm thiếc, khảm đồng, khảm xà cừ, khảm ngà voi; khung bằng gỗ mun, khung bằng gỗ hoàng dương, khung bằng đồng, khung Louis XIII, Louis XIV, Louis XV và Louis XVI, tóm lại là bộ sưu tập độc nhất của những mẫu đẹp nhất. Pons, còn may mắn hơn cả những người quản lý kho báu Dresde và Vienne, có một cái khung của Brustolone danh tiếng, một Michel – Ange về đồ gỗ.

Dĩ nhiên là cô De Marville yêu cầu giải thích về từng thứ vật lạ mới. Cô ả nhờ Brunner vỡ lòng cho để hiểu biết về những thứ kỳ lạ ấy. Cô ả thật ngây thơ trong những tiếng reo cảm thán, cô ả có vẻ thật sung sướng được Frédéric cho biết giá trị, vẻ đẹp của một bức vẽ, một tác phẩm điêu khắc, một đồ nghệ thuật bằng đồng thanh, đến nỗi gã người Đức hoạt bát hẳn lên: bộ mặt hẳn trông trẻ ra. Cuối cùng thì cả hai bên đã đi xa hơn là ý muốn trong buổi gặp gỡ đầu tiên này, luôn luôn là do ngẫu nhiên.

Buổi ấy kéo dài đến ba giờ đồng hồ. Brunner giơ tay lên đỡ Cécile để xuống cầu thang. Khi bước xuống bậc thang thả một cách khôn khéo và luôn miệng nói về mỹ thuật, Cécile thật ngạc nhiên trước sự khâm phục của anh chàng cầu hôn đối với những vật linh tinh của bác Pons.

– Thế anh tin rằng tất cả những thứ ta vừa thấy, là đáng tiền lắm à?

– Này, thưa cô, nếu ông bác của cô muốn bán cho tôi bộ sưu tập của ông ấy, thì chiều nay tôi trả tám trăm nghìn phơ-răng, và tôi không làm một việc tồi đâu. Sáu chục bức tranh, chỉ riêng chúng đã lên tới số tiền lớn hơn khi đem bán công khai.

1. làm bộ, loè.

– Em tin thế, vì anh đã nói với em như thế, – Cô ả trả lời – và phải vậy thôi, đó là điều anh quan tâm hơn hết.

– Ôi, thưa cô, – Brunner kêu lên – để trả lời sự chê trách ấy, tôi sẽ chỉ xin mẹ cô cho phép tôi được đến nhà bà để có niềm hạnh phúc là được gặp lại cô.

– Con thật là khéo ăn nói, *bé gái* của mẹ ạ! – Bà chánh án theo sát con gái, nghĩ như thế. Rồi bà cao giọng lên: – Tôi hết sức vui lòng, anh ạ. – Bà nói to: Tôi mong anh đến cùng với bác Pons của chúng tôi vào giờ ăn tối; ông chánh án chắc sẽ thích thú được làm quen với anh... Cảm ơn bác, thưa bác – Bà nắm chặt cánh tay Pons một cách có ý nghĩa, đến nỗi câu nói thánh lễ: “Chỉ hai chúng ta biết với nhau đến trọn đời” cũng không mạnh mẽ đến thế. Bà liếc nhìn Pons âu yếm kèm theo câu: “Cảm ơn bác, thưa bác”.

Sau khi đưa cô gái lên xe và khi chiếc xe song mã đã khuất hẳn trong phố Charlot, Brunner mới nói với Pons về các đồ linh tinh, trong khi Pons nói về đám cưới.

– Anh không thấy có gì trở ngại gì chứ?... – Pons nói.

– À, – Brunner trả lời – cô bé thì vô vị, bà mẹ thì hơi làm bộ... Rồi sẽ xem.

– Một gia tài lớn sẽ đến đấy. – Pons nhắc – Những hơn một triệu...

– Thứ hai nhé! – Nhà triệu phú lặp lại – Nếu ông muốn bán bộ sưu tập tranh, tôi sẽ trả từ năm đến sáu trăm nghìn phơ-răng...

– Ô! – Ông lão kêu lên, không biết là mình lại giàu đến thế – Nhưng tôi không thể chia tay với những thứ là niềm hạnh phúc của tôi... Bán bộ sưu tập, nhưng tôi chỉ giao hàng sau khi tôi chết.

– Sao? Để rồi xem...

– Đấy là hai vụ việc đang được tiến hành. – Nhà sưu tập nói, óc chỉ nghĩ về đám cưới.

Brunner chào Pons rồi biến đi, trên cỗ xe sang trọng. Pons nhìn chiếc xe song mã mất hút mà không chú ý gì đến Rémonencq đang hút thuốc trên ngưỡng cửa.

Ngày tối hôm ấy, ở nhà ông bố chồng là nơi bà chánh án De Marville đến hỏi ý kiến, bà gặp gia đình Popinot. Mong muốn làm thỏa mãn một chút báo thù rất tự nhiên đối với trái tim người mẹ khi họ không tóm được một gã con nhà dòng dõi, bà De Marville loan tin rằng Cécile có một cuộc hôn nhân tuyệt vời. – Cécile lấy ai thế? – Đây là câu hỏi đầu lưỡi của tất cả mọi người. Và thế là, không nghĩ rằng mình đã lộ bí mật, bà chánh án nói nhiều lời nhỏ giọt, thì thào bên tai nhiều chuyện tâm tình, và lại có bà Berthier xác nhận, đến nỗi ngày hôm sau, trong giới trường giả xa hoa lộng lẫy là nơi Pons từng đến ăn uống no nê ngon miệng, người ta kể chuyện như thế này.

Cécile de Marville lấy một chàng người Đức, anh này làm chủ ngân hàng vì tình thương người, vì anh ta có những bốn triệu; đúng là một nhân vật tiểu thuyết, một chàng Werther thật sự, đáng yêu, có trái tim nhân hậu, đã làm những chuyện điên rồ, phải lòng Cécile như điên đảo, đây là một mối tình ập đến như sét đánh, và càng chắc chắn hơn nữa, vì Cécile có tình địch là tất cả những Thánh mẫu trong tranh của Pons, v.v... và v.v...

Ngày hôm sau nữa, một số người đến thăm bà chánh án chỉ duy nhất là để biết có chiếc răng vàng thật hay không, và bà chánh án đã nói với người này người khác những lời biến thể sau đây mà các bà mẹ có thể tham khảo, cũng như xưa kia người ta tham khảo tập sách *thông tin hoàn hảo*.

– Một cuộc hôn nhân chỉ được thực hiện, – Bà chánh án nói với bà Chiffreville – khi người ta từ Tòa Thị chính và từ Nhà thờ trở về; và chúng tôi mới chỉ có những cuộc gặp gỡ; cho nên tôi trông cậy vào tình bạn của bà để đừng nói về triển vọng của chúng tôi...

– Bà thật là sung sướng, thưa bà chánh án. Ngày nay, những cuộc hôn nhân thu xếp khó khăn lắm.

– Bà bảo sao? Một sự ngẫu nhiên thôi mà; nhưng các cuộc hôn nhân thì thường vẫn thế.

– Nay, vậy là bà gả chồng cho Cécile đấy ư? – Bà Cardot hỏi thế.

– Vâng – Bà chánh án trả lời, hiểu cái ý ranh ma trong tiếng *vậy là* – Chúng tôi hay đòi hỏi, vì thế làm chậm việc xây dựng cho cháu Cécile. Nhưng chúng tôi tìm được hết: tài sản này, tính nhả nhận này, nết tốt này, đẹp trai này. Và lại, cháu gái bé bỏng yêu quý của tôi hoàn toàn xứng đáng như thế. Brunner là một cậu có duyên, hào hoa phong nhã, cậu ta thích xa hoa, cậu ta hiểu đời, cậu ta phát điên vì Cécile, cậu ta chân thành yêu con bé; mặc dầu cậu ta có ba hay bốn triệu, Cécile chấp nhận cậu ta... Chúng tôi không kỳ vọng quá cao thế nhưng... Thêm khoản giàu có cũng chẳng hại gì...

– Không phải gia tài mà là sự quyến luyến đối với con gái tôi đã thuyết phục chúng tôi, – Bà chánh án nói với bà Lebas – Cậu Brunner vội đến nỗi đòi làm đám cưới trong thời hạn hợp pháp.

– Đây là một người nước ngoài...

– Vâng, thưa bà; nhưng xin thú thực là tôi rất vui sướng. Không, đây không phải là một chàng rể, mà tôi sẽ có một đứa con trai. Cậu Brunner tao nhã một cách thật dễ thương. Không tưởng tượng được sự vội vã tổ chức cưới theo chế độ hôn môn của cậu ta... Đây là sự bảo đảm an toàn lớn cho các gia đình. Cậu ấy mua một triệu hai trăm nghìn phơ-răng những đồng cỏ trong một ngày gần đây sẽ nhập vào với ruộng đất ở Marville.

Ngày hôm sau là những biến thể khác nhau của cùng một đề tài. Thế là anh Brunner thành một lãnh chúa lớn, xử sự mọi việc như một đại lãnh chúa; anh ấy chẳng tính toán gì; và nếu ông De Marville có thể xin cho được quý tộc hóa (nội các cũng phải làm một cái gì cho ông ấy chứ) thì anh con rể sẽ trở thành nguyên lão

nước Pháp. Người ta không biết tài sản của Brunner, anh ấy có *những con ngựa đẹp nhất và những cỗ xe đẹp nhất Paris, v.v...*

Nhà Camusot thích công bố những triển vọng hưởng gia tài của họ, điều đó đủ nói lên rằng thắng lợi ấy là quá mong đợi như thế nào.

Ngay sau cuộc tiếp xúc ở nhà ông anh họ Pons, ông De Marville, do vợ giục giã, đã mời ông bộ trưởng bộ tư pháp, ông chánh án thứ nhất của ông, và ông Chương lý đến ăn tối ở nhà ông vào cái ngày giới thiệu con phượng hoàng trong đám chàng rể. Ba nhân vật lớn nhận lời, dẫu rằng được mời trong một thời hạn ngắn ngủi; mỗi người trong số đó đều hiểu vai trò mà ông bố trong gia đình đã giao cho họ đóng; và họ vui vẻ đến giúp ông ta. Ở Pháp, người ta khá tự nguyện đến giúp những bà mẹ cầu một chàng rể giàu. Ông bá tước và bà bá tước Popinot đều tán thành bổ sung thêm cho sự xa hoa của ngày hôm ấy, dù rằng đối với họ việc mời mọc kia có vẻ bất nhẽ. Có cả bảy mươi một người. Ông của Cécile, cụ già Camusot và vợ, là không thể thiếu được trong cuộc hội họp này, cuộc họp, do địa vị của các khách mời, nhằm ràng buộc dứt khoát anh Brunner, người đã được loan báo – như ta đã thấy – như là một trong những nhà tư sản giàu có nhất nước Đức, một người có khiếu thưởng thức (anh ấy yêu cô *bé gái*), dịch thù tương lai của các nhà ngân hàng Nucingen, Keller, Tillet, v.v...

– Đây là ngày tiếp khách của chúng tôi, – Bà chánh án nói một cách giản dị có nghiên cứu kỹ lưỡng với người mà bà coi là con rể trong khi giới thiệu tên những khách ăn –, chúng tôi chỉ mời những chỗ thân tình. Trước tiên, là ông bố chồng tôi, người cậu biết đấy, ắt sẽ được phong tước nguyên lão nước Pháp; tiếp đến là ông bá tước và bà bá tước Popinot mà con trai không đủ giàu để lấy Cécile, nhưng chúng tôi chẳng vì thế mà kém thân thiết với nhau, ông bộ trưởng Tư pháp của chúng tôi, ông chánh án thứ nhất của chúng tôi, ông Chương lý của chúng tôi, tóm lại là bạn hữu của chúng tôi... Chúng ta sẽ buộc phải ăn tối hơi muộn, vì Nghị viện bao giờ cũng chỉ tan buổi họp lúc sáu giờ.

Brunner nhìn Pons một cách có ý nghĩa, và Pons xoa xoa hai tay như người nói: – Đây là các bạn chúng tôi, các bạn tôi!...

Bà chánh án vốn là người phụ nữ khéo léo, có chuyện riêng gì đấy muốn nói với ông anh họ, cốt để cho Cécile một chốc lát được chuyện trò riêng với chàng Werther của cô. Cécile ba hoa luôn miệng, và cố tình để Frédéric thấy một quyển từ điển Đức, một cuốn ngữ pháp Đức, một tác phẩm của Goethe mà cô ả đã giấu kín.

– A! Cô học tiếng Đức đấy à? – Brunner vừa nói vừa đỏ mặt lên.

Chỉ có đàn bà Pháp mới nghĩ ra được những thứ bầy sập ấy.

– Ôi! – Cô ả nói – Anh thật ác!... Lục lọi như thế trong những chỗ cất giấu của em, thì thưa anh, không tốt đâu. Em muốn đọc Goethe trong nguyên bản. – ả đáp – Em học tiếng Đức đã hai năm nay.

– Vậy ra ngữ pháp thật khó hiểu, vì mới rọc chưa được mười tờ. – Brunner ngây thơ trả lời.

Bối rối, Cécile quay đi để không cho thấy sắc mặt ửng đỏ của mình. Một người Đức thì không cưỡng lại được với những loại biểu lộ như thế, hấn cầm tay Cécile, kéo cô gái hoàn toàn sưng sờ lại trước mặt mình, ngắm nhìn cô tựa như đôi vợ chồng chưa cưới nhìn nhau trong các tiểu thuyết của Auguste Lafontaine, vẫn lưu lại tiếng nét na trong trắng.

– Cô thật đáng yêu. – Hấn nói.

Cô ả làm một cử chỉ phản đối như muốn nói: “Thế còn anh? Ai là kẻ không yêu anh được?”. – Mẹ ơi, ồ cả. – ả nói nhỏ vào tai bà mẹ đang trở lại cùng với Pons.

Cảnh tượng một gia đình trong một buổi tối như thế không thể nào tả ra được. Ai nấy đều hài lòng thấy một bà mẹ kiếm được một chỗ tốt cho con gái. Họ chúc mừng bằng những từ lặp lờ hiều thế nào cũng được, còn Brunner thì vờ như không hiểu gì cả, Cécile thì hiểu hết, và ông chánh án thì chờ đợi những lời khen. Bao nhiêu máu của Pons dồn cả lên đánh ù ù trong tai, ông tưởng như

trông thấy tất cả những đèn khí ở dãy đèn chiếu của nhà hát, khi Cécile với cách xử sự khéo léo tài tình nhất, khẽ nói cho ông biết ý định của bố cô, liên quan đến một lợi tức được hưởng đến trọn đời là một nghìn hai trăm phơ-răng mà nhà nghệ sĩ già thực bụng từ chối vì Brunner đã phát hiện cho ông biết về các cửa của cái động sản của ông.

Ông bộ trưởng, ông chánh án thứ nhất, ông Chương lý, gia đình Popinot, tất cả những người có công có việc đều ra về. Chẳng mấy chốc chỉ còn lại cụ già Camusot và Cardot, công chứng viên cũ, có ông con rể Berthier, phò tá. Ông già Pons, cảm thấy như ở trong gia đình, bèn hết sức vụng về cảm ơn ông chánh án và bà chánh án về lời Cécile vừa đề nghị với ông. Những người có tâm hồn đều thế cả, hoàn toàn tuân theo mỗi cảm kích đầu tiên. Brunner nhìn thấy ở khoản lợi tức đem tặng ấy như món tiền thưởng, hần liền tự phản tỉnh theo kiểu Do Thái, và có một thái độ biểu thị sự trầm tư mặc tưởng lạnh như băng của kẻ tính toán.

— Bộ sưu tập của tôi hoặc giá tiền của nó bao giờ cũng thuộc về gia đình cô chú, dù tôi có bán nó cho anh bạn Brunner của tôi, hay là tôi giữ nó lại. — Pons nói như thế, khi báo cho cái gia đình đang sung sướng kia biết rằng ông đang nắm giữ trong tay những giá trị lớn đến đâu.

Brunner quan sát cử chỉ ở tất cả những kẻ ngu dốt ấy, họ tỏ ra vồn vã đối với một người từ tình trạng bần cùng trở thành giàu có, cũng như hần đã từng quan sát những sự nuông chiều của bà mẹ và ông bố đối với Cécile, thần tượng của gia đình và lúc ấy hần thấy thích khêu gọi những niềm kinh ngạc, những tiếng reo cảm thán của các vị trưởng giả đáng kính này.

— Tôi đã bảo với tiểu thư là các bức tranh của ông Pons đáng giá số tiền ấy đối với tôi; nhưng với giá của những đồ mỹ nghệ vô song thì không ai có thể lường trước được bộ sưu tập này sẽ đạt được tới giá nào khi đem ra bán công khai. Sáu chục bức tranh có thể lên

tới giá một triệu; nhiều bức trong số đó tôi thấy đáng giá tới năm chục nghìn phơ-răng.

– Được làm người thừa kế của ông thì thật là tuyệt. – Cụ công chứng viên nói như thế.

– Nhưng người thừa kế của tôi chính là cháu Cécile. – Ông già đáp lại, kiên trì trong quan hệ họ hàng.

Ai nấy đều tỏ vẻ khâm phục người nhạc sĩ già.

– Đấy sẽ là một cô thừa kế rất giàu. – Cardot vừa nói vừa cười và ra về.

Người ta để cụ Camusot bố, ông chánh án, bà chánh án, Cécile, Brunner, Berthier, và Pons ngồi lại với nhau; bởi vì người ta dự đoán rằng việc chính thức cầu hôn Cécile sắp bắt đầu. Quả thực là khi chỉ còn những người này, Brunner bắt đầu bằng một câu hỏi, có vẻ như một điểm lạnh đối với ông bố bà mẹ.

– Cháu nghĩ rằng cô đây là con gái độc nhất... – Brunner vừa nói vừa hướng về phía bà chánh án.

– Chắc chắn là thế. – Bà chánh án kiêu hãnh trả lời.

– Cậu sẽ chẳng có rắc rối gì với ai. – Ông lão Pons đáp lại để thuyết phục Brunner chính thức cầu hôn.

Brunner trở nên tư lự, và sự im lặng tai hại đã dẫn đến sự lạnh lùng kỳ lạ nhất. Cứ như thể bà chánh án đã thú nhận rằng cô *bé gái* của bà có chứng động kinh. Ông chánh án cho rằng con gái ông không nên ở đấy, đã ra hiệu cho cô, Cécile hiểu và bước ra ngoài. Brunner vẫn im lặng. Mọi người nhìn nhau. Tình thế trở nên khó chịu. Cụ Camusot vốn là người có kinh nghiệm, liền đưa gã người Đức vào phòng bà chánh án, lấy cớ là để cho hắn xem chiếc quạt Pons đã tìm được, trong bụng đoán rằng có những trở ngại gì đấy vừa xuất hiện, và cụ ra hiệu cho con trai cụ, con dâu cụ và Pons để cho cụ đứng nói chuyện riêng với chú rể tương lai.

– Đây, cái kiệt tác ấy đây. – Ông lão buồn lựa vừa nói vừa chỉ chiếc quạt.

– Cái này đáng giá năm nghìn phơ-răng. – Brunner đáp lại sau khi ngắm cái quạt.

– Thưa cậu, thế không phải là cậu đến để xin cưới cháu tôi hay sao? – Vị nguyên lão tương lai của nước Pháp nói tiếp.

– Vâng thưa cụ, – Brunner nói – Xin cụ tin cho rằng không có một cuộc hôn nhân nào có thể làm cho cháu ưng ý hơn là đám này. Cháu sẽ chẳng bao giờ tìm được một cô gái nào đẹp hơn, đáng yêu hơn, hợp với cháu hơn là cô Cécile; nhưng...

– Ấy, đừng nói nhưng, – Cụ Camusot bảo vậy – hoặc là chúng ta phải ngay lập tức thấy rõ ý nghĩa, biểu hiện của chữ nhưng ấy, cậu thân mến ạ...

– Thưa cụ, – Brunner nghiêm trang nói tiếp – cháu rất sung sướng là cả hai phía chúng ta đều không ước hẹn gì, bởi vì tư cách là cô con gái độc nhất quý biết mấy đối với tất cả mọi người, trừ đối với cháu, cái tư cách mà cháu đã không được biết, xin hãy tin cháu, đấy là một trở ngại tuyệt đối...

– Thế nào, thưa cậu? – Cụ già kinh ngạc nói – Lợi thế như vậy mà cậu lại cho là nhược điểm à? Cách xử sự của cậu thật là khác thường đấy, tôi rất muốn được biết lý do vì sao.

– Thưa cụ, – Gã người Đức phớt tỉnh nói tiếp – chiều nay cháu đến với ý định xin ông chánh án cho phép cháu được kết hôn với con gái ông ấy. Cháu muốn mang lại một số phận rực rỡ cho cô Cécile khi hiến cho cô tất cả những gì cô ấy ưng nhận trong tài sản của cháu; nhưng một cô con một là đứa con được bố mẹ nuông chiều nên quen muốn gì được nấy, chẳng bao giờ biết đến trái ý bực mình. Chuyện ấy xảy ra ở đây cũng như ở nhiều gia đình mà trước đây cháu đã có dịp quan sát thấy người ta tôn thờ những loại con cưng như thần như thánh ấy: cháu cụ không chỉ là thần tượng của

gia đình, mà bà chánh án còn..., cụ biết rồi đấy! Thưa cụ, cháu đã thấy gia đình của bố cháu vì lý do ấy mà trở thành một địa ngục. Bà mẹ kế của cháu, nguồn gốc mọi bất hạnh của cháu, người con gái độc nhất, người được tôn thờ, người vợ chưa cưới đáng nhất, đã trở thành một con quỷ hiện hình. Cháu không nghi ngờ rằng cô Cécile lại không là một ngoại lệ trong cái hệ thống của cháu, nhưng cháu không còn là một thanh niên nữa, cháu đã bốn mươi tuổi rồi, sự chênh lệch về tuổi tác giữa chúng cháu kéo theo những khó khăn không cho phép cháu đem lại hạnh phúc cho một cô gái đã quen muốn thế nào thì bà chánh án cũng làm thế ấy, và được bà chánh án răm rắp nghe theo như một vị tiên tri. Cháu có quyền gì mà đòi thay đổi ý nghĩ và thói quen của cô Cécile? Thay thế cho một ông bố và một bà mẹ chiều theo mọi tính khí thất thường nhỏ nhất của cô ấy, cô ấy sẽ gặp sự ích kỷ của một anh chàng tứ tuần; nếu cô ấy cưỡng lại tức là anh chàng tứ tuần sẽ thất bại. Vậy nên cháu hành động như một con người lương thiện, cháu rút lui. Ngoài ra, cháu muốn mọi người hoàn toàn đổ lỗi cho cháu nếu như cần thiết phải giải thích tại sao cháu lại chỉ đến đây có một lần...

– Nếu đấy là lý do của cậu thì thưa cậu, – Vị nguyên lão tương lai của nước Pháp nói – dẫu chúng có lạ lùng đến đâu, thì chúng xem ra cũng có lý...

– Thưa cụ, xin cụ đừng nghi ngờ lòng thành thực của cháu – Brunner vội ngắt lời ông cụ – Nếu cụ biết có cô gái nào nghèo khổ trong một gia đình đông con, một cô gái tuy thế được giáo dục tốt, không có của cải, chẳng thiếu gì những con người như thế ở Pháp, và nếu phẩm cách của cô ấy được bảo đảm cho cháu thì cháu lấy cô ta.

Trong cái yên lặng tiếp theo của lời giải bày ấy, Frédéric Brunner rời bỏ ông của Cécile, trở lại lễ phép chào ông chánh án, bà chánh án, rồi ra về. Như lời bình luận sống cho câu chào của anh chàng Werther của mình, Cécile lộ mặt ra tái nhợt như một người sắp chết, cô nàng đã nghe thấy hết mọi chuyện khi nấp trong phòng để quần áo của mẹ.

– Bị từ chối rồi! – Cô ả nói vào tai mẹ.

– Tại sao thế? – Bà chánh án hỏi ông bố chồng lúc này đang bối rối.

– Với cái lý do hay ho là các cô con một đều là những đứa con được nuông chiều. – Ông già trả lời – Mà hẳn không hoàn toàn lắm đâu. – Ông cụ nói tiếp và nắm lấy dịp này để chê trách bà con dâu, người đã làm cụ phiền muộn ghê gớm từ hai mươi năm nay.

– Con gái tôi sẽ chết mất thôi! Ông đã giết nó rồi! – Bà chánh án vừa nói với Pons vừa đỡ lấy con gái, cô ả muốn chứng minh hay ho cho những lời nói ấy bằng cách khuỵu vào cánh tay mẹ.

Ông chánh án và vợ dìu Cécile lại một chiếc ghế bành, và tại đây cô ả ngắt hẳn. Cụ già giật chuông gọi đầy tớ.

– Tôi đã nhận ra âm mưu sắp xếp của ông rồi. – Bà mẹ giận dữ vừa nói vừa chỉ vào ông Pons tội nghiệp.

Pons đứng sững như nghe thấy vang lên bên tai tiếng kèn của ngày phán xử cuối cùng.

– Thưa ông, – Bà chánh án nói tiếp, hai mắt như hai suối mật xanh – ông đã muốn đáp lại một lời bốn cột vô hại bằng một sự sỉ nhục. Ai mà tin được rằng cái thằng Đức ấy là một kẻ có lương tri? Nó không là tông phạm của một vụ trả thù tàn bạo, thì cũng là một thằng điên. Thưa ông Pons, tôi mong rằng từ nay trở đi, ông tránh cho chúng tôi khỏi nỗi khó chịu nhìn thấy mặt ông trong một gia đình mà ông đã cố làm cho nhục nhã và ô danh.

Pons, ngây người như pho tượng, dán mắt xuống một hình hoa hồng trên thảm, chẳng biết làm gì.

– Này! Ông vẫn còn đứng đấy à, hả con quý vô ơn! – Bà chánh án quay lại kêu lên – Ông nhà và tao, chúng tao sẽ không bao giờ ra tiếp nếu lão ta còn vác mặt đến đây! – Bà chánh án trở Pons và bảo bọn tôi tớ – Jean, đi mời thầy thuốc đi! Còn chị Madeleine, mang cho tôi một cốc nước sừng hươu!

Đối với bà chánh án, những lý do Brunner viện ra chỉ là cái cớ che đậy nhiều điều bí ẩn, nhưng sự tan vỡ của cuộc hôn nhân thì đã rõ ràng quá. Với sự nhạy bén của tư duy đặc biệt ở các bà phụ nữ trong những hoàn cảnh trọng đại, bà De Marville chỉ thấy cách duy nhất để sửa chữa sự thất bại này là buộc cho Pons tội trả thù có tính toán trước. Cái quan niệm ấy hết sức tai hại đối với Pons, nhưng lại thỏa mãn được danh dự của gia đình. Trung thành với mối căm thù Pons, từ một mối nghi nghi hoặc hoặc để có ở phụ nữ, bà ta đã biến thành sự thật. Nhìn chung, phụ nữ có một lòng tin đặc biệt, một thứ đạo lý của riêng mình, họ tin là thật bất cứ cái gì phục vụ cho lợi ích và đam mê của họ. Bà chánh án còn đi xa hơn nữa; trong suốt buổi tối, bà thuyết phục ông chánh án về niềm tin riêng của bà, và thế là ngày hôm sau, vị pháp quan tin rằng ông anh họ của mình có tội. Thiên hạ đều biết cách ăn ở của bà chánh án ghê tởm, nhưng ở trong hoàn cảnh như thế này, bà mẹ nào cũng sẽ bắt chước bà Camusot, thà hy sinh danh dự của một người xa lạ còn hơn là danh dự của con gái mình. Phương tiện tuy sẽ thay đổi, nhưng mục đích thì vẫn thế.

Người nhạc sĩ già bước vội xuống cầu thang; nhưng ông lại đi chậm bước qua các đại lộ, cho đến tận nhà hát, rồi bước vào đấy như cái máy; ông đứng vào chỗ để giá nhạc như cái máy và chỉ huy ban nhạc như cái máy. Trong những lúc nghỉ giữa buổi, ông trả lời Schmucke hết sức lơ mơ, đến nỗi Schmucke phải che giấu những nỗi lo lắng của mình, lão cho rằng Pons đã hóa điên. Ở một con người bản chất còn thơ ngây như Pons, cảnh vừa diễn ra chẳng khác nào một thảm họa... Làm thức dậy một nỗi căm thù khủng khiếp ở nơi ông đã muốn đem đến hạnh phúc, đấy là cuộc sống bị đảo lộn hoàn toàn. Cuối cùng, ông nhận ra trong cặp mắt, trong cử chỉ, trong giọng nói của bà chánh án một nỗi oán giận chết người.

Hôm sau, bà Camusot de Marville có một quyết định quan trọng, do hoàn cảnh bắt buộc, và ông chánh án đã tán thành. Người ta quyết định cho Cécile để làm của hồi môn vùng đất Marville, cái dinh thự ở phố Hanovre và một trăm nghìn phơ-răng. Buổi sáng, bà

chánh án đến thăm bà bá tước Popinot khi hiểu rằng phải đáp lại một thất bại như thế bằng một cuộc hôn nhân đã đầu vào đấy. Bà kể lại chuyện trả thù đáng sợ và chuyện lừa phỉnh ghê tởm do Pons sắp đặt. Tất cả có vẻ đáng tin khi người ta biết rằng cái cơ của sự tan vỡ kia là thân phận con gái một. Bà chánh án khéo léo phô ra cái lợi được mang danh là Popinot de Marville và món hồi môn kếch xù. Với cái giá của những tài sản ở Normandie, cứ tính hai phần, món bất động sản ấy đem lại chừng độ chín trăm nghìn phơ-răng, và tòa dinh thự ở phố Hanovre ước tính hai trăm năm mươi nghìn phơ-răng. Không một gia đình có đầu óc nào lại có thể khước từ một cuộc hôn nhân như thế; bởi vậy, bá tước Popinot và vợ chấp nhận, rồi, với tư cách là những người quan tâm đến danh dự của cái gia đình mà họ đang bước vào, họ hứa sẽ hợp tác để giải thích cái thảm họa đã xảy ra hôm trước.

Thế là, ở nhà chính cụ già Camusot, ông của Cécile, trước chính những con người đã có mặt mấy ngày trước đấy và được bà chánh án đã hết lời ca ngợi Brunner của bà, chính bà chánh án ấy, người mà ai nấy đều sợ chuyện trò, đã can đảm đón trước những lời giải thích. Bà ta bảo:

– Quả thật, ngày nay vấn đề hôn nhân, cẩn thận mấy cũng không thừa, nhất là khi liên quan đến người ngoại quốc.

– Sao thế, thưa bà?

– Chuyện gì đã xảy ra với bà thế? – Bà Chiffreville hỏi.

– Các bà không biết chuyện phiêu lưu của chúng tôi với gã Brunner ấy, kẻ đã táo gan dám cầu hôn cháu Cécile, phải không? Đây là con trai một lão chủ quán người Đức, cháu một người buôn da thỏ.

– Có thể thế được ư? Bà, một người sáng suốt đến thế!... – Một bà nói vậy.

– Những gã phiêu lưu ấy thật là ranh ma! Nhưng chúng tôi đã biết hết nhờ Berthier. Cái thằng Đức ấy đánh bạn với một thằng cha

thối sáo! Nó giao du với một thằng cho thuê nhà có đồ đạc sẵn ở phố Mail, với bọn thợ may... Chúng tôi biết rằng nó đã sống cuộc đời trụy lạc nhất, và chẳng một tài sản nào lại có thể đủ dùng cho một tên vô lại đã ngốn hết của cải của mẹ...

– Giả thử lấy hẳn thì con gái bà thật bất hạnh!... – Bà Berthier nói.

– Thế nó đã được giới thiệu với bà như thế nào? – Bà già Lebas hỏi.

– Đây là một chuyện trả thù của ông Pons; ông ấy đã đưa cái thằng tốt mã ấy đến để giễu chúng tôi. Thằng Brunner ấy, có nghĩa là giếng phun¹ (người ta bảo chúng tôi đấy là đại quý tộc), là một thằng ốm yếu lắm, đầu hói, răng sâu; nên tôi chỉ thấy mặt có một lần là đủ để nghi ngờ nó rồi.

– Nhưng cái tài sản lớn mà bà nói với chúng tôi thì sao? – Một bà ít tuổi dè dặt hỏi.

– Tài sản không nhiều như người ta nói. Bọn thợ may, gã chủ nhà trọ, và nó, tất cả đều vét quỹ để lập một nhà Ngân hàng. Bây giờ, Ngân hàng là cái gì chứ, khi mới bắt đầu? Đây là sự tự do phá sản. Một người đàn bà lúc đi ngủ là triệu phú có thể tỉnh dậy chỉ còn *cái thân xác*. Chỉ thoát nghe, mới thoát nhìn, chúng tôi đã có ngay ý kiến dứt khoát về cái kẻ chẳng biết gì về cung cách của chúng ta. Từ găng tay, từ áo gilê của nó, ta thấy đấy là một kẻ làm thợ, con trai một lão chủ quán Đức rẻ tiền, tính tình chẳng thanh cao gì, một kẻ nghiện rượu bia, một kẻ nghiện thuốc hút... A, thưa bà, hai mươi năm tẩu thuốc mỗi ngày. Số phận con bé đáng thương Lili của tôi sẽ ra sao nhỉ?... Tôi vẫn còn rùng mình về chuyện ấy. Chúa đã cứu vớt chúng tôi! Và chẳng Cécile không yêu cái thằng ấy. Ai ngờ đâu lại có chuyện đánh lừa như thế của một người bà con, một người khách quen của gia đình, vẫn thường ăn tối ở nhà chúng tôi hai lần một tuần kể từ hai mươi năm nay, một người mà chúng tôi đã ban

1. Giếng nước phun trong tiếng Đức là *brunnen*.

cho bao nhiêu ân huệ, lão đã đóng kịch tài tình đến mức tuyên bố Cécile là người thừa kế của mình trước ông Chưởng ấn, ông Chưởng lý, ông chánh nhất tòa thượng thẩm... Cái thằng Brunner ấy và ông Pons đã đồng tình mưu mô tán dương lẫn nhau là giàu bạc triệu!... Không, tôi xin cam đoan với tất cả, tất cả các bà, giả sử là các bà, có lẽ các bà cũng khó tránh khỏi trò lừa gạt tài tình ấy đấy!

Trong vài tuần lễ, những gia đình liên kết với nhau của nhà Popinot, nhà Camusot và những kẻ thân tín đã thu được một thắng lợi dễ dàng trong xã hội thượng lưu, bởi vì không ai phải bênh vực lão Pons khốn khổ, kẻ ăn bám, kẻ xảo trá, kẻ keo kiệt, con người hiền lành giả dối bị tất cả mọi người khinh miệt, bị coi như loài rắn độc mà các gia đình ủ ấp trong lòng, như một kẻ ác độc nhất đời, một tên làm trò xiếc rong nguy hiểm cần phải quên đi.

Chừng một tháng sau vụ khước từ của chàng Werther giả, ông Pons đáng thương, lần đầu tiên bước ra khỏi cái giường ông nằm liệt, bị cơn sốt thần kinh hành hạ; ông đi dạo chơi dọc theo các phố lớn, dưới ánh nắng, dựa trên cánh tay Schmucke. Ở đại lộ Temple, chẳng ai còn cười nhạo hai Cái – kẹp – quả – phỉ vì vẻ suy sụp của người này và vì sự ân cần cảm động của người kia đối với ông bạn đang hồi phục sức khỏe. Đến đại lộ Poissonnière, Pons tươi lại sắc mặt trong khi thở hít không khí của các đường phố lớn, nơi khí trời có biết bao sức mạnh; bởi vì nơi nào đông người, thì nơi ấy không khí tràn đầy sức sống đến nỗi ở Rome, người ta nhận thấy là không có *mala aria*¹ trong Ghetto² hồi thối nhưng nhúc nhúc những người Do Thái. Cũng có lẽ quang cảnh mà xưa kia hằng ngày ông vẫn ưa nhìn, cái cảnh tượng vĩ đại của Paris, đã có tác động đến người bệnh. Đến trước nhà hát Variétés, Pons buông tay Schmucke, vì họ đi sát cạnh nhau; nhưng người mới ốm dậy thỉnh thoảng lại tách ra khỏi bạn để

1. Tiếng Latinh trong nguyên văn, chỉ bệnh sốt rét sinh ra từ “không khí ô nhiễm” (*mauvais air*) quanh các đầm lầy.

2. Khu Do Thái.

xem xét những thứ hàng mới vừa được trưng bày trong các cửa hiệu. Ông chợt thấy mặt đối mặt với ông bá tước Popinot, ông lại gần ông ta một cách hết sức kính cẩn, vì ông cựu bộ trưởng là một trong những người Pons quý mến và tôn kính nhất.

– À, thưa ông, – Vị nguyên lão nước Pháp nghiêm khắc đáp – tôi thật không hiểu tại sao ông lại ít tế nhị để chào người thông gia với cái gia đình mà ông đã mưu toan in dấu nhuốc nhơ và lố bịch bằng sự trả thù mà chỉ có các nghệ sĩ mới khéo bày đặt ra được... Thưa ông, ông hãy nên biết rằng kể từ hôm nay chúng ta cần phải hoàn toàn không quen biết nhau. Bà bá tước Popinot cũng chia sẻ niềm phẫn nộ của mọi người do cách cư xử của ông ở nhà ông Marville gây nên.

Vị cựu bộ trưởng đi qua, để lại Pons đứng sững như trời trồng. Không bao giờ các dục vọng, không bao giờ công lý, không bao giờ chính trị, không bao giờ các thế lực xã hội lớn lao lại hỏi han đến tình trạng của kẻ đã bị họ vùi dập. Con người của Nhà nước, bị thúc ép phải nghiền nát Pons vì lợi ích của gia đình, không hề nhận ra sự yếu ớt về thể xác của lão kẻ thù đáng sợ này.

– *Ung làm sao thế, ung vạn táng thương?* – Schmucke thốt lên và cũng tái nhợt đi như Pons.

– Tôi lại vừa bị một nhát dao nữa đâm vào tim. – Ông lão trả lời và dựa vào cánh tay Schmucke – Tôi tin rằng chỉ có Chúa trời lòng lành mới có quyền làm điều tốt, đấy là lý do tại sao tất cả những kẻ xen vào công việc của Người đều bị trừng phạt ác nghiệt đến thế.

Lời nói nửa cay độc của nghệ sĩ ấy là cố gắng tốt cùng của con người tuyệt vời kia, muốn làm dịu bớt nỗi lo sợ lộ ra trên nét mặt bạn.

– *Tui cũng tin như thế.* – Schmucke chỉ đáp.

Pons không thể nào hiểu được, vì cả nhà Camusot, cả nhà Popinot đều không gửi cho ông thiệp báo hỷ của Cécile. Trên đại lộ Italiens, Pons thấy ông Cardot đi về phía mình. Pons đã được lời lẽ

của vị nguyên lão nước Pháp cảnh cáo, nên tránh không chặn con người ấy lại, người mà năm ngoái, ông cứ nửa tháng lại đến ăn tại nhà một lần, ông chỉ chào ông ta mà thôi; nhưng ông thị trưởng, ông nghị của Paris, tức giận nhìn Pons mà không chào lại ông.

– Ông hãy đến hỏi ông ấy tại sao tất cả bọn họ đều chống lại tôi đi. – Ông lão nói với Schmucke là người biết đến từng chi tiết của thảm họa đã xảy đến với Pons.

– *Thưa ung, – Schmucke khéo léo nói với Cardot – ung pạn Bons của tui mới úm dáy, và ung chắc hẳn khùng nhận ra ung ấy.*

– Đúng thế.

– *Fạy thì ung trách móc ung ấy ử cái xì?*

– Ông kết bạn với một con quỷ vô ơn, với một con người nếu còn sống thì như tục ngữ đã nói: “Trần lan như cỏ dại”. Thiên hạ có lý khi cảnh giác với các nghệ sĩ, bởi họ ma mãnh và độc ác như lũ khỉ. Bạn ông đã cố bôi nhọ chính gia đình của ông ấy, cố làm mất thanh danh một người con gái để trả thù một trò bốn cột vô hại, tôi không muốn có một liên hệ nhỏ nào với ông ấy nữa; tôi sẽ cố quên đi là tôi đã quen biết ông ta, là ông ta có mặt trên đời. Những ý thức này, thưa ông, cũng là ý thức của mọi người trong gia đình tôi, trong gia đình ông ta, và của những người đã từng làm vinh dự cho Pons bằng cách tiếp đón ông ta...

– *Nhưng thưa ung, ung là một người piết nghĩ; nếu ung cho phép, tui sẽ xải thích sự fiệc cho ung nghe.*

– Thưa ông, nếu ông muốn, thì ông hãy cứ là bạn của ông ta đi, tùy ý ông thôi, – Cardot đáp – Những đừng đi xa hơn nữa, vì tôi nghĩ là phải báo trước cho ông rằng tôi sẽ bất bình luôn cả với những người mưu toan dung thứ cho ông ta, bênh vực ông ta.

– *Piện pạch cho ung ấy?*

– Vâng, vì cách cư xử của ông ta là không thể biện bạch được, cũng như nó không còn biết gọi là gì nữa.

Nói đến đây, ông nghị của miền sông Seine lại đi tiếp, không muốn nghe thêm một lời nào nữa.

– Tôi đã bị hai thế lực Nhà nước chống lại mình. – Ông Pons đáng thương vừa nói vừa mỉm cười khi Schmucke đã kể lại cho ông nghe xong những lời xỉ vả dã man ấy.

– *Tất cả đều chống lại chúng mình!* – Schmucke đau đớn đáp lại – *Thui, ti ti, tể khổi phải khắp những tổ súc vật khác nữa.*

Đây là lần đầu tiên trong cuộc đời lạnh như cừu, Schmucke thốt ra những lời như thế. Chưa bao giờ lòng khoan dung gần như thần thánh của lão lại phải bối rối, lão chắc đã ngây thơ mỉm cười với tất cả những rủi ro có thể xảy đến với lão; nhưng trông thấy người ta bạc đãi ông bạn Pons cao cả của lão, ông Aristide vô danh ấy, bậc thiên thần nhũn nhục ấy, cái tâm hồn không chua cay hằn học ấy, cái kho báu từ thiện ấy, cái chất vàng ròng ấy!... Lão cảm thấy cơn phẫn nộ của Alceste, và lão gọi những chủ tiệc của Pons, là *đồ súc vật!* Ở cái con người hiền hậu ấy, cảm xúc kia tương đương với tất cả những cơn giận của Roland. Phòng xa một cách khôn ngoan, Schmucke đưa Pons quay lại đại lộ Temple; còn Pons thì để mặc cho đưa đi, vì người ốm đang ở trong tình cảnh của những đấu sĩ bị đòn đánh tới tấp không buồn đếm nữa. Do tình cờ mà chẳng còn gì thiếu trong cuộc đời này để chống lại lão nhạc sĩ khốn khổ. Trận lở tuyết ập xuống đầu ông gồm đủ cả: Viện nguyên lão, Nghị viện, gia đình, người dung, kẻ mạnh, kẻ yếu, người ngây thơ chất phác!

Ở đại lộ Poissonnière, trên đường về nhà, Pons trông thấy con gái của chính cái ông Cardot ấy đi đến, một thiếu phụ đã từng ném trái những bất hạnh đủ để trở nên một người độ lượng. Phạm vào một tội còn được giữ kín, bà ta trở thành nô lệ của chồng. Trong tất cả các bà chủ nhà mà Pons thường đến ăn bữa tối, thì bà Berthier là người duy nhất Pons gọi bằng tên riêng; ông gọi bà là: “Félicie!” và đôi khi ông tin rằng bà hiểu ông. Con người dịu hiền ấy có vẻ ngại ngùng không muốn gặp bác Pons – vì rằng dẫu không có họ hàng

với gia đình bà vợ hai của ông em họ là ông Camusot, ông vẫn được đối xử như người anh họ – nhưng không tránh đi đâu được, Félicie Berthier phải đứng lại trước con người gần đất xa trời.

– Em không tin rằng bác ác độc, bác ạ; nhưng nếu chỉ một góc trong tất cả những điều em nghe được về bác là đúng, thì bác là một người rất giả dối... Thôi bác đừng biện bạch nữa. – Bà nói thêm luôn khi thấy Pons phác một cử chỉ – Vô ích thôi, vì hai lý do: thứ nhất, vì em không có quyền buộc tội, không có quyền xét xử, không có quyền lên án bất cứ ai, vì tự em biết rằng ai xem ra có vẻ mắc nhiều sai lầm nhất, vẫn có thể đưa ra lời bào chữa; thứ hai, là những lý lẽ của bác chẳng ích gì nữa đâu. Ông Berthier, người đã làm giấy hôn ước cho cô De Marville với tử tước Popinot, đã giận bác đến nỗi, nếu ông ấy biết em đã nói với bác dù chỉ một lời thôi, biết em nói với bác dù là lần cuối cùng, thì ông ấy sẽ quở mắng em ngay. Tất cả mọi người đều chống lại bác.

– Tôi biết thế lắm, thưa bà. – Người nhạc sĩ đáng thương cảm động đáp lại và kính cẩn chào bà vợ ông công chứng.

Rồi ông khó nhọc tiếp tục lê bước trên con đường về phố Normandie, dựa vào cánh tay Schmucke một cách nặng nề khiến cho lão người Đức hiểu rằng thể chất Pons đã yếu lắm nhưng cố can đảm chống chọi. Cuộc gặp gỡ thứ ba này khác nào bản án do con cừu nằm dưới chân Chúa tuyên đọc, cơn thịnh nộ của vị thần những người nghèo, biểu tượng của Dân chúng, là lời cuối cùng của cõi trời. Hai người bạn về đến nhà không ai nói với ai một lời nào. Trong một số trường hợp của cuộc đời, người ta chỉ có thể cảm thấy bạn ở gần mình. Lời an ủi thốt lên chỉ làm nhức buốt thêm vết thương, làm lộ ra vết thương sâu hoắm. Ông già chơi piano, như các bạn thấy, có tài giao hảo, có sự tinh tế của những người đã quá khổ đau, nên biết những nỗi niềm của đau khổ.

Chuyến đi dạo ấy có lẽ là chuyến cuối cùng của ông già Pons. Người ốm hết bệnh này lại sang bệnh khác. Từ một khí chất đa huyết – ứ mật, nay mật lại vào máu, ông lão mắc chứng viêm gan

nặng. Hai bệnh nối tiếp này là những bệnh duy nhất trong đời ông, ông chưa từng biết đến thầy thuốc; và trong một ý nghĩ lúc đầu bao giờ cũng tuyệt vời, thậm chí từ ái nữa, cụ Cibot nhạy cảm và tận tâm đã mời ông thầy thuốc ở phường đến. Ở Paris, trong mỗi phường lại có một thầy thuốc mà tên tuổi và nơi ở chỉ được tăng lớp hạ lưu, những người tiểu tư sản, những người gác cổng biết đến, và người ta gọi là thầy thuốc của phường. Ông thầy này đỡ đẻ và trích máu, làm đủ các việc trong nghề y như người *đầy tớ làm đủ mọi việc* trong mục *Rao vặt*. Bắt buộc phải tốt đối với những người nghèo, khá thành thạo vì nhiều năm hành nghề, ông ta được ai nấy yêu mến. Bác sĩ Poulain được cụ Cibot dẫn đến nhà người ốm và được Schmucke nhận ra, đã nghe mà không chú ý đến những lời ta thán của người nhạc sĩ già, ông đã gãi suốt đêm vào lớp da trở nên hoàn toàn không còn cảm giác nữa. Tình trạng đôi mắt bao quanh một màu vàng cũng phù hợp với triệu chứng ấy.

– Từ hai ngày nay, ông đã có nỗi buồn bực gì đó rất dữ dội. –
Bác sĩ bảo bệnh nhân.

– Than ôi, đúng vậy. – Pons trả lời.

– Ông đã mang bệnh mà ông này suýt nữa mắc phải, – Bác sĩ vừa nói vừa chỉ Schmucke – đó là bệnh vàng da; nhưng cái đó không hề gì. – Bác sĩ Poulain vừa nói tiếp vừa kê một đơn thuốc.

Mặc dù câu cuối cùng này có tính chất hết sức an ủi, bác sĩ vẫn nhìn bệnh nhân bằng cái nhìn của Hippocrate, ở đó bản án tử hình dù được che giấu dưới bộ áo của lòng thương hại, vẫn luôn luôn bị những cặp mắt quan tâm đến sự thật đoán ra được. Cho nên cụ Cibot xoáy vào mắt bác sĩ một cái nhìn dò xét, đã không lầm trước cái giọng riêng của câu nói trong nghề thuốc kia, không lầm trước bộ mặt giả dối của bác sĩ Poulain, và cụ theo sau luôn anh ta khi anh ta quay ra.

– Ông tin rằng không hề gì thật chứ? – Cụ Cibot nói với bác sĩ trên bậc ngẩng.

– Bà Cibot thân mến ạ, ông chủ của bà là một người đã chết, không phải vì mất tràn vào máu, mà vì sự suy nhược về tinh thần. Tuy nhiên, nếu được chăm nom kỹ, thì người ốm có thể qua khỏi; phải đưa ông ấy ra khỏi đây, phải đưa ông ấy đi đây đi đó...

– Bằng gì cơ?... – Mụ gác cổng nói – Ông ấy chỉ vèn vèn có cái chỗ làm của ông ấy để nuôi thân thôi, còn bạn ông ấy thì sống bằng vài khoản lợi tức nhỏ do các bà lớn lập cho, những bà nghe nói là đã được ông ấy giúp công này việc nọ, những bà rất từ thiện. Đây là hai đứa trẻ mà tôi đã trông nom chín năm nay.

– Cả đời tôi đã thấy những người chết, không phải vì bệnh tật, mà vì cái vết thương lớn và không thể chữa khỏi được, ấy là: túng tiền. Trong biết bao nhiêu căn gác xếp áp mái, còn xa mới được trả công khám bệnh, tôi đã buộc phải để lại một trăm xu trên lò sưởi!...

– Ông Poulain tội nghiệp thân mến ơi! – Mụ Cibot nói – Nếu ông có *n' lấy* một trăm đồng livre lợi tức mà một số *kẻ kiệt xỉn* trong phường vẫn thường có, *những kẻ xương xẩu* thật sự của địa ngục (những kẻ xống ra)¹, thì ông sẽ là đại diện của Chúa lòng lành trên trái đất đấy.

Anh thầy thuốc – được những ông gác cổng ở quận quý mến, nên đã tìm được một số ít khách hàng tạm tạm đủ cho nhu cầu của mình – ngược mắt lên trời và cảm ơn mụ Cibot bằng một cái bĩu môi hệt như của Tartuffe.

– Ông Poulain thân mến ơi, thế ông nói là nếu được chăm sóc kỹ thì người bệnh thân mến của chúng tôi có thể phục hồi phải không?

– Đúng, nếu ông ấy không bị chấn thương nặng về tinh thần do nỗi ưu phiền ông ấy phải chịu đựng.

1. Mụ Cibot dốt nát nói trịch *những kẻ xống ra* (déchaînés) thành *những kẻ xương xẩu* (décharnés).

– Tội nghiệp ông ta! Vậy ai đã có thể làm cho ông ấy phải buồn phiền nhỉ? Đây là một con người trung hậu chỉ tìm được trên đời này có một người như thế trong bạn mình là ông Schmucke thôi... Để tôi xem ông ấy hồi phục bằng cách nào! Và chính tôi, tôi sẽ đảm nhận việc quát mắng những kẻ đã làm cho ông chủ tôi phải *bùn phìn*.

– Hãy nghe tôi đã, bà Cibot thân mến ạ! – Thầy thuốc nói như thế khi ra đến ngoài cổng – Một trong những đặc tính chủ yếu của bệnh ông ấy là thường xuyên nóng nảy vì những chuyện không đâu, và vì xem ra ông ấy không thể mượn người trông nom được, nên chính bà sẽ là người chăm lo cho ông ấy. Như thế...

– *Ung tang nói tén ung Bons có phải khùng?* -- Gã buôn sắt đang hít cái tẩu thuốc hồi.

Gã nhồm dậy trên thành cửa để xen vào cuộc trò chuyện giữa mẹ gác cổng với anh thầy thuốc.

– Vâng, bố Rémonencq ạ! – Mẹ Cibot trả lời gã người xứ Auvergne.

– *Này, lão ấy còn giao hơn cả ung Monichtrol fà những ung pán tổ quý hiếm nữa kia... Tui piết khá rõ mặt hàng ở pên trung tế nói fới pà rằng con người thân mến ấy có những kho của páu!*

– Ủa, tôi tin rằng ông đã chế giễu tôi hôm nọ, khi tôi cho ông xem tất cả những đồ cổ lỗ ấy lúc các ông chủ tôi đều ra ngoài cả. – Mẹ Cibot nói với Rémonencq.

Ở Paris, nơi những viên gạch lát đường đều có tai, nơi các cửa ra vào đều có lưỡi, nơi những chấn song cửa sổ đều có mắt, thì không gì nguy hiểm hơn là nói chuyện ở ngoài cổng. Những lời cuối cùng người ta nói chuyện với nhau ở đấy, đối với cuộc trò chuyện cũng như đoạn tái bút trong thư, những lời ấy chứa đựng những hớ hênh nguy hiểm cho người nói cũng như người nghe. Chỉ một ví dụ sẽ đủ xác minh thêm cho cái thí dụ nêu lên trong câu chuyện này.

Một hôm, một trong những người thợ cắt tóc đầu tiên dưới thời Đế chế – cái thời người ta rất chú ý đến chải chuốt mái tóc – bước ra khỏi nhà một phụ nữ xinh đẹp mới được anh ta sửa tóc, đây cũng là nơi anh ta cắt tóc cho tất cả những người thuê nhà giàu có. Trong số những người này nổi lên một lão trai già sống với một bà quản gia rất ghét những kẻ thừa kế của ông chủ. Con người trước đây là thanh niên, nay ốm nặng, mới qua một cuộc hội chẩn của những người thầy thuốc danh tiếng nhất, những người còn chưa được gọi là *những ông hoàng* của khoa học. Ngẫu nhiên bước ra cùng một lúc với người thợ cắt tóc, các ông thầy thuốc vừa chào tạm biệt nhau ở ngoài cổng, vừa nói chuyện, khoa học và chân lý trong tay, như họ thường nói chuyện riêng với nhau, khi trò hề hội chẩn đã diễn xong.

– Đây là một người chết. – Bác sĩ Haudry nói.

– Ông ta không còn sống được một tháng nữa, – Desplein đáp
– trừ phi có phép thánh.

Gã cắt tóc nghe thấy những lời ấy. Cũng như mọi người thợ cắt tóc, gã thường giao hảo với bọn gia nhân. Bị lòng hám của quái gỡ thúc giục, gã lập tức lên nhà người trước kia là thanh niên, và gã hứa sẽ cho cô hầu kiêm bà chủ một món tiền thưởng khá hấp dẫn nếu mục thuyết phục được ông chủ đặt một phần lớn tài sản vào niên kim trọn đời. Trong tài sản của lão trai già sắp chết – và lại đã năm mươi sáu tuổi rồi, cái tuổi phải nhân đôi lên vì những chuyện yêu đương – có một tòa nhà lộng lẫy ở phố De Richelieu, lúc ấy đáng giá hai trăm năm mươi nghìn phơ-răng. Tòa nhà ấy, đối tượng thêm muốn của gã cắt tóc, được bán cho gã với điều kiện một món lợi tức trọn đời là ba mươi nghìn phơ-răng. Chuyện ấy xảy ra năm 1806. Gã cắt tóc ấy về nghỉ rồi, năm nay đã bảy mươi tuổi, vào năm 1846 vẫn còn phải trả món lợi tức kia. Vì con người ngày trước là thanh niên ấy đã chín mươi sáu tuổi, lần gần, và vì lão đã lấy mục Everard của lão nên lão có thể còn sống dai. Gã cắt tóc đã cho mục giúp việc chừng độ ba mươi nghìn phơ-răng gì đấy, tòa nhà đối với gã thế là tốn hơn một triệu, song hiện nay đáng giá ngót tám, chín trăm nghìn phơ-răng.

Theo gương gã cắt tóc ấy, tay người Auvergne đã nghe được những câu cuối cùng Brunner nói với Pons ở trên bậc cửa nhà gã, trong ngày hội kiến giữa vị hôn phu – phượng hoàng với Cécile, thế là gã muốn vào cái bảo tàng của Pons. Rémonencq là người có quan hệ mật thiết với nhà Cibot, được đưa ngay vào trong phòng của hai người bạn trong lúc họ vắng mặt. Rémonencq hoa mắt vì biết bao nhiêu của cải, thấy *một cú lừa*, nói theo tiếng lóng của bọn lái buôn nghĩa là một gia tài để lấy cắp, và gã suy nghĩ về nó năm sáu hôm nay.

– *Tui ít tù tui pôn*, – Gã trả lời mục Cibot và bác sĩ Poulain – *tén nũi chúng ta phải pàn fê chuyện ấy, ténn nũi nếu cái nhà ung tử tế ấy mún tước hưởng món lợi tức trọn đời là năm mươi nghìn phơ-răng, thì tui sẽ trả cho các fị một sọt rượu fang sản xuất ở tịa phươg nếu các fị...*

– Ông nghĩ thế đấy à? – Anh thầy thuốc bảo Rémonencq – Năm mươi nghìn phơ-răng lợi tức được hưởng đến trọn đời!... Nhưng nếu ông lão giàu đến thế, lại được tui chữa chạy, được bà Cibot trông nom nữa, thì ông lão có thể khỏi... bởi vì những bệnh về gan là những chuyện phiền phức của các khí chất rất mạnh...

– *Tui nói là năm mươi à? Nhưng một ung, tưng ở kia kìa, trên ngưỡng cửa ấy, tã trả lão ta pây trăm nghìn phơ-răng rồi, mà chỉ riêng những púc tranh thui, góm chưa!*

Nghe thấy lời tuyên bố của Rémonencq, mục Cibot nhìn bác sĩ Poulain một cách kỳ lạ, quý đã nhóm lên một ánh lửa hiểm ác trong đôi mắt màu da cam của mục.

– Nào, ~~thôi~~ đừng nghe những chuyện nhảm ấy nữa đi! – Anh thầy thuốc nói tiếp, khá vui mừng được biết rằng con bệnh có thể trả tiền tất cả những lần đến thăm bệnh sắp tới của mình.

– *Thưa ung tức tờ, nếu pà Zipod thân mến của tui, do ung chủ tã phải nằm một chỗ, tã mún tể tui tưa nhà chuyên môn ténn thì tui tin rằng tui sẽ kiếm tước tiền, trong hai giờ tổng hồ, khi có liên quan ténn món pây trăm nghìn phơ-răng ấy...*

– Được ông bạn ạ! – Bác sĩ trả lời – Nào, bà Cibot, xin bà hãy cẩn thận đừng bao giờ làm trái ý người bệnh. Cần phải kiên nhẫn, vì tất cả đều có thể làm người bệnh bức dọc, mỗi mết, kể cả sự chú ý đến ông ta. Bà hãy lường trước là ông ta chẳng hài lòng về bất cứ điều gì...

– Ông ta sẽ khó chiều lắm. – Mụ gác cổng nói.

– Này, xin hãy nghe tôi nói đây! – Bác sĩ tiếp, giọng hách dịch – Sinh mệnh của ông Pons nằm trong tay những người coi sóc ông ấy; cho nên có lẽ tôi sẽ đến thăm ông ấy mỗi ngày hai bận. Tôi sẽ bắt đầu vòng thăm bệnh nhân của tôi bằng việc thăm bệnh cho ông ấy.

Anh thấy thuốc đột nhiên chuyển từ chỗ hết sức vô tâm trước số phận các bệnh nhân nghèo khổ đến chỗ ân cần dịu dàng nhất, khi nhận ra cái tài sản lớn lao kia theo như sự nghiêm túc của gã đầu cơ.

– Ông ấy sẽ được săn sóc như một đức vua. – Mụ Cibot trả lời, vẻ nhiệt thành giả tạo.

Mụ gác cổng chờ cho anh thấy thuốc rẽ sang phố Charlot rồi mới nói tiếp chuyện với Rémonencq. Gã buôn sắt vụn hút nốt điếu thuốc, tựa lưng vào khung cửa hàng. Gã đứng như thế chẳng phải là không có chủ đích, gã muốn thấy mụ gác cổng đến với gã.

Cửa hàng này, trước là một quán cà phê, vẫn y nguyên như gã người Auvergne đã thấy khi nhận thuê. Người ta còn đọc thấy dòng chữ *Cà phê Normandie* trên tấm bảng dài bao quanh bộ cửa kính của tất cả các cửa hiệu ngày nay. Gã Auvergne đã mượn một người thợ học việc nào đấy chuyên sơn tường nhà đến kẻ – chắc là không mất tiền – bằng bút lông và sơn màu đen, ở khoảng trống còn lại dưới hàng chữ *Cà phê Normandie*, những chữ như thế này: *Rémonencq, người buôn đồ sắt vụn, nhận mua những hàng cũ*. Tất nhiên là những gương, những bàn, những ghế đẩu, những giá để hàng, tất cả đồ đạc trong quán cà phê Normandie đã bán hết.

Rémonencq đã thuê với giá sáu trăm phơ-răng cái cửa hàng trọ trụi, cái phòng sau của tiệm, cái bếp và một phòng duy nhất ở gác lửng, ngày trước là nơi ngủ của anh bồi bàn đầu tiên, vì căn hộ phụ thuộc của quán cà phê Normandie được tính gộp vào một khoản thuê khác. Sự xa hoa trước đây do gã bán nước chanh phô ra, nay chỉ còn sót lại lớp giấy màu xanh sáng không vẽ hoa trong cửa hàng và những thanh sắt to ở mặt tiền có đóng những bu lông.

Đến đây vào năm 1831, sau Cách mạng tháng Bảy, Rémonencq bắt đầu bằng cách bày ra những chiếc chuông vỡ, những chiếc đĩa rạn, những đồ sắt vụn, những cái cân cũ, những quả cân cũ bị gạt đi do điều luật về những đơn vị đo lường mới mà chỉ có Nhà nước là không thực hiện vì họ để lại trong tiền tệ lưu thông những đồng một xu, đồng hai xu có từ triều đại Louis XVI. Rồi cái gã Auvergne ấy, mạnh bằng năm gã người Auvergne khác, mua những bộ nồi niêu xoong chảo, những cái khung cũ, những đồ đồng cũ, những đồ sứ sứt mẻ. Dần dần, cứ mua vào rồi lại bán sạch đi, cửa hàng giống như những kịch hệ của Nicolet, tính chất của hàng hóa tốt hơn lên. Gã bán sắt vụn theo đuổi lối đánh bạc ngày một tăng lên ăn chắc và phi thường ấy, mà hiệu quả hiển hiện ra trước mắt những người đi dạo vô công rồi nghề khá triết lý để nghiên cứu sự phát triển tăng dần của những giá trị chất trong những quán hàng khôn ngoan ấy. Tiếp theo sau những đồ sắt tây, những đèn dầu hỏa, những mảnh gốm vỡ là những cái khung và những đồ đồng. Rồi có những đồ sứ. Chẳng bao lâu cái cửa hiệu có một thời thành *Crouteum*¹ nhanh chóng trở thành bảo tàng. Cuối cùng, một ngày kia, kính phủ đầy bụi sáng ra, bên trong được tu sửa lại, gã Auvergne bỏ áo nhung áo vét để mặc rơđanhgốt! Người ta thấy gã như một con rồng canh kho của; gã được bao quanh bằng những kiệt tác, gã trở thành người sành sỏi, gã đã tăng gấp mười số vốn liếng và không để mắc vào một mưu mô lừa đảo nào, gã biết những ngón nghề. Con quái vật đứng ở đây, như

1. Tiếng Latinh trong nguyên văn.

một mù già đứng giữa hai mươi thiếu nữ mà mù đưa ra trước công chúng. Vẻ đẹp, những tuyệt tác của nghệ thuật con người ấy không thiết, con người vừa tinh vi vừa thô bỉ, luôn luôn tính toán những lời lãi và gắt gỏng nặng lời với những người không hiểu biết. Trở thành diễn viên hài kịch, gã diễn trò đam mê các bức tranh, các đồ gỗ khảm, hoặc gã vờ túng bán, hoặc gã nói thác giá mua, gã cho xem bản kê giá bán. Đây là một Protée, hẳn đồng thời là Jocrisse, Janot, tên hề, hoặc Mondor, hoặc Harpagon hoặc Nicodème¹.

Từ năm thứ ba, người ta thấy ở nhà Rémonencq những đồng hồ quả lắc khá đẹp, những bộ áo giáp, những bức tranh cổ, và trong những khi đi vắng, gã sai một mù đàn bà to béo, cực kỳ xấu xí ra trông cửa hàng; đây là em gái gã, từ quê đi bộ ra, theo yêu cầu của gã. Mù Rémonencq, một loại đàn bà ngốc nghếch có cái nhìn lơ đãng và ăn mặc như một thần tượng Nhật Bản, không chịu bớt một xu so với cái giá mà ông anh mù đã ấn định; mù còn chăm lo công việc nội trợ và giải quyết vấn đề bề ngoài có vẻ nan giải là sống nhờ vào sương mù sông Seine. Rémonencq và em gái sống bằng bánh mì và cá mòi, bằng những vỏ gọt và lá già, những thứ bỏ đi của rau củ nhặt trong các đồng rác mà các chủ hiệu ăn vớt ở ngoài hè. Cả hai người chẳng tiêu đến mười hai xu mỗi ngày kể cả tiền bánh, và mù Rémonencq khâu vá hay kéo sợi để mà kiếm cho ra.

Sự khởi đầu buôn bán của Rémonencq, kể đến để làm chân mồi giới thương mại ở Paris và, từ năm 1825 đến 1831, mua hàng của những lái buôn đồ tầm tầm ở đại lộ Beaumarchais, của những người làm xanh chảo ở phố Lappe, sự khởi đầu ấy là lịch sử bình thường của những lái buôn đồ cổ. Những người Do Thái, những người Normandie, những người Auvergne, và những người Savoie, bốn

1. *Protée* vị thần trong thần thoại Hy Lạp, có thể thay hình đổi dạng. Những nhân vật hài kịch cổ: Janot, Jocrisse, Nicodème là điển hình của những người ngu ngốc. Đuôi màu đỏ, kiểu anh hề mang một cái đuôi buộc một băng vải đỏ. Mondor điển hình của nhà tư bản tài chính, do Cailhava sáng tạo ra trong "*Quà tết của tình yêu*" (1769).

dòng giống ấy có cùng bản năng, họ làm giàu bằng cùng những phương tiện. Không chỉ tiêu gì, nhặt nhạnh những món lợi nhỏ, gộp lời lãi với lời lãi, đấy là Hiến chương của họ. Và Hiến chương ấy là một sự thật.

Vào lúc ấy, Rémonencq, hòa giải với ông chủ cũ Monistrol, buôn bán làm ăn với những nhà buôn lớn, *đi lòng cổ vật* (từ chuyên môn) ở ngoại ô Paris là nơi, các bạn biết đấy, có đường bán kính bốn mươi dặm. Sau mười bốn năm kinh doanh, gã đã đứng đầu một tài sản sáu mươi nghìn phơ-răng và một cửa hiệu đầy hàng hóa. Không phải ngẫu nhiên, tại phố Normandie – nơi giá thuê nhà rẻ đã giữ chân gã lại, gã bán hàng cho lái buôn, bằng lòng với đồng lãi vừa phải. Mọi chuyện làm ăn của gã tiến hành bằng thổ ngữ Auvergne, tức là *charabia*. Con người ấy ấp ủ một ước mơ! Gã mong muốn lên làm ăn trên các đại lộ. Gã muốn trở nên một lái buôn giàu có bán đồ cổ, và một ngày nào đấy, làm việc thẳng với những người ham đồ cổ. Kể ra, gã hàm chứa một con buôn đáng sợ. Gã giữ lại trên mặt một lớp bụi mặt sắt được mồ hôi làm dính bết lại, vì gã tự làm lấy hết; điều đó làm cho nét mặt gã bí hiểm, và càng bí hiểm hơn do thói quen lao động cực nhọc đã đem lại cho gã bộ mặt trơ ỳ khắc khổ của những người lính già năm 1799. Về mặt thể chất, Rémonencq có bộ dạng một con người thấp và gầy, đôi mắt nhỏ được xếp đặt như mắt lợn, giữa một vùng xanh lạnh, phô ra vẻ hau háu tham lam, mưu mô ranh mãnh của bọn Do Thái, chỉ trừ cái vẻ ngoài khiêm nhường kèm theo lòng khinh bỉ sâu sắc của họ đối với những người Cơ đốc giáo.

Quan hệ giữa Cibot và gia đình Rémonencq là quan hệ giữa người ban ơn và kẻ chịu ơn. Mụ Cibot tin vào sự đói nghèo hết mực của bọn người xứ Auvergne, đã bán cho họ với giá rẻ phi thường những đồ ăn thừa của Schmucke và Cibot. Anh em Rémonencq trả một livre cho những cùi bánh mì khô, còn ruột bánh thì hai xu rưỡi, và một xu rưỡi cho một muôi khoai tây, và cứ thế. Gã Rémonencq quỳ quyết không bao giờ bị xem như người làm ăn buôn bán cho

chính mình. Gã vẫn đại diện cho Monistrol và kêu rằng bị bọn lái buôn giàu xâu xé hết; vì thế vợ chồng Cibot thành thực phàn nàn cho Rémonencq. Từ mười một năm nay, gã Auvergne dùng chưa cũ chiếc áo vét nhung, chiếc quần nhung và chiếc áo gilê nhung gã vẫn thường mặc; nhưng ba phần ấy của bộ quần áo, đặc biệt đối với dân miền Auvergne, chỉ chút những mảnh vá, do Cibot làm không tính tiền công. Như ta thấy, không phải người Do Thái nào cũng đều ở Israel cả.

– Ông không giấu tôi đấy chứ, ông Rémonencq? – Mụ gác cổng nói – Ông Pons có thể có một gia tài như vậy mà lại sống cuộc đời như ông ấy sống, hay sao? Trong nhà ông ấy không có được đến một trăm phơ-răng!...

– *Tất cả những người ham chuộng tiền như thế cả.* – Rémonencq trình trọng trả lời.

– Cho nên, ông tin rằng quả thực ông chủ tôi có tới bảy trăm nghìn phơ-răng...

– *Chỉ riêng trong những phúc tranh... có một phúc nếu ung áy tôi năm mươi nghìn phơ-răng, thì tui sẽ có ngay số tiền áy dù tui có phải tự thất cổ mình. Pà piết rõ chiếc khung nhỏ bằng tổng tráng men, tây những nhung tổ, có những phúc chân dung... Này, tấy là men của Petittotte mà ung tổng trưởng, một nhà phán thuốc ngày trước, tã trả một nghìn tổng êquy...*

– Có đến ba mươi bức! Ở trong hai cái khung. – Mụ gác cổng nói mà hai mắt tròn xoe.

– *Thế thì, pà ước toán fề cái kho tàng của ung áy xem?*

Mụ Cibot bàng hoàng quay ngoắt lại. Mụ nghĩ ra ngay ý định làm sao để được ghi tên mình trong bản di chúc của ông già Pons, bắt chước tất cả các cô hầu kiêm bà chủ mà những *lợi tức trọn đời* gọi lên bao thói tham lam trong phường Marais. Tưởng tượng ra việc cư ngụ trong một xã thuộc vùng phụ cận Paris, mụ đi vênh vang

ở đây trong một biệt thự, nơi mẹ trông nom sân nuôi gà vịt, vườn tược, nơi mẹ sống nốt cuộc đời, được phục vụ như một bà chúa, cũng như lão Cibot đáng thương của mẹ là người xứng đáng được hưởng biết bao hạnh phúc, như tất cả những thiên thần bị lãng quên, không được hiểu thấu.

Trong cử chỉ đột ngột và ngây thơ của mẹ gác cổng, Rémonencq nhận ra một thành công ăn chắc. Trong nghề nghiệp của *người chineur* (đấy là tên để chỉ những người đi tìm đồ cũ, bắt nguồn từ động từ *chiner*, đi săn tìm những đồ cũ và thỏa thuận theo giá rẻ với người chủ đồ cũ dốt nát), trong nghề này, khó khăn là ở chỗ làm sao len lỏi được vào trong các nhà. Người ta không thể hình dung ra những mưu mô kiểu Scapin, những ngón kiểu Sganarelle, những quyến rũ kiểu Dorine mà những người buôn đồ cũ phát minh ra để vào nhà người trưởng giả. Đấy là những hài kịch xứng đáng được đem diễn ở nhà hát và như ở đây, luôn luôn được xây dựng trên tính tham tàn của bọn tôi tớ. Bọn tôi tớ, nhất là ở nông thôn hoặc ở những tỉnh nhỏ, vì ba mươi phơ-răng bằng tiền bạc hoặc bằng hàng hóa, có thể dẫn đến việc thỏa thuận mua bán trong đó người buôn đồ cũ được lợi từ một nghìn đến hai nghìn phơ-răng. Một bộ bát đĩa nào đó của Sèvres cổ, bằng bột mịn, để mua được, nếu kể lại, thì tất cả những mảnh khoé ngoại giao của hội nghị Munster, tất cả những tài trí thông minh được tung ra ở Nimègue, ở Utrecht, ở Riswick, ở Vienne, đều bị bọn buôn đồ cũ vượt qua hết, mà cái hài hước của bọn này còn thẳng thắn hơn nhiều so với cái hài hước của những nhà đàm phán. Bọn buôn đồ cũ có những cách hành động cũng lút sâu trong vực thẳm của lợi ích cá nhân, y như những cách hành động mà các vị đại sứ vất vả tìm ra để phá vỡ những mối liên minh được gắn kết vững bền nhất.

Ông anh nói với bà em khi thấy bà trở về chỗ cũ trên chiếc ghế dựa đã bọc nệm:

– *Tui tã khéo khéo khợi mẹ Cibot. Fà fì thế, tui sẽ ti hỏi người duy nhất thông thạo, một người Do Thái của chúng ta, một người Do Thái tốt bụng chỉ cho chúng ta fay fôi lãi suất mùi lăm phân!*

Rémonencq đã nhìn thấu gan ruột của mẹ Cibot. Ở những người đàn bà loại ấy, đã muốn là làm; họ không lùi bước bất cứ một phương tiện nào để đi tới thành công; từ tính trung thực trọn vẹn nhất, họ chuyển sang thói gian ác sâu xa nhất, chỉ trong chốc lát. Và chẳng, tính trung thực cũng như mọi tình cảm của chúng ta, có lẽ phải chia làm hai loại, loại trung thực tiêu cực và loại trung thực tích cực. Trung thực tiêu cực là loại của vợ chồng Cibot, chỉ trung thực khi không gặp dịp làm giàu. Trung thực tích cực là loại bao giờ cũng lút trong sự căm dỗ đến nửa ống chân mà không gục ngã, tựa như loại trung thực của những người đi thu tiền. Bao nhiêu ý định xấu xa đổ xô đến trong trí óc và trái tim mẹ gác cổng ấy bằng lối cửa cống lợi ích mở ra cho lời nói quý quai của gã bán đồ sắt vụn. Mẹ Cibot trào lên, bay lên – nói cho chính xác – từ chỗ ở đến căn phòng của hai ông chủ, chìa cái mặt nạ âu yếm ra, trên ngưỡng cửa căn phòng trong đó Pons và Schmucke đang rên rỉ. Thấy mẹ giúp việc vào, Schmucke ra hiệu cho mẹ đừng nói gì trước mặt người ốm về những ý kiến thực của ông bác sĩ – vì ông bạn, lão người Đức cao cả ấy đã đọc được trong cặp mắt của ông bác sĩ – còn mẹ thì đáp lại bằng cách lắc đầu, biểu lộ một nỗi đau lòng sâu sắc.

– Nay, thưa ông chủ thân mến, ông cảm thấy trong người thế nào? – Mẹ Cibot nói.

Mẹ gác cổng đứng ở chân giường, hai nắm tay tì lên hông, cặp mắt dán vào người ốm một cách âu yếm nhưng lại tóe ra những vảy vàng kỳ lạ! Điều đó, đối với người quan sát, khủng khiếp như cái nhìn của cọp.

– Xấu lắm. – Lão Pons khốn khổ trả lời – Tôi không thấy muốn ăn tí nào. Ôi, thiên hạ, thiên hạ! – Ông vừa thốt lên vừa bóp chặt tay Schmucke lúc này đang ngồi ở đầu giường, nắm lấy tay Pons; chắc hẳn là người ốm nói với ông ta về lý do làm bệnh của mình -- Ông bạn Schmucke tốt bụng ơi, lẽ ra tôi phải nghe theo lời ông khuyên ăn hàng ngày tại đây kể từ khi chúng ta mới gặp nhau, từ bỏ cái xã hội lẩn trên mình tôi như cái xe bò lăn trên quả trứng, và tại sao?...

– Nào! Nào! Ông chủ tốt bụng của tôi ơi, xin đừng kêu ca nữa.
– Mụ Cibot nói – Ông đốc tờ đã nói với tôi sự thật...

Schmucke kéo áo mụ gác cổng.

– Ấy kìa, ông có thể khỏi bệnh, nhưng cần được ncoi sóc nhiều... Xin ông cứ yên tâm, ông có bên cạnh mình một người bạn tốt, và chẳng phải nói khoe, một người phụ nữ chăm nom ông như một người mẹ chăm nom đứa con đầu lòng của mình ấy. Tôi đã chữa cho ông Cibot một căn bệnh mà ông Poulain đã cho là nla không thể chữa được, mà ông ta đã – như người ta nói – xin vái, Cibot bị khước từ coi như đã chết rồi... Nay, ông có đến nỗi như thế đâu, may thay, dẫu rằng ông ốm đau khá nặng. Xin hãy tin ở tôi..., tôi sẽ giúp ông qua khỏi, chỉ một mình tôi thôi! Hãy nằm yên, đừng cựa quậy nnhư thế. – Mụ kéo chăn đắp lên tay người ốm – Nào, ông con, – Mụ nói – ông Schmucke và mẹ đêm đêm sẽ ở bên giường ông con... Ông con sẽ được chăm sóc hơn cả một ông hoàng... Và hơn nữa, ông con cũng khá giàu nên cần gì có nấy để chạy chữa cho lành bệnh... Mẹ mới thu xếp với ông Cibot; bởi vì tội nghiệp ông ấy làm gì được nếu không có mẹ... Nay, mẹ đã làm cho ông ấy nghe ra, và cả hai chúng ta đều yêu mến ông con đến mức ông ấy đã đồng ý để mẹ ở nlay đây ban đêm... Và, đối với một người như ông ấy..., thì đấy là một sự hy sinh cao thượng vì ông ấy vẫn yêu mẹ nnhư thuở ban đầu. Mẹ không biết ông ấy có cái gì đấy! Đó là phòng gác cổng! Cả hai luôn luôn sống bên nhau!... Đừng có tung chăn ra như thế! – Mụ vừa nói vừa nhảy bổ đến đầu giường kéo chăn lên ngực cho Pons... – Nếu ông con không ngoan, nếu ông con không làm tốt những điều ông Poulain dặn, ông ta, như ông con đã thấy, là hình ảnh của Chúa lòng lành trên trái đất này, thì mẹ mặc ông con đấy... Phải nghe lời mẹ...

– *Túng táy, pà Zipod ạ! Ung áy sẽ phải nghe lời pà,* – Schmucke đáp – *fì ung áy mún sống fì ung pạn Schmucke tốt pụng của ung áy, tui xin cam toan như thế.*

– Đừng sốt ruột, sự thiếu kiên nhẫn của ông con không tăng lên thì bệnh tình của ông cũng đã khá nặng rồi. Nếu lại thiếu kiên nhẫn nữa thì càng nặng thêm. – Mụ Cibot nói – Chúa đã giáng họa xuống cho chúng ta, ông chủ thân mến tốt bụng ạ, Người trừng phạt những lỗi lầm của chúng ta, ông thì cũng có một vài lỗi lầm nhỏ đáng trách đấy!...

Người ôm lắc đầu.

– Ô, nnày, chắc ông đã yêu lúc còn trẻ tuổi, ông đã có những chuyện ngông cuồng, chắc ông đã để lại đâu đấy kết quả của tình yêu lúc này đang không có cái ăn, không nhà không cửa... Đàn ông thật là quý quái! Một ngày nào đấy họ yêu và rồi, chắc, họ chẳng nghĩ đến điều gì nữa, ngay cả thời gian còn mặng sữa! Đàn bà thật là tội nghiệp!

– Nhưng chỉ có Schmucke và bà mẹ đáng thương của tôi đã từng yêu tôi. – Lão Pons khốn khổ buồn rầu nói.

– Nay, ông không phải là ông thánh! Ông đã từng trẻ trung và chắc chắn ông đã từng nẹp trai. Ở tuổi hai mươi... tôi, một người tốt bụng như ông, tôi cũng phải yêu ông...

– Tôi xưa nay vẫn xấu như ma! – Pons thất vọng nói.

– Ông nói thế vì khiêm tốn, ông nhủ được cái khiêm tốn.

– Không, bà Cibot thân mến ạ, tôi xin nhắc lại với bà là tôi xưa nay vẫn xấu xí, và tôi chưa bao giờ được yêu...

– Ủa! Ông ấy à?... – Mụ gác cổng nói – Vào lúc nay mà ông còn muốn làm cho tôi tin rằng ở tuổi ông mà ông vẫn như một cô gái đồng trinh... thôi, ông đi mà lừa người khác nhé! Một nhạc sĩ! Một diễn viên! Nhưng nếu là một người đàn bà nói với tôi điều đó, có lẽ tôi cũng chẳng tin.

– *Pà Zipod! Pà làm ung áy pực tức mất thui!* – Schmucke thốt lên khi thấy Pons quần quai như một con sâu trên giường.

– Ông cũng im đi, các ông nà hai lão phóng đấng... Dù các ông nó xấu xí chẳng nữa, thì vung méo ắt tìm được nổi méo. Tục ngữ đã nói thế! Ông Cibot đã biết làm cho một trong những cô nàng tách vỏ sò đẹp nhất Paris phải yêu..., mà các ông nhì còn chán vạn tốt hơn ông ấy!... Các ông tốt bụng! Các ông..., này, các ông nđã làm trò trăng hoa! Và Chúa trừng phạt các ông đã bỏ rơi con cái, như Abraham vậy!...

Người ốm liệt giường cố sức làm một cử chỉ phản bác.

– Những xin hãy bình tĩnh, điều đó không ngăn cản ông sống lâu như Mathusalem¹.

– Để cho tôi được yên đi! – Pons kêu to – Tôi chưa bao giờ biết thế nào là được yêu!... Tôi chưa hề có con, tôi đơn độc trên cõi đời này...

– À, thật thế à? – Mụ gác cổng hỏi – Vì ông tốt bụng đến thế mà phụ nữ, ông thấy không, vốn ưa chuộng lòng tốt, đó là điều gần bó họ, và tôi không thể tin rằng trong thời oanh liệt của ông...

– Đưa bà ta đi đi! – Pons nói vào tai Schmucke – Bà ta quấy rầy tôi quá!

– Ông Schmucke ncũng đã có con. Bọn các ông đều thế cả, các chàng trai già...

– *Tui à?* – Schmucke vừa kêu vừa đứng phắt dậy – *Nhưng....*

– Này, ông nữa, ông không có người thừa kế, có phải thế không? Các ông, cả hai người, xuất hiện như hai cái nấm trên trái đất này.

– *Nào, lại tay!* – Schmucke trả lời.

1. Một trường lão (trong Thánh thư) sống đến 969 tuổi, là biểu tượng cho sự trường thọ.

Lão người Đức tốt bụng quyết liệt ôm ngay lấy ngang lưng mẹ Cibot, lôi mẹ sang phòng trung bày, không đếm xỉa gì đến tiếng kêu la của mẹ.

– Vào tuổi ông mà ông còn muốn cưỡng đoạt một người đàn bà tội nghiệp à?... – Mẹ Cibot vừa hét vừa vùng vẫy trong cánh tay Schmucke.

– *Từng kêu thế!*

– Chính ông, người tử tế nhất trong hai người đấy! – Mẹ Cibot đáp – Ôi, tôi đã nhầm mà nói chuyện yêu đương với những người chưa bao giờ biết đến phụ nữ! Tôi đã khêu gợi lửa lòng của ông, đồ quái vật! – Mẹ kêu to khi nhìn vào cặp mắt tóe lửa giận của Schmucke – Nào vệ đâu! Vệ binh đâu! Người ta cưỡng đoạt tôi!

– *Mẹ là tổ súc vật!* – Lão người Đức nói – *Này, ung pác sĩ tã nói thế nào?*

– Ông đối xử tàn nhẫn với tôi như thế, – Mẹ Cibot vừa khóc vừa nói khi đã được buông ra – mà tôi là người sẵn sàng nhảy vào lửa vì hai ông đấy! Được! Người ta vẫn bảo đàn ông quen xử sự như thế... Đúng biết mấy! Ông Cibot đáng thương thì chẳng ngược đãi tôi như thế... Tôi là người xem các ông như con; vì tôi không có con, và hôm qua, vâng, mới hôm qua, tôi đã bảo Cibot: “Ông ơi, Chúa biết rõ là Người đã làm gì khi không ban cho ta những đứa con, vì tôi có hai con ở trên kia kia!”. Đấy, trước cây thánh giá thiêng liêng của Chúa, trước linh hồn của mẹ tôi, tôi đã nói với ông ấy như thế...

– *Ừ, mà ung pác sĩ tã nói gì?* – Schmucke bực tức hỏi, lần đầu tiên trong đời, lão giậm chân.

– Vâng, ông ấy bảo, – Mẹ Cibot vừa đáp vừa kéo Schmucke vào phòng ăn – ông ấy bảo rằng ông bạn thân mến yêu quý, ốm yếu của chúng ta có nguy cơ sẽ chết nếu không được săn sóc chu đáo; nhưng đã có tôi ở đây, bất chấp sự tàn tệ của các ông; vì ông tàn tệ, ông mà tôi cứ tưởng là hiền lành. Ông đối xử như thế đấy!...

A, ở vào tuổi ông mà ông còn nuông chiều một phụ nữ à, đồ đại phóng đảng!

– *Fóng tãng? Tui?... Pà khùng hiểu rằng tui chỉ yêu có Bons thôi?*

– Tốt lắm, ông sẽ để cho tôi được yên, có đúng thế không? – Mụ vừa nói vừa mỉm cười với Schmucke – Như thế là phải, vì ông Cibot sẽ đập nát xương kẻ nào dám xúc phạm đến dinh dự của ông ấy!

– *Hãy trung nom ung áy cẩn thận, pà Zipod pé nhỏ ạ!* – Schmucke vừa nói tiếp vừa định nắm lấy tay mụ Cibot.

– N...a, thấy chưa, vẫn còn tiếp tục à?

– *Pà có nghe tui nói khùng? Tất cả những xì tui có sẽ là của pà, nếu chúng ta cứu tước ung áy...*

– Đây, tôi sẽ đến nhà ông được sĩ, kiểm cái cần phải có... vì, ông biết đấy, thưa ông, cái bệnh này tốn tiền thuốc lắm; còn ông sẽ làm thế nào?

– *Tui sẽ làm fiệc! Tui mún Bons phải tước chăm sóc như ung hoàng.*

– Ông ấy sẽ được như thế, ông Schmucke tốt bụng ạ! Ông thấy không, ông đừng lo lắng gì cả. Ông Cibot và tôi, chúng tôi có hai nghìn phơ-răng tiền tiết kiệm, *số tiền ấy* sẽ thuộc về ông, từ lâu tôi đã đặt tiền của tôi vào đây, nào!

– *Pà tử tế quá!* – Schmucke vừa kêu lên vừa lau nước mắt – *Pà hảo tâm quá!*

– Ông hãy lau khô những giọt nước mắt tôn vinh tôi đi, vì đây là phần thưởng cho tôi, cho tôi đấy! – Mụ Cibot nói một cách làm ly – Tôi là người vô tư nhất trong mọi con người, nhưng ông đừng khóc mà đi vào, vì ông Pons sẽ tưởng rằng ông ấy còn ốm nặng hơn là thực tế.

Schmucke, cảm động trước sự tế nhị này, liền cầm lấy tay mụ Cibot và xiết chặt lại.

– Ấy đừng! – Cô ả tách vỏ sò cũ vừa nói vừa nhìn Schmucke âu yếm.

– *Bons ời*, – Lão người Đức tốt bụng vừa nói vừa đi vào – *pà Zipod chính là mọt thiên thần, tấy là mọt thiên thần pa hoa, nhưng tấy là mọt thiên thần.*

– Ông tin thế à?... Tôi đã trở nên ngờ vực từ một tháng nay. – Người ốm vừa trả lời vừa lắc đầu – Sau tất cả những bất hạnh, người ta không còn tin vào cái gì ngoài Chúa trời và ông!...

– *Ung khỏi ti, rồi pa chúng ta sẽ sống như fua chúa cả!* – Schmucke kêu lên.

– Cibot, – Mụ gác cổng vừa hỗn hển kêu to, vừa bước vào phòng gác cổng của mụ – Ôi, ông ời, chúng ta giàu rồi! Hai ông chủ của tôi không có người thừa kế, không có con hoang, không có gì hết!... Sao?... Ôi, tôi đến nhà bà Fontaine nhờ bói bài một quẻ để xem chúng ta có bao nhiêu lợi tức...

– Bà ời, – Ông thợ may bé nhỏ đáp – đừng trông cậy vào đôi giày của một người chết để có được giày đi.

– À, thế đấy! Ông, ông định phá rối tôi, – Mụ vừa nói vừa tát nhẹ Cibot – Tôi biết cái tôi biết chứ! Ông Poulain đã kết án ông Pons rồi! Và chúng ta sẽ giàu có! Tôi sẽ được ghi tên trên tờ di chúc... Tôi nhận đảm đương việc ấy! Ông cứ việc kim chỉ vá may và coi việc gác cổng, ông không phải làm cái nghề ấy lâu nữa đâu! Chúng ta sẽ lui về nông thôn, về nBatignolles. Nmột căn nhà xinh, nmột cái vườn đẹp, ông sẽ vui chơi trồng trọt và tôi sẽ có một đứa hầu gái!...

– *Này, pà hàng xóm ời, ở trên áy thế nào rồi?* – Rémonencq hỏi – *Pà có piết là pộ sưu tạp áy táng xá pao nhiêu khung?*

– Chưa, chưa biết! Ông bạn trung hậu ời, nchuyện không diễn ra như thế đâu. Tôi, tôi bắt đầu bằng việc tìm hiểu về những chuyện quan trọng hơn...

– *Quan trọng hơn!* – Rémonencq thốt lên – *Nhưng cái gì lại quan trọng hơn tục chuyện ấy...*

– *Này, nhãi con! Để yên cho tao lái con thuyền.* – Mụ gác cổng hách dịch nói.

– *Nhưng fôi pa mười phần trăm của khoản một trăm nghìn pho-răng ấy, thì pà sẽ có món tể thành nhà trưởng xã trung quăng rồi còn lại của pà đấy...*

– *Cứ yên tâm, bố Rémonencq ạ, khi nào cần biết tất cả những thứ lão già gom góp được ấy đáng giá bao nhiêu, chúng ta sẽ tính sau...*

Và mụ gác cổng, sau khi đến nhà được sĩ mua về những thứ thuốc men mà bác sĩ Poulain kê đơn, hoãn đến ngày hôm sau mới hỏi ý kiến bà Fontaine, vì nghĩ rằng bà sẽ bói trúng hơn, bói thiêng hơn, nếu đến vào sáng sớm, trước tất cả mọi người, vì thường có hàng đám đông người chen chúc ở nhà bà Fontaine.

Sau bốn mươi năm đối địch với cô Lenormand nổi danh, nay đã qua đời, bà Fontaine lúc đó là nhà tiên tri của phường Marais. Ta không hình dung được những bà bói bài tây là thế nào đối với những tầng lớp dưới ở Paris cũng như ảnh hưởng lớn lao của họ đối với các quyết định của những người ít học vấn; vì những chị nấu bếp, những bà gác cổng, những cô nàng được bao, những người thợ, tất cả những người, ở Paris, sống bằng hy vọng, đều đến hỏi ý kiến của những người có thiên bẩm – những người có quyền lực kỳ lạ và chưa được giải thích, là đoán tương lai. Niềm tin vào khoa học thần bí lan rộng hơn rất nhiều so với tưởng tượng của những nhà bác học, những luật sư, những công chứng viên, những thầy thuốc, những quan tòa và những nhà triết học. Dân chúng có những bản năng không phai mờ. Trong số những bản năng ấy, thứ mà người ta gọi tên một cách ngu ngốc là *sự mê tín* đã ngấm vào máu dân chúng cũng như vào đầu óc những người thượng đẳng. Ở Paris, nhiều chính khách đến hỏi những mụ bói bài. Đối với những người không tin, thì khoa chiêm tinh học phán đoán (sự kết hợp từ ngũ hết sức lạ

lùng) chỉ là sự khai thác một ý thức bẩm sinh, một trong những ý thức mạnh nhất của bản chất chúng ta – là sự huyền kỳ. Những người không tin thì hoàn toàn phủ nhận những quan hệ mà thuật bói toán đã lập nên giữa số phận con người và hình tượng biểu hiện ra qua bảy hoặc tám phương thức chính tạo thành chiêm tinh học phán đoán. Nhưng đối với khoa học thần bí thì cũng như đối với biết bao nhiêu các hiện tượng tự nhiên bị gạt bỏ bởi các đầu óc không tín ngưỡng tôn giáo hoặc bởi các nhà triết học duy vật, tức là những người chỉ tin vào những gì mắt thấy tai nghe, vào những kết quả ở bình cổ cong hoặc ở những cái cân của vật lý học và hóa học hiện đại; những khoa học này vẫn tồn tại, vẫn tiếp tục tiến bước, tuy không có tiến bộ, từ khoảng hai thế kỷ nay, những đầu óc ưu tú bỏ rơi chẳng quan tâm nghiên cứu chúng.

Chỉ nhìn vào khía cạnh có thể được của thuật bói toán, tưởng rằng những sự kiện trước đây trong cuộc đời của một con người, những bí mật mà duy chỉ có người ấy biết, có thể ngay lập tức được biểu hiện ra bằng các con bài do người ấy trộn, người ấy đảo, và thấy đoán số tử vi chia thành từng cung theo những quy luật bí ẩn, thì đó là phi lý; nhưng cũng chính là sự phi lý đã kết tội hơi nước, còn kết tội cả ngành hàng không, kết tội sự sáng chế ra thuốc súng và nghề in, sáng chế ra các loại kính, nghề in khắc, và phát minh lớn mới đây – phép chụp ảnh của Daguerre. Nếu có ai đến bảo Napoléon rằng một tòa nhà, một con người không ngừng và bất cứ lúc nào đều được thể hiện bằng một hình ảnh trong không trung, rằng tất cả những vật tồn tại đều có ở đấy một ảo tượng sờ nắm được, cảm nhận được, thì hẳn ông ta sẽ tống người ấy vào Charenton, cũng như Richelieu tống Salomon de Caus vào Bicêtre, khi người tử vì đạo xứ Normandie mang đến cho ông ta cuộc chinh phục khổng lồ của nghề hàng hải chạy bằng hơi nước. Tuy nhiên, đấy là cái mà Daguerre đã chứng minh bằng phát minh của mình. Thế thì, nếu dưới một số cặp mắt sáng suốt nào đấy, Chúa đã in dấu số phận của mỗi người trên tướng mạo của họ, dùng từ ngữ này theo nghĩa sự biểu hiện tổng thể của cơ thể, thì tại sao bàn tay lại không

thu tóm được tướng mạo, vì bàn tay là toàn bộ hoạt động của con người và là phương tiện duy nhất để biểu lộ? Do đó mà có thuật xem tướng tay. Xã hội không bắt chước Chúa trời hay sao? Tiên đoán cho một người những sự kiện của cuộc đời qua biểu hiện trên bàn tay anh ta, ở kẻ đã nhận được những năng lực của Người có thiên nhãn là một việc cũng chẳng lạ lùng gì hơn việc bảo một người lính rằng anh ta sẽ chiến đấu, bảo một luật sư rằng ông ta sẽ nói, bảo một người thợ giấy rằng anh ta sẽ đóng giấy hoặc ủng, bảo một người làm ruộng rằng anh ta sẽ bón phân và cày đất. Hãy chọn một ví dụ hiển nhiên. Thiên tài thì hiện ra rõ nét ở con người, đến nỗi trong khi đi dạo ở Paris, những kẻ dốt nát nhất cũng đoán được một nghệ sĩ lớn khi ông ta đi dạo qua. Đó chẳng khác nào một mặt trời tinh thần mà những tia sáng tô điểm sắc màu cho mọi thứ trên đường nó đi qua. Một kẻ ngu xuẩn lại không tự nhận ra ngay bằng những ấn tượng trái ngược với ấn tượng của con người tài năng hay sao? Một người bình thường đi qua hầu như không ai thấy. Phần đông những người quan sát bản chất xã hội và quan sát Paris có thể nói ra nghề nghiệp của một người qua đường khi trông thấy người ấy đi tới. Ngày nay, những bí ẩn của ngày hội xaba, được các họa sĩ thế kỷ XVI vẽ rất đẹp, không còn là những bí ẩn nữa. Những người Ai Cập, nữ hoặc nam, cha đẻ của những người Bohémiens, cái dân tộc lạ kỳ đến từ Ấn Độ ấy, nhất cho khách hàng dùng cần sa. Những hiện tượng nảy sinh bởi thứ cần sa ấy giải thích một cách hoàn hảo các chuyện cười lên cán chổi, trốn chạy qua đường ống khói, những *ảo ảnh thực*, có thể nói như thế, những bà già biến thành thiếu nữ, những điệu nhảy cuồng loạn và những âm nhạc tuyệt vời làm thành các khúc phóng túng của những kẻ tự cho mình là tôn thờ quỷ sứ.

Ngày nay, bao sự việc được xác nhận chính xác, ra đời từ những khoa học thần bí, đến nỗi một ngày kia những khoa học ấy sẽ được giảng dạy như người ta vẫn giảng dạy hóa học và thiên văn học. Thật lạ lùng là vào lúc ở Paris người ta lập những bộ môn dạy tiếng Slave, tiếng Mãn Châu, những nền văn học cũng ít *giảng dạy được*

như những nền văn học phương Bắc, những bộ môn này đáng lẽ đưa ra những bài học, thì lại cần phải tiếp nhận những bài học, và những người giảng dạy ở đây lập lại những bài muôn thuở về Shakespeare hoặc về thế kỷ XVI, thế mà người ta lại chẳng khỏi phục dưới cái tên Nhân loại học việc giảng dạy triết học thần bí, một trong những niềm vinh quang của Trường đại học thời cổ đại. Về điều này thì nước Đức, cái xứ sở rất lớn lao đồng thời lại rất trẻ con, đã đi trước nước Pháp, vì ở đây người ta giảng dạy khoa học này, còn có ích hơn nhiều những thứ TRIẾT HỌC khác nhau nhưng tất cả đều cùng một thứ.

Nếu một số người có khả năng nhận biết những sự việc sắp xảy đến trong mầm mống của những nguyên nhân, tựa như nhà phát minh vĩ đại nhận ra một nền công nghiệp, một khoa học trong một hiệu quả tự nhiên mà người thường không nhận thấy, thì đó cũng chẳng còn là một trong những ngoại lệ gì ghê gớm gây xôn xao, đó là hiệu quả của một năng lực đã được thừa nhận, có thể nói cũng giống như sự miên hành của trí tuệ. Nếu đề nghị ấy – nó là cơ sở của nhiều cách đoán định tương lai khác nhau – có vẻ phi lý, thì đã có sự thực kia kìa. Xin hãy chú ý rằng tiên đoán những sự kiện lớn của tương lai, đối với Người có thiên nhãn, không phải là một việc phi thường đặc biệt hơn là chuyện đoán định quá khứ. Quá khứ, tương lai, cũng đều không thể biết được như nhau trong hệ thống của những người không tin. Nếu những sự kiện đã hoàn thành còn để lại dấu vết thì cũng có thể hình dung được những sự kiện sắp xảy tới có những gốc rễ của nó. Khi một người thầy bói giải thích cho bạn một cách tỉ mỉ những sự việc mà chỉ riêng bạn biết thôi, trong quãng đời trước đây của bạn, thì ông ta có thể nói cho bạn biết những sự kiện sẽ nảy sinh từ những nguyên nhân hiện có. Thế giới tinh thần có thể nói là được đeo gót theo khuôn mẫu của thế giới tự nhiên. Những hiệu quả giống nhau phải hiện ra ở đây với những sự khác biệt do hoàn cảnh khác nhau. Vì thế, như các vật thể phóng chiếu thực sự lên không trung còn lưu lại cái ảo ảnh được máy ảnh daghe chụp lại trên đường đi; cũng vậy những ý tưởng, các sáng tạo

có thực và năng động đã in dấu trong cái phải gọi tên là không trung của thế giới tinh thần, đã sản sinh ra ở đây những hiệu quả, đã sống ở đây *một cách ảo ảnh* (vì cần phải tạo ra những từ ngữ để chỉ những hiện tượng chưa có tên) và khi ấy một số người được phú cho những năng lực hiếm hoi hoàn toàn có thể nhận ra những dạng thức hoặc những dấu vết ý tưởng ấy.

Còn về những phương tiện sử dụng để đạt đến *những thiên nhân*, đây chính là điều kỳ diệu để giải thích nhất, khi mà bàn tay của người đến xem tướng tay có được các vật căn cứ vào đó, người ta nói cho anh ta biết những may rủi của cuộc đời anh ta. Thực thế, tất cả móc nối với nhau trong thế giới hiện thực. Chuyển động nào cũng tương ứng với một nguyên nhân, nguyên nhân nào cũng gắn với tổng thể, và bởi thế, cái tổng thể biểu hiện ra trong mỗi chuyển động nhỏ nhất. Rabelais – trí tuệ vĩ đại nhất của nhân loại hiện đại, con người thu tóm cả Pythagore, Hippocrate, Aristophane và Dante, đã nói từ trước đây ba thế kỷ: Con người là một thế giới thu nhỏ. Ba thế kỷ sau, Swedenborg, nhà tiên tri vĩ đại người Thụy Điển, đã nói rằng trái đất là một con người. Nhà tiên tri và người tiên khu của sự không tin đã gặp nhau như thế ở công thức vĩ đại nhất trong các công thức. Tất cả đều có tính định mệnh trong đời sống con người cũng như trong cuộc sống của hành tinh chúng ta. Những biến cố nhỏ nhất, vật vãnh nhất đều phụ thuộc vào đấy. Vậy, những sự việc lớn lao, những dự định lớn lao, những tư tưởng lớn lao ắt được phản ánh trong những hành động nhỏ nhất, và trung thực đến mức nếu một kẻ mưu phản nào đấy trộn hoặc tráo một cỗ bài, thì hẳn sẽ để lộ ra đấy điều bí mật vụ âm mưu của hắn do Người có thiên nhãn được gọi là kẻ lưu đãng, là thầy bói, là lang băm, v.v... Khi người ta đã công nhận định mệnh tức là một chuỗi các nguyên nhân, thì chiêm tinh học phán đoán tồn tại và trở thành cái xưa kia nó đã từng như thế, một khoa học bao la, vì nó bao gồm năng lực suy diễn khiến cho Cavier lớn lao đến thế, nhưng là năng lực tự phát, chứ không phải miệt mài thực hành đêm đêm trong phòng nghiên cứu như bạc thiên tài lỗi lạc kia.

Chiêm tinh học phán đoán, thuật tiên tri, đã ngự trị trong bảy thế kỷ, không phải như ngày nay, ở tầng lớp bình dân, mà ở những trí tuệ anh minh nhất, ở những bậc vua chúa, ở những bà hoàng và ở những người giàu có. Một trong những khoa học lớn nhất thời cổ đại, là thuật thôi miên, đã ra đời từ các khoa học thần bí, giống như hóa học đã ra đời từ lò nung của các nhà luyện đan. Số học, thuật xem tướng, thần kinh học cũng đều từ đấy mà ra, và những phát minh trứ danh của những khoa học ấy, bề ngoài có vẻ mới mẻ, chỉ có một sai lầm, sai lầm của mọi nhà phát minh, sai lầm ở chỗ đã hệ thống hóa một cách tuyệt đối những sự việc riêng biệt mà nguyên nhân phát sinh còn chưa phân tích ra được. Một ngày nọ, giáo hội Cơ đốc và Triết học hiện đại đã nhất trí với Pháp đình để bài trừ, công kích, chế giễu những điều thần bí của Yêu thuật cũng như các tín đồ của nó và đã có một lỗ hổng đáng tiếc kéo dài hàng trăm năm trong sự lưu hành và sự nghiên cứu các khoa học thần bí. Dầu thế nào thì thế, dân chúng và nhiều người có đầu óc, nhất là phụ nữ, vẫn tiếp tục trả phần đóng góp của họ cho quyền lực bí ẩn của những người có thể vén bức màn của tương lai; họ đến mua của những người ấy niềm hy vọng, lòng can đảm, sức mạnh, tức là những cái mà chỉ có tôn giáo mới có thể đem lại. Cho nên, khoa học ấy vẫn luôn luôn được thực hành, chẳng phải là không có ít nhiều mạo hiểm. Ngày nay, các nhà phù thủy, được bảo đảm không bị khổ hình do sự khoan dung nhờ những nhà bách khoa thư thế kỷ XVIII, chỉ còn thuộc quyền xét xử của cảnh sát tiểu hình, và chỉ trong trường hợp họ tiến hành những thủ đoạn gian lận, khi họ làm cho khách hàng của họ phải khiếp sợ với mục đích tống tiền, làm thành tội lừa đảo. Bất hạnh thay, tội lừa đảo và nhiều khi là tội ác thường đi liền với sự thực hành năng lực cao cả ấy. Lý do là thế này.

Những năng khiếu tuyệt vời làm nên Người có thiên nhãn, thường gặp ở những kẻ mà người ta gán cho cái tiếng là súc sinh thô bạo. Những kẻ súc sinh thô bạo này là những cái vại được Chúa tuyển chọn, trong đó Người để những thứ rượu thuốc làm sùng sốt loài người. Những kẻ thô bạo này trở thành những nhà tiên tri,

những thánh Pierre, những Ân sĩ. Cứ mỗi khi tư tưởng tồn tại trong tổng thể của nó, nguyên khối, không bị xé lẻ ra thành đàm thoại, thành mảnh khoe, thành tác phẩm văn chương, thành tưởng tượng của nhà bác học, thành nỗ lực quản lý, thành quan niệm của nhà sáng chế, thành chinh chiến, thì nó có khả năng tỏa ra ánh lửa với một cường độ phi thường bị nén lại như viên kim cương thô giữ ánh sáng chói lọi của các mặt nhỏ. Để có tình huống xảy ra là trí tuệ đó lập tức bùng lên, nó có đôi cánh để vượt qua những khoảng cách, có đôi mắt thần để nhìn thấy tất cả; hôm qua đây là một cục than, ngày hôm sau, dưới một tia huyền bí xuyên qua, đây là viên kim cương ngồi sáng. Những con người trác việt bị mài mòn trên tất cả các mặt của trí tuệ, không bao giờ có thể phô ra được cái quyền lực tối cao ấy, trừ phi do phép màu của Chúa. Cho nên những ông những bà thầy bói hầu như bao giờ cũng là những gã những mụ ăn xin với đầu óc nguyên sơ, những con người bề ngoài thô lỗ, những viên cuội lăn lóc trong những dòng thác dối khổ, trong những rãnh mòn của đời sống, nơi họ chỉ hao tổn những đau đớn về thể xác. Nhà tiên tri, Người có thiên nhãn, cuối cùng là anh dân cày Martin đã làm cho Louis XVIII phải run sợ khi nói ra một bí mật mà chỉ Đức Vua mới có thể biết, đó là một cô Lenormand, một bà nấu bếp như bà Fontaine, một phụ nữ da đen hầu như ngu ngốc, một gã mục đồng sống với những con vật có sừng, một thầy tu khổ hạnh ngồi bên cạnh một ngôi chùa, vắt kiệt da thịt, đưa tâm thần đến quyền lực chưa hề biết của những năng lực mộng du. Chính là ở châu Á mà thời đại nào cũng thế, ta gặp những nhân vật cự phách của khoa học thần bí. Những người ấy, lúc bình thường, vẫn như họ đang sống, có thể nói họ làm tròn những chức năng vật lý, hóa học của các chất dẫn điện, khi là những kim loại trở ỳ, khi là những kênh dẫn những chất lưu động thần bí; những người ấy khi họ trở lại thành chính họ, mê mải với thực hành, với những tính toán đưa họ ra tòa án tiểu hình, thậm chí, như Balthazar nổi tiếng, đến tòa đại hình và nhà tù khổ sai. Tóm lại, điều đó chứng tỏ quyền lực vô biên mà thuật bói bài tác động đến dân chúng, đó là sự sống hay cái chết của người

nhạc sĩ đáng thương tùy thuộc vào số tử vi mà bà Fontaine sắp bói cho mẹ Cibot.

Dù cho một số lặp đi lặp lại là không thể tránh khỏi trong một câu chuyện cũng lớn lao và cũng chứa đầy chi tiết như câu chuyện hoàn chỉnh về xã hội Pháp thế kỷ XIX, cũng chẳng cần phải miêu tả cái nhà ổ chuột của bà Fontaine đã được tả trong tác phẩm *Diễn viên không tự biết*. Chỉ cần lưu ý rằng mẹ Cibot vào nhà bà Fontaine ở phố Vieille – du – Temple, như những khách quen của quán cà phê Anh bước vào cửa hàng này để ăn sáng. Mẹ Cibot, khách hàng quen cố cựu, thường đưa đến đây những cô gái trẻ và những ả đàn bà hết sức tò mò.

Mẹ đầy tớ già làm chân phụ tá cho bà thầy bói, mở cửa điện, mà không báo trước cho bà chủ.

– Bà Cibot đấy ạ! Bà vào đi, – Mẹ thêm – chẳng có ai đâu.

– Kìa, bà em! Có việc gì mà đến sớm thế? – Bà phù thủy nói.

Bà Fontaine, lúc ấy đã bảy mươi tám tuổi, xứng đáng được gọi như thế vì bề ngoài ra đáng một nữ thần Parque.

– Em đang bán búa ruột gan đấy! Hãy cho em một quả lớn đi!

– Mẹ Cibot thốt lên – Vấn đề tài sản của em đấy!

Và mẹ giải thích tình thế hiện nay của mẹ, hỏi xin một lời tiên đoán cho điều ước mong bản thân của mẹ.

– Bà em không biết thế nào là đánh lớn à? – Bà Fontaine trịnh trọng nói.

– Không, em không giàu có nên chưa bao giờ thấy được trò về đó! Một trăm phơ-răng!... Xin thứ lỗi cho sự ít ỏi. Em biết lấy tiền ở đâu ra? Nhưng hôm nay, em cần phải có!

– Ta không thường xuyên chơi đánh lớn, em ạ. – Bà Fontaine trả lời – Ta chỉ cho bọn nhà giàu chơi trong những dịp lớn, và họ trả

cho ta hai mươi năm đồng louis; vì em thấy không, cái trò ấy làm ta mệt, cái trò ấy làm ta mòn mỏi! Thần linh đang vẫy vò ta, đấy, ở trong dạ dày đây này! Như xưa kia người ta vẫn thường nói, đấy là đi dự hội ma thuật!

– Nhưng khi em nói với bà chị, bà chị Fontaine tốt bụng ạ, rằng vấn đề liên quan đến tương lai của em...

– Cuối cùng thì vì em là người giúp ta có được nhiều người đến xem quẻ, ta sẽ đi gặp Thần linh! – Bà Fontaine trả lời và để lộ ra trên bộ mặt già nua một biểu hiện khiếp sợ không phải là giả vờ.

Bà rời chiếc ghế bành cũ, cẩu bản, ở trong góc lò sưởi, đi đến bên cái bàn có phủ một tấm dạ xanh mà tất cả những sợi đã sờn có thể đếm được, ở đấy, phía bên trái, một con cóc to góm ghê đang nằm ngủ, bên cạnh chiếc lồng để ngủ trong có một con gà mái đen lông xù.

– Astaroth, ra đây, con! – Bà vừa nói vừa dùng một chiếc kim đan dài gỗ nhẹ lên lưng con cóc lúc này đang nhìn bà một cách tinh khôn – Và cô nữa, cô Cléopâtre!... Chú ý này! – Bà nói tiếp và khẽ gõ lên mỏ con gà mái già. Bà Fontaine nhập định, bất động một lúc; bà có vẻ như một người đã chết, mắt đảo tròn và trở lên trắng dã. Rồi bà cứng đờ người ra và nói: “Ta đây” bằng một thứ tiếng ồ ồ. Sau khi đã máy móc rải hạt kê ra cho Cléopâtre, bà cầm bộ bài đánh lớn, lập cặp trộn bài và bảo mục Cibot chia bài, nhưng lại thở dài thườn thượt. Khi hiện thân của Thần Chết quấn khăn cẩu ghét, mặc áo cánh thâm thê, nhìn những hạt kê mà con gà mái đen đang mổ, và gọi con cóc Astaroth để nó bước lên trên những quân bài đã rải ra, mục Cibot thấy lạnh xương sống, mục rùng mình. Chỉ có những tín ngưỡng lớn mới đem lại những xúc động lớn. Có hay không có niên kim, đó là vấn đề, Shakespeare đã nói như thế.

Sau bảy hoặc tám phút – trong thời gian ấy, bà phù thủy mở ra và đọc một cuốn sách yêu thuật bằng một giọng ảo não, xem xét các hạt kê còn lại, và đoạn đường mà con cóc đã lui về –, bà hướng cặp mắt trắng dã vào các quân bài và đoán ý nghĩa của chúng.

– Em sẽ thành công, tuy rằng mọi chuyện trong vụ này chẳng diễn ra như bà em tưởng. – Bà nói – Em sẽ phải chạy vạy nhiều. Nhưng em sẽ thu được những kết quả bổ công vất vả gian nan. Em sẽ xử sự rất tệ, nhưng đối với bà em cũng như đối với tất cả những kẻ ở bên người ốm đang thèm muốn một phần thừa kế thì ai mà chẳng thế. Trong vụ việc bất lương này, em sẽ được một số nhân vật quan trọng giúp đỡ... Sau này em sẽ ăn năn khi quần quai trong cái chết, vì em sẽ bị giết chết bởi bàn tay của hai tên tù khổ sai vượt ngục, tên nhỏ bé tóc đỏ còn tên già hói trơ cả sợ, nguyên nhân là do người ta nghĩ rằng bà em giàu có trong cái làng mà bà sẽ lui về sống với người chồng thứ hai của bà... Đấy, bà em ơi, tùy bà hoặc ra tay hành động hoặc đừng làm gì cả.

Sự cuồng nhiệt bên trong vừa đốt lên những ngọn đuốc sáng trong cặp mắt trũng sâu của cái bộ xương bẻ ngoài hết sức lạnh lùng ấy, ngừng hẳn lại. Khi số tử vi đã được nói ra, bà Fontaine cảm thấy như bị chóng mặt và bà hoàn toàn giống như những người mộng du khi được đánh thức dậy, bà nhìn tất cả với vẻ ngạc nhiên rồi nhận ra mộ Cibot và dường như kinh ngạc thấy mộ này đang tỏ ra kinh sợ hiện trên nét mặt.

– Này, bà em ơi! – Bà nói với một giọng hoàn toàn khác giọng bà vừa nói khi tiên đoán tương lai – Bà em hài lòng rồi chứ?

Mộ Cibot nhìn bà phù thủy với vẻ ngậy dại và không sao trả lời được.

– À, em muốn đánh to kia mà! Ta đã đối xử với em như với người quen cũ. Đưa cho ta một trăm phơ-răng đây, chỉ có điều...

– Cibot, chết à? – Mộ gác cổng kêu lên.

– Ta đã nói với bà em những điều quá khủng khiếp ư? – Bà Fontaine hỏi rất thật thà.

– Vâng! – Mộ Cibot vừa nói vừa rút ở túi ra một trăm phơ-răng và đặt ở cạnh bàn – Em chết vì bị sát hại!

– Ô, thế đấy, bà em muốn đánh to mà!... Nhưng em hãy khuấy khóa đi, tất cả những người bị sát hại trong những quân bài không chết đâu.

– Nhưng có thể thế được không, hả bà Fontaine?

– À, bà em ơi, ta chẳng biết thế nào được! Em đã muốn gõ cửa tương lai, thì ta đã kéo sợi dây giữ cửa, thế thôi và ngài đã đến!

– Ai cơ? Ngài nào? – Mụ Cibot hỏi.

– O hay! Thân linh mà! Sao? – Bà phù thủy sốt ruột đáp.

– Chào bà, bà Fontaine! – Mụ gác cổng thốt lên – Em không biết đánh lớn, bà làm em sợ quá, đấy!...

– Bà cụ không nhập vào trạng thái này đến hai lần trong một tháng đâu! – Mụ dầy tớ nói khi đưa mụ gác cổng đến tận chỗ đầu cầu thang – Bà cụ đến chết mất, vì việc ấy làm cho bà cụ mệt lử. Bà cụ sẽ ăn mấy miếng sườn rồi đi ngủ liền trong ba giờ đồng hồ...

Ở ngoài phố, trong khi chân bước đi, mụ Cibot làm cái điều mà những người đi xem bói vẫn làm dù là bói bất cứ chuyện gì. Mụ tin vào những điều tiên đoán tốt đẹp và nghi ngờ những điều tiên đoán chẳng lành. Ngày hôm sau, quyết định dứt khoát, mụ định tiến hành mọi điều để làm giàu bằng cách có được một phần của Bảo tàng Pons. Cho nên, trong một thời gian, mụ không có một ý nghĩ nào khác ngoài việc trừ tính những cách để thành công. Cái hiện tượng được giải thích trên đây – hiện tượng tập trung những sức mạnh tinh thần ở tất cả những con người thô lỗ, do họ không tiêu hao những năng lực trí tuệ của họ mỗi ngày một chút như những người trong xã hội thượng lưu, nên thấy những năng lực ấy hết sức lớn lao và mãnh liệt vào lúc thứ vũ khí đáng sợ được gọi là quyết ý kia đang diễn ra trong tâm trí họ – hiện tượng ấy biểu lộ ở mụ Cibot với mức độ cao. Cũng như quyết ý sinh ra những điều huyền diệu của suy nghĩ lan man và những điều huyền diệu của tình cảm, mụ gác cổng này, được lòng tham nâng đỡ, trở nên cũng mạnh mẽ như một

Nucingen ở trong tình thế tuyệt vọng, cũng hóm hỉnh dưới vẻ ngu ngốc như gã La Palférine quỵn rũ.

Mấy ngày sau, vào khoảng bảy giờ sáng, khi thấy Rémonencq đang bận mở cửa hàng, mục yếu điệu đi tới.

– Làm thế nào để biết sự thật về giá trị của những thứ chất đống trong nhà các ông chủ tôi nhỉ? – Mục hỏi gã.

– À, dễ thôi. – Gã buôn đồ cổ đáp trong thứ tiếng khó hiểu ghê gớm mà chẳng cần phải thể hiện ra đây để cho câu chuyện được sáng sủa – Nếu bà xử sự thẳng thắn với tôi, tôi sẽ chỉ cho bà một người đánh giá, một người rất lương thiện biết giá trị của những bức tranh chỉ sai lệch hai xu...

– Ai thế?

– Cụ Magus, một người Do Thái chỉ còn làm ăn cho vui thôi.

Élie Magus – người mà tên tuổi đã quá quen biết trong *Tấn trò đời* nên chẳng cần phải nói về lão – đã rút lui khỏi công việc buôn bán những bức tranh và những đồ vật cổ, lão bắt chước cách xử sự của Pons chỉ khác lão là lái buôn, còn Pons là người tài tử. Những người đánh giá nổi tiếng, như Henry đã quá cố, các ông Pigeot và Moret, Thérét, Georges và Roëhn, tóm lại, những chuyên gia Bảo tàng, tất cả đều là con nít nếu đem sánh với Élie Magus là người đoán ra được một kiệt tác ẩn dưới lớp cấu bẩn tích tụ hàng trăm năm, người biết tất cả các trường phái và lối vẽ của mọi họa sĩ.

Lão Do Thái ấy từ Bordeaux đến Paris, đã rời bỏ việc buôn bán từ năm 1835, nhưng không từ bỏ vẻ bên ngoài khốn khổ mà lão giữ lại theo tập quán của số đông người Do Thái chính là vì cái nòi giống này quá trung thành với truyền thống của mình. Ở thời Trung Cổ, sự truy hại đã buộc người Do Thái phải ăn mặc rách rưới để tránh những ngờ vực, phải luôn phàn nàn, than vãn, kêu khổ kêu nghèo. Những sự cần thiết xưa kia, như thường lệ, đã trở thành một bản năng của dân tộc, một tật xấu riêng. Élie Magus mãi miết mua

và bán lại kim cương, buôn bán những bức tranh và những tấm ren, những đồ cổ quý hiếm và những đồ trắng men, những bức điêu khắc tinh tế và những đồ kim hoàn cổ, đã kiếm được một gia tài kếch xù không ai biết, cái gia tài do buôn bán mà có, cái công việc buôn bán đã trở nên hết sức lớn lao. Thật thế, con số những nhà buôn đã tăng lên gấp mười từ hai mươi năm nay ở Paris, cái thành phố mà tất cả những đồ cổ trên thế giới đều tụ họp về. Còn về những bức tranh, chúng chỉ được bán ở ba thành phố: Rome, Londres và Paris.

Élie Magus sống ở phố Chaussée des Minimes, phố nhỏ mà rộng dẫn tới quảng trường Royale, ở đây lão có một dinh thự cổ, mua với giá rẻ như bèo, như người ta thường nói, năm 1831. Công trình tráng lệ này có một trong những căn phòng xa hoa nhất trang hoàng từ thời Louis XV, vì đó vốn là dinh thự của Maulaincourt. Được ông chánh án có tiếng của tòa án Aides ấy xây nên, do vị trí của nó, tòa dinh thự này không bị tàn phá trong cách mạng. Nếu lão già Do Thái đi ngược lại luật Do Thái, quyết định trở thành chủ sở hữu, thì xin hãy tin rằng lão có những lý do của lão. Lão già, như tất cả chúng ta, cuối cùng đều có một cái thói kỳ cục đến mức điên cuồng. Dẫu rằng lão hà tiện cũng ngang với ông bạn Gobseck đã quá cố, lão mắc vào chứng chiêm ngưỡng các kiệt tác mà lão buôn bán, nhưng thị hiếu của lão càng ngày càng thuần khiết hơn, khó tính hơn, đã trở thành một trong những đam mê chỉ dành cho các bậc Vua chúa khi họ giàu có và yêu nghệ thuật. Giống như ông vua thứ hai của nước Phổ chỉ say mê vệ binh nào cao tới sáu bộ, và bỏ ra những món tiền khổng lồ để có thể thu nạp anh ta vào cái bảo tàng sống gồm các vệ binh của mình, lão buôn đồ cũ đã nghỉ làm ăn chỉ đam mê những bức tranh không chệ vào đâu được, vẫn nguyên như bậc thầy đã vẽ nên, và thuộc vào hạng nhất trong tác phẩm. Bởi thế Élie Magus không vắng mặt buổi nào trong những cuộc mua bán lớn, lão mò đến tất cả các chợ, lão đi khắp châu Âu. Tâm hồn ấy hiển cho lợi lộc, lạnh như một tảng băng, sôi nổi lên khi trông thấy một kiệt tác, hết như một kẻ phóng đảng, chán đàn bà, xúc động trước một cô gái hoàn hảo và mãi mê kiếm tìm những

nhân sắc không tì vết. Lão Don Juan của tranh vẽ ấy, kẻ phụng thờ lý tưởng ấy, tìm được trong sự chiêm ngưỡng này những lạc thú cao hơn lạc thú của anh keo kiệt chiêm ngưỡng vàng. Lão sống trong một hậu cung gồm những bức tranh đẹp!

Những kiệt tác ấy được ở như con các ông hoàng, chiếm toàn bộ tầng một của tòa dinh thự mà Élie Magus đã cho tu bổ thật lộng lẫy. Ở cửa sổ, những tấm gấm thêu kim tuyến đẹp nhất của Venise treo lên làm rèm. Trên sàn trải rộng những tấm thảm đẹp nhất của Savonnerie. Những bức tranh, chừng một trăm bức, lồng trong những cái khung rực rỡ nhất, thếp vàng toàn bộ một cách tinh xảo do người thợ thếp vàng duy nhất của Paris mà Élie cho là cẩn thận, tên là Servais mà lão Do Thái đã dạy cho cách mạ bằng vàng Anh, thứ vàng còn tốt hơn rất nhiều so với vàng của những người thợ dát vàng Pháp. Servais, trong nghệ thuật mạ vàng, cũng như Thouvenin trong nghề đóng sách, là một nghệ sĩ mê say những tác phẩm của mình. Các cửa sổ căn hộ ấy được những cánh cửa bọc tôn bảo vệ. Élie Magus ở hai phòng áp mái trên tầng hai, bày biện sơ sài, nhà đầy những quần áo rách và có mùi Do Thái, vì lão vẫn sống như trước đây đã sống.

Tầng dưới, toàn bộ đã chật ních những bức tranh mà lão Do Thái vẫn thường buôn bán, chật ních những cái hòm chở từ nước ngoài về, là một cái xưởng to, nơi hầu như chỉ duy nhất có Moret làm việc cho lão, người khéo tay nhất trong số những người phục chế tranh, một trong những người mà nhà Bảo tàng lẽ ra phải thuê. Ở đây còn có căn phòng của con gái lão, kết quả tuổi già của lão, một cô Do Thái, đẹp như mọi cô Do Thái khi mẫu người châu Á hiện ra thuần khiết và cao quý ở họ. Noémi, được hai cô hầu cường tín và Do Thái bảo vệ, có Abramko là người Do Thái Ba Lan trấn giữ vòng ngoài, anh này vì một sự ngẫu nhiên khó tin, bị liên lụy trong những sự kiện ở Ba Lan, được Élie Magus cứu nhằm lợi dụng. Abramko, người gác cổng cho tòa dinh thự câm lạng, ảm đạm và hoang vắng này, ở trong phòng gác cổng được trang bị ba con chó

dữ đặc biệt, một con giống từ Terre – Neuve, một con nòi Pyrénées, con thứ ba gốc Anh và nòi bundóc.

Ta thấy rõ do đâu mà lão Do Thái hết sức an toàn – lão đi đây đi đó không sợ hãi, lão yên tâm mà ngủ say, không sợ một sự xâm phạm nào đến con gái lão, cái kho tàng thứ nhất của lão, đến các bức tranh của lão, đến vàng của lão. Abramko nhận hằng năm hai trăm phơ-răng nhiều hơn năm trước và không được nhận gì thêm nữa khi Magus chết, được Magus dạy cách cho vay nặng lãi ở trong phường. Abramko không bao giờ mở cửa đón ai mà không nhìn qua một cái cửa con có lưới sắt, rất vững chắc. Gã canh cổng khỏe như vâm, tôn thờ Magus như Sancho Pança tôn thờ Don Quichotte. Các con chó bị nhốt ban ngày, chẳng được ăn gì; nhưng ban đêm, được Abramko thả ra, và lão già Do Thái đã tính toán quỹ quyết bắt một con phải ở ngoài vườn, dưới chân một cái cột có treo cao một miếng thịt, con nữa thì ở ngoài sân, dưới chân một cái cột tương tự, còn con thứ ba thì ở trong căn phòng lớn của tầng dưới. Các bạn hiểu rằng do bản năng, những con chó đã giữ nhà, bản thân chúng lại còn bị cái đói canh giữ; chúng chẳng khi nào rời chỗ của chúng ở dưới chân cột có treo thịt dù là để chạy theo một ả chó cái xinh đẹp nhất; chúng sẽ chẳng rời xa ra để đi đánh hơi bất cứ một cái gì. Nếu một kẻ lạ mặt xuất hiện thì cả ba con chó đều tưởng rằng hẳn định lấy thức ăn của chúng, thứ thức ăn chỉ được hạ xuống vào buổi sáng khi Abramko thức dậy. Cái mưu chước quỷ quái ấy có lợi vô cùng. Chó không bao giờ sửa, thiên tài của Magus đã nâng chúng lên hàng chó Hoang, chúng trở lên nham hiểm như những người Mohicans. Và đây là điều đã xảy ra. Một hôm, bọn bắt lương thấy yên tĩnh như thế nên táo gan, tưởng có thể dễ dàng *súc* cái kết của lão Do Thái ấy. Một tên trong bọn họ được chỉ định là kẻ xông vào đầu tiên, trèo qua tường của khu vườn và định nhảy xuống; con bundóc để yên cho hắn làm vì nó đã nghe thấy hết; nhưng khi chân của cái thằng cha kia vừa tới tầm mõm nó, nó dớp gọn và chén luôn. Tên trộm còn có can đảm lại vượt qua tường, hẳn bước đi trên xương ống chân cho đến lúc hắn lăn ra bất tỉnh trên tay đồng bọn, và chúng mang hắn

đi. Cái tin vật Paris ấy, vì tờ *Pháp đình báo* không quên kể lại mẩu chuyện thú vị này của những đêm Paris, được xem là chuyện bịa.

Magus bấy giờ đã bảy mươi năm tuổi, còn có thể sống đến trăm tuổi. Giàu có, nhưng lão sống như anh em nhà Rémonencq vẫn sống. Ba nghìn phơ-răng, bao gồm trong đó cả tiền đài thọ cho con gái, đài thọ cho mọi khoản chi tiêu. Không một cuộc sống nào lại đều đặn hơn cuộc sống của lão già. Dậy từ lúc trời bắt đầu sáng, lão ăn bánh phết tỏi; bữa điểm tâm đưa lão đến tận giờ ăn trưa. Bữa trưa thanh đạm như của người tu sĩ, ăn trong gia đình. Giữa lúc thức dậy và lúc giữa trưa, lão gàn dưng thời gian để đi lại trong phòng rực sáng những kiệt tác. Lão phủ bụi tất cả, những đồ đạc và những bức tranh, lão ngắm nghía không biết mệt; rồi lão xuống phòng con gái, ngây ngất với hạnh phúc của những người làm cha và lão đi nơi này nơi khác khắp Paris, ở đây lão coi ngó việc bán hàng, đến những chỗ trưng bày, v.v... Khi có kiệt tác hợp với ý lão, thì cuộc sống của con người này náo nhiệt lên; lão phải sắp xếp một vở, lão phải tiến hành một vụ, lão phải thắng một trận Marengo. Lão chồng chất mưu mô này lên mưu mô khác để có một nữ chúa mới với giá rẻ. Magus có một tấm bản đồ châu Âu, trong đó những kiệt tác đều được đánh dấu, và lão giao cho những người đồng đạo ở mỗi nơi nhiệm vụ dò la công việc thay cho lão, có kèm một món tiền thưởng. Nhưng lão cũng được đền bù ghê gớm cho bấy nhiêu công sức chăm lo!...

Hai bức tranh của Raphaël bị mất và tìm lại được với biết bao kiên nhẫn của các nhà Raphaël học, Magus nắm được cả trong tay! Lão nắm được bản gốc của bức vẽ người tình nhân của Giorgione, người phụ nữ mà nhà họa sĩ đã chết vì cô ta và những bức được coi là nguyên bản đều là các bản sao của bức vẽ trứ danh ấy, bức vẽ đáng giá năm trăm nghìn phơ-răng theo sự đánh giá của Magus. Lão Do Thái này giữ kiệt tác của Titien: *Chúa Cơ đốc được đưa xuống huyệt*, tranh vẽ cho Charles – Quint, bức tranh được bậc vĩ nhân gửi đến cho Đại đế, kèm theo một bức thư hoàn toàn do tay Titien viết, và bức thư này được dán ở phía dưới bức tranh. Lão còn có bản gốc

cũng của họa sĩ này, phác thảo ban đầu những bức chân dung Philippe II. Tất cả chín mươi bảy bức tranh khác đều tuyệt tác và độc đáo như thế. Cho nên Magus coi khinh cái bảo tàng của chúng ta đang bị mặt trời hủy hoại bằng cách gặm mòn những bức tranh đẹp nhất khi chiếu qua những cửa kính có tác dụng ngang với thấu kính. Những phòng trưng bày tranh chỉ có thể được trần nhà chiếu sáng thôi. Magus chính tay đóng và mở những cửa sổ bảo tàng của lão, hết sức chăm sóc, thận trọng đối với các bức tranh cũng như đối với con gái – một thần tượng khác của lão. Ôi! Lão già mê tranh biết rõ quy luật của hội họa đến nhường nào! Theo như lão, những kiệt tác có một đời sống riêng, chúng thay đổi hàng ngày, vẻ đẹp của chúng tùy thuộc ở ánh sáng tô vẽ lên chúng, lão nói về chúng như những người Hà Lan xưa nói về hoa tulíp, và lão đến ngắm bức tranh nào đó vào thời điểm kiệt tác rực rỡ nhất, khi thời tiết sáng và trong.

Lão già bé nhỏ ấy – thật là một bức tranh sống giữa những bức tranh bất động kia – mặc một chiếc rodanhgốt nhỏ tồi tàn, một chiếc gilê bằng lụa đã mười năm tuổi, một chiếc quần cẩu ghét, đầu hói, mặt hốc hác, bộ râu luôn luôn động đậy chìa ra những sợi bạc, chiếc cằm vể đê dọa và nhọn hoắt, cái mồm rưng hết răng, mắt long lanh như mắt những con chó của lão, bàn tay gầy guộc và xương xẩu, cái mũi nhọn hình tháp, da dẻ sần sùi và lạnh – mỉm cười với những sáng tạo đẹp đẽ của thiên tài! Một lão Do Thái, ở giữa ba triệu, sẽ luôn luôn là một trong những kỳ quan đẹp nhất mà loài người có thể phô ra. Robert Médal, diễn viên lớn của chúng ta, dẫu tuyệt vời đến đâu chẳng nữa, cũng không thể vươn tới chất thơ ấy được. Paris, thành phố chứa đựng những người kỳ quặc nhất thuộc loại ấy, mang trong tim một tôn giáo. *Những người kỳ quặc* của Luân Đôn cuối cùng tôn thờ mãi rồi họ cũng chán cũng như họ chán sống; trong khi ở Paris những người mắc chứng cuồng lại sống với cái ngông của họ trong niềm vui vợ lẽ nàng hầu về tinh thần. Các bạn thường gặp ở đây những Pons, những E. Magus ăn mặc rất thảm hại, mũi như mũi viên thư ký vĩnh viễn của Viện hàn lâm Pháp, quay về

hướng Tây! Có vẻ như chẳng chú ý điều gì, chẳng cảm thấy gì, chẳng quan tâm chút nào đến phụ nữ, đến các cửa hàng, đi có thể nói là không có chủ định, túi rỗng không, dường như mất trí, và các bạn thắc mắc chẳng hiểu họ có thể thuộc hạng người nào ở Paris. Đây, những người ấy là các triệu phú, các nhà sưu tập, những người đam mê nhất trên thế gian này, những người có thể dấn sâu vào những địa hạt lầy lội của tòa án tiểu hình để chiếm lấy một cái chén, một bức tranh, một đồng tiền hiếm có, như Élie Magus một ngày nào đấy đã làm ở nước Đức.

Đây là chuyên gia mà Rémonencq đã bí mật dẫn mộ Cibot đến. Rémonencq lần nào cũng hỏi ý kiến Élie Magus mỗi khi gặp lão trên đường. Đã nhiều lần, lão Do Thái bảo Ambrako cho gã trước làm nghề môi giới ấy vay tiền, vì lão biết rõ tính trung thực của gã. Phố Chaussée des Minimes chỉ cách phố Normandie có hai bước chân, và chỉ mười phút là hai kẻ đang mưu mô với nhau tới nơi.

– Bà sẽ gặp, -- Rémonencq bảo mộ – người giàu có nhất trong số những tay buôn bán Đồ cổ ngày trước, người sành sỏi nhất ở Paris...

Mộ Cibot thật sững sốt khi đứng trước một lão già nhỏ nhắn mặc một chiếc áo choàng chẳng đáng được đưa cho Cibot vá, kẻ đang theo dõi người phục chế của lão, một họa sĩ đảm nhận việc sửa chữa các bức tranh trong một căn phòng lạnh lẽo của cái tầng dưới rộng rãi kia; rồi khi đón nhận cái nhìn đầy vẻ hiểm ác lạnh lùng như mắt mèo, mộ rừng mình.

– Ông muốn gì thế, ông Rémonencq? – Lão hỏi.

– Vấn đề đánh giá các bức tranh. Ở Paris, chỉ có cụ là có thể bảo một gã bán xanh chảo nghèo nàn như tôi nên trả bao nhiêu tiền, khi gã không có tiền nghìn bạc vụn như cụ!...

– Ở đâu thế? – Élie Magus hỏi.

– Đây là bà gác cổng, trông nom công việc nội trợ cho ông chủ; tôi đã thu xếp với bà ấy...

– Tên người chủ sở hữu là gì?

– Ông Pons! – Mụ Cibot nói.

– Tôi không biết ông ta. – Magus vừa làm ra vẻ ngây thơ trả lời vừa giẫm nhẹ lên chân người phục chế của lão.

Moret, người họa sĩ ấy, biết giá trị của Bảo tàng Pons, liền ngẩng phắt đầu lên. Cái ngón ấy chỉ có thể liều với Rémonencq và mụ Cibot được thôi. Lão Do Tháii thâm đánh giá mụ gác cổng kia bằng cái nhìn như cái cân của một người cân vàng. Người này và người kia ắt đều không biết rằng lão Pons và Magus đã thường xuyên đo các móng vuốt. Thật thế, hai kẻ tài tử hung dữ đều dó kị với nhau. Cho nên trong thâm tâm lão Do Tháii già như vừa lóc lên một ánh chớp chói lòa. Chưa bao giờ lão hy vọng có thể thâm nhập một chốn thâm cung được canh giữ cẩn thận như thế. Bảo tàng Pons là bảo tàng duy nhất ở Paris có thể cạnh tranh được với bảo tàng Magus. Lão Do Tháii, muộn hơn Pons hai mươi năm, cũng có ý nghĩ như thế, nhưng với tư cách nhà buôn – tài tử của lão, thì Bảo tàng Pons vẫn còn bí ẩn đối với lão, cũng như đối với Dússommerard. Pons và Magus trong thâm tâm đều có cùng một sự ghen ghét. Cả hai đều không thích cái tiếng tăm mà những người nắm các phòng trưng bày vẫn thường tìm kiếm. Có thể ngắm nghía được bộ sưu tập tráng lệ của lão nhạc sĩ nghèo, đối với Élie Magus, đó là niềm hạnh phúc cũng như hạnh phúc của một kẻ ham thích phụ nữ lên được vào phòng khách của một nàng tình nhân xinh đẹp mà bạn hấn vẫn giấu hấn. Niềm kính trọng lớn lao của Rémonencq đối với nhân vật kỳ lạ ấy và uy thế mà bất cứ quyền lực thực tế nào cũng gây nên dù là bí ẩn, khiến cho mụ gác cổng trở nên tuân phục và mềm mỏng. Mụ Cibot mất đi cái giọng chuyên chế thường dùng ở nhà đối với những người ở thuê và hai ông chủ, mụ chấp nhận những điều kiện của Magus và hứa sẽ đưa lão vào Bảo tàng Pons, ngay ngày hôm ấy. Đây là dẫn kẻ địch vào tận trung tâm hiện trường, đâm một nhát dao vào trái tim Pons là người, từ mười năm nay vẫn cấm mụ Cibot để cho bất cứ ai vào nhà mình, người luôn luôn mang theo mình các

chìa khoá, người mà mục Cibot vẫn vâng lời, chừng nào mục còn nghĩ như Schmucke đó chỉ là những đồ linh tinh. Thực thế, lão Schmucke tốt bụng, coi những đồ vật giá trị kia là *tổ phạt fãnh* và phân nản cho thói kỳ cục của Pons, đã khắc sâu vào trí não mục gác cổng sự khinh bỉ đối với những đồ cổ lỗ ấy và đã bảo đảm cho Bảo tàng Pons không hề bị xâm nhập trong thời gian rất dài.

Từ khi Pons phải nằm một chỗ, Schmucke thay bạn ở nhà hát và trong các ký túc xá. Lão người Đức tội nghiệp chỉ được gặp bạn lúc sáng sớm và lúc ăn trưa, cố gắng đáp ứng đủ và giữ lấy đám khách hàng chung; nhưng mọi sức lực của lão đều bị hút vào công việc ấy, vì nỗi đau đớn đè nặng lên lão. Khi trông thấy con người đáng thương ấy rầu rĩ quá, các cô học sinh và những người ở nhà hát – tất cả đều đã được lão cho biết về bệnh tình của Pons – hỏi thăm tin tức về Pons và vẻ buồn của nhạc công piano lớn đến nỗi những kẻ đứng dung cũng phải làm ra vẻ thông cảm với lão, như ở Paris người ta làm ra vẻ cảm thông với những thảm họa lớn nhất. Bản thân căn nguyên của sự sống ở lão người Đức tốt bụng cũng bị xâm hại như ở Pons. Schmucke vừa đau nỗi đau riêng vừa đau căn bệnh của bạn. Cho nên, lão nói về Pons đến một nửa thời gian giảng bài của lão; lão đang giảng bài bỗng dừng ngay lại một cách hồn nhiên và bản khoán không biết ông bạn của lão lúc này ra sao, đến nỗi cô nữ sinh trẻ tuổi nghe lão giải thích về căn bệnh của Pons. Giữa hai bài giảng, lão chạy ào đến phố Normandie để thăm Pons trong mười lăm phút. Sợ hãi vì cạn tiền, lại thêm hốt hoảng vì mục Cibot từ nửa tháng nay, cứ ra sức thổi phồng những khoản chi tiêu chữa bệnh, ông giáo sư pianô cảm thấy những nỗi lo lắng được đánh át bằng lòng dũng cảm tưởng như không bao giờ có được. Lần đầu tiên trong đời, lão muốn kiếm tiền để nhà không phải thiếu tiền. Khi một cô học trò thật sự xúc động về tình cảnh của hai người bạn, hỏi Schmucke là làm thế nào lão có thể để Pons nằm một mình được, thì với nụ cười cao cả của những kẻ bị lừa phỉnh, lão đáp: – *Thưa cô, chúng tui có pà Zipod rồi! Một kho báu tấy! Một fin ngọc quý tấy! Ung Bons tước sẵn sóc như một ung hoàng áy!* Và chẳng, ngay

khi Schmucke chạy long tong trên các phố, thì mẹ Cibot thành bà chủ của căn phòng và của người ốm. Đã không ăn gì từ nửa tháng nay, nằm dài hết hơi, đến mức mẹ Cibot phải tự tay nâng dậy và đặt ngồi trong một cái ghế bành để dọn giường, Pons làm sao có thể để mắt đến cái kẻ gọi là thân bản mệnh ấy được? Tất nhiên là mẹ Cibot đến nhà Élie Magus trong thời gian Schmucke ăn sáng.

Mẹ trở về lúc lão người Đức tạm biệt người ốm; vì từ lúc phát hiện ra cái tài sản có thể có của Pons, mẹ Cibot không rời kẻ độc thân ra nữa, mẹ áp ủ lấy ông ta! Mẹ ngồi lút vào một cái ghế bành tốt, ở phía chân giường, và để giải khuây cho Pons, mẹ kể những câu chuyện ngời lè đôi mách mà những loại đàn bà này rất thạo. Trở nên ngọt ngào đầu lưỡi, dịu dàng, chăm chú, lo âu, mẹ cấm chốt trong đầu óc ông Pons với một sự khéo léo đầy thủ đoạn như ta sắp thấy. Lo sợ vì lời tiên đoán của ván bài lớn ở nhà bà Fontaine, mẹ Cibot tự hứa là sẽ quyết đi tới thành công bằng những cách thức nhẹ nhàng, bằng một sự gian ác có tính chất thuần túy tinh thần, sao cho được ghi tên trong bản di chúc của ông chủ. Trong mười năm trời không hiểu biết giá trị của Bảo tàng Pons, mẹ Cibot thấy mười năm gấn bó, trung thực, vô tư trước mặt, và mẹ dự định hưởng trước cái giá trị tuyệt vời kia. Từ ngày bằng một lời nói vàng ngọc, Rémonencq làm nở ra trong tim mẹ đàn bà ấy một con rắn trước đây vẫn nấu mình trong vỏ trứng suốt hai mươi nhăm năm – nổi thèm muốn được giàu có – thì con người ấy đã nuôi con rắn bằng tất cả những chất men xấu xa phủ kín đáy các con tim, và ta sẽ thấy mẹ thực hiện những lời khuyên do con rắn huyết lên bên tai mẹ như thế nào.

– Này! Vị thiên thần của chúng ta, ông ấy có uống đấy chứ? Ông ấy có khá hơn không? – Mẹ hỏi Schmucke.

– *Khung tốt, pà Zibod thân mến ạ, khung tốt.* – Lão người Đức vừa trả lời vừa lau một giọt nước mắt.

– Chà, ông cũng lo sợ quá đấy, ông chủ thân mến ơi, thôi thì đành có sao chịu vậy... Giá ông Cibot nhà tôi có chết, tôi cũng

không đau buồn đến như ông đâu. Chà! Vị thiên thần của chúng ta có một thể tạng tốt. Thêm nữa, ông thấy không, hình như ông ấy rất tiết độ! Ông không biết rằng những người tiết độ sống lâu như thế nào đâu! Ông ấy ốm nặng lắm, đúng thế, nhưng với sự chăm sóc của tôi, tôi sẽ cứu được ông ấy. Hãy yên tâm, ông cứ đi làm việc đi, tôi sẽ ở bên ông ấy và cho ông ấy uống nước đại mạch.

– *Khung có pà, tui tén chết fì lo lắng...* – Schmucke vừa nói vừa nắm chặt bàn tay bà nội trợ tốt bụng với một cử chỉ tin cậy.

Mụ Cibot vào phòng Pons, vừa đi vừa lau nước mắt.

– Bà làm sao thế, bà Cibot? – Pons hỏi.

– Ông Schmucke đã làm tôi thần thờ cả người, ông ấy khóc ông như thể ông đã chết rồi! – Mụ nói – Dù ông có không được khỏe, thì ông cũng chưa nguy đến nỗi người ta phải khóc ông; nhưng điều đó tác động đến tôi mới ghê chứ! Chúa ơi, sao tôi lại ngu ngốc đi yêu mến mọi người đến thế và gắn bó với ông còn hơn là với Cibot! Vì cuối cùng thì ông cũng chẳng là gì với tôi cả, chúng ta chỉ là bà con vì người phụ nữ đầu tiên thôi. Nay, tôi cuống cả lên chỉ vì là ông thôi, lời nói danh dự đấy! Tôi sẽ chặt ngay bàn tay tôi – bàn tay trái, tất nhiên – trước mặt ông để được thấy ông đi lại, ăn uống và để xoáy của bọn lái buôn như thường lệ. Nếu tôi có một đứa con, thì tôi nghĩ rằng tôi sẽ yêu nó cũng như tôi yêu ông. Thế đấy! Uống đi ông, nào ngoan, nào, một cốc đây vào! Ông có muốn uống không, thưa ông? Trước hết, ông Poulain đã bảo: – Nếu không muốn đến nghĩa trang Père – Lachaise thì ông Pons phải uống mỗi ngày một lượng nước bằng lượng nước do một gã Auvergne bán. Cho nên, uống đi, nào!...

– Thì tôi uống, bà Cibot tốt bụng ạ..., uống nhiều đến nỗi trương cả bụng lên...

– Đấy, được rồi! – Mụ gác cổng vừa nói vừa cầm cái cốc rỗng không – Ông sẽ tự cứu mình như thế này! Ông Poulain có một bệnh nhân như ông, chẳng có được sự chăm sóc nào, con cái thì bỏ rơi,

và ông ta chết vì cái bệnh ấy, vì không được uống!... Nên phải uống, ông thấy không, ông ơi!... Ông ta đã được đem chôn hai tháng nay rồi... Ông nên biết rằng nếu ông chết, ông chủ thân yêu ạ, thì ông sẽ lười theo ông cả ông lão Schmucke nữa đấy!... Ông ấy cứ như một đứa trẻ ấy thôi, lời nói danh dự đấy! Ôi, ông ấy yêu ông biết chừng nào, cái con người thân yêu hiền như cừ non ấy! Không, không bao giờ một người đàn bà lại yêu một người đàn ông như thế!... Ông ấy bỏ cả ăn cả uống; từ mười lăm hôm nay, ông ấy gầy xẹp đi cũng như ông, chỉ còn da với xương... Điều đó khiến tôi đâm ghen đấy, vì tôi gắn bó với ông biết mấy, nhưng tôi không đến nỗi thế... Tôi không chán ăn chán uống, ngược lại thì có! Buộc phải đi lên đi xuống không ngừng các tầng gác, tôi mỏi cả chân, đến nỗi đến tối, tôi quy xuống như một tảng chì. Đấy chẳng phải là tôi chênh mảng với Cibot đáng thương của tôi vì ông hay sao, chẳng phải là cô Rémonencq phải làm cái ăn cho ông ấy, chẳng phải là ông ấy cầu nhàu với tôi vì tất cả mọi thứ đều không ngon hay sao? Lúc ấy, tôi bảo ông ấy là phải biết chịu đựng vì người khác, là ông đã quá yếu nên không thể rời ông ra được... Trước hết, ông chưa được khỏe để khỏi cần một người trông nom! Chẳng bao giờ tôi cho phép một mụ trông nom vào đây, tôi là người đã lo chuyện ăn mặc, dọn dẹp nhà cửa, việc nội trợ cho các ông từ mười năm nay... Rồi mớm với miệng, họ ăn bằng mười người, họ đòi uống rượu, ăn đường, muốn có những cái lồng ấp chân, những tiện nghi... Rồi họ ăn cắp của người ốm khi người ốm không đưa họ vào di chúc... Đưa một người trông nom vào đây cho ngày hôm nay, thì ngày mai ta sẽ thấy một bức tranh, một vật gì đó thiếu đi mất...

– Ôi, bà Cibot ơi, – Pons phát khùng kêu lên – bà đừng bỏ tôi!... Không ai được đụng đến gì hết!...

– Tôi đây! – Mụ Cibot nói – Chừng nào tôi còn có sức thì tôi vẫn còn ở đây... Hãy yên tâm! Ông Poulain có lẽ đã để mắt đến cái kho báu của ông, nên dĩ nhiên muốn đưa đến cho ông một mụ trông nom!... Tôi đã vì ông mà xạc cho ông ấy một trận ra trò! “Chỉ

có tôi – Tôi đã bảo ông ấy thế – là ông chủ muốn chọn. Ông ấy đã quen tính nết tôi cũng như tôi đã quen tính nết ông ấy”. Và ông ta im ngay. Nhưng một mục trông nom thì cũng là bọn ăn cắp cả. Tôi ghít những mục đàn bà ấy... Ông sẽ thấy họ mảnh khỏe đến thế nào! Đây, có một ông già... Xin chú ý rằng đây là ông Poulain đã kể với tôi như vậy... Vậy thì một mục Sabatier, một phụ nữ ba mươi sáu tuổi, nguyên là lái la ở Tòa án – ông biết rõ cái nhà dài có mái che là nơi buôn bán mà người ta đã phá hủy ở Tòa án...

Pons ra hiệu khẳng định.

– Vâng, mục đàn bà ấy, lúc ấy, lục đục trong quan hệ với chồng là người đã nốc sạch cả và đã đột tử vì uống, nhưng nói cho đúng mục ấy là một phụ nữ xinh đẹp, song điều đó không có lợi gì cho mục ấy dù rằng theo dư luận, mục có bạn tình là các luật sư. Vậy nên, trong tình trạng khốn quẫn, mục nhận trông nom những bà đẻ, và mị trú tại phố Barre – du – Bec. Mục ấy nhtế là trông nom ông già là người, xin ông thứ lỗi cho, có bệnh rò liệu đã được thông như một cái giếng phun, ông ta muốn được trông nom cẩn thận đến mức mục kia phải ngủ trên một cái giường đai vải trong phòng của ông ta. Thật là khung thể tưởng tượng được, những chuyện như thế! Nhưng ông sẽ nói với tôi: đàn ông ấy à, họ chẳng nề nang gì, vì họ đều là những kẻ ích kỷ cả mà! Rồi thế là, trong khi trò chuyện với ông ta, ông hiểu cho là mục luôn luôn ngồi đấy, mục làm cho ông ta vui thích, mục kể chuyện, mục làm cho ông ta cũng nói huyền thuyên như chúng ta ở đây, đúng không, cả hai đều nói huyền thuyên... Mục ấy được biết rằng các cháu ông ta – người ốm có các cháu mà – là những quái vật, rằng chúng làm ông ta đau buồn và cuối cùng, bệnh là do những đứa cháu ấy đưa đến. Thế đấy, ông chủ thân mến ơi, mục đã cứu sống ông ta, mục thành vợ ông ta và họ có một đứa con kháu lấm mà bà Bordevin, bán thịt ở phố Charlot, họ hàng của bà ấy, làm mẹ đỡ đầu... Thật là cơ hội may mắn! Tôi, tôi đã có chồng!... Nhưng tôi không có con, và tôi có thể nói đây là lỗi của Cibot, người quá yêu tôi; vì nếu tôi muốn... Đủ rồi. Dẫu chúng tôi đã thành gia thất,

tôi và ông Cibot, chúng tôi vẫn chẳng có một đồng một chữ nào nsau ba mươi năm sống trung thực, ông chủ thân yêu ạ! Nhưng điều an ủi tôi là tôi không lấy một đồng xềng nào trong cửa cái của người khác, không bao giờ tôi làm hại ai... Nay, ngĩa định rằng – có thể nói thế, vì sáu tuần lễ nữa, ông sẽ khỏe mạnh, đi la cà ngoài phố; ngĩa định rằng ông đưa tôi vào chúc thư của ông; này, tôi sẽ không ngừng đi tìm những người thừa kế của ông để trả lại họ... Chính vì tôi rất sợ những cửa cái không do mồ hôi nước mắt của mình làm ra. Ông sẽ bảo tôi: “Nhưng bà Cibot này, đừng tự giày vò mình như thế, bà đã kiếm đồng tiền lương thiện, bà đã trông nom các ông ấy như con cái mình, bà đã tiết kiệm cho họ nghìn phơ-răng mỗi năm...”. Vì ở địa vị tôi, ông biết không thừa ông, có nhiều bà nấu bếp đã có mười nghìn phơ-răng tiền gửi để sinh lợi. “Cũng là công bằng thôi, nếu ông chủ đáng kính ấy để lại cho bà một món lợi tức hưởng đến trọn đời nho nhỏ!...”, giả định có người bảo tôi thế. Nhưng không, tôi là người vô tư... Tôi không biết làm sao lại có những người đàn bà làm điều thiện chỉ vì có lợi... Đây không còn là làm điều thiện nữa, phải không ông? Tôi không đi nhà thờ, tôi ấy! Tôi không có thì giờ; nhưng lương tâm của tôi mách bảo tôi điều gì là tốt... Đừng động dấy như thế, ông yêu ông quý ơi!... Đừng gãi nữa! Chúa ơi, ông vàng đi kìa! Vàng đến nhọt đi... Kỳ quặc chưa khi mới có hai mươi ngày, mà đã vàng như nghệ!... Đức trung thực, đây là châu báu của dân nghèo vì phải có lấy một cái gì đấy chứ! Trước tiên, ông rồi cũng đi tới mãn đời mãn kiếp, giả dụ thế, tôi sẽ là người đầu tiên nói với ông rằng ông phải trao tất cả những gì thuộc về ông cho ông Schmucke. Đây là nhiệm vụ của ông, vì ông ấy, duy nhất ông ấy, là toàn bộ gia đình của ông! Ông ấy yêu quý ông như con chó yêu quý ông chủ của nó.

– À, phải! – Pons nói – Suốt đời tôi, tôi chỉ được ông ấy yêu thôi.

– Ôi, thưa ông, – Mụ Cibot nói – ông chẳng lịch sự tí nào, còn tôi nữa chứ! Thế ra tôi không yêu ông...

– Tôi không nói thế, bà Cibot thân mến ạ!

– Được! Phải chăng ông coi tôi như một mụ hầu phòng, một mụ nấu bếp bình thường, như thể tôi không có một *trái tim*! Ôi, Chúa ơi, cứ quần quật trong mười một năm qua vì hai ông già độc thân đi! Cứ chỉ bận tâm lo lắng đến cuộc sống của họ, đến nỗi tôi đã chạy vạy ở hàng chục nhà chị bán rau quả, bị họ nói té nói tát, để kiếm cho ông thứ pho mát ngon vùng Brie, tôi đã tới tận Halle để kiếm cho ông thứ bơ tươi và nhẹ chân nhẹ tay, suốt mười năm, tôi không làm vỡ một cái gì, làm sút mẻ một cái gì của ông đấy... Chăm chút như người mẹ đối với con cái! Và chỉ được nghe mỗi câu *bà Cibot thân mến* chứng tỏ rằng chẳng có một tình cảm nào dành cho mình trong trái tim của ông già được mình chăm nom như con vua, vì ông vua nhỏ ở Rome cũng chưa hề được coi sóc như ông!... Ông có muốn đánh cược rằng người ta đã không săn sóc ông vua nhỏ kia như ông? Bằng chứng là ông ta đã chết khi đang tuổi hoa niên... Này, ông ơi, ông không công bằng... Ông là một kẻ bội bạc! Vì tôi chỉ là một mụ gác cổng nghèo. Ôi, Chúa ơi, chính ông, ông cũng nghĩ rằng chúng tôi là những con chó...

– Nhưng, bà Cibot thân mến ơi...

– Vậy thì, vì ông là một người hiểu nhiều biết rộng, xin ông giải thích cho chúng tôi xem vì sao chúng tôi lại bị đối xử như thế, chúng tôi là những người gác cổng, người ta không tin ở tình cảm của chúng tôi, người ta chế nhạo chúng tôi trong một thời đại người ta nói đến bình đẳng!... Tôi, thế ra tôi không có giá trị bằng một phụ nữ khác! Tôi đã từng là một trong những phụ nữ đẹp nhất Paris, là người đã được mệnh danh là *cô nàng tách vỏ sò xinh đẹp* và tôi đã từng nhận những lời tỏ tình đến bảy, tám lần mỗi ngày... Và nếu tôi còn muốn! Này, ông ơi, ông biết rõ gã bán sắt vụn gày gò bé nhỏ đứng ở cửa chứ? Nếu tôi góa chồng, giả định thế, thì ông ấy sẽ nhắm mắt mà cưới tôi, vì ông ấy đã mở mắt nhìn tôi mãi rồi, suốt ngày ông ấy đã nói với tôi: “Ôi bà Cibot ơi, bà có những cánh tay đẹp biết bao! Đêm qua tôi mơ thấy đó là bánh, còn tôi là bơ, và tôi nằm áp lên trên!...”. Đây này, ông ơi, những cánh tay như thế này

đây!... – Mụ vén tay áo lên, phơi ra cánh tay đẹp nhất trần đời, bàn tay mụ đỏ và nhăn nheo bao nhiêu thì cánh tay ấy trắng trẻo, mỡ màng bấy nhiêu; một cánh tay mũm mĩm, tròn trịa, có những núm đồng tiền, rút ra từ trong chiếc áo len tầm thường, như một lưỡi dao rút ra khỏi vỏ, đã làm lóa mắt Pons, ông không dám nhìn vào đấy lâu. Và, – Mụ tiếp – chúng đã mở biết bao trái tim như con dao của tôi đã tách biết bao con sò! Này, đối với Cibot, tôi đã sai lầm hững hờ với con người thân yêu đáng thương ấy, hể tôi ra lệnh một tiếng là ông ấy sẽ nhảy ngay xuống vực, vì ông, thưa ông, người gọi tôi là *bà Cibot thân mến*, khi tôi sẽ vì ông mà làm bất cứ điều gì...

– Vậy bà hãy nghe tôi nói này, – Người ốm nói – tôi không thể gọi bà là mẹ tôi, cũng không thể gọi bà là vợ tôi được...

– Không, không bao giờ trong đời tôi, trong kiếp tôi còn gán bó với ai nữa!...

– Thì bà hãy để cho tôi nói đã nào! – Pons nói tiếp – Trước hết tôi nói về Schmucke.

– Ông Schmucke à? Một người có tâm hồn đấy! – Mụ nói – Này, ông ấy, ông ấy yêu tôi, vì ông ấy nghèo. Sự giàu có làm cho người ta dửng dưng, mà ông thì giàu! Được, hãy kiếm lấy một mụ trông coi đi, rồi ông sẽ thấy mụ ta làm cho cuộc đời của ông ra sao, mụ ta sẽ quấy rầy ông như một con bọ rầy. Thầy thuốc bảo phải cho ông uống, thì mụ ta sẽ lại chỉ cho ông ăn thôi! Mụ ta sẽ chôn ông đi để lấy cấp của ông! Ông không xứng đáng có một bà Cibot đâu!... Thôi, khi ông Poulain đến, ông hãy bảo ông ta cho một mụ chăm sóc đi!

– Nhưng, ủa! Nghe tôi đã nào! – Người ốm giận dữ kêu lên – Nào tôi có nói đến phụ nữ khi tôi nói đến ông bạn Schmucke của tôi đâu!... Tôi biết rõ là không có trái tim nào khác yêu tôi chân thành ngoài trái tim bà và trái tim Schmucke!...

– Xin ông đừng có nổi cáu lên như thế! – Mụ Cibot vừa kêu vừa nhảy bổ vào Pons và ép ông nằm xuống.

– Nhưng sao tôi lại không yêu bà cho được? – Pons đáng thương nói.

– Ông yêu tôi, kìa, thật chứ?... Thôi, thôi, xin lỗi ông! – Mụ vừa nói vừa khóc và lau nước mắt – Phải, phải, ông yêu tôi như người ta yêu con sen con hâu trong nhà, thế đấy!... Một con sen được người ta quăng cho món lợi tức trọn đời sáu trăm phơ-răng như quăng một mẩu bánh vào cũi chó!

– Ôi, bà Cibot! – Pons kêu lên – Bà cho tôi là hạng người nào? Bà không hiểu tôi đâu!

– À, ông còn yêu tôi hơn kia đấy! – Mụ vừa nói tiếp vừa đón một cái nhìn của Pons – Ông yêu mụ Cibot tốt bụng, to béo của ông như người mẹ ư? À, ra thế! Tôi là mẹ ông, cả hai ông đều là con tôi... Ôi, nếu tôi biết những kẻ nào đã làm cho ông buồn bực, thì tôi sẽ làm cho người ta phải dẫn tôi đến tòa đại hình và cả đến tòa án tiểu hình nữa, vì tôi sẽ móc mắt chúng nó ra... Lũ người ấy đáng bị giết chết ở cửa ô Saint – Jacques! Thế còn là quá nhẹ đối với những kẻ gian ác như vậy!... Ông là người tốt bụng đến thế, dịu dàng đến thế vì ông có một trái tim vàng, ông được sinh ra và được sống ở đời để làm cho một người phụ nữ được sung sướng. Đúng, ông chắc hẳn sẽ làm cho người ấy sung sướng... điều đó rõ quá, cốt cách của ông là để làm việc ấy mà... Tôi, thoát đâu, khi thấy ông xử sự với ông Schmucke thế nào, tôi đã tự nhủ: Không, ông Pons đã bỏ lỡ cuộc đời! Ông ấy sinh ra để làm một người chồng tốt cơ... Này, ông yêu phụ nữ chứ?

– Ôi, đúng thế, – Pons nói – và tôi chưa gặp được ai...

– Thật à? – Mụ Cibot vừa thốt lên với vẻ khiêu khích vừa xích lại gần Pons và cầm lấy tay ông – Ông không biết thế nào là có một ả tình nhân âu yếm, nũng nịu với bạn tình à? Có thể thế được không? Tôi, ở vào địa vị của ông, tôi không muốn đi sang thế giới bên kia mà không được nếm trải niềm hạnh phúc lớn nhất trần gian!... Ông yêu quý ời, tội nghiệp! Nếu tôi là người như trước kia,

lời nói danh dự đấy, thì tôi sẽ bỏ Cibot vì ông! Nhưng với cái mũi như thế kia, vì ông có một cái mũi ra mũi, thì ông đã làm thế nào, hả thiên thần tội nghiệp của tôi?... Ông sẽ bảo tôi: Đàn bà đều chẳng thành thạo về đàn ông... và thật là bất hạnh khi họ kết hôn quàng xiên, tội nghiệp quá. Tôi, tôi tưởng rằng ông có hàng tá tình nhân, những vũ nữ, những diễn viên, những bà công tước, ấy là vì những lần vắng mặt của ông!... Khi thấy ông đi ra, tôi vẫn thường bảo Cibot: “Này, ông Pons lại đi *lân la chim chuột* kia kìa!”. Lời nói danh dự đấy! Tôi nói thế vì tôi tin rằng ông được phụ nữ yêu! Trời đã tạo ra ông cho tình yêu... Này, ông chủ bé bỏng thân mến ơi, tôi nhận thấy điều đó vào cái ngày ông đến ăn tối ở đây lần đầu. Ôi, ông có xúc động về niềm vui ông đã đem đến cho ông Schmucke không? Ông ấy đến hôm sau còn khóc vì sung sướng và khi bảo tôi: “*Pà Zipod ơi, ung áy tã en pũt tui ử tây tấy!*”, khiến tôi cũng khóc lên như một con ngốc. Và ông ấy buồn biết mấy khi ông lại bắt đầu la cà ngoài phố và không ăn tối ở nhà! Con người tội nghiệp! Chưa bao giờ thấy ai sâu não như thế. À, ông chọn ông ấy làm người thừa kế của ông là phải lắm! Đấy, đấy là cả một gia đình đối với ông, con người đáng kính, con người thân mến ấy! Đừng quên ông ấy, nếu không, Chúa sẽ không nhận ông vào thiên đường, là nơi Người chỉ cho vào những ai biết ơn bạn bè khi để lại cho họ những khoản lợi tức thôi.

Pons không tài nào trả lời được, vì mục Cibot nói như gió cuốn. Nếu người ta đã tìm được cách hãm máy hơi nước lại, thì muốn *chặn lại* cái lưỡi của một mục gác cổng sẽ cần vất kiệt tài năng của những nhà sáng chế.

– Tôi biết ông sắp nói gì rồi! – Mục nói tiếp – Ông chủ thân mến ạ, khi người ta ốm mà làm chúc thư thì chẳng chết được đâu, và ở vào địa vị ông, tôi là người sợ bất trắc, tôi không muốn từ bỏ cái con cừu tội nghiệp này, vì đấy là con vật hiền lành của Chúa lòng lành; ông ấy có biết mô tê gì đâu; tôi không muốn phó mặc ông ấy cho những nhà kinh doanh biển lận và cho những người bà con là đồ

vô lại cả lũ! Nào, thử xem xem có ai, từ hai mươi ngày nay, đến thăm ông không?... Và ông sẽ cho họ tài sản của ông đấy! Ông có biết là người ta bảo rằng tất cả những thứ ở đây là đáng bỏ công ra không?

– Đúng thế. – Pons nói.

– Rémonencq biết ông là người tài tử, còn hần thì buôn bán đồ cũ; hần bảo rằng hần sẽ trả ngay ba mươi nghìn phơ-răng lợi tức hưởng trọn đời để có được những bức tranh ông để lại... Một vụ làm ăn đấy! Ở địa vị ông, tôi nhận luôn! Nhưng tôi tin rằng hần giấu cọt tôi khi hần nói điều đó với tôi... Lẽ ra ông phải cho ông Schmucke biết về giá trị của tất cả những thứ ấy, vì đấy là một người dễ bị lừa như một đứa bé con; ông ấy chẳng có một ý niệm nhỏ nào về giá trị của những đồ vật đẹp đẽ mà ông có! Ông ấy chẳng ngờ về điều đó đâu, đến nỗi ông ấy có thể sẽ đổi chúng lấy một mẫu bánh nếu, vì yêu ông, ông ấy không giữ chúng lại đến suốt đời, tuy nhiên, nếu ông ấy còn sống sau ông, vì ông chết thì ông ấy sẽ cũng chết thôi! Nhưng có tôi ở đây, tôi, tôi sẽ bảo vệ ông ấy chống lại tất cả!... Tôi và Cibot.

– Bà Cibot thân mến này, – Pons trả lời, mỉm lòng vì lời ba hoa dông dài đáng sợ ấy, trong đó tình cảm có vẻ chất phác như tình cảm ở những người bình dân – tôi sẽ ra sao, nếu không có bà và Schmucke?

– À, chúng tôi đúng là những người bạn duy nhất của ông trên đời này, thật thế. Nhưng hai trái tim yêu thương có giá trị ngang với tất cả các gia đình... Đừng nói với tôi về gia đình! Như một cái lưỡi, một diễn viên thời xưa đã nói thế, cái tốt nhất và cái tồi nhất đều ở trong đó cả... Họ đâu hết rồi, những người bà con của ông? Ông có bà con hay không? Tôi chưa bao giờ thấy họ cả.

– Chính họ làm cho tôi ốm đây!... – Pons kêu lên với một nỗi đắng cay sâu sắc.

– A, ông cũng có bà con kia đấy! – Mụ Cibot nói và đứng dựng lên tựa như chiếc ghế bành của mụ làm bằng sắt thành linh bị nung

đỏ vậy – Ái chà, họ dễ thương quá nhỉ, những người bà con của ông ấy! Làm sao, đã hai mươi ngày rồi, ừ, đến sáng nay là hai mươi ngày, ông kê bên cái chết, thế mà họ vẫn chưa đến hỏi thăm ông! Điều đó thật quá quái lắm! Nhưng ở vào địa vị ông, tôi thà để gia tài cho trại Trẻ Không Cha Không Mẹ còn hơn cho họ một xu!

– Này, bà Cibot thân mến ạ, tôi muốn để lại tất cả những thứ tôi có cho con bé cháu họ tôi, con gái người anh em chú bác của tôi, ông chánh án Camusot, bà biết đấy, ông quan tòa đã đến đây vào một buổi sáng, ngót hai tháng trước đây.

– À, một ông thấp béo đã sai đây tớ đến để xin lỗi ông... về sự ngu ngốc của bà vợ..., mũ hầu phòng của bà ta đã hỏi tôi về ông, một mũ già ông ọ mà tôi muốn dùng cán chổi để phủ bụi cho cái áo bằng nhung của mũ. Đã ai thấy một mũ hầu phòng mặc áo nhung bao giờ chưa? Chưa, xin lấy danh dự mà cam đoan như vậy, thế giới đã bị đảo lộn cả mất rồi! Người ta làm cách mạng để làm gì nhỉ? Ăn tối hai lần đi, nếu các người có cách ăn được hai lần, bọn nhà giàu đều giả! Nhưng tôi cho rằng pháp luật là vô dụng, rằng chẳng có gì thiêng liêng nữa nếu Louis Philippe không duy trì được các thứ bậc, vì cuối cùng, nếu tất cả chúng ta đều bình đẳng, có phải không thừa ông, thì một mũ hầu phòng không được mặc áo nhung trong khi tôi, bà Cibot với ba mươi năm trung thực, tôi không có... Thế thì còn hay ho cái gì! Cần phải thấy anh là ai. Một mũ hầu phòng là một mũ hầu phòng, cũng như tôi, tôi là một người gác cổng! Vậy thì tại sao ở trong quân đội người ta lại mang ngũ vai? Người nào có cấp bậc của người ấy! Này, ông có muốn tôi nói cho ông cái điều cốt tử này không? Thế này nhé, nước Pháp nguy rồi!... Và dưới thời Hoàng đế, có phải không thừa ông, mọi chuyện diễn ra đều khác. Cho nên, tôi đã nói với Cibot: – Này, mình thấy không, hả mình, một nhà mà có những mũ hầu phòng mặc áo nhung, thì đấy là những kẻ không có ruột gan...

– Không có ruột gan, đúng thế! – Pons đáp.

Và Pons kể lại những nỗi đắng cay, những điều phiền muộn với mẹ Cibot, mẹ tuôn ra những lời thóa mạ đối với họ hàng và tỏ ra hết sức mỉa mai đối với từng lời từng tiếng của câu chuyện buồn kia. Cuối cùng, mẹ khóc!

Để hiểu được tình thân đột ngột giữa người họa sĩ già và mẹ Cibot ấy thì chỉ cần hình dung ra tình cảnh của một kẻ độc thân, lần đầu tiên trong đời ốm nặng, nằm dài trên giường bệnh, tro tơi một mình ở đời, từ sáng đến tối phải đối diện với bản thân mình, và cái ngày ấy càng dài lê thê vì cứ phải đương đầu với những đớn đau khó tả của chứng viêm gan làm đen tối cả cuộc đời tươi đẹp nhất, và vì suốt ngày nằm không chẳng có việc gì làm, anh ta rơi vào tình trạng suy nhược chán nản của Paris, anh ta luyến tiếc tất cả những cái được xem không mất tiền ở Paris. Cảnh cô đơn sâu xa và tăm tối ấy, nỗi đau đớn nó tác động đến tinh thần còn hơn cả thể xác ấy, cái hư ảo của cuộc đời, tất cả đẩy một người độc thân – nhất là khi anh ta có tính cách yếu đuối mà trái tim lại nhạy cảm, cả tin đến chỗ quyến luyến với người trông nom anh ta, như người chết đuối bám lấy mảnh ván. Cho nên Pons nghe những lời dông dài của mẹ Cibot một cách vui thích. Schmucke và mẹ Cibot, bác sĩ Poulain, là tất cả nhân loại, cũng như căn phòng của ông là vũ trụ vậy. Nếu tất cả những người ốm đều đã tập trung chú ý vào tầm nhìn của họ, nếu thói vĩ kỷ của họ toát ra xung quanh họ, phụ thuộc vào mọi người và mọi vật của một căn phòng, thì người ta sẽ đoán được một lão trai già, không được trù mến, chưa bao giờ biết đến tình yêu, có thể làm được những gì. Trong hai mươi ngày, Pons đôi lúc đi tới chỗ hối tiếc đã không lấy Madeleine Vivet! Cho nên, từ hai mươi ngày nay, mẹ Cibot đã ăn sâu vào trong đầu óc người ốm, ông thấy mình mà không có mẹ thì nguy to; vì đối với Schmucke, thì Schmucke là một Pons thứ hai đối với người ốm tội nghiệp. Nghệ thuật kỳ diệu của mẹ Cibot là ở chỗ, và chẳng mẹ không biết – nói ra được những ý nghĩ riêng của Pons.

– Ô, ông đốc tờ đến đấy! – Mẹ nói khi nghe thấy tiếng chuông.

Mụ để Pons nằm một mình, biết rõ rằng lão Do Thái và Rémonencq đã đến.

– Đừng gây tiếng động, thưa các ông... – Mụ nói – để cho lão không nhận thấy gì! Vì lão bản tính ngay lên khi liên quan tới kho báu của lão.

– Chỉ một buổi đi dạo là đủ. – Lão Do Thái đáp, tay cầm kính lúp và cái ống nhòm.

Cái phòng trong đó có phần lớn Bảo tàng Pons là một phòng cổ, được xây dựng theo quan niệm của những kiến trúc sư được tầng lớp quý tộc ở Pháp thuê, rộng hai mươi nhăm bộ, dài ba mươi và cao mười ba bộ. Những bức tranh Pons có trong tay, gồm sáu mươi bảy bức, treo hết trên bốn vách của căn phòng ốp gỗ, trắng và vàng ối, nhưng màu trắng đã ngả vàng, còn màu vàng ối đã đỏ lên vì thời gian, phô ra một sắc thái hài hòa tuyệt nhiên không làm hại đến ấn tượng về tranh – Mười bốn pho tượng đặt trên các trụ, hoặc ở trong các góc hoặc ở khoảng giữa các bức tranh và trên các đế của Boulle. Những tủ buyp phê gỗ mun, tất cả đều được chạm khắc với vẻ sang trọng đế vương, được bày ở tầm ngang hông chân tường. Những tủ này chứa các đồ cổ quý hiếm. Ở giữa phòng, một hàng giá bằng gỗ chạm trổ ra trước mắt những vật hiếm thấy nhất của lao động loài người: đồ ngà, đồ đồng, đồ gỗ, đồ tráng men, đồ kim hoàn, đồ sứ, v.v...

Ngay khi lão Do Thái vào trong cái điện thờ ấy, lão đi thẳng đến bốn kiệt tác mà lão nhận ra là những bức đẹp nhất của bộ sưu tập này và của những bậc thầy còn thiếu trong sưu tập của lão. Đối với lão cũng như đối với những nhà bác vật học, chính những *khiếm khuyết* làm cho người ta phải lặn lội đi tìm từ tây sang đông, đến các miền nhiệt đới, những sa mạc, những thảo nguyên, những trảng cỏ, những rừng nguyên sinh. Bức tranh thứ nhất là của Sébastien del Piombo, bức thứ hai của Fra Bartholoméo della Porta, bức thứ ba là một bức tranh phong cảnh của Hobbéma, và bức cuối cùng là bức

tranh chân dung phụ nữ của Albert Dürer, thật là bốn viên kim cương! Trong nghệ thuật hội họa, Sébastien del Piombo hiện ra như một điểm sáng mà ba trường phái đã hẹn hò gặp gỡ để mỗi trường phái góp vào đấy những phẩm chất cao siêu của mình. Là họa sĩ của Venise, ông đã đến Rome, tiếp thu phong cách của Raphaël, dưới sự dẫn dắt của Michel – Ange, người muốn đối lập ông với Raphaël bằng cách mượn tay một trong những trợ thủ của mình, để chống lại đức giáo hoàng ấy của Nghệ thuật. Cho nên, vị thiên tài lười biếng kia đã hòa hợp màu sắc của Venise, bố cục của Florence, phong cách của Raphaël vào những bức tranh hiếm hoi mà ông ta đã hạ cố vẽ và những bản phác thảo, theo người ta nói, là do Michel – Ange vẽ. Nên ta có thể thấy con người ấy – được trang bị cái sức mạnh gấp ba lần kia – đã đạt tới sự hoàn hảo như thế nào, khi ta nghiên cứu ở Bảo tàng Paris bức chân dung của Baccio Bandinelli có thể so sánh với bức *Người đi găng* của Titien, với bức *Chân dung cụ già* trong đó Raphaël đã kết hợp sự hoàn thiện của mình với sự hoàn thiện của Corrège, và với bức *Charles VIII* của Léonardo da Vinci mà không làm cho bức vẽ ấy giảm giá đi. Bốn viên ngọc ấy phô ra cùng một nước bóng, cùng một vẻ láng, cùng một độ tròn, cùng một ánh chói lọi, cùng một giá trị. Nghệ thuật của con người không thể đi xa hơn. Thật là cao hơn cả tự nhiên, tự nhiên chỉ cho nguyên bản sống được trong chốc lát. Của thiên tài vĩ đại ấy, của cây bút vẽ bất tử nhưng mắc thói lười biếng không thể chữa khỏi được ấy, Pons có bức *Hiệp sĩ xứ Malte đang cầu nguyện* vẽ trên thạch bản, với một vẻ tươi tắn, một sự hoàn chỉnh, một sự sâu sắc, phẩm chất còn cao hơn bức chân dung của Baccio Bandinelli. Bức tranh của Fra Bartholoméo thể hiện một *Gia đình thần thánh* có thể bị nhiều người sành sỏi lầm tưởng là một bức tranh của Raphaël. Bức tranh của Hobbéma phải lên đến sáu mươi nghìn phơ-răng khi đem bán công khai. Còn về bức của Albert Dürer, bức chân dung phụ nữ ấy sánh ngang bức tranh nổi tiếng *Holzschuer* của Nuremberg, bức vẽ mà các ông vua xứ Bavière, Hà Lan và Phổ đã nhiều lần trả hai trăm nghìn phơ-răng mà không mua được. Có phải đấy là vợ hoặc con gái

của hiệp sĩ Holzschuer, bạn Albert Dürer không? Giả thuyết có vẻ chắc chắn, vì người phụ nữ của Bảo tàng Pons ở trong một tư thế xem ra như có một bức đối xứng, và những huy hiệu vẽ cũng được bố trí cùng một cách thức giống nhau trong bức chân dung này cũng như bức chân dung kia. Cuối cùng bức *aetatis suae*¹ XLI hòa hợp tuyệt vời với tuổi tác được chỉ rõ trong bức chân dung được nhà Holzschuer de Nuremberg gìn giữ một cách kính cẩn, và bản khắc vừa mới được hoàn thành.

Élie Magus rom róm nước mắt khi lần lượt ngắm bốn kiệt tác ấy.

– Tôi trả bà hai nghìn phơ-răng tiền thưởng thêm cho mỗi bức trong số tranh này, nếu bà làm cho tôi có được chúng với giá bốn mươi nghìn phơ-răng ... – Lão nói vào tai mục Cibot đang sống người vì cái tài sản từ trên trời rơi xuống ấy.

Sự khoái trá – hay nói cho chính xác hơn, sự sướng điên lên của lão Do Thái – đã gây nên trong óc và trong lễ thói hám của của lão một sự bối rối đến nỗi lão Do Thái ngập chìm trong đó, như ta thấy.

– Thế còn tôi?... – Rémonencq nói mặc dù gã không thạo về tranh.

– Tất cả đều tuyệt vời như nhau ở đây. – Lão Do Thái nói nhỏ vào tai gã xứ Auvergne – Hãy lấy bất cứ mười bức nào và cùng một giá ấy, ông sẽ giàu to!

Ba tên ăn cắp còn nhìn nhau, đứa nào cũng khoái trá, niềm khoái trá mãnh liệt nhất trong mọi niềm khoái trá, nghĩ đến chuyện giàu to, thì vừa lúc tiếng nói của người ồm vang lên và rung như những tiếng chuông ...

– Ai thế?... – Pons kêu lên.

– Ông ơi, ông nằm xuống đi! – Mục Cibot vừa nói vừa lao đến Pons và buộc ông phải nằm lại xuống giường – À, thế đấy! Ông

1. Nguyên văn tiếng La tinh, có nghĩa là: tuổi tác, thời đại.

muốn chết phải không?... Đây, đây không phải là ông Poulain mà là ông Rémonencq trung hậu, ông ta lo lắng cho ông đến nỗi phải đến hỏi thăm ông đấy!... Ông được yêu quý đến nỗi cả nhà đều rối lên vì ông. Ông sợ gì nào?

– Hình như có nhiều người ở đây. – Người ốm nói.

– Nhiều à? Được!... À, ông mơ đấy phải không? Ông rồi sẽ diên mất thôi, lời nói danh dự đấy! Đây, trông xem!

Mụ Cibot đi nhanh ra mở cửa, ra hiệu cho Magus lui ra, còn Rémonencq thì tiến vào.

– Đây, ông ơi, – Gã người Auyergne nói, đã được mụ Cibot giới thiệu trước – tôi đến để hỏi thăm tin tức về ông, vì cả nhà đều lo cho ông... Không ai thích có cái chết ở trong nhà!... Sau nữa, bố Monistrol mà ông đã biết rõ đấy, đã nhờ tôi nói với ông rằng, nếu ông cần tiền, bố ấy sẽ giúp ...

– Ông ấy phái ông đến đây để nhòm ngó những đồ mỹ nghệ của tôi thì có!... – Nhà sưu tập già nói với vẻ chua chát đầy ngờ vực.

Trong những bệnh về gan, hầu như bao giờ các con bệnh cũng mắc chứng ác cảm đặc biệt, nhất thời; họ tập trung tâm trạng bực bội vào một vật hoặc một người nào đấy. Và lại, Pons tưởng rằng người ta rình rập kho báu của ông, nên ông chăm chăm để mặt trông nom, thỉnh thoảng lại phái Schmucke đi xem có ai lén vào trong cấm điện hay không.

– Bộ sưu tập của ông khá đẹp. – Rémonencq trả lời một cách gian xảo, để kích thích sự chú ý của bọn buôn đồ cũ – Tôi không thạo về các đồ vật cổ quý hiếm, nhưng ai cũng biết ông là một người sành sỏi đến nỗi dù tôi không hiểu biết gì lắm, tôi cũng sẵn sàng nhắm mắt mua của ông... Nếu đôi khi ông có cần đến tiền – vì chẳng có gì tổn kém như những bệnh chết tiệt này... mà cô em tôi, trong mười ngày, đã tiêu đến ba mươi xu tiền thuốc khi bị khó chịu trong người và đáng lẽ cô ấy qua khỏi dễ dàng mà chẳng cần

tiêu pha gì... Bọn thầy thuốc là bọn ăn cắp đã lợi dụng tình thế của chúng ta để...

– Chào ông, cảm ơn, thưa ông. – Pons trả lời gã buôn đồ sắt vụn và nhìn gã với ánh mắt lo lắng.

– Tôi sẽ đưa tiễn ông ta, – Mụ Cibot nói rất nhỏ với người ốm, – sợ nhờ ông ta tẩy mấy cái gì.

– Phải, phải. – Người ốm trả lời, nhìn mụ Cibot tỏ vẻ cảm ơn.

Mụ Cibot khép cửa phòng ngủ, điều đó khiến Pons ngờ vực. Mụ thấy Magus đứng bất động trước bốn bức tranh. Sự bất động ấy, sự chiêm ngưỡng ấy, chỉ có thể hiểu được bởi những ai có tâm hồn rộng mở để đón cái đẹp lý tưởng, đón tình cảm khó tả nên lời trước sự hoàn thiện trong nghệ thuật, và họ đứng chôn chân nhiều giờ liền ở Bảo tàng trước bức *La Joconde* của Léonardo da Vinci, trước bức *Antiope* của Corrège – kiệt tác của nhà họa sĩ này –, trước người tình của Titien, *Gia đình thần thánh* của Andrea del Sarto, trước những đứa trẻ được hoa vẩy bọc của Dominiquin, trước bức tranh đậm nhạt một màu của Raphaël và bức *Chân dung cụ già* của ông ta – những kiệt tác tuyệt vời nhất của nghệ thuật.

– Lặng lẽ rút nhanh đi. – Mụ bảo.

Lão Do Thái vừa chậm chậm bước giật lùi, bỏ đi, vừa nhìn những bức tranh như một tình lạng nhìn một tình nương khi nói lời từ biệt. Khi lão Do Thái bước đến chỗ thêm nghỉ ở cầu thang, mụ Cibot – hay ra ý nghĩ rước cảnh chiêm ngưỡng của lão – liền đập lên cánh tay khô gầy của Magus.

– Ông trả cho tôi bốn nghìn phơ-răng mỗi bức tranh đi! Nếu không thì...

– Tôi nghèo lắm!... Magus nói – Tôi thích những tranh ấy chẳng qua là vì tình yêu, duy nhất chỉ là vì yêu nghệ thuật, bà thân mến ạ!

– Em kiệt đến nỗi, em ơi, – Mụ gác cổng nói – ta biết tình yêu ấy là thế nào rồi. Nhưng nếu hôm nay em không hứa trả ta mười sáu nghìn phơ-răng trước Rémonencq, thì ngày mai giá sẽ thành hai mươi nghìn.

– Tôi hứa mười sáu nghìn. – Lão DoThái đáp, kinh hoảng vì thói tham lam của mụ gác cổng này.

– Một lão Do Thái, lão có thể lấy gì ra mà thế nhỉ?... – Mụ Cibot hỏi Rémonencq.

– Bà có thể tin ở cụ ấy, – Gã buôn đồ sắt vụn đáp – cụ ấy cũng là người tử tế như tôi vậy thôi.

– Nay, thế còn ông? – Mụ gác cổng hỏi – Nếu tôi làm cho ông mua được, thì ông cho tôi cái gì?

– Một nửa số lợi lộc. – Rémonencq trả lời nhanh nhẩu.

– Tôi thích tiền trả ngay lập tức hơn, tôi không ở trong nghề buôn bán. – Mụ Cibot đáp.

– Bà rất hiểu công việc làm ăn! – Élie Magus vừa nói vừa mỉm cười – Bà sẽ là một thương gia trứ danh đấy.

– Tôi đề nghị bà ấy hợp tác với tôi cả người lẫn của. – Gã Auvergne vừa nói vừa cầm cánh tay mập mạp của mụ Cibot và đập lên đấy như búa đập – Tôi không đòi hỏi bà ấy một khoản tiền hùn vốn nào khác ngoài sắc đẹp của bà ấy! Bà đã sai lầm cứ bám lấy ông Thổ Nhĩ Kỳ Cibot của bà với chiếc kim khâu của ông ta! Một người canh cổng bé nhỏ có thể làm giàu cho một phụ nữ đẹp như bà được không? A, bà sẽ ra dáng biết bao trong một cửa hiệu trên phố giữa các đồ cổ quý hiếm, tán chuyện với những tay hám mua và xoắn lấy họ! Bà mà kiếm chác được, thì hãy quảng đi cho tôi cái gian phòng gác cổng của bà và bà sẽ thấy hai chúng ta sẽ trở nên như thế nào!

– Kiếm chác? – Mụ Cibot nói – Tôi không thể tơ hào dù chỉ là một chiếc đinh ghim, hiểu không, Rémonencq? – Mụ gác cổng

kêu lên – Ở phường, ai cũng biết đến tôi là một người phụ nữ lương thiện đấy!

Đôi mắt mù Cibot sáng quắc lên.

– Về khoản ấy, bà cứ yên tâm! – Élie Magus nói – Gã Auvergne này có vẻ yêu bà lắm nên không muốn xúc phạm bà đâu.

– Rồi bà ấy sẽ dắt mũi khách hàng ra trò! – Gã Auvergne kêu lên.

– Phải cho công bằng, các ông em ạ! – Mụ Cibot nói tiếp, giọng đã dịu bớt – Các ông em hãy tự mình xét đoán tình thế của tôi ở đây mà xem! Đã mười năm nay tôi nhọc thân nhọc xác vì hai gã trai già ấy, mà có bao giờ họ cho tôi được cái gì khác ngoài những lời nói... Rémonencq sẽ kể cho cụ nghe tôi nuôi khoản hai lão già ấy, mỗi ngày ngón của tôi từ hai mươi đến ba mươi xu, tôi tiết kiệm được bao nhiêu đều dốc vào đấy hết, nói có vong hồn mẹ tôi là người duy nhất đẻ ra tôi mà tôi được biết; mà cũng đúng như tôi đang tồn tại đây, như ánh mặt trời đang chiếu sáng kia, và tách cà phê của tôi sẽ là thuốc độc nếu tôi nói sai một ly! Này, lại có một kẻ sắp chết, có phải không? Và đấy chính là kẻ giàu nhất trong hai kẻ được tôi chăm sóc như con mình!... Ông ơi, ông có tin rằng từ hai mươi ngày nay, tôi nhắc đi nhắc lại cho lão ấy biết rằng lão ấy sắp chết (vì ông Poulain đã kết án lão ấy rồi!...) lão keo kiệt ấy không nói gì đến việc đưa tôi vào chúc thư cứ như thể tôi không quen biết lão! Xin lấy danh dự mà cam đoan, có lấy tiền thì chúng tôi cũng chỉ là đòi khoản nợ mà thôi, thể có đức tin của một người phụ nữ trung hậu đấy; vì ông tin vào những người thừa kế của lão ư?... Khung khi nào! Này ông thấy không, lời nói chẳng thối hoác lên đâu, tất cả thiên hạ đều là đồ vô lại hết!

– Đúng thế! – Élie Magus nham hiểm nói – Còn chúng ta đây, – Lão nói thêm và nhìn Rémonencq – chúng ta là những người trung thực nhất.

– Để tôi nói! – Mụ Cibot nói tiếp – Tôi không nói cho ông đâu... Như người diễn viên xưa kia đã nói, thì *những người thúc*

bách bao giờ cũng được chấp nhận!... Tôi thề với các ông rằng hai ông chủ ấy đã nợ tôi ngót ba nghìn phơ-răng, rằng cái tí chút tôi có được đã tiêu vào thuốc men và ăn mặc của họ hết và nếu họ chẳng thừa nhận những khoản ứng trước của tôi!... Tôi thật là ngốc nghếch với tính thật thà của mình đến nỗi không dám nói với họ về việc ấy. Nếu thế, ông là người biết rõ đầu đuôi, thưa ông thân mến, ông có khuyên tôi là nên mời một luật sư không?...

– Một luật sư à? – Rémonencq kêu lên – Bà biết về việc ấy còn hơn tất cả các *lật sư* kia!...

Tiếng ngã của một tấm thân nặng nề rơi trên nền nhà lát gạch ô vuông của phòng ăn vang lên trong khoảng không rộng rãi của cầu thang.

– Ôi, Chúa ơi! – Mụ Cibot kêu – Cái gì thế? Hình như ông chủ vừa ngã!...

Mụ đẩy hai kẻ tòng phạm đang nhanh nhẹn lao vụt xuống, rồi mụ quay lại, nhảy bổ vào phòng ăn và thấy Pons nằm thẳng cẳng trong đó, mình chỉ mặc có áo sơ mi, bất tỉnh! Mụ đỡ lấy lão trai già, nâng ông dậy như nâng một cái lông chim và bê ông về tận giường. Sau khi đã đặt người hấp hối nằm xuống, mụ đốt lông chim cho ông hít, mụ bôi hai bên thái dương ông bằng nước hoa Cologne, mụ làm cho ông tỉnh lại. Khi thấy Pons đã mở mắt, sự sống đã trở lại, mụ mới hai tay chống nạnh.

– Chân không giày, mình chỉ mặc sơ mi! Thế là có cái để tự giết mình đấy! Và tại sao ông lại nghi ngờ tôi?... Nếu thế thì, xin từ biệt, thưa ông. Sau mười năm trời tôi phục dịch ông, tôi đem của nhà ra lo việc ăn ở cho ông, tiền tiết kiệm của tôi trút cả vào đấy, để tránh những buồn phiền cho ông Schmucke tội nghiệp khóc như trẻ con ở cầu thang... Và thưởng công cho tôi là thế này đây! Ông đến dò xét tôi... Chúa đã trừng phạt ông! Thật là đích đáng! Và tôi là người đã cố hết sức bê ông trên đôi cánh tay, không khéo bị liệt cả người từ nay cho đến cuối đời. Ôi, Chúa ơi! Và cái cửa mà tôi đã để ngỏ...

– Bà nói chuyện với ai đấy?

– Nghĩ gì mà lạ! – Mụ Cibot thốt lên – Thế ra tôi là nô lệ của ông đấy ư? Tôi phải trình báo với ông ư? Nèn biết rằng nếu ông làm phiền tôi đến thế, thì tôi bỏ mặc tất! Ông đi mà tìm lấy một mụ trông nom! ...

Pons kinh hãi trước lời đe dọa này, vô tình tỏ ra cho mụ Cibot biết mụ có thể giới đến mức độ nào với lưỡi gươm Damoclès kia.

– Tôi đang ốm mà! Ông nói một cách thảm hại.

– Hay lắm! – Mụ Cibot cục cằn đáp.

Mụ bỏ lại Pons ngượng ngùng, bị hối hận giày vò, khâm phục sự tận tâm om sòm của mụ trông coi người ốm, tự trách mình và không cảm thấy tình trạng tồi tệ vừa làm trầm trọng thêm căn bệnh của ông khi ngã xuống nền đá lát của phòng ăn. Mụ Cibot thấy Schmucke bước lên cầu thang.

– Lên đây, ông... Có những tin buồn đây! Này, ông Pons hóa điên mất rồi!... Ông có thể tưởng tượng được không, là ông ấy nhòem dấy trần truồng, là ông ấy đi theo tôi, không, ông ấy nằm thẳng cẳng ra ở kia kia... Ông có hỏi ông ấy tại sao, thì ông ấy chẳng biết gì đâu... Ông ấy gay go lắm. Tôi có làm gì kích động những hành vi dữ dội như thế đâu, mà chỉ là đã khơi dậy những ý nghĩ khi nói về những mối tình đầu của ông ấy... Ai là người hiểu được đàn ông! Tất cả đều là những kẻ trác táng già đời!... Tôi đã làm mà cho ông ấy xem cánh tay tôi, khiến mắt ông ấy sáng lên như những viên hồng ngọc.

Schmucke nghe mụ Cibot như nghe mụ nói tiếng Do Thái.

– Tôi đã cố hết sức đến nỗi không khéo bị liệt cả người từ nay cho đến cuối đời!... – Mụ Cibot vừa nói tiếp vừa tỏ vẻ đau ghê gớm và tìm cách tận dụng một ý nghĩ mới tình cờ nảy ra khi mụ cảm thấy hơi mỏi mệt trong bắp thịt – Sao tôi lại ngu đến thế kia chứ! Khi tôi

thấy ông ấy nằm ở kia, ngay dưới đất, tôi bế ông ấy trong hai cánh tay tôi và tôi đã mang ông ấy đến tận giường, như một đứa bé con. Mà bây giờ tôi mới thấy là đã quá sức. Chao ôi, tôi thấy trong người khó chịu quá!... Tôi xuống nhà đây, xin ông trông lấy người ốm. Tôi về bảo Cibot đi mời ông Poulain cho tôi đây! Tôi thà chết còn hơn thấy mình tàn tật...

Mụ Cibot bám lấy tay vịn cầu thang rồi vừa lăn xuống, vừa tỏ vẻ quần quai, miệng thì rên rĩ đến nỗi tất cả những người ở thuê đều sợ hãi chạy cả ra chỗ đầu cầu thang trước cửa căn hộ. Schmucke vừa đỡ lấy mụ ốm vừa chảy nước mắt và lão giải thích cho mọi người sự tận tụy của mụ gác cổng. Cả nhà, cả phường lập tức biết ngay nét cao cả của mụ Cibot, mụ đã cố gắng đến chết người – người ta bảo thế – khi bế trên tay một trong những Cái – kẹp – quả – phỉ. Schmucke trở lại bên cạnh Pons, nói rõ cho ông biết tình trạng thảm hại của mụ quản gia và cả hai người vừa nhìn nhau vừa nói: Không có bà ấy thì chúng ta sẽ ra sao đây?... Schmucke, trông thấy sự biến đổi ở Pons do chuyện liều mạng của ông gây nên, không dám trách bạn.

– Những tổ lin tin là thế này tây! Tui thà tem tốt chúng tì còn hơn là tẻ mất pạn tui! – Lão kêu lên khi được Pons cho biết nguyên nhân của tai nạn – Ngờ fực pà Zibod là cái người tã mất hết tiền tiết kiệm fì chúng ta áy à? Thật khùng hay; nhưng tổ là pệnh ...

– Ôi, bệnh gì mà gớm ghê thế? Tôi đã thay đổi rồi, tôi cảm thấy thế. – Pons nói – Tôi không muốn làm cho ông đau đớn, ông Schmucke tốt bụng ạ!

– Ung hãỵ cứ mắng tui tì. – Schmucke nói – Fà tẻ cho pà Zibod tược yền.

Bác sĩ Poulain, chỉ trong một vài ngày đã làm tan biến cái tàn tật mà mụ Cibot tưởng là mình bị đe dọa, và tiếng tăm của anh ở phường Marais lại càng đặc biệt lẫy lừng sau vụ khỏi bệnh này, y như một phép lạ vậy. Ở nhà Pons, anh bảo rằng sự thành công ấy là nhờ

ở thể tạng tuyệt vời của bà bệnh nhân, chỉ sau bảy ngày, bà tiếp tục công việc phục vụ hai ông chủ khiến họ vô cùng hài lòng. Sự kiện ấy tăng thêm một trăm phần trăm ảnh hưởng và quyền lực của mục gác cổng đối với gia đình hai Cái – kẹp – quả – phỉ, trong tuần lễ ấy, họ đã mang công mắc nợ, nhưng nợ nần do mục ta trả. Mục Cibot lợi dụng hoàn cảnh để làm cho (dễ dàng biết mấy!) Schmucke viết giấy thừa nhận khoản hai nghìn phơ-răng mục nói là đã cho đôi bạn ấy vay.

– Ôi, ông Poulain là một thầy thuốc giỏi biết nhường nào! – Mục Cibot nói với Pons – Ông ấy sẽ cứu sống ông, ông chủ thân mến ạ, vì ông ấy đã lôi tôi ra khỏi quan tài! Ông Cibot tội nghiệp của tôi coi tôi như đã chết rồi đấy!... Này, ông Poulain chắc là đã nói với ông, khi tôi phải nằm một chỗ, rằng tôi chỉ nghĩ đến ông thôi. “Chúa ơi – tôi nói thế – xin Người hãy bắt tôi đi và để cho ông Pons thân mến của tôi được sống...” .

– Bà Cibot tội nghiệp thân mến ơi, bà suýt nữa thì bị tàn tật vì tôi!...

– Ôi, nếu không có ông Poulain, thì tôi đã nằm trong cỗ áo gổ thông là cái vãn chờ đón tất cả chúng ta rồi. Này, cứ việc nũa làm, đến đâu thì đến, như người diễn viên xưa đã nói! Phải triết lý mới được. Các ông đã làm thế nào khi không có tôi?...

– Schmucke đã trông nom tôi. – Người ốm trả lời – nhưng cái quỹ khốn khổ và khách hàng của chúng tôi cũng đều bị ảnh hưởng cả... Tôi không biết ông ấy đã làm thế nào.

– *Yên tâm, Bons ạ!* – Schmucke kêu – *Chúng ta sẽ có phố Zibod như một ung chủ ngân hàng ...*

– Đừng nói đến chuyện ấy! Bé ngoan thân mến của tôi ơi, cả hai người đều như con cái của tôi cả – Mục Cibot nói tiếp – Tiền tiết kiệm của tôi gửi ở các ông là tốt nhất, còn chắc chắn hơn ở Ngân hàng kia. Chừng nào chúng tôi còn có miếng bánh mà ăn thì các ông em sẽ có được nửa miếng..., chẳng nên nói đến chuyện ấy làm gì...

– *Tội nghiệp pà Zibod!* – Schmucke vừa nói vừa bỏ đi.

Pons không nói gì.

– Thiên thần của tôi ơi, – Mụ Cibot nói với người ốm khi thấy ông lo sợ – ông em có tin rằng lúc tôi hấp hối, vì tôi đã thấy thần chết ở rất gần tôi rồi... điều khiến tôi khổ tâm nhất là để các ông lại một mình, chẳng có ai trông nom, và để lại ông Cibot đáng thương của tôi không một xu dính túi... Thật chẳng đáng gì những món tiền tiết kiệm của tôi đến nỗi tôi chỉ nói với ông em khi nghĩ đến cái chết của tôi và nghĩ đến Cibot, ông ấy là một thiên thần! Không, con người ấy vừa săn sóc tôi như một bà hoàng, vừa khóc tôi, như một con bê... Nhưng tôi tin vào các ông em, lời đoan chắc của người phụ nữ trung hậu đấy! Tôi tự bảo: Này, ông Cibot, các ông chủ của tôi không bao giờ để ông chết đói đâu!...

Pons không đáp lại gì sự tấn công về *bản di chúc*¹ còn mụ gác cổng im lặng chờ câu trả lời.

– Tôi ký thác bà lại cho ông Schmucke. – Cuối cùng thì người ốm nói.

– Ôi! – Mụ gác cổng kêu lên – Tất cả những điều ông định làm đều đúng cả, tôi tin ở ông, ở tấm lòng của ông. Chúng ta đừng bao giờ nói về việc ấy, vì ông làm cho tôi tủi phận, ông em yêu quý ơi; ông cố làm sao cho khỏi bệnh đã! Ông còn sống lâu hơn chúng tôi...

Một nỗi lo lắng sâu xa xâm chiếm trái tim mụ Cibot; mụ quyết tâm ông chủ nói rõ về di sản ông định để lại cho mụ; và trước hết, mụ đi đến nhà ông bác sĩ Poulain, lúc buổi tối, sau bữa tối của Schmucke ăn ngay bên cạnh giường Pons kể từ khi ông bạn lâm bệnh.

Bác sĩ Poulain ở phố Orléans. Anh ta ở một căn hộ nhỏ gồm một phòng đợi, một phòng khách và hai phòng ngủ. Một gian kê với

1 . Nguyên văn tiếng Latinh: *ad testamentum*.

phòng đợi và thông với một trong hai phòng ngủ, phòng của bác sĩ, đã được chuyển thành văn phòng. Ngoài ra còn có một căn bếp, một phòng cho đầy tớ và một hầm nhỏ, tất cả chiếm một chái của ngôi nhà to lớn xây dưới thời Đế chế, ở chỗ trước kia là dinh thự mà cái vườn hiện vẫn còn tồn tại. Cái vườn này được chia cho ba căn hộ ở tầng dưới.

Căn hộ của bác sĩ không thay đổi từ bốn mươi năm nay. Những nước sơn, những giấy phủ tường, những đồ trang trí, tất cả đều toát lên mùi Đế chế. Lớp cấu bản đã bốn chục năm, khối, đã làm hỏng những tấm kính, những đường viền, những hình vẽ trên giấy, những trần nhà và những lớp sơn. Chỗ ở thuê bé nhỏ ấy nằm tận cuối phường Marais, còn phải trả đến một nghìn phơ-răng mỗi năm. Bà Poulain, mẹ anh bác sĩ, sáu mươi bảy tuổi, sống những ngày cuối đời trong căn phòng ngủ thứ hai. Bà làm việc cho những người buôn bán quần. Bà khâu những ghệt, những quần bằng da, những dải đeo quần, những thắt lưng, tóm lại là tất cả những gì liên quan đến mặt hàng đã không còn thịnh hành ngày nay. Bạn coi sóc việc nội trợ và coi sóc người đầy tớ duy nhất của con trai, bà không ra ngoài bao giờ, chỉ hóng mát trong chiếc vườn nhỏ dẫn xuống bằng một chiếc cửa sổ sát đất của phòng khách. Góa bụa đã hai mươi năm nay, từ khi chồng chết, bà đã bán cửa hàng quần đùi cho người thợ hàng đầu của bà, người này dành công việc cho bà để bà có thể kiếm được chừng ba mươi xu mỗi ngày. Bà đã hy sinh hết cho việc giáo dục người con trai độc nhất của bà, mong muốn, bằng bất cứ giá nào, đặt con vào địa vị cao hơn địa vị của ông bố nó. Kiêu hãnh với thằng Esculape của mình, tin ở những thành công của con, bà tiếp tục hy sinh hết thảy cho con, sung sướng được chăm nom con, được tiết kiệm cho con, chỉ mơ ước con được sung túc và yêu con một cách thông minh là điều mà không phải bà mẹ nào cũng biết làm. Vì vậy, bà Poulain luôn nhớ rằng mình chỉ là một người thợ, bà không muốn làm hại cho con hoặc làm trò cười, làm đầu đề cho mọi người khinh miệt, vì người đàn bà tốt bụng ấy nói lú chữ S cũng như mụ Cibot nói lú chữ N; bà tự mình trốn trong buồng khi tình cờ có một vài

khách hàng thanh lịch nào đến nhờ anh bác sĩ khám bệnh, hoặc khi các bạn đồng học, đồng nghiệp của con đến chơi. Cho nên chưa bao giờ anh bác sĩ phải xấu hổ về bà mẹ mà anh tôn kính, bà mẹ tuy chẳng được học hành gì nhưng được bù đắp thích đáng bằng tình âu yếm cao cả ấy. Số tiền bán cửa hàng thu được khoảng hai mươi nghìn phơ-răng, bà góa đem đặt vào Sổ Cái năm 1820 và một nghìn một trăm phơ-răng lợi tức thu được là toàn bộ gia sản của bà. Cho nên, trong một thời gian dài, hàng xóm thấy quần áo của anh bác sĩ và của bà mẹ phơi trên dây ở ngoài vườn. Người đầy tớ và bà Poulain tiết kiệm giặt giũ tất cả mọi thứ ở nhà. Cái chi tiết trong nội bộ gia đình ấy có hại nhiều cho anh bác sĩ, người ta không muốn thừa nhận tài năng của anh khi thấy anh nghèo đến thế. Một nghìn một trăm phơ-răng lợi tức tiêu vào tiền thuê nhà. Công việc của bà Poulain, bà già thấp béo tốt bụng ấy, trong thời gian đầu cũng đủ cho mọi việc chi tiêu của cái hộ nghèo này. Sau mười hai năm kiên nhẫn trên con đường sỏi đá gồ ghề, anh bác sĩ cuối cùng cũng kiếm được một nghìn êquy mỗi năm, thế là bà Poulain lúc ấy có thể sử dụng chừng năm nghìn phơ-răng. Đối với ai đã hiểu Paris, thì biết rằng đó là khoản cần thiết tối thiểu.

Cái phòng khách mà những người khám bệnh ngồi chờ, được bày biện xoàng xĩnh một cái tràng kỷ tấm thường – bằng gỗ đào hoa tâm, phủ nhung hoa Utrecht màu vàng – , bốn chiếc ghế bành, sáu ghế dựa, một bàn chân quỳ và một cái bàn uống trà, những thứ trên kế thừa của người chuyên may quần đùi đã quá cố và tất cả đều do ông ta lựa chọn. Chiếc đồng hồ quả lắc, luôn luôn đặt trong quả cầu thủy tinh, giữa hai giá đèn Ai Cập, mang dáng một chiếc đàn lia. Người ta tự hỏi không biết bằng cách nào mà những tấm rèm treo ở cửa sổ lại có thể tồn tại lâu đến thế, vì chúng được làm bằng vải trúc bầu màu vàng in hình hoa hồng đỏ sản xuất ở Jouy. Oberkampf đã được Hoàng đế khen về những sản phẩm gấm ghiếc ấy của công nghiệp vải năm 1809. Văn phòng của anh bác sĩ cũng được bày biện theo cách ấy, đồ đạc trong căn phòng của ông bố vừa đủ vào việc này. Nó khô khan, nghèo nàn và lạnh lẽo. Người bệnh

nào có thể tin vào tài năng của một thầy thuốc đã không tên tuổi, lại chẳng có đồ đặc gì, ở một thời đại mà Quảng cáo có thể lực ghê gớm, thời đại người ta mạ vàng những cột đèn ở quảng trường Concorde để an ủi người nghèo bằng cách thuyết phục họ rằng họ là một công dân giàu có?

Phòng đợi dùng làm phòng ăn. Cô đẩy tờ làm việc ở đấy khi không bận công việc bếp núc hoặc không ngồi hầu bà mẹ anh bác sĩ. Người ta đoán ra, ngay từ khi mới bước vào, sự khốn cùng tươm tất ngự trị trong căn hộ buồn thảm ấy, vắng ngắt trong nửa ngày, khi nhìn thấy những tấm rèm nhỏ bằng vải mútxolin màu hung ở cửa sổ của căn phòng trông ra sân. Những tủ hộc tường chắc là chứa đựng những mẫu patê ăn thừa đã lên mốc, những đĩa sứ, những nút chai dùng đi dùng lại, những chiếc khăn để hàng tuần, tóm lại là những sự ô nhục có lý do của những gia đình nhỏ ở Paris mà từ đấy chỉ có thể vút vào giỏ của những kẻ nhặt giẻ rách. Cho nên ở cái thời mà đồng trăm xu núp trong mọi lương tâm, lăn tròn trong mọi lời nói, thì anh bác sĩ, tuổi ba mươi, được phú cho một bà mẹ không có quan hệ giao thiệp, vẫn chưa có vợ. Trong mười năm, anh không gặp được một lý do còn con nào có thể dẫn tới câu chuyện tình trong các gia đình mà nghề nghiệp cho phép anh bước vào, vì anh chữa cho những người trong một vùng mà cuộc sống của họ tương tự với cuộc sống của anh; anh chỉ thấy những gia đình giống như gia đình anh – những gia đình viên chức nhỏ hoặc tiểu thủ công. Những khách hàng giàu có nhất của anh là những người hàng thịt, hàng bánh, những người buôn bán lẻ khá giả trong phường, những người thường cho rằng bệnh tự nhiên nó khỏi, để có thể trả cho bác sĩ tiền công khám bệnh là bốn mươi xu khi thấy anh ta đi bộ đến. Trong nghề thuốc, chiếc xe độc mã còn cần thiết hơn là tri thức.

Một cuộc sống tầm thường, không có may rủi, cuối cùng tác động đến tinh thần phiêu lưu nhất. Con người tự khuôn mình theo số phận, anh ta chấp nhận cái tầm thường của cuộc sống. Cho nên bác sĩ Poulain, sau mười năm hành nghề, tiếp tục làm cái công việc

của Sisyphe mà chẳng có những thất vọng đã khiến những ngày đầu tiên của mình phải cay đắng. Tuy nhiên, anh ấp ủ một mơ ước, vì mọi người ở Paris đều có mơ ước cả. Rémonencq nuôi một ước mơ, cụ Cibot cũng có ước mơ của mình. Bác sĩ Poulain hy vọng được mời đến bên một bệnh nhân giàu và có thế lực, sau đó – do ảnh hưởng của bệnh nhân ấy mà chắc chắn anh chữa khỏi – anh kiếm được chân thầy thuốc trưởng ở một bệnh viện, thầy thuốc ở nhà tù hoặc của các nhà hát nhỏ trên đại lộ, hoặc của một bộ. Và chẳng anh ta đã kiếm được chân thầy thuốc ở tòa thị chính bằng cách này. Được cụ Cibot dẫn tới, anh đã trông nom, chữa bệnh cho cụ Pillerault, chủ sở hữu tòa nhà mà vợ chồng Cibot là những người gác cổng. Cụ Pillerault, là ông bác ngoại của bà bá tước Popinot – vợ ông bộ trưởng – quan tâm đến chàng trẻ tuổi mà nổi khổ cực bị giấu kín đã được cụ dò ra trong một chuyến đến thăm cảm ơn, cụ đòi ông bộ trưởng là cháu cụ, người sùng bái cụ, cho một chỗ mà anh bác sĩ đã làm việc từ năm năm nay, và khoản lương bổng còm cõi đã đến đúng lúc để ngăn chặn ở anh một quyết định dữ dội, đó là di cư. Đối với một người Pháp, phải rời bỏ nước Pháp là một tình thế bi thảm. Bác sĩ Poulain định đến cảm ơn bá tước Popinot, nhưng vì ông thầy thuốc của vị chính khách này là Bianchon trứ danh, nên anh chàng đi xin xỏ hiểu rằng mình chưa thể đến cái nhà ấy được. Anh bác sĩ nghèo – sau khi tưởng là sẽ giành được sự che chở của một trong số những ông bộ trưởng có thế lực, một trong số mười hai hoặc mười lăm quân bài mà một bàn tay quyền thế xáo trộn từ mười sáu năm nay trên tám thảm xanh của bàn Nội các – thấy mình lại rơi vào phường Marais, ở đó anh lợi bị bõm trong nhà những người nghèo, những người tiểu tư sản, và ở đó anh có trách nhiệm xác nhận những cái chết, đồng lương một nghìn hai trăm phơ-răng mỗi năm.

Bác sĩ Poulain, sinh viên y khoa nội trú khá xuất sắc, nay trở thành thầy thuốc thực hành thận trọng, không thiếu gì kinh nghiệm. Và lại, những người chết của anh không làm om xòm, và

anh có thể nghiên cứu mọi tật bệnh *trên một sinh vật ít giá trị*¹. Các bạn hãy nghĩ xem anh ta chưa cay hần học trong lòng như thế nào! Cho nên bộ mặt của anh ta – vốn đã dài thườn thượt và buồn thiu – đôi khi trở nên đáng sợ. Các bạn hãy đặt vào trong một tấm giấy da màu vàng cặp mắt nầy lửa của Tartuffe và vẻ chua chát của Alceste; rồi các bạn hãy hình dung ra dáng đi, tư thế, ánh mắt của con người ấy – kẻ tự thấy mình cũng hoàn toàn là một thầy thuốc giỏi như Bianchon trứ danh – nhưng lại bị một bàn tay sắt giữ chặt trong một môi trường tăm tối! Bác sĩ Poulain không thể dằn lòng không so sánh khoản thu nhập mười phơ-răng trong những ngày may mắn của anh với thu nhập của Bianchon lên tới năm hoặc sáu trăm phơ-răng! Đấy không phải là để thấu hiểu mọi sự căm ghét của nền dân chủ hay sao? Vả chăng, kẻ tham vọng bị ức chế ấy chẳng có gì tự trách mình cả. Anh đã thử vận may bằng cách sáng chế ra những viên thuốc xỏ, giống như thuốc của Morisson. Anh đã gửi gắm sự khai thác thứ thuốc ấy cho một người bạn ở bệnh viện, một sinh viên y khoa nội trú trở thành dược sĩ; nhưng anh dược sĩ, do say mê một nữ diễn viên phụ của Nhà hát Tạp kịch, nên đã bị phá sản, và vì tấm bằng sáng chế những viên thuốc xỏ mang tên y, nên phát kiến lớn ấy đã làm giàu cho kẻ kế nghiệp. Chàng sinh viên y khoa nội trú xưa kia đã đi Mêhico – xứ sở của vàng – mang luôn cả một nghìn phơ-răng tiền tiết kiệm của Poulain tội nghiệp và Poulain, gọi là để an ủi, bị cô diễn viên đóng vai phụ coi như kẻ cho vay nặng lãi khi anh đến tìm cô ta để đòi lại tiền. Từ dịp may chữa bệnh cho cụ già Pillerault, không một khách hàng giàu có nào tìm đến nữa. Poulain cuốc bộ chạy khắp Marais, như một con mèo còm nhom, và phải hai mươi lần khám bệnh mới có hai lần được trả bốn mươi xu. Đối với anh, người khách trả tiền tử tế là con chim huyền ảo được gọi là Con Sáo trắng trong mọi thế giới thần tiên.

1. Nguyên văn tiếng Latinh: *in anima vili*, thường dùng để nói về các thí nghiệm khoa học trên loài vật.

Người luật sư trẻ không có vụ kiện, người thầy thuốc trẻ không có khách hàng chính là hai biểu hiện lớn nhất của cảnh Tuyệt vọng tươm tất, đặc biệt ở thành phố Paris, nổi Tuyệt vọng căm lạng và lạnh lẽo ấy, mặc bộ quần áo đen với những đường may bạc trắng gọi ta nhớ đến lớp kẽm phủ tầng áp mái, một chiếc gilê sa tanh sáng bóng, đội một chiếc mũ được giữ gìn thiêng liêng, mang đôi găng tay cũ và những chiếc sơ mi bằng vải trúc bầu. Đây là bài thơ của nỗi buồn, tối tăm như những Ngục thất ở Conciergerie. Những cảnh nghèo khổ khác như của nhà thơ, của nghệ sĩ, của diễn viên, của nhạc sĩ, được làm cho vui lên bởi tính tình vui vẻ tự nhiên của nghệ thuật và bởi tính khí vô tâm của giới lưu đặng là nơi mà ban đầu người ta bước vào nhưng lại dẫn đến chốn cô tịch của thiên tài! Nhưng hai bộ quần áo đen kia đi bộ, được khoác bởi hai nghề chỉ toàn liên quan đến thương tật, và nhân loại chỉ phô ra cho chúng những mặt xấu xa; trong buổi đầu cơ cực, hai con người này đều có những biểu hiện tai ác, khiêu khích, trong đó nổi căm hờn và tham vọng bị dồn nén, đã lóe ra bằng những cái nhìn tương tự như đám cháy đang âm ỷ bùng bùng lên. Khi hai người bạn đồng học gặp nhau sau hai mươi năm xa cách, anh giàu trách anh bạn nghèo, anh ta không nhận ra bạn, anh ta ghê sợ những vực thẳm mà số phận đã đặt giữa hai người. Người này thì đi khắp cuộc đời trên những con ngựa không chịu đựng yên của Vận may hoặc trên những đám mây vàng của Thắng lợi; còn người kia thì đi ngâm dưới những cống rãnh của Paris và mang những vết ô nhục của chúng. Biết bao nhiêu người bạn cũ đã lảng tránh anh bác sĩ khi trông thấy cái áo rơlanhgot và cái áo gilê của anh!

Bây giờ thì dễ dàng hiểu bác sĩ Poulain đã đóng tốt vai trò của mình trong tấn hài kịch về mối nguy của mù Cibot như thế nào. Mọi khát khao, mọi tham vọng đều đoán ra được cả. Khi không thấy một thương tổn nào trong một bộ phận cơ thể nào của mù gác cổng, khi thấy mạch của mù đập đều đặn, các động tác của mù hoàn toàn thoải mái, và khi nghe mù kêu rõ to, anh ta hiểu ngay rằng mù nói ồm nói đau là có lợi lộc gì đây. Sự chữa khỏi mau chóng một chứng

bệnh nặng giả vờ, có thể gây tiếng cho anh ở trong Quận, anh ta liền phóng đại lên tình trạng sức khỏe sa sút theo lời mụ Cibot, anh ta nói là phải chữa chạy từ từ đúng lúc. Cuối cùng anh ta bắt mụ gác cổng phải dùng thuốc này thuốc nọ, phải chịu một cuộc phẫu thuật tưởng tượng, tất cả đều được hoàn thành với một kết quả trọn vẹn. Trong vô số những vụ chữa chạy đặc biệt của Desplein, anh tìm thấy một trường hợp kỳ quái; anh đem nó áp dụng vào mụ Cibot, anh khiêm tốn nói rằng thành công là nhờ nhà phẫu thuật đại tài, còn mình chỉ là người bắt chước ông ta. Đó là những cái táo bạo của những người mới vào nghề ở Paris. Tất cả làm thành chiếc thang cho họ để trèo lên sân khấu; những vì tất cả đều mòn hồng di, ngay cả những chân thang cũng thế, nên những người mới vào nghề của mỗi nghề nghiệp không còn biết dùng thứ gỗ nào để làm thang nữa. Có những lúc nào đấy, người Paris phản ứng lại với sự thành công. Dựng mãi dài bệ cũng ngán, y hờn dỗi như những đứa bé được nuông chiều và không muốn những thần tượng nữa; hoặc nói cho đúng, đôi khi họ thiếu những người có tài để hâm mộ. Chất quặng từ đó chiết xuất ra tài năng có những khiếm khuyết của nó; người Paris lúc ấy chống đối lại, họ không muốn lúc nào cũng mạ vàng hoặc tôn thờ những cái tầm thường.

Khi bước vào xống xộc như mọi lần, mụ Cibot bắt gặp anh bác sĩ đang ăn cùng với bà mẹ già – ăn món xà lách làm bằng rau mát là loại xà lách rẻ tiền nhất – và để tráng miệng, chỉ có một miếng phomát xứ Brie mỏng dính, giữa một cái đĩa lèo tèo những quả được gọi là món tứ quả, trong đó thấy có nhiều cuống nho, và một cái đĩa đựng những quả táo gây guộc.

– Mẹ ơi, mẹ có thể cứ ngồi lại, – Anh thấy thuốc vừa nói vừa nắm cánh tay bà Poulain – đây là bà Cibot mà con đã nói với mẹ đấy.

– Kính chào cụ, thưa cụ, chào ông, thưa ông. – Mụ Cibot vừa nói vừa ngồi vào chiếc ghế dựa anh bác sĩ đưa cho –Ồ, thế ra đây là bà cụ thân sinh ra ông! Cụ thật là sung sướng có một người con

tra nhiều tài năng; bởi đây là người đã cứu sống tôi đấy, thưa cụ, ông ấy đã kéo tôi từ vực thẳm lên...

Bà góa Poulain thấy mẹ Cibot có vẻ đáng mến khi nghe thấy mẹ khen con trai mình như thế.

– Thưa ông Poulain thân mến, tôi đến chính là để nói với ông, nói riêng với ông, rằng ông Pons tội nghiệp ốm lắm, rằng tôi có chuyện phải nói với ông, có liên quan đến ông ấy...

– Ta sang phòng khách đi. – Bác sĩ Poulain vừa nói vừa chỉ cô hầu cho mẹ Cibot bằng một cử chỉ đầy ý nghĩa.

Sang đến phòng khách rồi, mẹ Cibot giải thích dài dòng về vị trí của mẹ với hai Cái – kẹp – quả – phỉ, mẹ nhắc lại chuyện cho vay của mẹ một cách thêm mắm thêm muối và kể ra vô vàn công việc mà mẹ đã giúp cho các ông Pons và Schmucke từ mười lăm năm nay. Cứ nghe mẹ nói, thì hai ông già kia không thể tồn tại được nữa nếu không có những sự chăm sóc như mẹ chăm con của mẹ. Mẹ làm ra vẻ như mình là một thiên thần và nói biết bao điều dối trá tưới thêm nước mắt, đến nỗi mẹ cuối cùng đã làm mỉm lòng bà Poulain già cả.

– Thưa ông thân mến, – Mẹ nói để kết thúc – xin ông hiểu cho rằng cần được biết rõ ông Pons định làm cho tôi như thế nào trong trường hợp ngộ ông ấy chết; đó là điều tôi chẳng muốn lắm đâu, vì trông nom hai con người ngây thơ ấy, cụ thấy đấy thưa cụ, đấy là cuộc đời tôi; nhưng nếu thiếu một trong hai người, thì tôi coi sóc người kia. Tôi đây, Tự nhiên đã sinh ra tôi để kinh dịch với Tình mẫu tử. Không có ai để tôi quan tâm, để tôi coi như con tôi, thì tôi không biết sẽ ra sao... Vậy thì, nếu ông Poulain vui lòng, xin ông làm giúp cho một việc mà tôi sẽ rất biết ơn, đó là nói về tôi cho ông Pons biết. Lạy Chúa, một nghìn phơ-răng lợi tức hưởng đến trọn đời, là quá nhiều ư? Tôi xin hỏi ông điều đó... Đấy cũng là khoản tiền đỡ được cho ông Schmucke... Lúc ấy, người bệnh thân mến của tôi đã nói với tôi rằng ông ta sẽ gửi gắm tôi lại cho ông người Đức

tội nghiệp kia là người mà trong ý nghĩ ông ta định cho thừa kế... Nhưng một người không nói nổi lấy một câu bằng tiếng Pháp và lại còn có thể đi về nước Đức vì ông ta sẽ rất thất vọng về cái chết của bạn, thì ra thế nào?...

– Bà Cibot thân mến ơi, – Anh bác sĩ trở nên nghiêm trang trả lời – những loại công việc ấy không liên quan gì đến các thầy thuốc, và việc hành nghề của tôi sẽ bị cấm nếu người ta biết rằng tôi nhúng tay vào những di chúc của một số khách hàng của tôi. Luật pháp không cho phép một thầy thuốc được nhận di tặng của người bệnh...

– Luật gì mà ngu đến thế! Vì có gì ngăn cản tôi chia di tặng của tôi với ông? – Mụ Cibot lập tức trả lời.

– Tôi xin nói thêm, – Bác sĩ nói – lương tâm người thầy thuốc cấm tôi nói với ông Pons về cái chết của ông ấy. Trước hết, bệnh tình ông ấy chưa đến nỗi nào; sau nữa, nếu tôi nói ra thì sẽ gây nên cho ông ấy một xúc động đột ngột có thể khiến ông ấy choáng váng và làm cho bệnh tình ông ấy trở thành vô phương cứu chữa...

– Nhưng tôi chẳng nề hà, – Mụ Cibot kêu lên – để bảo ông ấy lo thu xếp mọi công việc đi thôi, và có vì thế mà ông ấy ốm hơn đâu... Ông ấy là như thế mà!... Việc gì mà sợ.

– Đừng nói với tôi thêm gì nữa, bà Cibot thân mến ạ... Những chuyện ấy không thuộc lĩnh vực y học mà có quan hệ đến các công chứng viên...

– Nhưng ông Poulain thân mến ơi, nếu chính ông Pons hỏi ông là tình trạng của ông ấy hiện nay ra sao, và nếu ông ấy lo tính trước mọi chuyện, thì lúc ấy, ông đừng từ chối bảo ông ấy rằng muốn phục hồi sức khỏe thì tốt nhất là thu xếp mọi việc đâu vào đấy... Rồi ông gài vào nói một tiếng về tôi...

– À, nếu ông ấy nói với tôi về việc làm chúc thư thì tôi không can ngăn ông ấy đâu. – Bác sĩ Poulain nói.

– Ô, thế là thỏa thuận rồi đấy nhé! – Mụ Cibot thốt lên – Tôi đến để cảm ơn ông về những sự chăm sóc của ông. – Mụ vừa nói tiếp vừa giúi vào tay anh bác sĩ một gói giấy bọc ba đồng tiền vàng – Đây là tất cả những gì tôi có thể làm được lúc này. Ôi, nếu tôi giàu thì ông cũng sẽ giàu, ông Poulain thân mến ạ, ông là hình ảnh của Chúa lòng lành trên trái đất đấy!... Thưa cụ, cụ có ông con trai là một thiên thần đấy!

Mụ Cibot đứng dậy, bà Poulain chào mụ một cách thân mật, và anh bác sĩ tiễn mụ đến tận chỗ đầu cầu thang. Ở đấy, bà Macbeth ghé tòm của đường phố lóe lên trong đầu một ánh sáng khủng khiếp; mụ hiểu rằng anh thấy thuốc phải là kẻ đồng lõa của mụ, vì anh ta đã nhận tiền thù lao về chuyện chữa bệnh giả vờ.

– Thế nào, thưa ông Poulain tốt bụng? – Mụ bảo anh ta – Sau khi đã chữa cho tôi khỏi cái tai nạn của tôi, ông còn không chịu cứu tôi ra khỏi cảnh nghèo khổ bằng cách nói vài lời hay sao?...

Anh thầy thuốc cảm thấy đã để cho quỷ dữ tóm được mình bằng một sợi tóc, và sợi tóc ấy cuộn lại trên chiếc móng vuốt tàn nhẫn màu đỏ. Khiếp sợ vì đánh mất đức lương thiện của mình vì chuyện cón con, anh ta đáp lại ý nghĩ quỷ quái ấy bằng một ý nghĩ không kém phần quỷ quái.

– Xin hãy nghe đây, bà Cibot thân mến ạ! – Anh ta vừa nói vừa đẩy mụ quay vào và dẫn mụ đến văn phòng của anh ta – Tôi sẽ trả bà món nợ ơn huệ mà tôi đã chịu ơn bà, nhờ bà mà tôi được một chỗ làm ở tòa thị chính...

– Chúng ta sẽ chia nhau. – Mụ sốt sáng nói.

– Gì kia? – Anh bác sĩ hỏi.

– Của thừa kế. – Mụ gác cổng trả lời.

– Bà không biết tôi rồi – Bác sĩ đáp lại và làm như ta đây là Valérius Publicola¹ – Ta đừng nói về chuyện ấy nữa. Tôi có người

1. Một trong những người sáng lập nhà nước La Mã, và nổi tiếng liêm khiết.

bạn đồng học, một chàng trai rất thông minh, và chúng tôi càng gần bó với nhau vì đã cùng có những may mắn như nhau ở đời. Trong khi tôi nghiên cứu y học, thì anh ta học luật; trong khi tôi là sinh viên y khoa nội trú thì anh ta làm công việc sao chép ở văn phòng một viên đại tưng – thầy Couture. Là con trai người thợ đóng giày – cũng như tôi là con trai một người chuyên may quần đùi –, anh ta không kiếm được những tình cảm nồng hậu ở xung quanh và anh ta cũng chẳng kiếm được vốn liếng; vì suy cho cùng, vốn liếng chỉ có được nhờ cảm tình. Anh ta chỉ có thể mở văn phòng ở tỉnh lẻ, ở Mantes... Thế mà người tỉnh lẻ lại ít hiểu về những mảnh lối Paris, đến nỗi người ta đã gây hàng nghìn chuyện cà khịa với anh bạn tôi.

– Đồ vô lại! – Mụ Cibot kêu lên.

– Vàng, – Bác sĩ nói tiếp – vì người ta liên minh với nhau chống lại anh ta đến nỗi anh ta bị buộc phải bán lại văn phòng vì những vụ việc mà người ta đã khéo vận vẹo khiến anh ta thành sai lầm; ông Biện lý Pháp đình đã nhúng tay vào; vị quan tòa này là người của địa phương, ông ấy đứng về phe những người địa phương. Anh chàng tội nghiệp ấy, còn gầy và xơ xác hơn cả tôi nữa kia, cũng đi thuê chỗ ở như tôi, tên là Fraisiert, đến lánh nạn ở Quận mình; anh ta phải rút về biện hộ – vì anh ta là luật sư – trước Tòa án hòa giải và Tòa án vi cảnh. Anh ta ở gần đây, phố Perle. Bà hãy đến nhà số chín, trèo lên ba tầng gác, và ở chỗ đầu cầu thang, bà thấy những chữ vàng: VĂN PHÒNG ÔNG FRAISIER trên một ô vuông nhỏ bằng da dê thuộc màu đỏ. Fraisiert đặc biệt phụ trách những vụ tranh chấp của những ông gác cổng, những thợ thuyền và của mọi người nghèo trong Quận mình, với giá cả vừa phải. Đây là một người tử tế, vì nếu anh ta là kẻ bất lương, thì tôi không cần phải nói với bà rằng với năng lực của anh ta, anh ta có thể lên xe xuống ngựa được lắm. Tôi sẽ đến gặp anh bạn Fraisiert tối nay. Bà hãy đến nhà anh ta vào ngày mai, lúc sáng sớm, anh ta biết ông Louchard, giám thị thương mại; ông Tabareau, mõ tòa của Tòa án hòa giải; ông Vitel, thẩm phán hòa giải; và ông Trognon, công chứng viên: anh ta đã

giao du với những nhân vật được trọng vọng nhất ở phường. Nếu anh ta đảm nhận công việc cho bà, nếu bà làm thế nào để ông Pons tội nghiệp chọn anh ta làm cố vấn, thì rồi bà sẽ thấy, bà sẽ có ở anh ta một hiện thân thứ hai của chính bà đấy. Duy chỉ có điều bà đừng đưa ra những đề nghị liên kết này nọ xúc phạm đến danh dự của anh ta như bà đã làm với tôi; nhưng anh ta nhạy bén lắm, hai người sẽ hiểu ý nhau. Rồi, còn việc biết đến công lao của anh ấy, tôi sẽ là người trung gian cho bà...

Mụ Cibot nhìn anh bác sĩ một cách tinh quái.

– Có phải đấy là ông luật gia, – Mụ nói – đã từng giúp cho chị bán hàng xén ở phố Vieille – du – Temple, chị Florimond thoát khỏi tình huống bế tắc, liên quan đến gia tài của người tình của chị ta ấy phải không?

– Chính anh ta đấy! – Bác sĩ nói.

– Thật là ghê tởm, – Mụ Cibot kêu lên – sau khi nhận được của ông ta hai nghìn phơ-răng lợi tức, cô ả đã từ chối lời cầu hôn của ông ta và ả cho rằng – người ta đồn thế – đã thanh toán xong xuôi khi đưa cho ông ta mười hai chiếc áo sơ mi bằng vải Hà Lan, hai mươi bốn chiếc khăn tay, tóm lại là cả một đồng quần áo!

– Bà Cibot thân mến ơi, – Bác sĩ nói – chỗ quần áo đáng giá một nghìn phơ-răng và Fraasier lúc ấy mới vào nghề ở phường, cũng rất cần đến nó. Vả lại, chị ấy đã thanh toán hóa đơn chi phí mà chẳng so kè gì... Cái vụ ấy còn khiến cho Fraasier có nhiều vụ khác, anh ta bây giờ thì bận rộn lắm rồi; nhưng theo tôi, các khách hàng của chúng tôi đều như nhau cả...

– Chỉ có những người chính trực là khổ ở dưới trần gian này! – Mụ gác cổng trả lời – Thôi, tạm biệt và cảm ơn nhé, ông Poulain thân mến.

Đến đây bắt đầu tấn kịch, hoặc nếu các bạn muốn, tấn hài kịch kinh khủng về cái chết của một người độc thân, bị sự đời phó mặc

cho lòng lang dạ sói của những kẻ tham lam tụ tập bên giường ông ta và trong trường hợp này, chúng có thêm sự tiếp tay của đam mê cuồng nhiệt nhất – đam mê của một lão mê tranh, thói háms lợi của Fraasier – là kẻ sẽ làm các bạn phải rùng mình nếu nhìn thấy y trong hang ổ của y – và cơn khát của một gã miền Auvergne dám làm được hết thấy, cả đến một tội ác để vợ của. Và chẳng, tấn hài kịch ấy – mà phần này của câu chuyện có thể xem như màn dạo đầu – có diễn viên là tất cả những nhân vật cho đến lúc này vẫn đang chiếm lĩnh sân khấu.

Sự làm cho hèn hạ của các từ ngữ là một trong những điều kỳ cục của phong tục mà muốn giải thích, thì cần phải có nhiều tập sách. Viết cho một viên đại tọng mà gọi ông ta là người làm nghề luật, thì các bạn sẽ xúc phạm ông ta cũng y như các bạn xúc phạm một người buôn bán hàng hóa thuộc địa, nếu các bạn gửi cho hắn bức thư như thế này: Thưa ông X, bán hàng tạp hóa. Một số khá đông những người thuộc giới xã giao lẽ ra phải biết – vì đây là tất cả khoa học của họ – những điều tế nhị của phép lịch sự, thì lại chưa biết rằng nếu gọi một tác giả là người làm văn chương tức là chửi rủa họ một cách tệ hại nhất. Từ ngữ “ông” là ví dụ tiêu biểu nhất của cái sống và cái chết của các từ ngữ. “Ông” ý muốn nói “Đức ông”. Danh xưng ấy, ngày xưa hết sức quan trọng, ngày nay dùng cho tất cả mọi người, còn khi dùng cho vua chúa thì chuyển hóa từ “ông” (sieur) thành “bệ hạ” (sire); tuy nhiên từ “các ông”, hai từ “ông” ghép lại với nhau, đã làm đầy lên những bài báo trong các tờ báo cộng hòa khi tình cờ người ta thấy nó được đặt trong một thiếp tang lễ. Quan tòa, tham biện, luật học gia, thẩm phán, luật sư, công chứng lại, viên đại tọng, mõ tòa, tham nghị, nha lại, biện sự và biện hộ, là những Dạng thức để sắp xếp những người làm việc trong ngành tư pháp. Hai nấc cuối cùng của thang bậc ấy là *người làm nghề luật*, và người làm nghề luật thông thường được gọi là trợ lý nhân viên chấp hành, là nhân viên tư pháp *tình cờ*, anh ta ở đây để tham dự việc thi hành các bản án; đối với những bản án dân sự,

thì đây là một tên đao phủ ngẫu nhiên. Còn về *người làm nghề luật*, đây là sự lãng nhục đặc biệt đối với nghề nghiệp. Anh ta trong ngành tư pháp, cũng giống như người làm văn chương trong lĩnh vực văn chương. Trong tất cả các nghề nghiệp, ở Pháp, sự cạnh tranh ăn tươi nuốt sống chúng đã tìm được những lời gièm pha. Mỗi trạng thái lại có sự nhục mạ riêng. Những từ *người làm văn chương*, *người làm nghề luật* khi dùng ở số nhiều thì không còn mang ý nghĩa khinh bỉ nữa. Người ta rất có thể nói *những người làm văn chương*, *những người làm nghề luật* mà chẳng xúc phạm đến ai. Nhưng ở Paris, mỗi nghề lại có những mặt hạng¹ của chúng – những cá nhân đặt nghề nghiệp ngang với khách hàng phường phố, với dân chúng. Cho nên người làm nghề luật – những viên biện sự nhỏ – vẫn còn tồn tại trong một số phường như người ta vẫn còn thấy ở Halle, người cho vay nặng lãi ngắn hạn, vị trí của y trong ngành ngân hàng cũng giống như vị trí của gã Fraasier trong hội các đại tụng. Thật là điều kỳ lạ! Người dân thường sợ những viên công chứng như sợ những quán ăn lịch sự. Họ nói với những tay biện sự như thể họ đến uống rượu ở quán. Sự bình đẳng là luật chung của những phạm vi xã hội khác nhau. Chỉ có những con người ưu tú mới thích trèo lên những tầm cao, mới không đau khổ khi thấy mình đứng trước những người bề trên, mới tìm lấy chỗ đứng cho mình như Beaumarchais đã để rơi chiếc đồng hồ của một đại lãnh chúa định hạ nhục mình, nhưng cũng có những kẻ hãnh tiến – nhất là những kẻ biết quảng đi các tã lót của chúng – là những ngoại lệ hùng tráng.

Ngày hôm sau, lúc sáu giờ sáng, mục Cibot ngắm nghía ngôi nhà người cố vấn tương lai của mục đang ở tại phố Perle, ông Fraasier người làm nghề luật. Đây là một trong những ngôi nhà cổ, nơi ở của tầng lớp tiểu trưởng giả ngày xưa. Người ta vào nhà bằng một lối đi. Tầng dưới – một phần là chỗ ở của người gác cổng và là cửa hàng

1. Nguyên văn: Oméga.

của một người thợ đóng đồ gỗ quý, có những xưởng, những kho
ngổn ngang một cái sân nhỏ phía trong – bị chia cắt bởi lối đi và cái
khung cầu thang đã bị diêm tiêu và ẩm ướt hủy hoại. Ngôi nhà này
đường như bị bệnh hủi gặm mòn.

Mụ Cibot đi thẳng đến phòng gác cổng, gặp một bạn đồng
nghiệp của Cibot, một người thợ giày, vợ và hai đứa con nhỏ của ông
ta ở trong một không gian mười bộ vuông, ánh sáng từ chiếc sân nhỏ
hắt vào. Hai người đàn bà tâm đầu ý hợp ngay tức khắc khi mụ
Cibot kể về nghề nghiệp của mụ, xưng tên và nói đến căn nhà của
mụ ở phố Normandie. Sau mười lăm phút nói chuyện, trong thời
gian ấy, mụ gác cổng của Fraiser làm bữa lót dạ cho ông thợ giày
và hai đứa trẻ, mụ Cibot lái câu chuyện sang những người thuê nhà
và nói về người làm nghề luật.

– Tôi đến hỏi ý kiến ông ấy về công việc. – Mụ nói – Một người
bạn của ông ấy, là bác sĩ Poulain, chắc đã giới thiệu tôi với ông ấy.
Bà biết ông Poulain chứ?

– Tôi tin chắc là thế! – Mụ gác cổng ở phố Perle đáp – Ông ấy
đã cứu sống con gái tôi mắc bệnh bạch hầu đấy!

– Ông ấy cũng đã cứu tôi, tôi ấy, bà ạ! Ông Fraiser ấy, ông ấy
là người thế nào?

– Đấy là một người, bà thân mến ạ, – Mụ gác cổng nói – một
người rất khó moi tiền cước phí thư từ vào lúc hết tháng.

Câu trả lời ấy là đủ cho mụ Cibot khôn ngoan.

– Người ta có thể nghèo và lương thiện. – Mụ trả lời.

– Tôi rất mong như thế. – Mụ gác cổng của Fraiser nói tiếp –
Chúng ta chẳng có lắm vàng, lắm bạc, cũng chẳng có nhiều xu;
nhưng chúng ta chẳng nợ một đồng xèng của bất cứ ai.

Mụ Cibot nhận ra mình trong cách nói năng ấy.

– Tóm lại, thì bà em thân mến, – Mụ nói tiếp – người ta có thể tin cậy vào ông ấy, có phải không?

– Ô! Chết chửa, khi ông Fraasier muốn làm điều thiện cho ai thì, tôi đã nghe chị Florimond nói là không ai... sánh tầy...

– Thế tại sao chị ấy lại không lấy ông ta? – Mụ Cibot sốt sắng hỏi – Vì chị ấy đã nhờ ông ta mà giàu có. Một chị bán hàng xén, lại do một ông già nuôi bao, mà trở thành vợ một ông luật sư thì được lắm chứ?...

– Tại sao à? – Mụ gác cổng vừa nói vừa kéo mụ Cibot ra lối đi – Bà định lên nhà ông ấy, có phải không, thưa bà?... Thôi được, khi bà đã vào văn phòng của ông ấy, thì bà sẽ hiểu tại sao ngay.

Cầu thang được hắt ánh sáng vào từ một chiếc sân nhỏ qua những cửa sổ có rãnh trượt, báo trước rằng trừ người chủ sở hữu và ông Fraasier ra, thì những người ở thuê khác làm các nghề cơ khí. Những bậc cầu thang nhem nhuốc mang dấu ấn của mỗi nghề nghiệp khi phô ra trước mắt những mảnh đồng vụn, những núm vít, những đồ vật vãnh bằng vải sa, bằng đồ đan lát. Những người học việc ở các tầng trên vẽ ra đây những biếm họa tục tĩu. Câu nói sau cùng của mụ gác cổng kêu gọi óc tò mò của mụ Cibot, tất nhiên khiến mụ quyết định lên hỏi ý kiến ông bạn của bác sĩ Poulain, nhưng có nhờ ông ta giúp cho công việc của mụ không thì còn chờ xem ấn tượng của mụ ra sao đã.

– Đôi khi tôi tự hỏi không biết làm thế nào mà bà Sauvage có thể gắn bó với công việc phục dịch ông ấy được. – Mụ gác cổng nói dưới hình thức bình luận khi đi theo mụ Cibot – Tôi đi theo bà, thưa bà, – Mụ nói thêm – vì tôi mang sữa và báo lên cho ông chủ.

Lên đến tầng hai phía trên tầng lửng, mụ Cibot đứng trước một cái cửa trông xấu ời là xấu. Lớp sơn màu đỏ quạch được phết lên một bề rộng hai mươi phân, cái lớp đen đen do các bàn tay để lại sau một thời gian, mà các nhà kiến trúc đã tìm cách khắc phục ở các

căn hộ lịch sự bằng cách gắn những tấm kính lên phía trên và phía dưới ổ khóa. Ô cửa nhỏ của cánh cửa ấy – được bít lại bằng xỉ như thứ xỉ mà các ông chủ quán ăn đã sáng chế ra để tăng tuổi lên cho những chai rượu đã đến lúc uống được – chỉ làm cho cái cửa xứng đáng với biệt danh của nhà tù, và phù hợp với những nếp sắt hình ba múi, với những bản lề gớm ghê, với những cái đầu đinh to tướng. Một anh hà tiện nào đấy hoặc một anh nhà báo quèn nào đấy đang gây gỗ với tất cả mọi người chắc đã sáng tạo ra những thứ ấy. Chậu nước thải bị các thứ nước rác đổ vào, tăng thêm mùi hôi thối trong cầu thang mà trên trần bày ra la liệt những hình thù được vẽ bằng khối nặn, và những hình thù mới kỳ quái làm sao! Sợi dây kéo ở đầu có buộc một hình quả ôliu cấu ghét, làm rung lên một cái chuông nhỏ tiếng yếu ớt chứng tỏ chuông bị nút rạn. Mỗi vật là một nét ăn ý với toàn bộ bức tranh gớm ghiếc ấy. Mụ Cibot nghe tiếng bước chân nặng nề và tiếng thở rít vì chứng hen suyễn của một người đàn bà lực lưỡng. Và mụ Sauvage hiện ra! Đây là một trong những bà già được Adrian Brauwer hình dung ra trong tác phẩm *Những mụ phù thủy đi dự lễ Sabbath*, một phụ nữ cao năm bộ sáu pút, mặt như mặt lính và nhiều râu hơn mặt mụ Cibot gấp bội, người béo phì, mặc một cái áo dài thảm hại bằng vải Rouen rẻ tiền, đội một chiếc khăn bằng vải dệt sợi bông xen tơ, cuốn tóc bằng những tài liệu in mà ông chủ được tặng không mất tiền, đeo ở tai những thứ bánh xe bằng vàng. Mụ gác cửa dữ tợn kia cầm ở tay một cái chảo con bằng sắt tây, móp mép, sữa tràn ra lại phả vào cầu thang một thứ mùi nữa, ở đây chỉ thoảng qua thôi, tuy vị hăng của nó khiến người ta phải lợm giọng.

– Có việc gì thế, thưa *pà*? – Mụ Sauvage hỏi.

Và về đe dọa, mụ nhìn lên mụ Cibot – mà chắc hẳn mụ cho là ăn mặc quá sang trọng – một cái nhìn trông càng hiểm độc hơn do đôi mắt của mụ vốn đã đỏ như máu.

– Tôi đến gặp ông Fraisiert do bạn ông ấy là bác sĩ Poulain giới thiệu.

– Xin mời vào, thưa *pà*. – Mụ Sauvage trả lời với vẻ đột nhiên trở nên rất niềm nở chứng tỏ rằng mụ đã được báo trước về cuộc viếng thăm mới sáng sớm này.

Và, sau khi chào hết sức cung kính, mụ giúp việc nửa đàn ông của Fraiser mở bật cửa căn phòng làm việc trông ra phố, trong đó là viên đại tụng trước kia của Mantes. Cái phòng này giống hệt những văn phòng nhỏ mõ tòa hạng ba, trong đó những tủ hồ sơ đều bằng gỗ sơn đen, trong đó những hồ sơ lâu ngày đến mốc meo lụ khụ, theo cách nói của luật sinh thực tập, trong đó những sợi dây đỏ lòng thông một cách thảm hại, trong đó những hộp hồ sơ xem ra có chuột bỏ nó giỡn, trong đó sàn nhà xám xỉn bụi và trần nhà thì vàng ố khói. Gương ở lò sưởi mờ đục, những giá để củi bằng gang xếp lèo tèo vài thanh củi; chiếc đồng hồ quả lắc bằng gỗ dát hiện đại, giá sáu mươi phơ-răng, đã mua được trong một lần bán nào đấy do hiệu lực của tòa án, và những giá nệm kèm theo thì bằng kẽm nhưng bắt chước vụng về theo kiểu rococo, và nước sơn, nhiều chỗ đã bị tróc để lộ ra kim loại. Fraiser – con người nhỏ bé, khô khan và ốm yếu, mặt đỏ, có những cái mụn chứng tỏ máu xấu, anh ta còn liên tục gãi cánh tay phải, và bộ tóc giả đội lật quá ra phía sau để lộ một cái sọ màu gạch vẽ dữ dằn – đứng dậy từ một chiếc ghế bành bằng cây sậy, lót chiếc nệm tròn bằng da dê thuộc màu xanh. Anh ta lấy vẻ tươi cười và lấy một giọng véo von để vừa nói vừa đẩy ra một chiếc ghế dựa.

– Bà Cibot, phải không ạ?

– Vâng, thưa ông. – Mụ gác cổng đáp, mắt hẳn vẻ tự tin thường ngày.

Mụ Cibot hoảng sợ vì giọng nói ấy, giọng nói khá giống giọng của cái chuông cửa, và vì một cái nhìn còn xanh hơn cả cặp mắt xanh lơ của người cố vấn tương lai của mụ. Căn phòng thẩm đẫm hơi hướng Fraiser đến nỗi người ta phải tin rằng không khí ở đây độc hại. Mụ Cibot bấy giờ mới hiểu tại sao chị Florimond lại không trở thành bà Fraiser.

– Poulain đã nói với tôi về bà, thừa bà thân mến. – Người làm nghề luật nói bằng một giọng giả mà người ta gọi một cách thông tục là *giọng nhỏ nhẹ* nhưng vẫn chua và nhạt nhẽo như một thứ rượu vang ở địa phương vậy.

Đến đây, viên biện sự này cố kéo lên trên những chiếc đầu gối nhọn hoắt phủ vải bông đã quá sờn, hai vạt của chiếc áo mặc trong nhà đã cũ bằng vải trúc bầu in hoa mà bông lót đã tự do lòi cả ra ngoài qua nhiều chỗ rách, nhưng lớp bông nặng đã kéo những vạt áo xuống, để hở một chiếc áo chèn bằng nỉ đã hơi xỉn. Sau khi đã xiết chặt lại, với vẻ hơi hợm hĩnh, chiếc dây thắt của cái áo mặc trong nhà ngang ngạnh để làm nổi bật lên thân hình như cây sậy của mình, Fraiser dùng chiếc kẹp nhỏ cho chụm lại hai mẩu gỗ cháy dở nằm tách biệt nhau từ lâu như hai anh em thù địch. Rồi nảy ra một ý nghĩ đột ngột, y đứng dậy gọi to:

– Bà Sauvage ơi.

– Sao kia?

– Tôi không tiếp ai cả nhé.

– Vâng, tất nhiên! Biết thế rồi. – Mụ đàn bà có tướng đàn ông trả lời với giọng oang oang.

– Đây là bà vú nuôi cũ của tôi. – Người làm nghề luật bối rối nói với mụ Cibot.

– Bà ấy còn nhiều *sữa*¹ lắm. – Nữ nhân vật chính của khu Halles ngày xưa đáp.

Fraiser cười vì trò chơi chữ và cài then cửa lại để mụ nội trợ của y khò vào làm đứt đoạn lời tâm sự của mụ Cibot.

– Nào, thưa bà, xin hãy nói rõ cho tôi nghe vụ việc của bà. – Y vừa nói vừa ngồi xuống và luôn luôn cố co kéo chiếc áo mặc trong

1. Nguyên văn: *laid*, chơi chữ trên cơ sở từ đồng âm: *lait* (sữa) và *laid* (cái xấu).

nhà – Một người đã được anh bạn duy nhất ở đời của tôi giới thiệu đến với tôi thì có thể tin ở tôi... à... một cách tuyệt đối.

Mụ Cibot nói liền trong nửa giờ đồng hồ mà viên biện sự không hề mạo muội ngắt lời; y có vẻ tò mò của một anh lính trẻ ngồi nghe một người lính già kỳ cựu. Sự im lặng và phục tùng của Fraasier, sự chăm chú mà y dường như dành cho những lời ba hoa tuôn ra như thác lũ – mà ta đã thấy trong những cảnh giữa mụ Cibot và Pons tội nghiệp – đã làm cho mụ gác cổng hay ngờ vực vứt bỏ một số đề phòng mà bao nhiêu chi tiết nhớp nhúa vừa gợi lên ở mụ. Khi mụ Cibot ngừng lại và mụ chờ một lời khuyên thì người làm nghề luật bé nhỏ mà cặp mắt xanh có chấm đen đã nghiên cứu xong mụ khách hàng tương lai, lên một cơn ho như từ quan tài vọng ra, y phải vớ lấy một cái bát sứ đựng đến lưng bát nước cỏ vắt, và uống cạn.

– Không có Poulain thì tôi đã chết rồi, bà Cibot thân mến ạ. – Fraasier trả lời cái nhìn thăm tình mẫu tử của mụ Cibot – Nhưng anh ấy sẽ trả lại cho tôi sức khỏe, anh ấy bảo thế...

Y có vẻ như đã quên mất những lời tâm sự của mụ khách hàng đang tính chuyện rời bỏ một người sắp chết như thế.

– Thừa bà, về vấn đề thừa kế, thì trước khi tiến tới, phải hiểu biết hai việc, – Viên đại tụng cũ ở Mantes nói tiếp và trở nên nghiêm trang – Thứ nhất, là của thừa kế có xứng đáng với công khó nhọc bỏ ra hay không, và thứ hai, là người thừa kế là những ai; bởi vì nếu của thừa kế là chiến lợi phẩm, thì những người thừa kế là kẻ thù.

Mụ Cibot nói đến Rémonencq, đến Élie Magus, và bảo rằng hai kẻ ranh mãnh ấy định giá bộ sưu tập tranh là sáu trăm nghìn phơ-răng.

– Liệu họ có mua với giá ấy không?... – Viên đại tụng cũ ở Mantes hỏi – Vì bà thấy không, thưa bà, những người kinh doanh không tin vào các bức tranh đâu. Một bức tranh, đấy là bốn mươi xu tiền vải hoặc một trăm nghìn phơ-răng tiền hội họa! Thế mà, những bức họa loại một trăm nghìn phơ-răng đều biết rõ cả, và sai lầm biết

mấy trong tất cả những giá trị ấy, kể cả những bức nức tiếng nhất! Một nhà tài chính có tiếng tăm – mà phòng trưng bày đã được ca tụng, được đến xem và được in bản khắc (in bản khắc!) – coi như đã tiêu hàng triệu... Ông ta chết, vì ai nấy đều chết cả, thế mà này, những bức tranh *thật sự* của ông ta cũng không để ra được hơn hai trăm nghìn phơ-răng đâu. Phải đưa tôi đến các ông ấy mới được... Bây giờ ta nói sang những người thừa kế.

Và Fraasier lại chuyển sang tư thế của người nghe. Khi nghe tên ông chánh án Camusot, y lắc đầu một cái kèm theo cái nhăn mặt làm cho mục Cibot hết sức chú ý; mục cố đọc trên cái trán ấy, trên cái diện mạo ghê gớm ấy, và thấy cái mà trong công việc làm ăn người ta gọi là một cái *đầu gỗ*.

– Vâng, thưa ông thân mến, – Mục Cibot nhắc lại – ông Pons của tôi chính là anh họ của ông chánh án Camusot de Marville, ông ta nói lái nhại với tôi về tình họ hàng ấy đến hai lần mỗi ngày. Bà vợ thứ nhất của ông Camusot bán tơ lụa...

– Ông ta mới được phong nguyên lão nước Pháp...

– Là một bà Pons, chị em con chú con bác của ông Pons.

– Họ là anh em cháu chú cháu bác...

– Họ chẳng còn là gì với nhau nữa, họ đã bất hòa với nhau rồi.

Ông Camusot de Marville, trong năm năm, đã làm chánh án tòa án Mantes, trước khi đến Paris. Không phải ông ta chỉ để lại những kỷ niệm, mà còn giữ lại những mối quan hệ nữa; vì người kế nhiệm ông ta – vị thẩm phán thân thiết nhất của ông ta trong thời gian ông ta lưu lại đấy – vẫn làm chánh án tòa án và bởi thế, hiểu thấu đáo Fraasier.

– Bà biết không, thưa bà, – Y nói khi mục Cibot đã ngừng của cống màu đỏ ở cái mồm nói như thác đổ của mục – bà có biết rằng bà sẽ có kẻ thù chủ yếu là một người có thể đưa thiên hạ lên đoạn đầu đài không?

Mụ gác cổng nhảy bật lên một cái trên ghế khiến mụ giống như con búp bê của cái đồ chơi gọi là *bất ngờ*.

– Hãy bình tĩnh, bà thân mến ạ! – Fraiser nói tiếp – Bà không biết thế nào là ông chánh án phòng công tố của Pháp viện hoàng gia, thì cũng dễ hiểu thôi, nhưng bà phải biết rằng ông Pons có một người thừa kế tự nhiên hợp pháp. Ông chánh án De Marville là người thừa kế duy nhất và độc nhất của người bệnh của bà, nhưng ông ấy là bàng hệ ở bậc thứ ba, vậy thì ông Pons có thể, theo pháp luật, làm điều ông ta muốn đối với của cải của ông ta. Bà còn không biết rằng con gái ông chánh án đã cưới, ít ra là đã sáu tuần lễ nay, người con cả của ông bá tước Popinot, nguyên lão nước Pháp, cựu Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Thương mại, một trong những người có thế lực nhất của chính trường hiện nay. Liên minh ấy làm cho ông chánh án còn ghê gớm hơn là sự ghê gớm của ông ta với tư cách chúa tể của tòa đại hình.

Mụ Cibot lại rung mình thêm nữa khi nghe cái từ này.

– Vâng, chính ông ta đưa bà đến đây. – Fraiser nói tiếp – Ôi, thưa bà thân mến, bà không biết thế nào là một cái áo dài đỏ đâu! Có một cái áo dài đen đơn giản chống lại mình đã là quá đủ rồi! Nếu bà thấy tôi sa sút, hoi cả đầu, hấp hối thế này... thì chính là vì đã vấp phải một viên chuông lý nhỏ, bình thường ở tòa án tỉnh lẻ, mà không biết. Người ta đã ép tôi phải bán lỗ vốn văn phòng của tôi, và sung sướng mà chuồn dù mất hết tài sản. Nếu tôi muốn kháng cự, thì tôi không thể giữ được nghề luật sư của tôi. Điều bà còn chưa biết nữa, là nếu chỉ liên quan đến ông chánh án Camusot, thì cũng chẳng đến nỗi nào, nhưng bà thấy đấy, ông ta có một bà vợ!... Và nếu bà mặt đối mặt với người đàn bà ấy, thì bà sẽ run lên như bà bước tới bậc thứ nhất của đoạn đầu đài vậy, tóc bà sẽ dựng đứng cả lên trên đầu. Bà chánh án còn hay oán thù đến mức bỏ ra mười năm để nhử bà vào bẫy cho bà chết! Bà ấy điều khiển chồng như một đứa trẻ con chơi con quay. Trong đời mình, bà ấy đã gây nên vụ tự tử ở nhà ngục

Conciergerie của một chàng trai tuần tú, bà ấy đã tẩy trắng bong một ông bá tước bị buộc tội giả mạo. Bà ấy suýt nữa đã làm cho một trong những bậc đại thần lớn nhất của triều đình Charles X bị đình chỉ quyền quản lý tài sản. Cuối cùng, bà ấy đã lật đổ quan Chương lý, ông De Grandville...

– Ông ta ở Vieille – rue – du – Temple, bên góc phố Saint François. – Mụ Cibot nói.

– Chính ông ấy đấy. Nghe đồn bà ấy muốn làm cho chồng thành bộ trưởng bộ Tư pháp, và tôi không biết là bà ấy có đạt được mục đích không... Nếu bà ấy có ý định đưa cả hai chúng ta đến tòa đại hình và đến nhà tù, mà tôi thì vô tội như đứa bé mới sinh – tôi sẽ lấy một hộ chiếu và sang Mỹ..., vì tôi hiểu rõ Tòa án lắm. Thế mà, bà Cibot thân mến ạ, để có thể gả cô con một cho cậu tử tước Popinot – người, như lời đồn, sẽ thừa kế ông chủ sở hữu nhà của bà là cụ Pillerault – bà chánh án đã dốc toàn bộ gia sản, đến nỗi bây giờ ông chánh án và vợ bị đẩy tới chỗ phải sống với đồng lương của chức vụ chánh án. Và bà thân mến ạ, bà tưởng rằng trong những hoàn cảnh như thế, bà chánh án sẽ chẳng màng đến việc thừa kế ông Pons của bà hay sao?... Nhưng tôi thà phải đương đầu với những thân công đại bác còn hơn là biết có một người đàn bà như thế chống lại mình...

– Nhưng, – Mụ Cibot nói – họ đã bắt hòa...

– Điều đó thì có sao? – Fraisier nói, – Lại thêm một lý do nữa! Giết một người bà con rầy rà, đấy là điều ít nhiều đáng kể, nhưng còn thừa kế của người ấy, thì đấy là một niềm thích thú!

– Nhưng ông lão ghê tởm những người thừa kế của mình; ông ấy nhắc đi nhắc lại với tôi rằng bọn người ấy – tôi nhớ tên của họ, ông Cardot, ông Berthier,... – đã nghiền nát ông ấy như cái xe bò đè trên quả trứng vậy.

– Bà có muốn bị nghiền nát như thế không?

– Chúa ơi! Chúa ơi! – Mụ gác cổng kêu lên – Ôi, bà Fontaine đã có lý khi bảo rằng tôi sẽ gặp trở ngại, nhưng bà ấy bảo tôi sẽ thành công...

– Hãy nghe tôi, bà Cibot thân mến ạ... Bà rút ra được từ vụ này ba mươi nghìn phơ-răng, thì có thể được; nhưng còn như thừa kế thì đừng nghĩ đến nữa... Chúng tôi, bác sĩ Poulain và tôi, đã chuyện trò với nhau về bà và về việc của bà lúc tối hôm qua...

Đến đây, mụ Cibot lại thót người lên một cái nữa trên ghế.

– Này, bà làm sao thế?

– Nhưng nếu ông hiểu hết công việc của tôi, thì tại sao ông đã để cho tôi nói mãi như khourou thế?

– Bà Cibot ơi, tôi biết việc của bà, nhưng tôi chẳng biết gì về bà Cibot hết! Có bao nhiêu khách hàng, thì có bấy nhiêu tính cách...

Đến đây, mụ Cibot nhìn gã cố vấn tương lai của mụ bằng một cái nhìn lạ lùng trong đó bùng lên toàn bộ sự ngờ vực của mụ, Fraiser bắt chợt được cái nhìn này.

– Tôi nói tiếp. – Fraiser bảo – Vậy là anh bạn Poulain của tôi đã nhờ bà mà có quan hệ với cụ già Pillerault, ông bác của bà bá tước Popinot và đây là một trong những danh nghĩa của bà để được tôi tận tâm. Poulain đến gặp ông chủ của bà (xin ghi nhớ điều này!), cứ mười lăm ngày một lần, và hẳn đã được ông ta cho biết mọi chi tiết ấy. Ông cụ thương gia này đã dự đám cưới của cháu trai (vì đây là một ông bác để thừa kế, ông cụ có ước mười lăm nghìn phơ-răng lợi tức gì đấy; và từ hai mươi nhăm năm nay, ông cụ sống như một thầy tu, tiêu xấp xỉ một nghìn êquy một năm), và ông cụ đã kể toàn bộ việc cưới xin cho Poulain nghe. Hình như cuộc cãi cộ ồn ào ấy chính là do ông lão nhạc sĩ của bà gây ra, ông ta muốn bồi nhọ gia đình ông chánh án để trả thù. Chỉ nghe một chuông thì chỉ hiểu một phía... Người bệnh của bà tự cho là hiền lành, nhưng thiên hạ lại xem ông ta như một quái vật...

– Ông ta là một quái vật thì chẳng làm tôi ngạc nhiên! – Mụ Cibot kêu lên – Ông thử tưởng tượng xem, mười năm trời nay tôi đã đổ của cải của tôi vào đấy, ông ta biết việc ấy, ông ta xài tiền tiết kiệm của tôi, mà ông ta không muốn ghi tên tôi vào di chúc của ông ta... Không, thưa ông, ông ta không muốn, ông ta cứng đầu lắm, thật đúng là một con lừa... Đã mười ngày nay tôi nói với ông ta về việc ấy, mà cái lão ngợm ấy vẫn ỳ ra như phỗng. Ông ta không hé răng, ông ta nhìn tôi ra vẻ... Nhiều lắm ông ta cũng chỉ nói với tôi là ông ta gửi tôi lại cho ông Schmucke.

– Ông ta định làm chúc thư cho ông Schmucke kia thừa kế à?

– Ông ta sẽ cho ông kia tất...

– Xin hãy nghe đây, bà Cibot thân mến ạ, để có được những ý kiến dứt khoát, để định ra được một kế hoạch, tôi cần phải biết ông Schmucke, cần phải thấy của thừa kế là những gì, tôi cần phải trao đổi với lão Do Thái mà bà nói đến; và bây giờ để cho tôi chỉ đạo bà...

– Rồi sẽ hay, ông Fraasier thân mến ạ!

– Sao? Rồi sẽ hay à? – Fraasier vừa nói vừa phóng về phía mụ Cibot một cái nhìn của loài rắn độc và nói bằng giọng nói tự nhiên của y – Ôi, thế đấy! Tôi là cố vấn hay không phải là cố vấn của bà đây? Ta cần phải thỏa thuận rõ với nhau.

Mụ Cibot cảm thấy bị đoán trúng, mụ thấy lạnh xương sống.

– Tôi hoàn toàn tin ở ông. – Mụ trả lời, cảm thấy mình ở dưới quyền một con cạp.

– Những đại tụng chúng tôi đã quen với sự phản bội của khách hàng. Hãy xét kỹ vị trí của bà mà xem: thật là tuyệt. Nếu bà làm theo lời khuyên của tôi, từng điểm một, thì bà sẽ có – tôi bảo đảm với bà như thế – ba mươi hoặc bốn mươi nghìn phơ-răng trong món thừa kế ấy... Nhưng cái huân chương đẹp đẽ này có một mặt trái. Giả định rằng bà chánh án biết là di sản của ông Pons

dáng giá một triệu, biết là bà muốn cắt xén vào đó, vì luôn luôn có những người nhận trách nhiệm nói những chuyện ấy ra!... – Y nói trong ngoặc đơn.

Dấu ngoặc đơn ấy – mở ra và đóng lại bằng hai chỗ ngắt – làm mục Cibot run rẩy, mục nghĩ ngay rằng Fraiser sẽ đảm đương việc mách bảo.

– Bà khách thân mến ơi, chỉ trong mười phút, sẽ có lệnh từ cụ già Pillerault đuổi bà ra khỏi phòng gác công và người ta cho bà hai giờ để dọn đi...

– Thế thì có làm sao!... – Mục Cibot vừa nói vừa đứng phắt dậy – Tôi sẽ ở lại nhà các ông ấy như người đàn bà tâm phúc của họ.

– Nay, thấy thế, người ta sẽ giương lên cho bà một cái bẫy, và vào một buổi sáng đẹp trời, bà và chồng bà sẽ thức dậy trong một nhà ngục, bị kết tội tử hình...

– Tôi!.. – Mục Cibot kêu lên – Tôi, là người không nợ người khác một đồng xu!... Tôi!... Tôi!...

Mục nói liền trong năm phút, và Fraiser quan sát nữ nghệ sĩ vĩ đại ấy biểu diễn bản côngxéc-tô ca ngợi bản thân mình. Y lạnh lùng, điệu cợt, con mắt nhìn xuyên qua mục Cibot như một lưỡi dao găm – y cười thâm trong bụng – bộ tóc giả khô động đậy. Đây là Robespierre ở thời đại mà gã Sylla người Pháp ấy làm những bài thơ tứ tuyệt.

– Thế nào nào? Tại sao nào? Vì có gì nào? – Mục hỏi để kết thúc.

– Bà có muốn biết là bà có thể bị chặt đầu như thế nào không?

Mục Cibot sụp xuống, nhợt nhạt như một người chết, vì câu nói ấy rơi xuống cổ mục như một lưỡi dao của pháp luật. Mục nhìn Fraiser, vẻ nhớn nhác.

– Hãy chú ý nghe ta, mục ơi. – Fraiser nói tiếp và cố nén một cơn thỏa mãn do nỗi kinh hãi của mục khách hàng gây nên cho y.

– Tôi thà dừng lại tất cả mọi việc ở đây. – Mụ Cibot lâm bầm nói.

Và mụ muốn đứng lên.

– Hãy ngồi lại đã nào, vì bà phải biết mối nguy hiểm của bà, tôi cần phải nói cho bà rõ. – Fraasier nói một cách hống hách – Bà bị cụ Pillerault đuổi đi, điều đó không còn nghi ngờ gì nữa, có phải thế không? Bà trở thành tôi tớ cho hai ông chủ ấy, rất tốt! Đây là lời tuyên chiến giữa bà chánh án và bà. Bà, bà muốn làm tất cả để chiếm lấy cái di sản kia, bằng cách này hay cách khác...

Mụ Cibot làm một cử chỉ.

– Tôi không chê trách bà đâu, đấy không phải là vai trò của tôi. – Fraasier nói để trả lời cử chỉ của mụ khách hàng – Vụ việc này là một trận đánh, và bà sẽ còn đi xa hơn là bà nghĩ đấy! Người ta ngất ngây vì ý nghĩ của mình, người ta *đánh rất...*

Lại một cử chỉ chối từ khác của mụ Cibot, mụ uốn ngực vênh vào.

– Nào, nào, mẹ ranh ơi, – Fraasier nói tiếp với một sự suồng sã gớm guốc – bà chắc sẽ đi rất xa...

– À, thế đấy! Ông coi tôi như một con ăn cắp có phải không?

– Nào, mẹ ơi, mẹ có một tờ biên nhận của ông Schmucke không đắt giá lắm đối với mẹ... Ôi, mẹ ở đây để xưng tội đấy, mẹ thân mến ạ... Đừng đánh lừa vị linh mục nghe xưng tội của mẹ, nhất là khi người ấy có thể nhìn thấu tim đen của mẹ...

Mụ Cibot kinh sợ về sự sáng suốt của con người ấy và hiểu ngay tại sao y đã nghe mụ chăm chú đến tột bậc như vậy.

– Thôi được, – Fraasier nói tiếp – bà rất có thể chấp nhận rằng bà chánh án không để bà vượt qua trong cuộc chạy đua đến di sản này... Người ta quan sát bà, người ta dò la bà... Bà được ghi tên trong di chúc của ông Pons. Thật là tuyệt. Một ngày đẹp trời nào đấy,

công lý đến, người ta tóm được một ít thuốc sắc, người ta phát hiện dưới đáy của nó chất thạch tín, rồi bà và chồng bà bị bắt, bị xét xử, bị kết tội là đã giết ông Pons nhằm được hưởng khoản thừa kế... Ở Versailles, tôi đã biện hộ cho một người đàn bà tội nghiệp, cũng thật sự vô tội như bà trong trường hợp tương tự; sự việc thì như tôi đã nói với bà, và tất cả những gì tôi có thể làm được lúc ấy là cứu lấy mạng sống cho bà ta. Người đàn bà bất hạnh bị hai mươi năm lao động khổ sai ở Saint-Lazare.

Nỗi lo sợ của mẹ Cibot đã lên đến tột đỉnh. Nhột người ra, mẹ nhìn con người nhỏ bé khô khan, mắt xanh lợt, như mẹ Moresque khốn khổ – nổi tiếng là trung thành với tín ngưỡng – đã nhìn viên quan tòa dị giáo lúc mẹ nghe tuyên án là mình bị khép vào hỏa hình.

– Thế, ông Fraasier tốt bụng ơi, ông bảo rằng cứ để cho ông làm, cứ phó thác cho ông chăm sóc những quyền lợi của tôi, thì tôi sẽ được một cái gì đấy mà không phải sợ hãi gì, đúng không?

– Tôi bảo đảm với bà ba mươi nghìn phơ-răng. – Fraasier nói với tư cách con người tin chắc ở công việc mình làm.

– Thế thì, ông biết rằng tôi yêu mến ông đóc tờ Poulain đến thế nào. – Mẹ nói tiếp bằng một giọng mềm mỏng nhất – Chính ông ấy đã bảo tôi đến tìm ông, và con người đáng kính ấy không cử tôi đến đây để được nghe nói rằng tôi sẽ bị chặt đầu vì tội đầu độc...

Mẹ khóc như mưa, vì cứ nghĩ đến cái máy chém là mẹ lại thấy rùng mình, cân não mẹ xáo động lên, nỗi khiếp sợ bóp chặt lấy trái tim mẹ, mẹ cuống cuống lên. Fraasier thường thức thắng lợi của mình. Thấy mẹ khách hàng ngần ngại, y sợ công việc tuột khỏi tay, y đã muốn chế ngự mẹ Cibot, làm cho mẹ sợ hãi, làm cho mẹ kinh ngạc, làm cho mẹ phải lệ thuộc vào y, bị trói chân trói tay. Mẹ gác cổ bước vào trong văn phòng ấy, như con ruồi lao vào mạng nhện, phải ở lại đấy, bị dính chặt, bị xoắn lấy, bị làm mồi ngon cho tham vọng của gã nhân viên luật bé nhỏ đó. Quả thực là Fraasier muốn tìm lấy trong công việc này thức ăn cho tuổi già của y, sự sung túc,

sự hạnh phúc, sự kính trọng. Tối hôm trước, tất cả đã được cân nhắc kỹ, xem xét cẩn thận, tỷ mỉ, giữa Poulain và y. Gã bác sĩ đã miêu tả Schmucke cho anh bạn Fraasier của gã, và đầu óc linh hoạt của họ đã thăm dò tất cả các giả thuyết, xem xét mọi khả năng và những mối nguy hiểm. Fraasier trên đà phấn khởi đã kêu lên: – Của cải của hai chúng ta là ở trong ấy đấy! Và y đã hứa cho Poulain một chân bác sĩ trưởng của bệnh viện ở Paris, và y tự hứa với mình là sẽ trở thành thẩm phán hòa giải ở quận.

Trở thành thẩm phán hòa giải! Đối với con người đầy năng lực này – tiến sĩ luật và chân không tất – thì đấy là một con quái vật huyền thoại khó cười đến nỗi y nghĩ đến nó như những luật sư – bổ trợ nghĩ đến áo choàng pháp quan, những giáo sĩ Ý nghĩ đến cái mũ giáo hoàng vậy. Thật là một điều rõ đại! Thẩm phán hòa giải, ông Vitel – mà Fraasier đã phải biện hộ dưới quyền – là một ông già sáu mươi chín tuổi, khá ốm yếu, đã nói đến chuyện về nghỉ hưu, và Fraasier đã nói đến việc kế nhiệm ông ấy với Poulain, cũng như Poulain đã nói với y về việc lấy một phụ nữ thừa kế giàu có sau khi đã cứu sống chị ta. Người ta không biết là mọi vị trí có nhiệm sở ở Paris đã gọi lên những sự thèm muốn như thế nào đâu. Ở tại Paris là một ước mơ phổ biến. Một quầy bán lẻ thuốc lá, tem thư, vừa mới khuyết chỗ, thì hàng trăm phụ nữ đã nhất tề đứng dậy và huy động tất cả các bạn bè của mình để giành lấy nó. Sự khuyết một chân nào đó ở một trong hai mươi bốn phòng thu thuế của Paris cũng làm náo loạn những tham vọng ở Nghị viện! Những chỗ ấy về tay ai là do Nghị viện quyết định, việc bổ nhiệm là công việc Nhà nước! Và chẳng lương bổng của thẩm phán hòa giải, ở Paris, là vào khoảng sáu nghìn phơ-răng. Phòng lục sự của tòa án này là một chức trách đáng giá một trăm nghìn phơ-răng. Đấy là một trong những chỗ được khát khao nhất của hệ thống tư pháp. Fraasier, thẩm phán hòa giải, bạn một ông bác sĩ trưởng bệnh viện, lấy vợ giàu, và cưới vợ cho bác sĩ Poulain; họ tiếp tay cho nhau. Đêm đã lần cái trục lăn bằng chì của nó lên khắp mọi ý nghĩ của viên đại tụng cũ ở Mantes, và một kế hoạch ghê gớm đã nảy mầm, một kế hoạch rậm rạp, có

lắm thu hoạch và lắm thủ đoạn. Mụ Cibot là cái chốt chính của tấn kịch ấy. Cho nên, sự nổi loạn của cái công cụ kia cần phải được nén xuống; sự nổi loạn này không được dự kiến trước, nhưng viên đại tọng cũ vừa đánh gục mụ gác cổng táo tợn xuống chân y bằng cách tung ra tất cả sức mạnh của bản chất độc hại ở y.

– Bà Cibot thân mến ơi, nào, bà cứ yên tâm. – Y vừa nói vừa cầm tay mụ.

Bàn tay ấy – lạnh như da rắn – gây nên một cảm giác kinh khủng cho mụ gác cổng, sinh ra một thứ phản ứng cơ thể làm ngừng xúc động của mụ lại; mụ thấy con cóc Astaroth của bà Fontaine còn ít nguy hiểm khi chạm phải hơn là cái bình thuốc độc đội mái tóc giả màu đo đỏ và nói như tiếng cửa rít kia.

– Đừng tưởng rằng tôi làm cho bà khiếp sợ là sai. – Fraiser nói tiếp sau khi đã ghi nhận được phản ứng ghê rợn mới ấy ở mụ Cibot – Những vụ việc làm nên tiếng tăm đáng sợ của bà chánh án thì ai cũng biết ở Tòa án, đến nỗi bà có thể hỏi ý kiến bất cứ ai ở trên ấy. Vị đại lãnh chúa suýt bị bãi nhiệm, là hầu tước D’Espard. Hầu tước D’Esgrignon là người đã được cứu khỏi tù khổ sai. Chàng thanh niên giàu có, đẹp trai, đầy tương lai, tưởng lấy được một cô gái thuộc một trong những gia đình danh giá nhất nước Pháp, và đã treo cổ tự tử trong một cái ngục tối ở nhà ngục Conciergerie, là Lucien de Rubempré nổi tiếng mà vụ việc đã làm xôn xao dư luận cả Paris thời ấy. Vấn đề cũng liên quan đến một sự thừa kế, thừa kế một người phụ nữ được nuôi bao – cô Esther trứ danh, đã để lại nhiều triệu đồng, và người ta buộc cho chàng trai kia tội đã đầu độc cô ta, vì anh ta là người thừa kế được chỉ định trong di chúc. Nhà thơ trẻ ấy không có mặt ở Paris khi cô kia chết, cậu ta không biết mình là người được thừa kế!... Không thể nào còn vô tội hơn thế được nữa! Thế mà sau khi ông Camusot hỏi cung, thì chàng trẻ tuổi đã treo cổ trong ngục tối... Ngành Tư pháp cũng như Ngành Y, có những nạn nhân của nó. Trong trường hợp thứ nhất, người ta chết cho xã hội, trong trường hợp thứ hai, cho Khoa học. – Y nói, để lộ một nụ cười

khủng khiếp – Này, bà thấy rằng tôi biết sự nguy hiểm... Tôi đã sạt nghiệp vì ngành Tư pháp, chính tôi, một gã đại tụng quen, khốn khổ, vô danh tiểu tốt. Kinh nghiệm của tôi đắt giá đối với tôi, bây giờ hoàn toàn để phục vụ bà...

– Thực tình, không, xin cảm ơn... – Mụ Cibot nói – Tôi từ bỏ tất! Suýt nữa tôi đã là một kẻ bội bạc... Tôi chỉ muốn khoản tiền nợ của tôi thôi! Tôi đã ba mươi năm trung thực, ông ạ. Ông Pons bảo gửi gắm tôi lại trong chúc thư cho ông bạn Schmucke của ông ấy; thôi thì, tôi sẽ sống những ngày cuối đời ở nhà ông người Đức tử tế ấy...

Fraisier vượt quá mục đích, y đã làm nhụt chí mụ Cibot, và y buộc phải xóa đi những ấn tượng buồn mụ đã nhận được.

– Ta đừng thất vọng vì chuyện gì hết, – Y nói – bà hãy về nhà đi, hết sức im lặng. Đi đi, chúng ta sẽ dẫn dắt công việc đến nơi đến chốn.

– Nhưng tôi phải làm gì bây giờ, hả ông Fraasier thân mến, để có được lợi tức, và?...

– Không phải ân hận gì. – Y nhanh nhẹn ngắt lời mụ Cibot – Hừ, ấy chính vì cái kết quả ấy mà những người chạy việc được bày đặt ra. Người ta không thể có được gì trong những trường hợp ấy mà không bám vào những lời lẽ của pháp luật... Bà không biết luật, còn tôi thì tôi biết... Cùng với tôi, bà sẽ đứng về phía pháp chế, bà sẽ chiếm hữu được một cách êm ả, trước mắt thiên hạ, vì lương tâm là công việc riêng của bà.

– Này, – Mụ Cibot nói tiếp – ông hãy nói đi, những lời nói trên làm cho mụ tò mò và sung sướng.

– Tôi không biết, tôi chưa nghiên cứu vụ việc trong những cách thức của nó, tôi mới chỉ quan tâm đến những trở ngại. Trước tiên, bà thấy không, phải thúc đẩy tới di chúc, và bà sẽ không lạc đường đâu; nhưng trước hết, chúng ta phải biết rằng Pons sẽ tính để lại tài sản của mình cho ai, vì nếu bà là người thừa kế ông ấy...

– Không, không, ông ấy không yêu tôi! Ôi, nếu tôi đã biết giá trị những *bức chanh* của ông ấy, và nếu tôi đã hiểu những điều ông ấy nói với tôi về tình yêu của ông ấy, thì ngày hôm nay tôi đã chẳng lo lắng gì...

– Thế thì, – Fraiser nói tiếp – bà cứ tiếp tục đi! Những người hấp hối thường có những thói bốc đồng kỳ quặc, bà Cibot thân mến ạ, họ làm cho nhiều người thất vọng. Cứ để ông ta làm di chúc đi, rồi sau chúng ta sẽ xem. Nhưng trước hết, vấn đề là phải định giá những vật đưa vào làm di sản. Cho nên, hãy cho tôi gặp lão Do Thái, gặp Rémonencq, họ rất có ích cho chúng ta. Hãy hoàn toàn tin ở tôi, tôi hoàn toàn hết lòng với bà. Tôi là bạn của khách hàng của tôi – để thất bại hay tháo gỡ – khi họ là người của tôi. Là bạn hoặc là thù, đấy là tính cách của tôi.

– Thôi được, tôi sẽ hoàn toàn để tùy ông. – Mụ Cibot nói – Còn về tiền thù lao thì ông Poulain...

– Ta đừng nói về chuyện ấy. – Fraiser nói – Bà hãy nghĩ đến việc giữ nguyên Poulain ở đầu giường người ốm; anh bác sĩ là một trong những trái tim lương thiện nhất, trong sáng nhất mà tôi được biết... Và chúng ta cần có ở đấy, bà thấy không, một con người chắc chắn... Poulain còn hơn tôi, tôi đã trở nên độc ác mất rồi.

– Ông có vẻ thế đấy, – Mụ Cibot nói – nhưng tôi thì tôi tin ông...

– Và bà làm thế là đúng! – Y nói – Bà hãy đến gặp tôi mỗi khi có chuyện gì xảy ra, và bà hãy đi... Bà là một phụ nữ lạnh lợi, tất cả sẽ tốt thôi .

– Chào ông, ông Fraiser thân mến, chúc ông sức khỏe... xin phục vụ ông.

Fraiser tiễn khách đến tận cửa, ở đấy, cũng như hôm trước mụ nói với anh bác sĩ, y nói với mụ câu nói cuối cùng.

– Nếu bà có thể làm cho ông Pons yêu cầu lời khuyên của tôi, thì đấy là một bước tiến lớn của công việc...

– Tôi sẽ cố gắng. – Mụ Cibot trả lời.

– Này bà ơi! – Fraasier nói tiếp và kéo mụ Cibot vào lại tận văn phòng – Tôi rất quen ông Trognon, công chứng viên, đấy là công chứng viên của phường. Nếu ông Pons không có công chứng viên thì bà hãy nói với ông ấy về người đó..., hãy làm cho ông ấy nhận...

– Hiểu rồi. – Mụ Cibot trả lời.

Trong lúc quay về, mụ gác cổng nghe thấy tiếng sột soạt của một tà áo và tiếng chân bước nặng nề đang muốn đi rón rén. Khi đã ở ngoài phố và chỉ còn một mình, mụ gác cổng, sau khi đi được một lúc, mới lấy lại được trí óc minh mẫn. Tuy mụ chưa thoát khỏi ảnh hưởng của cuộc hội ý kia, và vẫn luôn luôn kinh hãi về đoạn đầu đài, về tòa án, về các quan tòa, mụ có một quyết định rất tự nhiên khiến cho mụ ngấm ngấm chống trả lại gã cố vấn kinh khủng của mụ.

– Này, – Mụ nghĩ thầm – ta cần gì mà phải tìm những người hợp tác? Ta cứ làm giàu, sau đó ta sẽ nắm lấy mọi thứ họ hiến cho ta để phục vụ cho lợi ích của họ...

Ý nghĩ ấy sẽ đẩy nhanh sự kết thúc của lão nhạc sĩ bất hạnh, như ta sẽ thấy.

– Này, ông Schmucke thân mến ơi, – Mụ Cibot vừa nói vừa bước vào nhà – người ốm yếu quý của chúng ta ra sao rồi?

– *Khung tốt tàu.* – Lão người Đức trả lời – *Bons fât fâ suốt têm*

– Thế ông ấy nói gì?

– *Những tiểu ngóc nghếch áy mà! Ung áy mún tui nắm toàn pợ tài sản của ung áy, fợi tiểu kiện là khung tước pán cái xì hết... Rồi ung áy khóc! Con người tội nghiệp! Tiểu tó làm tui tau lòng!*

– Chuyện ấy rồi sẽ qua thôi, ông ơi! – Mụ gác cổng nói tiếp – Tôi đã làm ông phải chờ bữa điểm tâm, vì lẽ đã hơn chín giờ rồi, nhưng thôi, đừng trách móc tôi nữa... Ông thấy không, tôi bận nhiều

công việc... liên quan đến ông. Thế là chúng ta chẳng còn có gì nữa, mà tôi đã kiếm được tiền!...

– *Fà păng cách nào?* – Nhạc công pianô hỏi.

– Còn bà cô tôi?

– *Pà cô nào?*

– Cái kế hoạch!

– *Kế hoạt nào?*

– Ôi, con người thân mến ơi, thật là ngây thơ! Không, ông là một vị thánh, nmột tình yêu, một tổng giám mục thơ ngây, một con người dễ dạn, như người diễn viên xưa đã nói. Sao! Ông đã ở Paris hăm chín năm nay rồi, ông đã thấy, cái... cách mạng tháng Bảy, mà ông không biết *hiệu cầm đồ*... những người làm nghề mãi biện cầm các đồ linh tinh của ông rồi cho ông vay tiền?... Tôi đã đem cầm tất cả những bộ đồ ăn bằng bạc của chúng tôi ở đấy, tám bộ có đường chỉ. Chà, Cibot sẽ ăn trong bộ đồ bằng hợp kim giả bạc. Được định giá khá lắm, người ta bảo thế. Và đừng mất công nói chuyện ấy với Thiên thần của chúng ta làm gì, chuyện ấy sẽ khiến ông ấy bực mình, chuyện ấy khiến ông ấy vàng ra và ông ấy hay cáu gắt như bây giờ cũng là đủ rồi. Chúng ta phải cứu lấy ông ấy trước đã, sau đấy sẽ hay. Nay, chuyện đâu rồi có đấy. Tình thế sao thì phải chịu, đúng không?...

– *Pà tốt bụng quá! Tâm hồn cao cả quá!* – Người nhạc công tội nghiệp nói và cầm lấy bàn tay mù Cibot đặt lên trái tim mình với vẻ xúc động.

Vị thiên thần này ngược nhìn lên trời, để lộ cặp mắt đầm lệ.

– Thôi đi, bố Schmucke ơi, bố thật là kỳ cục! Thật là quá lắm! Tôi là một bà già bình dân, tôi có trái tim phơi ra trên lòng bàn tay. Tôi có cái đó, ông thấy không, – Mụ vừa nói vừa đập tay vào ngực – cũng như hai ông là những tâm hồn bằng vàng...

– *Pố Schmucke ư?* – Lão nhạc sĩ nói tiếp – *Khung, tắm chìm trong tau puôn, úa những xọt nước mắt phẳng máu trong tóc, và ngược lên trời, tiêu áy làm tui tau xót! Tui sẽ khung sống nổi nếu Bons chết...*

– Tất nhiên, tôi tin điều đó, ông đến kiệt sức mất thôi... Nghe này, con cún ạ!

– *Ton tún ư?*

– Vậy thì, con trai ạ!

– *Ton chai ư?*

– Con cưng nhé, nếu ông muốn thế hơn.

– *Tiểu tổ khung sáng tỏ hơn...*

– Này, hãy để cho tôi trông nom ông, hướng dẫn ông, hoặc nếu ông cứ tiếp tục như thế thì, ông thấy đó, tôi sẽ có hai người ốm trên tay... Theo cái đầu óc thô thiển của tôi, thì chúng ta phải phân chia công việc với nhau. Ông không thể vào dạy học trong Paris nữa, vì việc ấy làm cho ông mệt, và ông chẳng làm được trò trống gì ở đây là nơi sẽ phải thức đêm vì ông Pons trở nên ngày càng ốm yếu hơn. Hôm nay tôi sẽ đến nhà tất cả các học trò của ông và bảo họ rằng ông ốm, có phải không?... Trong lúc ấy, ông sẽ thức đêm bên cạnh con cừu của chúng ta, và ông sẽ ngủ từ năm giờ sáng đến giả sử độ hai giờ trưa. Còn tôi, tôi sẽ phục dịch, đó là phần nặng nhọc nhất, phục dịch ban ngày, vì tôi phải cho ông ăn trưa, ăn tối, trông nom người ốm, nâng lên, xoay người, cho uống thuốc... Vì cứ như công việc tôi làm hiện nay, tôi sẽ không chịu đựng nổi đến mười ngày. Thế mà đã ba mươi ngày nay, chúng ta quần quật rồi. Và các ông sẽ ra sao, nếu tôi lăn ra ốm?... Còn ông nữa, hãy cứ thử nhìn mình mà xem, mới chăm sóc ông ấy có đêm qua, mà trông đến phát rùng mình...

Mụ dẫn Schmucke đến trước gương và Schmucke thấy mình đã thay đổi nhiều quá.

– Vậy thì, nếu ông nghe tôi, tôi sẽ làm gấp cho ông bữa ăn sáng. Rồi thì ông sẽ trông nom tiếp bệnh nhân thân yêu của chúng ta cho đến hai giờ. Nhưng ông phải đưa đây cho tôi bản danh sách các học trò, tôi sẽ đi báo tin xong ngay, và ông sẽ được tự do trong mười lăm ngày. Ông sẽ ngủ lúc tôi về, và ông sẽ nghỉ ngơi cho đến tối.

Đề xuất ấy khôn ngoan đến nỗi Schmucke tán thành ngay lập tức.

– Hãy đừng nói gì với ông Pons, vì ông biết đấy, ông ấy tin rằng hồng bút nếu chúng ta nói với ông ấy như thế là ông ấy sẽ đình chỉ công việc ở nhà hát và các bài giảng của ông ấy. Ông ấy sẽ tưởng rằng không còn thấy lại các học trò của mình nữa... Những điều ngu ngốc... Ông Poulain nói rằng chúng ta chỉ cứu được bé cưng của chúng ta khi để cho người ốm được hoàn toàn yên tĩnh...

– À, *tuyệt! Tuyệt! Pà hãy ti làm pữa sáng ti, tui sẽ làm pản danh sách và sẽ tuta các tịa chỉ!... Pà nói phải, tui xin chịu!...*

Một giờ sau, mụ Cibot diện quần áo đẹp vào, đi xe ngựa bốn bánh trước sự ngạc nhiên hết sức của Rémonencq và tự bảo sẽ đóng xứng đáng vai người phụ nữ tin cậy của hai Cái – kẹp – quả – phỉ trong tất cả các ký túc xá, ở nhà tất cả những người có các cô học trò của hai ông nhạc sĩ.

Không cần phải thuật lại những điều lải nhải khác nhau như những biến tấu của một đề tài, được mụ Cibot thực hiện ở nơi những cô giáo phụ trách ký túc xá và ở trong các gia đình, chỉ cần cái cảnh diễn ra trong văn phòng Giám đốc của ÔNG GAUDISSERT TRÚ DANH mà mụ gác cổng bước vào, không phải là không có những khó khăn chưa từng được nghe thấy là đủ. Những giám đốc nhà hát ở Paris được bảo vệ nghiêm ngặt hơn các ông vua và các vị bộ trưởng. Lý do của những rào chắn kiên cố dựng lên giữa họ và phần còn lại của loài người thật là dễ hiểu: các vua chúa chỉ phải chống lại những tham vọng; còn những ông giám đốc nhà hát thì phải sợ lòng tự ái của diễn viên và của tác giả.

Mụ Cibot vượt qua mọi khoảng cách bằng sự thân thiết đột ngột lập nên giữa mụ và người đàn bà gác cổng. Những người gác cổng nhận ra nhau như tất cả những ai cùng nghề nghiệp. Mỗi nghề nghiệp có những *Shiboleth*¹ riêng, cũng như có những thiết thời và những vết ô nhục của nó.

– À thưa bà, thế ra bà là người gác cổng của nhà hát đấy! – Mụ Cibot nói – Còn tôi, tôi chỉ là kẻ gác cổng quèn của một ngôi nhà ở phố Normandie là nơi ở của ông Pons, người chỉ huy dàn nhạc của bà. Ô, nếu được ở vào vị trí của bà thì tôi sẽ sung sướng biết bao, được thấy những diễn viên, những vũ nữ, những tác giả đi qua! Nói như ông diễn viên nọ ngày xưa, thì đấy là chiếc gậy thống chế của nghề mình đấy.

– Thế ông ấy ra sao rồi, ông Pons trung thực ấy? – Bà gác cổng hỏi.

– Ông ấy chẳng ra ngoài một bước, đã hai tháng nay ông ấy không ra khỏi giường, và ông ấy sẽ rời nhà hai chân ra trước, chắc chắn là thế.

– Đấy sẽ là một mất mát...

– Vâng. Ông ấy phái tôi đến đây để nói rõ tình thế của ông ấy với ông giám đốc của bà; bà ơi, bà hãy cố làm sao để tôi nói với ông ta...

– Một bà do ông Pons phái đến!

Bà gác cổng chuyển mụ Cibot cho anh bồi ở nhà hát làm công việc phục vụ ở văn phòng, và anh bồi báo tin mụ Cibot đến như thế. Gaudissart vừa đến để dự một cuộc diễn tập. Tình cờ thế nào mà không một ai có việc phải thưa với ông, vì các tác giả kịch và các diễn viên đều đến muộn; ông vui thích khi có tin về người chỉ huy dàn nhạc, ông vung tay như Napoléon và mụ Cibot bước vào.

1. Mật hiệu để nhận ra nhau. *Shiboleth* là một tiếng Do Thái cổ, mà những người của Galaad báo những người của Ephraïm nói lên, để kiểm tra họ.

Người chào hàng cũ này đứng đầu một nhà hát đang được ưa chuộng, đã lừa công ty của ông ta, coi nó như người vợ hợp pháp của mình. Bởi thế, ông làm ăn phát đạt và có ảnh hưởng trở lại cá nhân ông. Trở nên mạnh khỏe, béo tốt, hồng hào do ăn ngon và thịnh vượng, Gaudissart đã biến đổi hẳn thành Mondor¹. – Chúng ta biến thành Beaujon! – Ông nói và toan là người đầu tiên cười chính mình. – Anh mới chỉ là Turcaret. – Bixiou là người thường thay thế ông bên cạnh cô vũ nữ hạng nhất của nhà hát – cô Héroïse Brisetout nổi tiếng – trả lời như vậy. Thực thế, cụ – GAUDISSERT TRÚ DANH khai thác nhà hát của ông chỉ duy nhất và tàn nhẫn vì lợi riêng. Sau khi chạy chọt được nhận làm người cộng tác trong nhiều vở balê, nhiều vở kịch, nhiều kịch vui, ông đã lợi dụng tình cảnh thiếu thốn của các tác giả để mua nốt phần của họ. Những vở này, những kịch vui này, luôn được ghép thêm vào những kịch được đám đông ưa chuộng, mang lại cho Gaudissart vài đồng tiền vàng mỗi ngày. Vì được ủy quyền, ông buôn bán bất chính trên những tấm vé, và ông tự nhận về mình – xem như thù lao của giám đốc – một số vé nào đấy cho phép ông thu tô trên số tiền thu nhập hàng ngày của nhà hát. Ba loại thuế của giám đốc ấy – không kể những lô đem bán và quà cáp của những nữ diễn viên tồi muốn được diễn chút ít, được ra mắt trong những vai thị đồng, hoàng hậu – đã làm tăng lên rất nhiều lời lãi trong số một phần ba của ông, trong khi các hội viên hùn vốn – được dành cho chỗ hai phần ba kia – chỉ kiếm được non một phần mười của thu nhập. Tuy nhiên, cái phần mười này còn sản sinh ra một lợi tức là mười lăm phần trăm vốn. Cho nên, Gaudissart mới dựa trên số mười lăm phần trăm lợi tức cổ phần này để nói về sự khôn ngoan của ông, sự trung thực của ông, sự hăng hái tích cực của ông và sự may mắn của những hội viên hùn vốn cùng ông. Khi bá tước Popinot làm ra vẻ quan tâm hỏi ông Matifat, hỏi tướng Gouraud, con rể ông Matifat, hỏi ông Crevel, là họ có hài lòng về

1. Có thể là nhân vật tài chính già trong *Quà Tết của tình yêu*, hài kịch - balê của Cailhava.

Gaudissart hay không, thì Gouraud, lúc ấy đã trở thành nguyên lão nước Pháp, trả lời: – Người ta bảo chúng tôi là ông ấy ăn cắp của chúng tôi, nhưng ông ấy hóm hỉnh, ông ấy hiền hậu đến nỗi chúng tôi đều hài lòng cả. – Thế thì như trong truyện kể¹ của La Fontaine vậy. – Ông cự bộ trưởng mỉm cười nói. Gaudissart đem sinh lợi những đồng vốn của ông trong những công việc ở ngoài nhà hát. Ông đã đánh giá đúng những ông Graff, ông Schwab, và ông Brunner, ông hợp tác với việc kinh doanh đường sắt mà nhà ngân hàng này tung ra. Che đậy sự tinh vi của mình dưới vẻ thẳng thắn và tính vô tâm của kẻ phóng đảng, kẻ ưa khoái lạc, ông có vẻ chỉ chú ý đến những vui thú, ngấm vuốt; nhưng ông nghĩ đến hết thảy, và khai thác những kinh nghiệm to lớn trong công việc làm ăn mà ông đã nắm được trong khi đi đây đi đó. Kẻ hãnh tiến này, chẳng cho mình là quan trọng, ở trong một căn hộ xa hoa, được người trang trí của ông sắp đặt đầu ra đấy; đấy là nơi ông mời những người có tiếng tăm đến ăn tối và dự những cuộc hội hè. Là người xa hoa, thích làm tốt mọi việc, ông tự cho là một người dễ tính, và ông càng có vẻ ít nguy hiểm, bởi lẽ ông vẫn giữ lại được *miếng lưỡi* của nghề nghiệp cũ – nói theo cách nói của ông – pha trộn thêm tiếng lóng của nhà hát. Và lại, cũng như ở nhà hát các nghệ sĩ nói mọi chuyện một cách sống sượng, ông vay mượn khá nhiều cái trí xảo ở hậu trường các nhà hát, chúng cũng có trí xảo của chúng, rồi pha lẫn với những lời đùa cợt lạnh lợi của kẻ chào hàng, để có được cái vẻ của một con người cao siêu. Trong lúc này, ông đang nghĩ đến chuyện bán đặc quyền của ông và chuyển – theo ngôn ngữ của ông – *sang hành nghề* khác. Ông muốn đứng đầu một con đường sắt, trở thành một yếu nhân, một quan chức hành chính, và cưới con gái một trong những ông thị trưởng giàu nhất Paris, cô Minard. Ông mong ước được cử làm nghị viên trên *tuyến đường* của mình, và nhờ sự che chở của Popinot, tiến tới Hội nghị Tham chính.

1. Truyện *Anh chống mọt sừng, bị đòn và hài lòng*.

– Tôi có vinh dự được nói chuyện với ai đây? – Gaudissart nói và uy nghiêm nhìn thẳng vào mặt Cibot.

– Thưa ông, tôi là chỗ thân tín của ông Pons.

– Nay, anh ta thế nào rồi, anh chàng thân mến ấy?...

– Xấu, rất xấu, thưa ông.

– Ủa! Ủa! Tôi thật lấy làm buồn vì chuyện ấy, tôi sẽ đi thăm ông ta, vì đây là một trong số những người hiếm có...

– À, vâng, thưa ông, một thiên thần thực sự đấy ạ!... Tôi vẫn còn tự hỏi tại sao con người ấy lại ở trong một nhà hát...

– Nhưng thưa bà, nhà hát là một nơi để sửa chữa phong hóa... – Gaudissart nói – Tội nghiệp Pons!... Xin lấy danh dự mà cam đoan chứ, lẽ ra phải có hạt giống để duy trì chủng loại người ấy... Đây là một con người mẫu mực và có tài... Bà cho rằng đến khi nào thì ông ấy có thể tiếp tục công việc được? Vì khốn thay, nhà hát giống như chiếc xe ngựa chở khách vậy, còn trống hay đã đầy, thì cũng phải khởi hành đúng giờ, ở đây màn mở hàng ngày vào lúc sáu giờ... Và chúng tôi có động lòng thương thì cũng vô ích, điều đó không làm nên những bản nhạc hay... Thế, ông ta bây giờ ra sao?

– Than ôi! Thưa ông tốt bụng, – Mụ Cibot vừa nói vừa rút chiếc mùi xoa và đưa lên mắt – nói ra thì đáng sợ lắm; nhưng tôi tin rằng chúng tôi sẽ bất hạnh mất ông ấy, dù cho chúng tôi đã chăm sóc ông ấy như con người của mắt mình... ông Schmucke và tôi... tuy rằng tôi đến để thưa với ông rằng ông không nên trông cậy vào ông Schmucke đáng kính ấy nữa, ông ta sắp phải đêm đêm... Người ta không thể không còn nước còn tát, và cố giành giật con người thân mến và đáng kính ấy ra khỏi cái chết... Thầy thuốc đã hết hy vọng rồi...

– Vì sao ông ấy chết?

– Vì buồn bực, vì bệnh vàng da, vì viêm gan, tất cả những cái ấy đã bị rắc rối thêm vì biết bao chuyện trong gia đình.

– Và vì một ông thầy thuốc nữa. – Gaudissart nói – Đáng lẽ phải mời ông đốc tờ Lebrun, thầy thuốc của chúng tôi, như thế chẳng tốn kém gì...

– Ông có một thầy thuốc như thần... Nhưng một ông thầy thuốc thì có thể làm được gì, dầu ông ta tài giỏi, để chống lại bấy nhiêu nguyên nhân?...

– Tôi rất cần đến hai Cái – kẹp – quả – phi trung thực ấy cho phần âm nhạc của vở kịch thần tiên mới của tôi...

– Phải chăng là có điều gì đấy tôi có thể làm cho họ?... – Mụ Cibot nói với vẻ hết như Jocrisse.

Gaudissart cười rộ lên.

– Thưa ông, tôi là chỗ tin cần của họ... và đã có bao nhiêu việc các ông ấy...

Nghे tiếng cười rộ của Gaudissart, một người phụ nữ kêu lên:

– Nếu anh cười, thì nghĩa là có thể vào được, anh của em.

Và diễn viên hàng đầu của khiêu vũ bước ào vào phòng, ném mình lên chiếc tràng kỷ duy nhất có ở trong đó. Đây là Héloïse Brisetout, choàng kín trong một chiếc khăn quàng đẹp được gọi là *kiểu Algérie*.

– Ai làm anh cười thế?... Bà đây à? Bà ấy đến có việc gì thế? – Cô vũ nữ vừa nói vừa nhìn như nghệ sĩ nhìn nghệ sĩ, cái nhìn đáng làm đề tài cho một bức tranh.

Héloïse, cô gái vẫn vẻ quá mức, nổi tiếng trong giới lưu đấng, kết thân với những nghệ sĩ lớn, thanh lịch, tinh tế, duyên dáng, có đầu óc còn hơn cả những vũ nữ hạng nhất thường có; vừa hỏi, cô ả vừa hít mùi hương thơm ngát trong một cái lư hương.

– Thưa bà, mọi người đàn bà đều ngang nhau cả khi họ xinh đẹp; và nếu tôi không hít cái đồ dịch hạch trong lọ, và nếu tôi không trát gạch nghiền lên má...

– Tự nhiên đã cho bà như thế rồi, thì đấy sẽ là một sự dư thừa rất nhiều đấy, bà ơi! – Héloïse vừa nói vừa liếc một cái về phía ông giám đốc.

– Tôi là một người đàn bà tử tế...

– Khổ thân bà! – Héloïse nói – Không phải ai muốn được bao cũng được đâu! Còn tôi, tôi được bao, thừa bà, và được bao ra trò!

– Sao kia? Khổ thân! Bà tha hồ đáp những *của Algérie* lên người và vênh vang làm bộ, – Mụ Cibot nói – bà cũng sẽ chẳng bao giờ có được nhiều lời tỏ tình mà tôi đã có đâu, *bà mẹ* ạ! Và bà sẽ chẳng bao giờ sánh được cô nàng tách vỏ sò xinh đẹp của Cadran – Bleu đâu!...

Cô vũ nữ đứng phắt dậy, lấy tư thế bông súng, đặt mu bàn tay phải lên trán, như người lính chào ông tướng vậy.

– Cái gì? – Gaudissart nói – Bà chính là cô nàng tách vỏ sò xinh đẹp mà cha tôi vẫn nói với tôi đấy à?

– Thế thì bà không biết điệu vũ casusa, cũng chẳng biết điệu ponca chứ? Bà đã quá năm mươi rồi còn gì! – Héloïse nói.

Cô vũ nữ làm điệu bộ đóng kịch và ngâm nga câu thơ:

Hãy làm bạn với nhau nào, Cinna' ơi!....

– Thôi, Héloïse, bà đây không đủ sức, hãy để cho bà ấy yên.

– Bà là nàng Héloïse mới đấy à? – Mụ gác cổng nói, với một vẻ chất phác đầy giễu cợt.

– Không đến nỗi xoàng, bà già ạ! – Gaudissart thốt lên.

– Cực kỳ đấy, – Cô vũ nữ nói tiếp – trò chơi chữ khăm đáo để, hãy tìm ra một trò chơi chữ khác đi, mụ già ạ... hoặc là cầm lấy một điều thuốc.

1. Tên một nhân vật trong một bi kịch cùng tên của P. Corneille.

– Xin thứ lỗi, thưa bà, – Mụ Cibot nói – tôi buồn quá rồi, không thể tiếp tục trả lời bà được, tôi đang có hai ông chủ ốm nặng... sáng nay tôi đã đem cầm đến cả quần áo của ông chồng tôi để mua cái ăn cho họ và tránh cho họ khỏi buồn phiền...

– Ôi, đến đây chuyện trở nên bi đát rồi! – Nàng Héroïse xinh đẹp kêu lên – Có chuyện gì thế?

– Bà vào đây đột ngột như... – Mụ Cibot nói tiếp.

– Như một diễn viên hạng nhất. – Héroïse nói – Tôi nhắc bà đấy, nào, *bà mẹ* ạ.

– Thôi, tôi vội lắm. – Gaudissart nói – Đùa như thế là đủ rồi! Héroïse này, bà đây là người tin cẩn của ông nhạc trưởng tội nghiệp của chúng ta hiện đang hấp hối đấy; bà ấy đến bảo anh đừng có trông mong ở ông ấy nữa; anh đang rối ruột lên đây.

– Ôi, tội nghiệp ông ấy, nhưng nên diễn một buổi để giúp cho ông ấy.

– Việc đó làm ông ấy sạt nghiệp mất thôi! – Gaudissart nói – Ngày hôm sau ông ấy có thể mắc nợ năm trăm phơ-răng ở các viện dưỡng đường là nơi không thừa nhận những con người bất hạnh nào khác ở Paris ngoài những người bất hạnh của họ. Không, này, bà tốt bụng ời, vì bà chạy đua tranh giải Monthyon... – Gaudissart bấm chuông, anh phụ việc của nhà hát thành linh xuất hiện – Cậu hãy bảo thủ quỹ gửi cho tôi tấm phiếu một nghìn phơ-răng. Ngồi xuống đi, thưa bà.

– Ôi, người đàn bà tội nghiệp, bà ấy khóc kìa!... – Cô vũ nữ kêu lên – Thật là ngốc... Nào, mẹ ời, chúng tôi sắp đi thăm ông ấy, bà nên khâu khóa bớt. Vậy anh, anh Tàu, anh nói đi nào, – Cô ả vừa nói với giám đốc vừa kéo ông vào một góc – anh muốn cho em đóng vai chính trong vở balê của Ariane. Anh sắp lấy vợ, và anh biết là em có thể làm cho anh đến khốn khổ!

– Héroïse ời, anh có trái tim bọc đồng, như một chiếc tàu chiến.

– Em sẽ chỉ ra những đứa con của anh! Em sẽ mượn chúng.

– Anh đã thổ lộ sự gắn bó của chúng mình....

– Anh hãy ngoan đi nào, hãy trao chỗ của Pons cho Garangeot, cậu bé tội nghiệp ấy có tài đấy, nó không có một đồng một chữ nào, em hứa không làm rùm beng lên đâu.

– Nhưng phải chờ cho Pons chết đã!... Vả chẳng ông già có thể qua khỏi được.

– Ôi, về điều đó, thì không, thưa ông... – Mụ Cibot nói – Từ đêm qua, ông ấy không còn tỉnh táo nữa, ông ấy mê sảng rồi. Thật không may là mọi chuyện sắp kết thúc rồi.

– Vả chẳng, nên cho Garangeot tạm thay! – Héroïse nói – Cậu ta được tất cả báo chí ủng hộ.

Đúng lúc ấy, người thủ quỹ bước vào, cầm trong tay hai tấm phiếu năm trăm phơ-răng.

– Đưa cho bà đây. – Gaudissart nói – Chào bà, thưa bà, bà hãy trông coi con người thân mến ấy cho cẩn thận và bảo ông ấy rằng tôi sẽ đến thăm, ngày mai hoặc sau đó... ngay khi tôi có thể đi được.

– Một con người sa cơ. – Héroïse nói

– À, thưa ông, những trái tim như ông thì chỉ có ở nhà hát thôi!
– Mụ Cibot kêu lên – Cầu Chúa phù hộ ông!

– Món ấy ghi vào khoản gì? – Người thủ quỹ hỏi.

– Tôi sẽ ký vào phiếu cho anh, anh ghi nó vào khoản tiền thưởng.

Trước khi đi ra, mụ Cibot cung kính cúi chào cô vũ nữ và có thể nghe thấy Gaudissart hỏi người tình cũ:

– Garangeot có thể làm nhanh gọn phần nhạc cho vở balê *Những người Mohicans* trong mười hai ngày được không? Nếu cậu ta gõ được khó khăn cho anh thì cậu ta sẽ được kế nhiệm Pons!

Mụ gác cổng, được thưởng công vì đã gây ra bao điều xấu hơn là vì đã làm được một việc tốt, mụ thủ tiêu hết mọi khoản thu nhập của hai ông bạn, tước đi của họ những phương tiện sống, trong trường hợp Pons hồi phục lại được sức khỏe. Thủ đoạn phản trắc ấy trong vài ngày đã đưa đến kết quả mụ Cibot mong muốn là sự chuyển nhượng những bức tranh mà Élie Magus thèm khát. Để thực hiện sự cướp đoạt đầu tiên ấy, mụ Cibot phải ru ngủ người cộng tác đáng sợ mà mụ đã tìm cho mình – luật sư Fraiser – và giành được sự kín đáo hoàn toàn của Élie Magus và Rémonencq.

Còn về gã người xứ Auvergne, thì gã đã từng bước đạt tới một đam mê như những người vô học ấp ủ đam mê, họ từ xó xỉnh của một tỉnh nhỏ đến Paris với những định kiến mà sự biệt lập ở nông thôn gợi nên, với sự dốt nát của những con người nguyên thủy và thói ham muốn tàn bạo của họ chuyển thành định kiến khur khur cố chấp. Về đẹp rần rỏi của mụ Cibot, sự sắc sảo của mụ, tinh thần chợ búa của mụ là những điều gã buôn đồ cũ để ý thấy, gã muốn cướp mụ của lão Cibot để làm vợ bé, kiểu đa thê thường thấy hơn là ta tưởng, tại Paris, ở những tầng lớp hạ lưu. Nhưng thói hà tiện là một cái nút thông lỏng nó xiết chặt thêm từng ngày trái tim và cuối cùng bóp nghẹt lý trí. Cho nên, Rémonencq, khi đánh giá những khoản chuyển giao của Élie Magus và của gã là bốn mươi nghìn phơ-răng, thì đã chuyển từ tội lỗi đến tội ác bằng cách muốn lấy mụ Cibot làm vợ chính thức. Tình yêu ấy, thuần túy có tính chất tính toán, đã dẫn gã – trong những phút mơ mộng dài phì phèo tẩu thuốc trên ngưỡng cửa – đến chỗ mong cho người thợ may bé nhỏ chết đi. Thế là gã thấy vốn của gã hầu như tăng lên gấp ba lần, gã nghĩ mụ Cibot sẽ là một bà nhà buôn tuyệt vời biết bao, mụ sẽ ra dáng biết bao trong một cửa hàng đẹp đẽ ở trên phố. Sự thèm muốn kép ấy làm cho Rémonencq ngây ngất. Gã sẽ thuê một quán hàng ở đại lộ Madeleine, gã sẽ chất đầy vào đó những đồ cổ đẹp nhất trong bộ sưu tập của lão Pons đã quá cố. Sau khi đã nằm trong nhung lụa và trông thấy bạc triệu trong những cuộn khối xoắn màu xanh của chiếc tẩu, gã sực tỉnh, mặt đối mặt với người thợ may bé nhỏ đang quét sân,

quét cửa, quét phố lúc gã miền Auvergne mở cửa hàng và xếp đặt chỗ bày hàng; vì từ khi Pons ốm, lão Cibot thay vợ trong những công việc mụ vẫn làm. Gã người Auvergne xem người thợ may bé nhỏ xanh nhợt, vàng khè, cần cỗi là trở ngại duy nhất đối lập với hạnh phúc của gã, và gã tự hỏi không biết làm thế nào để tống khứ lão đi. Cái dục vọng tăng dần lên ấy làm cho mụ Cibot rất hãnh diện, vì mụ đã đến tuổi mà phụ nữ hiểu rằng họ có thể già đi.

Thế là một buổi sáng, thức dậy, mụ Cibot ngấm nghĩa Rémonencq với một vẻ mơ mộng lúc gã đang sắp xếp bày biện những đồ lặt vặt của gã, và muốn biết tình yêu của gã có thể đi tới đâu.

– Này, – Gã miền Auvergne đến bảo mụ – mọi chuyện có diễn ra như bà muốn không đấy?

– Chính ông làm cho tôi lo lắng. – Mụ Cibot trả lời gã – Ông làm tôi bị liên lụy, – Mụ nói thêm – vì cuối cùng hàng xóm sẽ nhận ra mắt ông cứ ngáy ra thôi.

Mụ rời cửa và đi sâu vào phía trong cửa hàng của gã người Auvergne.

– Nghĩ gì mà lạ thế! – Rémonencq nói.

– Lại đây tôi bảo. – Mụ Cibot nói – Bọn thừa kế của lão Pons sắp ra tay và họ có thể gây nhiều vấp vá cho ta. Có Trời mới biết được những gì sẽ xảy đến cho ta nếu họ pháí các nhân viên đến, họ thò mũi xục xạo khắp nơi như lũ chó săn. Tôi chỉ có thể thuyết phục ông Schmucke bán một số tranh, nếu ông yêu tôi đủ để giữ kín không lộ ra... Ôi, nhưng mà giữ kín! Dao có kẻ cổ ông cũng sẽ không nói ra điều gì..., không nói những bức tranh ấy ở đâu ra, cũng không nói ai đã bán chúng. Ông hiểu đấy, lão Pons một khi đã chết và đem chôn rồi, mà người ta chỉ thấy năm mươi ba bức tranh chứ không phải sáu mươi bảy bức, thì ai biết đâu! Vả lại, nhờ Pons đã bán lúc lão còn sống thì sao.

– Ủ! – Rémonencq nói tiếp – Đối với tôi thì thế nào cũng được. Nhưng cụ Élie Magus lại muốn có những biên lai nghiêm chỉnh.

– Ông cũng có biên lai của ông chứ sao! Ông tưởng rằng tôi sẽ là người viết biên lai cho ông ư!... Mà sẽ là ông Schmucke. Nhưng ông sẽ bảo lão Do Thái của ông, – Mụ gác cổng nói tiếp – là lão cũng phải kín đáo như ông.

– Chúng ta sẽ cảm như hén. Đây là trong tình trạng của chúng ta. Tôi biết đọc, nhưng không biết viết, đây là lý do tại sao tôi cần một phụ nữ có học và có năng lực như bà! Tôi là người xưa nay chỉ nghĩ đến chuyện kiếm ăn cho lúc tuổi già, nay tôi muốn có những Rémonencq con... Bà quảng lão Cibot của bà đi cho tôi.

– Nhưng lão Do Thái của ông kia kìa! – Mụ gác cổng nói – Chúng ta có thể thu xếp được công việc.

– Này, bà thân mến ơi, – Élie Magus nói; cứ ba ngày một lần, lão lại đến từ sáng tinh mơ để xem bao giờ có thể mua được tranh – tình hình hôm nay đến đâu rồi?

– Không có ai nói với cụ về ông Pons và *chanh* của ông ấy à? – Mụ Cibot hỏi lại.

– Tôi có nhận được, – Élie Magus trả lời – bức thư của một luật sư; nhưng vì đây là một thằng cha có vẻ là một gã chạy việc quèn, tôi nghi ngờ lũ đó, nên tôi không trả lời gì cả. Qua ba ngày, hắn đến tìm tôi và để lại một tấm thiệp, tôi đã dặn người gác cổng của tôi là bất cứ lúc nào hắn đến, cứ bảo tôi đi vắng...

– Cụ thật là một lão Do Thái dễ thương. – Mụ Cibot nói, còn ít biết đến sự khôn ngoan thận trọng của Élie Magus – Này, các ông ơi, trong mấy ngày tới, tôi sẽ thuyết phục ông Schmucke bán cho cụ bảy, tám bức tranh, nhiều nhất là mười; nhưng với hai điều kiện: thứ nhất, tuyệt đối bí mật. Sẽ là ông Schmucke đã mời cụ đến, có phải không cụ? Sẽ là ông Rémonencq đã đề xuất với ông Schmucke để cụ là người mua. Sau hết, thế nào thì thế, tôi không dính dáng

gì vào đấy. Cụ trả bốn mươi sáu nghìn phơ-răng cho bốn bức tranh đấy chứ?

– Được. – Lão Do Thái vừa trả lời vừa thở dài.

– Rất tốt. – Mụ gác cổng nói tiếp – Điều kiện thứ hai, là cụ sẽ giao cho tôi bốn mươi ba nghìn mà sẽ chỉ mua với giá ba nghìn ở ông Schmucke; Rémonencq sẽ mua bốn bức với giá hai nghìn phơ-răng và sẽ giao lại cho tôi số tiền dôi ra... Nhưng mà này, cụ Magus thân mến ơi, sau đó tôi kiếm cho các người – cho cụ và cho Rémonencq – một vụ tuyệt vời, với điều kiện là phải chia lời lãi giữa ba chúng ta. Tôi sẽ đưa cụ đến tay luật sư kia, mà có lẽ là tay luật sư ấy sẽ tới đây. Cụ sẽ định giá tất cả mọi thứ có ở nhà ông Pons với cái giá mà cụ có thể trả được để ông Fraasier kia biết chắc được giá trị của di sản. Chỉ có điều là không để ông ta đến trước khi chúng ta mua bán, cụ có hiểu không?...

– Hiểu, – Lão Do Thái nói – nhưng phải có thời gian để nhìn thấy mọi vật và nói lên giá cả của chúng.

– Cụ sẽ có nửa ngày. Thôi, chuyện đó tôi lo... Hai người hãy nói chuyện với nhau về việc ấy đi; trong trường hợp ấy, ngày kia, công việc sẽ tiến hành. Tôi đến nhà tay Fraasier ấy để nói với hắn vì hắn biết mọi chuyện xảy ra ở đây qua bác sĩ Poulain, và để cho cái thằng cha ấy đừng lỏng lẻo thì quả là một việc khó khăn ghê gớm.

Đi được nửa đường từ phố Normandie đến phố Perle, mụ Cibot thấy Fraasier đi đến nhà mụ vì y sốt ruột muốn có những dữ kiện của vụ việc, theo cách nói của y.

– Này, tôi đến ông đây! – Mụ nói.

Fraasier phàn nàn là đã không được cụ Élie Magus tiếp; nhưng mụ gác cổng dập tắt ngay ánh nghi ngờ le lói trong mắt của gã làm nghề luật bằng cách nói với y rằng Magus vừa đi du lịch trở về và chậm nhất là ngày hôm sau nữa, mụ sẽ thu xếp cho y được gặp lão trong căn hộ của Pons để xác định giá trị của bộ sưu tập.

– Bà hãy hành động thẳng thắn với tôi. – Fraasier trả lời mẹ – Có rất nhiều khả năng là tôi được giao trách nhiệm bảo vệ lợi ích của những người thừa kế ông Pons. Ở vị trí này, tôi sẽ càng có thể phục vụ được bà.

Những lời nói ấy được nói rất xẵng đến nỗi mẹ Cibot phải run lên. Gã chạy việc đói khát ấy ắt phải xoay xở phía hân, cũng như mẹ đang xoay xở phía mẹ; mẹ liền quyết định bán gấp các bức tranh. Mẹ Cibot không nhầm trong những phỏng đoán của mẹ. Gã luật sư và anh thầy thuốc đã chi tiền để mua một bộ quần áo mới tinh cho Fraasier để y có thể xuất hiện, ăn mặc chỉnh tề, ở nhà bà chánh án Camusot de Marville. Thời gian cần thiết để may xong bộ quần áo là lý do duy nhất làm chậm lại cuộc tiếp xúc mà số phận hai người bạn phụ thuộc vào. Sau cuộc đến thăm mẹ Cibot, Fraasier định đi thử áo, gilê và quần. Y thấy bộ quần áo đã sẵn sàng và hoàn chỉnh. Y trở về nhà, đội một mái tóc giả mới và đi bằng chiếc xe độc mã cho thuê khoán vào lúc mười giờ sáng để đến phố Hanovre, ở đây y hy vọng có thể được gặp bà chánh án. Fraasier thất cavát trắng, đi găng màu vàng, đội tóc giả mới, xúc nước hoa Bồ Đào Nha, giống như những thứ thuốc độc đựng trong lọ phalê bịt kín lại bằng một lớp vỏ trắng mà cái nhãn và tất cả cho đến đường chỉ, thật là đom đống, nhưng chỉ để lộ vẻ nguy hiểm hơn mà thôi. Vẻ sắc sảo của y, bộ mặt đầy mụn của y, bệnh ngoài da của y, cặp mắt xanh lục của y, khí vị ác độc ở y, đập mạnh vào sự chú ý như mây đen trên nền trời trong xanh. Trong văn phòng của y, như y đã hiện ra dưới con mắt mẹ Cibot, thì đây là một con dao bầu tầm thường mà một tên sát nhân đã dùng để gây tội ác; nhưng ở cửa nhà bà chánh án, thì đây là một con dao găm mỹ miều mà một thiếu phụ để trong tủ nhỏ bày đồ mỹ nghệ của mình.

Một thay đổi lớn đã diễn ra ở phố Hanovre. Ông tử tước và bà tử tước Popinot, ông cựu bộ trưởng và bà vợ không muốn ông chánh án và bà chánh án phải đi thuê chỗ ở và rời khỏi ngôi nhà mà họ đã cho con gái làm của hồi môn. Thế là ông chánh án và vợ ở tầng hai,

lúc đó bỏ không vì bà cụ già muốn lui về sống những ngày cuối đời ở nông thôn. Bà Camusot vẫn giữ lại Madeleine Vivet, cô nấu bếp và người giúp việc của bà, nên lại trở nên túng thiếu như bước khởi đầu, tuy có đỡ hơn một chút nhờ căn hộ giá bốn nghìn phơ-răng không phải bỏ tiền ra thuê và nhờ khoản tiền lương mười nghìn phơ-răng. Cái *bình thường*¹ ít thỏa mãn được bà De Marville là người muốn có một gia tài hợp với tham vọng của bà; nhưng sự nhượng lại mọi của cải cho con gái kéo theo khoản thuế ứng cử của ông chánh án cũng không còn. Thế mà Amélie muốn cho chồng được bầu làm nghị sĩ, vì bà ta không dễ dàng từ bỏ các kế hoạch của bà và vẫn hy vọng ông chánh án được trúng cử trong quận có đất Marville. Từ hai tháng nay, bà ta làm khổ cụ nam tước Camusot – vì vị nguyên lão mới của nước Pháp đã đạt được phẩm tước nam tước rồi – nhằm moi trước của cụ một trăm nghìn phơ-răng trong của thừa kế để – bà bảo thế – mua lấy một mảnh đất nhỏ nằm lọt giữa khu Marville và mang lại khoảng hai nghìn phơ-răng không phải trả thuế. Tại đó, bà và chồng bà sẽ được ở nhà mình và gần bên các con; và đất ở Marville sẽ được làm tròn và mở rộng thêm. Trước mắt ông bố chồng, bà chánh án đem khoe sự trắng tay mà bà đã buộc phải chịu để gả con gái bà cho tử tước Popinot, và hỏi cụ già xem cụ có thể khép lại con đường hoạn lộ đi tới những danh vọng tối cao trong ngành pháp quan cho ông con cả cụ được không, những danh vọng sẽ chỉ còn dành cho những ai có vị trí rất mạnh ở nghị viện. Thế mà – bà nói vậy – chồng bà có thể chiếm được vị trí ấy và làm cho các ông bộ trưởng phải sợ mình. – Những kẻ chẳng chịu nhả ra cho ai cái gì nếu người ta không xoắn chặt cavát vào cổ họ cho đến khi họ phải lè lưỡi ra – Bà bảo thế. Họ là những kẻ vô ơn!... Họ chịu ơn Camusot biết bao nhiêu! Camusot, khi thúc đẩy việc ban các chỉ lệnh tháng Bảy, đã làm cho dòng họ Orléans được phát lên!...

1. Tiếng Latinh trong nguyên văn: *aurea mediocritas*.

Cụ già nói là đã bị lôi cuốn vào những con đường sắt vượt quá khả năng tài chính của cụ, và cụ hoãn khoản ân huệ ấy – cụ thừa nhận sự cần thiết của nó – đến dịp giá cổ phiếu lên cao, điều này đã được dự tính.

Cái gần như là lời hứa ấy – moi được mấy ngày trước đây – đã chìm bà chánh án trong sâu não. Thật khó tin rằng người chủ cũ của Marville có thể có khả năng trong cuộc bầu lại vào Nghị viện vì phải có quyền sở hữu đã được một năm.

Fraisier len lỏi gặp được Madeleine Vivet không khó khăn gì. Hai bản chất rắn độc ấy nhận ra nhau như từ cùng một quả trứng chui ra.

– Thừa bà, – Fraisier ngọt ngào đầu lưỡi – tôi muốn được gặp bà chánh án một lúc về một công việc có tính chất riêng tư của bà ấy và liên quan đến tài sản của bà ấy; xin bà hãy nói cho bà ấy biết việc có liên quan đến vấn đề thừa kế... Tôi chưa có vinh dự được bà chánh án biết đến, bởi vậy tên tôi không có ý nghĩa gì đối với bà... Tôi không hay rời khỏi văn phòng, nhưng tôi biết bà vợ của một ông chánh án thì phải được tôn kính như thế nào, và tôi chịu khó đích thân đến, nhất là vì việc này không thể để chậm trễ một tí nào.

Vấn đề đặt ra trong những lời lẽ ấy được mụ hầu phòng nhắc lại, và khuếch đại lên, nên tất nhiên được bà chánh án đồng ý tiếp. Cái lúc ấy thật là quyết định đối với hai tham vọng đang chất chứa trong Fraisier. Cho nên mặc dầu sự táo gan của anh chàng đại tụng quen ở tỉnh nhỏ, danh thếp, sâu cay và sắc bén, y có cảm giác như cảm giác của những thủ lĩnh quân sự lúc mở đầu một trận đánh mà kết quả của cả chiến dịch tùy thuộc vào đấy. Khi đi vào cái phòng khách nhỏ mà Amélie ngồi chờ y, y có cái mà không một thứ thuốc làm toát mồ hôi nào, dầu mạnh đến đâu, có thể sinh ra trên lớp da trơ ỳ và bị bí kín vì những bệnh tật gớm ghê ấy, y cảm thấy sấm sập mồ hôi ở sau lưng và trên trán. – Nếu mình không trở nên giàu có, – y tự nhủ – thì mình cũng được cứu thoát, vì Poulain đã hứa là mình

sẽ khỏe vào cái ngày mình lại toát được mồ hôi. – Thừa bà... – Y vừa nói vừa nhìn bà chánh án bước tới, ăn mặc xuề xòa. Và Fraiser dừng lại chào với cái vẻ ân cần, ở các quan chức, nó là sự thừa nhận phẩm chất ưu việt của người mà họ chào.

– Ngồi xuống đi, ông. – Bà chánh án nói và nhận ra ngay con người của giới tư pháp.

– Thừa bà chánh án, nếu tôi mạn phép thưa với bà về một công việc quyền lợi có liên quan đến ông nhà, thì đó là vì tôi biết chắc rằng ông De Marville, ở cương vị cao cả của mình, có lẽ sẽ dễ mặc cho mọi chuyện đến đâu thì đến, nên rất có thể dễ mất từ bảy đến tám trăm nghìn pho-răng mà các bà – theo tôi, thì am hiểu những công việc riêng hơn nhiều so với những vị pháp quan tài ba nhất – các bà không hề bỏ qua...

– Ông có nói đến một sự thừa kế... – Bà chánh án ngắt lời.

Amélie hoa mắt vì số tiền và muốn che giấu sự ngạc nhiên, niềm sung sướng, nên bắt chước những độc giả kém nhẫn nại, muốn đọc lướt ngay đến điểm gỡ nút của cuốn tiểu thuyết.

– Vâng, thưa bà, đến một di sản bà bị mất, ôi, mất hoàn toàn, nhưng tôi có thể, tôi sẽ có thể làm cho bà có lại...

– Nói đi, ông!... – Bà Marville lạnh lùng nói, nhìn thẳng vào Fraiser và xem xét y bằng con mắt sắc sảo.

– Thừa bà, tôi biết những năng lực cao siêu của bà, tôi là người ở Mantes. Ông Lebœuf, Chánh án Tòa án, bạn ông De Marville, sẽ có thể cho ông nhà biết về tôi...

Bà chánh án nẩy mình một cách hết sức có ý nghĩa, tai ác đến nỗi Fraiser buộc phải mở ngoặc đóng ngoặc nói thêm thật nhanh.

– Một người phụ nữ lỗi lạc như bà sẽ hiểu ngay lập tức vì sao tôi lại nói với bà trước hết về tôi. Đây là con đường ngắn nhất để đi đến món di sản thừa kế.

Không nói gì, bà chánh án đáp lại nhận xét tinh tế ấy bằng một cử chỉ.

– Thừa bà, – Fraasier nói tiếp, được cử chỉ kia cho phép kể lại chuyện của y – tôi trước kia làm đại tọng ở Mantes, chức trách của tôi chính là toàn bộ tài sản của tôi, vì tôi đã thương lượng mua văn phòng của ông Levrault mà chắc hẳn là bà đã biết...

Bà chánh án gật đầu.

– Với những vốn liếng tôi vay được và khoảng một chục nghìn phơ-răng của tôi, tôi đã được thực tập xong tại văn phòng Desroches – một trong những viên đại tọng có năng lực nhất của Paris – và tôi là viên lục sự thứ nhất ở đấy từ sáu năm rồi. Tôi không may đã làm phật ý ông biện lý ở Mantes, ông...

– Olivier Vinet.

– Con trai ông Chuông lý, vâng, thưa bà. Ông ta tán tỉnh một bà...

– Ông ta!

– Bà Vatinelle...

– À, bà Vatinelle... bà ấy thật là đẹp và thật là... vào thời tôi...

– Bà ấy có hảo ý đối với tôi: *từ đó mà có sự tức giận*¹. – Fraasier nói tiếp – Tôi là người năng hoạt động, tôi muốn trả lại tiền những bạn bè đã cho tôi vay để mua chức vị của tôi và để tôi lấy vợ; tôi phải có công việc, tôi đi tìm việc; chẳng bao lâu một mình tôi còn ôm nhiều việc hơn cả các quan chức. Hà! Thế là các đại tọng ở Mantes, các công chứng viên và cả đến các mõ tòa đều chống lại tôi. Người ta đã kiếm chuyện gây gổ với tôi. Bà biết đấy, thưa bà, khi người ta muốn làm hại một người trong cái nghề ghê gớm của chúng tôi, là làm xong ngay. Người ta đã nắm được tôi đứng cả về hai phía trong một vụ việc. Quả là có hơi khinh suất; nhưng trong

1. Nguyên văn tiếng Latinh: *inde irae*.

một số trường hợp, chuyện ấy vẫn làm ở Paris, những viên đại tọng ở đấy nhường lẫn nhau. Chuyện ấy không có ở Mantes. Ông Bouyonnet – người được tôi giúp cho việc nhỏ này – bị các bạn đồng nghiệp thúc đẩy, bị ông biện lý khuyến khích, đã phản lại tôi... Bà thấy rằng tôi không giấu bà điều gì. Người ta *làm âm* cả lên. Tôi là một tên ăn cắp. Người ta bôi nhọ tôi còn hơn cả Marat. Người ta ép tôi phải bán văn phòng, tôi đã mất hết. Tôi đến Paris, cố lập một văn phòng sự vụ; nhưng sức khỏe tàn tạ của tôi không để cho tôi làm việc được lấy hai giờ trên hăm bốn giờ trong ngày. Hôm nay, tôi chỉ có một tham vọng, tham vọng xoàng xĩnh. Một ngày kia bà sẽ là phu nhân của một quan Chương án, có thể thế, hoặc của một quan chánh nhất; còn tôi thì nghèo nàn và ốm yếu, tôi không có mong muốn nào khác là được có một chỗ để sống yên ổn đến cuối đời, một ngõ cụt, một chỗ làm để sống lay lắt. Tôi muốn được làm thẩm phán hòa giải ở Paris. Xin cho tôi được bổ nhiệm chỉ là chuyện vặt đối với bà và đối với ông nhà, và bà được quan chương án hiện nay nể sợ lắm nên chắc thế nào ông ấy cũng muốn được làm vui lòng bà... Chưa hết đâu, thưa bà, – Fraasier nói thêm khi thấy bà chánh án định nói và ra hiệu cho y – tôi có người bạn là thầy thuốc của ông già mà ông chánh án sẽ là người thừa kế. Bà thấy rằng chúng ta đang đi tới... Người thầy thuốc ấy – cần có sự hợp tác của anh ta – cũng ở trong cùng một tình cảnh như tôi mà bà thấy đây: có tài và không may mắn!... Chính qua anh ta mà tôi biết những lợi ích của bà đã bị tổn hại biết bao nhiêu, vì trong lúc tôi nói với bà, có thể là mọi chuyện đã chấm hết, là bản di chúc truất quyền thừa kế của ông chánh án đã làm xong... Anh thầy thuốc ấy muốn được bổ làm bác sĩ trưởng ở một bệnh viện hoặc một trong các học viện hoàng gia; cuối cùng, bà hiểu đấy, anh ta cần phải có một cương vị ở Paris, tương đương với cương vị của tôi... Xin thứ lỗi, nếu tôi đã trình bày hai việc vô cùng tế nhị ấy; nhưng không thể có chút mập mờ nào trong công việc của chúng ta. Và lại, anh thầy thuốc là người rất được quý mến, hiểu biết nhiều, đã từng cứu sống cụ Pillerault, ông bác anh con rể của bà là tử tước Popinot. Bây giờ, nếu bà có lòng tốt

hứa cho tôi hai chỗ ấy, chân thắm phẩn hòa giải và chức vụ nghề y cho bạn tôi, thì tôi cam đoan mang lại cho bà của thừa kế hầu như không sút mẻ gì... Tôi nói hầu như không sút mẻ gì, vì nó phải gánh chịu một số khoản trả cho người được thừa kế và một số người mà chúng ta cần thiết phải hợp tác với họ. Bà sẽ chỉ thực hiện lời hứa sau khi tôi đã làm tròn lời hứa của tôi.

Bà chánh án – đã đứng khoanh tay một lúc như người buộc phải nghe một bài thuyết pháp – bây giờ buông tay ra, nhìn Fraiser và bảo y: – Thừa ông, ông trình bày rất sáng sủa về tất cả những gì liên quan đến ông, nhưng đối với tôi thì ông nói rắc rối...

– Chỉ vài lời là đủ để làm rõ tất cả, thưa bà. – Fraiser nói – Ông chánh án là người thừa kế duy nhất và độc nhất ở bậc thứ ba của ông Pons. Ông Pons ốm nặng, ông ấy sắp làm di chúc – nếu ông ấy chưa làm – để gia tài lại cho một người Đức là bạn ông ấy tên là Schmucke, và tài sản thừa kế sẽ là hơn bảy trăm nghìn phơ-răng. Ba ngày nữa, tôi hy vọng là có thông tin về con số chính xác cuối cùng...

– Nếu điều đó có thực, – Bà chánh án tự nhủ với chính mình, sống người không ngờ con số lại lớn đến thế – tôi thật sai lầm lớn đã bất hòa với ông ấy, đã làm khổ ông ấy.

– Không, thưa bà, vì nếu không có sự cắt đứt ấy thì ông ấy sẽ vui như con khướu, và còn sống lâu hơn bà, hơn ông chánh án và hơn tôi nữa kia... Ông Trời có những đường đi nước bước của mình, ta đừng thăm dò chúng làm gì! – Y nói thêm để ngụy trang cho ý nghĩ bí ối kia – Biết làm thế nào, chúng tôi đây là những người làm ăn, chúng tôi thấy cái thiết thực của mọi việc. Bây giờ thì thưa bà, bà hiểu rằng ở cương vị cao của ông chánh án De Marville, ông ấy sẽ chẳng làm gì, ông ấy sẽ chẳng thể làm gì trong tình thế hiện thời. Ông ấy đã bất hòa đến chết người với ông anh họ, các vị không còn gặp gỡ Pons nữa, các vị đã đuổi ông ấy ra khỏi xã hội rồi, chắc là các vị đã có những lý do xác đáng để hành động như thế, nhưng ông lão thì đang ốm, ông ấy để lại của cải cho người bạn duy nhất của

mình. Một ông chánh án của Tòa án Hoàng gia Paris chẳng có gì để phản bác một bản di chúc đúng thể thức làm trong những hoàn cảnh như vậy. Nhưng giữa chúng ta, thưa bà, thật là hết sức khó chịu, khi người ta có quyền thừa kế một di sản đáng giá đến bảy, tám trăm nghìn phơ-răng... biết đâu, đến một triệu cũng nên, và người ta là người thừa kế duy nhất được pháp luật chỉ định, mà lại không lấy lại của cải của mình... Chỉ có điều, để đi tới cái đích ấy, người ta rơi vào những mảnh khoe bản thủ, rất khó khăn, rất tỉ mẩn, phải bắt mối với những người có địa vị rất thấp hèn, với bọn tôi tớ, bọn thuộc hạ, bám riết lấy họ đến mức không một viên đại tụng nào, không một công chứng viên nào của Paris có thể theo đuổi được một vụ như vậy. Chuyện ấy đòi hỏi một luật sư không có việc tố tụng như tôi, mà năng lực thì phải đáng kể, có thực, mà sự tận tâm thì hết lòng, mà vị trí không may lại bấp bênh thì phải ngang với vị trí của bọn kia... Ở quận của tôi, tôi phụ trách các vụ việc của những người tiểu tư sản, những thợ thuyền, những người bình dân... Vâng, thưa bà, bà đã thấy sự thù ghét của một biện lý – ngày nay đã trở thành phó biện lý ở Paris – đã đặt tôi vào tình trạng như thế nào, ông ta đã không dung thứ cho sự hơn trội của tôi... Tôi biết bà, thưa bà, tôi biết sự che chở của bà vững chắc như thế nào và trong việc phục vụ bà như thế, tôi đã thấy chấm dứt những tai họa của tôi, thấy thắng lợi của bác sĩ Poulain, bạn tôi...

Bà chánh án trầm ngâm suy nghĩ. Đây là lúc lo lắng ghê gớm đối với Fraiser. Vinet – một trong những nhà hùng biện của phái ôn hòa, Chương lý đã mười sáu năm nay, mười lần được chỉ định khoác áo quan tòa của Bộ Tư pháp, ông thân sinh ra ngài biện lý ở Mantes, được bổ nhiệm làm phó biện lý ở Paris từ một năm nay – là kẻ đối địch với bà chánh án tính hay thù ghét. Ông Chương lý kiêu kỳ không giấu sự khinh miệt đối với ông chánh án Camusot. Fraiser không biết và chắc là không biết tình thế ấy.

– Ông chỉ mắc cớ mỗi chuyện đã lo việc cho cả hai bên ư? – Bà De Marville vừa hỏi vừa nhìn chòng chọc vào Fraiser.

– Bà chánh án có thể gặp ông Lebœuf; ông Lebœuf ủng hộ tôi.

– Ông có chắc rằng ông Lebœuf sẽ nói tốt về ông với ông De Marville, với ông bá tước Popinot không?

– Tôi bảo đảm, nhất là ông Olivier Vinet lại không ở Mantes nữa, vì xin nói riêng với bà, vị pháp quan bé nhỏ ấy làm cho ông Lebœuf tốt bụng phải ngại. Vả lại, thưa bà chánh án, nếu bà cho phép, tôi sẽ đến Mantes tìm ông Lebœuf. Sẽ chẳng chậm trễ đâu, vì chỉ hai, ba ngày nữa tôi mới biết chắc chắn con số của thừa kế là bao nhiêu. Tôi muốn và tôi phải giấu bà chánh án mọi đường đi nước bước của vụ việc này; nhưng cái giá mà tôi trông đợi từ sự toàn tâm toàn ý của tôi lại không phải là bằng chứng của thành công đối với bà hay sao?

– Nay, hãy làm sao để tranh thủ được sự ủng hộ của ông Lebœuf, và nếu của thừa kế lớn như ông nói, điều đó tôi còn ngờ, tôi hứa sẽ dành hai chỗ cho ông, trong trường hợp thành công, dĩ nhiên...

– Tôi bảo đảm thành công, thưa bà. Chỉ có điều là xin bà vui lòng mời đến đây ông công chứng của bà, viên đại tụng của bà, khi tôi cần đến họ, xin bà cho tôi một giấy ủy quyền để tiến hành nhân danh ông chánh án, xin bà bảo các vị ấy làm theo sự hướng dẫn của tôi, chứ đừng tự ý làm bất cứ việc gì.

– Ông có trách nhiệm, – Bà chánh án trịnh trọng nói – thì ông phải có toàn quyền. Nhưng ông Pons có thật ồm nặng không? – Bà ta vừa hỏi vừa mỉm cười.

– Thực tình, thưa bà, ông ấy sẽ qua khỏi, nhất là lại được một người có lương tâm như bác sĩ Poulain chữa chạy, vì bạn tôi, thưa bà, chỉ là một điệp viên ngây thơ do tôi điều khiển vì những lợi ích của bà, anh ta có thể cứu sống ông nhạc sĩ già, nhưng ở đấy, bên cạnh người ốm, còn có một mụ gác cổng mà vì muốn được ba mươi nghìn phơ-răng, mụ sẽ đẩy ông già xuống hố... Mụ ấy không giết ông cụ, mụ không đưa cho ông cụ thuốc độc, mụ ấy sẽ không nhân từ đến thế đâu, mụ ấy còn tệ hại hơn nữa kia: mụ sẽ giết ông cụ về

mặt tinh thần, mục sẽ làm cho ông cụ tức tối hàng ngàn lần mỗi ngày. Ông già tội nghiệp – trong một không khí yên tĩnh, lặng lẽ, được chăm sóc cẩn thận, được bạn bè vỗn vã, ở nông thôn – sẽ bình phục; nhưng bị lo lắng phiền nhiễu vì một mục Everard ở tầng lớp dưới – lúc trẻ là một trong ba mươi ả tách vỏ sò xinh đẹp mà Paris đã ca tụng – tham lam, bép xép, thô bạo, bị mục quấy rầy để làm một tờ di chúc trong đó mục được cho rất nhiều của cải, người ốm tắt nhiên sẽ bị dẫn đến chứng xơ gan, lúc này có thể hình thành những viên sỏi trong gan, và sẽ phải cầu đến một cuộc mổ xẻ để gắp chúng ra mà ông cụ sẽ không chịu đựng nổi... Anh bác sĩ, thật là một tâm hồn đẹp đẽ, đang ở trong một tình thế thảm hại, lẽ ra anh ta phải tìm cách đuổi mục kia về...

– Mục ác mớ ấy là một con quái vật! – Bà chánh án kêu lên, cố làm cho tiếng nói nhỏ nhẹ của bà êm như tiếng sáo.

Sự giống nhau giữa bà chánh án ghê gớm và y làm cho Fraiser cười thâm trong bụng, y hiểu rõ một tiếng nói the thé tự nhiên mà chuyển giọng thành êm ái giả tạo là thế nào. Y nhớ lại ông chánh án nọ – nhân vật chính trong một câu chuyện kể của Louis XI – mà đức vua đã ghi dấu qua mấy tiếng cuối cùng. Vị pháp quan này – có một bà vợ được rập theo khuôn bà vợ của Socrate song lại không có cái triết lý của bậc vĩ nhân kia – sai trộn muối vào yến mạch cho ngựa ăn và ra lệnh không cho ngựa uống nước. Khi vợ ông đi dọc theo sông Seine về quê, ngựa lao xuống nước để uống, lòi theo cả bà vợ, và ông quan tòa cảm ơn Trời đã giải thoát cho ông ta khỏi bà vợ *một cách rất tự nhiên*. Lúc ấy, bà De Marville cảm ơn Chúa đã đặt bên cạnh Pons một người phụ nữ sẽ loại bỏ Pons cho bà *một cách lương thiện*.

– Tôi không muốn được một triệu, – Bà nói – mà mang tiếng là khiếm nhã. Bạn ông phải nói rõ cho ông Pons biết để ông ta đuổi mục gác cổng ấy đi.

– Trước hết, thưa bà, ông Schmucke và ông Pons tưởng rằng người đàn bà ấy là một thiên thần, và sẽ thả hồi anh bạn tôi. Hơn

nữa, cái ả tách vỏ sò tàn bạo kia là ân nhân của anh bác sĩ, mẹ đã dẫn anh ta đến nhà cụ Pillerault. Anh ta bảo mẹ phải xử sự hết sức dịu dàng với người ốm, nhưng những lời dăn dò của anh lại chỉ ra cho mẹ những cách để làm cho bệnh thêm trầm trọng.

– Bạn ông nghĩ gì về tình trạng ông anh họ *của tôi*? – Bà chánh án hỏi.

Fraisier làm cho bà De Marville phải run lên bằng sự đúng đắn của câu trả lời và bằng sự sáng suốt của y đi thấu vào trái tim bà cũng tham lam như trái tim mẹ Cibot.

– Trong sáu tuần lễ nữa, sự thừa kế sẽ được mở ra.

Bà chánh án cúi đầu nhìn xuống.

– Con người tội nghiệp! – Bà ta vừa nói vừa cố gắng, nhưng vô hiệu, tạo ra vẻ mặt buồn bã.

– Bà chánh án có điều gì bảo với ông Lebœuf không ạ? Tôi đi Mantes bằng xe lửa.

– Có, ông đợi đấy đã, tôi sẽ viết thư mời ông ấy ngày mai đến ăn tối với chúng tôi, tôi cần gặp ông ấy để bàn tính với nhau nhằm sửa chữa điều bất công mà ông đã phải gánh chịu.

Khi bà chánh án bỏ đi thì Fraisier thấy mình đã thành phẩm phán hòa giải, y không còn giống với bản thân y nữa, y có vẻ to béo ra, y căng ngực hít thở không khí của hạnh phúc và ngọn gió lành của thắng lợi. Múc trong cái bình chứa nghị lực còn chưa biết đến, những liều lượng mới và mạnh của thứ tinh chất thần thánh ấy, y cảm thấy có thể – theo cách của Rémonencq – phạm vào một tội ác, miễn là không để lại chứng cứ, để đạt kết quả. Y đã ngang nhiên gặp trực diện bà chánh án, chuyển những phỏng đoán thành thực tế, khẳng định quàng xiên, với mục đích độc nhất là làm cho mình được bà ta ủy thác cứu cái di sản kia và được bà ta che chở. Đại diện cho hai nỗi cùng khổ vô bờ bến và những ham muốn cũng không

kém vô biên, y khinh khỉnh đập quách cái căn hộ ghê tởm của y ở phố Perle. Y thoáng thấy một nghìn đồng êquy tiền thù lao của mụ Cibot và năm nghìn phơ-răng của ông chánh án. Đây là kiếm được một căn hộ ra đáng. Sau hết, y giữ trọn được lời cam kết với bác sĩ Poulain. Một số kẻ thuộc loại hay thù ghét, chua chát, sẵn sàng độc ác vì khổ đau hoặc vì bệnh tật, nghiệm thấy những tình cảm trái ngược, ở một mức dữ dội ngang nhau: Richelieu là bạn tốt chẳng kém gì kẻ thù tàn bạo. Để tỏ lòng biết ơn Poulain đã cứu giúp mình, Fraasier sẵn sàng chịu bầm vằm vì bạn. Bà chánh án, khi trở lại với một bức thư trong tay, đã nhìn con người ấy mà y không thấy, y đang tin tưởng vào một cuộc đời sung sướng, thu nhập khá, bà thấy y không đến nỗi xấu như lúc bà mới thoát nhìn lần đầu; vả lại, y sắp phục vụ bà, và người ta nhìn một công cụ thuộc về mình khác với khi người ta nhìn nó trong tay người hàng xóm.

– Ông Fraasier này, – Bà ta bảo – ông đã tỏ ra là người có đầu óc, tôi tin là ông có thể trung thực.

Fraasier vung tay một cái đầy ý nghĩa.

– Đây, – Bà chánh án nói tiếp – tôi yêu cầu ông trả lời thành thật câu hỏi này: Ông De Marville hoặc tôi có bị liên lụy sau sự lo lót của ông không?...

– Tôi đã không tìm đến bà, thưa bà, nếu một ngày kia tôi phải tự trách mình đã vấy bùn lên ông bà, dù bùn chỉ lớn bằng đầu chiếc đinh ghim, vì lúc ấy vết bầm có vẻ lớn như mặt trăng rồi. Thưa bà, bà đã quên rằng để trở thành thẩm phán hòa giải ở Paris, tôi phải làm cho bà được mãn nguyện. Trong đời tôi, tôi đã nhận được một bài học đầu tiên, nó đã quá cay đắng nên tôi không thể liều lĩnh để nhận tiếp những đòn như thế nữa. Và, một lời cuối cùng, thưa bà. Mọi sự chạy chọt của tôi, khi liên quan đến bà, bao giờ cũng trình để bà biết trước...

– Rất tốt! Đây là bức thư gửi ông Lebœuf. Bây giờ thì tôi đợi chờ những thông tin về giá trị của di sản.

– Tất cả là ở đấy. – Fraiser ranh mãnh nói và chào bà chánh án với tất cả vẻ duyên dáng mà diện mạo y cho phép y có được.

– May mắn biết chừng nào! – Bà Camusot de Marville tự nhủ – A, thế là ta sẽ giàu có! Camusot sẽ thành nghị sĩ, vì thả gã Fraiser này vào quận Bolbec, gã sẽ thu được cho ta đa số. Công cụ đắc lực thật!

– May mắn biết chừng nào! – Fraiser tự nhủ trong lúc xuống cầu thang – Và cái bà Camusot ấy mới ghê chứ! Mình cần phải có một người đàn bà trong những điều kiện như thế này! Bây giờ thì vào việc đi thôi.

Và y đi Mantes là nơi y phải tranh thủ được sự ủng hộ của một người mà y biết rất ít; nhưng y trông cậy vào bà Vatinelle là người thật đáng tiếc đã đem lại cho y mọi nỗi bất hạnh, và những buồn phiền về yêu đương thì thường như tờ hối phiếu có cam kết của một con nợ tốt bụng, nó sinh lợi.

Ba ngày sau, trong lúc Schmucke ngủ – vì mục Cibot và lão nhạc sĩ già đã chia nhau gánh nặng canh giữ và trông coi người ốm –, mục đã có cái mục gọi là *cuộc đấu khẩu* với Pons đáng thương. Không phải là vô ích khi lưu ý đến một đặc điểm đáng buồn của bệnh viêm gan. Những bệnh nhân mà gan bị nhiễm bệnh ít hoặc nhiều, đều dễ sinh ra sốt ruột, giận dữ, và những cơn giận này tạm thời khiến cho họ đỡ đau; cũng như trong cơn sốt, người ta cảm thấy trào lên trong mình những sức mạnh quá mức. Cơn sốt qua đi, thì sự suy sụp – sự *trụy*, như các thầy thuốc vẫn nói – kéo đến, và những tổn hại mà cơ thể gây nên lúc bấy giờ mới bộc lộ hết sự trầm trọng của chúng. Cho nên, trong những bệnh về gan – và nhất là trong những bệnh mà nguyên nhân bắt nguồn từ những ưu phiền lớn đã phải chịu đựng – người bệnh sau những cơn kích động, là đi đến chỗ suy sụp, càng nguy hiểm hơn vì phải tuyệt đối ăn kiêng. Đây là một loại sốt nó khuấy động cơ chế thể dịch của con người, vì thứ sốt này không ở trong máu, cũng không ở trong óc. Sự kích động toàn thân ấy sinh ra một chứng u uất, trong đó người ốm lại căm ghét chính mình. Trong một tình thế như vậy, cái gì cũng gây nên một sự cáu gắt nguy

hiếm. Mụ Cibot, mặc dầu đã được bác sĩ căn dặn, nhưng là người đàn bà bình dân, không có kinh nghiệm, cũng không có học thức, nên mụ không tin là hệ thần kinh bị thể dịch làm khổ. Những lời giảng giải của ông Poulain đối với mụ chỉ là những *ý tưởng của thầy thuốc*. Mụ nhất thiết muốn – như mọi người bình dân – nuôi Pons, và để ngăn cản mụ ta giám giữ cho ông một miếng giambông, một món trứng trắng hoặc uống sôcôla có vani, thì phải cần đến câu nói độc đoán này của bác sĩ Poulain:

– Cho ông Pons ăn dù chỉ một miếng bất cứ thứ gì thì cũng là giết ông ấy như bằng một phát súng ngắn đấy.

Về mặt này, tính ngoan cố của các tầng lớp bình dân lớn đến nỗi người ốm sợ phải đi bệnh viện bắt nguồn từ chỗ dân chúng tin rằng người ta giết người ở đấy vì không cho họ ăn. Tỷ lệ tử vong do những thức ăn mà các bà vợ bí mật mang đến cho chồng lớn tới mức các thầy thuốc quyết định phải khám người hết sức nghiêm ngặt trong những ngày người nhà đến thăm bệnh nhân. Mụ Cibot – để đi đến một cuộc bất hòa tạm thời cần thiết cho sự thực hiện những lợi ích tức thì của mụ – đã kể lại cuộc tới thăm ông giám đốc nhà hát mà không quên *cuộc đấu khẩu* với cô vũ nữ Héroïse.

– Nhưng bà đến đấy làm gì? – Người ốm hỏi mụ đến lần thứ ba mà vẫn không thể ngắt được lời mụ Cibot khi mụ nói thao thao bất tuyệt.

– Lúc ấy, khi tôi nói thẳng vào mặt cô ta, thì Héroïse – đã biết tôi là ai rồi – đã đầu hàng ngay, và chúng tôi đã thành những người bạn tốt nhất đời. Bây giờ ông hỏi tôi là tôi đến đấy làm gì à? – Mụ nói và nhắc lại câu hỏi của Pons.

Một số kẻ ba hoa – và những kẻ đó là những kẻ ba hoa thành thân – đã nhặt nhanh như vậy những lời chất vấn, những ý kiến bác bỏ và những lời nhận xét làm vốn dự phòng để nuôi những câu chuyện của họ, như thể ngọn nguồn của chúng đến một lúc có thể khô cạn

– Nhưng tôi đã đến đây để gỡ lúng túng cho ông Gaudissart của ông, ông ấy đang cần nhạc cho một vở balê, mà ông thì, ông ơi, ông chưa khỏe để viết được nguệch ngoạc lên giấy và để hoàn thành nhiệm vụ. Tôi đã nghe nói là vì thế người ta định nhờ một anh Garangeot đặt nhạc cho vở *Những người Mohicans*...

– Garangeot à? – Pons kêu lên giận dữ – Garangeot, một anh chàng không có chút tài năng nào, tôi đã không muốn chọn anh ta làm cây violông thứ nhất kia mà! Đây là một con người rất tinh nhanh, anh ta viết rất giỏi nhiều mục tiêu phẩm về âm nhạc, nhưng để soạn một điệu nhạc, thì tôi thách anh ta đấy!... Do đâu mà bà đã nảy ra cái ý định quái quỷ đến nhà hát thế?

– Nó thật là *cúng đào*, cái con quỷ ấy! Thấy không, ông ơi, đừng phát khùng lên như một người nóng nảy thế!... Ông có thể viết nhạc trong tình hình hiện nay của ông không? Ông không soi gương mà xem à? Ông có muốn lấy gương không? Ông chỉ còn da bọc xương thôi... Ông yếu như sên ấy! Và ông tưởng là ông có thể ghi những nốt nhạc được... Nhưng ông sẽ chẳng ghi được số tính tiền của tôi đâu... Điều đó khiến tôi nghĩ rằng tôi phải lên gặp cái bà ở trên tầng ba còn nợ chúng ta mười bảy phơ-răng... mười bảy phơ-răng, nhật lấy cũng tốt; vì trả tiền ông được rồi thì chúng ta không còn được hai mươi phơ-răng nữa... Phải nói với ông ta, với ông Gaudissart, ông ta có vẻ là một người tốt đấy... tôi thích cái tên ấy... Đúng là một ông Roger-Bontemps thực sự, rất hợp với tôi... ông ta, ông ta sẽ không bao giờ đau gan cả!... Vậy thì phải nói với ông ta tình trạng của ông bây giờ ra sao... thế chứ! Ông không được khỏe, và anh ta đã tạm thời thay thế ông...

– Thay thế! – Pons vừa kêu lên một tiếng ghê gớm vừa nhòe dầy.

Nhìn chung, những người ốm – nhất là những người ở trong tầm lưới hái của Thân Chết – bám riết lấy chỗ làm của họ cũng điên cuồng như người mới vào nghề điên cuồng xoay xở để kiếm được chỗ làm. Cho nên sự thay thế kia đối với kẻ hấp hối đáng thương có vẻ như là một cái chết đầu tiên.

– Nhưng bác sĩ bảo tôi, – Ông nói tiếp – rằng tôi hoàn toàn khỏe mạnh, rằng tôi sẽ trở lại ngay cuộc sống bình thường kia mà! Bà đã giết tôi, đã làm tôi điêu đứng, đã sát hại tôi rồi!...

– Ta, ta, ta, ta... – Mụ Cibot kêu lên – Ông thế là đã bắt đầu rồi đấy, nào nói đi, tôi là tên đao phủ của ông, tất nhiên ông luôn luôn nói những lời dịu ngọt ấy với ông Schmucke khi tôi quay đi. Tôi nghe rõ những điều ông nói, nói đi!... Ông là một con quái vật vô ơn...

– Nhưng bà không biết rằng nếu tôi chỉ chậm lại mười lăm ngày để bình phục, thì khi tôi trở lại, người ta sẽ bảo tôi rằng tôi là một người hủ lậu, một lão già, rằng tôi đã hết thời rồi, rằng tôi là Đế chế, cổ lỗ! – Người ốm kêu lên, vẫn còn muốn sống – Garangeot sẽ kết bạn ở trong nhà hát, từ trạm soát vé đến chỗ vòm cuốn! Hắn sẽ hạ thấp âm giai cho một nữ diễn viên không có giọng, hắn sẽ liếm gót ông Gaudissart; nhờ bạn bè, hắn sẽ đăng những lời khen của tất cả mọi người lên những tờ lá cải; và lúc ấy, trong một quán hàng, như cái quán kia, bà Cibot ạ, người ta biết bối bèo ra bọ! Con quỷ nào đã đẩy bà đến đấy?

– Nhưng ủa, ông Schmucke đã thảo luận với tôi về việc ấy trong tám ngày. Ông còn muốn gì nữa? Ông chỉ thấy có một mình ông thôi! Ông là một kẻ ích kỷ muốn giết hết mọi người để chữa cho mình khỏi bệnh!... Nhưng ông Schmucke tội nghiệp từ một tháng nay mệt bã người, ông ấy vất vả điêu đứng, ông ấy không còn có thể đi đến đâu được nữa, không đi giảng bài, cũng không đi phục vụ ở nhà hát, vì ông không thấy gì cả à? Ông ấy trông ông ban đêm, còn tôi trông ông ban ngày. Bây giờ, nếu tôi thức đêm như tôi đã cố gắng làm trước đây, tin rằng ông chẳng có gì hết, thì tôi phải ngủ ban ngày chứ! Và ai sẽ là người trông nom việc nội trợ và coi nhà coi cửa?... Biết làm thế nào, bệnh là bệnh!... Thế mà!...

– Không thể nào Schmucke lại là người có ý nghĩ ấy được...

– Giờ đây thế ông tưởng tôi moi cái ý nghĩ ấy từ trong cái mũ của tôi chắc! Thế ông tưởng rằng chúng tôi đều là sắt thép cả đấy

à? Nếu Schmucke tiếp tục nghề nghiệp của ông ấy, đi giảng bảy hoặc tám bài và buổi tối ở nhà hát từ sáu giờ rưỡi đến mười một giờ rưỡi để điều khiển ban nhạc, thì chỉ mười ngày nữa là ông ấy sẽ chết... Ông có muốn con người đáng kính ấy, con người sẵn sàng hy sinh vì ông ấy, phải chết không? Từ thuở cha sinh mẹ đẻ, tôi chưa bao giờ thấy người ốm nào như ông... Lý trí của ông để đâu, ông để nó ở hiệu cầm đồ à? Mọi người ở đây đều tận lực vì ông, cố làm hết sức, mà ông thì không vừa lòng... Ông muốn làm cho chúng tôi đến phát điên lên... Trước hết là tôi, tôi đã mệt lử rồi, sau đó đến người khác!

Mụ Cibot có thể nói thỏa thích, cơn giận đã không cho Pons thốt lên được câu nào, ông lẫn lộn ra giường, khó nhọc cất lên những lời than vãn, ông đang chết dần. Bao giờ cũng thế, khi đã đạt tới thái độ ấy rồi, thì cuộc cãi cọ đột nhiên quay sang làm lạnh. Mụ trông coi nhảy bổ vào người ốm, đỡ lấy đầu, ép ông nằm xuống, kéo chân đắp lên người ông.

– Ai lại thế này! Ông em ơi, chung quy, vì ông ốm đấy mà! Ông Poulain tốt bụng đã bảo thế mà. Nào, thôi bình tĩnh lại đi. Hãy ngoan ngoãn đi nào, ông ơi. Ông là thần tượng của tất cả những ai lại gần ông, mà chính ông bác sĩ cũng tới thăm bệnh cho ông đến hai lần trong một ngày! Ông ấy sẽ nói gì nếu thấy ông cuồng loạn như thế này? Ông làm tôi bức cả mình! Thế không tốt đâu. Khi được bà Cibot trông coi, thì người ta phải nể bà ấy chứ!... Ông kêu, ông nói, điều đó cấm đấy! Ông đã biết thế rồi. Nói năng làm cho ông bị kích thích... Mà tại sao ông lại nổi khùng lên? Chính ông đã sai lầm... Ông luôn luôn quấy rầy tôi! Nào, ta hãy cùng bàn luận nào! Nếu ông Schmucke và tôi, tôi yêu ông em như yêu khúc ruột của tôi, chúng tôi tin rằng đã làm đúng... Thiên thần của mẹ ơi, được rồi, nào.

– Schmucke không thể bảo bà đến nhà hát mà không hỏi ý kiến tôi...

– Phải đánh thức ông ấy dậy à, con người thân mến tội nghiệp ấy ngủ như một người sung sướng, phải gọi ông ấy dậy để làm nhân chứng à?

– Đứng! Đứng! – Pons kêu lên – Nếu Schmucke tốt bụng và dịu dàng của tôi đã có quyết định ấy, thì có lẽ bệnh của tôi còn xấu hơn là tôi tưởng. – Pons vừa nói vừa nhìn với cặp mắt đầy nỗi u sầu ghê gớm những đồ mỹ nghệ trang trí căn phòng – Sẽ cần phải nói lời từ giã với những bức tranh thân yêu của tôi, với tất cả những vật mà tôi đã kết bạn. Và Schmucke thần thánh của tôi nữa!.. Ôi, có đúng thế không?

Mụ Cibot, nữ diễn viên tàn ác ấy, đưa khăn mùi xoa lên mắt. Câu trả lời không thành tiếng ấy khiến người ốm rơi vào một mộng tưởng đen tối. Bị giáng hai đòn trúng vào những chỗ hết sức nhạy cảm – đời sống xã hội và sức khỏe, mất công ăn việc làm và viễn ảnh của cái chết – ông quy xuống đến nỗi không còn sức để giận nữa. Ông ủ ê như một người mắc bệnh lao sau lúc hấp hối.

– Ông thấy không, vì lợi ích của ông Schmucke, – Mụ Cibot nói khi thấy nạn nhân của mụ hoàn toàn bị chế ngự – ông nên cử người đi tìm ông công chứng viên của phường, ông Trognon, một người rất tử tế...

– Bà luôn luôn nói với tôi về cái ông Trognon ấy... – Người ốm nói.

– À, về cái mà ông sẽ cho tôi, thì ông ấy hoặc một người khác đối với tôi cũng như nhau thôi!

Và mụ hất đầu ra vẻ khinh thường của cái. Sự yên tĩnh lại trở lại.

Vào lúc ấy thì Schmucke – ngủ từ lúc hơn sáu giờ, tỉnh giấc vì đói, ngồi dậy, vào phòng Pons, ngắm ông một lúc mà không nói gì, vì mụ Cibot đã đặt một ngón tay lên môi làm hiệu: – Xuyt!

Rồi mụ đứng dậy, lại gần lão người Đức để nói vào tai lão, và bảo: – Nhờ trời, ông ấy sắp ngủ, ông ấy đọc ác quá chừng!... Biết làm thế nào! Ông ấy chống chọi lại bệnh tật...

– Không, tôi trái lại rất kiên nhẫn. – Người ốm trả lời bằng một giọng ảo não để lộ sự mệt mỏi kinh khủng – Nhưng ông Schmucke thân mến ơi, bà ấy đã đến nhà hát để làm cho tôi bị sa thải...

Ông nghỉ một chút, ông không còn đủ sức để nói hết. Mụ Cibot lợi dụng khoảng cách ấy để ra hiệu cho Schmucke biết là tình trạng đầu óc của người ốm không còn tỉnh táo, và bảo:

– Đừng làm trái ý ông ấy, ông ấy sẽ chết mất...

– Và, – Pons vừa nói tiếp vừa nhìn Schmucke trung thực – bà ấy bảo rằng chính ông đã phái bà ấy đi...

– *Túng, – Schmucke dừng cảm trả lời – cần phải như vậy. Ung hãy im đi... Hãy để cho chúng tôi cứu ung!... Thật là ngốc khi ung fất kiệt sức để làm việc trong khi ung có cả một kho của... Ung hãy bình phục lại đi, chúng ta sẽ pán một thứ lin tin nào đó fà chúng ta sống êm ả đến hết đời trong một xóm xinh fời pà Zibod tốt bụng này.*

– Bà ấy đã làm hỏng ông mất rồi! – Pons đau đớn trả lời.

Người ốm không trông thấy mụ Cibot nữa – mụ đã đứng ở sau giường để che mắt Pons làm hiệu cho Schmucke –, nên tưởng rằng mụ đã đi khỏi đấy.

– Bà ấy đang sát hại tôi. – Lão nói thêm.

– Sao! Tôi sát hại ông à?... – Mụ vừa nói vừa thò mặt ra, mắt nảy lửa, hai tay chống nạnh – Thế ra phần thưởng cho sự tận tụy như của loài chó là thế đấy... Chúa ơi là Chúa!... – Mụ òa khóc, để rơi mình xuống một chiếc ghế bành, và cử chỉ thâm thương ấy gây nên sự rối loạn tai hại nhất cho Pons – Này! – Mụ nói và lại đứng lên và để lộ cho hai người bạn thấy cái nhìn của giống đàn bà hần học đang phóng ra cùng một lúc những phát súng ngắn và những tia nọc độc – Tôi đã chán vì chẳng làm được điều gì tốt ở đây trong khi hủy hoại sức khỏe của mình. Các ông đi tìm người trông nom đi! – Hai người bạn nhìn nhau lo sợ – Ôi, các ông nhìn nhau như những diễn viên thế kia! Thế là rõ rồi! Tôi sẽ đến xin ông đốc tờ Poulain tìm cho các

ông một người trông nom! Và chúng ta sẽ thanh toán mọi khoản chi tiêu. Các ông trả cho tôi tiền tôi đã đặt vào đây... khoản tiền mà lẽ ra tôi không bao giờ đòi lại... Tôi mới đây còn đến nhà cụ Pillerault vay năm trăm phơ-răng nữa...

– *Ung áy tang úm táy mà!* – Schmucke vừa nói vừa nhào tới mụ Cibot và ôm lấy ngang lưng mụ – *Pà hãy chịu khó kín nhẫn một chút!*

– Ông, ông là một thiên thần, tôi có thể hôn lên dấu chân ông.
– Mụ nói – Nhưng ông Pons thì không bao giờ yêu tôi. Ông ấy còn luôn luôn ghét tôi nữa!... Và lại ông ấy có thể nghĩ là tôi muốn được đưa vào di chúc...

– *Xuyt! Pà xiết chết ung áy mất thôi!* – Schmucke kêu lên.

– Chào ông, thưa ông. – Mụ đến nói với Pons và nhìn xoáy vào ông làm cho ông điếng người – Vì tôi mong muốn cho ông điều xấu, ông hãy mạnh khỏe lên. Khi nào ông đáng yêu đối với tôi, khi nào ông tin rằng cái gì tôi đã làm là làm tốt, thì tôi sẽ trở lại! Từ nay đến lúc ấy, tôi ở lại nhà tôi... Tôi coi ông như con, đã bao giờ thấy con chống lại cha mẹ chưa? Không, không, ông Schmucke ơi, tôi không muốn nghe gì hết... Tôi sẽ mang bữa tối đến cho ông, tôi sẽ phục vụ ông; nhưng xin hãy tìm lấy một người trông nom đi, hãy nhờ ông Poulain tìm hộ một người đi.

Mụ bước ra, đóng sầm cửa lại, mạnh đến nỗi những vật mỏng mảnh, quý giá rung lên bần bật. Người ốm nghe thấy tiếng lanh canh của đồ sứ, trong nỗi thống khổ của ông, cái tiếng ấy như đòn kết liễu trong nhục hình bánh xe vậy.

Một giờ sau, mụ Cibot – đáng lẽ đi vào phòng Pons – thì lại đến gọi Schmucke qua cửa phòng ngủ, bảo lão rằng bữa tối đang chờ lão trong phòng ăn. Lão người Đức tội nghiệp đến đấy, bộ mặt tái xanh và chan chứa nước mắt.

– *Ung Bons táng thương của tui nói lung tung,* – Lão bảo – *fì ung áy cho rằng pà là mọt kẻ xan ác. Ung áy ốm táy mà!* – Lão nói để xoa dịu mụ Cibot mà không buộc tội Pons.

– Ôi, tôi đã ngán cái ồm của ông ấy lắm rồi. Ông nghe này, đấy không phải là bố tôi, cũng không phải là chồng tôi, cũng không phải em tôi, cũng chẳng phải con tôi. Ông ấy ghét tôi, này, thế là đủ lắm rồi. Ông, ông thấy không, tôi theo ông đến tận cùng trời cuối đất, thế nhưng khi người ta hy sinh cuộc đời, trái tim, tất cả tiền dành dụm, khi người ta xao nhãng cả chồng mình, Cibot ồm kia kìa, thế mà bảo người ta là gian ác... như vậy thật quá lắm...

– *Quá lắm?*

– Ủ, quá lắm! Hãy gác những lời phù phiếm lại. Hãy đi vào cái thiết thực! Thế thì các ông nợ tôi ba tháng, mỗi tháng một trăm chín mươi phơ-răng, tính ra thành năm trăm bảy mươi phơ-răng; thêm hai lần tiền thuê nhà tôi đã trả; những biên lai đây, sáu trăm phơ-răng ngót nghét và thuế má nữa; vậy là một nghìn hai trăm kém một tí chút, và cuối cùng là hai nghìn phơ-răng, không tính lãi, dĩ nhiên; tổng cộng là ba nghìn một trăm chín mươi hai phơ-răng. Nên thấy rằng ông sẽ phải có ít ra là hai nghìn phơ-răng trước mặt cho người trông nom, thầy thuốc, thuốc thang và cái ăn cho người trông nom. Đấy là lý do tôi vay một nghìn phơ-răng của cụ Pillerault – Mụ vừa nói vừa chìa ra tấm ngân phiếu một nghìn phơ-răng mà Gaudissart đã đưa¹.

Schmucke nghe sự tính toán ấy với vẻ kinh ngạc có thể hiểu được, vì lão là nhà tài chính, cũng như mèo là nhạc sĩ.

– *Pà Zibod ơi, Bons khung còn tàu óc tỉnh táo nữa! Pà hãy tha lỗi cho ung áy, pà hãy tiếp tục trông nom ung áy, pà hãy tiếp tục là người chăm lo cho chúng tui... Tui quỳ xuống xin pà fiệc áy đấy.*

Và lão người Đức vừa phủ phục trước mụ Cibot, vừa hôn bàn tay tên đao phủ ấy.

– Nghe này, ông ơi, – Mụ vừa nói vừa đỡ Schmucke dậy và hôn lên trán lão – Cibot đang ồm đây kia, đã phải nằm một chỗ, tôi vừa

1. Gaudissart đã đưa cho mụ hai tờ phiếu năm trăm phơ-răng.

cử người đi tìm bác sĩ Poulain. Trong hoàn cảnh như thế, tôi phải thu xếp công việc cho có thứ tự. Và lại, Cibot thấy tôi khóc lóc trở về, đã nổi xung lên đến mức ông ấy không muốn tôi lại đặt chân tới đây nữa. Chính ông ấy đang đòi tiền, và tiền là của ông ấy, ông thấy đấy. Đàn bà chúng tôi, chúng tôi chẳng làm gì được. Nhưng nếu trả tiền cho ông ấy, cho con người ấy, ba nghìn hai trăm phơ-răng, thì có thể làm cho ông ấy đi biệt đâu... Đây là toàn bộ tài sản của con người tội nghiệp ấy, tiền dành dụm của hai mươi sáu năm ăn tiêu tần tiện, kết quả của mồ hôi ông ấy đổ ra. Phải có tiền trả ông ấy vào ngày mai, không còn trù trừ gì nữa... Ông không biết Cibot đâu! Ông ấy mà cáu lên, thì ông ấy sẽ giết người. Này! Có lẽ tôi có thể xin được ông ấy cho tiếp tục trông nom cả hai ông. Cứ yên lòng, tôi sẽ mặc cho ông ấy muốn nói gì thì nói. Tôi sẽ chịu đựng nỗi thống khổ này là vì tình yêu đối với ông, một thiên thần.

– *Khung, tui là một người nghèo khó, yêu bạn mình, sẵn sàng hy sinh tế cứu bạn...*

– Thế còn tiền? ... Ông Schmucke tốt bụng ơi, giả dụ ông không đưa gì cho tôi, thì cũng phải tìm lấy ba nghìn phơ-răng cho những nhu cầu của ông chứ! Thật thế, ông có biết tôi sẽ làm gì ở vào địa vị của ông không? Tôi sẽ không một hai gì cả, tôi sẽ bán bảy hoặc tám bức tranh xấu xí và tôi sẽ thay chúng bằng một số trong những bức ở trong phòng ông, để quay mặt vào tường, do thiếu chỗ treo, vì bức tranh này hay bức tranh khác thì có sao đâu?

– *Tại sao thế?*

– Ông ấy thật là ranh ma! Đó là do bệnh của ông ấy, chứ còn lúc khỏe, thì đấy là một con cừu! Ông ấy có thể ngồi dậy, đi lục lọi; nếu tình cờ ông ấy vào phòng khách – dù rằng ông ấy yếu đến nỗi không thể bước qua ngưỡng cửa – thì ông ấy vẫn luôn thấy đủ số!...

– *Túng thế!*

– Nhưng chúng ta sẽ nói với ông ấy chuyện bán khi ông ấy đã hoàn toàn mạnh khỏe. Nếu ông muốn thú thực với ông ấy về việc

bán này, thì ông cứ đổ tất cả cho tôi, cho sự cần thiết phải trả tiền cho tôi. Nay, tôi chịu đựng được...

– *Tui khùng thể xải quyết những thứ khùng phải là của tui...* – Lão người Đức tốt bụng trả lời đơn giản.

– Nay, tôi sắp đưa các ông ra tòa, ông và ông Pons.

– *Thế thì là xiết ung ấy mất...*

– Ông phải lựa chọn thôi... Lạy Chúa! Ông hãy bán các bức tranh đi đã, rồi sau sẽ nói với ông ấy... Ông sẽ đưa cho ông ấy xem lệnh gọi ra tòa.

– *Này! Cứ khời chúng tui ra tòa... tấy là lỗi của tui... tui sẽ đưa cho ung ấy păn án...*

Ngày hôm ấy, vào lúc bảy giờ, mụ Cibot – trước đây đã đi hỏi một mõ tòa – gọi Schmucke. Lão người Đức thấy mình đứng trước ông Tabareau là người đòi lão phải trả tiền; và căn cứ vào câu trả lời mà lão vừa nói vừa run rẩy suốt từ đầu đến chân, Schmucke và Pons bị kiện ra tòa, buộc phải trả tiền. Dáng vẻ của con người ấy tay cầm tờ trát dán tem viết loằng ngoằng, đã có tác động mạnh đối với Schmucke đến nỗi lão không cưỡng lại được nữa.

– *Pán tranh ti.* – Lão nói, nước mắt lưng tròng.

Hôm sau, lúc sáu giờ sáng, Élie Magus và Rémonencq, người nào tháo tranh của người nấy xuống. Hai tờ biên lai hai nghìn năm trăm phơ-răng được làm hoàn toàn đúng luật.

“Tôi ký tên dưới đây, bảo đảm cho ông Pons, thừa nhận là đã
“cầm của ông Élie Magus số tiền hai nghìn năm trăm phơ-
“răng về bốn bức tranh tôi đã bán cho ông ấy, món tiền được
“chi cho những nhu cầu của ông Pons. Một trong những bức
“tranh ấy, bảo là của Dürer, là một chân dung phụ nữ; bức thứ
“hai, thuộc trường phái Italie, cũng là một chân dung; bức thứ
“ba là một bức phong cảnh Hà Lan của Breughel; bức thứ tư,

“một bức tranh xứ Florence vẽ một *Gia đình thần thánh* là “của một tác giả vô danh”.

Tờ biên lai do Rémonencq đưa thì lời lẽ cũng như thế và gồm có một của Greuze, một của Claude Lorrain, một của Rubens và một của Van Dyck, tất cả được ngụ ý rằng là tranh của Trường phái Pháp và Trường phái Flandres.

– *Món tiền này làm cho tui tin rằng những tờ lin tin kia phải có một xá trị nào đấy...* – Schmucke nói trong khi nhận năm nghìn phơ-răng.

– Nó đáng giá một cái gì đó. – Rémonencq nói – Tôi sẵn sàng trả một trăm nghìn phơ-răng cho tất cả những cái ấy.

Gã người Auvergne – được nhờ giúp cho công việc cón con này – đã thay tám bức tranh bằng tám bức có cùng kích thước, cùng thứ khung treo, chọn trong những bức tranh loại kém mà Pons đã để ở trong phòng của Schmucke. Élie Mangus, khi đã nắm được bốn kiệt tác, thì dẫn mục Cibot về nhà lão, lấy cớ là để tính toán với nhau. Nhưng lão kêu nghèo kêu khổ, chê bai này nọ, lão tìm ra những lỗi của vải, kêu là phải bồi vải mới vào các bức tranh, tóm lại, lão đưa cho mục Cibot ba mươi nghìn phơ-răng tiền hoa hồng; lão làm cho mục phải nhận tiền trong khi chìa ra cho mục những tờ giấy bạc chói lọi trong đó Ngân hàng đã ghi rõ chữ **MỘT NGHÌN PHƠ-RĂNG!** Magus buộc Rémonencq phải đưa cho mục Cibot số tiền bằng thế, và cho gã mượn tiền để trả, còn lão tạm giữ bốn bức tranh. Bốn bức tranh của Rémonencq đối với Magus, có vẻ tuyệt vời đến nỗi lão không thể dứt ra để trả lại được, nên ngày hôm sau, lão mang sáu nghìn phơ-răng tiền lãi đến cho gã buôn đồ cũ, gã viết hóa đơn nhường lại cho lão bốn bức. Mục Cibot – bây giờ đã có năm mươi tám nghìn phơ-răng – lại đòi hai kẻ tòng phạm phải hết sức bí mật, mục xin lão Do Thái nói cho biết phải làm cách nào để mục đem đầu tư món tiền ấy mà không ai có thể biết được là mục sở hữu nó.

– Bà hãy mua lấy những cổ phiếu đường sắt ở Orléans, những cổ phiếu ấy thấp hơn ba mươi phơ-răng so với giá chuẩn, bà sẽ tăng gấp đôi vốn lên trong ba năm, và bà sẽ có những tờ giấy lộn để vừa trong ví.

– Xin hãy ở lại đây đã, thưa cụ Magus, tôi phải đến nhà người lo chạy công việc của gia đình ông Pons, ông ấy muốn biết cụ lấy tất cả những đồ đạc lung củng ở trên kia với giá nào... Tôi sẽ đi tìm ông ấy cho cụ...

– Giá mà bà ấy góa chồng. – Rémonencq nói với Magus – thì hay cho tôi quá, vì bà ấy bây giờ giàu rồi...

– Nhất là nếu bà ấy đặt tiền vào đường sắt ở Orléans; chỉ trong hai năm sẽ tăng lên gấp đôi. Tôi đã đặt vào đấy những món tiền tiết kiệm còn con, ít ỏi của tôi. – Lão Do Thái nói – Đấy là của hồi môn cho con gái tôi... Nào, ta hãy đi một vòng ngoài phố trong lúc chờ luật sư...

– Nếu Chúa muốn gọi ông Cibot về với Người, mà ông ấy thì quá ốm yếu rồi, – Rémonencq nói tiếp – thì tôi sẽ có một bà vợ ra vợ để trông coi cửa hàng, và tôi sẽ có thể tiến hành buôn to bán lớn...

– Chào ông, thưa ông Fraisiert tốt bụng. – Mụ Cibot nói với giọng ngọt xớt khi bước vào căn phòng của gã cố vấn – Này, sao ông gác cổng của ông lại bảo tôi rằng ông đi khỏi đây...

– Vâng, thưa bà Cibot thân mến, trong tòa nhà bác sĩ Poulain ở, tôi thuê căn hộ tại gác một, phía trên hộ ông ấy. Tôi tìm cách mượn từ hai đến ba nghìn phơ-răng để trang bị tươm tất cho căn hộ ấy, căn hộ thật thế, rất đẹp, người chủ sở hữu đã sửa lại như mới. Như tôi đã nói với bà, tôi nhận trách nhiệm về những lợi ích của ông chánh án De Marville và của bà... Tôi bỏ nghề biện sự, tôi sẽ đăng ký vào hội các luật sư, và phải ở thật đàng hoàng. Các luật sư ở Paris chỉ cho đăng ký vào hội luật sư những người có một động sản đáng kể, một thư viện... Tôi là tiến sĩ luật khoa, tôi đã thực tập và tôi đã có những người bảo trợ có thế lực mạnh... Này, chúng ta đến đâu rồi nhỉ?

– Nếu ông muốn nhận tiền tiết kiệm của tôi ở quỹ tiết kiệm, – Mụ Cibot bảo hắn – thì tôi chẳng có nhiều, ba nghìn phơ-răng, kết quả của hai mươi nhăm năm dành dụm và chịu nhiều thiếu thốn... Ông viết cho tôi một tờ hối phiếu, như Rémonencq nói, vì tôi thật là dốt nát. Tôi chỉ biết những điều người ta bảo tôi...

– Không, điều lệ của hội cấm luật sư ký nhận vào hối phiếu, tôi sẽ viết cho bà một biên lai về khoản ấy với lãi năm phần trăm, và bà sẽ trả lại nó cho tôi nếu tôi kiếm được cho bà một nghìn hai trăm phơ-răng niên kim trọn đời trong di sản của ông già Pons.

Mụ Cibot, mắc bẫy, không nói gì.

– Lặng thinh là tình đã thuận. – Fraiser nói tiếp – Bà mang nó đến cho tôi đi, ngày mai.

– À, tôi sẵn sàng trả trước cho ông tiền thù lao, – Mụ Cibot nói – để được chắc chắn là tôi sẽ có lợi tức.

– Chúng ta đã đi đến đâu nhỉ? – Fraiser vừa nói tiếp vừa gạt đầu – Chiều qua tôi đã đến thăm Poulain, hình như bà làm rùm beng lên với người ốm... Thêm một cuộc tấn công như hôm qua nữa thì lão sẽ đẩy sỏi trong túi mật... Bà hãy nhẹ nhàng với lão, bà thấy không, bà Cibot thân mến ơi, không nên tạo cho mình những điều ân hận. Người ta không sống đến già đâu.

– Hãy để cho tôi được yên với những điều ân hận của ông!... Ông còn chưa nói với tôi về đoạn đầu dài đấy chứ? Ông Pons là một ông già *ung būng*, ông chưa biết ông ấy đâu! Chính ông ấy đã *chọc tức* tôi! Không có một người nào lại độc ác hơn ông ấy, họ hàng của ông ấy có lý, ông ấy âm hiểm, hay hằn thù và *ung būng*. Cụ Magus đang ở nhà, như tôi đã nói với ông, cụ ấy đang chờ ông.

– Được!... Tôi sẽ đến đấy cùng một lúc với bà. Số lợi tức của bà tùy thuộc vào giá trị của bộ sưu tập này, nếu có tám trăm nghìn phơ-răng, thì bà sẽ có một nghìn năm trăm phơ-răng lợi tức trọn đời... Một tài sản đấy chứ!

– Thôi được! Tôi sẽ bảo họ định giá mọi vật thật trung thực.

Một giờ sau, trong lúc Pons đang ngủ say, sau khi đã nhận từ tay Schmucke một cốc thuốc an thần do bác sĩ cho đơn – nhưng liều lượng đã được mụ Cibot tăng gấp đôi mà lão người Đức không biết – Fraasier, Rémonencq và Magus, ba nhân vật đáng treo cổ, đã xem xét từng cái một trong một nghìn bảy trăm đồ vật làm thành bộ sưu tập của lão nhạc sĩ già. Schmucke đi ngủ, những con quạ kia đánh hơi xác chết thấy mình đang làm chủ trần địa.

– Đừng làm ồn. – Mụ Cibot nói mỗi khi Magus hứng khởi và tranh luận với Rémonencq, bảo cho hắn biết giá trị của một tác phẩm đẹp.

Thật là một cảnh tượng làm náo lòng người, khi bốn tên hám của khác nhau kia cân nhắc món di sản, trong khi kẻ mà bọn chúng đều mong cho chết đang ngủ. Sự ước lượng những giá trị để ở phòng khách kéo dài ba giờ đồng hồ.

– Tính trung bình, – Lão già Do Thái bản thủ nói – mỗi thứ ở đây đáng giá một nghìn phơ-răng...

– Thế là một triệu bảy trăm nghìn phơ-răng! – Fraasier kinh ngạc thốt lên.

– Không phải là để cho tôi. – Magus nói tiếp, cặp mắt trở lại màu sắc lạnh lùng – Tôi sẽ không trả hơn tám trăm nghìn phơ-răng; vì không biết phải giữ những thứ ấy trong cửa hàng đến bao lâu... Có những kiệt tác không bán được trước mười năm, và giá mua tăng lên gấp đôi vì lãi kép; nhưng tôi sẽ trả tiền mặt.

– Trong phòng có những tấm kính ghép màu, những đồ tráng men, những đồ mỹ nghệ tinh xảo, những hộp đựng thuốc hít bằng vàng và bạc. – Rémonencq nhắc mọi người chú ý.

– Có thể xem được không? – Fraasier hỏi.

– Tôi vào xem ông ấy có ngủ say không đã. – Mụ Cibot trả lời. Và, theo hiệu của mụ gác cổng, ba con mảnh cầm bước vào.

– Kia là những kiệt tác! – Magus vừa nói vừa chỉ phòng khách, bộ râu trắng của lão rung lên từng sợi – Nhưng còn đây là những viên kim cương! Thật là cả một kho báu! Trong kho của các vị vua chúa cũng chẳng có gì đẹp hơn.

Cặp mắt Rémonencq, bắt gặp những hộp đựng thuốc, sáng ngời lên như những viên hồng ngọc. Fraasier bình thản, lạnh lùng như một con rắn đứng dựng trên đuôi của nó, vươn dài cái đầu bẹt ra, ở tư thế mà các họa sĩ thường gán cho Méphistophélès. Ba tên keo kiệt khác nhau kia, khát vàng như quỷ sứ khát sương trên thiên đường, không bàn tính với nhau mà đều hướng cái nhìn vào con người nắm được biết bao nhiêu là của cải, vì ông vừa có một cử chỉ do ác mộng gây ra. Bất thành linh, dưới ba luồng ánh sáng quỷ quái đang phun ra, người ồm ồm mở mắt và kêu lên những tiếng xé tai:

– Kẻ trộm! Chúng kia kìa! Bảo vệ đầu! Chúng ám hại tôi.

Rõ ràng là ông thức rồi mà vẫn còn đang mơ, vì ông đã ngồi đây, mắt mở to, trắng dã, nhìn chằm chằm, không chút động đậy. Élie Magus và Rémonencq đi ra cửa; nhưng chúng đứng sững lại đấy khi nghe nói:

– Magus, ở đây... Tôi bị phản bội rồi... – Người ồm thức dậy, do bản năng bảo toàn kho báu của mình, cái bản năng ít nhất cũng ngang với bản năng bảo toàn mạng sống – Bà Cibot ơi, ông này là ai đây? – Ông kêu lên và rùng mình khi nhìn thấy Fraasier lúc này đang bất động.

– Ủa! Dễ thường tôi có thể đuổi ông ta ra cửa được à? – Mụ vừa nói vừa nháy mắt ra hiệu cho Fraasier – Ông đây vừa đến thay mặt cho gia đình ông...

Fraasier bất giác có một cử chỉ khâm phục mụ Cibot.

– Vâng, thưa ông, tôi đến nhân danh bà chánh án De Marville, chồng bà, con gái bà, để biểu lộ với ông những sự hối tiếc của họ; họ ngẫu nhiên biết là ông ốm và họ muốn đích thân chăm sóc ông...

Họ mời ông đến trang trại Marville để hồi phục sức khỏe; bà tử tước Popinot – cô cháu gái Cécile mà ông yêu quý biết mấy ấy – sẽ là người hộ lý của ông... cô ấy đã bệnh vực ông trước mặt mẹ, cô ấy đã làm cho bà mẹ từ bỏ những sai lầm đã mắc phải.

– Và họ đã sai ông đến đây, những kẻ thừa kế của tôi ấy, – Pons kêu lên giận dữ – lại cử kẻ thông thạo khôn khéo nhất, kẻ giám định tinh tế nhất Paris làm người hướng dẫn cho ông, có phải không? ... A! Trách nhiệm thật là vẻ vang. – Ông lão nói tiếp và cười như điên như dại – Ông đến để định giá tranh của tôi, những đồ vật lạ của tôi, những hộp đựng thuốc hít của tôi, những đồ mỹ nghệ tinh xảo của tôi!... Định giá đi! Ông có một kẻ không những chỉ có kiến thức về mọi thứ, mà còn có thể mua, vì hắn là một kẻ mười lần triệu phú... Những người bà con thân mến của tôi không phải chờ đợi lâu để thừa kế di sản của tôi đâu, – Ông nói với vẻ mai mỉa sâu sắc – họ đã giết chết tôi.... À, bà Cibot này, bà nhận là mẹ tôi, thế mà bà đưa bọn lái buôn, kẻ cạnh tranh với tôi, và gia đình Camusot vào đây trong lúc tôi ngủ!... Cút hết đi!...

Và kẻ bất hạnh, bị kích thích quá độ vì vừa giận vừa sợ, đứng dậy, hốt hác.

– Nắm lấy cánh tay tôi đi, thưa ông. – Mụ Cibot vừa nói vừa lao đến Pons để giữ cho ông khỏi ngã – Hãy bình tĩnh nào, các ông ấy đã ra cả rồi.

– Tôi muốn xem phòng khách! – Người hấp hối nói.

Mụ Cibot ra hiệu cho ba con quạ bay đi, rồi mụ nắm lấy Pons, nâng ông lên như nâng một cái lông vũ và lại đặt ông nằm xuống, mặc cho ông kêu. Khi thấy người suu tập khốn khổ đã hoàn toàn kiệt sức, mụ ra khép cửa phòng lại. Ba tên đao phủ của Pons hãy còn ở chỗ đầu cầu thang, và khi mụ Cibot trông thấy họ, mụ bảo họ đợi mụ khi nghe tiếng Fraiser nói với Magus: – Viết cho tôi một bức thư có ký tên cả hai ông, trong đó các ông cam kết trả chín trăm

ngành phơ-răng bộ sưu tập của ông Pons, và chúng tôi sẽ xem xét đem lại cho các ông một món hời.

Rồi hắn thì thảo vào tai cụ Cibot một tiếng, chỉ một tiếng thôi, mà chẳng ai có thể nghe thấy được, rồi hắn cùng hai tên lái buôn xuống phòng gác cổng.

– Bà Cibot ơi, – Pons khốn khổ nói khi cụ gác cổng trở vào – chúng đã đi cả rồi chứ?

– Ai... đi?... Cụ hỏi.

– Bọn ấy?...

– Bọn nào?... Thế, ông đã thấy nhiều người à? – Cụ nói – Ông mới lên một con sốt cao, nếu không có tôi thì ông đã nhảy qua cửa sổ rồi, thế mà ông còn nói với tôi về bọn này bọn nọ... Ông cứ mãi thế này sao?...

– Thế nào? Ở kia, ban nãy, không có một ông nào bảo rằng được gia đình tôi phái đến...

– Ông vẫn còn *ưng bướng* với tôi. – Cụ nói tiếp – Thực thế, ông có biết rằng người ta sẽ phải đưa ông vào đâu không? Vào Charenton!... Ông thấy nhiều người...

– Élie Magus, Rémonencq...

– À, Rémonencq thì ông có thể đã trông thấy đấy, vì ông ấy đến bảo tôi rằng Cibot tội nghiệp của tôi ốm nặng đến nỗi tôi sắp phải trồng¹ ông ở đây để cho ông xanh tươi lại. Cibot của tôi trước hết, ông thấy không? Khi chồng tôi ốm thì tôi, tôi không còn biết đến ai nữa. Ông hãy cố nằm yên và ngủ lấy vài giờ, vì tôi đã bảo cử người đi tìm ông Poulain và tôi sẽ quay lại cùng với ông ta. Ông hãy uống đi và hãy biết điều đi nào.

1. Nguyên văn: *planter*. Cụ Cibot chơi chữ: *planter* vừa có nghĩa là trồng trọt, vừa có nghĩa là *bỏ mặc*, *bỏ rơi*.

– Không có ai ở trong phòng tôi, ở chỗ kia kìa, ban này, khi tôi thức dậy à?

– Chẳng có ai cả! – Mụ nói – Chắc là ông đã nhìn thấy ông Rémonencq ở trong gương.

– Bà nói có lý, bà Cibot ạ! – Người ốm vừa nói vừa trở nên hiền lành như một con cừu.

– Nay, ông đã biết điều rồi đấy, chào ông nhé, Thiên thần của tôi ạ! Hãy nằm yên, một lát nữa tôi sẽ lại đến.

Nghe thấy tiếng cửa phòng đóng lại, Pons thu hết những sức lực cuối cùng để ngồi dậy, vì ông tự bảo:

– Họ lừa mình! Họ lấy trộm của mình! Schmucke là một đứa bé con để cho người ta trối lại bỏ vào bị chưa biết chừng!

Do háo hức muốn làm sáng tỏ cảnh tượng ghê gớm – cảnh tượng đối với ông dường như đã quá thực nên khó có thể là một ảo ảnh – người ốm ra được đến cửa phòng, mở cửa một cách khó nhọc và vào trong phòng trưng bày; ở đấy, nhìn thấy những bức tranh thân yêu, những bức tượng, những đồ mỹ nghệ bằng đồng Florence, những đồ sứ, ông tỉnh người ra. Nhà sưu tập – áo dài mặc trong nhà, chân đi đất, đầu óc bưng bưng, có thể đi vòng qua hai lối đi xen giữa những dãy tủ bát đĩa và tủ quần áo ngăn phòng trưng bày ra làm hai. Bằng cái nhìn thoáng qua đầy năng lực của ông chủ, ông đã đếm được hết và nhận thấy cái bảo tàng của ông còn đầy đủ cả. Ông sắp quay về phòng, thì chợt chú ý đến một bức tranh chân dung của Greuze đặt thay chỗ cho bức *Hiệp sĩ xứ Malte* của Sébastien del Piombo. Sự ngỡ vực rạch lên tâm trí ông như tia chớp vạch ngoằn ngoèo lên bầu trời đông. Ông nhìn chỗ để tám bức tranh chủ yếu và thấy tất cả đều đã bị thay thế. Cặp mắt con người đáng thương bỗng phủ một bức màn tối sẫm, ông ngất đi và ngã xuống sàn. Pons ngất lịm hoàn toàn đến nỗi ông nằm đấy trong hai giờ đồng hồ, ông được Schmucke tìm thấy khi lão người Đức tỉnh dậy, ra khỏi phòng để đến thăm bạn. Schmucke phải hết sức khó nhọc mới nâng được

người hấp hối lên và đặt ông nằm trở lại; nhưng khi lão nói với người gần như một cái xác chết ấy, khi lão thấy một cái nhìn băng giá, nghe những lời nói mơ hồ và lấp bắp, thì lão người Đức, đáng lẽ mất trí, bỗng trở thành người anh hùng của tình bạn. Dưới sức ép của thất vọng, lão người lớn – trẻ con ấy có những ý chợt nảy ra hết như ý chợt nảy ra của những phụ nữ đang yêu hoặc các bà mẹ. Lão hơ nóng những chiếc khăn mặt lên (lão tìm được khăn mặt!) lão biết quấn khăn vào bàn tay Pons, nhồi khăn vào giữa bụng; rồi lão ôm lấy vầng trán ẩm ướt và lạnh bằng hai bàn tay, lão làm cho sự sống hồi lại với sức mạnh ý chí có thể sánh ngang với Apollonius ở Thyane¹. Lão hôn lên mắt bạn như những nàng Marie – mà các nhà điêu khắc vĩ đại Italie đã chạm vào những bức phù điêu gọi là *Pieta* – hôn chúa Cơ đốc. Những nỗ lực thần thánh ấy, sự trào dâng từ một cuộc sống này sang một cuộc sống khác ấy, cái công trình của bà mẹ và người tình ấy, đã được thưởng bằng một kết quả trọn vẹn. Sau nửa giờ, Pons được sưởi ấm, đã lấy lại bóng dáng con người: màu sắc của sự sống đã trở lại trong đôi mắt, sức nóng bên ngoài đã làm cho các cơ quan nội tạng hoạt động trở lại, Schmucke cho Pons uống nước cây hương phong hòa lẫn với rượu nho, tinh chất của sự sống truyền vào cơ thể ấy, trí tuệ lại tỏa sáng lên vầng trán mới lúc này còn trơ ỳ như một hòn đá. Lúc đó Pons hiểu sự sống lại này là nhờ ở sự tận tụy thần thánh nào, ở sức mạnh nào của tình bạn.

– Không có anh thì tôi chết mất! – Ông nói mà cảm thấy bộ mặt ươn ướt nước mắt của lão người Đức tốt bụng đang vừa cười vừa khóc.

Nghe những lời nói ấy – những lời nói được chờ đợi trong cơn mê sảng hy vọng, cũng ngang với cơn mê sảng thất vọng –

1. Thomaturge, “người làm ra các phép lạ”, nhà triết học theo thuyết Platon mới, sinh tại thị trấn Thyane vùng Cappadoce, chết ở Ephèse năm 97. Phục hồi đời sống của nhà tiên tri du mục, thuyết giảng sự cải cách phong hóa, kiêng ăn thịt động vật, sự sở hữu chung các của cải. Những người dị giáo đã đối lập những phép lạ của ông với các phép lạ của Chúa Jésus.

Schmucke tội nghiệp, mọi sức lực đều đã cạn kiệt, quỵ xuống như một quả bóng xì hơi. Đến lượt lão quỵ xuống, lão rơi người vào một chiếc ghế bành, chấp hai tay và cảm ơn Chúa bằng lời cầu nguyện sùng kính. Một phép mầu vừa diễn ra đối với lão! Lão không tin vào quyền lực lời cầu nguyện của lão được thực hiện, mà tin vào quyền lực của Chúa mà lão đã cầu khẩn. Tuy nhiên, phép mầu là một hiệu quả tự nhiên mà các thầy thuốc thường ghi nhận. Một người ốm được chăm nom âu yếm, được những người quan tâm đến cuộc sống của anh ta săn sóc, cơ may cứu thoát là một nửa, còn nếu do những kẻ thuê mướn đến trông nom thì khó lòng qua khỏi. Các thầy thuốc không muốn thấy ở đây những hiệu quả của một sự thôi miên không cố ý, mà cho rằng kết quả ấy là do chăm sóc khôn ngoan, do sự tuân thủ nghiêm túc các đơn thuốc của họ; nhưng nhiều bà mẹ biết hiệu lực những phóng chiếu nồng nàn của một ham muốn bền bỉ.

– Anh Schmucke tốt bụng ơi!...

– *Từng nói nữa, tui tã nghe thấy ung pằng trái tim tui... Ung hấy nghĩ ti! Nghỉ ti!* – Lão nhạc sĩ vừa nói vừa cười.

– Anh bạn tội nghiệp! Con người cao quý! Con của Chúa mà sống trong Chúa, người duy nhất đã yêu thương tôi!... – Pons nói bằng những lời cảm thán với giọng uyển chuyển chưa từng thấy ở ông bao giờ.

Linh hồn, đã sắp bay đi, dồn tất cả vào những lời nói đó làm cho Schmucke khoan khoái hầu như ngang với khoan khoái yêu đương.

– *Này! Này! Tui sẽ khỏe như fâm áy! Tui sẽ làm fiệc thay cho hai người!*

– Hãy nghe tôi, anh bạn tốt bụng, thủy chung và đáng quý ơi! Hãy để cho tôi nói, thời gian gấp lắm rồi, vì tôi sắp chết đây, tôi sẽ không hồi phục sau những cơn tái diễn này đâu!

Schmucke khóc như một đứa bé.

– Hãy nghe nào, rồi anh sẽ khóc sau... – Pons nói – Là người có đạo thì anh cần phải biết quy phục. Họ đã ăn cắp của tôi, chính mục Cibot ấy!... Trước khi bỏ anh mà đi, tôi phải nói rõ cho anh về những chuyện của cuộc đời, anh không biết đâu... Người ta đã lấy mất tám bức tranh đáng giá những món tiền to lớn.

– *Tha lỗi cho tui, tui đã pán chúng ti...*

– Anh à?

– *Tui...* – Lão người Đức tội nghiệp nói – *Chúng ta bị kiện ra tòa.*

– Bị kiện à?... Do ai?...

– *Chờ một chút...*

Schmucke đi tìm tờ giấy dán tem do người mõ tòa để lại và mang đến cho bạn.

Pons đọc chăm chú cái bản viết nguệch ngoạc ấy. Đọc xong, ông để rơi tờ giấy và im lặng. Con người quan sát lao động của nhân loại ấy – con người cho đến lúc đó, vẫn xao nhãng tinh thần – cuối cùng lẫn ra hết mọi sợi ngang sợi dọc trong âm mưu của mục Cibot. Sự hăng say nghệ sĩ của ông, trí thông minh của người học trò Viện hàn lâm La Mã ở ông, tất cả thời trai trẻ của ông vụt trở lại trong chốc lát.

– Anh Schmucke tốt bụng ơi, hãy dứt khoát tuân lệnh tôi. Nghe đây! Anh hãy xuống phòng gác cổng và bảo mục đàn bà ghê tởm ấy rằng tôi muốn gặp lại cái người đã được ông chánh án em họ tôi phái đến đây gặp tôi, rằng nếu người ấy không đến, thì tôi có ý định nhường bộ sưu tập của tôi cho nhà Bảo tàng, rằng vấn đề là tôi làm chúc thư.

Schmucke làm theo lời bạn; nhưng lão mới mở miệng nói, mục Cibot đã trả lời bằng một nụ cười.

– Ông Schmucke tốt bụng ơi, bệnh nhân thân mến của chúng ta đã bị một cơn sốt cao nên ông ấy tưởng trông thấy có người ở trong

phòng. Tôi hứa danh dự của một phụ nữ lương thiện với ông rằng không có ai trong gia đình của bệnh nhân thân mến của chúng ta đến đây đâu...

Schmucke trở về với câu trả lời ấy, lão nhắc lại đúng nguyên văn với Pons.

– Mụ ấy còn gớm ghê hơn, tinh quái hơn, xảo trá hơn, thủ đoạn hơn là tôi tưởng. – Pons mỉm cười – Mụ nói dối như cuội! Ông hãy hình dung, sáng nay mụ đã dẫn đến đây một lão Do Thái tên là Élie Magus, Rémonencq và một tên thứ ba tôi không biết là ai, nhưng chỉ một mình nó, nó còn đáng ghê tởm hơn hai tên kia. Mụ đã trông cậy vào lúc tôi ngủ để định giá di sản của tôi, tình cờ mà tôi tỉnh dậy, tôi trông thấy cả ba đứa chúng nó, đang nhắc những hộp đựng thuốc hít của tôi xem nặng nhẹ thế nào. Sau cùng tên lạ mặt bảo là nó được nhà Camusot cử đến, tôi đã nói chuyện với nó... Mụ Cibot bí ối bảo rằng tôi ngủ mơ... Anh Schmucke tốt bụng ơi, tôi không mơ đâu! Tôi đã nghe rõ con người ấy, nó đã nói với tôi... Hai tên lái buôn sợ hãi và đã đi ra cửa... Tôi cứ tưởng rằng mụ Cibot sẽ nói khác đi!... Muu toan này là vô ích. Tôi sẽ giương lên một cái bẫy khác và con mụ gian ác sẽ sa bẫy... Anh bạn tôi nghiệp ơi, anh xem mụ Cibot như một thiên thần, nhưng đấy là một mụ đàn bà, từ một tháng nay, đã sát hại tôi vì mục đích hám của. Tôi đã không muốn tin là một người phụ nữ đã phục vụ chúng ta trung thành trong mấy năm trời lại độc ác đến thế. Mỗi ngày vực ấy đã làm hại tôi... Người ta trả cho anh bao nhiêu tiền về tám bức tranh?

– Năm nghìn phơ-răng.

– Trời ơi! Chúng đáng giá hai mươi lần hơn thế! – Pons kêu lên – Đấy là tinh hoa bộ sưu tập của tôi. Tôi không có thì giờ để đưa đơn kiện, và lại thế là cáo giác anh bị bọn vô lại ấy lừa... Vụ kiện sẽ làm anh chết mất! Anh không biết thế nào là tòa án đâu! Đấy là cái cớ rãnh của mọi nỗi nhơ nhớp về tinh thần... Thấy bấy nhiêu điều ghê tởm, những tâm hồn như anh không chịu nổi đâu. Với lại anh

sẽ khá giàu có rồi. Những bức tranh ấy tôi đã mua với giá bốn nghìn phơ-răng, tôi đã có chúng từ ba mươi sáu năm nay... Mà chúng ta bị đánh cắp một cách tài tình đến kinh ngạc. Tôi ở trên miệng huyết của tôi rồi, tôi chỉ còn lo cho anh... cho anh, người tốt nhất trên đời. Thế mà tôi không muốn anh bị vật trụi, vì tất cả những thứ tôi sở hữu là của anh. Vì vậy, anh phải nghi ngờ hết thầy mọi người, mà anh thì vốn không bao giờ nghi ngờ. Chúa che chở cho anh, tôi biết thế, nhưng Người có thể quên anh trong một chốc lát và anh sẽ bị cướp như một chiếc tàu buôn. Mụ Cibot là một con quái vật, mụ ấy giết tôi! Thế mà anh lại thấy ở mụ một thiên thần! Tôi muốn làm cho anh hiểu mụ. Anh hãy xuống nói với mụ giới thiệu cho anh một công chứng viên để nhận di chúc của tôi... và tôi sẽ chỉ cho anh thấy mụ bị bắt quả tang...

Schmucke nghe lời Pons như vừa được Pons kể cho nghe về Ngày Tận thế. Nếu có một con người đồi bại như con người mụ Cibot, nếu Pons nói đúng, thì đối với lão, đây là sự phủ định Chúa.

– *Ung pạn Bons của tui thấy sức khỏe của mình rút kém*, – Lão người Đức xuống phòng gác cổng bảo mụ Cibot – *tén nổi ung ấy mún làm di chúc, nhờ pà tìm cho mọt cung chứng fiên...*

Câu ấy được nói trước mặt nhiều người, vì tình trạng của lão Cibot hầu như đã tuyệt vọng. Rémonencq, em gái gã, hai chị gác cổng của các nhà lân cận mới chạy đến, ba người đầy tớ của những người thuê nhà và người thuê tầng một ở mặt trước phố đều đứng cả dưới cổng xe.

– A! Ông rất có thể tự mình đi tìm lấy một công chứng viên, – Mụ Cibot kêu lên, mắt đầm lệ – và nhờ ai làm chúc thư là tùy ý các ông... Không phải là khi ông Cibot tội nghiệp của tôi sắp chết mà tôi rời bỏ ông ấy... Tôi đánh đổi tất cả những ông Pons ở trên đời để giữ lấy ông Cibot..., một con người trong suốt ba mươi năm ăn ở với nhau chưa bao giờ gây nên cho tôi một chút ưu phiền!...

Rồi mụ quay vào, để lại Schmucke hết sức sững sờ.

– Thưa ông, – Người thuê ở tầng một nói với Schmucke – ông Pons ốm nặng lắm à?

Người thuê nhà này tên là Jolivard, viên chức sở Trước bạ ở văn phòng Tòa án.

– *Ung ấy suýt chết lúc nãy!* – Schmucke trả lời với nỗi đau đớn sâu sắc.

– Ở gần đây, phố Saint-Louis, có ông Trognon là công chứng viên. – Ông Jolivard nhắc – Đây là công chứng viên của phường.

– Ông có muốn tôi đi tìm ông ấy không? – Rémonencq hỏi Schmucke.

– *Rút fui lòng...* – Schmucke trả lời – *fì nếu pà Zibod khung thể trung coi ung pạn tui, thì tui khung mún pỏ ung ấy trong tình trạng hịn nay.*

– Bà Cibot bảo chúng tôi rằng ông ấy đã hóa điên! – Jolivard nói tiếp.

– *Bons tiên à?* – Schmucke hoảng sợ kêu lên – *Khung pao xờ có chuyện như thế trong tầu óc ung ấy... và tó là tiêu làm tui lo lắng cho sức khỏe của ung ấy...*

Tất cả những người xúm quanh nghe chuyện này với một thái độ tò mò rất tự nhiên và họ khắc sâu nó vào trong ký ức. Schmucke không biết Fraiser nên không thể chú ý đến cái đầu quỷ quái ấy, đôi mắt sáng rực ấy. Fraiser nói vài câu vào tai mục Cibot, đã dàn dựng một màn kịch táo bạo, có lẽ còn ở trên cả khả năng của mục Cibot, nhưng mục đã diễn nó hết sức tài tình. Bảo người hấp hối là điên, đấy là một trong những hòn đá tảng của tòa nhà mà gã nhân viên luật xây dựng. Việc xảy ra buổi sáng đã phục vụ đắc lực cho Fraiser; không có y thì có lẽ mục Cibot, trong lúc bối rối, đã thò đuôi nói dối vào lúc mà lão Schmucke thật thà đến giương lên cái bấy nhờ mục mời lại phái viên của gia đình. Rémonencq, thấy bác sĩ Poulain đến, thì không đòi hỏi gì hơn là đánh bài chuồn. Lý do là

thế này: Rémonencq, từ mười ngày nay, đã hoàn thành vai trò của Thượng đế, điều này đặc biệt làm méch lòng Tòa án, vì Tòa án có tham vọng chỉ riêng mình đại diện Thượng đế mà thôi... Rémonencq muốn bằng mọi giá, tống khứ cái vật cản duy nhất chống lại hạnh phúc của gã. Đối với gã, hạnh phúc là được lấy mụ gác cổng ngon mắt và được nhân lên gấp ba lần số vốn của gã. Vậy nên Rémonencq khi thấy lão thợ may bé nhỏ uống thuốc sắc, đã có ý định chuyển căn bệnh sơ sơ của lão thành một bệnh chết người, và nghề bán sắt vụn của gã đã cho gã phương tiện.

Một buổi sáng, trong khi đang hít chiếc tẩu, lưng dựa vào khung cửa của quán hàng, khi gã đang mơ tới cái cửa hàng đẹp đẽ trên đại lộ Madeleine nơi mụ Cibot sẽ ngự trị, ăn mặc lộng lẫy, thì cặp mắt gã bỗng nhìn xuống một cái rôngđen bằng đồng đã bị rỉ mèm. Gã chợt nảy ra ý nghĩ rửa sạch cái rôngđen một cách tiết kiệm trong thuốc sắc của lão Cibot. Gã buộc vật bằng đồng, tròn như đồng tiền một trăm xu ấy, bằng một sợi dây mảnh và trong lúc mụ Cibot còn đang bận ở nhà các ông chủ của mụ, thì ngày nào gã cũng đến để hỏi thăm về ông bạn thợ may của gã. Trong cuộc đến thăm kéo dài chừng vài phút ấy, gã thả cái rông đen bằng đồng vào nước thuốc, và khi ra về, gã lại lấy nó lên bằng sợi dây. Sự thêm thắt chút ít chất đồng đã ôxy hóa – thường được gọi là rỉ đồng – đã bí mật đưa một độc tố vào thứ thuốc tốt lành, nhưng với tỷ lệ dĩ độc trị độc, đã gây nên những tác hại không kể xiết. Đây là những kết quả của liệu pháp dĩ độc trị độc ấy. Đến ngày thứ ba thì Cibot đáng thương rụng tóc, răng lung lay ở trong ổ răng và kết cấu của tổ chức cơ thể ấy bị rối loạn do liều lượng thuốc độc không thể nhận thấy được kia. Bác sĩ Poulain bóp trán suy nghĩ khi thấy hiệu quả của thứ thuốc sắc ấy, vì anh ta khá hiểu biết để nhận ra ảnh hưởng của một tác nhân phá hoại. Anh ta đem thuốc đi, không cho ai biết, và tự mình tiến hành phân tích thuốc; nhưng anh ta không thấy gì cả. Tình cờ là vì ngày hôm ấy, Rémonencq, do sợ hãi về những việc mình làm, đã không nhúng chiếc rôngđen vào. Bác sĩ Poulain chỉ còn biết lý giải cho mình và cho khoa học

là do ông thợ may ấy lâu nay chỉ sống ru rú ở nhà, trong một nơi ở ẩm thấp, ngồi xổm trên bàn, trước cái cửa sổ có đặt lưới sắt, nên máu có thể đã phân chất, vì thiếu luyện tập thân thể, và nhất là do sự hít thở liên miên những hơi bốc lên từ cống rãnh hôi thối. Phố Normandie là một phố cổ với mặt đường nứt rạn, nơi thành phố Paris còn chưa đặt những máy nước ở dọc đường, và rãnh nước đen cuốn đi một cách khó nhọc nước thải của mọi nhà, thứ nước đang thấm xuống dưới mặt đường và sinh ra loại bùn đặc biệt của thành phố Paris.

Mụ Cibot thì còn đi đi lại lại trong khi ông chồng làm việc không mệt mỏi, bao giờ cũng ngồi trước cửa sổ ấy, như một thầy tu khổ hạnh. Hai đầu gối của lão thợ may bị cứng khớp, máu dồn lại ở nửa thân trên, đôi chân gầy guộc, cong queo, trở thành những chi hầu như vô dụng. Cho nên nước da sạm màu đồng của Cibot có vẻ là do ốm yếu tự nhiên từ rất lâu. Sức khỏe tốt của bà vợ và bệnh tật của ông chồng đối với anh bác sĩ hình như là chuyện đương nhiên.

– Bệnh ông Cibot tội nghiệp của tôi là bệnh gì thế? – Mụ gác cổng đã hỏi bác sĩ Poulain.

– Bà Cibot thân mến này, – Anh bác sĩ trả lời – ông ấy chết vì bệnh của những người gác cổng... Sự vàng vọt xanh xao toàn bộ báo hiệu máu đã hư hỏng không thể chữa khỏi được.

Một tội ác không có mục tiêu, không có lợi lộc gì, không có lời lãi gì, cuối cùng xóa đi trong đầu óc bác sĩ Poulain những ngờ vực đầu tiên. Liệu ai là người muốn giết Cibot? Vợ ông ta ư? Anh bác sĩ đã thấy mụ ném thuốc của Cibot khi cho thêm đường vào đấy. Một số khá lớn tội ác thoát khỏi sự báo thù của xã hội, nhìn chung, đó là những tội ác phạm phải – như tội ác này – mà không có những chứng cứ đáng sợ của một bạo lực nào đó: đổ máu, thất cổ, thương tích, tóm lại là những cách thức vụng về; nhưng nhất là khi vụ giết người bề ngoài không nhằm lợi ích gì, và xảy ra trong những tầng lớp xã hội hạ lưu. Tội ác bao giờ cũng bị tố giác bởi tiền quân của

nó, bởi những hần thù, bởi lòng hám của rõ rệt mà người ta phát hiện ra được qua ánh mắt của hung thủ. Nhưng trong những trường hợp của lão thợ may bé nhỏ, Rémonencq và mẹ Cibot, thì chẳng ai quan tâm tìm nguyên nhân cái chết, trừ anh thầy thuốc. Người gác cổng đau ốm, da vàng khè, được vợ yêu tha thiết ấy, không tài sản, và không có kẻ thù. Những lý do và sự đam mê của gã buôn đồ cũ lẫn trong bóng tối hoàn toàn cũng như tài sản của mẹ Cibot. Anh thầy thuốc hiểu thấu mẹ gác cổng và những tình cảm của mẹ, anh ta tin rằng mẹ có khả năng hành hạ Pons; nhưng anh ta biết là mẹ không có lợi, cũng không có sức để gây nên tội ác; vả lại lần nào bác sĩ đến và mẹ cho chồng uống thuốc, mẹ cũng húp một thìa thuốc. Poulain – người duy nhất có thể đem lại ánh sáng – lại tin vào một sự ngẫu nhiên nào đấy của bệnh tật, vào một trong những ngoại lệ lạ lùng làm cho nghề thuốc thành một nghề hết sức nguy hiểm. Thực thế, lão thợ may bé nhỏ không may – do cuộc sống còi cọc của mình, lại rơi vào hoàn cảnh sức khỏe tồi tệ đến nỗi chỉ thêm một tí ti chất rỉ đồng khó nhận thấy cũng đem cái chết đến cho lão. Những kẻ lảm điều, những người hàng xóm cũng xử sự khiến cho Rémonencq vô tội khi coi cái chết đột ngột kia là chính đáng.

– À, – Một người kêu lên – từ rất lâu tôi đã bảo rằng ông Cibot không được khỏe mà.

– Cái nhà ông ấy làm việc nhiều quá. – Mọi người khác đáp – Ông ấy đã vất kiệt sức.

– Ông ấy không chịu nghe tôi, – Một người bên cạnh thốt lên – tôi đã khuyên ông ấy nên đi dạo ngày chủ nhật, nên nghỉ một ngày nữa trong tuần, vì hai ngày mỗi tuần dành cho tiêu khiển không phải là quá đáng.

Tóm lại, tiếng xì xào trong phường – có tính cáo giác biết bao, mà công lý nghe qua tai ông cấm, đức vua của tầng lớp dưới – đã giải thích một cách hoàn hảo cái chết của lão thợ may bé nhỏ. Tuy vậy, vẻ trầm ngâm, đôi mắt băn khoăn của Poulain làm cho

Rémonencq rất lúng túng; cho nên, thấy bác sĩ đi tới, gã vội vã xin Schmucke đi tìm ông Trognon mà Fraiser quen biết.

– Tôi sẽ trở lại vào lúc làm bản di chúc, – Fraiser nói vào tai mụ Cibot – và dấu cho bà rất đau đớn thì cũng phải coi chừng nguy hiểm đấy.

Viên đại tụng bé nhỏ – biến đi nhẹ nhàng như một cái bóng – và gặp anh bạn bác sĩ.

– Này! Poulain, – Y kêu lên – mọi sự tiến triển tốt. Chúng ta thoát rồi!... Chiều nay tớ sẽ cho cậu biết đầu đuôi! Hãy kiếm chỗ nào thích hợp cho cậu đi! Cậu sẽ có nó! Còn tớ? Tớ sẽ là thẩm phán hòa giải. Tabareau sẽ không từ chối gả con gái cho tớ nữa!... Còn cậu, tớ nhận trách nhiệm làm cho cậu cưới được cô Vitel, cháu gái ông thẩm phán hòa giải của chúng ta.

Fraiser để mặc cho Poulain sững sốt vì những lời nói kỳ cục của y, và nhảy lên đại lộ như một quả bóng; y vậy một chiếc xe khách, và chỉ mười phút sau, được cái xe ngựa hiện đại ấy cho xuống đầu phố Choiseul. Lúc ấy vào khoảng bốn giờ, Fraiser chắc chắn là gặp riêng được bà chánh án, vì các vị quan tòa không mấy khi rời Tòa án trước lúc năm giờ.

Bà De Marville tiếp Fraiser một cách biệt đãi chứng tỏ rằng – theo lời hứa của ông ta với bà Vatinelle – ông Lebœuf đã nói tốt cho viên đại tụng cũ ở Mantes. Amélie hầu như cũng dịu dàng hơn với Fraiser, như bà công tước Montpensier dịu dàng hơn với Jacques Clément¹; vì gã đại tụng bé nhỏ này chính là con dao của bà. Nhưng khi Fraiser đưa ra lá thư viết chung trong đó Élie Magus và Rémonencq hứa mua toàn bộ bộ sưu tập của Pons với giá chín trăm nghìn pho-răng trả bằng tiền mặt, thì bà chánh án phóng về phía gã chạy việc một cái nhìn tóe ra số tiền nọ. Đây là một lần thác thềm khát lan ra đến cả gã đại tụng.

1. Nữ công tước De Montpensier đã xui tu sĩ Jacques Clément ám sát vua Henri III.

– Ông chánh án, – Bà nói với y – đã giao cho tôi mời ông đến dùng bữa tối mai, chỉ sẽ có chỗ người nhà chúng ta với nhau; khách mời có ông Godeschal, người kế nhiệm luật sư Desroches, viên đại t tụng của tôi; rồi ông Berthier, công chứng viên của chúng tôi; con rể và con gái tôi... Ăn xong thì chúng ta, ông và tôi, ông công chứng và ông đại t tụng, sẽ có một cuộc hội ý nhỏ theo đề nghị của ông, trong đó tôi sẽ trao lại cho ông quyền hạn của chúng tôi. Hai ông kia sẽ nghe theo những gợi ý của ông đúng như ông đòi hỏi và họ sẽ lo toan sao cho *tất cả việc ấy* diễn ra êm thấm. Ông sẽ nhận được giấy ủy quyền của ông De Marville ngay khi ông cần...

– Tôi cần đến nó vào ngày chết...

– Người ta sẽ chuẩn bị sẵn sàng...

– Thưa bà chánh án, nếu tôi yêu cầu một giấy ủy quyền, nếu tôi muốn viên đại t tụng của bà không có mặt, thì đây là vì lợi ích của bà hơn là vì lợi ích của tôi. Khi tôi đã nhận làm thì tôi, tôi chẳng tiếc gì cả. Vì thế, thưa bà, tôi cũng yêu cầu được đối đáp lại cũng trung thành như thế, cũng tin cậy như thế về phía những người bảo trợ của tôi, tôi không dám nói các vị là những khách hàng của tôi. Bà có thể tưởng rằng khi làm như thế, tôi muốn bám vào công việc; không, không, thưa bà: nếu phạm vào những điều đáng chê trách..., vì trong vấn đề thừa kế, người ta bị lôi kéo... nhất là vì sức nặng của chín trăm nghìn phơ-răng... Vâng, bà không thể không công nhận một người như luật sư Godeschal, hiện thân của trung thực, nhưng người ta có thể trút bỏ hết lên lưng một tay biện sự quyền, khó chịu...

Bà chánh án nhìn Fraisiert khâm phục.

– Ông chắc là phải lên thật cao hoặc xuống thật thấp. – Bà bảo y – Ở địa vị ông, tôi sẽ không khao khát lui về làm thẩm phán hòa giải, mà tôi muốn làm biện lý pháp đình... ở Mantes! Và làm nên sự nghiệp lớn kia.

– Xin hãy để cho tôi làm, thưa bà! Tòa án hòa giải là một con ngựa của cha xứ đối với ông Vitel, tôi sẽ biến nó thành một con ngựa chiến cho tôi.

Thế là bà chánh án đi đến chỗ thổ lộ điều cuối cùng với Fraisiert.

– Ông tỏ ra hoàn toàn tận tâm với lợi ích của chúng tôi, nên tôi sẽ cho ông biết về những khó khăn trong tình cảnh của chúng tôi và về những hy vọng của chúng tôi. Ông chánh án, khi dự định gả con gái cho một người lấm mánh khoẻ – kẻ sau đấy đã trở thành một chủ ngân hàng – rất muốn mở rộng đất đai ở Marville bằng nhiều đồng cỏ lúc đó đang bán. Chúng tôi đã nhường lại chỗ ở đẹp đẽ kia để gả chồng cho con gái tôi như ông đã biết; nhưng tôi rất mong – vì con gái tôi là con một – mua được chỗ đồng cỏ còn lại ấy. Những đồng cỏ tốt tươi ấy đã được bán từng phần rồi, chúng thuộc quyền sở hữu của một người Anh đã trở về nước Anh sau khi đã ở đấy hai mươi năm; ông ta đã dựng lên ngôi nhà để ưa nhất trong một địa thế tuyệt vời, ở khoảng giữa trang trại Marville và những bãi cỏ xưa kia phụ thuộc vào đất đai, và để làm một khuôn viên ông ta đã mua lại những nhà xe, những rừng nhỏ, những mảnh vườn với giá đất kinh người. Chỗ ở ấy, với những nhà phụ, đất phụ, là các công trình xây dựng bên trong khung cảnh, và nó giáp tường trang trại của con gái tôi. Người ta có thể tậu những đồng cỏ và nhà cửa với giá bảy trăm nghìn phơ-răng, vì sản phẩm rờng của các bãi cỏ là vào khoảng hai mươi nghìn phơ-răng... Nhưng nếu ông Wadmann biết rằng chính chúng tôi mua, thì chắc chắn là ông ta đòi thêm hai hoặc ba trăm nghìn phơ-răng nữa, vì ông ta mất số tiền ấy nếu như – chuyện thế này vẫn thường xảy ra ở nông thôn – người ta chẳng tính gì đến ngôi nhà...

– Nhưng thưa bà, theo tôi, bà có thể coi di sản như là của bà chắc chắn rồi, thành thử tôi xin đóng vai trò người mua sao cho bà có lợi, và tôi xin nhận mua được đất cho bà với giá rẻ nhất có thể có nhờ một văn bản ký riêng – như chuyện vẫn làm đối với những người mua đi bán lại nhà đất... Tôi sẽ đến gặp ông người Anh với tư cách ấy. Tôi biết những việc ấy; đấy là chuyên môn của tôi ở Mantes. Vatinelle đã tăng gấp đôi giá trị của Văn phòng ông ấy, vì tôi đã làm việc dưới danh nghĩa ông ấy.

– Từ đấy, mà có mối liên hệ của ông với bà Vatinelle bé nhỏ... Viên công chứng này bây giờ chắc là phải giàu có lắm...

– Nhưng bà Vatinelle tiêu nhiều quá... Vậy là, xin hãy yên tâm, thua bà, tôi sẽ dọn hầu bà ông người Anh đâu ra đấy.

– Nếu ông đạt tới kết quả ấy, thì tôi sẽ biết ơn ông mãi mãi... Chào ông, ông Fraisier thân mến. Hẹn ngày mai...

Fraisier vừa bước ra vừa chào bà chánh án với vẻ ít quy lụy hơn lần trước.

– Ngày mai mình sẽ ăn tối ở nhà ông chánh án Marville!... – Fraisier tự nhủ – Nào, mình đang nắm được những con người ấy. Duy chỉ có điều là, để hoàn toàn làm chủ được vụ việc, thì mình phải làm cố vấn cho lão người Đức kia qua ông Tabareau, mỗ tòa của tòa án hòa giải! Ông Tabareau này – đã từ chối gả con gái cho mình, cô con gái độc nhất – sẽ gả con cho mình nếu mình là thẩm phán hòa giải. Cô Tabareau – cô con gái cao, tóc hoe, bị lao phổi – là người sở hữu, do mẹ nhường quyền cho, một ngôi nhà ở quảng trường Royale; vậy là mình sẽ có quyền ứng cử. Khi bố cô ta chết, cô ta sẽ còn sáu trăm livre lợi tức. Cô ta không đẹp, nhưng cầu Chúa, để đi từ số không đến mười tám nghìn phơ-răng lợi tức, thì không được nhìn xuống tám ván giúp mình vượt lên!...

Và khi trở lại phố Normandie qua các hè phố rộng, y để cho đầu óc chạy theo giấc mộng vàng ấy. Y mơ đến niềm hạnh phúc là mãi mãi chẳng bao giờ còn túng bần, y nghĩ đến việc cưới cô Vitel, con gái ông thẩm phán hòa giải, cho anh bạn Poulain của y. Y thấy mình, cùng với anh bác sĩ, là một trong những ông vua ở phường, y sẽ chế ngự những cuộc bầu cử ở thành phố, trong quân đội và trong chính trị. Đường phố có vẻ ngắn lại khi đi dạo ở đấy, vừa đi vừa phóng trí tưởng tượng mơ giấc mộng vàng.

Khi Schmucke lại lên bên cạnh ông bạn Pons, lão bảo Pons rằng Cibot sắp chết và Rémonencq thì đi tìm ông công chứng Trognon. Pons chú ý đến cái tên này, cái tên mà mụ Cibot vẫn

thường xuyên nói ra với ông trong những lúc mệt mỏi nói thao thao bất tuyệt, giới thiệu với ông viên công chúng ấy là hiện thân của sự rung động thực. Lúc ấy, người ốm – đã hết sức ngờ vực từ ban sáng – chợt loé ra một ý nghĩ bổ sung cho cái kế hoạch do ông trù tính để chơi cho mẹ Cibot một vở và vạch trần toàn bộ con người mẹ trước Schmucke cả tin.

– Anh Schmucke ơi, – Ông vừa nói vừa cầm lấy bàn tay lão người Đức tội nghiệp vẫn còn sưng sờ trước bao nhiêu tin tức và sự kiện – chắc phải có một sự lộn xộn lớn xảy ra ở trong nhà, nếu lão gác cổng nguy kịch và chúng ta gần như được tự do trong chốc lát, có nghĩa là không bị ai dò la – vì họ vẫn dò la chúng ta, anh nên tin chắc như thế! Anh hãy đi ra đi, lên một chiếc xe, đến nhà hát, nói với cô Héloïse – cô vũ nữ hạng nhất của chúng ta – rằng tôi muốn được gặp cô ấy trước khi chết, rằng cô ấy hãy đến vào lúc mười giờ rưỡi sau điệu vũ. Từ đấy, anh sẽ đến nhà hai người bạn của anh là Schwab và Brunner, anh mời họ đến đây vào lúc chín giờ sáng mai, đến để hỏi tin tức về tôi, làm ra vẻ đi qua đây và lên thăm tôi...

Đây là kế hoạch do người nghệ sĩ già đặt ra khi cảm thấy sắp chết đến nơi. Ông muốn làm giàu cho Schmucke bằng cách chỉ định Schmucke làm người được nhận toàn bộ di sản; và để tránh cho Schmucke mọi sự kiện cáo có thể xảy ra, ông dự định đọc bản di chúc cho một công chứng viên, trước mặt những người làm chứng, để người ta khỏi cho rằng ông đã không còn đầu óc tỉnh táo, và để nhà Camusot chẳng có bất cứ lý do nào công kích những sự sắp đặt cuối cùng của ông. Cái tên Trognon hé ra cho ông thấy một mưu đồ nào đấy, ông tin là có âm mưu trù tính trước về sai sót thể thức nào đó, tin là có điểm không đúng sự thực nào đó do mẹ Cibot tính toán, và ông quyết định dùng ngay gã Trognon này để đọc một bản di chúc viết tay mà ông sẽ niêm phong lại và cất giữ trong ngăn kéo tủ commốt. Ông trù tính bảo Schmucke nấp trong một ngăn ở phòng mình để cho Schmucke nhìn thấy mẹ Cibot lục tờ di chúc, bóc nó ra, đọc rồi lại dán nó lại ra sao. Rồi hôm sau, lúc chín giờ, ông muốn

hủy bỏ tờ di chúc viết tay này bằng một tờ di chúc làm trước mặt công chứng viên, rất đúng thể thức và không còn bàn cãi vào đâu được. Khi mục Cibot cho ông là điên, là bị ảo giác, thì ông đã nhận ra mối căm ghét và sự trả thù, lòng tham lam của bà chánh án; vì phải nằm liệt giường từ hai tháng nay, con người đáng thương trong những lúc mất ngủ, trong những giờ phút cô quạnh dài lê thê, đã sàng lọc lại những sự kiện trong đời mình.

Những nhà điêu khắc cổ đại và hiện đại thường đặt ở hai bên mộ những vị thần cầm đuốc lửa. Những ánh sáng này soi tỏ cho người hấp hối thấy bằng tội lỗi, lầm lạc của họ, trong khi soi đường cho họ đến cái chết. Nghệ thuật điêu khắc biểu hiện ở đây những ý tưởng vĩ đại, nó trình bày một sự việc có tính chất con người. Phút hấp hối có sự khôn ngoan của nó. Người ta thường thấy những cô gái trẻ tâm thường, ở độ tuổi non tơ nhất, lại có lý lẽ hết sức già dặn, trở thành những nhà tiên tri, phán xét gia đình mình, chẳng hề mắc lừa một trò hề nào cả. Đây là chất thơ của cái Chết. Nhưng thật là điều kỳ lạ, và đáng chú ý! Người ta chết theo hai cách khác nhau. Chất thơ tiên tri đó, cái năng khiếu thấy rõ, hoặc trước, hoặc sau, chỉ thuộc về những người sắp chết, mà duy có da thịt của họ bị tổn hại, họ chết vì sự hủy hoại nơi những cơ quan của đời sống xác thịt. Cho nên, những người như Louis XIV bị bệnh hoại thư; những người ho lao, những người ốm như Pons chết vì bệnh gan, như bà Mortsauv vì bệnh dạ dày, hoặc như những người lính vì các vết tử thương, những người ấy minh mẫn tuyệt vời và chết một cách dị kỳ, lạ lùng; còn như những người chết vì những bệnh có thể nói là thuộc về tinh thần – bệnh trong óc, trong bộ phận thần kinh làm trung gian cho thể xác để cung ứng nhiên liệu cho tư tưởng – những người ấy chết là chết hẳn. Ở họ, tinh thần và thể xác cùng một lúc tiêu tan. Những người này, linh hồn không thể xác, thành những bóng ma trong kinh thánh; những người kia thì là những xác chết. Người đàn ông còn tân ấy, ông Caton thích ăn ngon ấy, con người công minh chính trực hầu như không có tội lỗi gì ấy, thâm nhập muộn màng những túi mật đáng làm thành trái tim bà chánh án. Ông dự đoán cõi đời lúc sắp

lia đời. Bởi thế, từ vài giờ nay, ông vui vẻ quyết định – như một nghệ sĩ vui nhộn – coi tất cả chỉ là cái cớ để *đùa cợt*, để chế giễu. Những sợi dây cuối cùng gắn bó ông với cuộc đời, những dây xích của sự cảm phục, những cái nút chặt chẽ buộc người sành sỏi với những kiệt tác của nghệ thuật, tất cả sáng nay vừa bị đứt tung cả. Thấy mình bị mụ Cibot ăn cắp, Pons đã nói lời từ giã như tín đồ Cơ đốc, với vẻ hoa mỹ và với tính hư ảo của nghệ thuật, với bộ sưu tập của ông, với tình bạn dành cho những người đã sáng tạo nên biết bao nhiêu sự vật đẹp đẽ, và ông chỉ duy nhất muốn nghĩ đến cái chết, theo cái cách của tổ tiên ta xem cái chết như ngày hội của những người có đạo Cơ đốc. Trong tình âu yếm đối với Schmucke, Pons muốn cố gắng che chở cho bạn từ dưới đáy quan tài. Ý nghĩ ân cần như của cha đối với con ấy chính là lý do của việc ông chọn lựa con người hàng đầu của nghệ thuật khiêu vũ, để có dự phòng chống lại những sự phản trắc đang bao quanh ông và chắc hẳn là không tha thứ cho người được nhận toàn bộ di tặng của ông.

Héloïse Brisetout là một trong những người còn chân thật trong một tình thế giả dối, có khả năng làm mọi trò đùa có thể làm được để đùa cợt những người mê say có trả tiền, một cô gái thuộc trường phái những Florine, những Malaga, những Carabine những Mariette, những Jenny Cadine và những Josépha, nhưng là cô bạn tốt và không sợ bất cứ một quyền lực con người nào, vì đã quen thấy tất cả những quyền lực ấy đều yếu đuối, và cô vốn quen đấu với bọn cảnh sát trong buổi khiêu vũ ít có tính chất thôn quê ở Mabilles và trong vũ hội hóa trang. – Nếu cô ấy đã làm cho người ta lấy chỗ của mình cho gã Garangeot được cô ấy bảo trợ, thì cô ấy sẽ càng nghĩ là phải giúp đỡ mình. – Pons tự nhủ. Schmucke có thể đi ra mà không bị ai chú ý đến trong lúc cả nhà đang rối lên như thế này, và lão trở về thật nhanh cho Pons khỏi bị bỏ lại một mình quá lâu.

Ông Trognon đến vì bản di chúc, cùng lúc với Schmucke. Dù Cibot sắp chết, vợ lão cũng đi theo công chứng viên, dẫn ông ta vào phòng ngủ, và tự rút lui, để lại Schmucke, ông Trognon và Pons với nhau, nhưng mụ mang một chiếc gương tay nhỏ, làm rất cầu kỳ, tỉ

mỉ, rồi chọn một chỗ đứng ở cửa ra vào mà mù đã để hé mở. Làm như thế, mù chẳng những có thể nghe, mà còn có thể trông thấy tất cả những lời nói và những gì diễn ra trong giấy lát tuyết dính ấy đối với mù.

– Thừa ông, – Pons nói – tôi không may còn có tất cả mọi năng lực, vì tôi biết rằng tôi sắp chết và do ý Chúa, chắc là thế, không một đau khổ nào của cái chết lại chữa tôi ra!... Đây là ông Schmucke...

Công chứng viên chào Schmucke.

– Đây là người bạn duy nhất tôi có ở trên đời này. – Pons nói – và tôi muốn lập ông ấy làm người nhận toàn bộ di sản. Xin ông cho biết di chúc của tôi phải có thể thức như thế nào, để bạn tôi là người Đức, không hiểu biết gì về luật pháp của chúng ta, có thể nhận được di sản của tôi mà không có sự bất bẻ nào.

– Bao giờ cũng có thể có bất bẻ về mọi chuyện, thưa ông. – Công chứng viên nói – Đây là sự bất tiện của luật pháp nhân loại. Nhưng về di chúc, có những bản không thể công kích được...

– Bản nào? – Pons hỏi.

– Một bản di chúc làm trước mặt người công chứng, trước mặt những người làm chứng bảo đảm rằng người làm di chúc có đầy đủ mọi năng lực, và nếu người làm di chúc không có vợ, không có con, không có cha, không có anh em...

– Tôi không có tất cả những cái ấy, mọi sự trù mến của tôi đều tập hợp cả lại trên đầu ông bạn Schmucke thân mến của tôi đây...

Schmucke khóc.

– Nếu ông chỉ có những người họ hàng xa, thì luật pháp cho phép ông được tự do sử dụng động sản và bất động sản của ông, nếu ông không tặng lại chúng với những điều kiện mà đạo đức lên án, vì chắc ông cũng biết có những di chúc bị công kích do sự kỳ quặc của những người làm di chúc, một di chúc làm trước mặt công chứng viên thì không thể công kích được. Thật thế, nhân thân của

đương sự là không thể phủ nhận được, công chứng viên đã ghi nhận tình trạng lý trí của ông ta, và chữ ký không thể gây ra bất cứ một cuộc tranh cãi nào... Tuy vậy một bản di chúc viết tay, đúng thể thức và sáng sủa, cũng ít có thể bàn cãi.

– Tôi quyết định, vì những lý do riêng, nhờ ông đọc cho để viết một bản di chúc viết tay và giao nó cho ông bạn tôi đây... Việc ấy có thể được không?

– Được lắm! – Công chứng viên nói – Ông muốn viết à? Tôi sẽ đọc...

– Anh Schmucke ơi, anh đưa cho tôi cái bàn viết nhỏ của Boulle. Thưa ông, xin ông đọc thật khẽ cho tôi; bởi vì, – Ông nói thêm – người ngoài có thể nghe thấy.

– Trước hết, xin cho biết ý định của ông. – Công chứng viên nói.

Sau mười phút, mục Cibot – mà Pons thoáng nhìn thấy trong gương – thấy người ta niêm phong bản di chúc, sau khi công chứng viên đã kiểm tra lại trong lúc Schmucke thắp lên một ngọn nến; rồi Pons đưa lại nó cho Schmucke, bảo Schmucke cất nó vào một chỗ giấu trở trong bàn giấy. Người làm di chúc xin lại chìa khoá bàn, buộc nó vào một góc chiếc khăn tay và để khăn tay dưới gối. Người công chứng – được gọi một cách lịch thiệp là người được giao quyền thi hành di chúc, và được Pons để lại cho một bức tranh quý, một trong những thứ pháp luật cho phép biểu công chứng viên – bước ra và thấy mục Cibot trong phòng trưng bày.

– Thế nào, ông? Ông Pons có nghĩ gì đến tôi không?

– Bà thân mến ạ, bà đừng chờ đợi một người công chứng để lộ những bí mật đã được trao cho. – Ông Trognon đáp – Tất cả những gì tôi có thể nói với bà được là sẽ có nhiều thói tham lam bị hồng việc và nhiều hy vọng bị uống công. Ông Pons đã làm một bản di chúc hay, đầy ý nghĩa, một di chúc yêu nước và tôi rất tán thưởng.

Không thể hình dung được sự tò mò của mẹ Cibot lên đến mức độ nào, khi mẹ bị kích thích vì những lời nói như thế. Mẹ xuống dưới nhà, qua đêm bên cạnh lão Cibot, và dự tính để cho ả Rémonencq đến thay thế, còn mình thì đi đọc bản di chúc khoảng từ hai đến ba giờ sáng.

Cuộc đến thăm của cô Héloïse Brisetout vào lúc mười giờ rưỡi tối có vẻ khá tự nhiên đối với mẹ Cibot; nhưng mẹ rất sợ cô vũ nữ lại nói đến khoản một nghìn phơ-răng do ông Gaudissart đưa cho, đến nỗi mẹ đi theo ngay cô đào nhất và ra sức lễ độ và nịnh nọt như đối với một vị nữ chúa.

– Ôi, thưa bà thân mến, bà tốt hơn nhiều tại lãnh vực của bà hơn là ở nhà hát. – Héloïse vừa nói vừa bước lên cầu thang – Tôi khuyên bà nên cứ làm công việc của bà!

Héloïse, được anh bạn tình là Bixiou đưa đến bằng xe ngựa, ăn mặc lộng lẫy, vì cô đến dự dạ hội của Mariette – một trong những đào nhất nổi tiếng của nhà hát Opéra. Ông Chapoulot, người bán đồ thêu ren ngày trước ở phố Saint Denis, người ở thuê tầng một, mới từ rạp Tap kịch trở về với con gái, đã phải hoa cả mắt – ông ta cũng như bà vợ ông ta – khi gặp bộ trang phục như thế và một con người đẹp đến thế ở cầu thang.

– Ai đấy, hả bà Cibot? – Bà Chapoulot hỏi.

– Một kẻ không ra gì!... Một cô ả nhảy nhót mà người ta có thể thấy gần như trần truồng mỗi tối khi bỏ ra bốn mươi xu... – Mẹ gác cổng trả lời vào tai bà bán hàng ren cũ.

– Victorine! – Bà Chapoulot bảo con gái – Con ơi, con hãy tránh cho bà ấy đi qua đã.

Tiếng kêu của bà mẹ sợ hãi ấy được Héloïse hiểu ra ngay, cô quay lại:

– Con gái bà còn tệ hơn cả cái bụi nhùi, bà ạ, nên bà sợ cô ấy bùng cháy lên khi chạm phải tôi, đúng không?

Héloïse nhìn ông Chapoulot với vẻ dễ chịu và mỉm cười.

– Quả vậy, ở ngoài phố, cô ấy rất xinh đẹp! – Ông Chapoulot vừa nói vừa dừng lại ở chỗ cầu thang.

Bà Chapoulot cầu chồng khiến ông này phải kêu lên, và đẩy ông vào trong phòng.

– Đây là một thứ tầng hai, – Héloïse nói – mà cứ như thể tầng tư.

– Song cô vốn quen đi lên kia mà. – Mụ Cibot vừa nói vừa mở cửa phòng.

– Nay, ông bạn già ơi, – Héloïse nói khi bước vào căn phòng và nhìn thấy người nhạc sĩ đáng thương nằm dài, xanh xao, bộ mặt hom hem – sức khỏe không được tốt à? Mọi người ở nhà hát đều lo cho ông; nhưng ông biết đấy, đầu là tốt bụng, nhưng mỗi người đều có công việc riêng của mình, chẳng có lấy một giờ để đi thăm bè bạn. Gaudissart ngày nào cũng bảo đến đây, nhưng sáng nào ông ấy cũng bận bịu về công việc quản lý rầy rà. Tuy vậy, tất cả chúng tôi đều yêu quý ông...

– Bà Cibot này, – Người ốm nói – xin bà vui lòng để tôi ở đây với cô ấy, chúng tôi có chuyện nói với nhau về nhà hát và vị trí chỉ huy dàn nhạc của tôi... Ông Schmucke sẽ tiễn bà.

Schmucke, theo hiệu của Pons, đưa mụ Cibot ra cửa và cài then lại.

– Chà, cái lão vô lại người Đức! Thế là lão, lão cũng hư hỏng mất rồi... – Mụ nghĩ bụng khi nghe thấy tiếng động có ý nghĩa kia – Chính lão Pons đã dạy cho lão những trò ghê tởm ấy... Nhưng các ông bạn bé nhỏ ạ, các ông sẽ phải trả giá cho tôi về những trò ấy đấy!... – Mụ Cibot tự nhủ lúc xuống thang – Kê! Nếu ả nháy nhót ấy có nói với lão về một nghìn phơ-răng thì mình sẽ bảo họ rằng đấy là một trò hề sân khấu...

Và mẹ ngồi xuống đầu giường Cibot, lão đang kêu là như có lửa đốt ở trong bụng, vì Rémonencq mới cho lão uống thuốc khi mẹ Cibot vắng mặt.

– Con yêu quý ơi, – Pons nói với cô vũ nữ trong lúc Schmucke đuổi mẹ Cibot đi – ta chỉ tin cậy ở con để chọn cho mình một công chứng viên lương thiện, đúng chín giờ rưỡi sáng mai sẽ đến nhận bản di chúc của ta. Ta muốn để lại toàn bộ tài sản cho ông bạn Schmucke của ta. Nếu ông người Đức tội nghiệp ấy bị rầy rà, ta trông cậy vào công chứng viên kia góp ý kiến cho ông ấy, bảo vệ ông ấy. Đây là lý do để ta muốn có một người công chứng được quý mến, rất giàu có, vượt lên trên những gì làm xiêu lòng các người làm nghề luật; vì người nhận di tặng tội nghiệp của ta phải tìm được chỗ dựa ở ông ta. Ta nghi ngờ Berthier – người kế nhiệm ông Cardot – và con là người quen biết nhiều người...

– Này, cháu giúp được bác đấy! – Cô vũ nữ nói – Người công chứng của Florine, của bà bá tước Du Bruel, ông Léopold Hannequin, là một người đạo đức, không biết thế nào là một cô gái lẳng lơ. Ông ấy như một người cha tình cờ, một con người tử tế ngăn cản ta làm những chuyện đại dột với tiền mình kiếm ra được; cháu gọi ông ấy là cha của đám gái choai; vì ông ấy khắc sâu những nguyên tắc tiết kiệm vào trí não tất cả các cô bạn của cháu. Trước hết, bác ạ, ông ấy có sáu mươi nghìn phơ-răng lợi tức, trừ văn phòng của ông ấy. Rồi ông ấy là công chứng viên như một công chứng viên thời xưa! Ông ấy là công chứng viên khi ông ấy đi, khi ông ấy ngủ; ông ấy ắt chỉ để ra những cô cậu công chứng viên... Sau hết, đấy là một con người nặng nề và thông thái rởm; nhưng đấy là một con người không chịu khuất phục trước bất cứ một thế lực nào khi ông ta đang làm nhiệm vụ... Ông ta chưa bao giờ có *mụ ăn cắp*¹, đấy là ông bố cổ hủ trong gia đình, được vợ tôn thờ, bà này không lừa dối chồng đâu là vợ công chứng viên... Bác còn muốn gì nữa? Ở Paris

1. Nhân tình làm tiêu tán tài sản.

chẳng có công chúng viên nào tốt hơn đâu. Đây là một ông già gia trưởng; ông ta không vui nhộn như Cardot với Malaga, nhưng ông ta không bao giờ cuồn tiền lùi mất như Thằng Nhóc sống với Antônia đâu! Cháu sẽ bảo ông ta đến đây vào tám giờ sáng mai... Bác có thể ngủ yên. Trước hết là cháu mong bác khỏi, và bác sẽ còn chơi những bản nhạc hay cho chúng cháu; nhưng rốt cuộc, bác thấy không, đời thật là buồn, bọn thâu khoán thì cò kè, vua chúa thì lừa gạt, các vị bộ trưởng thì trục lợi, bọn nhà giàu thì thu vén... Các nghệ sĩ không còn cái này nữa! – Cô vừa nói vừa đập tay vào tim – Thật là một thời buổi đến chết đi được... Chào nhé, ông lão!

– Héloïse ơi, tôi yêu cầu cô trước hết phải thật kín đáo.

– Đây đâu phải là chuyện nhà hát, – Cô nói – đây là điều thiêng liêng, đối với một nữ nghệ sĩ.

– Ai là người bảo trợ của cô, hả cô bé?

– Ông quận trưởng quận của bác, ông Beaudoyer, một người cũng ngốc nghếch như ông Crevel đã quá cố; vì bác biết đấy, Crevel, một hội viên hùn vốn cũ của Gaudissart, mới chết được mấy hôm nay, chẳng để lại cho cháu được cái gì, đến một hộp kem bôi cũng không nốt! Chính vì thế mà cháu nói với bác rằng thời đại của chúng ta thật là chán ngấy.

– Ông ấy chết vì cái gì?

– Vì vợ ông ấy!... Nếu ông ấy ở lại với cháu thì ông ấy còn được sống! Chào bác, ông già tốt bụng ạ! Cháu nói với bác về sự chết chóc vì cháu thấy bác chỉ mười lăm hôm nữa là lại đi dạo trên hè phố và đánh hơi thấy những thứ đồ cổ xinh xinh, vì bác không ốm đau, cháu thấy mắt bác còn linh hoạt hơn bao giờ hết...

Rồi cô vũ nữ ra về, tin chắc rằng cậu Garangeot do cô bảo trợ sẽ mãi mãi nắm được chiếc đĩa chỉ huy dàn nhạc. Garangeot là anh em chú bác với cô. Tất cả những cánh cửa đều hé mở và mọi gia đình đứng nhìn cô đào nhất đi qua. Đây là một sự kiện trong ngôi nhà.

Fraisier – giống như một con chó bundoc không chịu nhà miếng mồi đã ngoạm được – đứng trong phòng gác cổng bên cạnh mộ Cibot khi cô vũ nữ bước qua cổng xe và đề nghị mở cổng. Y biết bản di chúc đã làm xong, y đến thăm dò sự chuẩn bị của mộ gác cổng: vì thầy Trognon, công chứng viên, đã từ chối không nói câu nào về bản di chúc, với Fraisier cũng như với mộ Cibot. Tất nhiên gã nhân viên luật nhìn cô vũ nữ và nhắm tính sẽ lợi dụng cuộc đến thăm *lúc lâm chung* này.

– Bà Cibot thân mến ơi. – Fraisier nói – đây là thời điểm quyết định với bà đây.

– À, vâng!... – Mộ nói – Cibot đáng thương của tôi!... Khi tôi nghĩ rằng ông ấy sẽ không được hưởng cái tôi có thể có...

– Vấn đề là phải biết ông Pons có để lại cho bà cái gì hay không; rốt cuộc là bà có được ghi vào di chúc hoặc là bị bỏ quên hay không. – Fraisier nói tiếp – Tôi đại diện cho những người thừa kế tự nhiên, và bà có được gì thì cũng là ở họ trong mọi trường hợp... Bản di chúc được viết tay, do đó rất có nhược điểm... Bà có biết là lão ta để nó ở đâu không?

– Trong một ngăn kín ở bàn giấy, và ông ta giữ chìa khóa. – Mộ đáp – Ông ta đi buộc chìa khóa vào góc chiếc khăn tay và nhét khăn tay xuống dưới gối... Tôi đã trông thấy hết.

– Di chúc có được niêm phong không?

– Than ôi! Có!

– Đánh cắp một di chúc và thủ tiêu nó đi, là một trọng tội; nhưng xem nó, thì chỉ là một tội nhẹ; và dù sao mặc lòng đây là cái gì nào? Những lỗi vặt không có người làm chứng! Cái ông ấy có ngủ say không?

– Có, nhưng khi ông đã muốn xem xét tất cả và định giá tất cả thì lão ấy đang ngủ ngáy khò khò, lại bỗng thức dậy... Tuy nhiên, để tôi xem! Sáng nay tôi sẽ thay phiên ông Schmucke lúc bốn giờ, và nếu ông muốn đến, thì ông sẽ có được bản di chúc trong mười phút...

– Được rồi, đồng ý! Tôi sẽ dậy lúc bốn giờ và tôi sẽ gõ nhẹ...

– Cô Rémonencq sẽ thay thế tôi bên cạnh Cibot, sẽ được báo trước và sẽ mở cửa; nhưng ông nên gõ vào cửa sổ để không làm ai thức dậy.

– Đồng ý. – Fraasier nói – bà có đèn dóm, phải không? Một ngọn nến, thế là đủ cho tôi...

Lúc nửa đêm, lão người Đức tội nghiệp, ngồi trong một chiếc ghế bành, ngao ngán vì đau khổ, ngắm nhìn Pons – bộ mặt đã co rúm lại như bộ mặt người sắp chết – sụp xuống sau bao nhiêu mỗi mệt, tưởng như sắp thở hắt ra.

– Tôi nghĩ rằng tôi chỉ vừa đủ sức để sống đến tối mai mà thôi. – Pons nói một cách triết lý – Con hấp hối của tôi chắc là sẽ đến vào đêm mai, anh Schmucke tội nghiệp ạ. Ngay sau khi công chứng viên và hai người bạn thân của anh đi khỏi, anh hãy đến tìm cha tu viện trưởng tốt bụng của chúng ta, cha Duplanty, phó linh mục nhà thờ Saint-François. Con người đáng kính ấy không biết tôi ốm, và tôi muốn nhận thánh thể vào trưa mai...

Ông ngừng lại một lúc lâu.

– Chúa đã không muốn cuộc đời đối với tôi như tôi vẫn hằng mơ ước. – Pons nói tiếp – Tôi đã từng ao ước có một người vợ, những đứa con, một gia đình!... Được vài người yêu thương trong xó nhà, đấy là toàn bộ tham vọng của tôi! Đời đắng cay với tất cả mọi người, vì tôi đã thấy những người tuy đã có mọi cái tôi uống công thềm muốn, mà vẫn không thấy sung sướng... Trên chặng kết thúc con đường đời của tôi, Chúa lòng lành đã run rủi để tôi tìm được niềm an ủi quá sức mong đợi khi ban cho tôi một người bạn như anh!... Cho nên tôi chẳng phải tự trách mình là đã không nhận ra anh hoặc không đánh giá đúng anh... anh Schmucke tốt bụng ạ. Tôi đã hiến cho anh trái tim tôi và tất cả sức mạnh yêu thương của tôi... Đừng khóc nữa, Schmucke ơi, nếu không thì tôi sẽ im đi đây! Và thật là ngọt ngào êm ái cho tôi biết bao khi được nói với anh về chúng ta... Nếu tôi biết

nghe lời anh thì tôi đã sống. Tôi đáng lẽ đã từ bỏ giới thượng lưu và những thói quen của mình và tôi tránh được ở đấy những vết thương chí mạng. Rốt cuộc, tôi chỉ muốn chăm lo cho anh...

– *Ung nhàm rồi!...*

– Đừng làm phật ý tôi, hãy nghe tôi, bạn thân mến ạ... Anh có tính ngây thơ, sự chân thật của đứa trẻ lên sáu chưa bao giờ xa rời mẹ, thật là đáng kính; tôi thấy lẽ ra Chúa phải đích thân chăm sóc cho những người giống như anh. Tuy vậy, người đời độc ác đến nỗi tôi phải dự phòng cho anh chống lại họ. Thế thì anh sẽ mất đi niềm tin cao quý của anh, tính cả tin thần thánh của anh, về duyên dáng của những tâm hồn thanh khiết chỉ thuộc về những con người tài năng và những trái tim như trái tim anh... Anh sắp thấy mục Cibot – mục đã rình mò kỹ chúng ta qua khe hở của cánh cửa hé mở – đến lấy bản di chúc giả... Tôi đoán là mục vô lại này sẽ tiến hành việc đó sáng nay, khi mục tin rằng anh đang ngủ. Hãy nghe tôi và từng ly từng tý làm theo những lời chỉ dẫn của tôi... Anh có nghe tôi nói không? – Người ồm hời.

Schmucke, rã rời vì đau khổ, trống ngực đập ghê gớm đã để đầu tuột xuống lưng ghế bành và có vẻ như bất tỉnh.

– *Ừ, tui nghe ung! Nhưng fì ung chỉ cách tui có hai trăm pước... tui thấy hình như tui tang dấn sâu fào trong mô cùng fới ung!...* – Lão người Đức nói, đau đớn rã rời.

Lão lại gần Pons, hai bàn tay áp lấy bàn tay Pons. Và lão thâm nhiệt thành cầu nguyện trong lòng.

– Anh lắm nhảm cái gì bằng tiếng Đức thế?

– *Tui cầu xin Chúa khỏi chúng ta cùng fê fới Ngừi...* – Lão chỉ trả lời thế sau khi đã cầu nguyện xong.

Pons cúi xuống một cách khó nhọc, vì ông đau không chịu nổi ở gan. Ông cố cúi xuống sát Schmucke, hôn lên trán bạn, thổ lộ tâm

hồn như ban phép lành cho con người có thể sánh với con cừu nằm nghỉ dưới chân Chúa.

– Nào, hãy nghe tôi, anh Schmucke tốt bụng ơi, phải nghe lời những người sắp chết...

– *Tui nghe tây!*

– Người ta mở thông phòng anh vào phòng tôi bằng cái cửa nhỏ trong hốc kê giường của anh, hướng về một cái tủ nhiều ngăn của phòng tôi.

– *Fâng! Nhưng chất tẩy những tranh.*

– Anh đi khai quang ngay cái cửa ấy, đừng gây nhiều tiếng động.

– *Fâng...*

– Anh dọn quang hai bên lối đi, ở phòng anh cũng như ở phòng tôi, rồi để cánh cửa phòng anh hé mở. Khi mục Cibot đến thay thế anh bên cạnh tôi (sáng nay mục có thể đến sớm hơn một giờ), thì anh bỏ đi như thường lệ để ngủ và anh làm ra bộ rất mệt mỏi. Cố ra về ngủ say... Ngay khi mục ấy ngồi vào ghế bành, anh hãy sang theo lối cửa và chú ý quan sát ở chỗ ấy, bằng cách vén tấm rèm nhỏ bằng vải mútxơlin che cửa kính lên, và nhìn kỹ xem cái gì sẽ xảy ra... Anh hiểu chứ?

– *Tui hiểu ý ung rồi, ung tin rằng mục xan ác sẽ tốt phần di chúc...*

– Tôi không biết mục sẽ làm gì, nhưng tôi chắc rằng sau đây anh không coi mục như một thiên thần nữa. Bây giờ thì anh chơi nhạc cho tôi nghe đi, anh làm vui cho tôi bằng một khúc ứng tác nào đấy của anh đi... Công việc ấy sẽ choán lấy anh, anh sẽ mất đi những ý nghĩ đen tối, và anh sẽ lấp đầy cho tôi cái đêm buồn này bằng những bài thơ của anh...

Schmucke ngồi vào đàn pianô. Trên mảnh đất ấy, chỉ trong chốc lát, cảm hứng âm nhạc – do nỗi niềm đau khổ và sự kích thích vì khổ đau gợi lên – đã làm cho lão người Đức tốt bụng, theo thói

quen của lão, quên hết sự đời. Lão tìm thấy những đề tài cao cả mà trên đó lão thêm dệt thêm, những khúc tùy hứng biểu diễn khi thì với nỗi khổ đau và sự hoàn hảo theo phong cách Raphaël của Chopin, khi thì với tính hăng say và tính hùng vĩ theo kiểu Dante của Litz, hai loại âm nhạc gần nhất với nhạc của Paganini. Sự biểu diễn đạt tới mức hoàn hảo ấy, xem ra đặt người biểu diễn lên tầm cao của nhà thơ, vai trò của diễn viên đối với tác giả kịch bản như thế nào, thì vai trò của lão đối với nhà soạn nhạc cũng thế, một dịch giả thiên thần những điều thiên thần. Nhưng trong cái đêm Schmucke đàn trước cho Pons nghe những hòa âm của Thiên đường – thứ âm nhạc tuyệt vời làm các nhạc cụ tuột khỏi tay nữ thánh Cécile – thì lão đồng thời là Beethoven và Paganini, là nhà sáng tác và người diễn tấu! Vô tận như chim sơn ca, cao cả như bầu trời nơi nó đang hát, biến hóa, rậm rạp như cánh rừng tràn đầy tiếng nó líu lo, lão xuất sắc hơn ngày thường và nhấn chìm người nhạc sĩ già đang nghe nhạc trong sự mê ly mà Raphaël đã vẽ nên và người ta sẽ thấy ở Bologne. Thứ thơ ca ấy bỗng bị đứt quãng vì một hồi chuông ghê rợn. Chị giúp việc của những người ở thuê dưới tầng một, được các ông chủ sai lên, xin Schmucke dừng ngay sự ồn ào đó lại. Ông, bà và cô Chapoulot bị đánh thức, không thể ngủ lại được nữa, và nhắc rằng ban ngày cũng đủ dài để chơi đi chơi lại những bản nhạc sân khấu, rằng trong một ngôi nhà của phường Marais, người ta không được *đánh piano* ban đêm... Lúc ấy đã vào khoảng ba giờ sáng. Đến ba rưỡi, theo dự kiến của Pons là người dường như đã nghe được cuộc hội ý của Fraisiert và mụ Cibot, mụ gác cổng xuất hiện. Người bệnh nhìn Schmucke một cái đầy ý nghĩa như muốn nói: – Tôi đã chẳng đoán trước rồi là gì? – Và ông nằm như một người say ngủ.

Sự khờ khạo của Schmucke đã hoàn toàn chiếm được lòng tin của mụ Cibot, và đây là một trong những năng khiếu và lý do thành công của mọi mưu mẹo ở tuổi ấu thơ, đến nỗi mụ không thể ngờ là lão lại nói dối mụ khi thấy lão đi tới và nói với mụ với vẻ vừa ảo não vừa vui mừng:

– *Thật là một tem khủng khiếp, một trạng thái kích động tột độ quá! Tui đã phải chơi nhạc tởm làm cho ung áy dè dặt, và những người thuê nhà ở tầng một đã lên phòng tui im lặng!... Thật là khê sợ, vì nó liên quan đến mạng sống của ung bạn tui. Tui mệt vì đã chơi suốt đêm, đến nỗi sáng nay thì quỵ.*

– Ông Cibot tội nghiệp của tôi cũng ốm nặng lắm, và nếu lại thêm một ngày như ngày hôm qua, thì sẽ không còn hy vọng gì nữa!... Biết làm thế nào được? Xin tùy ý Chúa!

– *Pà là một trái tim lương thiện, một tâm hồn tep tẻ, đến nỗi nếu bố Zibod có chết thì chúng ta sẽ sống với nhau.* – Lão Schmucke mưu mẹo nói.

Khi những người gián điệp và ngay thẳng bắt đầu che giấu, thì họ ghê gớm lắm, hoàn toàn như trẻ con, những cảm thấy chúng giương lên cũng hoàn hảo như sự hoàn hảo mà dân Man rợ vẫn phát huy.

– Này, đi ngủ đi, ông! – Mụ Cibot bảo – Mắt ông mỗi một đến mức đã to bằng nắm tay rồi. Đi đi! Điều đó có thể an ủi tôi về cái chết của ông Cibot, là nghĩ rằng tôi sẽ sống những ngày còn lại với một người tốt bụng như ông. Thôi cứ yên tâm, để tôi cho bà Chapoulot một mẻ... Một người bán tạp hóa đã thôi việc mà có những đòi hỏi như vậy được ư?...

Schmucke đến quan sát ở vị trí đã xếp đặt. Mụ Cibot đã để cửa phòng hé mở, và Fraisier, sau khi bước vào, đã nhẹ nhàng khép lại, lúc Schmucke đã về phòng riêng. Gã viên chức luật mang theo một ngọn nến thấp sáng và một sợi chỉ đồng hết sức mảnh để bóc niêm phong bản di chúc. Mụ Cibot càng có thể dễ dàng hơn lôi chiếc khăn tay có buộc chìa khóa tủ bàn giấy, để dưới gối Pons vì người bệnh cố ý luôn chiếc khăn tay ấy xuống dưới chiếc gối ống đầu giường, và ông tạo điều kiện thuận lợi cho mụ Cibot rút chiếc khăn tay bằng cách nằm quay mặt vào khe giường. Mụ Cibot đi thẳng đến chỗ tủ bàn giấy, mở tủ và cố gây ít tiếng động nhất, tìm ra chiếc lò xo của chỗ giấu, và bản di chúc trong tay, chạy ngay vào

phòng trưng bày. Tình huống ấy khiến Pons băn khoăn đến cực độ. Còn Schmucke, lão run rẩy từ đầu đến chân như lão phạm một tội ác vậy.

– Trở về vị trí của bà đi, – Fraiser vừa nói vừa nhận bản di chúc từ tay mục Cibot – vì nếu lão ấy có tỉnh dậy thì lão phải thấy bà ở đây.

Sau khi đã mở phong bì một cách khéo léo, chúng tỏ y không phải lần đầu tiên làm chuyện này, Fraiser lâm vào nỗi ngạc nhiên sâu sắc khi đọc tờ giấy lạ lùng ấy.

ĐÂY LÀ DI CHỨC CỦA TÔI

“Hôm nay, ngày mười lăm tháng tư năm một nghìn tám trăm bốn mươi nhăm, đầu óc lành mạnh – như bản di chúc này, thảo cùng với ông Trognon công chứng viên, sẽ chứng tỏ điều đó – cảm thấy rằng tôi sắp chết về chứng bệnh tôi đã mắc từ những ngày đầu tháng hai vừa qua, vì tôi muốn định đoạt của cải của tôi nên tôi phải vạch rõ những ý nguyện cuối cùng của tôi, như sau đây:

“Tôi đã luôn luôn băn khoăn về những điều phiền phức có hại cho những kiệt tác của hội họa và thường kéo theo sự hủy hoại của chúng. Tôi đã phàn nàn về những bức tranh đẹp bị buộc phải luôn luôn di chuyển hết xứ sở này đến xứ sở khác, không bao giờ được cố định tại một nơi mà người thưởng ngoạn những kiệt tác này có thể đến ngắm. Tôi vẫn luôn luôn nghĩ rằng những trang thật sự bất hủ của những bậc thầy nổi tiếng phải là những tài sản của quốc gia và không ngừng được bày ra trước mắt các dân tộc như ánh sáng, kiệt tác của Chúa, phục vụ cho các con của Người.

“Thế mà vì tôi đã sống để thu thập, để lựa chọn một số bức tranh là những tác phẩm đáng tự hào của những bậc thầy vĩ đại nhất, vì những tranh này đều thực, không sửa chữa, cũng

“không vẽ lại, nên tôi không khỏi nghĩ mà buồn là những
“tranh này – những thứ đã làm nên hạnh phúc của đời tôi – có
“thể bị đem bán đấu giá, có thể lang bạt, những bức này đến
“nước Anh, những bức kia đến nước Nga, tản mát như đã từng
“tản mát trước khi tập hợp về nhà tôi; vì thế tôi quyết định
“tránh cho chúng khỏi những tai họa ấy, kể cả những khung
“tranh tuyệt đẹp đứng làm đường viền cho tranh, và tất cả đều
“nhờ ở những người thợ khéo tay.

“Vậy thì, vì những lý do ấy, tôi xin hiến và tặng lại cho nhà vua
“để góp phần vào Bảo tàng Louvre, những bức tranh làm thành
“bộ sưu tập của tôi, với điều kiện – nếu vật di tặng được chấp
“nhận – là cấp cho ông bạn Wilhem Schmucke của tôi một
“khoản lợi tức trọn đời là hai nghìn bốn trăm phơ-răng.

“Nếu nhà vua, là người có quyền hưởng hữu Bảo tàng, không
“nhận vật di tặng với điều kiện trên, thì những bức tranh kia lúc
“ấy góp phần vào vật di tặng mà tôi để lại cho ông bạn Schmucke
“của tôi với tất cả những tài sản mà tôi có, với điều kiện là giao
“lại bức *Đầu khỉ* của Goya cho em họ tôi là ông chánh án
“Camusot, bức tranh hoa của Abraham Mignon, vẽ hoa tuy-líp,
“cho ông Trognon, công chứng viên, được tôi chỉ định là người thi
“hành di chúc, và dùng hai trăm phơ-răng làm lợi tức cho bà Cibot
“đã trông nom việc nội trợ cho tôi từ mười năm nay.

“Cuối cùng, ông bạn Schmucke của tôi sẽ trao bức *Hạ xuống*
“*Thánh giá* của Rubens, phác thảo của bức tranh nổi tiếng của
“ông ở Anvers, cho xứ đạo của tôi, dùng trang trí cho nhà thờ
“ở đấy, để cảm tạ tấm lòng tốt của cha phó linh mục Duplanty
“là người tôi chịu ơn để có thể chết như người ngoan đạo và tín
“đồ đạo Cơ đốc”...

– Thế là tan tành hết! – Fraïsier tự nhủ – Tan tành mọi hy vọng
của mình! A, bây giờ mình mới tin tất cả những điều bà chánh án
nói về tính hiểm độc của lão nghệ sĩ già ấy!...

– Thế nào? – Mụ Cibot đến hỏi.

– Ông chủ của bà là một con quái vật, lão ấy hiến tất cả cho viện Bảo tàng, cho Nhà nước. Mà người ta không thể hiến Nhà nước được... Bản di chúc là không thể công kích được. Chúng ta đã bị ăn cắp, bị sát nghiệp, bị vật trụi, bị sát hại rồi!...

– Lão ấy cho tôi cái gì?

– Hai trăm phơ-răng lợi tức trọn đời...

– Hay hóm nhỉ!... Nhưng đấy là một đồ tồi hết chỗ nói.

– Bà hãy ra ngó xem. – Fraiser nói – Còn tôi sẽ lại để di chúc của tên đồ tồi của bà vào phong bì đây.

Ngay khi mụ Cibot vừa quay lưng, Fraiser nhanh tay đánh tráo bản di chúc bằng một tờ giấy trắng, còn bản di chúc y bỏ vào túi; rồi y niêm phong lại chiếc phong bì tài tình đến mức y chỉ dấu niêm phong cho mụ Cibot khi mụ trở lại, hỏi mụ xem mụ có thể nhận ra ở đấy một dấu vết nhỏ nào của chuyện bóc di chúc hay không. Mụ Cibot cầm phong bì, sờ nắn, cảm thấy đầy đặn, và thở dài thật sâu. Mụ đã hy vọng giá Fraiser tự tay đốt tờ giấy tai hại kia.

– Này! Làm gì bây giờ, hả ông Fraiser thân mến? – Mụ hỏi.

– À, điều đó là tùy bà! Tôi, tôi không phải là người thừa kế, nhưng nếu tôi có một chút quyền về cái đó, – Hần vừa nói vừa chỉ bộ sưu tập – thì tôi biết rõ là tôi sẽ phải làm như thế nào...

– Đây chính là điều tôi hỏi ông... – Mụ Cibot nói với vẻ hơi khờ khạo.

– Có lửa ở trong lò sưởi. – Y vừa đáp vừa đứng dậy để ra đi.

– Xét cho cùng, thì chỉ có ông và tôi biết chuyện đó thôi đấy! Mụ Cibot nói.

– Không bao giờ người ta có thể chứng minh rằng đã có một bản di chúc. – Luật gia nói tiếp.

– Còn ông?

– Tôi ấy à? ... Nếu ông Pons chết mà không có di chúc, thì tôi bảo đảm một trăm nghìn phơ-răng cho bà.

– A, hay đấy! – Mụ nói – Họ hứa với người ta hàng núi vàng, và khi họ đã nắm được mọi sự rồi, khi vấn đề là phải trả tiền, thì họ lại bủn xỉn với người ta như...

Mụ kịp thời dừng lại, vì mụ sắp nói với Fraasier về Élie Magus.

– Tôi phải chuẩn thôi! – Fraasier nói – Vì lợi ích của bà, không nên để người ta trông thấy tôi ở trong phòng, nhưng chúng ta sẽ gặp nhau ở dưới, trong nhà bà.

Sau khi đóng cửa, mụ Cibot trở lại, bản di chúc cầm ở tay, với một ý định dứt khoát là sẽ ném nó vào lửa; nhưng khi mụ vào phòng và tiến về phía lò sưởi, mụ bỗng cảm thấy hai cánh tay bị giữ chặt!... Mụ thấy mình đứng giữa Pons và Schmucke, hai người đứng dựa lưng vào vách, ở hai bên cửa.

– A!... – Mụ Cibot kêu lên.

Mụ ngã sấp ra phía trước, trong những cơn co giật ghê gớm, thực sự hay giả vờ, thì người ta cũng không bao giờ biết được, nhưng mụ gây nên cho Pons một ấn tượng ghê gớm đến nỗi ông như muốn ngất đi, và Schmucke để mặc mụ Cibot nằm dưới đất để đỡ Pons nằm trở lại. Hai người bạn run lên như những người phải thực hiện một ý định khó nhọc, đã vượt quá sức mình. Khi Pons đã được đặt nằm xuống, khi Schmucke lấy lại được một chút hơi sức, lão nghe thấy những tiếng nức nở. Mụ Cibot, quỳ xuống đất, khóc như mưa và chìa tay về phía hai người bạn van xin bằng điệu bộ như nói nên lời.

– Chỉ thuần túy là tò mò thôi mà! – Mụ nói khi thấy mình được hai người chú ý – Ông Pons tốt bụng ơi! Đó là khuyết tật của đàn bà, ông biết đấy! Nhưng tôi không biết làm thế nào để đọc bản di chúc nên tôi mang nó trả lại...

– *Cút ngay!* – Schmucke nói, ông đứng thẳng người dậy, uy nghiêm bởi toàn bộ sự uy nghiêm của niềm công phần – *Mụ là mọt con quái fật! Mụ tã tình xiết ung Bons tốt pụng của ta. Ung áy tã nói tủng! Mụ còn tẻ hơn là mọt con quái fật nữa kia, mụ táng pị tà xuống tịa ngực!*

Mụ Cibot thấy vẻ ghê sợ hiện lên trên bộ mặt của lão người Đức chân thật, liền đứng dậy kiêu hãnh như Tartuffe, phóng về phía Schmucke một cái nhìn khiến cho lão phải rùng mình, rồi bước ra, giấu dưới vạt áo dài một bức tranh nhỏ tuyệt vời của Metzu mà Élie Magus đã rất khâm phục và đã nói: – Thật là một viên kim cương! – Mụ Cibot thấy Fraasier đang đứng chờ mụ ở trong phòng của mụ với hy vọng mụ đã đốt chiếc phong bì với tờ giấy trắng thay thế cho bản di chúc, y rất ngạc nhiên thấy mụ khách hàng của y sợ hãi, mặt hốt hoảng.

– Chuyện gì thế?

– Xảy ra chuyện, ông Fraasier thân mến ạ, là, lấy cớ cho tôi những lời khuyên bỏ ịch và hướng dẫn tôi, ông đã làm tôi mất vĩnh viễn lợi tức và lòng tin của các ông ấy...

Và mụ tuôn ra một thời một hồi những lời nói thao thao bất tuyệt mà mụ rất giỏi.

– Đừng nói những lời phù phiếm nữa. – Fraasier nói cộc lốc, ngắt lời mụ khách hàng – Nói vào việc, vào việc đi! Nhanh lên!

– Đây, việc đã diễn ra như thế này đây.

Mụ kể lại đúng như cảnh mới xảy ra.

– Tôi đã không làm cho bà mất gì cả. – Fraasier đáp – Hai ông chủ ấy đã nghi ngờ sự trung thực của bà rồi, bởi vì họ đã giương cái bẫy ấy lên cho bà; họ đã chờ đợi bà, họ đã rình bà!... Bà đã không nói hết với tôi... – Gã chạy việc vừa nói thêm vừa nhìn như hổ nhìn vào mụ gác cổng.

– Tôi ư? Giấu ông điều gì ư?... Sau tất cả những cái chúng ta đã cùng nhau tiến hành ư?... – Mụ vừa nói vừa rùng mình.

– Nhưng bà thân mến ơi, tôi không phạm vào điều gì đáng chê trách cả! – Fraasier nói và lộ ý định chối cuộc đến thăm Pons vào ban đêm.

Mụ Cibot cảm thấy lửa cháy trên đầu và cái lạnh băng giá bao bọc lấy mụ.

– Thế nào?... – Mụ ngáy người hỏi.

– Đây là việc tội lỗi bị phơi trần!... Bà có thể bị buộc tội thủ tiêu bản di chúc. – Fraasier lạnh lùng trả lời.

Mụ Cibot làm một cử chỉ ghê sợ.

– Hãy yên tâm, tôi là cố vấn của bà mà! – Y nói tiếp – Tôi chỉ muốn chứng minh cho bà rằng bằng cách này hay cách khác, thực hiện điều tôi nói với bà thật dễ biết bao. Này nhé, bà đã làm gì để lão người Đức ấy ngây thơ đến thế mà lại nấp trong phòng mà bà không biết?...

– Không làm gì cả, đấy là việc xảy ra hôm trước, khi tôi quả quyết bảo rằng ông Pons trông gà hóa cuốc. Từ hôm ấy, hai ông chủ thay đổi hoàn toàn đối với tôi. Vì vậy ông là nguyên nhân mọi nỗi bất hạnh của tôi rồi, vì nếu tôi đã đánh mất ảnh hưởng của tôi với ông Pons, thì tôi còn nắm chắc được lão người Đức là người đã nói đến chuyện cưới tôi, hoặc đưa tôi đi với ông ấy, thì cũng là một cái thôi!

Lý do ấy rất có thể chấp nhận, đến nỗi Fraasier buộc phải bằng lòng.

– Bà hãy yên tâm. – Y nói tiếp – Tôi đã hứa với bà những lợi tức, tôi sẽ giữ lời. Cho đến nay, tất cả trong chuyện này đều chưa chắc chắn; bây giờ nó đáng giá những tờ Ngân phiếu... Bà sẽ có không ít hơn mười hai nghìn phơ-răng lợi tức trọn đời... Nhưng bà

Cibot thân mến ạ, phải nghe lệnh tôi và thực hiện chúng một cách khôn ngoan.

– Vâng, thưa ông Fraasier thân mến. – Mụ gác cổng đã hoàn toàn bị khuất phục, nói với sự mềm mỏng quy lụy.

– Thôi! Chào bà. – Fraasier lại nói và rời căn phòng gác cổng, mang theo bản di chúc nguy hiểm.

Y trở về nhà hết sức vui mừng, vì bản di chúc này là một vũ khí ghê gớm.

– Ta sẽ có, – Y nghĩ – một bảo đảm chắc chắn cho thiện ý của bà chánh án De Marville. Nếu dám không giữ lời, thì bà ta sẽ mất của thừa kế.

Mới tảng sáng, Rémonencq, sau khi đã mở cửa quán và giao cho cô em trông coi, theo một thói quen từ ít ngày nay, đến xem sức khỏe của ông bạn Cibot tốt bụng ra sao, và gã thấy mụ gác cổng đang ngắm bức tranh của Metz, băn khoăn không biết tại sao một bức ván bôi sơn bé nhỏ lại có thể đáng giá nhiều tiền đến thế.

– A! A! Đây là bức duy nhất mà cụ Élie Magus tiếc là không có. – Gã vừa nói vừa nhìn qua vai mụ Cibot – Cụ ấy nói rằng nếu có cái vật con con này, cụ chẳng còn thiếu gì cho hạnh phúc của cụ nữa.

– Lão định trả bao nhiêu? – Mụ Cibot hỏi.

– Nếu bà hứa lấy tôi trong năm bà ở góa. – Rémonencq trả lời – thì tôi xin chịu trách nhiệm lấy được hai mươi nghìn phơ-răng của cụ Élie Magus, còn nếu bà không lấy tôi thì bà không bao giờ bán được bức tranh ấy hơn một nghìn phơ-răng.

– Tại sao?

– Bà sẽ buộc phải ký vào một biên lai là người chủ sở hữu và bây giờ bà sẽ có chuyện kiện cáo với những người thừa kế. Nếu bà là vợ tôi, thì chính tôi sẽ bán nó cho cụ Magus – và người ta chỉ đòi

hỏi người lái buôn đăng ký vào sổ mua – và tôi sẽ viết rằng ông Schmucke đã bán nó cho tôi. Nào, bà hãy đưa bản vẽ này vào quán tôi đi... Nếu chồng bà chết, bà có thể bị phiền nhiễu, còn chẳng ai lấy làm lạ thấy tôi có trong nhà mình một bức tranh... Bà hiểu tôi rõ quá rồi. Và lại nếu bà muốn thì tôi có thể viết cho bà một giấy nhận.

Trong tình thế phạm tội mà mù vướng vào, mù gác cổng tham lam tán thành đề nghị ấy, lời đề nghị sẽ ràng buộc mãi mãi mù với gã buôn đồ cũ.

– Ông nói phải đấy, hãy mang lại cho tôi tờ giấy của ông đi. – Mù vừa nói vừa nhét bức tranh vào tủ commot.

– Bà láng giềng này, – Gã buôn đồ cũ nói nói nhỏ và kéo mù Cibot ra ngưỡng cửa – tôi thấy rõ là chúng ta không cứu được ông bạn Cibot tội nghiệp của chúng ta rồi; chiều qua bác sĩ Poulain đã hết hy vọng về ông ấy và nói rằng ông ấy không qua được ngày hôm nay... Thật là một nỗi bất hạnh lớn! Nhưng rút cục, bà không hợp với chỗ của bà tại đây... Chỗ của bà là ở trong một cửa hàng đẹp để bán đồ cổ trên đại lộ Capucines. Xin bà biết cho rằng tôi đã kiếm được gần một trăm nghìn phơ-răng từ mười năm nay, rằng nếu một ngày kia bà cũng có bằng chứng ấy, thì tôi xin nhận gậy dựng cho bà một gia tài lớn... nếu bà là vợ tôi... Bà sẽ thành bà trưởng giả... được cô em tôi đảm đương việc gia đình phục vụ chu đáo, và...

Gã quyến rũ bị ngắt lời vì những tiếng rên rĩ xé ruột của lão thợ may bé nhỏ đã bắt đầu hấp hối.

– Ông đi đi. – Mù Cibot nói – Ông là một con quái vật mới đi nói với tôi những chuyện ấy, khi ông chồng đáng thương của tôi, đang chết dần trong tình trạng như thế...

– À, chính vì tôi yêu bà, – Rémonencq nói – chẳng còn biết nghĩ ngợi gì nữa để có được bà...

– Nếu ông yêu tôi, thì ông sẽ không nói gì với tôi trong lúc này. – Mù trả lời gã.

Và Rémonencq trở về nhà, chắc chắn sẽ cưới được mụ Cibot.

Vào khoảng mười giờ, ở trước cửa ngôi nhà cứ loạn cả lên, vì người ta làm lễ thánh cho ông Cibot. Tất cả các bạn bè của vợ chồng Cibot – những ông gác cổng, những bà gác cổng ở phố Normandie và những phố lân cận – đứng đầy cả phòng ở, phía dưới cái cổng xe và mặt trước trông ra phố. Lúc ấy người ta chẳng chú ý chút nào đến ông Léopold Hannequin đi đến cùng với một bạn đồng nghiệp, cũng chẳng chú ý đến Schwab và Brunner là những người có thể đến với Pons mà không bị mụ Cibot trông thấy. Chị gác cổng của nhà bên cạnh – là người ông công chứng đã hỏi thăm phòng của Pons ở tầng gác nào – đã chỉ cho ông ta căn hộ. Còn Brunner – cùng đến với Schwab, đã từng đến thăm bảo tàng Pons – thì đi qua mà không nói năng gì, và chỉ đường cho người cùng cộng tác... Pons chính thức hủy bỏ bản di chúc tối hôm trước và lập Schmucke làm người nhận di tặng toàn bộ. Nghi lễ làm xong, sau khi đã cảm ơn Schwab và Brunner, và gửi gắm thiết tha những lợi ích của Schmucke cho ông Léopold Hannequin, thì Pons rơi vào tình trạng ngất lịm đi – vì sau bao nỗ lực ông đã sử dụng trong cảnh đêm qua với mụ Cibot và trong hành vi cuối cùng của đời sống xã hội này – khiến Schmucke phải nhờ Schwab đi báo với tu viện trưởng Duplanty, vì lão không muốn rời đầu giường của ông bạn, và Pons yêu cầu thánh lễ.

Ngôi ở chân giường của chồng, mụ Cibot và chẳng đã bị hai ông bạn tổng ra cửa, không chuẩn bị bữa ăn cho Schmucke, nhưng những sự kiện của buổi sáng hôm ấy, cảnh hấp hối nhần nhục của Pons là người chết một cách dửng dưng, đã bóp chặt trái tim của Schmucke, đến nỗi lão không cảm thấy đói.

Tuy vậy, vào lúc hai giờ, không trông thấy lão già người Đức đâu, mụ gác cổng – vì tò mò cũng như vì quan tâm – đã nhờ cô em gái gã Rémonencq đi xem xem Schmucke có cần cái gì hay không. Đúng lúc ấy, tu viện trưởng Duplanty – đã được lão nhạc sĩ đáng thương xưng tội lần cuối – đang ban cho ông lễ xức dầu thánh. Thế là gã Rémonencq đã làm kinh động cả nghi lễ ấy bằng những tiếng

chuông liên hồi. Nhưng, vì Pons đã bắt Schmucke phải thế là không cho ai vào – vì ông sợ bị đánh cắp – nên Schmucke cứ để mặc cho ả Rémonencq kéo chuông; ả quay xuống, hết sức sợ hãi, bảo mẹ Cibot rằng Schmucke không mở cửa cho ả. Cái hoàn cảnh rất đáng chú ý ấy được Fraasier ghi nhận. Schmucke – chưa bao giờ thấy ai chết – sẽ cảm thấy vô cùng bối rối khi ở Paris với một người chết trên tay, nhất là không có ai giúp đỡ, không có người đại diện, cũng không có cứu trợ. Fraasier biết rằng những người bà con thật sự đau khổ lúc đó thường mất cả sáng suốt và ý từ sáng, sau khi điếm tâm, ở lì trong phòng gác cổng, hội ý liên miên không dứt với bác sĩ Poulain – nảy ra ý nghĩ tự mình điều khiển mọi hoạt động của Schmucke.

Đôi bạn – bác sĩ Poulain và Fraasier – đã hành động như thế này để nắm lấy cái kết quả quan trọng kia.

Người coi nhà thờ Saint-François – một lái buôn cũ, bán đồ thủy tinh, tên là Cantinet – ở phố Orléans, trong ngôi nhà chung hai bên với nhà bác sĩ Poulain. Mà chị Cantinet – một người thu tiền thuê ghế ở nhà thờ – lại được bác sĩ Poulain chăm sóc sức khỏe không lấy tiền, nên dĩ nhiên là chị ta ràng buộc với anh kia bằng lòng biết ơn, chị thường kể với anh tất cả những chuyện không may của đời mình. Hai Cái – kẹp – quả – phỉ, trong tất cả những ngày chủ nhật và ngày lễ, đều đến lễ ở Saint-François, có quan hệ tốt với người coi nhà thờ, người quản lễ, người dâng nước thánh, tóm lại là với đám quân của giáo hội ấy – ở Paris gọi là *giới giáo sĩ cấp thấp* – những tín đồ bao giờ cũng cho họ những món tiền thù lao nho nhỏ. Vì thế, chị Cantinet biết rõ Schmucke cũng như Schmucke biết rõ chị ta vậy. Chị Cantinet này sầu não vì hai vết thương khiến Fraasier có thể biến chị ta thành một công cụ mù quáng và không chủ tâm. Thành Cantinet con, mê sân khấu, đã từ chối đi theo con đường của nhà thờ, ở đấy nó có thể trở thành quản lễ, mà theo học nghề đóng những vai phụ của rạp Xiếc-Olympique; nó sống cuộc đời phóng túng khiến mẹ nó phải ngao ngán, mà túi tiền thì thường cạn vì những khoản cho vay bắt buộc. Rồi anh Cantinet – vì lu bù rượu chè

và lười biếng – đã buộc phải bỏ việc buôn bán do hai tật xấu kia. Không hề có ý định sửa chữa, con người khốn khổ ấy tìm ra trong chức trách của mình một thứ thức ăn cho hai niềm đam mê: anh chẳng làm gì cả, và anh uống rượu với những người đánh xe ngựa của các đám cưới, với những phu nhà đòn, với những người cùng khổ được cha xứ cứu giúp, nên mặt đỏ ửng lên ngay khi mặt trời vừa đứng bóng.

Chị Cantinet thấy mình bị đẩy vào cảnh khốn cùng trong lúc tuổi già, sau khi – chị ta nói – đã đem về mười hai nghìn phơ-răng tiền hồi môn cho chồng. Chuyện những nỗi bất hạnh này được kể đi kể lại hàng trăm lần cho bác sĩ Poulain nghe, gọi lên cho anh ta ý nghĩ dùng chị này để tạo điều kiện dễ dàng cho việc đưa mụ Sauvage vào nhà Pons và Schmucke để làm người nấu bếp và dọn dẹp. Giới thiệu mụ Sauvage là việc không thể làm được vì sự ngờ vực của hai Cái – kẹp – quả – phỉ đã trở nên triệt để, và sự từ chối mở cửa cho ả Rémonencq đã đủ soi sáng cho Fraisier về vấn đề này. Nhưng dường như hiển nhiên đối với hai gã bạn, là những nhà nhạc sĩ sùng đạo sẽ chấp nhận một cách mù quáng một người do cha tu viện trưởng Duplanty đề nghị. Chị Cantinet, trong kế hoạch của họ, sẽ có mụ Sauvage đi cùng, và mụ giúp việc của Fraisier, một khi đã ở đấy, thì cũng có giá trị như chính Fraisier vậy.

Khi tu viện trưởng Duplanty đi tới dưới chiếc cổng xe, thì ông phải dừng lại một lúc vì đám đông bè bạn của Cibot đang tỏ ra tha thiết với người canh cổng lâu năm nhất và được quý mến nhất trong phường.

Bác sĩ Poulain chào ông tu viện trưởng Duplanty, tách riêng ông ra, và nói với ông: – Tôi sắp đến thăm ông Pons tội nghiệp ấy đây; ông ấy còn có thể qua khỏi; vấn đề là thuyết phục ông ấy chịu một cuộc giải phẫu để lấy ra những viên sỏi đã hình thành trong túi mật; người ta sờ thấy chúng, chúng gây viêm sẽ dẫn đến cái chết; có lẽ phẫu thuật còn kịp. Cha phải tích cực sử dụng ảnh hưởng của cha đối với con chiên để buộc ông ấy phải chịu cuộc giải phẫu này;

tôi chịu trách nhiệm về tính mạng của ông ấy nếu trong khi mổ có biến cố đáng tiếc xảy ra.

– Ngay sau khi mang bình bánh thánh trở lại nhà thờ, tôi sẽ quay lại, – Tu viện trưởng Duplanty nói – vì ông Schmucke đang ở trong tình trạng cần có sự cứu viện của tôn giáo.

– Tôi vừa được biết rằng ông ấy chỉ có một mình. – Bác sĩ Poulain nói. – Sáng nay ông người Đức tốt bụng ấy mới có một cuộc cãi cọ nhỏ với bà Cibot – người từ mười năm nay vẫn làm các công việc nội trợ cho các ông ấy – và chắc là họ chỉ bất hòa với nhau trong chốc lát thôi; nhưng ông ta không thể thiếu sự giúp đỡ trong những hoàn cảnh sắp tới. Quan tâm đến ông ta là việc từ thiện. – Này, anh Cantinet ơi, – Bác sĩ nói, gọi người coi nhà thờ đến bên mình – anh hãy hỏi vợ anh xem chị ấy có muốn trông nom ông Pons và lo việc nội trợ cho ông Schmucke trong vài ba ngày thay thế cho bà Cibot hay không..., và lại, bà này, nếu không có chuyện cãi cọ kia, thì cũng vẫn cần được thay thế rồi. – Đây là một người phụ nữ trung thực, – anh bác sĩ nói với tu viện trưởng Duplanty.

– Không thể lựa chọn tốt hơn được nữa, – Ông thầy tu tốt bụng trả lời – vì chị ấy được ban quản trị tài sản nhà thờ tin cẩn cho thu tiền thuê ghế.

Một lúc sau, bác sĩ Poulain đứng ở đầu giường theo dõi từng bước trong cơn hấp hối của Pons, mà Schmucke năn nỉ để cho người ta mổ nhưng Pons không nghe. Ông nhạc sĩ già chỉ đáp lại những lời cầu xin của lão người Đức tội nghiệp đã hết hy vọng bằng những cái lắc đầu xen lẫn những cử chỉ sốt ruột. Cuối cùng người hấp hối thu hết sức lực, nhìn Schmucke một cái ghê gớm và bảo lão: – Hãy để cho tôi được chết một cách yên ổn!...

Schmucke suýt chết vì đau đớn, nhưng lão cầm tay Pons, dịu dàng hôn lên bàn tay ấy, dùng hai tay áp lấy bàn tay ấy, cố truyền sức sống cho bạn như thế một lần nữa. Chính lúc ấy bác sĩ Poulain nghe thấy tiếng chuông và ra mở cửa cho tu viện trưởng Duplanty.

– Người bệnh đáng thương của chúng ta, – Poulain nói – bắt đầu giãy giụa vì cái chết đang xiết chặt. Chỉ trong vài giờ nữa là ông ấy sẽ thở hơi cuối cùng; chắc hẳn là cha phải cử một linh mục đến thức canh đêm nay. Nhưng đã đến lúc phải đưa chị Cantinet và một chị lao công đến cho ông Schmucke, ông ấy không thể nghĩ đến bất cứ điều gì được, tôi sợ cho lý trí của ông ấy, và ở đây có những giá trị cần được những người đầy tính trung thực bảo vệ.

Tu viện trưởng Duplanty – một giáo sĩ tốt bụng và đáng kính, không đa nghi cũng không hiểm ác – cho rằng những nhận xét của bác sĩ Poulain đúng đắn; và lại cha tin ở phẩm chất của người thầy thuốc trong phường; vì vậy cha ra hiệu cho Schmucke đến nói chuyện trong khi cha đứng ở ngưỡng cửa căn phòng tang tóc. Schmucke không thể quyết định rời bỏ bàn tay của Pons đang co quắp lại và túm chặt lấy tay mình như lão đang rơi xuống một cái vực và lão muốn bám vào một cái gì để khỏi lẫn xuống đáy. Nhưng, như người ta đã biết, những người sắp chết luôn luôn cuống cuống muốn bám lấy tất cả – như những kẻ vội vã đưa ra khỏi đám cháy những thứ quý giá nhất – và thế là Pons buông Schmucke ra để vớ lấy những chân, mền rồi gom chúng lại quanh mình bằng một động tác keo kiệt và hối hả khủng khiếp, đầy ý nghĩa.

– Ông sẽ ra sao, khi chỉ có một mình với người bạn đã chết? – Ông thầy tu tốt bụng nói với lão người Đức lúc này đã đến để nghe ông nói – Ông không có bà Cibot...

– *Tất là mọt con quái fật tã xiết chết Bons!* – Lão nói.

– Nhưng phải có một người nào đấy ở cạnh ông chứ! – Bác sĩ Poulain tiếp – Vì canh thi hài đêm nay.

– *Tui sẽ canh, tui sẽ cầu Chúa!* – Lão người Đức ngay thơ trả lời.

– Nhưng phải ăn!... Bây giờ thì ai nấu ăn cho ông? – Anh bác sĩ nói.

– *Tau tốn tã khiến mất cả thèm ăn!*... Schmucke hồn nhiên đáp.

– Nhưng, – Poulain nói – phải đi báo tử với những người làm chúng, phải lột áo quần thi thể ra, liệm thi thể bằng một tấm vải liệm, phải đi đặt xe đòn đám ma, phải nuôi chị phụ nữ trông coi thi hài và ông thầy tu túc trực ban đêm, ông định một mình làm tất cả những việc ấy hay sao?... Người ta không chết như chó ở thủ đô của thế giới văn minh đâu!

Schmucke mở đôi mắt khiếp sợ và bỗng lên một cơn điên ngắn.

– *Nhưng Bons sẽ khùng chết... tui sẽ cứu ung ấy!*...

– Ông không thể ở đây mãi mà không chộp mất đi một chút, lúc ấy thì ai sẽ thay ông? Vì còn phải chăm lo cho ông Pons, cho ông ấy uống, làm thuốc...

– À, *túng thế!* – Lão Đức nói.

– Này, – Tu viện trưởng Duplanty nói tiếp – tôi nghĩ đến việc đưa chị Cantinet đến cho ông, đây là một người phụ nữ trung hậu và lương thiện...

Bao chi tiết về nghĩa vụ xã hội đối với người bạn đã chết làm cho Schmucke ngớ người ra đến mức lão muốn chết quách đi với Pons.

– Thật là một đứa bé con! – Bác sĩ Poulain nói với tu viện trưởng Duplanty.

– *Mụt tủa pé!*... – Schmucke nhắc lại như cái máy.

– Nào, – Ông phó linh mục nói – tôi sẽ đến nói với chị Cantinet và cử chị ấy đến với ông.

– Ông không phải vất vả như thế, – Anh bác sĩ nói – chị ấy là người hàng xóm của tôi, tôi về nhà đây.

Thần Chết như là một tên sát nhân vô hình mà người sắp chết phải vật lộn; trong lúc hấp hối anh ta bị những đòn cuối cùng, anh ta cố trả đòn và giãy giụa. Pons cũng ở trong cái cảnh lâm chung ấy, ông cất tiếng rên rỉ xen lẫn những tiếng kêu. Lập tức Schmucke, tu viện trưởng Duplanty, Poulain chạy ào cả đến bên giường người hấp

hối. Chợt Pons – mạng sống trúng phải vết thương cuối cùng đó, vết thương cắt đứt những dây liên hệ của thể xác và linh hồn – lấy lại được trong chốc lát sự tĩnh lặng hoàn toàn tiếp theo cơn hấp hối, ông tỉnh lại, sự thanh thản của cái chết hiện lên trên mặt, và ông nhìn tất cả những người đứng vây quanh với vẻ mặt hầu như tươi cười.

– À, bác sĩ ạ, tôi đã đau đớn nhiều, nhưng ông nói có lý, tôi thấy sẽ khá hơn... Cảm ơn cha, thưa cha tu viện trưởng, không biết Schmucke ở đâu!...

– Schmucke không ăn từ chiều hôm qua, mà bây giờ đã là bốn giờ rồi: ông không còn có ai ở bên ông, và thật là nguy hiểm khi gọi lại bà Cibot...

– Con mụ ấy có thể làm mọi chuyện đấy! – Pons nói và bộc lộ tất cả sự ghê tởm khi nghe đến cái tên của mụ Cibot – Đúng đấy, Schmucke cần có một người nào đó thật sự lương thiện.

– Tu viện trưởng Duplanty và tôi, – Poulain liền nói – chúng tôi đã nghĩ đến hai ông...

– À, cảm ơn, – Pons nói – tôi đã không nghĩ tới điều này.

– Và đức cha giới thiệu chị Cantinet với ông...

– À, người cho thuê ghế! – Pons kêu lên – Vâng, đấy là một con người rất tốt.

– Chị ấy không ưa bà Cibot, – Anh bác sĩ nói tiếp – và chị ấy sẽ trông nom cẩn thận ông Schmucke...

– Đưa chị ấy đến đây cho tôi, cha Duplanty tốt bụng ạ..., chị ấy và chồng chị ấy, tôi sẽ yên tâm. Họ sẽ chẳng ăn cắp gì ở đây đâu...

Schmucke lại cầm lấy bàn tay Pons và giữ lấy nó một cách vui vẻ, tin rằng sức khỏe đã trở lại.

– Chúng ta đi đi, cha tu viện trưởng ạ, – Anh bác sĩ nói – tôi sẽ nhanh chóng cử chị Cantinet đến; tôi biết rõ lắm: có lẽ chị ấy sẽ không thấy ông Pons còn sống nữa đâu.

Trong khi tu viện trưởng Duplanty thuyết phục người sắp chết quyết định nhận chị Cantinet làm người trông coi, thì Fraasier đã sai gọi người cho thuê ghế đến nhà y và trò chuyện lung lạc chị nghe theo những mưu ma chước quỷ của y, khó mà ai có thể cưỡng lại được. Thế là, chị Cantinet – người phụ nữ khô khan và vàng vọt, có những chiếc răng to, có đôi môi lạnh, dẫn người ra vì bất hạnh, cũng như nhiều phụ nữ bình dân, và thấy những cái lợi hàng ngày nhỏ nhẹ nhất cũng đã coi là hạnh phúc – lập tức đồng ý mang theo mẹ Sauvage làm người giúp việc trong nhà. Mẹ giúp việc của Fraasier đã nhận được ám hiệu, hứa sẽ dệt một tấm lưới sắt xung quanh hai nhà nhạc sĩ, và chăm chú theo dõi họ như con nhện để bắt đến con ruồi đã sa lưới. Mẹ Sauvage phải có một quầy bán lẻ thuốc hút để trả công cho mẹ: Fraasier thấy đó là cách để tống khứ cái mẹ tự xưng là vú nuôi của y đi, và đặt bên cạnh chị Cantinet một tên mặt thám và một tên sen đầm ẩn dưới hình thù mẹ Sauvage. Vì kê bên căn phòng của hai người bạn là một phòng cho đầy tớ và một cái bếp nhỏ, nên mẹ Sauvage có thể nằm ngủ trên một cái giường dài vải và nấu ăn cho Schmucke. Lúc hai người phụ nữ xuất hiện, do bác sĩ Poulain đưa đến, thì Pons vừa trút hơi thở cuối cùng mà Schmucke không nhận thấy. Lão người Đức còn nắm trong tay bàn tay của bạn đang dần dần lạnh đi. Lão ra hiệu cho chị Cantinet đừng nói gì; nhưng mẹ Sauvage dằng dấp nhà binh làm cho lão sững sốt vì điệu bộ của mẹ, đến nỗi lão không kìm hãm nổi một cử chỉ khiếp sợ – cử chỉ ấy mẹ đàn bà tương như đàn ông đã quen ở những người mới lần đầu trông thấy mẹ.

– Bà này, – Chị Cantinet nói – là một bà do cha Duplanty bảo đảm; bà ấy vốn là người nấu ăn ở nhà một ông giám mục, bà ấy là hiện thân của sự trung thực đấy, bà ấy sẽ làm bếp.

– A, bà có thể nói to lên được đấy! – Mẹ Sauvage lực lưỡng và mắc bệnh suyễn kêu lên – Ông chủ tội nghiệp đã chết rồi!... Ông ấy vừa mới đi thôi.

Schmucke kêu lên một tiếng xé tai, lão cảm thấy bàn tay lạnh giá của Pons cứng lại, mắt lão trần trụi, lão nhìn vào mắt Pons như muốn

phát điên lên, nếu không có mụ Sauvage – chắc mụ đã quen với những cảnh như thế này – cầm một chiếc gương đi về phía giường, đưa gương lên miệng người chết, và vì không có hơi thở làm mờ gương, mụ nhanh nhẹn gỡ bàn tay Schmucke khỏi bàn tay người chết.

– Ông buông bàn tay ra, ông ơi, nếu không thì ông sẽ không thể rút nó ra được nữa đâu; ông không biết là xương sẽ cứng lại như thế nào đâu! Người chết lạnh đi rất nhanh. Nếu không chuẩn bị cho người chết khi còn đang ấm, thì về sau sẽ phải bẻ gãy chân tay họ đi đấy...

Chính người đàn bà kinh khủng ấy đã vượt mắt cho ông nhạc sĩ đáng thương đã tắt thở; rồi với thói quen của những người trông coi bệnh nhân – cái nghề nghiệp mà mụ đã làm trong mười năm – mụ cởi quần áo của Pons, để ông nằm thẳng ra, áp hai bàn tay vào hai bên mình, kéo chân đắp lên mũi, giống hệt như một nhân viên đóng gói hàng trong một cửa hiệu vậy.

– Phải có một tấm ga để liệm cho ông ấy; kiếm đâu ra một tấm bây giờ?... – Mụ hỏi Schmucke đang bàng hoàng trước cái cảnh ấy.

Sau khi đã thấy Tôn giáo tiến hành với niềm kính trọng sâu sắc đối với con người được dành cho một tương lai rộng mở biết bao ở trên trời, thì thật là đau lòng đến tái tê khi nhìn thấy cái kiểu đóng gói kia, trong đó ông bạn của lão được xử lý như một đồ vật vậy.

– *Pà mún làm xì thì tùy ý!...* – Schmucke trả lời như cái máy.

Con người trong trắng ấy lần đầu tiên trông thấy một người chết đi. Và người này là Pons, người bạn duy nhất, con người duy nhất đã hiểu và yêu quý lão!...

– Tôi sẽ đi hỏi bà Cibot xem những tấm ga để ở đâu? – Mụ Sauvage nói.

– Sẽ phải có một cái giường dai vải cho bà ấy nằm. – Chị Cantinet bảo Schmucke.

Schmucke gật đầu và khóc như mưa. Chị Cantinet để cho con người bất hạnh ấy được yên; nhưng một giờ sau chị ta lại trở lại và bảo lão:

– Thưa ông, ông có tiền đưa cho chúng tôi mua không?

Schmucke quay sang nhìn chị Cantinet, cái nhìn có tác dụng tước vũ khí những sự thù ghét dữ dội nhất; lão chỉ bộ mặt trắng, khô và nhọn của người chết như một lý do để trả lời tất cả.

– *Pà hãy mang tất cả ti fà tế cho tui tước khóc, tước cầu nguyện.* – Lão vừa nói vừa quỳ xuống.

Mụ Sauvage đi báo cái chết của Pons cho Fraisiert, tên này phóng xe ngựa đến nhà bà chánh án để đòi – cho ngày hôm sau – tờ giấy ủy quyền cho phép y được đại diện những người thừa kế.

– Thưa ông, – Chị Cantinet nói với Schmucke, một giờ sau câu hỏi cuối cùng của chị ta, – tôi đã đến tìm bà Cibot, người vẫn làm các công việc nội trợ cho ông, để bà ấy cho biết các thứ ở đâu; nhưng vì bà ấy mới mất ông Cibot, nên bà ấy hầu như đã *chủ mất* tôi thậm tệ... Thưa ông, ông hãy nghe tôi.

Schmucke nhìn người phụ nữ ấy, chị ta không nghi ngờ gì về sự thô lỗ của ông; vì những con người bình dân thường quen chịu đựng một cách thụ động những đau đớn lớn lao nhất về tinh thần.

– Thưa ông, phải có vải làm tấm liệm, phải có tiền mua một chiếc giường đai vải cho bà ấy nằm; phải có tiền để mua một bộ nồi niêu xoong chảo, đĩa, cốc, vì sắp có một giáo sĩ đến qua đêm ở đây, mà bà ấy thì tuyệt nhiên không tìm thấy gì ở trong bếp cả.

– Mà thưa ông, – Mụ Sauvage nhắc lại – phải cho tôi củi, than để sửa soạn bữa ăn tối, mà tôi thì chẳng thấy gì hết! Vả lại, cũng chẳng có gì là lạ, vì bà Cibot đã cung ứng cho các ông hết thảy...

– Nhưng thưa bà thân mến, – Chị Cantinet vừa nói vừa chỉ Schmucke đang nằm dưới chân người chết trong tình trạng như

chẳng còn biết gì nữa – bà không muốn tin tôi, ông ấy không trả lời gì hết.

– Này, cô em ơi, – Mụ Sauvage nói – chị sẽ chỉ cho em thấy trong những trường hợp ấy thì người ta sẽ làm như thế nào.

Mụ Sauvage nhìn căn phòng như bọn trộm cắp nhìn để đoán những chỗ giấu tiền. Mụ đi thẳng đến cái tủ commốt của Pons, mụ kéo ra chiếc ngăn kéo thứ nhất, trông thấy cái túi Schmucke đựng chỗ còn lại của món tiền bán tranh, và mụ mang cho Schmucke xem, lão gật đầu như cái máy.

– Tiền đây, em ạ! – Mụ Sauvage nói với chị Cantinet – Chị sẽ đếm tiền, mang đi mua những thứ cần, rượu vang, thực phẩm, nến, tóm lại là tất cả, vì họ chẳng có gì hết... Tìm cho chị ở trong tủ một cái khăn trải giường để liệm thi thể. Người ta nói cho chị biết rằng cái ông tội nghiệp này ngây ngô; nhưng chị không biết ông ấy thế nào, ông ấy còn tệ hơn là khác. Cứ như một đứa bé mới sinh, sẽ phải mớm cái ăn vào cho nó...

Schmucke nhìn hai người đàn bà và những việc họ làm, hoàn toàn như một người điên nhìn họ. Tan nát vì đau đớn, bị rơi vào một tình trạng gần như cứng đờ toàn thân, lão không ngừng ngắm nghía bộ mặt làm mê hồn người của Pons, nét mặt trong sáng ra do hiệu quả của sự an nghỉ tuyệt đối của cái chết. Lão muốn chết, lão đứng đưng với hết thảy mọi sự. Căn phòng giá có bị đám cháy thiêu hủy, thì lão cũng không động dấy.

– Có một nghìn hai trăm năm mươi sáu phơ-răng... – Mụ Sauvage nói với lão.

Schmucke nhún vai. Khi mụ Sauvage muốn tiến hành việc khâm liệm Pons và ướm chiếc khăn trải giường lên thi hài để cất tẩm vải liệm và khâu lại, thì xảy ra một cuộc vật lộn khùng khiếp giữa mụ và lão người Đức tội nghiệp. Schmucke giống hệt một con chó cắn tất cả những ai muốn chạm vào cái xác của chủ nó. Mụ Sauvage

sốt ruột túm lấy lão Đức, ấn lão xuống một chiếc ghế bành và giữ lão lại đấy với một sức mạnh phi thường.

– Nào, em gái ơi, khâu người chết vào trong tấm vải liệm đi. – Mụ bảo chị Cantinet.

Thao tác xong, mụ Sauvage lại đưa Schmucke về chỗ cũ, ở dưới chân giường, và bảo lão:

– Ông hiểu rồi chứ? Là người chết thì phải khâu liệm.

Schmucke bắt đầu khóc; hai người đàn bà để lão đấy, đi chiếm lĩnh nhà bếp, ở đấy, chỉ trong khoảnh khắc, hai người đem đến tất cả những thứ cần thiết cho cuộc sống. Sau khi làm bản thanh toán thứ nhất với ba trăm sáu mươi phơ-răng, mụ Sauvage bắt tay vào chuẩn bị bữa ăn tối cho bốn người, một bữa tối ra bữa tối! Có món gà lôi, một con ngỗng béo làm thức ăn chắc bụng, một đĩa trứng tráng với mứt, một đĩa rau sống, một bát thịt bò hầm thánh lễ mà mọi thành phần đều tăng lên quá mức về lượng đến nỗi món nước dùng giống như món nước thịt đông vậy. Vào chín giờ tối, vị giáo sĩ do ông phó linh mục cử tới để thức trông Schmucke¹, đến với Cantinet, ông ta mang theo bốn cây nến và những cây đèn của nhà thờ. Ông giáo sĩ thấy Schmucke nằm dài bên bạn, trong giường, và ôm chặt lấy bạn. Phải lấy uy quyền của tôn giáo mới khiến cho Schmucke chịu tách ra khỏi thi hài. Lão người Đức quỳ xuống và ông thầy tu ngồi thoải mái vào chiếc ghế bành. Trong khi ông thầy tu đọc kinh cầu nguyện và Schmucke quỳ trước thi hài Pons, cầu Chúa dùng phép mầu hợp nhất lão với Pons lại để lão được chôn trong huyết của bạn, thì chị Cantinet đến phố Temple mua một chiếc giường đai vải và một bộ đồ giường đầy đủ cho mụ Sauvage; vì cái túi một nghìn hai trăm năm mươi sáu phơ-răng đang bị cướp phá. Lúc mười một giờ đêm, chị Cantinet đến xem Schmucke có

1. Theo các nhà nghiên cứu, có thể Balzac viết nhầm, lẽ ra là “thức trông Pons”, hoặc nhà in xếp chữ thiếu “thức trông cùng Schmucke”.

muốn ăn một miếng hay không. Lão người Đức ra hiệu là để cho lão được yên.

– Bữa ăn tối đang chờ ông, thưa ông Pastelot. – Chị cho thuê ghế lúc ấy nói với ông giáo sĩ.

Schmucke còn lại một mình, mỉm cười như một lão điên thấy mình được tự do để hoàn thành một ham muốn có thể sánh được với ham muốn của những người đàn bà có thai. Lão lao vào Pons và lại một lần nữa ôm chặt lấy Pons. Đến nửa đêm, ông giáo sĩ quay lại và Schmucke bị quở trách, phải rời Pons ra và lại bắt đầu câu chuyện. Sáng ra, ông giáo sĩ đi. Đến bảy giờ, bác sĩ Poulain đến thăm Schmucke một cách trù mến và muốn ép lão ăn; nhưng lão người Đức từ chối.

– Nếu bây giờ ông không ăn thì lúc trở về ông sẽ bị đói đấy, – Anh bác sĩ bảo lão – vì ông phải đến tòa Thị chính cùng với một người làm chứng để khai tử cho ông Pons và lập tờ...

– *Tui à?* – Lão người Đức lo sợ nói.

– Thì còn ai nữa?... Ông không thể bỏ qua việc ấy được đâu, vì ông là người duy nhất chứng kiến ông ấy chết....

– *Tui khùng tí nổi tâu.* – Schmucke vừa trả lời vừa cầu xin bác sĩ Poulain cứu giúp.

– Ông hãy đi xe ngựa. – Anh bác sĩ đạo đức giả dịu dàng đáp lại – Tôi đã xác nhận cái chết rồi. Hãy nhờ một người nào đấy trong nhà đi theo ông. Hai bà kia thì sẽ trông coi nhà trong lúc ông đi vắng.

Người ta không hình dung ra được thế nào là sự lồi lõm kéo kéo của luật pháp trước một nỗi đau khổ thật sự. Nó làm cho người ta đến căm ghét văn minh, làm cho người ta thích tập quán của những người Dã man hơn. Lúc chín giờ, mụ Sauvage đưa Schmucke xuống cầu thang bằng cách khoác tay lão dìu đi, và trong chiếc xe ngựa thuê, lão buộc phải nhờ Rémonencq cùng đi với lão chứng thực cái

chết của Pons ở tòa Thị chính. Ở, khắp nơi, trong mọi việc, tình trạng bất bình đẳng hiện ra rõ rệt ở Paris, trong cái xứ sở say sưa vì bình đẳng này. Sức mạnh bất biến của các sự vật ấy biểu lộ đến tận trong những hiệu quả của cái Chết. Trong những gia đình giàu có, thì một người bà con, một người bạn, những người làm dịch vụ, làm giúp cho những người ở nhà đảm những việc kinh khủng ấy; nhưng ở đây, tựa như trong việc phân bổ thuế, dân chúng, dân vô sản không được ai giúp đỡ, chịu toàn bộ sức nặng của nỗi đau đớn.

– A, ông thương tiếc ông ấy là rất phải, – Rémonencq đáp lại lời rên rỉ thốt ra từ người tuân tiết đáng thương – vì đấy là một người rất trung hậu, rất tử tế, đã để lại một bộ sưu tập đẹp đẽ; nhưng thưa ông, ông có biết rằng ông, một người nước ngoài, ông sắp vô cùng lúng túng hay không, vì ở khắp nơi người ta nói rằng ông là người thừa kế của ông Pons.

Schmucke không lắng nghe, lão đang đắm chìm trong cơn đau khổ kề cận với sự điên rồ. Tâm hồn cũng cố sự co cứng như thể xác.

– Ông nên cử một người cố vấn làm đại diện, một biện sự.

– *Một biện sự!* – Schmucke nhắc lại như cái máy.

– Ông sẽ thấy rằng ông cần có người đại diện. Ở cương vị ông thì tôi, tôi chọn một người có kinh nghiệm, một con người ai cũng biết ở phường, một người tâm phúc... Tôi, trong tất cả những công việc nhỏ nhặt của tôi, tôi dùng ông Tabareau, mõ tòa... Và khi ủy quyền cho người thư ký thứ nhất của ông ta, ông sẽ chẳng có điều gì phải lo lắng cả.

Lời gợi ý ấy, do Fraasier mách và đã được thỏa thuận giữa Rémonencq và mụ Cibot, lưu lại trong ký ức Schmucke; bởi vì trong những lúc nỗi đau khổ có thể nói là làm tê cứng tâm hồn khi ngừng lại các chức năng của nó, thì ký ức thu nhận tất cả những dấu vết ngẫu nhiên đưa đến. Schmucke nghe Rémonencq nói trong khi nhìn gã bằng con mắt đã hoàn toàn không còn tinh anh, đến nỗi gã buồn đồ cũ không nói gì với lão nữa.

– Nếu lão còn ngây ngô dần dần như thế nữa, – Rémonencq nghĩ – mình rất có thể mua của lão toàn bộ những thứ lủng củng ở trên ấy với giá một trăm nghìn phơ-răng, nếu chúng thuộc về lão... Thưa ông, tòa Thị chính đây rồi.

Rémonencq buộc phải lôi Schmucke ra khỏi xe và phải dìu cánh tay lão để dẫn lão đến tận phòng Hộ tịch lúc ấy đang có đông người. Schmucke phải chờ đến lượt, vì do một sự tình cờ vẫn thường xảy ra ở Paris, ông tham biện phải lập năm hoặc sáu giấy khai tử. Ở đây lão người Đức tội nghiệp chắc là bị giày vò bởi một ham mê cũng ngang với ham mê của Jésus.

– Ông là ông Schmucke phải không? – Một người mặc quần áo đen hỏi lão người Đức đang kinh ngạc thấy gọi đến tên mình.

Schmucke nhìn con người ấy với vẻ ngây dại mà lão đã từng có khi trả lời Rémonencq.

– Nhưng, – Gã buôn đồ cũ nói với người lạ mặt – ông muốn gì ở ông ấy? Hãy để cho ông ấy được yên, ông thấy rõ là ông ấy đang khổ tâm.

– Ông đây mới mất người bạn, và chắc là ông ấy định làm rạng rỡ một cách xứng đáng hương hồn người quá cố, vì ông ấy là người thừa kế của bạn. – Người lạ mặt nói – Ông đây chắc chắn là sẽ không bủn xỉn... ông sẽ mua vĩnh viễn một mảnh đất để làm mộ phần. Ông Pons yêu nghệ thuật biết bao nhiêu! Sẽ rất đáng tiếc nếu không đặt được lên mộ ông ta ba tượng nữ thần Âm nhạc, Hội họa và Điêu khắc... tượng toàn thân, đang than khóc.

Rémonencq làm một cử chỉ của người Auvergne để đuổi con người ấy, và người đó trả lời bằng một cử chỉ khác có thể nói là có tính chất buôn bán, ý muốn nói: “Để cho tôi làm việc của tôi!” và gã buôn đồ cũ đã hiểu ra.

– Tôi là người môi giới của hãng Sonet và công ty, nhận thầu những lăng mộ. – Gã môi giới nói tiếp, kể mà Walter Scott đã đặt

cho biệt danh *chàng trai của lăng mộ*. – Nếu ông đây muốn đặt hàng cho chúng tôi, chúng tôi sẽ tránh cho ông ấy nỗi phiền hà phải vào Thành phố mua mảnh đất cần thiết cho mộ phần của người bạn mà Nghệ thuật đã mất đi...

Rémonencq gật đầu tỏ ý tán đồng và ấy khuỷu tay Schmucke.

– Ngày nào cũng thế, chúng tôi chịu trách nhiệm đi hoàn thành những thủ tục cho các gia đình. – Vẫn là người môi giới nói, được cử chỉ ấy của gã Auvergne cổ vũ – Trong lúc đầu đầu đón, người thừa kế thật khó mà tự mình lo giải quyết những việc linh tinh ấy, và chúng tôi thì quen với những dịch vụ nhỏ để giúp cho các khách hàng. Những lăng mộ của chúng tôi, thưa ông, được định giá mỗi mét là bao nhiêu đấy bằng đá đẽo hoặc bằng đá hoa... Chúng tôi đào huyệt cho những mộ mã của dòng họ... Chúng tôi đảm nhận hết với giá cả xác đáng nhất. Hăng chúng tôi đã xây mộ trắng lẹ cho cô Esther Gobseck và anh Lucien de Rubempré – một trong những trang trí lộng lẫy nhất của nghĩa địa Père – Lachaise. Chúng tôi có những thợ giỏi nhất và tôi mong ông cảnh giác với những nhà thầu nhỏ... họ chỉ làm những hàng xấu – Hăng nói thêm trong khi thấy một người khác mặc đồ đen đi tới định chào mời cho một hăng đá hoa và điêu khắc khác.

Người ta thường nói cái chết là sự kết thúc của một chuyến du hành, nhưng người là không biết sự so sánh ấy chính xác đến đâu ở Paris. Một người chết – nhất là người chết thuộc giới cao sang – được đón tiếp trên *bờ biển âm u* như một khách du hành đặt chân lên cảng và tất cả những kẻ môi giới của ngành khách sạn đều làm cho người ấy mệt vì những lời chào mời của họ. Không một ai – trừ mấy nhà triết học hoặc mấy gia đình giàu sang chắc chắn mình sẽ sống lại, thuê xây cho mình những ngôi mộ như họ có những dinh thự – không một ai nghĩ đến cái chết và những hậu quả xã hội của nó. Cái chết bao giờ cũng đến quá sớm; và lại, một tình cảm dĩ nhiên ngăn cản những người thừa kế cho là cái chết có thể xảy đến. Cho nên, hầu như tất cả những người mất cha, mất mẹ, mất vợ hoặc

mất con, đều lập tức bị những người chạy việc tấn công – những kẻ lợi dụng lúc tang gia bối rối để chộp lấy một đơn đặt hàng. Ngày xưa, những nhà thầu xây lăng mộ tất cả đều tụ tập ở quanh khu nghĩa địa nổi tiếng Père – Lachaise làm thành một phố lẽ ra phải gọi là phố Mộ mả, họ tấn công những người thừa kế ở quanh mộ hoặc khi ở nghĩa trang ra; nhưng dần dần, cuộc cạnh tranh, tinh anh của sự đầu tư, làm cho họ lẩn tránh và ngày nay, họ đã xuống thành phố đến sát tận tòa Thị chính. Cuối cùng, những người môi giới thường thâm nhập nhà có tang, đem theo một sơ đồ mộ mả cầm ở tay.

– Tôi đang bàn công việc với ông đây. – Gã môi giới của hãng Sonet nói với gã môi giới vừa xuất hiện.

– Khai tử Pons!... Nhân chứng đâu?... – Tùy phái văn phòng gọi.

– Lại đây, ông... – Gã môi giới nói với Rémonencq.

Rémonencq nhờ gã môi giới nâng Schmucke dậy. Schmucke ngồi trên ghế như một khối lơ lửng; hai người đưa lão đến cái lan can mà phía sau, người thảo giấy khai tử nấu mình để tránh những đau đớn của mọi người. Rémonencq, người che chở cho Schmucke, được bác sĩ Poulain giúp – anh bác sĩ đến để cung cấp những chỉ dẫn cần thiết về tuổi tác và nơi sinh của Pons. Lão người Đức chỉ biết có mỗi một điều, rằng Pons là bạn của lão. Ký xong, Rémonencq và anh bác sĩ, có gã môi giới theo sau, đặt lão người Đức đáng thương vào xe, gã môi giới dai như đũa cũng leo lên đấy, muốn giải quyết xong đơn đặt hàng. Mụ Sauvage, đứng quan sát trên ngưỡng cửa cổng xe, nhìn Schmucke hầu như ngất xỉu trong tay mụ lên nhà, có Rémonencq và gã môi giới của hãng Sonet giúp thêm.

– Ông ấy sắp ồm mắt rồi!... Gã môi giới kêu lên, muốn giải quyết dứt điểm công việc mà gã bảo là đã bắt đầu.

– Tôi cũng tin là thế! – Mụ Sauvage trả lời – Ông ấy khóc đã hăm bốn giờ rồi và chẳng chịu ăn gì cả. Không gì làm rỗng ruột bằng nỗi phiền muộn.

– Nhưng, ông khách hàng thân mến ơi, – Gã môi giới của hãng Sonet bảo lão – ông hãy ăn lấy ít cháo vậy. Ông có bao nhiêu việc phải làm: phải đến tòa Thị chính, phải mua miếng đất cần để xây dựng phần mộ mà ông muốn dành cho hương hồn người bạn của Nghệ thuật ấy, và nó phải chứng tỏ được lòng biết ơn của ông.

– Nhưng việc đó chẳng có nghĩa lý gì cả. – Chị Cantinet nói với Schmucke khi đem cháo và bánh đến.

– Ông hãy nghĩ đến việc, ông thân mến ạ, nếu ông yếu như thế, – Rémonencq nói tiếp – ông hãy nghĩ đến việc cử một người nào đấy làm đại diện, vì ông có nhiều việc phải làm: phải đặt xe tang! Vì ông không muốn người ta chôn bạn ông như một kẻ ăn mày.

– Nào, nào, ông thân mến! – Mụ Sauvage nói, tranh thủ lúc Schmucke ngả đầu xuống lưng ghế bành.

Mụ ấn vào miệng Schmucke một thìa cháo, và hầu như bắt ép lão ăn như cho trẻ con ăn.

– Bây giờ, nếu ông khôn ngoan ra, thưa ông, vì ông muốn lặng lẽ hiển mình cho đau khổ, thì ông phải tìm người đại diện cho ông...

– Vì ông đây, – Gã môi giới nói – có ý định xây một phần mộ nguy nga để tưởng nhớ bạn, nên ông ấy chỉ cần ủy thác cho tôi lo liệu tất cả, tôi sẽ làm...

– Thế là cái gì? Thế là cái gì? – Mụ Sauvage nói – Ông ấy đã đặt bác làm cái gì rồi phải không? Thế bác là ai?

– Là một trong những người môi giới của hãng Sonet, bà thân mến ạ, những người nhận thầu hùng mạnh nhất xây các công trình lăng mộ... – Gã vừa nói vừa rút ra một tấm thiệp và đưa cho mụ Sauvage lục lưỡng xem.

– Hừ! Được rồi! Được rồi!... Người ta sẽ đến hãng các bác khi nào người ta thấy thích hợp; nhưng không được lợi dụng tình trạng của ông đây. Bác thấy rõ là ông ấy không có để tâm để óc gì đâu...

– Nếu bà muốn thu xếp để đặt hàng cho chúng tôi, – Gã môi giới vừa nói vào tai mục Sauvage, vừa đưa mục đến chỗ đầu cầu thang – thì tôi được phép biểu bà bốn mươi phơ-răng...

– Thôi được! Đưa tôi địa chỉ của bác đi. – Mục Sauvage nói xởi lởi.

Schmucke – thấy chỉ có một mình và thấy dễ chịu hơn do đã ăn cháo cùng với bánh – quay ngay lại căn phòng của Pons và bắt đầu cầu nguyện. Lão đang đắm chìm trong những vực thăm đau đớn, thì lão được một chàng trẻ tuổi mặc quần áo đen lôi lão ra khỏi tình trạng ngây dại, anh chàng nói với lão đến lần thứ mười một: “Thưa ông...”, lão tội nghiệp đang đau đớn lại càng nghe thấy rõ hơn vì cảm thấy tay áo bị giật giật.

– *Lại còn xì nữa thế?*

– Thưa ông, bác sĩ Gannal có một phát kiến tuyệt vời cho chúng ta; chúng ta không tranh cãi về vinh quang của ông ấy, ông ấy đã lập lại những kỳ công của Ai Cập, nhưng còn có những cải tiến, và chúng ta có được những kết quả đáng kinh ngạc. Vì thế, nếu ông muốn gặp lại bạn ông như khi ông ấy còn sống...

– *Khấp lại ung áy!... – Schmucke kêu lên – Thế ung áy có nói chuyện fôi tui tước khùng?*

– Tuyệt nhiên là không!... Ông ấy chỉ còn thiếu có lời nói nữa thôi – Gã môi giới ướp xác nói – Nhưng ông ấy sẽ vĩnh viễn vẫn còn, như việc ướp xác sẽ cho ông thấy điều đó. Thao tác đòi hỏi rất ít thời gian. Một đường rạch ở động mạch cổ và tiêm là đủ; nhưng gấp rút lắm rồi!... Nếu ông còn chờ thêm mười lăm phút nữa thì ông sẽ không còn có được niềm toại nguyện êm dịu là đã giữ được thi thể...

– *Cút ngay ti fôi quỷ sứ!... Bons là mọt linh hồn!... Fà linh hồn áy là ử trên trời.*

– Con người này chẳng có chút biết ơn nào. – Gã môi giới trẻ tuổi của một trong những đối thủ của Gannal danh tiếng nói trong khi đi qua dưới cổng xe – Lão từ chối thuê ướp xác bạn!

– Biết làm thế nào, thưa ông. – Mụ Cibot nói, mụ vừa mới thuê ướp xác chồng – Đây là một người thừa kế, một người nhận di tặng. Một khi công việc của ông ấy đã xong xuôi, thì người chết chẳng còn là gì nữa đối với họ.

Một giờ sau, Schmucke thấy mụ Sauvage đi vào phòng, theo sau có một người mặc đồ đen và có vẻ là một người thợ.

– Thưa ông, – Mụ nói – anh Cantinet có nhã ý cử anh này đến cho ông, anh ấy là người cung ứng áo quan ở trong xứ đạo.

Người cung ứng quan tài cúi chào với vẻ thương cảm và chia buồn, nhưng với tư cách là người chắc chắn về công việc của mình và biết mình là cần thiết, anh ta nhìn người chết như một người thông thạo.

– Ông muốn nó như thế nào? Bằng gỗ thông, bằng gỗ sồi đơn giản hoặc bằng gỗ sồi có lót chì? Gỗ sồi có lót chì là thứ nghiêm chỉnh hơn cả. Thi thể, – Y nói – có tầm vóc bình thường...

Y rời hai bàn chân để ước lượng thân hình.

– Một mét bảy mươi! – Y nói thêm – Chắc là ông định làm lễ tang ở nhà thờ phải không?

Schmucke nhìn gã ấy như những người điên nhìn trước khi đánh một đòn ác.

– Thưa ông, – Mụ Sauvage nói – ông phải tìm một người để chăm lo đến tất cả những chi tiết ấy cho ông.

– *Fâng...* – Cuối cùng, nạn nhân nói.

– Ông có muốn tôi đi tìm ông Tabareau cho ông không, vì ông sắp có rất nhiều công việc đổ lên vai? Ông Tabareau, ông thấy không, là người tử tế nhất ở trong phường.

– *Fâng, ung Dapareau! Tui tã nghe nói tén ung ấy...* – Schmucke chịu thua trả lời.

– Này! Ông sắp được yên tĩnh và tự do hiến mình cho đau khổ sau khi có cuộc hội ý với người được ủy quyền.

Vào khoảng hai giờ, người thư ký thứ nhất của ông Tabareau, anh chàng dự định vào nghề mỏ tòi, ra mắt một cách khiêm tốn. Tuổi trẻ có những đặc quyền kỳ lạ, nó không làm người ta khiếp sợ. Anh chàng ấy tên là Villemot, ngồi bên cạnh Schmucke và chờ lúc để nói với lão. Sự giữ gìn ý tứ ấy làm cho Schmucke rất cảm động.

– Thưa ông, – Anh ta nói với lão – tôi là thư ký thứ nhất của ông Tabareau. Ông Tabareau đã giao phó cho tôi nhiệm vụ chăm sóc những lợi ích của ông ở đây và đảm nhận mọi chi tiết trong việc chôn cất ông bạn của ông... Ông có ý định như vậy không?

– *Anh khung cửi sống tước tui, fì tui khung còn sống lâu nữa, nhưng anh tể cho tui tước yên chứ?*

– Ô, ông sẽ không bị quấy rầy đâu. – Villemot đáp.

– *Này, cần phải làm xì cho fìệc tó?*

– Ông hãy ký vào tờ giấy này, trong đó ông cử ông Tabareau làm người được ủy nhiệm của ông, có liên quan đến tất cả các công việc của sự thừa kế.

– *Tước! Tủa tây!* – Lão người Đức vừa nói vừa muốn ký ngay lập tức.

– Không, tôi phải đọc cho ông nghe tờ giấy đã.

– *Tọc ti!*

Schmucke chẳng quan tâm chút nào đến việc đọc tờ giấy ủy quyền toàn bộ ấy, lão ký luôn. Chàng trai nhận lệnh của Schmucke về xe tang, về việc mua mảnh đất nơi lão người Đức muốn có nấm mồ của mình, về việc làm lễ ở nhà thờ, và nói với lão rằng anh ta không cảm thấy có chút bối rối nào nữa, cũng không có đòi hỏi gì về tiền bạc.

– *Tế tục yên tĩnh, tui sẽ tánh tối tất cả những xì tui có.* – Kẽ bất hạnh nói và lại quỳ xuống trước xác bạn.

Fraisier thắng lợi, người nhận di tặng không thể có một hành động nào vượt ra khỏi cái vòng mà y đã khép kín bằng mộ Sauvage và Villemot.

Không có nỗi đau đớn nào mà giấc ngủ không chế ngự được. Bởi thế, vào lúc cuối ngày, mộ Sauvage thấy Schmucke nằm dài dưới chân giường, nơi để xác Pons, và ngủ; mộ đưa lão đi, đặt lão nằm, sắp xếp cho lão ở trên giường như mộ làm cho con mộ, và lão người Đức ngủ tại đấy cho đến ngày hôm sau. Khi Schmucke tỉnh dậy, tức là khi – sau sự tạm nghỉ ấy – lão lại trở lại cảm giác đau đớn, thì xác Pons đã được đặt dưới cổng xe, được quấn với những đèn nến thấp cho các đám tang hạng ba; lão không tìm thấy bạn trong căn hộ lão thấy như rộng mênh mông, và chỉ thấy những kỷ niệm thê thảm. Mộ Sauvage là người cai quản Schmucke với uy quyền của vú nuôi đối với một chú bé con, ép lão phải ăn lót dạ trước lúc đi đến nhà thờ. Trong khi nạn nhân đáng thương kia cố mà nuốt thì mộ Sauvage nhắc lão – với những lời than vãn xứng đáng với Jérémie – rằng lão không có y phục màu đen. Tủ quần áo của Schmucke, được mộ Cibot gìn giữ, đã đi tới tình trạng – cũng như bữa ăn tối trước khi Pons ốm – tồi tệ nhất, chỉ còn hai chiếc quần dài và hai chiếc áo rođanhgốt!

– Ông sẽ ăn mặc như bình thường trong đám tang của ông chủ à? Đó là một điều quái gở sẽ làm cho ông bị cả phường phỉ nhổ!...

– *Thế pà mún tui tén tấy như thế nào?*

– Trong tang phục!...

– *Tang phục à?*

– Lễ nghi...

– *Lễ nghi ư? Tui cóc cần tất cả những trò phô ngĩa lý ấy.* – Con người tội nghiệp nói, đã đến mức tội cùng phần nộ, mà nỗi đau có thể đẩy tới một tâm hồn trẻ thơ.

– Nhưng như thế thì thật vô ơn quý quái. – Mụ Sauvage vừa nói vừa quay lại một ông mới xuất hiện đột ngột trong phòng và làm cho Schmucke phải run lên.

Viên chức ấy, ăn mặc sang trọng bằng dạ đen, quần cộc đen, bít tất lùa đen, cổ tay áo trắng, trang sức bằng một sợi dây bạc có đeo huân chương, thắt một chiếc cavát bằng mútxolin trắng rất chỉnh tề, đi găng tay trắng. Viên chức ấy – rập theo cùng một khuôn để đến với những nỗi đau đớn của mọi người – cầm ở tay một chiếc gậy gỗ mun, biểu hiện của chức trách, và cặp dưới cánh tay trái một cái mũ vành ba múi có phù hiệu tam tài.

– Tôi là người chủ lễ. – Nhân vật ấy nói với giọng dịu dàng.

Quen với chức năng hàng ngày điều khiển các xe đèn đám ma và đi qua tất cả các gia đình chìm trong cùng một nỗi sầu não – thực hoặc giả – con người ấy, cũng như mọi bạn đồng sự, nói khẽ và dịu dàng; ông ta chỉnh tề, lễ độ, phải phép, như một pho tượng biểu hiện tinh anh của thần chết. Lời tuyên bố kia làm cho Schmucke run lên bắn bật tựa như lão nhìn thấy đao phủ vậy.

– Ông là con, là anh em, hay là cha của người quá cố? – Viên chức hỏi.

– *Tui là tất cả những người ấy và hơn nữa... Tui là pạn ung ấy...*

– Schmucke nói và nước mắt chảy ròng ròng.

– Ông có phải là người thừa kế không? – Người chủ lễ hỏi.

– *Người thừa kế...* – Schmucke nhắc lại – *Tui chẳng quan tâm đến mọi thứ ở trên đời.*

Và Schmucke lại trở về với thái độ đau đớn ỉ ề.

– Họ hàng, bè bạn đâu cả rồi? – Người chủ lễ hỏi.

– *Tất cả họ tấy,* – Schmucke vừa kêu lên vừa chỉ vào những bức tranh và những đồ cổ – *chưa pao xờ những thứ ấy làm cho Bons tốt bụng của tui tau lòng!... Tấy là tất cả những cái ung ấy yêu quý cùng fôi tui.*

– Ông ấy điên, ông ạ. – Mụ Sauvage nói với người chủ lễ – Đi đi, nghe ông ấy làm gì.

Schmucke ngồi xuống và lại có thái độ ngơ ngẩn ngẩn, tay lau nước mắt như cái máy. Lúc ấy, Villemot, người thư ký thứ nhất của ông Tabareau xuất hiện, và ông chủ lễ nhận ra người đã đến đặt thuê xe tang, bảo anh ta:

– Này! Anh ơi, đã đến giờ đi rồi... xe đã đến; nhưng tôi thấy ít đám ma nào giống đám ma này. Họ hàng, bè bạn đâu hết cả?...

– Chúng ta không có nhiều thì giờ. – Villemot nói tiếp – Ông đây đã đau đớn đến nỗi không còn nghĩ đến điều gì nữa; nhưng chỉ có một người bà con...

Người chủ lễ nhìn Schmucke với vẻ thương hại, vì con người đã quen gặp những cảnh đau đớn này phân biệt được rành rọt cái thực và cái giả, và ông ta lại gần Schmucke.

– Nào, ông thân mến ơi, hãy can đảm lên!... Hãy nghĩ đến làm vẻ vang cho hương hồn bạn ông.

– Chúng tôi đã quên không gửi các giấy báo, nhưng tôi đã cẩn thận báo tin cấp tốc cho ông chánh án De Marville, người bà con duy nhất tôi đã nói chuyện với ông... Không có bè bạn... Tôi không tin rằng những người ở nhà hát – nơi người quá cố chỉ huy dàn nhạc – sẽ đến... Nhưng hình như ông đây là người nhận thừa kế toàn hưởng.

– Thế thì ông ấy phải dẫn đầu đám tang. – Người chủ lễ nói – Ông không có quần áo đen à? – Người chủ lễ hỏi khi nhìn thấy bộ y phục của Schmucke.

– *Tui toàn tổ ten ở trong lòng... – Lão người Đức đáng thương nói với giọng náo nê – fà toàn tổ ten tới mức tui cảm thấy cái chết tang ở ngay trong tui... Chúa sẽ pan ân sủng cho tui là hợp nhất tui với pan tui ở trong mồ, tui cảm ơn Ngài fê tiểu tố!...*

Và lão chấp hai bàn tay lại.

– Tôi đã nói việc này với ban quản lý của chúng tôi, họ đã đưa vào nhiều cải tiến, – Người chủ lễ nói tiếp với Villemot – chắc họ phải có một tủ quần áo và cho thuê những quần áo của người thừa kế... Đây là điều ngày càng trở nên cần thiết... Nhưng vì ông đây thừa kế, nên ông phải mặc áo khoác để tang, và chiếc áo tôi mang theo sẽ che phủ toàn bộ, đến nỗi sẽ chẳng ai nhận thấy sự không phải phép của bộ quần áo ông mặc.

– Ông có vui lòng đứng dậy không? – Ông ta nói với Schmucke.

Schmucke đứng lên, nhưng lão đảo trên đôi chân.

– Đỡ lấy ông ấy, – Người chủ lễ bảo cậu thư ký thứ nhất – vì anh là người được ủy quyền của ông ấy.

Villemot luôn tay dưới nách đỡ Schmucke đứng dậy, và bấy giờ người chủ lễ vớ lấy chiếc áo khoác đen lụng thụng và khủng khiếp vẫn mặc cho người thừa kế để đi theo xe tang từ nhà có tang đến nhà thờ, và choàng lên người lão bằng cách buộc những sợi dây lụa đen ở dưới cằm.

Và Schmucke được *trang trí* thành người thừa kế.

– Bây giờ có một khó khăn lớn cho chúng ta. – Người chủ lễ nói – Chúng ta có bốn quả tua của khăn phủ quan tài đang cần đủ người. Nếu chẳng có ai thì người nào sẽ cầm đây? Đã mười giờ rồi, – Ông ta vừa nói vừa xem đồng hồ – họ đang chờ chúng ta ở nhà thờ.

– A! Fraasier kia rồi! – Villemot kêu lên một cách hết sức đại dột.

Nhưng không ai nghe thấy được lời thú nhận tòng phạm ấy.

– Ông ấy là ai thế? – Người chủ lễ hỏi.

–Ồ! Đây là gia đình.

– Gia đình nào?

– Gia đình bị tước quyền thừa kế. Đây là người được ủy quyền của ông chánh án Camusot.

– Được! – Người chủ lễ nói với vẻ hài lòng – Chúng ta ít nhất cũng có được hai người cầm quả tua, một do anh, và một nữa do ông ấy.

Ông chủ lễ, sung sướng vì đã có hai quả tua có người cầm, đi lấy hai đôi găng tay đẹp bằng da hươu màu trắng và lần lượt đưa cho Fraasier và Villemot với vẻ lễ phép.

– Các ông này sẽ vui lòng giữ mỗi người một góc khăn phủ quan tài!... – Ông ta nói.

Fraasier, toàn quần áo đen, mặc một cách kiêu kỳ, cavat trắng, vẻ trịnh trọng, khiến cho người ta phải rùng mình, y nắm một trăm bản hồ sơ tổ tụng.

– Sẵn sàng, thưa ông. – Y nói.

– Chỉ cần thêm hai người nữa, – Ông chủ lễ nói – thì bốn quả tua sẽ có người cầm cả.

Lúc ấy, gã môi giới không mệt mỏi của hãng Sonet đến, theo sau là con người duy nhất nhớ đến Pons, nghĩ đến việc dự tang lễ Pons. Anh ta là người làm công của nhà hát, có nhiệm vụ đặt những bản nhạc lên trên giá ở dàn nhạc, được Pons tặng mỗi tháng một đồng năm phơ-răng, vì biết anh ta có vợ con.

– *A! Dobinard (Topinard)...* – Schmucke kêu lên khi nhận ra chàng trai – *Anh, anh yêu mến Bons.*

– Thưa ông, tôi vẫn đến đây hằng ngày, vào buổi sáng, để biết những tin tức về ông ấy...

– *Hằng ngày à! Dobinard tội nghiệp!...* – Schmucke vừa nói vừa xiết chặt bàn tay cạo thanh niên làm thuê ở nhà hát.

– Nhưng chắc người ta tưởng tôi là một người bà con, nên người ta tiếp tôi rất tốt! Tôi đã nói rằng tôi là một người của nhà hát và

tôi đến để biết tin về ông Pons, nhưng vô ích, người ta bảo tôi rằng người ta còn lạ gì cái trò đời ấy. Tôi xin vào thăm người bệnh tội nghiệp thân mến kia; nhưng người ta không bao giờ để cho tôi lên.

– *Mụ Zibod ô nhục!*... – Schmucke vừa nói vừa áp chặt lên ngực bàn tay chai cứng của anh chàng làm thuê ở nhà hát.

– Đây là ông chúa của mọi người, ông Pons trung hậu ấy. Tháng nào cũng thế, ông ấy cho tôi một trăm xu... Ông ấy biết là tôi đã có ba con và một vợ. Vợ tôi làm ở nhà thờ.

– *Tui sẽ chia sẻ miếng ăn với anh!*... – Schmucke kêu lên, vui sướng vì có bên mình một người yêu mến Pons.

– Anh có muốn cầm một quả tua của khăn phủ quan tài không? – Ông chủ lễ hỏi – Thế là chúng ta sẽ có bốn người.

Ông chủ lễ dễ dàng thuyết phục gã môi giới của hãng Sonet cầm một quả tua, nhất là chỉ cho gã đôi găng tay đẹp mà theo tục lệ, sẽ phải thuộc về gã.

– Đã mười một giờ kém mười lăm phút rồi!... Nhất định phải xuống thôi... Nhà thờ đang chờ... – Ông chủ lễ nói.

Và sáu con người ấy ra đi qua những cầu thang.

– Đóng chặt cửa phòng lại và ở trong ấy, – Gã Fraisiér hung ác nói với hai người đàn bà đang đứng ở chỗ đầu cầu thang – nhất là nếu chị muốn làm người giữ nhà, chị Cantinet ạ. A! A! Bốn mươi xu một ngày cơ đấy!...

Do một sự tình cờ không có gì là khác thường ở Paris, có hai cái nhà táng ở dưới cổng xe và tất nhiên là có hai đám tang, đám tang của Cibot – người gác cổng mới qua đời và đám tang của Pons. Chẳng ai đến để bày tỏ chút lòng triu mến đối với cái nhà táng rục rở của người bạn của nghệ thuật, và tất cả những người gác cổng ở xung quang đổ dồn đến, dùng que rảy nước thánh rảy nước vào di hài của người gác cổng. Sự tương phản giữa đám đông

kéo đến đám tang của Cibot và cảnh cô quạnh của Pons xảy ra không chỉ ở trước cửa nhà, mà còn ở trong phố là nơi chiếc quan tài của Pons chỉ có Schmucke đi theo – Schmucke được một nhân viên phường đôn đỡ, vì lão thừa kế cứ mỗi bước đi lại ngã dúm xuống. Từ phố Normandie đến phố Orléans là nơi có nhà thờ Saint-François, hai đám tang đi giữa hai hàng người tò mò – vì, như ta đã nói, chuyện gì cũng khiến mọi người chú ý trong cái phường này. Thế là người ta nhận thấy vẻ huy hoàng của chiếc xe tang trắng, trên đó treo một cái phù hiệu thêu một chữ P lớn, và chỉ duy có một người đi theo sau; trong lúc chiếc xe tang giảm dộ, chiếc xe tang hạng bát, thì lại có một đám đông vô tận đi theo. May mắn cho Schmucke – cứ ngỡ ra vì những người đứng ở cửa sổ và vì cái hàng rào những kẻ đứng xem – không nghe thấy gì, và chỉ trông thấy mọi người tụ tập qua đôi mắt lệ nhòa.

– À, đấy là Cái – kẹp – quả – phỉ, – Một người nói – lão nhạc công, ông biết chứ?

– Những ai là người giữ dây đấy?

– Úi chà! Những diễn viên ấy mà!

– Này, đám tang của bố Cibot tội nghiệp kia kìa! Thế là lại thiếu đi mất một người lao động! Một người làm quần quật!

– Ông ta không bao giờ bước ra đến ngoài cả!

– Không bao giờ ông ta nghỉ lấy một ngày trong tuần.

– Ông ta yêu vợ xiết bao!

– Khổ cho bà ấy!

Rémonencq – đi sau xe tang nạn nhân của gã và nhận những lời thăm hỏi chia buồn về cái chết của người hàng xóm gã.

Hai đám tang ấy đi tới nhà thờ, tại đấy Cantinet đã thỏa thuận với người trông coi nhà thờ, không để một người hành khất nào được tiếp xúc với Schmucke. Villemot đã hứa với người thừa kế là

ông sẽ được yên ổn, và anh ta đáp ứng mọi khoản chi tiêu khi chăm lo cho khách hàng của anh ta. Chiếc xe tang khiêm tốn của Cibot, có từ sáu mươi đến tám mươi người đi theo và theo đến tận nghĩa trang. Ở nhà thờ ra, đám tang của Pons có bốn xe tang, một cho ông giáo sĩ, ba xe khác cho những người bà con, nhưng chỉ có một cái là cần thiết, vì gã môi giới của hãng Sonet đã đi – trong khi làm lễ – báo cho ông Sonet lúc đám tang lên đường để ông ta có thể đưa bản vẽ và bản dự toán xây phần mộ cho người thừa kế toàn hưởng khi ở nghĩa trang đi ra. Fraasier, Villemot, Schmucke và Topinard ngồi chung một xe. Hai xe khác đáng lẽ trở về hãng, thì lại đi xe không đến Père-Lachaise. Chuyến đi vô ích của những chiếc xe không người ngồi vẫn thường xảy ra. Khi những người chết không có tiếng tăm gì, không có đông họ hàng người quen, thì bao giờ cũng thừa xe. Những người chết phải rất được yêu mến trong lúc sống để cho ở Paris – nơi ai cũng muốn có thêm một giờ thứ hai mươi nhăm trong mỗi ngày – người ta đi đưa một người bà con hoặc người bạn đến tận nghĩa trang. Nhưng những người đánh xe ngựa sẽ mất tiền thưởng nếu họ không làm công việc của họ. Bởi vậy, có người ngồi hay không có người ngồi, thì các xe cũng cứ đến nhà thờ, nghĩa địa và trở lại nhà có tang – nơi những người đánh xe xin tiền thưởng. Người ta không tưởng tượng được số người ăn bám vào cái chết nhiều như thế nào. Giới tăng lữ cấp thấp ở nhà thờ, những người nghèo khổ, những nhân viên phường đồn, những người đánh xe, những phu đào huyệt, những chất xối ấy nhúng vào một xe tang khi rút ra thì phồng lên. Từ nhà thờ – nơi lão thừa kế trên đường đi ra bị một đám người nghèo khổ tấn công, nhưng người trông coi nhà thờ đã dẹp đi ngay – cho đến Père-Lachaise, lão Schmucke đáng thương đi như những tội phạm đi từ tòa án đến quảng trường Grève. Lão đi như đi đám tang của chính mình, nắm trong tay bàn tay của Topinard, người duy nhất mang trong tim niềm tiếc thương thật sự cái chết của Pons. Topinard, hết sức cảm động vì niềm vinh dự được người ta giao cho một trong mấy góc của khăn phủ quan tài, và hài lòng được đi bằng xe ngựa, được có đôi gang tay, bắt đầu hé thấy, trong đám tang của Pons một trong những ngày trọng đại của cuộc

đòi anh ta. Cõi lòng đau đớn, được sự tiếp xúc với cái bàn tay đầy thương cảm ấy nâng đỡ, Schmucke để mặc cho bánh xe lăn đưa đi hết như những con bê bất hạnh bị xe đến lò mổ. Ở phía trước xe là Fraiser và Villemot. Thế mà, những kẻ có nỗi bất hạnh phải đưa nhiều người thân thiết đến nơi yên nghỉ, biết rằng mọi sự đạo đức giả đều chấm dứt trên xe trong suốt quãng đường – thường rất dài, từ nhà thờ đến nghĩa địa ở phía Đông – một trong những nghĩa địa ở Paris, nơi hên hò gặp gỡ tất cả những phù hoa, tất cả những sự xa hoa và có rất nhiều lãng mộ lộng lẫy. Những kẻ thờ ơ bắt đầu nói chuyện, và những người buồn bã nhất cuối cùng lắng nghe họ nói và nguôi ngoai.

– Ông chánh án đã đi dự phiên tòa, – Fraiser bảo Villemot – và tôi thấy không cần thiết phải đi lời ông ấy ra khỏi công việc ở Tòa án, ông ấy bao giờ cũng đến quá muộn. Vì ông ấy là người thừa kế tự nhiên và hợp pháp, nhưng ông ấy bị truất quyền thừa kế để chuyển sang cho ông Schmucke, nên tôi nghĩ rằng có người được ủy quyền của ông ấy ở đây là đủ...

Topinard lắng tai nghe.

– Anh chàng kỳ cục nào cầm quả tua thứ tư thế? – Fraiser hỏi Villemot.

– Đây là gã môi giới của *hãng thầu xây phần mộ*, hẳn ta muốn được đặt làm một nấm mộ trong đó hẳn ta dự định tạc bằng đá hoa ba nữ thân Âm nhạc, Hội họa và Điêu khắc tuôn nước mắt khóc người quá cố.

– Một ý hay đấy. – Fraiser nói tiếp – Ông già rất xứng đáng được như thế; nhưng công trình ấy phải tốn đến bảy, tám nghìn phơ-răng.

–Ồ! Đúng thế!

– Nếu ông Schmucke đặt làm, thì việc ấy không thể dính dáng đến di sản được, vì người ta có thể ngốn một di sản vào những phí tổn như thế...

– Đấy sẽ là một vụ kiện, nhưng ta có thể sẽ thắng kiện...

– Hừ, – Fraiser nói tiếp – vậy việc đó sẽ là việc của ông ta! Thật là một trò hề để cợt bỡn nhà thầu ấy... – Fraiser nói vào tai Villemot – vì nếu bản di chúc bị hủy, điều này tôi bảo đảm... hoặc nếu không có di chúc, thì ai sẽ là người trả tiền họ?

Villemot cười nhả nhổ. Gã thư ký thứ nhất của Tabareau và gã làm nghề luật bấy giờ nói thắm vào tai nhau; nhưng bất chấp việc xe đi lắc lư và tất cả mọi điều trắc trở, chàng trai làm thuê ở nhà hát – quen phỏng đoán tất cả trong thế giới hậu trường – liền đoán rằng hai con người của công lý kia đang trù tính để dìm lão người Đức đáng thương vào những rắc rối, rối cuộc, anh ta nghe thấy một từ có ý nghĩa: Clichy¹! Từ lúc ấy, người phục vụ lương thiện và đáng kính của thế giới nhà hát quyết định chú ý chăm sóc người bạn của Pons.

Ở nghĩa địa – nơi mà nhờ những sự chăm lo của gã môi giới hăng Sonet, Villemot đã mua được ba mét đất của Thành phố và thông báo ý định xây dựng ở đấy một phần mộ trắng lè – Schmucke được ông chủ lễ dẫn đường, đi qua một đám đông những kẻ hiếu kỳ, đến cái huyệt mà người ta sẽ đặt Pons xuống. Nhưng khi trông thấy cái lỗ vuông bên trên có bốn người nắm những sợi dây đỡ quan tài Pons trên đó và ông giáo sĩ đang đọc lời cầu nguyện cuối cùng, lão người Đức chợt cảm thấy tim thất lại, đến nổi ngất đi. Topinard, được gã môi giới hăng Sonet giúp sức, đưa lão người Đức đáng thương về xưởng đá hoa, tại đấy Schmucke được bà Sonet và chị Vitelot – vợ người hội viên hùn vốn của ông Sonet – dành cho những sự săn sóc ân cần nhất, hào hiệp nhất. Topinard ở lại đấy, vì anh thấy Fraiser – với bộ mặt có vẻ đáng treo cổ nói chuyện với gã môi giới của hăng Sonet.

Sau một tiếng đồng hồ, vào khoảng hai giờ rưỡi, lão người Đức ngáy thò tọt nghiệp tỉnh lại. Schmucke tưởng rằng đã nằm mơ từ hai

1. Nhà giam những người bị tù vì nợ.

ngày nay. Lão nghĩ rằng lão sẽ thức dậy và thấy Pons còn sống. Lão có biết bao nhiêu là khăn mặt đắp nước đắp lên trán, người ta cho lão hít thở biết bao nhiêu muối và dấm, đến mức lão mở mắt ra. Bà Sonet ép Schmucke uống một bát to nước canh thịt, vì người ta đã đặt nồi hầm ở nhà những người làm đá hoa.

– Chúng tôi không mấy khi phải tiếp đón những khách hàng xúc cảm mạnh mẽ đến thế; nhưng chuyện này cứ hai năm là lại vẫn xảy ra...

Sau cùng, Schmucke đòi trở về phố Normandie.

– Thưa ông, – Lúc ấy Sonet mới nói – đây là bản vẽ Vitelot đã chủ tâm làm cho ông, anh ta đã phải thức đêm đấy!... Nhưng anh ta đã rất có cảm hứng! Sẽ thật là đẹp...

– Đấy sẽ là một trong những cái đẹp nhất của Père-Lachaise đấy! – Bà Sonet bé nhỏ nói – Mà ông phải tôn vinh hương hồn một người bạn đã để lại cho ông toàn bộ tài sản...

Dự án ấy, bảo là được chủ tâm làm, vốn là đã được chuẩn bị cho ông De Marsay – ông bộ trưởng danh tiếng; nhưng bà vợ góa lại muốn giao công trình kia cho Stidmann; dự án của những nhà công nghiệp ấy thế là bị vứt bỏ, vì người ta ghê tởm những lăng mộ chẳng có giá trị gì. Ba hình tượng lúc đó biểu hiện những ngày tháng Bảy trong đó ông bộ trưởng vĩ đại bộc lộ tài năng mình. Từ đấy, với những sự sửa đổi, Sonet và Vitelot đã làm thành *ba niềm vinh quang* là Quân đội, Tài chính và Gia đình cho lăng mộ của Charles Keller, vẫn do Stidmann thực hiện. Từ mười một năm nay, dự án ấy được cải biên cho thích ứng với mọi hoàn cảnh gia đình; nhưng trong khi đồ lại, Vitelot đã thay đổi ba hình tượng thành hình tượng những nữ thần Âm nhạc, Điêu khắc và Hội họa.

– Chẳng là gì nếu người ta nghĩ đến những chi tiết và những kết cấu; nhưng trong sáu tháng là chúng tôi sẽ đạt tới... – Vitelot nói – Thưa ông, đây là bản dự toán và đơn đặt hàng... Bảy nghìn phơ-răng, không kể tiền trả cho thợ dẻo phác.

– Nếu ông muốn làm bằng đá hoa – Sonet là người chuyên về đá hoa hơn nói – Thì sẽ là mười hai nghìn phơ-răng và ông sẽ lưu danh muôn thuở cùng với ông bạn của ông...

– Tôi mới được biết là bản di chúc sẽ bị công kích – Topinard nói vào tai Vitelot – và những người thừa kế sẽ thu hồi tài sản thừa kế của họ; anh hãy đến gặp ông chánh án Camusot, vì con người ngây thơ đáng thương này không có lấy một xu...

– Anh luôn luôn đưa đến cho chúng tôi những khách hàng như thế đấy! – Chị Vitelot nói với gã môi giới, mở đầu cho một cuộc cãi cọ.

Topinard đưa Schmucke đi bộ về phố Normandie, vì các xe tang đã đi về đấy.

– *Từng pỏ tui mà ti!*... – Schmucke nói với Topinard.

Topinard muốn bỏ đi sau khi giao tận tay lão nhạc công đáng thương cho mụ Sauvage.

– Đã bốn giờ rồi, ông Schmucke thân mến ạ, tôi phải đi ăn đây... Vợ tôi là người dẫn chỗ ở rạp, cô ấy có lẽ không hiểu có chuyện gì xảy ra với tôi. Ông biết đấy... nhà hát mở cửa lúc sáu giờ kém mười lăm phút.

– *Ừ, tui piết... nhưng anh hãy nghĩ rằng tui cô ton trong cuộc đời này, khung có mặt người pạn nào cả. Anh tã thương khóc Bons, anh hãy soi sáng cho tui ti, tui tang ở trong mặt tèm tối mặt mù, fà Bons tã nói fới tui rằng tui phải chịu tụng lữ fô lại...*

– Tôi đã thấy rõ điều đó, tôi vừa mới ngăn ông đi ngủ ở Clichy đấy!

– *Gligy à?*... – Schmucke kêu lên – *Tui khung hiểu...*

– Tội nghiệp ông! Đây ông cứ yên tâm nhé, tôi sẽ đến thăm ông. Chào ông.

– *Chào! Sớm khập lại!* – Schmucke vừa nói vừa ngã xuống gần như chết vì mệt.

– Chào ông, thưa ông. – Mụ Sauvage nói với Topinard với vẻ làm cho người làm thuê ở rạp phải chú ý.

– Ô, bà làm sao thế, bà giúp việc?... – Anh thanh niên làm công ở nhà hát nói với giọng giễu cợt – Bà đứng đấy cứ như một tên phản bội trong kịch tuồng ấy.

– Chính anh là đồ phản bội thì có! Anh xen vào đây làm gì? Không phải là anh đang muốn giúp việc cho ông chủ và để moi tiền ông ấy đấy chứ?

– Moi tiền ông ấy à?... Đồ con ỏ!... – Topinard nói tiếp một cách ngạo nghễ – Tôi chỉ là một anh làm công khốn khổ ở nhà hát, nhưng tôi thiết tha với các nghệ sĩ, và bà cần phải biết rằng tôi chưa bao giờ xin ai cái gì! Đã ai xin bà cái gì chưa? Ai nợ nần gì bà?... Hử, mụ già?...

– Anh là người làm công ở nhà hát, và anh tên là? – Mụ đàn bà có tướng đàn ông hỏi.

– Topinard, bà ạ...

– Có nhiều chuyện ở nhà en đấy. – Mụ Sauvage nói – Gửi lời hỏi thăm bà xã nhà en, nếu en đã có vợ... Đây là tất cả những điều tôi muốn biết.

– Có chuyện gì thế, bà thân mến?... – Chị Cantinet chột đi tới, hỏi.

– Có chuyện... là bà em hãy cứ ở lại đây trông coi bữa ăn tối, ta sẽ đi quà một cái đến tận nhà ông...

– Ông ấy ở dưới nhà, đang nói chuyện với bà Cibot tội nghiệp khóc hết nước mắt. – Chị Cantinet trả lời.

Mụ Sauvage lao xuống các cầu thang, nhanh đến nỗi các cầu thang rung lên dưới chân mụ.

– Thưa ông... – Mụ vừa nói với Fraisier, vừa kéo y về phía mụ, cách xa mụ Cibot mấy bước.

Và mục tử Topinard lúc anh làm công ở nhà hát đi qua, tự hào vì đã trả được món nợ cho ân nhân của mình bằng cách ngăn ông bạn của Pons khỏi sa vào một cạm bẫy, nhờ một mưu kế do các hậu trường gợi ý cho, nơi mọi người nhiều hoặc ít đều có óc khôi hài. Cho nên, người làm công ở nhà hát tự hứa sẽ che chở cho lão nhạc công trong ban nhạc của mình chống lại những cạm bẫy người ta giương lên để rình lòng thành thực của ông ấy.

– Ông thấy rõ thằng khốn nạn kia chưa?... Đây là một loại người trung thực muốn nhòm ngó vào công việc của ông Schmucke...

– Ai đấy? – Fraiser hỏi.

– Ô, một kẻ chẳng là gì hết...

– Không có cái chẳng là gì hết, trong công việc...

– Hừ, – Mục nói – đây là một thằng làm công ở nhà hát, tên là Topinard.

– Được, bà Sauvage ạ! Cứ tiếp tục như thế, thì bà sẽ có quầy bán lẻ thuốc lá đấy.

Và Fraiser lại trò chuyện tiếp với mục Cibot.

– Bà khách hàng thân mến ơi, tôi xin nói rằng bà không xử sự thẳng thắn với chúng tôi, và chúng tôi sẽ không phải ràng buộc gì hết đối với một người hợp tác mà lại lừa dối chúng tôi!

– Nhưng tôi lừa dối ông về chuyện gì mới được chứ?... – Mục Cibot hai tay chống nạnh nói – Ông tưởng rằng ông sẽ làm cho tôi run lên vì cái nhìn cay nghiệt và cái vẻ sượng giá của ông đấy chứ?... Ông tìm những lý do tồi tệ để vứt bỏ lời hứa thề mà tự cho là người tử tế. Ông có biết ông là gì không? Ông là một tên vô lại. Ừ, ừ, ông cứ gãi gãi cánh tay đi... Nhưng hãy nhận lấy cái tiếng ấy nhé!...

– Đừng nói nữa, đừng giận nữa, bà bạn ạ. – Fraisiert nói – Hãy nghe tôi! Bà đã có một nhậ làm giàu... Sáng nay, trong lúc sửa soạn xe tang, tôi đã tìm thấy danh mục này, viết thành hai bản, đều do chính tay ông Pons viết, và ngẫu nhiên tôi nhìn xuống đoạn này.

Và hắn đọc trong khi mở ra bản danh mục chép tay.

“Số 7. Bức chân dung lộng lẫy vẽ trên đá hoa, của Sébastien “del Piombo, năm 1546, do một gia đình đã sai lấy cấp của “nhà thờ Terni đem bán. Bức chân dung này, có bức đối xứng “là chân dung một ông giám mục, do một người Anh mua, “thể hiện một hiệp sĩ xứ Malte đang cầu nguyện và ở phía “trên nấm mộ của gia đình Rossi. Nếu không đề ngày tháng, “thì người ta có thể tưởng tác phẩm này là của Raphaël. Bức “này tôi thấy hình như đẹp hơn bức chân dung của Baccio “Bandinelli ở Viện Bảo tàng, là bức hơi thô, trong khi nhà “hiệp sĩ xứ Malte thì tươi tắn do sự bảo tồn màu vẽ trên LAVAGNA (đá đen)”.

– Khi nhìn vào vị trí số 7, – Fraisiert nói tiếp – tôi thấy một bức chân dung phụ nữ ký tên *Chardin*, không có số 7!... Trong khi ông chủ lễ kiểm cho đủ số người để giữ dây của khăn phủ quan tài, tôi đã kiểm lại các bức tranh, thấy có tám bức tranh thường, không ghi số, thay thế vào chỗ những tác phẩm đã được ông Pons mới chết xem là những tác phẩm chủ yếu, và những bức tranh ấy đã không còn nữa... Cuối cùng, còn thiếu một bức tranh nhỏ vẽ trên gỗ, của Metz, được ghi rõ là một kiệt tác.

– Tôi, tôi có phải là người trông coi tranh không? – Mụ Cibot nói.

– Không, nhưng bà là người tin cẩn, làm công việc nội trợ và các công việc của ông Pons, và nếu có sự ăn cắp...

– Ăn cắp ư? Ông ơi, ông nên biết rằng tranh đã được ông Schmucke bán theo lệnh của ông Pons để chi cấp cho những nhu cầu của ông ấy.

– Bán cho ai?

– Cho các ông Élie Magus và Rémonencq...

– Bao nhiêu?

– Tôi không nhớ!...

– Nghe này, bà Cibot thân mến ạ, bà đã cóp nhặt làm giàu, thật là béo bở!... – Fraasier nói tiếp – Tôi sẽ để mắt đến bà, tôi nắm gáy bà... Bà giúp tôi đi, rồi tôi sẽ im lặng! Trong mọi trường hợp, bà phải hiểu rằng bà không được trông mong gì về phía ông chánh án Camusot, vào lúc mà bà đã xem là thích hợp để tước đoạt của ông ấy.

– Ông Fraasier thân mến ơi, tôi biết rõ là việc ấy sẽ biến thành món xương dôi¹ đối với tôi thôi... Mụ Cibot trả lời, đã dụ bót do câu: “Tôi sẽ im lặng!”.

– Thì ra ông tìm cách gây sự với bà ấy, – Rémonencq nói khi vừa chột đi đến – điều đó không tốt đâu! Việc bán tranh đã có sự thuận tình của ông Pons, giữa cụ Magus và tôi, và chúng tôi đã phải mất ba ngày mới thỏa thuận được với người quá cố *đang mơ tưởng đến các bức tranh của ông ta!* Chúng tôi đã có những biên lai hợp lệ, và nếu chúng tôi có đưa mấy đồng bốn mươi phơ-răng cho bà này, như chuyện thường làm, thì bà ấy cũng chỉ có thứ chúng tôi vẫn đưa trong tất cả các gia đình trưởng giả khi chúng tôi thỏa thuận xong một việc mua bán. À, thưa ông thân mến, nếu ông tưởng đánh lừa được một người phụ nữ không được bảo vệ, thì ông không phải là thương gia tốt! Ông có hiểu thế không, hả ông hay kiếm chuyện? Cụ Magus là ông chủ của giới doanh thương, và nếu ông không đấu dụ với bà ấy, nếu ông không đưa cho bà ấy cái mà ông đã hứa với bà ấy, thì tôi sẽ chờ ông trong cuộc bán bộ sưu tập, thì ông sẽ thấy

1. Mụ Cibot đã bóp méo thành ngữ dân gian “nước rửa lòng” (để làm món dôi - *eau de boudin*) thành ra “món xương dôi” (*os de boudin*); thành ngữ trên sinh ra do sự làm biến tính “quăng dôi” (nguyên văn “*aune de boudin*”; *aune* là đơn vị đo chiều dài, bằng từ 1,18m đến 1,20m).

ông sẽ mất mát ra sao nếu ông bị cụ Magus và tôi chống lại – chúng tôi biết tập hợp và kích động những lái buôn đấy... Đáng lẽ được từ bảy đến tám trăm nghìn phơ-răng, thì ông sẽ không được đến hai trăm nghìn phơ-răng đâu!

– Được, được! Rồi xem! Chúng tôi sẽ không bán, – Fraiser nói – hoặc chúng tôi sẽ bán ở Luân Đôn.

– Chúng tôi biết Luân Đôn! – Rémonencq nói – Và cụ Magus ở đấy cũng có thể lực như ở Paris.

– Chào bà, thưa bà, tôi sẽ xem xét tỉ mỉ công việc của bà, – Fraiser nói – trừ phi bà luôn luôn nghe theo tôi. – Hẳn thêm.

– Đồ nhóc con bất lương!

– Hãy cẩn thận, – Fraiser nói – tôi sắp là thẩm phán hòa giải đấy!

Họ chia tay nhau sau những lời dọa nạt mà cả hai bên đều hiểu rõ là thế nào.

– Cảm ơn, ông Rémonencq ạ. – Mụ Cibot nói – Thật là may mắn cho một bà góa tội nghiệp khi tìm được một người bênh vực.

Buổi tối, lúc mười giờ, ở nhà hát, Gaudissart, đứng trước lò sưởi, làm bộ như Napoléon – điệu bộ mắc phải kể từ khi ông ta cầm đầu cả một thế giới những diễn viên, những vũ công, những người đóng vai phụ, những nhạc công, những thợ bày cảnh trí và từ khi ông ta thương lượng với các tác giả. Ông thường thường lách bàn tay phải vào áo gilê, nắm lấy chiếc dải đeo quần phía bên trái và ông để đầu hơi chéch trong khi mắt nhìn vào chỗ trống không.

– Chà, Topinard này, anh có lợi tức niên kim đấy chứ?

– Không, thưa ông.

– Anh đang tìm một chỗ tốt hơn chỗ của anh hiện nay đấy phải không? – Ông giám đốc hỏi.

– Không, thưa ông... – Người làm thuê trả lời mà mặt tái nhợt đi.

– Cái quái gì thế? Vợ anh là người dẫn khán giả vào chỗ ngồi ở hạng nhất... Tôi biết kính trọng ở chị ấy người tiền nhiệm bị truất của tôi... Tôi giao cho anh việc lau đèn ở hậu trường vào ban ngày; sau nữa, anh được lấy vào để giúp việc ở bản đàn bè. Chưa hết! Anh có tiền thù lao hai mươi xu để làm những quái vật và chỉ huy lũ quỷ sứ khi có những cảnh địa ngục. Đây là một vị trí mà tất cả những người làm thuê ở rạp hát đều thèm muốn, và anh bạn ạ, anh đã bị ghen ghét ở nhà hát là nơi anh có những kẻ thù.

– Kẻ thù ư!... Topinard nói.

– Và anh có ba con, mà đứa lớn nhất đóng những vai trẻ con, với tiền thù lao là năm mươi xu!...

– Thưa ông...

– Để tôi nói đã... – Gaudissart nói với một giọng như sét đánh – Ở vị trí ấy mà anh muốn bỏ nhà hát...

– Thưa ông...

– Anh muốn học đòi chạy việc, muốn thò ngón tay vào các di sản! Nhưng, hỡi kẻ khốn khổ, anh sẽ bị đè bẹp như một quả trứng! Tôi có người bảo trợ là Ngài bá tước Popinot, người có đầu óc và có một tính cách lớn, đã được nhà vua hiến mình vờ lại vào hội đồng của Người... Vị chính khách ấy, nhà chính trị cao đẳng ấy – tôi nói về bá tước Popinot – đã cưới cho con trai ông cô con gái ông chánh án Marville, một trong những người đáng kính nhất và được quý mến nhất trong cấp cao của ngành tư pháp, một trong những ngọn đuốc của triều đình, ở Pháp đình. Anh biết Pháp đình chứ? Này, ông chánh án là người thừa kế của ông anh họ Pons, nhạc trưởng cũ của chúng ta mà anh đi đưa tang sáng nay đây. Tôi không khiển trách anh về việc đã đi dự tang lễ con người tội nghiệp kia đâu... Nhưng anh sẽ không ở yên chỗ, nếu anh xen vào công việc của ông Schmucke đáng kính ấy, con người tôi mong cho được nhiều điều

hay, nhưng ông ta sẽ ở trong tình huống tế nhị với những người thừa kế của Pons... Và vì ông người Đức ấy là vô nghĩa đối với tôi, mà ông chánh án và ông bá tước Popinot lại là quan trọng đối với tôi, nên tôi khuyên anh để cho ông người Đức đáng kính ấy một mình tự xoay xở lấy. Có một đức Chúa trời đặc biệt cho người Đức, và anh sẽ rất phiền phức nếu đóng vai phó-Chúa! Anh thấy không, hãy vẫn cứ là một người làm thuê ở nhà hát... Anh không thể làm tốt hơn được đâu!

– Đủ rồi, thưa ông giám đốc. – Topinard ngao ngán nói.

Trông chờ gặp anh giúp việc ở nhà hát vào ngày hôm sau, người duy nhất có lẽ đã khóc Pons, Schmucke thế là đã mất đi người bảo hộ mà sự tình cờ đã đưa đến cho lão. Ngày hôm sau, lão người Đức đáng thương ngủ dậy cảm thấy mất mát vô hạn, khi thấy căn hộ trống không. Hôm qua và hôm kia, những sự kiện và những điều phiền nhiễu của cái chết đã gây ra xung quanh lão bao chuyện xáo động lôi cuốn cặp mắt lãnh khuây. Nhưng sự yên lặng tiếp theo cuộc ra đi của một người bạn, của một người cha, của một người con, của một người vợ yêu dấu, để xuống mô, cái im lặng lạnh lẽo và tẻ nhạt của ngày hôm sau thật là khủng khiếp, nó lạnh buốt. Bị một sức mạnh không thể cưỡng lại được kéo đến căn phòng của Pons, con người đáng thương không sao nhìn được cảnh tượng ấy, lão lùi lại, trở về ngồi trong phòng ăn là nơi thợ Sauvage dọn bữa ăn lót dạ. Schmucke ngồi xuống và không thể ăn được tí gì. Thành linh, một hồi chuông khá gấp vang lên, và ba cỗ người mặc đồ đen xuất hiện, được chị Cantinet và thợ Sauvage để mặc cho vào. Đấy trước hết là ông Vitel, thẩm phán hòa giải, và ông thư ký tòa án của ông ta. Người thứ ba là Fraasier, lạnh lùng hơn, khắc bạc hơn bao giờ hết, do phải chịu nỗi thất vọng về một bản di chúc thứ hai đúng luật lệ, làm vô hiệu hóa mất thứ vũ khí có uy lực đã được y đánh cắp một cách táo tợn xiết bao.

– Thưa ông, – Viên thẩm phán hòa giải dịu dàng nói với Schmucke – chúng tôi đến để niêm phong tại đây...

Schmucke, nghe như vịt nghe sấm, lo sợ nhìn ba người.

– Chúng tôi đến theo sự thỉnh cầu của ông Fraisiert là luật sư, người được ủy quyền của ông Camusot de Marville là người thừa kế của ông anh họ mới chết là ông Pons... – Viên thư ký tòa án thêm.

– Những vật sưu tập ở cả đằng kia, trong căn phòng trưng bày rộng, và trong phòng ngủ của người quá cố. – Fraisiert nói.

– Nào, đi qua bên ấy! Xin lỗi, thưa ông, ông ăn sáng đi, ông ăn đi. – Thảm phán hòa giải nói.

Sự xâm nhập của ba kẻ mặc đồ đen ấy khiến cho lão người Đức tội nghiệp ớn lạnh vì sợ.

– Thưa ông, – Fraisiert nói và hướng về Schmucke cái nhìn độc địa, thôi miên nạn nhân của nó như con nhện thôi miên con ruồi – ông là người đã biết sai lầm một di chúc có lợi cho ông trước mặt công chứng viên, thì ông cũng phải biết chờ một sự phản kháng nào đấy về phía gia đình. Một gia đình không để cho một người xa lạ tước đoạt mà không chống lại, và chúng ta sẽ thấy, ông ạ, ai sẽ thắng, sự gian lận, sự mua chuộc, hoặc gia đình!... Chúng tôi có quyền, như những người thừa kế, đòi niêm phong, và sẽ tiến hành niêm phong, và tôi muốn theo dõi để việc niêm phong bảo quản ấy được tiến hành hết sức nghiêm ngặt, và nó sẽ được tiến hành như vậy.

– *Chúa ơi! Chúa ơi! Tui tã làm gì ở trên trời hả?* – Lão Schmucke ngây thơ nói.

– Người ta khéo chuyện rất nhiều về ông ở trong nhà. – Mụ Sauvage nói – Trong khi ông đang ngủ, có một anh thanh niên bé nhỏ, mặc toàn đồ đen, một anh chàng khờ khạo, thư ký thứ nhất của ông Hannequin, anh ta cứ nhất định muốn nói chuyện với ông, nhưng vì ông đang ngủ và vì ông đang rất mệt sau buổi tang lễ hôm qua, nên tôi đã bảo anh ta rằng ông đã ký giấy ủy quyền cho Villemot – thư ký thứ nhất của ông Tabareau – và anh ta, nếu vì

công việc, thì cứ đến gặp anh này. “– A, càng hay – Gã thanh niên bé nhỏ nói – tôi sẽ bàn với anh ấy. Chúng tôi sẽ đem nộp tại tòa tờ di chúc sau khi đã trình nó cho ông chánh án”. Lúc ấy tôi đã nhờ anh ta cử Villemot đến gặp chúng ta ngay khi anh ta có thể làm được. Ông hãy yên tâm, thưa ông thân mến, – Mụ Sauvage nói – ông có những người bênh vực ông. Và người ta sẽ không lột da ông được đâu. Ông sẽ có một người nào đấy có đủ móng đủ vuốt! Anh Villemot sẽ nói chuyện với họ! Tôi thì tôi đã bực mình về mụ ăn mày ghê tởm Cibot, mụ gác cổng dám xen vào việc xét đoán những người thuê nhà và mụ khẳng định rằng ông ăn cắp cái gia tài ấy của những người thừa kế, rằng ông đã nhốt ông Pons ở trong phòng, ông đã biến ông ta thành cái máy, ông ta điên ơi là điên. Tôi đã thay ông xạc cho mụ một trận nên thân, cái mụ gian ác ấy: “Bà là một con ăn cắp và một đứa vô lại! – Tôi bảo mụ thế – Bà sẽ phải ra tòa vì tất cả những cái bà đã lấy cắp của các ông chủ...”. Và mụ đã câm mồm.

– Thưa ông, – Viên thư ký tòa án nói khi đến tìm Schmucke – ông có muốn hiện diện trong cuộc niêm phong tại phòng của người chết hay không?

– *Các ung cứ làm tí! Làm tí!* – Schmucke nói – *Tui cho là tui có thể chết yên ổn được rồi chứ?*

– Người ta bao giờ cũng có quyền chết, – Viên thư ký tòa án vừa nói vừa cười – và theo đó công việc quan trọng nhất đối với chúng tôi là chuyện thừa kế. Nhưng tôi ít khi thấy người nhận di tặng toàn bộ lại đi theo người làm di chúc xuống mồ.

– *Tui thì tui sẽ tí!* – Schmucke nói và cảm thấy đau nhói trong tim không sao chịu nổi sau bao đòn tới tấp.

– A, anh Villemot đây rồi! – Mụ Sauvage kêu lên.

– *Ung Fillemod*, – Lão người Đức tội nghiệp nói – *ung hãy thay mặt tui...*

– Tôi đến ngay đây. – Người thư ký thứ nhất nói – Tôi đến báo cho ông biết là bản di chúc hoàn toàn hợp lệ, và chắc chắn là sẽ được tòa án chính thức công nhận, xem ông có quyền sở hữu... Ông sẽ có một gia tài lớn.

– *Tui, một xa tài lớn!* – Schmucke kêu lên với nỗi thất vọng vì bị ngờ là hám của.

– Thế thì, – Mụ Sauvage nói – ông thẩm phán hòa giải làm gì với những nển và những băng vải nhỏ kia thế?

– À, ông ấy đóng niêm phong... Ông lại đây, ông Schmucke ơi, ông có quyền tham dự vào đấy...

– *Khung, ung tén tấy ti.*

– Nhưng tại sao lại phải có những băng niêm phong, nếu ông chủ ở ngay nhà mình và nếu tất cả đều thuộc về ông ấy. – Mụ Sauvage nói và giờ luật theo cách của các bà phụ nữ, các bà ai cũng thi hành bộ Luật tùy tiện theo kiểu của mình.

– Ông chủ không ở nhà mình, thưa bà, ông ấy ở nhà ông Pons; tất cả rồi sẽ thuộc về ông ấy, chắc chắn là thế, nhưng khi người ta được nhận di tặng, thì người ta chỉ có thể nhận những vật thuộc di sản thông qua cái mà chúng ta gọi là sự chuyển quyền sở hữu. Chứng thư ấy là do tòa án cấp. Thế mà, nếu những người thừa kế – bị truất quyền do ý muốn của người làm di chúc – chống lại việc chuyển quyền sở hữu, thì có vụ kiện... Và vì người ta không biết di sản sẽ thuộc về ai, nên người ta niêm phong tất cả các giá trị lại, và các công chứng viên của những người thừa kế và của người nhận di tặng tiến hành kiểm kê trong thời hạn luật định. Họ đang tiến hành đấy.

Lần đầu tiên trong đời nghe thấy những lời như thế, Schmucke như người mất hồn, để đầu tuột xuống lưng ghế bành đang ngồi, lão cảm thấy nó nặng đến nỗi không sao giữ được. Villemot đi trao đổi

với viên thư ký tòa án và ông thẩm phán hòa giải, và với sự bình tĩnh của những luật gia lành nghề, anh ta tham dự việc niêm phong – và khi không một người thừa kế nào có mặt thì công việc được tiến hành không tránh khỏi vừa làm vừa đùa cợt và nhận xét về những thứ được niêm phong chờ ngày phân chia. Cuối cùng, bốn nhân viên pháp luật đóng cửa phòng trưng bày và trở về phòng ăn là nơi người thư ký tòa án đi tới. Schmucke nhìn công việc niêm phong làm như cái máy, gồm việc đóng dấu của tòa án hòa giải lên một băng vải dán lên mỗi cánh cửa – khi cửa có hai cánh – hoặc niêm phong chỗ mở cửa các tủ đựng quần áo hoặc các cửa đơn bằng cách dán niêm phong hai mép vách.

– Sang phòng kia đi. – Fraasier vừa nói vừa chỉ phòng Schmucke có cửa thông sang phòng ăn.

– Nhưng đây là phòng của ông chủ! – Mụ Sauvage vừa nói vừa nhào đến đứng chắn giữa cửa và những nhân viên tòa án.

– Đây là bản hợp đồng thuê nhà, – Gã Fraasier kinh khủng nói – chúng tôi thấy nó trong đồng giấy tờ, nó không ghi tên các ông Pons và Schmucke, mà nó chỉ ghi tên ông Pons thôi. Toàn bộ căn hộ này là thuộc về di sản, và... và lại, – Y vừa nói vừa mở cửa phòng Schmucke – này, thưa ông thẩm phán hòa giải, phòng chứa đầy những tranh.

– Thật thế. – Viên thẩm phán hòa giải nói, ngay lập tức tán đồng Fraasier.

– Khoan đã thưa các ông. – Villemot nói – Các ông có nghĩ rằng các ông sắp đuổi ra cửa người nhận di tặng toàn bộ mà cho đến tận bây giờ tư cách vẫn không phải tranh cãi hay không?

– Có chứ! Có chứ! – Fraasier nói – Chúng tôi phản đối việc trao vật di tặng.

– Vì có gì?

– Rồi ông sẽ biết, ông em ạ! – Fraasier nói giễu – Lúc này chúng tôi không phản đối người nhận di tặng lấy lại những gì mà ông ấy tuyên bố là của ông ấy trong căn phòng này; nhưng phòng phải được niêm phong lại. Và ông ấy muốn đi ở đâu thì đi.

– Không. – Villemot nói – Ông ấy sẽ vẫn ở lại trong phòng mình!...

– Sao?

– Tôi sẽ đưa đơn thẩm lý khẩn cấp, – Villemot nói tiếp – để thấy rằng chúng tôi đều là những người ở thuê một nửa trong căn hộ này và ông không thể đuổi chúng tôi ra khỏi đây được... Hãy tháo bỏ những bức tranh xuống, phân biệt bức nào là của người quá cố, bức nào là của ông khách hàng của tôi đây, nhưng ông khách của tôi thì sẽ ở lại đấy... ông em ạ!

– *Tui sẽ ti!* – Lão nhạc công già nói, đã lấy lại được nghị lực khi nghe thấy cuộc tranh cãi ghê tởm kia.

– Ông làm thế sẽ tốt hơn đấy! – Fraasier nói – Như thế sẽ tránh cho ông khỏi phí tổn, vì ông sẽ không thắng trong điểm tranh chấp phụ đâu. Bản hợp đồng đã rõ ràng...

– Hợp đồng! Hợp đồng! – Villemot nói – Đây là vấn đề thực lòng!...

– Nó sẽ không được chứng tỏ bằng những người làm chứng, như trong những vụ hình sự... Ông có muốn lao vào những cuộc giám định, những cuộc thẩm tra... những bản án phúc tra và một trình tự tố tụng không?

– *Khung! Khung!* – Schmucke kinh hoàng kêu lên – *Tui dọn ti, tui ti tây.*

Đời Schmucke là cuộc đời một nhà triết học, trơ tráo bất cần¹ mà không biết, chính là vì chẳng còn gì nữa. Lão chỉ có hai đôi giày,

1. *Cynique* (trơ tráo, bất cần) một số triết gia Hy Lạp cổ, coi khinh các ước lệ, khước từ của cải vật chất, hoàn toàn bất cần đối với trật tự luân lý, chính trị hiện hành.

một đôi ủng, hai bộ comple, mười hai sômi, mười hai khăn quàng cổ, mười hai khăn tay, bốn gilê và một cái tẩu tuyệt đẹp mà Pons đã cho lão với một cái túi thêu để đựng thuốc lá. Lão vào phòng, bị kích động quá độ vì cơn giận, lão vợ tất cả những quần áo của lão và vút lên trên một cái ghế tựa.

– *Tất cả những cái này là của tui...* – Lão nói với vẻ đơn giản có thể sánh được với Cincinnatus – *cái bianô cũng là của tui.*

– Thừa bà... – Fraasier nói với mụ Sauvage – bà nhờ người giúp mang nó đi và để nó ra đầu cầu thang, cái pianô ấy!

– Ông tàn nhẫn quá đấy. – Villemot nói với Fraasier – Ông thẩm phán hòa giải là người có quyền ra lệnh này lệnh nọ, trong việc này ông ta là chủ.

– Có những cái đáng giá. – Viên thư ký tòa án vừa nói vừa chỉ căn phòng.

– Vả lại, – Viên thẩm phán hòa giải nhắc – ông đây ra đi là do tự nguyện.

– Chưa bao giờ thấy một khách hàng như thế. – Villemot tức giận nói, quay lại cự Schmucke – Ông nhu nhược quá.

– *Chết ở tù thì có quan trọng xì.* – Schmucke vừa nói vừa đi ra – *Những con người này có pộ mặt của loài hổ páo... Tui sẽ cho người tén lấy tổ tạc của riêng tui.* – Lão nói.

– Ông đi đâu?

– *Ti... nhờ Chúa.* – Người nhận di tặng vừa trả lời vừa làm một cử chỉ thờ ơ cao cả.

– Ông nói cho tôi biết ông đi đâu đi! – Villemot nói.

– Hãy đi theo sau lão ấy. – Fraasier nói nhỏ với người thư ký thứ nhất.

Chị Cantinet được giao cho làm người trông coi các thứ niêm phong, và trên những sổ tiền tìm thấy, người ta cấp cho chị một món tiền ứng trước là năm mươi phơ-răng.

– Được đấy! – Fraasier nói với ông Vitel khi Schmucke đã đi rồi – Nếu ông muốn xin từ chức do chiếu cố đến tôi, thì ông hãy đến gặp bà chánh án De Marville, ông sẽ thỏa thuận với bà ấy.

– Ông đã gặp được một người dễ dãi quá! – Viên thẩm phán hòa giải vừa nói vừa chỉ Schmucke đang đứng trong sân nhìn một lần cuối cùng những cửa sổ của căn hộ.

– Vâng, việc đã chắc ăn rồi! – Fraasier đáp – Ông sẽ có thể gả cháu gái ông cho Poulain mà không phải lo sợ gì, cậu ấy sẽ là bác sĩ trưởng bệnh viện Quinze-Vingts.

– Để rồi xem! Tam biệt, thưa ông Fraasier. – Viên thẩm phán hòa giải nói với vẻ thân thiện.

– Đây là con người lắm mưu mẹo. – Viên thư ký tòa án nói – Anh ấy còn tiến xa, cái anh chàng tình ranh ấy!

Bấy giờ đã là mười một giờ, lão già người Đức bước như cái máy trên con đường lão từng đi với Pons và nghĩ đến Pons, lão không ngớt trông thấy ông ta, lão tưởng như ông ta đang đi bên cạnh, lão đến trước cửa nhà hát lúc anh bạn Topinard bước ra – anh này vừa lau xong đèn ở tất cả những giá đỡ, vừa nghĩ đến sự hà khắc của ông giám đốc.

– A! Tây rồi! – Schmucke kêu lên và chặn anh làm thuê ở rạp hát lại – *Dobinard ơi, anh, anh có một chỗ ử có phải không?*

– Vâng, thưa ông...

– *Một xa tình phải không?*

– Vâng, thưa ông...

– *Anh có thể cho tui ử trọ tước không? Ô, tui sẽ trả hậu, tui có chín trăm phơ-răng lợi tức... và tui không còn sống lâu nữa đâu... tui*

khung làm phiền anh râu... tui ăn tọc tất... Nhu cầu duy nhất của tui là hít tẩu thuốc... Fà fi anh là người duy nhất tã khóc Bons cùng fôi tui, cho nên tui yêu mến anh!

– Thưa ông, tôi rất vui lòng; nhưng trước hết, ông có tưởng tượng được rằng ông Gaudissart đã ấn cho tôi một bộ tóc giả chải chuốt...

– *Một bộ tóc giả ư?*

– Một cách để nói rằng ông ấy đã té tất lên đầu tôi.

– *Té tất lên đầu?*

– Ông ấy khiển trách tôi đã quan tâm đến ông... Vậy nên phải hết sức kín đáo nếu ông đến ở nhà tôi! Nhưng tôi không tin là ông sẽ ở lại đấy, vì ông không biết thế nào là một gia đình của một kẻ nghèo khổ đáng thương như tôi...

– *Tui thích cái xa tình nghèo của một người hảo tâm tã khóc Bons hơn là tiện Duyleries fôi những người có bộ mặt hổ! Tui ra ti fi thấy những con hổ ở nhà Bons sắp sửa ngốn ngấu hết!...*

– Lại đây, thưa ông, – Anh làm thuê nói – và ông sẽ thấy... nhưng... Tóm lại, có một gian gác xép... Để hỏi ý kiến cô Topinard đã.

Schmucke như một con cừu đi theo Topinard. Anh này dẫn lão vào một chỗ góc ghê mà người ta có thể gọi là ung nhọt của Paris. Chỗ ấy là khu nhà Bordin. Đây là một phố hẻm chật hẹp, hai bên là những nhà xây – như người ta xây do trục lợi – nó đổ ra phố Bondy, trong đoạn phố bị che rợp vì tòa nhà đồ sộ của nhà hát Porte-Saint-Martin, một trong những vật xấu xí của Paris. Phố hẻm có con đường được đào lõm ở phía dưới mặt đường phố, đổ vào phố Mathurins-du-Temple bằng một cái dốc. Khu nhà kết thúc bằng một phố bên trong, chắn ngang thành hình chữ T. Hai cái phố nhỏ ấy, bố trí như thế, chứa đựng chừng ba chục ngôi nhà sáu, bảy

tầng, nhà nào cũng có sân trong, có căn hộ làm cửa hàng, xí nghiệp, hoặc xưởng thuộc đủ mọi loại. Đây là vùng ngoại ô Saint-Antoine thu nhỏ lại. Người ta làm ở đây những đồ gỗ, người ta chạm ở đây những đồ đồng, người ta may ở đây những trang phục cho nhà hát, người ta làm ở đây những đồ thủy tinh, người ta vẽ ở đây các đồ sứ, tóm lại, người ta chế tạo ở đây tất cả những thứ đặc biệt và đa dạng của mặt hàng Paris. Bản thủ và sinh lợi như nghề buôn bán, phố hẻm ấy – luôn luôn đầy những kẻ đi người lại, xe ba gác, thùng chậu – có dáng vẻ ghê tởm, và đám cư dân lúc nhúc ở đây lại hài hòa với đồ vật và nơi chốn. Đây là dân chúng của các xưởng sản xuất, dân chúng thông minh trong những lao động thủ công, mà sự thông minh thì mãi mê thu hút vào đây. Topinard ở như sản vật trong khu nhà thịnh vượng ấy, vì tiền thuê nhà rẻ. Anh ở ngôi nhà thứ hai, bên trái lối vào. Căn hộ của anh, ở tầng sáu, trông ra khu vườn còn tồn tại và phụ thuộc vào ba hoặc bốn khách sạn lớn của phố Bondy.

Chỗ ở của Topinard gồm một cái bếp và hai phòng ở. Ở phòng thứ nhất, là bọn trẻ con. Người ta thấy trong đó hai chiếc giường nhỏ bằng gỗ trắng và một cái nôi. Phòng thứ hai là phòng của vợ chồng Topinard. Họ ăn ở trong bếp. Ở phía trên là một tầng nóc giả cao sáu bộ và lợp kẽm với một cái khung trổ trên mái dùng làm cửa sổ. Người ta lên đây bằng một cầu thang gỗ trắng, trong tiếng lóng của tòa nhà, được gọi là *thang của chủ cối xay bột*. Cái gian nhà ấy được dùng như phòng của đầy tớ, cho phép thông báo chỗ ở của Topinard, như một căn hộ hoàn chỉnh và định giá là bốn trăm phơ-răng tiền thuê. Ở lối vào, để che khuất cái bếp, có một ngăn đệm cửa xây cuốn, được một cửa sổ mắt bò chiếu sáng về phía bếp và hình thành do sự nối liền của cửa phòng thứ nhất và cửa bếp, thành tất cả là ba cửa. Ba căn phòng lát gạch ấy – phủ tường bằng thứ giấy gói guốc sáu xu một cuộn, trang trí bằng những lò sưởi gọi là theo kiểu capucine, vẽ bằng những bức tranh tầm thường, màu gỗ – chứa cái gia đình năm nhân khẩu trong đó có ba trẻ con. Cho nên ai cũng có thể thoáng thấy những vết cào sâu mà ba đứa trẻ đã tạo ra ở tầm cao

nơi cánh tay chúng có thể với tới. Những người giàu có không thể tưởng tượng được sự đơn giản của bộ nồi niêu xoong chảo gồm có một lò nấu ăn, một cái xanh, một cái vỉ, một cái xoong, hai hoặc ba cái siêu, một cái chảo rán. Bát đĩa bằng sành, màu nâu và trắng, đáng giá mười hai phơ-răng. Cái bàn đồng thời dùng làm bàn nấu ăn và bàn ngồi ăn. Đồ đạc trong nhà gồm hai cái ghế tựa và hai cái ghế đầu. Phía dưới vòm bếp lò xếp than và củi. Trong một góc, thấy nhô lên một cái chậu gỗ, là nơi, thường thường vào ban đêm, giặt quần áo của gia đình. Căn phòng của lũ trẻ, có những dây phơi quần áo chằng qua, được dán đầy sặc sỡ những áp phích sân khấu và những tranh ảnh cắt ra từ báo chí hoặc từ những tờ quảng cáo cho những cuốn sách minh họa. Rõ ràng là đứa lớn nhất trong gia đình Topinard – sách vở để trong một góc phòng – được giao cho gánh vác việc nhà khi, vào lúc sáu giờ, cha mẹ chúng phải đi làm việc ở nhà hát. Trong nhiều gia đình của tầng lớp dưới, khi một đứa trẻ lên đến sáu hoặc bảy tuổi, thì nó đóng vai trò một người mẹ đối với các em trai, em gái của nó.

Có thể cho rằng – dựa trên bức ký họa sơ sài này – nhà Topinard là những người, theo câu nói đã trở thành tục ngữ, nghèo khổ mà lương thiện. Topinard khoảng bốn mươi tuổi, và vợ anh – người dẫn hát cũ của đội hợp xướng, tình nhân – người ta bảo thế – của ông giám đốc vỡ nợ mà Gaudissart đã kế nhiệm – chắc độ ba mươi tuổi. Lolotte đã từng là một phụ nữ xinh đẹp, nhưng những rủi ro của sự quản lý trước đã tác động đến chị tới mức chị đành phải chấp nhận một cuộc hôn nhân hờ với Topinard. Chị tin rằng để gia đình chị có được một trăm năm mươi phơ-răng, Topinard sẽ đăng ký kết hôn, dù chỉ là để hợp pháp hóa những đứa con mà anh rất yêu quý. Buổi sáng, trong những lúc rảnh rỗi, chị Topinard khâu cho cửa hàng của nhà hát. Những người làm thuê dùng cảm ấy, do làm việc quần quật, kiếm được chín trăm phơ-răng một năm.

– Còn một tầng nữa! – Topinard nói với Schmucke khi tới tầng ba, lúc này lão không biết là mình đang đi lên hay đi xuống nữa, vì lão đang đắm chìm trong đau đớn.

Lúc anh chàng làm thuê mặc quần áo trắng giống như tất cả các nhân viên phục vụ khác mở cửa phòng, thì nghe thấy tiếng chị Topinard: – Nào! Các con, im cả đi, bố kia kìa!

Và chắc là lũ trẻ chẳng sợ gì bố, nên đứa lớn nhất tiếp tục chơi trò chỉ huy đánh trận bất chước ở rạp Xiếc-Olympique, cười trên một cán chổi giả làm ngựa, đứa thứ hai tiếp tục thổi một cái sáo bằng sắt tây, và đứa thứ ba cố đi theo cho kịp đoàn quân. Bà mẹ đang khâu một bộ y phục của nhà hát.

– Im lặng nào! – Topinard kêu tướng lên – Không thì phải đòn bây giờ! Luôn luôn phải nói với chúng thế. – Anh thấp giọng nói thêm với Schmucke – Này, em ơi, – Anh chàng làm thuê nói với chị xếp chỗ – đây là ông Schmucke, bạn của ông Pons tội nghiệp, ông ấy không biết đi đâu nên muốn đến nhà chúng ta, anh đã uống công bảo ông ấy là chúng ta không giàu có gì, rằng chúng ta ở tận trên tầng sáu, rằng chúng ta chỉ có một căn gác xếp dành cho ông ấy thôi, ông ấy vẫn ưng ngay...

Schmucke ngồi xuống một cái ghế do người đàn bà đưa ra, còn lũ trẻ – ngẩn người ra vì có người lạ đến – túm tụm lại thành một nhóm để nhìn ngó, lặng lẽ một lúc, đúng là trẻ con, giống như lũ chó quen đánh hơi hơn là xét đoán. Schmucke nhìn cái nhóm trẻ xinh xắn ấy trong đó có một bé gái lên năm tuổi – đứa đã thổi kèn trompette và có mái tóc vàng hết sức rực rỡ.

– *Nó có lẽ là một cháu khaki ngài Túc!* – Schmucke vừa nói vừa ra hiệu cho con bé lại gần.

– Bác ở đây thì khổ lắm. – Chị xếp chỗ nói – Nếu cháu không buộc phải có mấy đứa con bên cạnh thì cháu đề nghị bác ở trong phòng của vợ chồng cháu.

Chị mở cửa phòng và đưa Schmucke vào. Phòng này là tất cả sự xa hoa của căn hộ. Cái giường gỗ đào hoa tâm được trang trí những tấm rèm bằng vải trúc bầu xanh viền tua trắng. Cũng vài

trúc bầu xanh, xếp nếp thành rèm, treo ở cửa sổ. Cái tủ commốt, cái bàn giấy, những chiếc ghế tựa, dù bằng gỗ đào hoa tâm, đều được giữ gìn sạch sẽ. Trên lò sưởi, có một đồng hồ quả lắc và những giá nến – hiển nhiên là do người vợ nợ ngày trước cho, bức chân dung ông ta, một bức chân dung kinh người do Pierre Grassou vẽ, treo phía trên tủ commốt. Cho nên, lũ trẻ, vốn bị cấm không được vào nơi ở dành riêng này, chúng cố nhìn vào đây bằng những cặp mắt tò mò.

– Bác ở đây sẽ được dễ chịu. – Chị xếp chỗ nói.

– *Khung! Khung!* – Schmucke trả lời – *Này! Tui khung còn sống lâu nữa tau, tui chỉ cần mệt khóc tể chết.*

Cửa phòng khép lại, họ trèo lên tầng áp mái, và ngay khi vừa tới đấy, Schmucke đã kêu lên: – *Tây rồi! Trước khi tén fọt Bons, tui chưa pao xờ có tước mệt chỗ ử nào tốt hơn thế này.*

– Này! Chỉ phải mua một cái giường dai vải, hai cái đệm, một gối dài đầu giường, một cái gối, hai ghế tựa và một cái bàn. Có gì ghê gớm lắm đâu... Có thể tốn năm mươi êquy, cùng với cái chậu thau, cái xô, và một cái đệm giường nhỏ...

Tất cả đều được thỏa thuận. Duy chỉ có năm mươi êquy là thiếu. Schmucke, chỉ cách nhà hát có hai bước chân, tất nhiên nghĩ đến việc xin lĩnh lương ở ông giám đốc, khi nhìn thấy cảnh khốn quẫn của những người bạn mới... Lão đi ngay lập tức sang nhà hát và thấy Gaudissart ở đấy. Giám đốc tiếp Schmucke với vẻ lễ độ hơi dụng công mà ông ta thường phô ra với các nghệ sĩ, và ngạc nhiên thấy Schmucke yêu cầu một tháng lương. Tuy vậy, kiểm tra thì lại thấy yêu cầu ấy là đúng.

– À! Ừ nhỉ! Ông bác ơi! – Giám đốc nói với lão – Người Đức bao giờ cũng biết tính toán, ngay cả trong nước mắt... Tôi cứ tưởng rằng ông phải hiểu món tiền thưởng một nghìn phơ-răng đấy! Một năm lương cuối cùng đã tặng ông, tưởng thế là sòng phẳng!

– *Chúng tui khùng nhận tước xì cả!* – Lão người Đức tốt bụng nói – *Nếu tui đến fới ung, thì chính là fì tui lang thang khùng nhà cửa fà khùng có mọt tổng xu nào... Ung tưa món tiền thưởng cho ai?*

– Cho bà gác cổng của ông!...

– *Mụ Zibod áy à?* – Lão nhạc công kêu lên – *Mụ áy tã xiết Bons, mụ áy tã ăn cắp của ung áy, mụ áy tã pán ung áy... Mụ áy mún tốt tờ di chúc của ung áy... Táy là mọt kẻ fô lại, mọt con quái fật!*

– Nhưng ông bác ơi, làm sao ông lại không có tiền, bị vứt ra ngoài đường, không chốn nương thân, khi ở địa vị một người được nhận di tặng toàn bộ cơ chứ? Điều đó không logic, như chúng ta vẫn thường nói.

– *Người ta tã tuổi tui ra của... Tui là người nức ngoài, tui khùng hiểu xì fê luật pháp...*

– Con người tội nghiệp! – Gaudissart nghĩ vậy khi thoáng thấy cái kết cục có thể xảy ra của một cuộc vật lộn không cân sức. – Ông hãy nghe này, – Ông ta nói với lão – ông có biết là ông phải làm gì không?

– *Tui có mọt người piện sự.*

– *Này, ông hãy dàn xếp ngay tức khắc với những người thừa kế đi, ông sẽ nhận được ở họ một số tiền và một niên kim trọn đời, ông sẽ sống yên ổn...*

– *Tui khùng mún tiền xì khác!* – Schmucke đáp.

– *Này! Ông hãy để tôi thu xếp cho ông việc ấy.* – Gaudissart nói, hôm trước mới được Fraisiert cho biết kế hoạch của y.

Gaudissart nghĩ rằng có thể lập công với nữ tử tước trẻ Popinot và mẹ cô ta để kết thúc vụ việc bắn thủ này, và một ngày nào đấy ông ta ít nhất cũng trở thành Ủy viên tham chính viện – Ông ta tự nhủ.

– *Tui trao quyền cho ung...*

– Nào, trước hết ông hãy cầm lấy một trăm đồng êquy này... – Vị Napoléon của các nhà hát trên đường phố nói. Ông ta lấy trong túi tiền ra mười lăm đồng louis và chìa ra cho lão nhạc công – Đây là của ông, đây là sáu tháng lương mà ông sẽ có; sau đó, nếu ông bỏ nhà hát, thì ông sẽ trả lại cho tôi. Hãy cùng tính thử xem nào! Mỗi năm ông tiêu bao nhiêu? Ông cần phải có bao nhiêu để được sung sướng? Nào! Nào! Ông hãy sống cuộc đời của Sardanapale đi!

– *Tui chỉ cần một pô quần áo mùa đông fà một pô mùa hè...*

– Ba trăm phơ-răng! – Gaudissart nói.

– *Xây, thì pôn tui...*

– Sáu mươi phơ-răng!

– *Pít tất.*

– Mười hai! Thế là băm sáu phơ-răng.

– *Sáu somi.*

– Sáu somi trúc bầu, hăm bốn phơ-răng; chừng ấy nữa bằng vải, bốn tám: thế là bảy hai. Chúng ta đã tới con số bốn trăm sáu tám, tính thành năm trăm với những cavát và mùi xoa và một trăm phơ-răng tiền giặt... Sáu trăm livre! Rồi, ông cần gì để sống nữa?... Ba phơ-răng một ngày được chưa?

– *Khung, quá nhiều!*

– Cuối cùng, ông cũng cần có mũ... Thế là một nghìn năm trăm phơ-răng và năm trăm phơ-răng tiền thuê nhà, hai nghìn. Ông có muốn tôi thu xếp để ông có hai nghìn phơ-răng lợi tức trọn đời... thật bảo đảm không?

– *Còn thuốc lá?*

– Hai nghìn bốn trăm phơ-răng. A, bố Schmucke ơi, bố gọi cái ấy là thuốc lá à?... Này, người ta sẽ cho ông thuốc lá. Vậy là hai nghìn bốn trăm phơ-răng tiền lợi tức trọn đời...

– Chưa phải là hết! Tui cần mọt món tiền! Pằng tiền mặt...

– Tiền tạ ơn à?.... Ra thế! Cái bọn Đức này! Thế mà là ngày thơ đấy, ông lão Robert Macaire ơi!... – Gaudissart nghĩ – Ông cần gì nữa? – Ông ta nhắc lại – Nhưng sau đó là không còn gì nữa đâu.

– Tể trả mọt món nợ thiêng liêng.

– Một món nợ! – Gaudissart tự nhủ – Kể cấp gì mà kỳ thế! Còn tệ hơn là một kẻ con nhà dòng nữa! Lão lại sắp bịa ra những hối phiếu nữa đây!... Phải chấm dứt ngay thôi! Cái gã Fraiser kia không nhìn rộng! Nợ nào thế, ông bác? Nói đi xem nào!...

– Có mọt người tã thương khóc *Bons cùng fới tui... en ta có mọt tứa con khải nhỏ xinh tẹp fới mái tóc rục rỡ, tui tin rằng pan nầy tã trung tháy tinh anh của nước Túc tụi nghiệp mà lẽ ra tui khùng pao xờ tước xa rời!... Baris khùng tốt cho những người Túc, người ta chế xiếu họ...* – Lão vừa nói vừa lắc đầu, như một người tưởng thấy rõ mọi chuyện trên thế gian này.

– Lão này điên! – Gaudissart tự nhủ.

Và, động lòng thương con người ngây thơ ấy, ông giám đốc ứa nước mắt.

– À, *ung tã hiểu tui, ung xám tốc ạ! Này, cái người có con khải ấy là Dobinard, người fục fụ pan nhạc fà thấp tèn; Bons tã yêu en ấy fà cứu xúp en ấy, táy là người duy nhất tã ti theo người pạn tộc nhất của tui trong tám tang, tến nhà thờ, tến nghĩa tịa... Tui cần có pa nghìn phơ-răng cho en ấy fà pa nghìn phơ-răng cho cháu khải.*

– Con người tội nghiệp!... – Gaudissart tự nhủ.

Kẻ hãnh tiến tàn bạo này đã cảm động vì lòng cao thượng kia và vì lòng biết ơn kia đối với một điều chẳng có nghĩa gì dưới mắt thế gian, song dưới mắt của con cừu thần thánh kia, như cốc nước của Bossuet, nó nặng hơn là những chiến công của những kẻ đi chinh phục. Dưới vẻ kiêu căng hão, dưới sự thèm muốn hung tợn là

được thành đạt và vươn lên tới tận ông bạn Popinot của ông ta, Gaudissart che giấu một trái tim nhân hậu, một bản chất tốt. Vì vậy, ông ta xoá bỏ những xét đoán liều lĩnh của ông ta về Schmucke và đứng về phía lão.

– Ông sẽ có tất cả những cái ấy! Nhưng ông Schmucke thân mến ơi, tôi còn làm hơn nữa kia, Topinard là một người trung thực...

– *Fâng, tui tã thấy en áy pan nãy, trong căn hộ nghèo mà en áy pằng lòng với các con...*

– Tôi sẽ cho anh ấy làm chân thủ quỹ, vì ông Baudrand không làm cho tôi nữa.

– *A! Cầu Chúa pan phúc cho ung!* – Schmucke kêu lên.

– Này! Ông lão tốt bụng và tử tế ơi, chiều nay, vào lúc bốn giờ, ông hãy đến nhà ông Berthier, công chứng viên, tất cả sẽ sẵn sàng, và ông sẽ thoát khỏi cảnh nghèo túng trong quãng đời cuối cùng của ông... Ông sẽ nhận được sáu nghìn phơ-răng của ông, và với đồng lương cũng như thế, cùng với Garangeot, ông sẽ làm công việc mà ông đã làm cùng với Pons.

– *Khung!* – Schmucke nói – *Tui khung sống nữa tâu! Tui khung còn mún nghĩ tén tiếu xì nữa... Tui cảm thấy kiệt sức rồi...*

– Con cừu tội nghiệp! – Gaudissart tự nhủ trong khi chào lão người Đức đang ra về. Rút cục, ai cũng phải ăn sườn cừu mà sống. Và như Béranger tuyệt vời đã nói:

“Lũ cừu tội nghiệp ơi, người ta sẽ mãi mãi xén lông các ngươi”.

Và ông ta ngân nga ý kiến chính trị ấy để xua tan nỗi xúc động trong lòng.

– Bảo đánh xe ra đi! – Ông ta nói với tùy phái văn phòng.

Ông ta xuống gác và nói to với người đánh xe: “– Phố Hanovre!”. Kể nhiều tham vọng lại lộ rõ nguyên hình! Ông ta nhìn thấy Tham chính viện.

Schmucke trong lúc ấy mua hoa và hầu như vui vẻ mang hoa cùng bánh ngọt về cho lũ con của Topinard.

– *Pánh cho các cháu tây!* – Lão nói và nở một nụ cười.

Nụ cười ấy là nụ cười đầu tiên nở trên môi lão kể từ ba tháng nay, và ai trông thấy chắc phải rung mình.

– *Ung cho fôi mọt tiều kịn...*

– Bác quá tốt đấy, thưa bác. – Bà mẹ nói.

– *Cháu khải phải ôm hôn ung fà cài hoa lên mái tóc chải theo kiểu như các cháu khải người Túc fẩn làm ấy!*

– Olga con, ông muốn gì thì con làm theo đi... – Chị xếp chỗ ra vẻ nghiêm khắc nói.

– *Chị từng mắng con pé người Túc của tui!...* – Schmucke kêu lên, nhìn thấy nước Đức thân yêu của mình trong cháu gái nhỏ ấy.

– Tất cả những đồ đạc lung củng ấy nằm gọn trên vai ba người chở hàng!... – Topinard vừa nói vừa bước vào.

– *A! – Lão người Đức nói – En pạn ơi, tây là hai trăm phơ-răng tể trả cho mọi khoản... Nhưng en có mọt chị fợ xinh tẹp, en sẽ cưới chị ấy, có phải không? Tui tưa cho en mọt nghìn êquy... Cháu khải sẽ có mọt món hồi môn mọt nghìn êquy mà en sẽ khải lấy lãi cho nó. En sẽ khùng còn là người làm thuê nữa... En sẽ là thủ quỹ của nhà hát...*

– Tôi, ở chỗ của bố Baudrand à?

– *Phải.*

– Ai bảo ông thế?

– *Ung Cautissard!*

– Ôi, mừng đến phát điên lên mất!... Này, nói đi, Rosalie ơi, người ta sẽ bực mình ở nhà hát đấy!... Nhưng không thể thế được. – Anh nói tiếp.

– Ân nhân của chúng ta không thể ở trong một tầng áp mái được.

– *Chà! – Schmucke nói – Tui fới mấy ngày tui còn sống, thế này là tốt lắm rồi! Tạm piet! Tui ra nghĩa tịa tể xem ngừi ta tã làm xì ung Bons... fà tặt mua hoa tể pày lên mộ ung ấy.*

Bà Camusot de Marville lo cuống cuống cả lên. Fraasier bàn bạc ở nhà bà với Godeschal và Berthier. Berthier, công chứng viên, và Godeschal, viên đại tụng, xem bản di chúc – do hai công chứng viên làm trước sự có mặt của hai nhân chứng – chẳng sai sót chỗ nào, vì cách thức minh bạch mà Léopold Hannequin đã làm. Theo ông Godeschal trung thực, thì Schmucke – nếu lời khuyên hiện nay của ông lừa dối được ông ấy – cuối cùng sẽ biết rõ mọi chuyện dù chỉ là do một trong những luật sư kia, họ – để nổi bật hơn người – sử dụng đến những hành vi hào hiệp, tế nhị. Hai viên chức công vụ liền chia tay với bà chánh án, và khuyên bà nên cảnh giác với Fraasier, dĩ nhiên là họ đã dò hỏi về y. Vừa lúc ấy Fraasier, trở về sau việc niêm phong, khởi thảo lệnh đòi ra tòa trong văn phòng của ông chánh án – bà Marville bảo y vào đấy theo lời mời của hai viên chức công vụ; hai viên chức này thấy vụ việc quá bấn thủ không nên để cho một ông chánh án dính vào, theo cách nói của họ, và họ muốn góp ý kiến với bà De Marville mà không để Fraasier nghe thấy.

– Này! Thưa bà, các ông ấy đâu cả rồi? – Viên đại tụng ở Mantes hỏi.

– Đã đi cả, và bảo với tôi rằng nên từ bỏ vụ này đi thôi! – Bà De Marville trả lời.

– Từ bỏ à? – Fraasier nói với giọng tức giận cố nén – Xin bà hãy nghe đây, thưa bà...

Và hấn đọc tờ sau đây.

“Theo lời thỉnh cầu của... (*Tôi lướt qua đoạn dài dòng*)

“Xét rằng đã được gửi đến tay ông Chánh án tòa án sơ thẩm, “bản di chúc do luật sư Léopold Hannequin và công chứng viên “ở Paris là Alexandre Crottat nhận, kèm theo hai người làm “chứng là các ông Brunner và Schwab, những người nước ngoài “cư trú tại Paris, theo bản di chúc ấy, ông Pons, đã chết, đã định “đoạt gia tài gây thiệt hại cho người đệ đơn là người thừa kế tự “nhiên và hợp pháp, và có lợi cho một ông tên là Schmucke, “người Đức;

“Xét rằng người đệ đơn tự cho là có thể chứng tỏ rằng bản di “chức là sản phẩm của một sự mưu toan chiếm đoạt bất chính và là “kết quả của những thủ đoạn bị luật pháp bác bỏ; rằng sẽ được “chứng minh bởi những người có danh giá rằng ý định của “người làm di chúc là để lại gia tài cho cô Cécile, con gái ông “De Marville; và rằng bản di chúc, mà người đệ đơn yêu cầu “hủy bỏ, đã được moi ra từ sự yếu đuối của người làm di chúc “khi ông ta đang ở tình trạng không còn tỉnh táo;

“Xét rằng ông Schmucke, để chiếm được toàn bộ di tặng, đã “giữ chặt, cách ly người làm di chúc, rằng ông ta đã ngăn cản “gia đình đến gần giường người chết, và rằng kết quả thu được “rồi, ông ta đã có những hành vi bội bạc chẳng ai là không “biết – những hành vi làm sứt mẻ cho cả nhà và mọi người “trong phường, là những người do tình cờ được chứng kiến “khi dự đám tang người gác cổng của ngôi nhà nơi người làm “di chúc đã chết;

“Xét rằng những sự việc còn nghiêm trọng hơn mà người đệ “đơn lúc này đang truy tầm chứng cứ, sẽ được kể ra từng mục “trước các vị thẩm phán của Tòa án;

“Tôi, mô tòa ký tên dưới đây v.v..., v.v..., nhân danh, đòi đưa ra “tòa ông Schmucke, v.v... ra trước các ông thẩm phán hợp “thành phòng sơ thẩm của Tòa án, để nghe tuyên bố rằng bản

“di chúc do các Luật sư Hannequin và Crottat nhận, vì là kết quả của một mưu toan chiếm đoạt hiển nhiên, nên sẽ bị coi như không hề có giá trị và vô hiệu lực, và ngoài ra, tôi, nhân danh mõ tòa, đã bác bỏ tư cách và quyền làm người nhận di tặng toàn bộ của ông Schmucke, khi nghe người đệ đơn chống lại – như là thực tế ông ta chống lại, do lá đơn đề ngày hôm nay, trình lên ông Chánh án, chống lại sự chuyển quyền sở hữu mà ông Schmucke ấy đang đòi, và tôi để lại cho ông ấy bản “sao mà giá phí tổn là v.v...”

– Tôi biết con người ấy, thừa bà chánh án, và khi lão đã đọc tờ giấy ấy, thì lão sẽ nhân nhượng. Lão sẽ hỏi ý kiến Tabareau, Tabareau sẽ bảo lão chấp nhận đề nghị của chúng ta! Bà có cho một nghìn đồng êquy lợi tức trọn đời không?

– Tất nhiên, tôi rất muốn được trả kỳ hạn đầu tiên.

– Điều đó sẽ được thực hiện trong vòng ba ngày. Vì lệnh đòi ra tòa này sẽ tác động mạnh đến lão trong nỗi đớn đau choáng váng, vì lão thương tiếc Pons lắm, con người tội nghiệp ấy. Lão coi sự mất mát này là rất nghiêm trọng.

– Lệnh đòi ra tòa đã được phát có thể rút lại được không? – Bà chánh án hỏi.

– Hẳn là được, thưa bà, người ta bao giờ cũng có thể rút đơn kiện.

– Nay ông! – Bà Camusot nói – Thì ông hãy làm đi!... Cứ tiến hành đi! Vâng, cái khoản mà ông giúp tôi đạt được cũng bỏ công làm! Vả chăng tôi đã thu xếp việc từ chức của Vitel, nhưng ông sẽ trả sáu mươi nghìn phơ-răng cho ông Vitel ấy, lấy trong giá trị của di sản Pons... Như vậy, ông thấy không, phải thành công...

– Bà đã có đơn xin từ chức của ông ấy rồi chứ?

– Vâng, thưa ông; ông Vitel tin ở ông De Marville...

– Thế thì! Thưa bà, tôi đã làm cho bà khỏi phải mất sáu mươi nghìn phơ-răng mà tôi đã trù tính là phải cho mục gác cổng đề tiện,

mụ Cibot ấy. Nhưng tôi vẫn tha thiết với việc có một quầy bán lẻ thuốc lá cho bà Sauvage, và sự bổ nhiệm anh bạn Poulain của tôi vào vị trí bác sĩ trưởng còn để trống của bệnh viện Quinze-Vingts.

– Đồng ý, tất cả đã được thu xếp rồi.

– Thôi được! Tất cả đã giao hẹn... Mọi người đều ủng hộ bà trong vụ này, cả đến Gaudissart, giám đốc nhà hát, là người tôi đã tìm đến hôm qua, và ông ta đã hứa với tôi là sẽ làm cho gã làm thuê là kẻ có thể làm hỏng dự định của chúng ta phải cảm hòng.

– Ô, tôi biết thế, ông Gaudissart hoàn toàn sốt sắng với nhà Popinot!

Fraisier đi ra. Thật không may, y không gặp Gaudissart, và lệnh đòi ra tòa tai hại được phát đi ngay.

Tất cả những người hám của sẽ hiểu – cũng như những người lương thiện sẽ ghét cay ghét đắng điều đó – niềm vui sướng của bà chánh án là người mà hai mươi phút sau khi Fraisier đi khỏi, Gaudissart đến báo cho biết cuộc nói chuyện của ông ta với lão Schmucke tội nghiệp. Bà chánh án đồng ý hết, bà ta vô cùng biết ơn ông giám đốc nhà hát đã làm cho bà hết băn khoăn lo ngại vì ông ta có những nhận xét mà bà thấy là hết sức chính xác.

– Thưa bà chánh án, – Gaudissart nói – khi tới đây, tôi cứ nghĩ rằng ông lão đáng thương ấy không biết làm gì với tài sản của mình! Thật là một con người vô cùng thuần phác! Một con người hồn nhiên, một con người mang tính chất Đức, một con người hiền như bụt, một con người như tượng Jésum nhỏ bằng sáp đáng đem đặt trong hộp kính vậy!... Nghĩ là, theo ý tôi, ông ta sẽ hết sức bối rối vì hai nghìn năm trăm phơ-răng lợi tức, và bà khiến cho ông ta sống sa đọa mất...

– Thật là tốt bụng, – Bà chánh án nói – khi muốn làm giàu cho cái anh chàng đã thương tiếc ông anh họ tôi. Nhưng tôi lấy làm tiếc về *cuộc cãi cọ* vật đã làm chúng tôi bất hòa, ông Pons và tôi; nếu

đạo ấy ông ấy quay trở lại thì tất cả đã được tha thứ cho ông ấy. Giá ông mà biết chồng tôi quyến luyến ông ấy như thế nào. Ông De Marville đã thất vọng vì không được thiếp báo tin về cái chết này, vì ông ấy rất quan tâm đến nghĩa vụ gia đình, ông ấy đáng lẽ đã dự lễ, đã đi đưa tang, đã dự mai táng, và chính tôi, đáng lẽ tôi đã đến dự lễ cầu siêu ở nhà thờ...

– Vây thì! Thưa bà thân mến, – Gaudissart nói – xin bà cho sửa soạn văn bản đi; vào lúc bốn giờ, tôi sẽ đưa ông người Đức đến cho bà... Thưa bà, bà hãy nói giúp tôi với cô con gái duyên dáng của bà – nữ tử tước Popinot – để cô ấy nói với ông bạn danh giá của tôi, người cha tốt bụng và tuyệt vời của cô ấy, với vị chính khách lớn ấy, rằng tôi tận tâm biết bao nhiêu đối với gia đình ông, rằng xin ông tiếp tục ban những ân huệ quý giá cho tôi. Tôi đã nhờ chú của ông ấy – cụ thẩm phán – mà được sống, và bây giờ tài sản của tôi là nhờ ông... Tôi muốn nhờ bà và cô nhà để có được sự nể trọng gắn liền với những người có thế lực và có địa vị. Tôi muốn từ bỏ nhà hát, trở thành một con người nghiêm túc.

– Ông là người như thế, ông ạ. – Bà chánh án nói.

– Thật là tuyệt! – Gaudissart nói tiếp và hôn bàn tay khô gầy của bà De Marville.

Lúc bốn giờ, thấy tụ họp trong văn phòng của công chứng viên Berthier, trước hết là Fraasier – người thảo văn bản thương lượng – rồi đến Tabareau – người được ủy quyền của Schmucke, và bản thân Schmucke do Gaudissart đưa đến. Fraasier đã cẩn thận để sáu nghìn phơ-răng yêu cầu và sáu trăm phơ-răng kỳ hạn thứ nhất của lợi tức trọn đời thành giấy bạc đặt lên bàn giấy của công chứng viên và dưới mắt của lão người Đức, kinh ngạc vì thấy nhiều tiền đến thế, ông lão chẳng chú ý chút nào đến tờ giấy người ta đọc cho nghe. Con người tội nghiệp ấy – bị Gaudissart tóm được trên đường về từ nghĩa địa, nơi lão đã nói chuyện với Pons, nơi lão đã hứa là đi theo bạn – không còn làm chủ hoàn toàn được các năng lực đã

bị lung lay dữ dội vì biết bao chấn động. Vì vậy, lão không nghe thấy lời mở đầu của văn bản trong đó lão được giới thiệu là có được sự giúp đỡ của ông Tabareau – mô tả, người được ủy quyền và người cố vấn của lão – và trong đó người ta nhắc đến những nguyên nhân của vụ kiện do ông chánh án đưa đơn vì lợi ích của con gái. Lão người Đức đóng một vai trò chẳng ra gì, vì trong khi ký giấy, lão đã khiến cho những điều quyết đoán đáng sợ của Fraiser thắng thế; nhưng lão quá vui mừng thấy có tiền cho nhà Topinard, sung sướng được làm giàu – theo ý nghĩ nhỏ nhen của lão, cho người duy nhất đã yêu mến Pons, đến nỗi lão không nghe thấy một câu nào trong bản thương lượng về vụ kiện. Đọc đến giữa văn bản, thì một người thư ký bước vào phòng.

– Thưa ông, ở ngoài kia, – Hấn nói với chủ – có một người muốn nói chuyện với ông Schmucke...

Công chứng viên, căn cứ vào một cử chỉ của Fraiser, nhún vai một cách có ý nghĩa.

– Đừng bao giờ quấy rầy chúng tôi khi chúng tôi đang ký giấy tờ. Hỏi tên cái người... Đó là một thằng cha hoặc một ông nào đấy? Có phải là một chủ nợ đấy không?

Người thư ký trở lại, nói: – Anh ta nhất thiết muốn nói với ông Schmucke.

– Tên anh ta là gì?

– Anh ta là Topinard.

– Tôi sẽ ra đấy. Ông hãy bình tĩnh ký đi. – Gaudissart nói với Schmucke – Ông làm xong đi, rồi tôi sẽ đi xem hấn muốn gì ở chúng ta.

Gaudissart đã hiểu Fraiser, và mỗi người trong họ đã đánh hơi thấy mối nguy hiểm.

– Anh đến đây làm gì? – Ông giám đốc nói với anh làm công
– Anh không muốn làm thủ quỹ à? Đức tính đầu tiên của một thủ
quỹ... là sự kín đáo.

– Thưa ông!...

– Về làm việc đi, anh sẽ chẳng bao giờ là cái thá gì, nếu anh cứ
xen vào việc của người khác.

– Thưa ông, tôi sẽ chẳng bao giờ ăn thứ bánh mà nuốt chẳng
trôi!... Ông Schmucke ơi! – Anh kêu lên.

Schmucke – đã ký xong, cầm tiền ở tay – nghe tiếng Topinard
liền chạy đến.

– *Tây là tể cho cháu khải người Túc, fà để cho en...*

– A! Ông Schmucke thân mến ơi, ông đã làm giàu cho lũ quái
vật, cho những kẻ muốn cướp danh dự của ông đấy. Tôi đã mang cái
đó đến nhà một người tử tế, một viên đại tụng biết gã Fraisiert này,
và ông ấy bảo rằng ông phải trừng phạt bao nhiêu thói gian ác bằng
cách chấp nhận vụ kiện, và rằng chúng nó sẽ phải lùi bước... Ông
hãy đọc đi.

Và anh bạn đại đột đưa lệnh đòi ra tòa gửi cho Schmucke, ở khu
nhà Bordin. Schmucke cầm tờ giấy, đọc, và thấy mình bị đối xử như
thế này, không hiểu gì về những lời lẽ văn hoa của thủ tục tố tụng,
lão nhận được một đòn chết người. Viên sỏi kia đã nút chặt trái tim
lão. Topinard đỡ Schmucke trên cánh tay; cả hai người lúc bấy giờ
ở dưới cổng xe của công chứng viên. Một chiếc xe ngựa vừa đi qua,
Topinard đưa lão người Đức tội nghiệp lên xe, lão đang phải chịu
đựng những đau đớn của một cơn xung huyết tương ở não. Mất lão
mờ đi; nhưng lão nhạc công còn đủ sức để đưa tiền cho Topinard.
Schmucke chưa quy ngay vì cơn bệnh đầu tiên ấy; nhưng lão không
còn biết gì nữa; lão chỉ có những động tác vô ý thức; lão không ăn;
lão chết sau mười ngày mà không kêu ca gì vì lão không nói được
nữa. Lão được chị Topinard săn sóc, và được chôn không ai biết đến

cạnh Pons, nhờ những chăm chú của Topinard, nhân vật duy nhất đi theo đám tang của người con nước Đức.

Fraisier – được bổ làm thẩm phán hòa giải, rất thân thiết trong nhà ông chánh án và được bà chánh án đánh giá rất cao, bà chánh án không muốn y lấy *con gái nhà Tabareau*; bà hứa hẹn hơn thế rất nhiều với con người khôn khéo, con người mà theo bà, không những nhờ có anh ta mà bà mua được những đồng cỏ ở Marville và ngôi nhà vườn, mà còn nhờ có anh ta, ông chánh án được trúng cử, được làm nghị viên trong cuộc tổng tuyển cử lại năm 1846.

Mọi người chắc hẳn là muốn biết nữ nhân vật chính của câu chuyện này sẽ ra sao, câu chuyện không may là quá chân thật trong các chi tiết, và chuyện này đem gần với câu chuyện trước, mà nó là chị em sinh đôi, chứng tỏ rằng sức mạnh xã hội vĩ đại là tính cách. Các bạn phỏng đoán – ôi, những người tài tử, những người thông thạo, và những thương nhân – rằng vấn đề là bộ sưu tập của Pons chứ gì! Chỉ cần tham dự một cuộc trò chuyện tại nhà bá tước Popinot, ông ta khoe, mới cách đây ít ngày, bộ sưu tập lộng lẫy của ông cho những người nước ngoài xem.

– Thưa ngài bá tước, – Một nhà quý phái nước ngoài nói – ngài có cả một kho báu!

– Ô, thưa ngài, – Ông bá tước Popinot nói một cách khiêm tốn – về chuyện các bức tranh thì không ai – tôi không nói ở Paris, mà ở cả châu Âu – dám đua tranh với một kẻ vô danh, một lão Do Thái tên là Élie Magus, lão già kỳ cục, người đứng đầu những kẻ mê tranh. Lão đã tập hợp được trên một trăm bức tranh làm nản lòng những người tài tử định sưu tầm tranh. Nước Pháp sẽ phải bỏ ra từ bảy đến tám triệu để tậu lấy bộ sưu tập này khi lão nhà giàu ấy chết... Còn về những cổ vật, thì bộ sưu tập của tôi cũng khá đẹp để đáng được nói đến...

– Nhưng làm sao một người bận rộn như ngài, mà tài sản ban đầu kiếm được một cách trung thực như thế trong nghề buôn bán...

– Thuốc thang, – Popinot nói – lại đã có thể tiếp tục công việc thuốc thang...

– Không, – Người nước ngoài nói – nhưng ngài lấy đâu ra thì giờ để đi tìm? Những cổ vật không tự đến với ngài...

– Cha tôi, – Nữ tử tước Popinot nói – đã sẵn có phần nòng cốt của bộ sưu tập, cụ yêu nghệ thuật, những tác phẩm đẹp; nhưng phần lớn những vật quý giá của cụ là do tôi mà có!

– Do bà à, thưa bà?... Còn trẻ thế mà bà đã có những tật ấy! – Một ông hoàng người Nga nói.

Những người Nga là những người bất chước tài đến nỗi tất cả những chứng bệnh của nền văn minh đều dội lại ở họ. Khoa linh tinh học hoành hành ở Pétersbourg, và do sự dửng dưng cảm tự nhiên ở dân tộc ấy mà hậu quả là người Nga đã tạo ra trong *mặt hàng* – Rémonencq sẽ bảo thế – sự lên giá khiến cho các bộ sưu tập trở nên không thể thực hiện được nữa. Và ông hoàng ấy ở Paris chỉ duy nhất để sưu tập.

– Thưa hoàng thân, – Nữ tử tước nói – kho báu ấy thuộc về phần của tôi do thừa kế của một ông bác họ rất yêu mến tôi, và ông đã để ra hơn bốn mươi năm – từ năm 1805 – để thu thập trong mọi xứ sở, và chủ yếu ở Ý tất cả những kiệt tác này...

– Thế ông ấy tên gì? – Vị quý phái người Anh hỏi.

– Pons! – Ông chánh án Camusot nói.

– Đây là một người dễ thương, – Bà chánh án nói tiếp bằng một giọng nhỏ nhẹ – đầy trí tuệ, độc đáo và lại còn giàu tâm hồn nữa. Cái quạt mà ngài đang ngắm ấy, thưa ngài, là cái quạt của bà De Pompadour, được ông ấy trao lại cho tôi vào một buổi sáng khi nói với tôi một câu thú vị mà ngài cho phép tôi khỏi phải nhắc lại...

Và bà nhìn con gái.

– Xin bà nói cho chúng tôi nghe câu ấy đi, – Ông hoàng Nga nói – thưa bà tử tước.

– Câu nói thật xứng với cái quạt!... – Bà tử tước nói tiếp, và lời này đã được nói đi nói lại bất di bất dịch – Ông đã nói với mẹ tôi rằng đã đến lúc những cái từng nằm trong tay thối xấu phải về tay đức hạnh.

Vị hoàng thân nhìn bà Camusot de Marville với một vẻ hoài nghi hết sức đẹp lòng cho một người đàn bà khô đét đến thế.

– Ông ấy ăn tối mỗi tuần ba hoặc bốn lần ở nhà chúng tôi, – Bà nói tiếp – ông yêu mến chúng tôi biết mấy! Chúng tôi biết đánh giá cao ông ấy, nghệ sĩ thường thích thú với những người biết thưởng thức tài trí của họ. Và lại chồng tôi là người bà con duy nhất của ông ấy. Và khi đi sản về tay ông Marville – mà ông tuyệt nhiên có trông chờ gì đâu – thì ông bá tước thích mua toàn bộ hơn là thấy đem bán đấu giá bộ sưu tập ấy; chúng tôi cũng thế, chúng tôi thích bán như thế hơn, vì thật là ghê sợ thấy tàn mất đi bao nhiêu vật đẹp đã từng làm vui lòng ông anh họ thân mến ấy. Élie Magus lúc ấy là người thẩm định giá và vì thế, thưa ngài, tôi có thể có được ngôi nhà vườn do ông chú ngài xây dựng, và các ngài sẽ làm vinh dự cho chúng tôi khi đến thăm chúng tôi ở đấy.

Thủ quỹ của nhà hát – mà Gaudissart nhượng lại đặc quyền từ một năm nay đã chuyển qua tay người khác – thì vẫn là ông Topinard; nhưng ông Topinard đã trở nên ù rù, chán đời và ít nói; ông bị coi như đã phạm một tội ác và những kẻ đùa cợt vô duyên của nhà hát bảo rằng nỗi buồn của ông bắt nguồn từ việc cưới Lolotte. Cái tên Fraasier làm cho Topinard trung thực giật nảy mình. Có lẽ người ta thấy kỳ quặc khi tâm hồn duy nhất xứng đáng với Pons lại ở chốn tầm thường thấp kém của một rạp hát đường phố.

Mụ Rémonencq, bán khoán kinh ngạc vì lời tiên đoán của bà Fontaine, không muốn lui về nông thôn, mụ vẫn ngồi trong cái

cửa hàng lộng lẫy ở đại lộ Madeleine, lại một lần nữa ở góa. Thật thế, gã người Auvergne, sau khi cho lập hôn ước quy định của cải thuộc về người cuối cùng còn sống, đã đặt vừa tầm tay vợ một ly nhỏ sunfat đồng, nghĩ là vợ sẽ uống nhầm, và vợ gã, với một ý định tốt, đã để cái ly ra chỗ khác. Rémonencq đã nốc cạn cái ly ấy. Kết cục này, xứng đáng với gã gian ác kia, chứng tỏ rằng Ông Trời có mắt, điều mà các nhà miêu tả phong tục bị buộc tội là đã quên, có lẽ vì những mở nút của các tấn kịch thường lạm dụng điều đó.

Xin tha thứ cho những lỗi của người sao chép!

Paris, tháng 7/1846 – 5/1847.

NGUYỄN VĂN CHÍNH dịch

MỘT TAY LÀM ẲN KINH DOANH (UN HOMME D'AFFAIRES)

Một buổi tối, tại nhà của Malaga, nữ kỹ mã rạp xiếc, một số luật gia và nhà báo tụ tập quanh bàn tiệc: công chứng viên Cardot – người tình vẫn “bao” Malaga, đại tụng Desroches, các nhà báo Lousteau, Nathan, người vẽ tranh biếm họa Bixiou, và chàng công tử La Palférine. Địa điểm và thời điểm thích hợp cho những câu chuyện kể sau bữa ăn.

Trong khi trò chuyện, một đề tài chủ yếu được nêu lên: “nạn khan tiền” từ 1830 đến 1840 khiến những cuộc đấu giữa chủ nợ và con nợ diễn ra hàng ngày và hết sức gay gắt. Nhân Malaga nói tới một bà hàng mũ đi lại gần ba chục lần để đòi cô một khoản tiền vật là 20 phơ-răng, mà cô, một người chuyên tiêu xài những khoản tiền lớn, không bao giờ có. “Chị nấu bếp và chị hầu phòng của tôi có thể có hai mươi phơ-răng (...). Tôi thì tôi chỉ có uy tín, mà vay hai mươi phơ-răng, tôi sẽ mất uy tín”. – viên đại tụng Desroches bèn kể một câu chuyện; kết cục của chuyện được những người dự tiệc đem ra đánh cuộc.

Đó là cuộc quyết đấu giữa bá tước Maxime de Trailles, con nợ vĩnh cửu, kẻ khôn khéo nhất, tình vi nhất, táo tợn nhất, kiên quyết nhất trong đám “đạo tặc đi găng tay màu vàng” và hai tay làm ẵn kinh doanh thuộc hạng người cực kỳ bỉ ổi, xảo quyệt – Claparon và Cérizet. Chúng chung lưng mua lại các giấy vay nợ khó đòi từ các chủ cho vay lãi với giá rẻ mạt; chúng mua tờ giấy vay nợ 3.200 phơ-răng do Maxime de Trailles ký, với giá 500 phơ-răng. Nhưng

Maxime là con người coi việc “phải trả vào tháng Ba khoản nợ mình muốn đến tháng Mười mới trả là một sự vi phạm quyền tự do cá nhân”, và chủ nợ nào dùng mưu để được trả ngay, thì “theo một điều khoản trong bộ luật riêng của mình, Maxime coi đó là lừa đảo”. Trong cuộc chiến giữa hai địch thủ cùng gian hùng như nhau, Antonia – cô nhân tình trẻ được Maxime “bao” – có vai trò quan trọng, và cuối cùng, Maxime là kẻ bại.

(...) Desroches nói tiếp:

– Một buổi sáng, Cérizet kể từ khi mua giấy vay nợ của Maxime, đã từng bước đạt tới bộ dạng một nhân viên mô tô, vào được nhà vị bá tước sau bảy lần đến không gặp. Suzon, người hầu phòng già, mặc dù rất thạo, cuối cùng cũng cho Cérizet là một kẻ chạy chọt đến để đề nghị biếu Maxime một ngàn đồng équy nếu ông này đồng ý xin cho một quý bà trẻ tuổi một sớ bán tín chỉ. Suzon không ngờ vực chút gì về gã kỹ cục này, một thằng nhãi Paris thực thụ, khôn ngoan lười đời nhờ những lần bị kết tội tiểu hình ở cảnh sát, đã xin ông chủ nhận lời tiếp gã. Các bạn hãy nhìn kẻ làm ăn kinh doanh này: cái nhìn mờ ám, mái tóc thưa thớt, cái trán hói, bộ y phục màu đen tăm thường, vô vị, đôi ủng lấm bùn...

– Đúng là hình ảnh của nợ nần! – Lousteau kêu lên.

– Trước mặt vị bá tước, – Desroches nói (hình ảnh của con nợ ngạo mạn) – mặc áo khoác trong nhà bằng nỉ xanh da trời, đi dép trong nhà do một bà hầu tước nào đó thêu, quần len trắng, bộ tóc nhuộm đen đội một chiếc mũ chòm rất đẹp, áo sơ mi choáng lộn, tay đang nghịch những dải tua ở thắt lưng...

– Đó là bức tranh sinh hoạt, Nathan nói, dành cho những ai biết căn phòng chờ nhỏ bé, xinh đẹp, nơi Maxime ăn sáng, treo đầy những bức tranh có giá trị, tường căng lụa, nơi mà người ta vừa bước trên tấm thảm vùng Smyrne, vừa ngắm nghía những ngăn tủ bày đầy những vật hiếm, lạ, những vật mà vị vua vùng Saxe cũng phải thèm muốn...

– Cảnh diễn ra như sau. – Desroches nói.

Nói lên câu này, người kể chuyện khiến mọi người im phăng phắc.

“– Thưa ngài bá tước, – Cérizet nói – Tôi được ông Charles Claparon, nguyên chủ ngân hàng, cử đến đây. – Ô, ông ta muốn gì ở tôi, cái đồ quý... – Nhưng ông ta đã trở thành chủ nợ của ngài và ngài nợ ông ta món tiền là ba nghìn hai trăm phơ-răng bảy mươi nhăm xăng–tìm cả vốn lẫn lãi và chi phí...”

– Món nợ Coutelier chứ gì, Maxime nói, ông ta biết rõ công việc của mình như một hoa tiêu biết rõ bờ biển – Vâng, thưa ngài bá tước, Cérizet vừa đáp vừa nghiêng mình – Tôi đến để xem ý ngài thế nào. – Tôi sẽ chỉ trả món nợ này theo ý thích của tôi thôi, – Maxime đáp và rung chuông gọi Suzon. Claparon cả gan thật khi dám mua món nợ của tôi mà không hề bàn bạc với tôi. Tôi lấy làm phiền cho anh ta về chuyện này lắm, từ lâu, anh ta đã cư xử đúng như một gã bù nhìn làm bung xung cho các bạn bè của tôi. Tôi đã nói về anh ta: Quả thật phải hết sức ngu xuẩn mới đi phục vụ với đồng lương ít ỏi, và với lòng trung thành đến thế cho những người ních bạc triệu đầy túi. Thế thì, này, anh ta đã cho tôi thấy đây là một bằng chứng về sự ngu xuẩn của anh ta... Phải, người nào xứng với số phận người nấy! Hoặc mang mũ miện, hoặc mang hòn sắt xiềng vào chân tù khổ sai! Hoặc làm triệu phú, hoặc làm gác cổng, và tất cả đều thích đáng. Làm thế nào được, anh bạn? Riêng tôi, tôi không phải là một ông vua, tôi giữ những nguyên tắc của mình. Tôi không thương xót những kẻ tính chi phí với tôi hoặc những kẻ không thạo nghề chủ nợ. Suzon, đem trà cho ta! Người có thấy ngài đây không?... Ông ta nói với người hầu phòng – Ô, phải, người đã bị bầy, lão già tội nghiệp của ta. Ông đây là một chủ nợ, lẽ ra người phải nhận biết từ đôi giày của ông ta. Bạn bè của ta, những người dung cần đến ta, những kẻ thù của ta, chẳng ai đi bộ đến thăm ta cả. Thưa ông Cérizet thân mến, ông hiểu chứ? Ông sẽ không bao giờ chùi giày trên tấm thảm của tôi nữa, ông ta vừa nói vừa nhìn lớp bùn

trắng bám trên đế giày của đối thủ. Xin ông chuyển lời chia buồn của tôi đến ông Claparon tội nghiệp bởi vì tôi sẽ xếp chuyện này vào mục Z (Tất cả những điều này được nói ra với một giọng hiền từ khiến những nhà trưởng giả đức hạnh phát đau bụng).

– Ngài nhầm rồi thưa bá tước. – Cérizet đáp với một giọng quả quyết – Chúng tôi sẽ được trả toàn bộ và bằng một cách có thể làm ngài phiền lòng. Bởi vậy, tôi thân thiện đến với ngài, như giữa những người có giáo dục...

– À, ông nghĩ như vậy sao? Maxime lại nói, tức giận vì cái vẻ tự phụ này của Cérizet. Trong sự ngạo mạn ấy có khí chất kiểu Talleyrand, nếu các bạn thấy rõ sự tương phản giữa hai bộ y phục và hai con người. Maxime cau mày nhìn Cérizet, gã không chỉ đương đầu được với cơn giận dữ lạnh lùng này mà còn đáp lại bằng một vẻ tinh quái bằng giá toát ra từ ánh mắt chậm chạp của một con mèo cái – “Này, xin ông bước khỏi đây... –Ồ, được, xin cáo biệt ngài bá tước. Trước sáu tháng chúng ta sẽ hết nợ nần. – Nếu ông có thể *lấy cắp* được của tôi số tiền nợ ông, cái khoản ấy tôi công nhận là hợp pháp thì tôi sẽ chịu ơn ông đó, thưa ông, Maxime đáp, ông sẽ dạy cho tôi biết thêm vài thuật đề phòng... Xin phục vụ ông... – Thưa bá tước, Cérizet đáp, chính tôi mới là kẻ được phục vụ ngài”. Thật là rõ ràng, mạnh mẽ và chắc nịch ở cả hai phía. Hai con hổ dò ý nhau trước khi chiến đấu tranh giành một con mồi cũng không đẹp hơn, không mưu mẹo hơn, hai bản chất đều xảo quyết như nhau này, một bên thì trong vẻ thanh lịch ngạo mạn, bên kia thì dưới bộ quần áo vấy bùn. – Các bạn đánh cược xem ai sẽ thắng? Desroches nói, nhìn cử tọa của mình đang ngạc nhiên vì thấy thú vị sâu sắc đến thế.

NGUYỄN THỊ THÌN
tóm tắt và trích dịch

MỘT ÔNG HOÀNG CỦA GIỚI LƯU ĐĂNG (UN PRINCE DE LA BOHÊME)

Dinah de la Boudraye¹ đọc một truyện ngắn do nàng viết cho nhà văn kiêm nhà báo Raoul Nathan nghe. Chuyện kể về Claudine Chaffaroux và Charles-Edouard Rusticoli, bá tước De La Palférine thuộc giới lưu đăng, nghĩa là “những chàng trai, tuổi trên hai mươi nhưng chưa tới ba mươi, thấy đều là những bậc tài ba theo lối của họ (...) ở đó có tinh hoa vô dụng, đang khô héo đi, của giới thanh niên Pháp tuyệt vời mà Napoléon và Louis XIV tìm kiếm, mà từ ba chục năm nay chẳng được chính thể của các cụ già chú ý. Dưới chính thể này, mọi thứ đều tàn héo đi tại nước Pháp”. Năm 1834, La Palférine ngẫu nhiên gặp gỡ Claudine và trở thành tình nhân của nàng. Nguyên là vũ nữ, dưới cái tên là Tullia, sau khi rời sàn diễn, Claudine đã kết hôn với nhà soạn kịch De Bruel vào năm 1830. La Palférine chỉ coi quan hệ với Claudine là chuyện trăng gió thoáng qua, nhưng chàng lại là mối tình lớn, là niềm say mê mãnh liệt của Claudine. Để rũ bỏ nàng, La Palférine đưa ra đủ loại yêu sách, trong đó có việc nàng phải trở thành một phu nhân thượng lưu. “Nếu em muốn cứ là người tình của một De La Palférine kiết xác, không một xu dính túi, chẳng có tương lai, ít nhất em phải đại diện cho anh ta một cách xứng đáng. Em phải có xe ngựa, có kẻ hầu người hạ, có chế phục gia nhân, có tước vị...”. Và vì yêu La Palférine, Claudine đã tiến hành việc thúc đẩy, giúp đỡ chồng thăng tiến, khiến De Bruel trở thành bá tước, nguyên lão nghị viện nước Pháp.

1. Xem *Nàng Thơ của Quận* trong *Tấn trò đời*, tập 5, Nxb Thế Giới, 1999.

Đoạn trích dưới đây kể về cuộc gặp gỡ tình cờ của La Palférine và Claudine.

(...) Một ngày, một trong những ngày vô công rồi nghề mà tuổi trẻ tự thấy mình là gánh nặng cho mình (...) và chỉ ra khỏi tình trạng trì độn và thất vọng mà các cô gái ngạo mạn buộc họ phải chịu, để mà làm bậy, để mà tiến hành những trò hề quái gở (...). La Palférine cùng với chiếc can dài của chàng, đi lang thang trên chính cái vỉa hè giữa phố De Grammont và phố Richelieu. Từ xa, chàng nhìn thấy một phụ nữ, một phụ nữ phục sức quá thanh lịch, và, như chàng nói, mang đầy những thứ quá đắt giá, và mang một cách quá hồ hững, thành thử phải là một nữ chúa trong cung đình hoặc của nhà hát Opéra; nhưng sau tháng 7 năm 1830 thì theo chàng cái sự lập lờ nước đôi là không thể có và nữ chúa ắt hẳn là của nhà hát Opéra. Chàng bá tước trẻ đi bên cạnh người phụ nữ này, như thể chàng đã có hẹn với nàng; chàng đi theo nàng với sự ngoan cố thật lễ phép, với sự kiên trì phong nhã, liếc những ánh nhìn đầy quyền uy nhưng đúng lúc, và những cái nhìn này buộc người phụ nữ ấy phải để cho chàng đi hộ tống. Giá là một người khác, có lẽ đã bị lạnh cứng đi bởi sự đón nhận, bị chùng hững bởi những ứng đối đầu tiên của người phụ nữ, bởi cái vẻ lạnh nhạt chua cay, bởi những lời lẽ nghiêm khắc; nhưng La Palférine nói với nàng những câu khôi hài thú vị, chẳng có sự nghiêm túc nào, chẳng có quyết tâm nào chống cự nổi. Để thoát khỏi chàng, người phụ nữ không quen bước vào cửa hiệu thời trang của nàng; Charles-Edouard cũng vào đó, chàng ngồi xuống, chàng đưa ra ý kiến, chàng khuyên nàng với cái vẻ của một người chuẩn bị trả tiền. Sự bình tĩnh này làm người phụ nữ lo ngại, nàng bước ra. Trên cầu thang, người phụ nữ không quen biết nói với La Palférine, kẻ quấy rầy mình: “Thưa ngài, tôi đến nhà một người bà con của chồng tôi, một bà già, phu nhân De Bonfalot... – Ô, phu nhân De Bonfalot ư? Bá tước đáp, tôi rất lấy làm vui thích, tôi đang đi đến đó...”. Cả đôi cùng đi.

Charles-Edouard vào cùng với người phụ nữ này, mọi người tưởng nàng dẫn chàng đến, chàng tham gia câu chuyện, thể hiện trí tuệ tinh tế và lỗi lạc của mình. Cuộc viếng thăm kéo dài. Điều này chẳng hợp ý chàng. Chàng nói với người đàn bà không quen biết: “Thưa bà, xin bà đừng quên ông nhà đang chờ chúng ta, ông chỉ cho phép chúng ta đi mười lăm phút thôi mà”. Bối rối trước sự táo bạo này, các bạn biết đấy, cái sự táo bạo luôn làm ta thích, bị lôi cuốn bởi cái nhìn chế ngự, bởi cái vẻ vừa sâu sắc vừa ngây thơ mà Charles-Edouard rất biết cách thể hiện, nàng đứng dậy, khoác cánh tay người hộ vệ mình miễn cưỡng phải nhận, đi xuống cầu thang, và lúc đến ngưỡng cửa, nói với chàng: “ – Thưa ông, tôi thích đùa... – Và tôi cũng vậy!” Chàng nói. Nàng cười. Chàng nói tiếp: “Nhưng chuyện này trở thành nghiêm túc chỉ tùy thuộc ở bà. Tôi là bá tước De La Palférine và tôi rất hân hạnh được đặt cả trái tim lẫn tài sản của tôi dưới chân bà!”. Khi đó La Palférine hai mươi hai tuổi. Chuyện này xảy ra vào năm 1834. May sao hôm đó chàng bá tước ăn vận lịch sự. Tôi sẽ miêu tả chàng cho các bạn qua đôi lời. Đó là bức chân dung sống của vua Louis XIII, chàng có vầng trán xanh xao, duyên dáng nơi thái dương, nước da màu ô liu, màu da của người Ý, dưới ánh sáng đèn thì màu da đó trở thành trắng, mái tóc nâu để dài, và chòm râu dưới môi màu đen; nhờ đó chàng có vẻ nghiêm nghị và u buồn, bởi vì con người và tính cách của chàng tạo thành một sự tương phản đáng ngạc nhiên. Nghe tên và nhìn con người này, Claudine cảm thấy như rừng mình. La Palférine nhận ra điều đó; chàng nhìn nàng bằng đôi mắt đen sâu thẳm, hình hạnh nhân, có cặp mí hơi nhăn và hơi xạm, tiết lộ những niềm vui ngang với những nỗi mệt mỏi khủng khiếp. Dưới cái nhìn đó, nàng nói với chàng: “Địa chỉ của ngài! – Vụng dại thế! – Chàng đáp – Ô hay! Nàng mỉm cười nói – Con chim đậu trên cành ư? – Vĩnh biệt bà! Bà là một phụ nữ mà tôi hằng mong ước, nhưng tài sản của tôi chẳng hề giống khao khát của tôi ...” Chàng chào nàng rồi bỏ đi thẳng, không hề ngoái lại. Hôm sau nữa, do một trong những điều định mệnh chỉ có thể có tại Paris, chàng đến một hiệu buôn bán y phục

kiêm cho vay cầm đồ để bán số quần áo thừa của mình, sau khi mặc cả rất lâu, chàng đang nhận tiền với vẻ áy náy chẳng yên lòng thì người phụ nữ không quen đi ngang qua và nhận ra chàng. Chàng liền lớn tiếng bảo anh nhà buôn sùng sờ kinh ngạc: “Này, tôi chẳng mua chiếc kèn sần của ông đâu!” Rồi chàng chỉ vào một chiếc kèn sần to tướng, treo ở bên ngoài và nổi bật trên các bộ y phục đi sần của các đại sứ và các vị tướng thời Đế chế. Đoạn, kiêu hãnh và hăng hái, chàng lại đi theo thiếu phụ. Từ cái ngày trọng đại của cây kèn sần ấy, họ ăn ý với nhau cực kỳ...”

NGUYỄN THỊ THÌN
tóm tắt và trích dịch

GAUDISSERT II

“Biết bán, có thể bán và bán!” câu mở đầu này thu tóm chủ đề của truyện. Đó chính là mục tiêu bất di bất dịch của những người bán hàng. Người chào hàng trong Gaudissart trứ danh¹ đã khiến tên riêng của mình thành cái tên chung cho một kiểu người. Gaudissart là kẻ phát minh ra “những thủ thuật bán hàng” nhất định thắng, bất kể mọi trở lực, vẫn lưu truyền cho tới ngày nay. Với tinh thần ấy, anh ta là người cha tinh thần của các nhân viên bán hàng cùng ông chủ của một cửa hiệu bán khăn choàng.

Một phụ nữ người Anh vào cửa hàng xem những chiếc khăn choàng với vẻ thờ ơ lạnh nhạt. Những người bán hàng mời chào, khơi gợi sự chú ý của bà khách hàng nhưng hầu như không lay chuyển được bà ta. Lúc ấy chính người chủ vào cuộc. Ông ta sai đưa ra một chiếc khăn, tán dương nó như là chiếc độc nhất vô nhị và xướng lên cái giá “cắt cổ”. Vào lúc cuộc thương lượng tưởng đã thất bại, ông ta vẫn bán được hàng. Bí quyết của ông ta trong trường hợp này là biết rõ tâm lý của khách, bà ta lưu tâm đến thái độ của mọi người đối với mình hơn là đến bản thân chiếc khăn.

Tác giả trình bày trước người đọc việc bán hàng như một sự dàn cảnh hết sức quy củ, như một vở kịch dẫn tới kết thúc không thể khác được. Trong cuộc đấu giữa những người bán hàng và bà khách người Anh – “mẫu gốc” của khách hàng khó tính, theo tác giả – sự thách thức càng thú vị bởi món hàng là một tấm khăn choàng kỳ cục, khó bán vô cùng.

1. Xem Tấn trò đời, tập 5. Nxb Thế giới, 1999.

(...) “Những gã Gaudissart lão luyện ấy mỗi tuần đã độ sức với hàng nghìn sự thay đổi thất thường, họ biết hết mọi rung động của những sợi tơ – casomia trong trái tim những người phụ nữ. Khi một cô gái lẳng lơ, một quý bà đáng kính, một người mẹ trẻ của gia đình, một nàng phong lưu đài các, một bà trưởng giả hiền lành, một vũ nữ trơ trẽn, một tiểu thư thơ ngây, một phụ nữ ngoại quốc quá ngây thơ xuất hiện, mỗi người trong số họ lập tức được phân tích bởi bảy hoặc tám người đàn ông kia – họ đã nghiên cứu người phụ nữ đó vào lúc người này đặt tay lên quả đấm ở cửa ra vào cửa hàng, những người đàn ông nọ đứng bên cửa sổ, ở quầy hàng, ở cửa ra vào, ở một góc nào đó, ở giữa cửa hiệu, có vẻ như đang nghĩ về những niềm vui của một ngày chủ nhật rồi tỉnh rồi mù; quan sát họ, người ta cứ tự hỏi: – Họ có thể nghĩ tới điều gì nhỉ? Túi tiền của một phụ nữ, những ham muốn, những ý định, sở thích ngông của cô ta được sẫm soi còn kỹ hơn cả nhân viên hải quan sẫm soi một cỗ xe khả nghi ở biên giới trong bảy khắc đồng hồ...”

NGUYỄN THỊ NAM
tóm tắt và trích dịch

NHỮNG VIÊN CHỨC (LES EMPLOYÉS)

Nam tước De La Billardière, cục trưởng ở một Bộ quan trọng bị bệnh mắt, khiến việc tìm người thay thế ông được đặt ra. Trưởng phòng Rabourdin đứng đắn, có khả năng và thâm niên cần thiết, là người thay thế đương nhiên. Baudoyer, một trưởng phòng khác là “một con số không mềm nhũn” khó có hy vọng được đề bạt. Tuy nhiên, sự việc ở đời không xảy ra như người ta nghĩ.

Célestine, vợ Rabourdin, một phụ nữ trẻ và đẹp dùng mọi cách phỉnh phờ Des Lupeaulx, tổng thư ký của Bộ và qua ông, được gán gửi Bộ trưởng để có lợi cho việc thăng tiến của chồng mình.

Trái với Célestine đơn thương độc mã chiến đấu, Elisabeth Baudoyer huy động toàn gia đình mình tham gia cuộc chiến, đã có quà biếu Nhà Thờ để được sự ủng hộ, đã dùng hai tay cho vay nặng lãi cự phách Gigonnet, và Gobseck gây áp lực với Des Lupeaulx: trong khi bà Rabourdin được lời hứa của Bộ trưởng đến sáng mai là có quyết định nâng cấp cho Rabourdin thì Elisabeth Baudoyer được báo chí bên Nhà Thờ và phía Nhà Vua công khai ủng hộ, cử Gigonnet và Gobseck đến gặp Des Lupeaulx cho biết nợ của ông ta sẽ được hoãn trả, đất hương hỏa nhà ông sẽ mở rộng do được ủng hộ tiền tậu thêm đất mới, giúp ông đủ điều kiện trở thành đại cử tri và từ đấy thành nghị viên.

Có lẽ Des Lupeaulx thích đề nghị của bên Baudoyer mở đường cho ông tới một tương lai sáng lạn hơn là thích những nụ cười tươi và cử chỉ duyên dáng của bà Rabourdin – chẳng hứa hẹn điều gì

chắc chắn. Ông bèn đổi hướng, ủng hộ Baudoyer. Trong lúc Bộ trưởng còn đang lưỡng lự không biết chọn Roubourdin hay Baudoyer, thì Des Lupeaulx đưa ra trình một tài liệu mà một nhân viên phản bội ở phòng Roubourdin đã đánh cắp được; trong tài liệu ấy, Roubourdin phân tích một cách sâu sắc và không khoan nhượng những thiếu sót của chính phủ về mặt quản lý và đề xuất những biện pháp lớn cải cách hành chính. Nhưng ý định tốt, biện pháp hay không giúp cho các sáng kiến được chấp nhận, thất bại của Roubourdin chứng tỏ điều đó.

Không được đề bạt, để bảo vệ danh dự, Roubourdin xin từ chức trưởng phòng, một số bạn đồng nghiệp của anh cũng viết đơn xin thôi việc hoặc xin chuyển đi nơi khác.

Ở đây, Balzac không đưa ra những khám phá bí ẩn, nhưng giúp ta hiểu biết những tính cách của một thế giới bàn giấy, quan liêu được ghi lại chính xác, đầy châm biếm. Chủ đề này sẽ được tiếp tục trong nhiều truyện kể Pháp cuối thế kỷ, từ những truyện vừa của Maupassant đến tác phẩm nổi tiếng của Courteline Những ngài cạo giấy (*Messieurs les ronds-de-cuir*).

[Lần đầu, Des Lupeaulx đến nhà Célestine Roubourdin.]

(...) Mặc dầu là người từng biết những cái hào nhoáng thật hay giả của mọi tầng lớp, Des Lupeaulx vẫn ngạc nhiên khi đến nhà bà Roubourdin. Có thể dùng một so sánh để giải thích sự say mê xâm nhập Asmodée người Paris¹ ấy. Xin bạn hãy tưởng tượng một người lữ hành đã chán muôn vẻ giàu đẹp của nước Ý, Brésil, Ấn Độ, trên đường trở về quê nhà, người ấy thấy một cái hồ nhỏ kỳ thú như hồ D'Orta ở chân núi Mont-Rose², một đảo con giữa mặt nước bình

1. Một nhân vật của Lesage trong tác phẩm *Le Diable boîteux*: Asmodée dờ mái lợp các nhà ở Madrid ra cho bạn mình xem những gì diễn biến bên dưới.

2. Hồ D'Orta ở Ý.

lặng, đom đóm mà đơn sơ, mộc mạc song lộng lẫy, đơn độc mà được phụ họa tuyệt vời: những lùm cây xinh, những bức tượng gầy, cảm giác đẹp. Bờ hồ xung quanh vừa hoang dã vừa như được chăm nom; bên ngoài là kỳ vĩ và hỗn loạn, bên trong là những tâm vóc của con người. Cái thế giới mà người lữ hành đã từng trải được thấy lại, thu nhỏ, khiêm nhường và trong sáng, tâm hồn người lữ hành được yên ổn như xui anh nên ở lại nơi này, vì một duyên sắc du dương và thi vị, bao quanh anh bằng tất cả những gì hài hòa và thức tỉnh mọi ý tưởng. Đó vừa là Tu viện, vừa là cuộc sống! Vài hôm trước đó, bà Firmiani kiêu diễm, một trong những giai nhân mê hồn nhất của khu Saint Germain và là người yêu mến Bà Rabourdin, thường tiếp đón Bà Rabourdin, đã cố ý mời Des Lupeaulx đến nhà để nói câu này: “Tại sao ông không đến nhà bà đây?” Rồi bà vừa chỉ Célestine vừa nói tiếp: “bà đây có những buổi tiếp khách rất thú vị và nhất là ăn tối ở nhà bà thì... ngon hơn ăn ở nhà tôi”. Des Lupeaulx đã buột miệng hứa hẹn với Bà Rabourdin kiêu diễm, bà này lần đầu tiên, ngược mắt lên nhìn ông khi nói với ông. Thế là ông đến phố Duphot, điều đó đã không nói lên đủ mọi chuyện rồi sao? Phụ nữ họ chỉ có một mẹo, Figaro¹ kêu lên, nhưng mẹo đó không thể đánh bại được. Khi đến ăn tối ở nhà ông trưởng phòng tâm thường đó, Des Lupeaulx tự hứa thỉnh thoảng sẽ đến ăn. Do người phụ nữ kiêu diễm kia, mà Bà Colleville dịch thủ gọi bằng biệt danh *ả Célimène ở phố Duphot*, biết cách tiếp đón đoan trang và lịch sự nên từ một tháng nay thứ sáu nào Des Lupeaulx cũng đến dùng bữa tối và thứ tư nào cũng tự ý đến uống tách trà ở đó. Từ vài ngày lại đây, sau nhiều lần điều tra khéo léo và tinh tế, Bà Rabourdin cho rằng mình đã tìm thấy chỗ để đặt chân một lần nơi tấm ván cấp Bộ kia. Bà tin chắc ở thành công. Niềm vui trong lòng bà chỉ có thể hiểu được ở những gia đình viên chức suốt ba, bốn năm đồng, đã tính toán sự sung túc nhờ một việc thăng chức được

1. Figaro: nhân vật trong vở *Đám cưới của Figaro* của Beaumarchais.

ước mong, vuốt ve, nâng niu. Biết bao nhiêu đau khổ được xoa dịu! Biết bao nhiêu ước mong được gửi lên các vị thần cấp bộ! Biết bao những cuộc thăm viếng vụ lợi! Tóm lại, nhờ sự tảo bạo hăng hái của mình, Bà Rabourdin nghe vang lên giờ khắc bà sắp có hàng năm hai mươi nghìn phơ-răng thay vì tám nghìn phơ-răng.

“Và mình sẽ xử sự đúng, bà tự nhủ. Mình có tiêu pha chút ít; nhưng, chúng ta không ở một thời kỳ người ta đi tìm những người tài giỏi ẩn mình, trái lại người nào xuất đầu lộ diện, có mặt ở giới giao tế, quan hệ với mọi người và tạo dựng những quan hệ mới thì người đó thành đạt. Chung quy các vị bộ trưởng và bạn của các vị chỉ quan tâm đến những người họ hay gặp, thế mà Rabourdin chẳng ngờ tới thiên hạ! Nếu trước mình không dụ dỗ ba vị nghị viên kia thì có lẽ họ đã dòm ngó đến vị trí của ông De La Billardiére rồi. Còn như mình tiếp đón họ ở nhà mình thì họ có liêm sỉ, họ trở thành chỗ dựa cho mình chứ không là địch thủ của mình nữa. Mình có làm đom một chút nhưng mình sung sướng thấy rằng những trò ngớ ngẩn đầu tiên đưa ra mua vui cho các bậc nam nhi đã đủ...”

[Những đối phó của cánh Baudoyer.]

(...) “Khi Saillard và con rể bước vào phòng khách ở tầng một, họ thấy lò sưởi cháy rực, bà Saillard, Elisabeth, ông Gaudron và cha xứ nhà thờ Saint Paul. Cha xứ quay về phía Baudoyer. Vợ Baudoyer ra hiệu cho chồng nhưng chồng không hiểu ý lắm.

— Thưa ông, cha xứ nói, tôi vội tới đây để cảm ơn ông về tặng phẩm tuyệt vời của ông, nó đã tô điểm thêm cho nhà thờ nhỏ bé của chúng tôi, trước đây tôi không dám vay nợ¹ để mua chiếc bình đựng thánh thể đẹp đến thế, xứng đáng đặt ở một nhà thờ lớn. Ông là một trong những con chiên ngoan đạo và siêng năng đi lễ nhất nên hơn bất cứ một người nào khác, ông hẳn đã kinh ngạc trước vẻ trụi

1. Nguyên văn: “... không dám mắc nợ để mua...”

của bàn thờ chính nơi chúng tôi. Một lát nữa, tôi sẽ tiếp kiến đức phó giám mục, người sẽ bày tỏ với ông sự hài lòng của người.

– Tôi đã làm gì đâu... Baudoyer nói.

– Thưa cha, bà Baudoyer ngắt lời chồng, con có thể nói hết điều bí mật của chồng con ra đây. Để hoàn tất công đức của mình, nhà con dự kiến gửi biếu nhà thờ một tấm đỉnh màn thờ nhân dịp ngày Lễ Thánh sắp tới này đây ạ. Nhưng mua được tấm đỉnh màn thờ hay không còn tùy thuộc vào khả năng tài chính của chúng con, mà tài chính của chúng con lại phụ thuộc vào việc thăng chức của chồng con.

– Chúa gia ân cho ai kính Chúa, ông Gaudron vừa nói vừa cùng cha xứ đi ra.

Saillard nói với ông Gaudron và cha xứ:

– Tại sao các vị không cho chúng tôi vinh dự được mời các vị dùng tạm cơm bữa với chúng tôi?

– Cha phó xứ thân mến, cha ở lại nhé, cha xứ nói với Gaudron. Cha biết tôi được cha xứ Saint Roch mời rồi, ngày mai cha xứ đọc kinh đưa tang ông De La Billardière.

– Không biết cha xứ Saint Roch có thể nói giúp một lời cho chúng tôi được không ạ? Baudoyer nói; bà vợ vội giật mạnh tà áo rơđanhgốt của chồng:

– Ông im đi không? Bà kéo ông ra một xó nói nhỏ vào tai: “Anh đã cụng vào nhà thờ chiếc bình đựng thánh thể giá năm nghìn phơ-răng rồi đấy. Em sẽ nói rõ hết cho anh nghe sau”.

[...]

– Thưa cha, con hy vọng cha đến tòa báo đúng lúc chứ ạ? Elisabeth vừa hỏi ông Gaudron vừa múc món canh mời ông.

– Vâng, thưa bà, ông lĩnh mục phó trả lời. Ngay sau khi xem xong thư của ông bí thư tòa Đại tuyên úy, ông giám đốc tòa báo không tỏ vẻ khó khăn gì nữa. Chính tay ông sắp xếp cho in cái tin

vấn ấy vào chỗ thích hợp nhất trên trang báo, việc ấy thật tôi chưa bao giờ nghĩ tới; nhưng ông nhà báo trẻ tuổi này quả có đầu óc thông minh tinh táo thật. Những người bảo vệ Đạo sẽ có thể chiến đấu chống lại cái vô đạo mà không bị bất lợi, có rất nhiều tài năng ở các báo bảo hoàng. Tôi có cơ sở để tin rằng bà sẽ thành công. Nhưng ông Baudoyer thân mến này! Xin ông đừng quên nâng đỡ ông Colleville đấy nhé! Ông ta được Đức Chủ giáo quan tâm đấy, người ta nhắc tôi nói lại với ông việc ấy...

– Nếu tôi được bổ nhiệm làm cục trưởng, tôi sẽ cất nhắc ông ta làm một trưởng phòng của tôi, Baudoyer nói.

Ấn ngữ được giải đáp khi mọi người ăn tối xong. Tờ báo của bộ¹, do người gác cổng mua, có đăng hai bài sau đây gọi là tin vắn ở mục Sự kiện – Paris.

“Nam tước De La Billardièrre, sau một thời gian dài lâm bệnh, đã mất sáng nay. Nhà Vua đã mất một trung thần, Nhà Thờ mất một người con ngoan đạo. Ông De La Billardièrre đã cống hiến cuộc đời đẹp đẽ của mình một cách xứng đáng và trọn vẹn cho những sứ mệnh nguy nan vào những thời điểm gay go và mới đây nữa cho những chức vụ khó khăn nhất.

Ông De La Billardièrre là một đại pháp quan ở một tỉnh, tại đó lòng quả cảm của ông đã vượt qua những trở ngại do sự phản loạn gây nên nhiều vô kể. Ông đã nhận một trách nhiệm khó khăn mà ánh sáng trí tuệ của ông hữu ích không kém phong thái hòa nhã mang tính cách Pháp của ông, nhằm giải quyết ổn thỏa những vụ việc nghiêm trọng đặt ra. Không có phần thưởng nào xứng đáng hơn phần thưởng do đức vua Louis XVIII và Hoàng thượng đã ban cho ông, người có lòng trung thành không lay chuyển dưới thời kẻ tiếm

1. Báo của phái Bảo hoàng gồm các báo *La Gazette de France*, *Le Journal de Paris*, *Le Diapreau blanc*, *Le Pilote* và *Le Moniteur* có tổng cộng 14.344 người đặt mua đối với các báo của phe đối lập có 41.390 người mua.

quyền. Gia đình cự tộc đó sẽ sống mãi qua một con giòng cháu giống thừa hưởng những tài năng và sự tận tụy của một con người tuyệt vời như ông mà sự ra đi hôm nay để lại trong lòng các bạn bè bao nỗi tiếc thương. Hoàng thượng đã cho biết bằng một sắc thư đầy nghĩa tình rằng ông Benjamin De La Billardière được xếp vào số các nhà quý tộc của Nghị viện.

“Xin thông báo cùng những thân bằng cố hữu chưa nhận được giấy báo tang hoặc giấy báo tang chưa đến kịp rằng tang lễ sẽ cử hành vào hồi bốn giờ ngày mai tại nhà thờ Saint Roch. Linh mục Fontanon sẽ đọc kinh diếu.”

“Ông Isodore Baudoyer, tiêu biểu cho một trong những gia đình lâu năm nhất của giới tư sản Paris và là trưởng phòng ở Cục La Billardière vừa có một nghĩa cử làm nhớ lại những truyền thống lâu đời về lòng mộ đạo là điểm nổi bật ở những dòng họ lớn xiết bao thiết tha với sự huy hoàng của Đạo Chúa và xiết bao quan tâm đến tình trạng của các nhà thờ. Nhà thờ Saint-Paul thiếu một bình đựng thánh thể hợp với vẻ đẹp long lanh của nhà thờ do Hội đoàn của Chúa xây dựng. Ban quản trị cũng như vị linh mục ở nhà thờ không đủ tiền để có bình đựng thánh thể xứng đáng trang hoàng bàn thờ. Ông Baudoyer đã tặng nhà thờ chiếc bình mà nhiều người đã được chiêm ngưỡng ở hiệu ông Gohier, thợ kim hoàn của nhà vua. Nhờ con người kính tín không ngại ngần trước giá tiền quá lớn, ngày nay nhà thờ Saint-Paul có được kiệt tác kim hoàn trên, mà hình vẽ do ông De Sommervieux khắc họa. Chúng tôi xin đăng báo sự kiện trên để chứng tỏ những lời phát biểu của phái tự do về tinh thần của giới tư sản Paris là nhắm nhĩ. Thời nào cũng vậy, giới đại tư sản mang tư tưởng bảo hoàng, và giới đó luôn chứng tỏ điều này khi có dịp.”

PHẠM ĐỨC
tóm tắt và trích dịch

NHỮNG DIỄN VIÊN KHÔNG TỰ BIẾT (LES COMÉDIENS SANS LE SAVOIR)

Tác phẩm này được xuất bản năm 1846, nhằm giới thiệu những nét đặc sắc của thành phố Paris theo kiểu các sách Hướng dẫn (Guide) và đã đổi mới cách viết hồi bấy giờ: vui vẻ, hấp dẫn, nhiều tình tiết mang tính kịch lôi cuốn người đọc. Cốt truyện thật đơn giản: Sylvestre Gazonal là chủ một xưởng dệt ở Pyrénées, phía tây-nam nước Pháp. Ông đã đứng nguyên đơn gửi lên Hội đồng Chính phủ kiện chính quyền địa phương xét xử không công bằng việc một con đập cần thiết cho xưởng dệt của ông. Phải lên Paris hầu kiện, ông nhớ ra mình có một người em họ bỏ quê từ khi còn nhỏ để lên Paris kiếm sống nay trở thành một họa sĩ vẽ tranh phong cảnh nổi tiếng không những ở Paris, ở Pháp mà còn ở một số nước châu Âu. Đó là Léon de Lora. Ông tìm gặp người em họ, kể lể sự tình và được em hứa giúp đỡ. Thấy vẽ thơ ngây chất phác của Gazonal, Léon cùng Bixiou, người bạn vẽ tranh châm biếm có tài, tự nguyện hướng dẫn ông đi tìm hiểu đời sống Paris.

Do đó mà có một cuộc hành trình hồi hải trong hai ngày, đi bộ hay đi xe, vào ngõ này rẽ phố kia, gặp những con người khác nhau về tuổi tác, nghề nghiệp, giới tính, địa vị xã hội, nhưng giống nhau ở một điểm: họ đều có đặc tính của những vật lạ và hiếm mà Léon và Bixiou thấy cần phải giới thiệu cho Gazonal biết trong hành trình khám phá Paris. Đó là một nữ sinh học múa ở nhà hát Opéra; là giám đốc tòa báo Gaillard; người làm mũ Vital; bà Nourisson bán quần áo phụ nữ và đồ trang sức cũ; người gác cổng Ravenouillet; người cho vay lãi Vauvinet; là Marius, ông vua các cửa hàng cắt

tóc; ông Dubourdieu họa sĩ theo tư tưởng Fourier; thám tử tư của một bộ, Fromentin; bà Fontaine bói toán bằng quân bài, Masson người chữa bệnh chai chân, theo phái cộng hòa; các nghệ sĩ, sau cùng là hai cô gái ăn chơi loại sang Jenny Cadine và Carabine.

Đoạn trích dưới đây kết thúc câu truyện nói về cuộc gặp gỡ của Gazonal với hai cô gái này.

(...) Léon nói với người anh họ:

– Bây giờ là sáu giờ; tối nay, trước khi dẫn bác đi xem cô Odry diễn vở *Les Saltimbanques* (Những người leo dây múa rối) tôi phải dẫn bác đến gặp bà Cadine, một nữ diễn viên được ông báo cáo viên tòa án của bác năng đi lại lắm đấy; cô cũng là người tối nay bác phải kiên trì tán tỉnh.

– Vì bác phải tranh thủ cái cây thế lực ấy nên tôi cần căn dặn vài điều – Bixiou nói tiếp – Ở xưởng bác, bác có mượn các nữ công nhân không đấy?

– Chắc chắn là có rồi, Gazonal trả lời.

– Đó là tất cả điều tôi muốn biết, Bixiou nói, bác chưa cưới vợ, bác là một tay rất...

– Đúng rồi! Gazonal kêu lên, chú đoán đúng thế mạnh của tôi, tôi yêu phụ nữ...

– Thế thì nếu bác thực hiện cái mẹo nhỏ tôi sắp hiến bác đây thì chẳng phải tốn một đồng liard¹ bác vẫn được biết những thú mê ly người ta được hưởng trong tình thân mật của một người nữ diễn viên.

Khi đến nhà cô nữ diễn viên nổi tiếng ở phố La Victoire, Bixiou vẫn suy nghĩ về một trò tình nghịch trên Gazonal vốn hay ngờ vực;

1. Đơn vị tiền tệ cũ, bằng một phần tư xu.

anh mới vạch được vài nét cho vai trò ông phải đóng thì Gazonal, như chúng ta sẽ thấy, chỉ mới nghe qua đã hiểu ngay.

Khi ba người lên tầng ba một tòa nhà khá đẹp thì Cadine đã ăn tối xong vì cô phải sắm vai trong vở diễn ở buổi thứ hai tại rạp Gymnase. Sau khi giới thiệu Gazonal với cây thế lực ấy, Léon và Bixiou muốn để mình ông ta ở lại với cô liền lấy cớ phải đi xem một đồ gỗ mới, để rút lui; nhưng trước khi chia tay cô diễn viên, Bixiou ghé sát tai cô nói: “Đây là ông anh họ của Léon, một nhà sản xuất giàu có cỡ triệu phú. Vì muốn thắng vụ kiện ở Hội đồng Nhà nước chống lại ông tỉnh trưởng tỉnh nhà, nên ông thấy cần phải mua chuộc cô để có ông Massol ủng hộ ông ấy đấy.”

Cả Paris đều biết sắc đẹp của cô đào nhất này nên người ta hiểu được sự ngạc nhiên sững sốt của Gazonal khi thấy cô. Lúc đầu Jenny tiếp đãi gần như lạnh nhạt nhưng sau, trong vài phút chỉ có hai người, ông trở thành người được Jenny ân cần săn sóc tới.

Vừa nhìn một cách khinh bỉ đồ đạc ở phòng khách qua cánh cửa do hai anh bạn đồng lõa để ngỏ khi đi ra và đoán những đồ đạc trong phòng ăn cũng giá trị như vậy thôi, Gazonal nói: “Thế nào! Làm sao người ta có thể để một người phụ nữ như bà ở một nơi bẩn thỉu như thế này?”

– A! Biết làm sao được, Massol không phải là người giàu có, tôi đợi sau này ông ấy thành bộ trưởng.

– Ông ấy mới tốt phúc làm sao! Gazonal thốt lên và thở dài kiểu con người tỉnh lẻ.

“Tốt! Cô nữ diễn viên tự nhủ; đồ đạc của mình ắt sẽ được thay; mình sẽ địch lại được Carabine đây!”

Léon trở về nói:

– Nay, cô bạn, tối nay cô đến nhà cô Carabine chứ? Ta sẽ ăn bữa đêm và đánh bài.

– Thưa ông, ông cũng có mặt ở đó chứ ạ? Jenny Cadine ngây thơ và duyên dáng hỏi Gazonal.

– Vâng, thưa bà, Gazonal đáp, choáng váng vì thành công nhanh chóng đó.

– Nhưng ông Massol cũng có mặt ở đó, Bixiou nói tiếp.

– Thì có làm sao nào? Jenny đáp lại. Nhưng chúng ta đi thôi, các bạn yêu quý, tôi phải đến nhà hát đây.

Gazonal dắt cô diễn viên ra tận chiếc xe đang chờ cô và bóp chặt tay cô thật đau yếm đến nỗi cô lắc lắc những ngón tay mà nói: “Ồ này! tôi không có bàn tay dự bị để thay đâu nhé!

Vào trong xe, Gazonal tìm cách ôm Bixiou mà kêu lên: “Nàng cần câu rồi, cậu đáng tự hào là một tên gian tà...”

– Phụ nữ họ cũng bảo thế, Bixiou đáp.

Khi tan hát vào lúc mười một rưỡi đêm, ba anh bạn đi xe đến nhà cô Sérafine Sinet được mọi người biết nhiều hơn với cái tên Carabine, một trong những cái tên chiến trận¹ mà các cô gái ăn chơi nổi tiếng tự đặt cho mình hoặc được người khác gán cho; Sérafine có biệt danh ấy có lẽ vì bao giờ cô cũng giết chết con chim câu² của cô.

Carabine trở nên gần như là một sự cần thiết đối với ông chủ ngân hàng Du Tillet, đại biểu cánh Trung tả; hồi đó cô đang ở một ngôi nhà đẹp để phở Saint Georges. Ở Paris có những nhà không thay đổi sự sử dụng như ngôi nhà này đã có bảy đời cô gái ăn chơi đến ở. Khoảng năm 1827, một nhân viên hối đoái từng đưa cô Suzanne du Val Noble đến ở; cô này từ đó trở thành Bà Gaillard. Nàng Esther nổi tiếng đã khiến nam tước Nucingen thực hiện ở đây

1. Carabine: súng ngắn.

2. Pigeon: chim câu, còn có nghĩa là người khờ khạo, dễ bị lừa.

những hành động điên rồ duy nhất trong đời ông ta. Florine rồi một cô nữa người ta gọi đùa là bà Schontz *quá cố* đã lần lượt chói lòa rực rỡ tại nhà này. Chán vợ, Du Tillet mua ngôi nhà nhỏ hiện đại ấy cho Carabine danh tiếng lấy lòng, mà trí tuệ linh hoạt, cử chỉ phóng túng, sự buông tuồng hiển hách tạo ra một đối trọng cho cuộc sống gia đình, chính trị, tài chính của ông ta. Dù cho Du Tillet hoặc Carabine có nhà hay vắng nhà, ngày nào cũng có một bàn tiệc thịnh soạn được dọn ra cho mười người ăn. Những nghệ sĩ, những nhà văn, nhà báo, những người thân quen của gia đình đến đây ăn uống. Họ chơi bài buổi tối. Không ít nghị sĩ ở Thượng hay Hạ nghị viện đến đây tìm cái mà ở Paris bán đắt hơn vàng: đó là lạc thú. Những người đàn bà kỳ quặc, những ngôi sao băng rất khó phân loại của bầu trời Paris mang đến đây những trang phục giàu sang lộng lẫy. Ở đây người ta rất hóm hỉnh vì ở đây người ta có thể nói đủ thứ và thực tế người ta nói đủ thứ. Carabine, đối thủ của nàng Malaga lấy lòng không kém, cuối cùng đã kế thừa thính phòng của Florine nay trở thành bà Nathan, thính phòng của Tullia nay trở thành bà Du Bruel; thính phòng của bà Schontz, người trở thành bà Chánh án Du Ronceret. Bước chân vào phòng khách của Carabine, Gazonal chỉ nói một câu nhưng một câu đủ để anh vừa chính đáng¹ vừa chính thống²: “Ở đây đẹp hơn điện Tuileries...”. Xa tanh, nhưng, găm vóc, vàng, những đồ mỹ thuật, nhiều vô kể làm Gazonal chăm chú ngắm xem, không trông thấy Jenny Cadine trong bộ trang phục khiến người ta phải kính nể, đứng nấp sau Carabine vừa theo dõi ông ta đi vào, vừa nói chuyện với Carabine.

– Bạn yêu quý! Léon nói với Carabine, tôi xin giới thiệu đây là ông anh họ tôi, nhà sản xuất; sáng nay anh vừa từ vùng Pyrénées lên chỗ tôi. Anh ấy còn lạ lắm với Paris và cần sự giúp đỡ của

1. *Légitime*: hợp pháp, chính đáng, (đủ thông lệ xã giao).

2. Chỉ sự tranh chấp giữa hai phái đòi quyền nối ngôi vua sau năm 1830 ở Pháp: phái Bourbons ngành trưởng được coi là chính đáng và ngành thứ Orléans. Phái chính thống (*légitimiste*) gồm những người ủng hộ ngành trưởng.

Massol trong một vụ kiện xét xử ở Hội đồng Nhà nước, bởi vậy tôi mạo muội dẫn anh đến đây ăn tối, mong bạn hãy để cho anh ấy được hoàn toàn tỉnh táo...

– Xin theo ý ngài, rượu vẫn đất mà, Carabine nói và đưa mắt nhìn Gazonal từ đầu đến chân, cô thấy ông chẳng có gì đáng chú ý.

Gazonal, choáng váng vì những trang phục, những ánh đèn, vì vàng và những lời tán gẫu ở các nhóm người mà ông tưởng là họ đang chú ý đến mình, chỉ lắp bắp được mấy tiếng:

“Bà... bà... rất tốt ạ”

– Ông sản xuất gì đấy? Nữ chủ nhân mỉm cười hỏi Gazonal.

Bixiou ghé vào tai Gazonal nhắc:

– Hàng ren, và hãy biểu bà ta các tấm mạng...

– Ren... Reng... ren...

– Ông chữa răng à! Ngày Cadine, một nha sĩ, em bị *đánh cắp* rồi nhé, cô em.

– Hàng ren ạ... Gazonal nói tiếp và hiểu rằng ăn thế này là phải trả tiền đây, ông liền bảo: Tôi sẽ rất sung sướng được biểu bà một áo dài, một khăn quàng, một khăn trùm là các sản phẩm của xưởng tôi.

– A! Những ba thứ kia à? Thế thì ông dễ thương hơn tôi tưởng đấy, Carabine đáp lời.

Nhìn thấy Jenny Cardine, Gazonal vừa đến chào cô vừa tự nhủ: “Paris đã tóm mình giữa hai gọng kìm!”.

Nữ diễn viên hỏi ông:

– Còn em, em sẽ được gì nào?

– Thì... cả gia tài tôi, Gazonal trả lời, nghĩ rằng cho tất cả nghĩa là chẳng cho gì hết.

Massol, Claude Vignon, Du Tillet, Maxime de Trailles, Nucingen, Du Bruel, Malaga, vợ chồng Gaillard, Vauvinet, một số đông khách đến.

Sau khi hỏi kỹ Gazonal về vụ kiện, Massol chẳng hứa hẹn gì, bảo ông rằng báo cáo còn đang thảo, rằng các công dân có thể tin vào sự sáng suốt và tính độc lập của Hội đồng Nhà nước. Nhận được câu trả lời đàng hoàng và lạnh lùng đó, Gazonal thất vọng thấy cần phải chinh phục nàng Jenny Cadine kiêu diễm mà ông say như điệu đờ. Léon de Lora, Bixiou để mặc nạn nhân của họ trong tay người đàn bà tinh ranh lấu lỉnh nhất của cái giới kỳ cục này, vì Jenny Cadine là địch thủ duy nhất của nàng Déjazet trứ danh.

(Jenny nghĩ về số đồ gỗ ở nhà mình sẽ được thay, nên cố mời Gazonal về nhà chơi.)

Ba hôm sau, Léon và Bixiou không thấy Gazonal đâu nữa bèn đến tìm ông ta ở khách sạn vào quãng hai giờ chiều.

– Này bác, có quyết định của Hội đồng Nhà nước cho bác thắng kiện rồi đây.

– Chao ôi, vô ích chú ạ, Gazonal ngược mắt buồn rầu trả lời, giờ tôi là người cộng hòa rồi...

– Thế là thế nào? Léon nói.

– Tôi chẳng còn gì nữa, ngay cả tiền trả công luật sư của tôi, Jenny Cadine đang có những hối phiếu do tôi ký, trị giá nhiều hơn tài sản của tôi...

– Thực tế là Cadine giá hơi đắt đấy, nhưng...

– Ô! Tôi đã được hưởng đáng với đồng tiền của mình, Gazonal trả lời. A! Đàn bà ra đàn bà! Tỉnh nhỏ không địch được với Paris, tôi rút về La Trappe¹ thôi.

1. La Trappe tức nhà thờ Notre Dame de la Trappe, theo nghĩa rộng là một dòng tu rất khắc khổ, người đi tu chuyên cầu kinh, làm lễ và lao động chân tay.

– Được, anh biết điều đấy! Bixiou nói. Này, anh thừa nhận oai phong của thủ đô chứ?

– Và của tư bản nữa! Léon vừa nói to vừa chìa cho Gazonal số hối phiếu của ông ta.

Gazonal ngậy người nhìn xấp hối phiếu.

– Anh đừng bảo chúng tôi là không biết tiếp khách nhé. Chúng tôi đã giúp cho anh hiểu biết, giúp anh thoát cảnh khốn cùng, đãi anh ăn và... vui chơi..., Bixiou nói.

– Mà lại *miễn phí*, Léon vừa tiếp lời, vừa làm điệu bộ của bọn trẻ lêu lổng khi chúng muốn ám chỉ hành động “thấu cáy”.

PHẠM ĐỨC
tóm tắt và trích dịch

NHỮNG NGƯỜI TIỂU TƯ SẢN (LES PETITS BOURGEOIS)

Balzac viết *Những người tiểu tư sản* từ đầu tháng giêng 1844. Ông viết khá nhanh, câu chuyện đã khá dài, nhưng đến ngày 19 tháng giêng năm đó, ông dừng lại và về sau, không khi nào viết tiếp nữa, tuy vẫn sáng tác thêm một số tiểu thuyết khác.

Đọc truyện, ta rất tiếc là không biết kết cục ra sao, nhưng vẫn thích thú vì thấy được một số mẫu người tiểu tư sản Pháp nửa đầu thế kỷ XIX. Thoạt tiên, tác giả miêu tả gia đình Thuillier và những người giao du với họ. Tiếp đó là sự xuất hiện của nhân vật trung tâm Théodose de la Peyrade, một gã trẻ tuổi, có học, thông minh, giỏi tâm lý, nhưng không chỉ giả đạo đức mà còn vô đạo đức, và những hoạt động của y, liên quan đến gia đình này.

Hai chị em Brigitte Thuillier và Jérôme Thuillier là con một người gác cổng ở Bộ Tài chính. Bố mẹ không có tài sản, hai con đều phải kiếm ăn từ sớm. Jérôme chưa học hết Trung học, do cận thị nặng mà thoát mọi đợt tuyển quân, được bố xin cho vào làm ở bộ. Lười đọc sách, không chịu học hỏi, kiến thức hạn hẹp, chàng chỉ biết vâng lời cấp trên. Dựa vào ưu thế của hình thức bên ngoài – người cao lớn, có mẽ – để được xung quanh, nhất là nữ giới, chú ý, chàng học khiêu vũ và nhảy giỏi, chơi bi-a tuyệt vời, còn hát được vài bản tình ca thời thượng.

Brigitte hơn em bốn tuổi, hơn cả về trí tuệ và nghị lực. Mới mười bốn tuổi, cô đã đến sống biệt lập trên một căn gác xép, chuyên may túi cho Ngân hàng và Kho bạc. Năm 1814, bố mẹ chết cả,

Brigitte nhượng lại công việc may túi, về ở với Jérôme lúc đó hai mươi ba tuổi để chăm lo cho em. Trước mắt cô, Jérôme là chàng trai tuần tú nhất để chế Pháp mà cô sùng bái, nguyện hầu hạ như một tín đồ nguyện xả thân cho thần tượng của mình, sự hy sinh này khiến Jérôme càng thêm ích kỷ. Chọn vợ cho em, Brigitte nhằm người có nhiều cửa hồi môn: Modeste, con gái độc nhất của một nhân viên Ngân hàng kỳ cựu, được thừa kế cả bố và mẹ, vì mẹ cũng là con gái độc nhất của ông ngoại. Brigitte năng động, tháo vát, quản lý toàn bộ tài sản, chi li dè sẻn, tính toán cho vay lấy lãi, khiến vốn riêng của mình và tiền hồi môn của em dẫu ngày một tăng.

Cô em dâu hiền lành, yếu đuối, chậm chạp, ngay sau ngày cưới đã bị bà chị áp chế, hành hạ, luôn mắng mỏ là đồ bị thụt. Kết hôn sáu năm vẫn vô sinh, cô lại bị nhiếc là đồ vô tích sự, nhiều lúc phát khóc vì tủi thân. Đôi lần Thuillier cũng trách bà chị, nhưng chỉ vì ích kỷ muốn được yên ổn trong thời gian ngắn ngủi ở gia đình. Bởi Thuillier tuần tú vắng mặt suốt ngày, thường chỉ ghé qua nhà ăn tối, rồi lại ra đi vui chơi với bạn bè, đến khuya mới về ngủ.

Cách mạng 1830 lật đổ ngành trưởng, đưa ngành thứ lên cầm quyền. Sau hai mươi lăm năm ngoan ngoãn, phục tùng, Thuillier vừa được đề bạt phó phòng thì buộc phải về hưu. Sợ em bị hụt hẫng vì cảnh nhàn rỗi, bà chị bèn tậu một ngôi nhà khá lớn ở khu phố khác, vừa để ở, vừa cho thuê, khiến Thuillier bận rộn được một năm trời với các việc mua bán, sửa sang, di chuyển... Hai người thuê nhà được lòng bà chủ nhất là Métivier nhà buôn giấy kiêm môi giới, và Barbet nhà buôn sách kiêm làm chiết khấu. Do trả tiền nhà đúng hạn, đầy đủ, họ được gia đình Thuillier “coi là những người rất lương thiện”.

Năm 1839, Modeste Thuillier đã bốn mươi sáu tuổi, hết hy vọng về đường con cái. Sau hai mươi lăm năm chung sống, giữa bạo chúa Brigitte và người em dâu nô lệ, dần hình thành một thứ tình cảm, một kiểu gắn bó. Có thể thái độ nhẫn nhục chịu đựng của Modeste khiến Brigitte chán, không thiết hành hạ nữa. Có thể do họ

cùng chung niềm tôn thờ Thuillier tuần tú, chung nỗi ước ao tìm một đứa con để yêu thương và truyền lại tài sản, cũng có thể do cuộc sống ngày một khá giả. Một biểu hiện của sự khá giả này là họ bắt đầu mở phòng khách, thường kỳ tiếp đãi bạn bè. “Đó là một loại phòng khách tỉnh lẻ, nhưng được ánh phản chiếu từ đám cháy liên miên của Paris rọi sáng: sự tâm thương của nó, những điều vô vị của nó đi theo dòng thác thời đại”.

Nòng cốt của phòng khách là gia đình Colleville, bạn thân của Thuillier và cũng là viên chức. Khác Thuillier, vào khoảng năm 1815, Colleville kết hôn vì tình yêu với Flavie, con hoang một vũ nữ nổi tiếng. Flavie có vẻ đẹp sắc sảo, thông minh, tính tình thoải mái. Bà làm ra vẻ một phụ nữ lịch sự, sống thời thượng, một đạo cũng hàng tuần tiếp đãi bạn bè. Tuy ông chồng ngoài công việc ở Bộ, còn nhận sổ sách làm thêm vào buổi sáng và thổi kèn hautbois ở rạp Opéra vào buổi tối, thu nhập vẫn không đủ tiêu. Nhưng bà Colleville không nợ nần một ai, và tất cả những lời chỉ trích bà chỉ tóm gọn trong câu: “Bà ấy làm đom chút xíu thôi mà!”. Từ 1816 đến 1825, bà sinh được năm con. Riêng đứa con trai đầu lòng là chân dung sống động của ông chồng, còn những đứa sau đều ra đời vào thời điểm mẹ chúng có quan hệ thân tình với những người đàn ông khác nhau. Đặc biệt đứa thứ tư là một bé gái sinh năm 1821, vào thời gian Jérôme Thuillier cưới vợ đã sáu năm mà vẫn chưa có con nên thường than thở với Flavie, tìm niềm an ủi... Cô bé được ông bà Thuillier hết sức yêu quý, nhận đỡ đầu và đặt tên là Modeste-Louise-Caroline-Brigitte Colleville. Bà Brigitte còn nói xa nói gần rằng tài sản của vợ chồng Thuillier và của bà sau này sẽ dành cả cho Modeste. Từ 1833 đến 1839, Modeste được giáo dục một cách tuyệt vời theo quan niệm trưởng giả: cô học nhạc, họa, khiêu vũ, Sử, Địa, tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Ý.

Bà Colleville luôn được chồng yêu quý. Colleville to béo, vui tính, thường khôn ngoan giả ngây giả dại và khoe khoang hạnh phúc gia đình mình. Ông thích chơi trò đảo chữ cũng vì muốn mọi người

nghĩ rằng trò chơi này cuốn hút hết tâm trí ông. Năm 1826, Colleville được đề bạt phó phòng, rồi được thưởng Bắc đẩu bội tinh; đến 1830, cũng như Thuillier, buộc phải từ chức, nhưng may mắn là hai năm sau, lại xin được việc làm ở tòa thị chính.

Nhân vật trọng yếu của phòng khách là Minard, thương gia giàu có nhất khu. Từ một viên chức quèn, năm 1827, Minard bỏ việc, đi vào kỹ nghệ chế biến: thoát tiên làm chè giả bằng cách trộn một nửa chè mới với một nửa bã chè phơi khô, rồi làm chocolat giả... Dần dà, lão vươn sang nhiều sản vật khác của thực dân địa, có nhà máy, kinh doanh lớn và đảng hoàng. Năm 1839, làm quận trưởng, thẩm phán tòa án thương mại, và được Bắc đẩu bội tinh. Minard hạ cố đến nhà Thuillier đều đặn, cốt tìm hiểu số tài sản sẽ về tay Modeste mà ông ta nhằm cho con trai lớn. Cậu này được học hành, là luật sư, xấu hổ vì sự ba hoa rỗng tuếch của ông bố, giống như ông bố xấu hổ vì sự dốt nát của bà vợ xưa là thợ làm hoa giả. Một gia đình khác cũng thường xuyên có mặt, với cùng một ý đồ, là gia đình ông Phellion, viên chức về hưu, cựu chỉ huy Quốc dân quân, có uy tín trong quận, “mẫu mực của người tiểu tư sản, có bao nhiêu đức tính thì cũng có chừng ấy điều lố bịch tức cười”. Cậu cả nhà Phellion dạy toán ở trường trung học. Lui tới phòng khách còn có những người thuê nhà: Barbet, Métivier, và kẻ ở thuê trên tầng tư là Dutocq, lục sự tòa Hòa giải, hay dò xét chuyện người khác. Chủ nhà không ưa gã, nhưng gã nịnh bợ để được chấp nhận. Không có gì lạ nếu trong giới giao du bất tài, ít học này, “bà Colleville là người phụ nữ thanh lịch nhất cũng như cậu Minard và thầy giáo Phellion là những người đàn ông ưu việt”.

Mùa đông 1839–1840 là những ngày huy hoàng của phòng khách Thuillier. Vào một buổi tối, khi khách khứa đông đủ, một chàng trai khiến mọi người chú ý vì anh ta nêu lên một vấn đề thời sự và tranh luận hùng hồn. Đó là luật sư Théodose de la Peyrade, ở thuê tầng tư, cũng như Dutocq. Năm 1829, Théodose từ miền Nam đến Paris tìm ông bác nghe đồn rất giàu có, định nhờ vả. Không ngờ

ông bác kiệt xác vừa chết, một người bạn ông ta thương tình cho một trăm louis¹ và khuyên nên đi theo ngành luật. Với số tiền đó, sau ba năm sống kham khổ để học hành, Théodose đỗ cử nhân luật. Vất vả kiếm việc, có thời gian anh ta đã làm ở một toà báo mà người quản lý là Cérizet², một gã xảo quyệt, độc ác. Từng mưu mô và dính líu vào nhiều việc dâm tiện, Cérizet rơi dần xuống bậc thang thấp nhất trong xã hội, hiện hẳn làm thư ký trong phòng lục sự của Dutocq, kết với gã này “giống như con chó săn và người đi săn”. Thời kỳ Théodose thất nghiệp, đói rách, chưa có đăng ký hành nghề, chính Cérizet và Dutocq giúp cho y có áo quần tươm tất, mua được chức nghiệp, song buộc y phải viết mười hồi phiếu, coi như mắc nợ chúng năm mươi nghìn phơ-răng, sau này khi được chúng đẩy lên cao, y sẽ phải thanh toán. Thế là mùa đông năm 1837, Théodose đến ở thuê nhà Thuillier, và nhờ Dutocq tiến cử, y lui tới phòng khách của gia chủ. Sau một thời gian im hơi lặng tiếng tìm hiểu tình hình, tối đó y mới công khai xuất đầu lộ diện, nói năng hoạt bát, tỏ ra mộ đạo và quan tâm đến dân chúng. Mọi người xì xào, một số, trong đó có bố con ông Phellion, cho gã là giả đạo đức, là một Tartuffe. Đặc biệt Colleville đã đảo chữ họ tên gã thành câu “Này! Ông đây sẽ lấy của hồi môn để trả tiền ngỗng và tiền xe...” và khuyên các bà chó gả con gái cho gã.

Théodose đoán biết Colleville có sự tình tường của một nghệ sĩ dở dang, nhận định của ông có thể ảnh hưởng đến mọi người, và y phải hoạt động ráo riết. Trước hết, y nhằm Thuillier, tranh thủ được Thuillier tức là thu phục được chị và vợ, hai người đàn bà cung tận tụy với ông ta. Y đã chạm đúng vết thương vẫn được Thuillier giấu rất kín, đến mức cả bà chị Brigitte cũng không hề hay biết, khi y nhắc đến tám huân chương mà “gã hề Colleville chẳng hiểu vì sao lại có được”. Rồi y hứa sẽ ra sức giúp Thuillier trùng cử

1. 1 louis bằng 20 phơ-răng.

2. Xem Áo tướng tiêu tan, Tấn trò đời, tập 6, Nxb Thế giới, 1999.

vào Hội đồng thành phố, được huân chương. Y nói thẳng là nếu việc thành, sẽ xin cưới con gái đỡ đầu của Thuillier, nhưng trong khi tiến hành vận động, họ cần sử dụng Modeste như một thứ mồi để nhử những đối tượng cần thiết.

Ngay sau đó, Théodose đến nhà ông Phellion để vận động. Vốn chẳng ưa gã, ông nói thẳng là đã đề cử nhà y học Bianchon. Théodose khôn khéo không nài ép, chỉ cho gia đình biết rằng y ủng hộ ý đồ hôn nhân của cậu Phellion, và việc ông Phellion tiến cử Thuillier sẽ rất có lợi cho ý đồ này. Là người trung thực, ông Phellion không thay đổi ý định, tuy đã thay đổi sự đánh giá Théodose. Nhưng bà vợ chẳng để lỡ dịp, lập tức đến vận động Bianchon, nhà khoa học vui mừng vì không phải gánh thêm nhiệm vụ, chẳng những đã sớm sẵn sàng đề cử Thuillier, còn xin Phellion giúp đỡ y. Tiếp đó, Théodose tranh thủ Minard, báo với ông ta rằng Phellion sắp đề cử Thuillier, và xúi ông ta “hót tay trên” công lao ấy, để Thuillier hàm ơn, như vậy cậu Minard sẽ thắng cậu Phellion, giành được Modeste.

Với Flavie Colleville, ngay từ những lần tiếp xúc đầu tiên, Théodose đã tìm cách chinh phục, bằng thái độ nửa nạc nửa mỡ, bằng sự táo tợn, bằng những lời tán tỉnh sắc mùi tiểu thuyết rẻ tiền song đó lại chính là thứ ngôn ngữ của Flavie. Đại để như “Bà đã từng được yêu, nhưng chưa bao giờ được tôn thờ... Tôi là người duy nhất biết được giá trị của bà”. Rồi “tôi yêu bà như yêu một tạo vật hoàn mỹ đang lâm vào tai họa”. Cuối cùng, y trắng trợn xin Flavie gả con gái cho y để y và Flavie có thể sống gần nhau và yêu nhau mãi mãi. Vừa kinh hoàng vừa thích thú, Flavie đã phải rửa y là Satan, là quỷ!

Và trong bữa tiệc tối chủ nhật do nhà Thuillier chiêu đãi, khi Minard tuyên bố sẽ vận động toàn quận mình bầu Thuillier, Phellion xúc động nói rằng tuy ngài quận trưởng đã phát biểu mất điều mà chính ông định đề nghị, song ông sung sướng thấy Thuillier được tín nhiệm và hứa làm cho cả khu vực mình ủng hộ Thuillier.

Flavie hết sức ngạc nhiên thấy Colleville không những tán thành việc trên, mà còn tỏ ra thân mật với Théodose. Thì ra y đã khoác vai nghề sĩ không được giới trưởng giả hiểu và đánh giá đúng, để cùng Colleville chế nhạo đám trưởng giả “tôi là nghề sĩ về nói năng mà”, y giải thích với Flavie như vậy. Thấy em được hoan nghênh, Brigitte quá phấn khởi, đâm hối hận vì đã như thường lệ, bần tiện đãi khách “bữa chè chén của dân gác cổng” chỉ tốn kém bất quá hai chục phơ-răng, và quyết định đến bù bằng hàng đồng hoa quả, đồ tráng miệng và hàng chục chai rượu quý cất kỹ trong hầm nhà.

Ít lâu sau bữa tiệc vận động đáng nhớ, các cử tri đi bầu, Thuillier trúng cử với đa số tuyệt đối, và ngày 1 tháng Năm, ông ta vô cùng đắc ý được đi sau Minard trong đoàn đại biểu Hội đồng thành phố, đến điện Tuileries chúc mừng Nhà vua nhân ngày lễ của Ngài.

Cũng trong thời gian này, Cérizet và Dutocq đề xuất cho Théodose một vụ làm ăn mới, nhằm thúc đẩy cuộc hôn nhân với Modeste, để y có tiền trả nợ chúng: do nhà thầu bị phá sản, một số tòa nhà xây dựng dở dang sắp được bán đấu giá cực rẻ để thanh toán cho các chủ nợ. Một công chứng viên từng chung lưng với nhà thầu muốn giữ cho mình ngôi nhà, nhưng không có tư cách mua bởi đã khai phá sản, bèn nhờ Claparon, đồng hội cũ của Cérizet, tìm thêm một người nữa cùng đứng tên để mua hộ ông ta. Người này, theo mưu mô của Cérizet, sẽ là Brigitte Thuillier, do Théodose mách mối, nhưng sẽ mua thật, nghĩa là Claparon và viên công chứng bị lừa, nhà Thuillier được lợi lớn, còn Théodose có công to với họ. Sau khi tìm hiểu tình hình, Théodose cho đồng bọn biết là theo luật, viên công chứng có thể nhờ một chủ nợ có đăng ký đứng ra nâng giá để mua cho kỳ được, vậy phải làm ông ta mất cảnh giác cho đến khi hết thời hạn nâng giá. Cérizet quyết định giao việc đó cho Claparon, trả công mười lăm ngàn phơ-răng, số tiền này Théodose phải lấy ở Brigitte. Trong những cuộc gặp gỡ, bàn bạc mưu mô, Dutocq và Cérizet bắt đầu ngại Théodose vì thấy y quá cao tay, chắc sẽ không ngoan ngoãn để họ điều khiển như trước. Còn

Théodose, ở vị trí hiện tại, rất muốn rũ đi được bọn chung lưng đê tiện, y cảm thấy những ân nhân cũ như vết bùn in dấu vào mình. Cả ba kẻ đều đề phòng lẫn nhau.

Và cuộc đấu giữa Cérizet với Théodose bắt đầu. Cérizet quỳ quệt ra tay trước; thoạt tiên y tìm cách gạt hai đầu mối chính: làm cho viên công chứng bị chủ nợ bắt, làm cho ông ta tưởng Claparon phản bội mình và giận dữ đe dọa tố cáo Claparon. Tên này hoảng hốt, bởi chính gã cũng đang lẩn tránh chủ nợ, Cérizet liền cho gã ít tiền để trốn ra nước ngoài làm ăn. Một mình làm chủ tình thế, Cérizet tìm một chủ nợ nhỏ là Sauvaignou, trả năm trăm phơ-răng để ông ta đứng ra nâng giá. Đồng thời y vẫn đòi ở Théodose số mười lăm ngàn phơ-răng coi như trả công Claparon. Về phía Théodose, thấy thời hạn nâng giá đã hết, chắc mẩm tòa nhà sẽ về tay Thuillier, gã liền đặt điều kiện với Cérizet: đưa thêm mười ngàn phơ-răng, cộng với khoản mười lăm ngàn nợ, để đổi lấy tất cả mười hồi phiếu vay khổng Cérizet và Dutocq, rũ sạch nợ nần. Cérizet đòi thêm, nhưng Théodose tưởng mình nắm đằng chuôi, tỏ ra bất cần. Bấy giờ Cérizet mới cho gã biết việc nâng giá đã được thực hiện và giờ đây, hai mươi lăm ngàn phơ-răng mà gã đề nghị chỉ để bọn Cérizet “nhường” cho Thuillier mua nhà, còn chúng vẫn giữ nguyên mười hồi phiếu, như sợi dây thông lọng quanh cổ Théodose (bởi nếu không thanh toán đúng thời hạn, bị chủ nợ truy tố, tòa án bắt giữ, thì một luật sư coi như thân bại danh liệt).

Giữa cơn điên giận và tuyệt vọng, Théodose chợt nảy ra sáng kiến: gã cùng Thuillier tìm gặp hai vị đại tụng quen với gia đình, nhờ họ mời Sauvaignou đến để thương lượng. Vừa dọa dẫm vừa dỗ dành, sử dụng cả quan hệ “đồng hương” – thấy Sauvaignou là người miền Nam, gã lập tức nói bằng thổ ngữ địa phương – Théodose đã thuyết phục được người chủ nợ hiền lành chịu nhận hơn ba ngàn phơ-răng để rút lui đề nghị nâng giá. Thế là gia đình Thuillier tậu được tòa nhà, với giá cực rẻ. Đến lượt Cérizet chết điếng vì căm tức. Quyết trả thù, y giao năm hồi phiếu phần mình

cho viên đại tụng để sau ba giờ nữa, sẽ chuyển sang Tòa án, tiến hành bắt giữ Théodose. May mắn cho gã này, viên đại tụng vốn quen Thuillier, liền báo cho gã biết thời hạn cấp bách trên. Tuy không một xu dính túi, nhưng lúc này vị trí của gã đã vững chắc trong gia đình Thuillier: ngoài hai vụ bầu cử và mua nhà thắng lợi, việc Thuillier được huân chương cũng sắp thành (nhờ một cô bạn cũ của Flavie, nay là bá tước phu nhân). Bởi thế, đúng như viên đại tụng dự đoán, y trả được đúng hạn hai mươi bảy ngàn sáu trăm tám mươi phơ-răng sáu mươi xăng tim cả tiền nợ và phí tổn.

Hôm sau, Théodose tìm gặp Cérizet. Tên này thừa nhận đôi bên đã độ móng vuốt, chúng có cùng độ cứng, cùng chiều dài, cùng sức mạnh. Và một lần nữa, hai đối thủ mặc cả với nhau. Cérizet đồng ý biến khỏi đường đời của Théodose nếu gã này vận động được gia đình Thuillier để y làm người thuê chính tòa nhà mới tậu, trong mười tám năm (nhiều người chỉ cho thuê lại một số năm đã trở nên giàu có). Théodose đòi thêm một điều: Cérizet phải giúp gã chống Dutocq. Cérizet từ chối; theo y, Théodose thừa sức tự điều đình về những hối phiếu còn lại, Dutocq chẳng đủ tầm cỡ chọi với gã.

Truyện dừng ở đoạn nói về Cérizet cùng mẹ vợ tương lai là bà hàng cá Cardinal tìm đến nơi ở tồi tàn của chú bà ta, một ông lão ốm yếu, nằm đợi chết. Sau khi cho ông uống một chén nước thuốc phiện khiến ông ngủ mê mết, hai người tháo chiếc giường hai đáy của ông và phát hiện bên trong có rất nhiều tiền vàng...

NGUYỄN VĂN ĐOAN
tóm tắt

MẶT TRÁI CỦA LỊCH SỬ HIỆN ĐẠI (*L'ENVERS DE L'HISTOIRE CONTEMPORAINE*)

ĐOẠN I – BÀ DE LA CHANTERIE

Godefroid xuất thân từ một gia đình buôn bán nhỏ ở Paris. Nhờ căn cơ, tần tiện, bố mẹ chàng có được một tài sản nhỏ và chỉ mong ước con mình sau này làm được một công chứng viên. Nhưng ít tài, thiếu cố gắng, chàng không thành công chứng viên. Chuyển sang viết văn, rồi làm báo, chàng cũng không được ai chú ý; đã thế, lại đua đòi ăn chơi, nên nợ nần nhiều. Bố chết, bà mẹ thấy con đã hai mươi tám tuổi, có ý muốn cưới vợ cho chàng. Nhưng sau một năm tìm hiểu con gái một nhà buôn già, Godefroid bị khước từ. Rồi mẹ chàng cũng qua đời. Gặp lại một bạn học cũ đã thành đạt chỉ do cần cù, kiên nhẫn, Godefroid quyết định theo gương bạn. Nghĩ rằng cần sống biệt lập, tiêu xài ít để có thể trả được hết nợ, một buổi sáng xem báo, chàng để ý đến thông báo sau đây:

Căn hộ nhỏ cho thuê, bảy mươi phơ-răng một tháng. Muốn có một người thuê nhà sống êm ả. Có đồ đạc và ăn uống với giá phải chăng.

Xin mời đến phố Chanoinesse, cạnh nhà thờ Notre-Dame.

Thế là một buổi chiều tháng Chín 1836, Godefroid tìm đến địa chỉ trên.

Đó là một ngôi nhà cổ, nhiều tầng, được gọi là tư dinh De la Chanterie, nhưng với vẻ yên tĩnh khác thường, nó phải được gọi là một tu viện mới đúng.

Trong khi đợi bà De La Chanterie, chủ nhà, cho người quét dọn và trang bị đồ đạc cho căn hộ chàng thuê, Godefroid đến ngân hàng Mongenod, một ngân hàng được tiếng là đứng đắn, để gửi ít tiền còn lại. Chàng gặp bà chủ nhà ở đây và tình cờ được biết bà đến để nghị ứng một trăm nghìn phơ-răng và tài khoản của bà lên tới một triệu sáu trăm nghìn phơ-răng.

Sau khi chuyển đến nơi ở thuê, chàng lại chứng kiến một việc khó hiểu khác. Hôm ấy, ăn xong bữa trưa đầu tiên cùng với bà chủ và bốn ông già trọ trong nhà, Godefroid thấy bà phân công cho bốn ông đi làm việc gì đó ở bốn khu vực khác nhau. Những ngày sau đó, chàng còn thấy có nhiều người lạ ra, vào, đem đi, hoặc đem đến những món tiền khá lớn.

Một điều khiến chàng ngạc nhiên nữa là cả bốn ông già trong nhà và chị Manon, người giúp việc, đều kính cẩn gọi bà De La Chanterie là quý bà.

Hỏi tên bốn ông già, Godefroid được quý bà cho biết: người trông có vẻ uy nghiêm, khắc khổ là tu sĩ De Vèze; ông già đôn hậu, vui tính là ông Alain; người cao và gầy là ông Nicolas, nguyên đại tá hiến binh; và người tầm thước, hơi đầy là ông Joseph, nguyên ủy viên Pháp viện hoàng gia. Bà còn nói trong giới thượng lưu trước kia, ông Nicolas còn được gọi là hầu tước De Montauran và ông Joseph là nam tước De Tresnes. Godefroid sửng sốt, vì đó là hai tên tuổi lừng lẫy thời Trùng hưng chàng đã được nghe nhiều người nói đến. Chàng càng ngạc nhiên hơn khi thấy hai ông như không còn nhớ, hoặc không muốn nhớ mình từng là ai trong dĩ vãng.

Sau khi mấy ông già được phân công đã ra đi, quý bà còn ngồi lại, vừa nói chuyện với chàng, vừa khâu nhanh thoăn thoắt như một thợ may chuyên nghiệp. Thì ra, hồi trẻ, có thời bà đã phải khâu thuê

để kiếm ăn. Bà còn nói bà cũng như tất cả những người sống trong nhà này, kể cả chị Manon, đều đã phải trải qua nhiều tai họa, nhiều phong ba bão táp, đến nay chỉ muốn quên tất cả quá khứ đau buồn, sống yên lặng, nguyện hiến mình cho Chúa, phục vụ Thượng đế. Rồi bà đưa cho Godefroid cuốn Nội gương Jésus Christ, dặn chàng mỗi tối đọc kỹ một chương, vì nội dung sách đó là những đơn thuốc hiệu nghiệm chữa trị các bệnh tâm hồn.

Godefroid tò mò muốn tìm hiểu về quá khứ của mọi người trong nhà. Thấy ông Alain có vẻ hiền lành, dễ tính, một buổi tối, chàng lên phòng ông, thử hỏi xem vì sao ông lại vào đây sống như một nhà tu hành.

Ông cho chàng biết: đó là do một niềm hối hận. Và ông kể:

Năm 1798, bấy giờ ông khoảng ba mươi tuổi, một hôm có một người bạn cũ, lâu ngày không gặp, tên là Mongenod (chính là bố để ông Frédéric Mongenod chủ ngân hàng hiện nay) làm ăn sa sút, đến hỏi vay tiền ông để gây dựng lại cơ nghiệp. Ông Alain, thông cảm với người bạn thân hồi còn ít tuổi, đã lấy ngay tiền để dành cho bạn vay một trăm louis¹, không muốn bạn phải biết giấy biên nhận. Nhưng ngay sau đó, biết bạn đang viết kịch bản ca kịch, quan hệ với ca sĩ, nhạc công, diễn viên và nhiều phần tử tấp nham, ông Alain sợ mất nợ nên lại bắt bạn viết giấy biên nhận và hẹn ngày trả cả vốn lẫn lãi. Đến hạn, Mongenod không trả, ông đã oán trách bạn, nguyên rủa bạn. Không ngờ, gần mười tám năm sau, Mongenod đột ngột trở lại nhà ông, cùng vợ và ba con, nói là cách đó mười năm đã từng vượt biển mang tiền về trả bạn, song đang thời chiến, bị bắt giữa đường, may thoát được thân. Nay tình hình ổn định, Mongenod và gia đình trở về đến cảm ơn bạn và trả nợ đầy đủ, cả gốc lẫn lãi. Mongenod còn nói rằng tuy ở xa nhưng lúc nào cũng nhớ đến bạn và luôn luôn dạy các con nhớ đến ân nhân của nhà mình. Vì vậy có

1. 1 louis bằng 20 phơ-răng.

con gái lớn, mới mười bảy tuổi, rất xinh đẹp, đã sẵn sàng trả ơn, lấy bạn của bố làm chồng! Ông Alain cảm động vô cùng, song từ chối vì ông coi con bạn như con mình.

Và vô cùng hối hận vì đã không tin bạn, đã phụ tấm lòng cao cả của bạn, ông hiến mình cho việc thiện.

Thấy ông Alain đã thật thà kể lại câu chuyện đời mình, Godefroid đề nghị ông cho biết về quá khứ của bà De La Chanterie, nhưng ông này cương quyết từ chối.

Cho đến một hôm, ở ngoài phố về, chàng nói tới “hai tên côn đồ hung ác vừa bị tòa xử tử hình và ngày mai sẽ phải lên máy chém...”. Đúng lúc đó, quý bà từ ngoài vào, nghe thấy mấy tiếng đó và gần như ngất đi. Ông Alain thấy đã đến lúc cần cho Godefroid biết về quá khứ của quý bà.

Bà De La Chanterie thuộc dòng họ De Champignelles ở Basse Normandie, năm mười sáu tuổi là một cô gái đẹp cả người lẫn nét. Một nhà quý tộc già bèn hỏi cưới cô cho con trai mình, một thanh niên hai mươi năm tuổi, khỏe mạnh, đẹp trai, song ăn chơi phóng dăng và nợ nần nhiều. Ông hy vọng con trai mình, lấy được vợ hiền, sẽ tu tỉnh lại. Và cô gái đã trở thành bà nam tước De La Chanterie. Bà yêu chồng say mê và sau một năm hạnh phúc, một bé gái ra đời. Nhưng rồi chồng mất việc, người thiếu phụ mới mười bảy tuổi ấy đã phải khâu thuê để nuôi thân mình và con nhỏ. Nền quân chủ bị lật đổ. Chồng bà trở thành một trong những chủ tịch dữ tợn nhất của tòa án cách mạng. Khi Robespierre đổ, chồng bà cũng bị bắt. Bà lặn lội vào tận trại giam, đổi trang phục cho chồng, giúp chồng trốn thoát. Nhưng sau đó, người chồng bỏ đi một thời gian rồi trở về vét hết tiền của vợ để lại đi tiếp, khi ốm gần chết mới quay về, được vợ chăm sóc khỏi bệnh lại bỏ đi cho đến khi bị truy nã, phải trốn về nhà ẩn náu, rồi chết...

Đã khổ vì chồng, bà De La Chanterie còn khổ hơn nữa vì con.

Henriette, con gái độc nhất của bà, là một cô gái xinh xắn mảnh dẻ, song tính nết cứng cỏi như đàn ông và cũng thích phiêu lưu giống bố. Năm 1807, quý bà đã gả cô cho nam tước Bryond des Tour-Minières, được coi như một nhà hoạt động cho phái bảo hoàng, một gã ăn chơi khét tiếng và nợ nần nhiều. Gã kết thân với Rifoël, một thủ lĩnh bảo hoàng đã được đế chế ân xá. Gã đưa bạn về ở nhà mình và khi thấy vợ chịu ảnh hưởng sâu đậm của bạn, gã tìm cách gần bó thêm hai người với nhau, xúi giục họ chống lại đế chế. Rồi mười tám tháng sau ngày cưới, Bryond đột nhiên chia tay với vợ, lẫn vào Paris.

Năm 1808, xảy ra một vụ cướp táo bạo chuyển xe Sở thuế Caen. Kẻ cướp đã lấy được hơn một trăm nghìn phơ-răng. Chưa đầy một tuần lễ, những người tham gia vụ cướp bị truy lùng ráo riết, hầu hết bị bắt. Trong bản cáo trạng khắt nghiệt của nam tước Bourlac, chương lý toà án hình sự đặc biệt, Rifoël bị kết án chỉ đạo âm mưu, tội của Henriette là tham gia tích cực, còn bà De La Chanterie bị buộc tội đồng lõa.

Hai mươi án tử hình được thi hành, Henriette cũng bị kết án tử hình. Bà De la Chanterie thì bị hai mươi năm tội đồ.

Trong đơn xin giảm án cho Henriette, ông đại tụng Bordin vạch rõ vai trò hai mặt bỉ ổi của Bryond. Chính y đã thúc đẩy bạn và vợ tổ chức vũ trang cướp bóc, nhằm lợi dụng chiếm cho cá nhân mình một món tiền lớn. Bị Rifoël và Henriette từ chối (họ thực lòng muốn đoạt tài sản của đế chế trang bị cho lực lượng bảo hoàng); bị chủ nợ thúc bách, hồi môn của vợ đã phung phá hết, y vào Paris đổi họ tên, hoạt động cho cảnh sát của đế chế. Cũng chính y tố cáo vụ âm mưu, theo dõi những người tham gia. Trong khi những người này bị xét xử, buộc tội, thì y vô can, lại còn chiếm gần hai phần ba số tiền cướp được!

Trong khi chờ lên máy chém, Henriette đã dùng cảm và bình tĩnh viết sẵn khoảng hai chục lá thư, đề ngày tháng khác nhau, nhờ

người gửi dẫn cho mẹ trong khoảng hai năm, nói dối là bị ốm, để chuẩn bị từ từ cho bà đón nhận tin cô chết bình thường trong nhà giam. Đến tận 1814 bà mới biết cái chết thật của con gái mình.

Như vậy là bà De La Chanterie đã từng chịu nhiều cay đắng, đau khổ khi làm vợ cũng như khi làm mẹ. Đồng thời bà đã chứng kiến biết bao đau khổ của dân chúng. Vì vậy, sau khi được vương triều Trùng hưng phục hồi lại tài sản và địa vị, bà đã sáng lập Hội đoàn chuyên làm việc thiện.

Và một lời nói, dù bóng gió, đụng chạm đến những vết thương cũ, cũng có thể giết chết bà.

ĐOẠN II – NGƯỜI MỚI THỤ GIÁO

Godefroid sống ở tư dinh De La Chanterie đã được bốn tháng. Chàng đã quen với cuộc sống êm ả, chỉ còn buồn vì chưa được tham gia công việc chung.

Và một tối, chàng gặp ông Alain, nói lên nguyện vọng của mình. Ông bảo mọi người đã đoán biết được điều đó nên đã cử ông làm giám hộ và thầy giáo của chàng.

Sau đây là việc ông giao cho Godefroid:

Chàng sẽ đến một nhà ở phố Notre-Dame Les Champs thuê một buồng để ở và tìm hiểu về một bệnh nhân cùng gia đình đang cư ngụ tại đó và giúp đỡ họ. Nếu cần tiền cứ hỏi ông.

Hôm sau, chàng đến ngay địa chỉ trên. Bà quản gia Vauthier cho biết tầng hai chỉ có ông Bernard ở với người con gái ốm nặng và đứa cháu ngoại, vẫn còn hai buồng bỏ không, chàng có thể thuê được.

Vừa lúc đó, ông Bernard đi đâu về. Đó là một ông già sáu mươi bảy tuổi, nhưng trông già hơn tuổi nhiều, người cao, gầy, mặt hốc hác, mặc bộ dạ đen đã cũ, có nhiều chỗ mạng nham nhở. Ông cho

Godefroid biết: con gái ông tên là Vanda, sinh lần đầu bình thường được một đứa con trai hiện đang ở với ông, nhưng khi sinh lần thứ hai thì con chết, mẹ bị suy nhược, rồi liệt từ nhiều năm nay. Và rất lạ: có thể uốn cong, bẻ gập chân Vanda lại mà nàng không cảm thấy gì hết. Có hồi nàng còn bị điếc và câm, nhưng sáu tháng sau lại nghe và nói được... Đã nhờ bao nhiêu thầy thuốc, tốn bao nhiêu tiền của mà vẫn chưa tìm được căn bệnh. Chồng Vanda rồi đến mẹ nàng đều đã khánh kiệt vì nàng, buồn, ốm mà chết. Gần đây có người mách một thầy thuốc Ba Lan, gốc Do Thái tên là Halpersohn, chữa được nhiều bệnh lạ, nhưng chỉ chữa cho người giàu! Auguste, cháu ngoại ông Bernard đã đến mời, nhưng bác sĩ không tới.

Từ sau khi đến ở đây, Godefroid tìm mọi cách giúp đỡ ông Bernard.

Trời rét, biết ông lo sợ cho người bệnh, chàng đưa củi cho ông dùng. Người bệnh thích hoa đẹp, thích đọc sách, chàng trả tiền hoa, thanh toán tiền thuê sách cho ông.

Cảm động trước cử chỉ của Godefroid, một buổi tối, ông Bernard đã mời chàng sang chơi, thăm con gái ông, điều ông chưa từng làm với ai. Chính bà quản gia Vauthier cũng chưa được nhìn thấy Vanda bao giờ, kể từ khi gia đình ông dọn đến đây.

Vào thăm người bệnh, Godefroid nhận thấy buồng Vanda sang trọng, sạch sẽ, khác hẳn buồng ông Bernard và đứa cháu toàn đồ rẻ tiền và còn nhếch nhác, hôi hám. Ông già đã giấu người bệnh tình trạng nghèo túng, sa sút của mình, dành cho con những gì ngon nhất, đẹp nhất, quý giá nhất.

Godefroid giúp ông tiền để chi vào những việc cấp thiết và mua tặng người bệnh một chiếc accordéon mà nàng đang ao ước.

Biết ông già, trước kia là quan tòa gì đó, hiện nay đang viết, sắp hoàn thành một công trình lấy tên là Tinh thần các đạo luật mới và đang bị chủ nhà là Barbet và tên do thám đặc lực của gã là quản gia Vauthier lợi dụng tìm cách mua rẻ, chàng hứa sẽ nhờ

người tốt bụng giúp ông về việc này. Trước mắt, chàng mời bác sĩ Halpersohn đến khám và chữa bệnh cho Vanda.

Đúng ngày, giờ đã hẹn, ông thầy thuốc Do Thái đến khám bệnh rồi kết luận: “Chữa được!” Hôm đến mời bác sĩ, Godefroid được ông thẳng thắn cho biết trước tiên công khám và tiền công chữa nên hôm nay chàng đã sắp sẵn và đưa tất cả ngay khi ông mới đến. Trước khi ra về, ông Halpersohn cho chàng biết: hiện nay chỉ mình ông có thể giải thoát cho Vanda khỏi căn bệnh hiểm nghèo, nhưng phải đưa nàng đến bệnh xá của ông và phải trả trước tiền phí tổn nằm viện trong ba tháng.

Hai hôm sau, Vanda được đưa đến bệnh xá của Halpersohn và Godefroid trả ngay viện phí ba tháng.

Trước khi chia tay, ông Bernard trao cho Godefroid bản thảo công trình ông vừa hoàn thành. Chàng cầm về tư dinh De La Chanterie, đưa ông Joseph xem. Ông này vừa mở gói ra đã giật mình: tác giả là nam tước Bourlac! Ông bèn bảo Godefroid trả ngay nhà cho mục Vauthier vì phần việc của chàng đã xong, phần còn lại đã có người khác đảm nhiệm.

Từ đó, chàng không biết gì về tình hình gia đình nam tước Bourlac – trước đây vẫn gọi là ông Bernard nữa.

Cho đến một hôm, khoảng tháng Chín 1838, Godefroid đang đi trên đường Champs Elysées thì tình cờ gặp hai mẹ con Vanda. Nàng mừng rỡ, nói là đã khỏi bệnh được mười hôm, cảm ơn chàng và mời chàng về nhà mới. Vừa đi nàng vừa kể:

Một ông cao cao, gầy gầy đã chạy chữa cho bố nàng khi ông già ngã xuống tuyết và bị sốt cao. Cũng chính ông ấy đã trao ba mươi nghìn pho-răng cho tác giả công trình Tinh thần các đạo luật mới. Bố nàng có tiền mới mua được ngôi nhà ba tầng xinh xắn hiện nay.

Ba người về đến nhà. Ông Bourlac ra chào Godefroid, cảm ơn chàng đã giúp đỡ gia đình mình. Giờ đây, ông đã ăn mặc lịch sự, rõ

ra một vị quan tòa. Ông đưa Godefroid xem lá thư của ông cao cao, gây gây để lại trước khi bỏ đi. Trong thư ông nói mình chỉ là phái viên của một bà hảo tâm. Chính bà mới là người giúp gia đình ông Bourlac.

Ông Bourlac yêu cầu Godefroid cho biết bà hảo tâm đó là ai. Chàng đã định không nói, nhưng ông ta cứ van nài mãi, chàng bèn nói như hét lên:

– “Đó là người phụ nữ thánh thiện đã bị ông giam vào ngục tù trong hai mươi hai năm! Ông lại còn bắt đứa con gái đáng thương của bà phải chết trên máy chém!”

Nghe thấy thế, Vanda ngất đi và Godefroid bỏ chạy. Ông Bourlac sai cháu chạy theo để biết địa chỉ ân nhân của mình.

Sáng hôm sau, ông đến tư dinh De La Chanterie, quỳ xuống khóc, xin tha thứ.

Cuối cùng bà De La Chanterie lão đảo xuất hiện và nói lời tha thứ.

Còn Godefroid được kết nạp vào Hội đoàn An ủi.

NGUYỄN VĂN ĐOAN
tóm tắt

MỤC LỤC

Ông anh họ Pons (<i>Le Cousin Pons</i>)	5
Nguyễn Văn Chính giới thiệu và dịch	
Một tay làm ăn kinh doanh (<i>Un homme d'affaires</i>)	359
Nguyễn Thị Thìn tóm tắt và trích dịch	
Một ông hoàng của giới lưu đãng (<i>Un Prince de la Bohême</i>)	363
Nguyễn Thị Thìn tóm tắt và trích dịch	
Gaudissart II	367
Nguyễn Thị Nam tóm tắt và trích dịch	
Những viên chức (<i>Les employés</i>)	369
Phạm Đức tóm tắt và trích dịch	
Những diễn viên không tự biết (<i>Les comédiens sans le savoir</i>)	376
Phạm Đức tóm tắt và trích dịch	
Những người tiểu tư sản (<i>Les petits bourgeois</i>)	384
Nguyễn Văn Đoan tóm tắt	
Mặt trái của lịch sử hiện đại (<i>L'Envers de l'histoire contemporaine</i>)	393
Nguyễn Văn Đoan tóm tắt	

Nhà xuất bản Thế Giới
46 Trần Hưng Đạo, Hà Nội - Việt Nam

Tel : 0084.4. 8253841

Fax : 0084.4. 8269578

E-mail: thegioi@hn.vnn.vn

TẤN TRÒ ĐỜI
(Honoré de Balzac)

Tập 11

Chịu trách nhiệm xuất bản :
MAI LÝ QUẢNG

Biên tập:	PHAN NGỌC HÀ
Bìa:	NGÔ XUÂN KHÔI
Kỹ thuật vi tính:	HOÀNG MINH TÁM
Sửa bản in:	TIỂU KHÊ

In 3.000 bản, khổ 14,5x22 cm, tại xưởng in Nhà xuất bản Thế Giới. Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số: 97-107/XB-QLXB cấp ngày 1/2/2000. In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2001.